Dũng Phan & Vũ Hoàng (Đồng chủ biên)
Nhiều tác giả

UEFA CHAMPIONS LEAGUE

CUP C1 CHÂU ÂU
66 NĂM LỊCH SỬ

NHÀ XUẤT BẢN
HÀ NỘI

THBOOKS

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Số 4 - Tống Duy Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (04) 38252916 – Fax: (04) 39289143

Email: nxbhanoi@yahoo.com.vn

CUP C1 CHÂU ÂU 66 NĂM LỊCH SỬ

Dũng Phan & Vũ Hoàng (Đồng chủ biên),

Nhiều tác giả

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc – Tổng Biên tập Vũ Văn Việt

Biên tập: Đàm Thị Ly

Vẽ bìa: JC Black

Trình bày: Linh Vũ

Sửa bản in: Thanh Thủy

Liên kết xuất bản

Công ty Cổ phần sách TH

NHÀ SÁCH THBOOKS

Địa chỉ: Số 51, Ngõ 441, Đường Lĩnh Nam, P. Lĩnh Nam, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Tel: (84-24)32011882 - 097354.0078

Website: http://thbooks.vn

Fanpage: http://m.facebook.com/THbooks

Mã ISBN: 978-604-55-9383-7

In 5.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Công ty TNHH In Thương mại Thuận Phát. Địa chỉ: Thôn Yên Vĩnh, xã Kim Chung, huyện

Hoài Đức, Hà Nội. Số xác nhận ĐKXB: 1380-2021/CXBIPH/05-106/HN. Quyết định xuất bản số: 886/QĐ-HN ngày 29/4/2021. In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.

Lời nói đầu

Khi cuốn sách này đến tay các bạn, những người hâm mộ bóng đá trên toàn thế giới chỉ còn đếm từng ngày để dõi mắt về Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ và đón xem trận chung kết Champions League mùa giải 2020-21.

Istanbul là một địa danh không thể nào quên với những tín đồ của Cup C1/Champions League. Vào ngày 25-05-2005, nơi đây đã chứng kiến trận chung kết giữa AC Milan và Liverpool. Milan dẫn 3-0 sau hiệp 1, nhiều người đã tắt ti vi đi ngủ sau 45 phút, và sáng ngày mai khi mở tin tức lên thì họ thấy tỷ số 3-3, còn Liverpool vô địch sau loạt sút luân lưu. Hai năm sau, trên đất Athen thần thoại, Milan trả hận Liverpool để giành chức vô địch Champions League lần thứ 7. Đấy chính là Champions League, là giá trị Champions League, là nơi mà tất cả những lần tắt ti vi, những lần ngủ quên, sẽ để lại nỗi tiếc nuối vô bờ mỗi sáng mai thức giấc.

Filippo Inzaghi, chân sút huyền thoại của Milan, từng tâm sự: "Khúc nhạc hiệu Champions League là niềm cảm hứng to lớn để tôi ghi bàn." Nhưng không chỉ có Inzaghi gai người khi khúc nhạc *Zadok the Priest* ấy cất lên, mà với nhiều người, tiếng nhạc đó giống như một lời hiệu triệu cho người hâm mộ.

Đấy là một bản thánh ca của bóng đá.

Và cuốn sách này muốn viết về lịch sử của giải đấu vĩ đại đó, kể về 66 năm đã qua, kể về những đội bóng, huấn luyện viên, cầu thủ xuất chúng. Kể với bạn nghe không chỉ câu chuyện vinh quang, mà còn có bi kịch, nước mắt.

Đây không đơn thuần là một cuốn biên niên thuần túy, dù rằng bạn vẫn có thể tìm trong đó cả một dòng chảy 66 năm Cup C1 châu Âu. Đây là một cuốn sách nói lên cái khí phách, cái vĩ đại, cái đặc biệt của giải đấu này. Một giải đấu mà tất cả đều yêu và đều muốn biết vì sao nó tuyệt vời như thế!

Mời bạn đến với những câu chuyện trong cuốn sách này!

THỜI ĐẠI KIM TIỀN

Covid-19

Dũng Phan

Ngày 12-01-2020, truyền thông đưa tin có một bệnh viêm phổi lạ xuất hiện ở Vũ Hán, Trung Quốc. Đấy là một loài thuộc họ coronavirus. Tất cả không ngờ thông tin đơn giản này chỉ là khởi nguồn của bi kịch. 10 giờ sáng ngày 23-01-2020, thành phố Vũ Hán, Trung Quốc chính thức bị phong tỏa với cảnh "nội bất xuất, ngoại bất nhập". Tin tức đem lại một cảm giác chết chóc rợn người, như gợi nhớ về một bộ phim kinh dị nào đó mà chúng ta từng xem. Nhưng mọi thứ chỉ là sự khởi đầu của thương đau…

Tháng 2-2020, COVID-19 bắt đầu vượt đại dương, thâm nhập các nước trên thế giới. Các nước đầu tiên chịu hậu quả là Hàn Quốc, Italia và Iran. Ngày 03-03-2020, New York thông báo phát hiện ca nhiễm COVID-19 đầu tiên. Một tháng sau, số ca nhiễm tăng lên 63.000 ca tại thành phố này. Đấy cũng là lúc bệnh viện quá tải, nhà xác quá tải, và nước Mỹ chìm vào bóng đêm COVID-19. Điều gì đến cũng phải đến, cơn bão COVID-19 thổi vào bóng đá. Chiều 13-3, UEFA ra thông báo, tất cả các trận đấu ở các giải do UEFA phụ trách đều sẽ bị hoãn lại. Ngày 14-03-2020,

Premier League tạm hoãn khi mà Liverpool chỉ còn 2 trận thắng nữa là vô địch ngoại hạng Anh sau 30 năm chờ đợi. Ngày 17-03-2020, Euro 2020 chuyển sang Euro 2021. Tất cả đều hiểu, bóng đá đang ở trong những trang sử sẽ được viết lại, được kể cho đời sau, dẫu rằng nó nhuốm màu buồn.

Ngày 22-03-2020, Champions League đón nhận tin buồn đầu tiên đến từ một trong những người có vai trò nhất định trong lịch sử giải đấu, đó là việc cựu chủ tịch của CLB lừng danh Real Madrid, ngài Lorenzo Sanz qua đời vì COVID-19. Ông là người đem về cho những Madridistas những chiếc Cup bên chiếc ti vi màu. Cái chết của vị chủ tịch đã cùng Real vô địch Champions League vào các năm 1998 và 2000 đưa người ta đến một cảm giác là căn bệnh đang không chừa một ai, dù giàu hay nghèo, dù già hay trẻ, dù vô danh hay nổi tiếng. Đó không phải là tin mất mát đầu tiên cho làng bóng đá thế giới năm 2020; cuối năm, lần lượt Diego Armando Maradona lẫn Paolo Rossi qua đời vì bạo bệnh.

Quay lại mặt trận Champions League, theo Edge Health, hãng chuyên phân tích dữ liệu của Dịch vụ Y tế Quốc gia Anh, cuộc đọ sức giữa Atletico Madrid và Liverpool tại vòng 1/8 Champions League năm đó có liên quan đến 41 trường hợp chết vì COVID-19. Trận đấu này sau được mệnh danh là "trận đấu của tử thần". Champions League bước vào giai đoạn cam go nhất từ ngày thành lập. Bởi cần nhớ cho, thành tựu mà Champions League có được đến từ rất nhiều yếu tố từ luật chơi đến luật chia tiền. Luật chơi có luật bàn thắng sân khách, luật chia tiền chính là chia chiếc bánh tiền bạc cho các CLB tham dự giải bằng tiền bản quyền truyền hình và doanh thu thương mại. Ví dụ, trận chung kết Champions League giữa Real Madrid và Atletico Madrid vào năm 2016 có giá trị 1,6 tỷ USD, tạo ra 350 triệu người xem trực tiếp cùng thời điểm. Ở Champions League, nếu bạn càng vào sâu thì tiền bạn nhận được càng nhiều, và nếu "đồng đội" (ý bảo các CLB trong cùng quốc gia với bạn) mà bị loại sớm thì miếng bánh tiền bạc đó lại được chia cho bạn nhiều hơn. Tóm lại, khi tham gia giải đấu này thì số trận thi đấu sẽ tỉ lệ thuận với số tiền được nhận. Giải đấu tạm dừng thì tiền bản quyền truyền hình đương nhiên không có.

COVID-19 ép Liên đoàn bóng đá châu Âu UEFA vào thế khó, không thể theo luật cũ nhưng không thể không cho Champions League kết thúc (vì mọi hợp đồng thương mại đã ký). Kênh truyền hình BT Sport đã phải trả 1,18 tỷ USD để giành quyền phát sóng Champions League trên lãnh thổ nước Anh tới năm 2021. Không tổ chức đồng nghĩa UEFA phải trả lại 1,18 tỷ USD này cho BT

Sport. Cuối cùng, họ quyết định thông báo Champions League 2019-20 thi đấu trở lại vào ngày 07-08-2020 với thể thức mới là thi đấu trên sân trung lập, còn từ vòng tứ kết trở đi, các đội sẽ thi đấu tập trung tại Bồ Đào Nha và sẽ thi đấu theo thể loại trực tiếp (1 trận). Tất nhiên, các đội sẽ thi đấu trên sân không khán giả. Đấy là những luật chơi mới gần như đã lật đổ hoàn toàn mọi thành trì trong lịch sử 65 năm trước đó của Cup C1/Champions League. Tiền bản quyền truyền hình giảm đi là một phần, trong khi các CLB vốn đã mất nguồn thu lớn từ bán vé, chưa kể các tour du lịch, đồ lưu niệm…

Câu hỏi được đặt ra là nếu như tình hình COVID-19 không có gì cải thiện và các CLB còn tiếp tục thi đấu trên sân không khán giả, thì điều gì sẽ đợi chờ Champions League ở tương lai? Rõ ràng, UEFA không thể không tổ chức giải đấu. Hãy đặt trường hợp ở phía đối tác, những kênh truyền thông và nhà đài đã ký kết các hợp đồng mua bản quyền truyền hình đến các năm 2021-22. Khi các trận đấu tạm dừng, thì họ sẽ chiếu cái gì? Đương nhiên, họ có quyền đơn phương hủy hợp đồng và đòi bồi thường với lý do "thiên tai, dịch bệnh". Rồi UEFA còn ràng buộc với những nhà tài trợ, đơn vị bỏ tiền ra để quảng cáo thương hiệu. Giờ bóng đá đóng băng, Champions League - giải đấu danh giá và cũng "sang chảnh" bậc nhất - mà không làm gì thì các nhà tài trợ sẽ không vừa lòng. Cuối cùng dẫn đến, tất cả đều thi đấu.

Nhưng tổ chức thì lại lâm vào tình trạng gây ra những lịch thi đấu quá tải. Ví dụ như mùa 2020-21 là mùa giải bắt đầu từ tháng 9 mà tháng 5 đã phải kết thúc để còn đợi tháng 6 đón Euro 2021. Lịch thi đấu quá dày đã khiến các cầu thủ mẫn cảm với chấn thương nhiều hơn. Euro 2021 chưa chắc đã chất lượng vì các siêu sao quá tải, còn giải thì khó mà đón đầy đủ các ngôi sao. Cuối cùng, đấy là việc người xem và cầu thủ còn chịu đựng được cảnh những sân bóng không khán giả đến khi nào? Khán giả được mệnh danh là cầu thủ thứ 12. Cho đến thời điểm này, tất cả đều xem bóng trong trạng thái cầm chừng và hy vọng COVID-19 sớm qua. Nhưng giả sử nó không qua mà còn thêm mấy năm câm lặng trên khán đài nữa, thì cảm giác của người hâm mộ cũng sẽ bị mài mòn. Tay vợt Benoit Paire khi bị loại ở vòng một Monte Carlo Masters 2021 đã nói thẳng: "*Monte Carlo bây giờ như cái nghĩa trang. Nó khiến tôi phát chán. Giải đấu này từng hấp dẫn bậc nhất thế giới. Nhưng hãy nhìn xung quanh mà xem, bầu không khí thật buồn tẻ với những hàng ghế trống và ai cũng đeo khẩu trang. Tôi thấy bản thân như kẻ cùng khổ. Những con chuột sẽ rất thích sân đấu này. Tôi chẳng việc gì phải chơi hết mình trong một không gian như vậy. Mọi người nói rằng đây là cuộc sống bình thường. Nhưng với tôi, cuộc sống này thật tệ.*

Điều duy nhất khiến tôi thoải mái là trở về nhà và ném cái khẩu trang vào sọt rác." Champions League sẽ đối diện với tình trạng "mất cảm xúc" chứ không phải "mất tiền". Thách thức với Champions League lúc này chính là tạo nên những trận đấu vẫn nguyên vẹn cảm xúc, hệt như tiếng gầm gào vẫn luôn ở bên.

4 tháng trước khi Champions League 2019-20 khởi tranh trở lại, số ca nhiễm COVID-19 của cả thế giới chạm mốc 2,5 triệu người và gần 200.000 người tử vong. Các nước đóng cửa biên giới, doanh nghiệp đóng cửa, người dân được yêu cầu ở trong nhà. Bây giờ không còn là khủng hoảng bệnh tật mà là khủng hoảng kinh tế với việc thế giới mất đi hàng chục ngàn tỉ USD vì thiệt hại kinh tế. Cuối năm 2020, Ngân hàng Thế giới nhắc tới hậu quả đầu tiên của đại dịch chính là tạo ra một lớp người nghèo mới, trong trường hợp tệ nhất sẽ đẩy 115 triệu người trên thế giới vào cảnh nghèo đói. Hình ảnh các doanh nghiệp báo lỗ, các CLB không mua cầu thủ, cắt giảm lương thưởng và báo cáo tài chính toàn số âm là minh chứng cho điều này. Bởi vậy, cũng không thể không nhắc đến việc, túi tiền của nhà tài trợ đã không còn dồi dào như trước nữa.

Một tháng sau khi Bayern Munich vô địch Champions League 2019-20, số ca tử vong COVID-19 chính thức vượt quá con số 1 triệu trên toàn thế giới. COVID-19 như một bóng ma ám ảnh, cứ lởn vởn xung quanh, quyết không tha cho loài người. Hễ khi nào thấy an toàn một chút là lại xảy ra một cơn sóng đại dịch mới. Vừa mới đón khán giả vào sân được vài trận thì mấy ngày sau lại nghe tin đóng cửa. Vào thời điểm cuốn sách này ra mắt các bạn, thì đợt bùng phát mới đang diễn ra tại Ấn Độ, Thái Lan. Tất cả như nói với bóng đá rằng, các vị cầm cự được bao lâu cho những sân vận động không có khán giả đây? Cho những điều chưa từng có tiền lệ đây?

Thời điểm đó, ý tưởng đổi mới Champions League của UEFA đưa ra vào ngày 03-04-2020 là một điều cần suy nghĩ. Cần nhấn mạnh trước, đây vốn là "sự tự vệ" của UEFA trước việc một nhóm các CLB lớn đòi tách ra để thành lập một giải đấu có tên là "Super League". Nhưng giờ đây, lại đang đưa ra một đường thoát luôn cho cả việc hồi sinh sau COVID-19. Dù rằng nó cũng đang gặp thử thách lớn. Cụ thể là từ năm 2024, Champions League sẽ tăng số đội bóng từ 32 lên 36 đội. Chỉ riêng việc chọn mốc "an toàn" 2024 có thể thấy những người đứng đầu UEFA đánh giá ít nhất là đến thời điểm 2024, tình hình thế giới mới có thể trở lại bình thường, và dịch bệnh đã được ngăn chặn ít nhất là một mùa giải. Luật mới không chia ra các bảng đấu như hiện thời, mà sẽ nhóm 10 CLB

được chọn ngẫu nhiên và được xếp hạng theo vị trí như một giải League để tránh việc Real Madrid, Barcelona, Bayern Munich, Juventus hay PSG chung một bảng. Các đội dự giải sẽ được phân làm 4 nhóm hạt giống và 10 đối thủ của mỗi đội sẽ được rải đều trong 4 nhóm hạt giống này. Theo đó, mỗi đội sẽ đá 10 trận vòng bảng (5 trận sân nhà, 5 trận sân khách), gặp 10 đối thủ khác nhau. Kết thúc giai đoạn vòng bảng, 8 đội đứng đầu sẽ giành vé vào vòng 16 đội, các đội xếp từ hạng 9 đến hạng 24 sẽ đá play-off với nhau để chọn ra 8 cái tên tiếp theo. Khi đủ 16 CLB rồi, thì sẽ đến giai đoạn đấu loại trực tiếp như đang diễn ra hiện nay.

Đương nhiên đây mới là dự thảo và chưa được thông qua. Nhưng có thể thấy rõ được mấy điểm sau. Đầu tiên là việc tăng thêm 4 suất, chia nhóm sẽ đưa số lượng trận đấu nhiều lên (theo thể thức cũ là 125 trận, giờ sẽ tăng lên 225 trận), tức Champions League sẽ kiếm được nhiều tiền hơn từ bản quyền truyền hình. Thứ hai, số lượng 36 đội cũng đưa quy mô giải đấu trở nên bành trướng hơn. Cuối cùng, bằng việc này họ sẽ ép lịch thi đấu cấp CLB ở các giải Vô địch quốc gia dày hơn, thậm chí Champions League từ năm 2024 hệt một chú ngáo ộp đang nuốt đi các giải nhỏ lâu đời ở các quốc gia. HLV Liverpool Jurgen Klopp khi bình luận về thể thức này đã gọi đó là "một trò hề". Nó cho thấy UEFA sẽ đối mặt với nhiều thách thức từ đây đến 2024 nếu thể thức này ra đời.

Về mặt nào đó, giữa cơn bão COVID-19, những người hoạch định cho Champions League vẫn rất tỉnh táo để thuần túy hướng giải đấu đi theo hướng "tư bản", với quan điểm vaccine COVID-19 là chuyện của WHO (Tổ chức Y tế Thế giới), việc tổ chức tiêm phòng và ngăn chặn dịch là chuyện của Chính phủ, còn chuyện của chúng tôi là bóng đá, là phải nghĩ cách tối đa hóa lợi nhuận cho giải đấu danh giá này, bù lại thâm hụt ngân sách mỗi năm lên tới 300 triệu € cho các mùa ảnh hưởng vì COVID-19. Tuy nhiên, vấn đề của Champions League thể thức mới là ở việc tăng số đội, số trận nhưng số tiền chia cho các CLB lại như cũ. Điều này dẫn đến việc nhóm 12 CLB, dẫn đầu là Real Madrid, quyết định ngừng đối thoại mà thực hiện bằng hành động, đấy là "ly khai" khỏi Champions League và lập ra Super League. Một thông tin như đã biết là khiến bóng đá thế giới đảo điên trong những ngày tháng 4/2021. Mọi việc sau đó cũng đã được giải quyết, nhưng nó đặt cho UEFA một câu hỏi: Cải tổ hay là chết? Cải tổ hay tiếp tục chứng kiến những gã khổng lồ khác đòi ra đi?

Lịch sử giải đấu đã đi qua 66 năm, đã có những năm giông bão, đã có những trắc trở, nhưng đã đi những bước tiến kinh ngạc trong 2 thập kỷ trở lại đây. Và như một quy luật cuộc đời, cứ sau màn đêm

là bình minh rực rỡ, sau chiến tranh, dịch bệnh là sự phát triển vượt bậc, và cũng đừng quên sau ánh sáng là bóng đêm. Từ năm 2024, Cup C1 châu Âu đi đến tuổi 70, một độ tuổi lớn để tiếp tục thay đổi, để duy trì sức hút. Đấy là bài toán mà những người hoạch định giải đấu này phải chuẩn bị từ hôm nay để bước qua bóng ma COVID-19. UEFA cần tìm ra lời giải trước sự phản kháng đến từ các CLB lớn đòi những quyền lợi xứng đáng hơn cho vị trí của họ, mà tổ chức vẫn có tiền cho sự phát triển ở các nền bóng đá nghèo, những nền bóng đá nữ, hay như đã nói là sự thâm hụt mỗi năm vì dịch bệnh hoành hành.

Đấy là những thách thức khổng lồ không thể tránh khỏi mà Champions League sẽ phải đối mặt trong thời gian sắp tới.

Sự ra đời của Champions League

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

Champions League - giải đấu quy tụ các ngôi sao hàng đầu thế giới và mang lại giá trị lớn chưa từng có cho những nhà tổ chức. Năm 2006, UEFA chỉ thu về hơn 600 triệu € cho cả mùa giải. Đến năm 2010, con số này đã tăng lên 1 tỷ €. Năm 2016, Champions League vượt qua cột mốc 2 tỷ và theo số liệu thống kê tháng 11-2020, bản quyền giải đấu mang lại cho UEFA tổng cộng 2,82 tỷ € cho mùa giải 2018-19. Với mùa giải 2019-20, hai nhà báo Alex Harvey và Daniel Geey đưa ra tính toán rằng doanh thu của Champions League sẽ là 3,25 tỷ € bất chấp nửa sau rơi vào giai đoạn bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Nhưng sự vĩ đại đầy hào nhoáng ấy không được Liên đoàn bóng đá châu Âu chào đón lúc ban đầu…

Sự ra đời của Champions League

(Nguồn: Dailysabah)

Ngày 16-09-1987, Diego Maradona dẫn đoàn quân Napoli của mình đến Madrid để đối mặt với Real trong trận đấu đầu tiên của CLB tại Cup châu Âu. Vài tháng trước đó, bằng phong độ hủy diệt, siêu sao người Argentina đã giúp Napoli đoạt Scudetto lần đầu trong lịch sử và không có một màn ra mắt ở Cup châu Âu nào đẹp hơn việc đối mặt với CLB vĩ đại nhất của bóng đá thế giới.

Thế nhưng, mỉa mai thay, đó là một trận đấu không có bất cứ khán giả nào đến sân. UEFA do quá lo ngại sự kích động của đám ultra bên phía Real ở 2 trận bán kết gặp Bayern Munich mùa trước, đã quyết định hai đội phải thi đấu trong một sân bóng kín. Và giữa sự mênh mông đến rợn người của sân Bernabeu khổng lồ, trong trận đấu thứ 100 của mình tại Cup châu Âu, Real đánh bại Napoli với tỷ số 2-0 trước khi hòa tiếp 1-1 ở Ý để điền tên mình vào vòng 2. Đó cũng là lúc mà một người đàn ông có ảnh hưởng cực lớn tới bóng đá hiện đại lên tiếng. Tên của ông là Silvio Berlusconi.

Vị Chủ tịch Milan không hề vui vẻ chút nào khi chứng kiến trận đấu diễn ra giữa Real và Napoli. Ông cho rằng thật phi lí nếu duy trì tình trạng bốc thăm ngẫu nhiên của Cup C1, điều sẽ khiến những ứng viên vô địch sớm gặp nhau và buộc phải loại nhau. Lấy chính mùa 1987-88 là bằng chứng khi Real đã phải lần lượt gặp Napoli ở vòng 1, đương kim vô địch Porto ở vòng 2 trước khi gặp tiếp á quân Bayern Munich ở tứ kết. Berlusconi kêu gọi một giải pháp để các đội mạnh không phải đụng nhau quá sớm như thế, thậm chí, họ cần được đá nhiều hơn nữa, thay vì 2 trận là phải ra về chỉ vì phong độ suy giảm trong một đêm nào đó. Như Maradona và Napoli ở ngày 16-09 này chẳng hạn. Những lời kêu gọi của ông nhanh chóng được nhiều ông chủ các CLB lớn khác đồng tình và họ bắt đầu nghĩ về một "siêu giải đấu" nơi những vòng cuối là trận chiến giữa các đội bóng hùng mạnh nhất.

Thật tuyệt nếu điều đó xảy ra!

Tất nhiên, đứng về mặt thương mại, người ta biết rõ rằng nếu các trận chung kết, bán kết hay cả tứ kết nữa diễn ra giữa các CLB như Real, Milan, Bayern, Barcelona, Juventus, MU hay Liverpool thì chắc chắn sẽ thu hút được sự chú ý lớn hơn nhiều những trận cầu như giữa Forest với Malmo hay Aston Villa với Hamburg. Song, luật bốc thăm của Cup C1 suốt hàng chục năm đã khiến hầu như mùa nào cũng có tình trạng các đội mạnh phải "huynh đệ tương tàn" ngay từ những vòng đầu tiên, điển hình là mùa 1979-80 khi nhánh Hamburg gom toàn "ngáo ộp" còn nhánh bên Forest chỉ

gồm những tên tuổi ít tiếng tăm và cuối cùng, đội có lá thăm "thơm" hơn (Forest) lại là đội giành Cup vô địch.

Trong một cuộc phỏng vấn độc quyền của *World Soccer* vào năm 1991, Berlusconi đã chỉ trích mạnh mẽ: "*Thể thức hiện tại của Cup châu Âu là một sự lạc hậu mang tính lịch sử. Doanh thu chẳng có ý nghĩa gì nếu một CLB như Milan bị loại ngay từ vòng đầu tiên. Đó hoàn toàn không phải là một tư duy hiện đại.*" Ông chủ của Milan cũng cho rằng rất phi lí nếu các đội bóng lớn nhất không thường xuyên gặp nhau trong những trận cầu đỉnh cao. Mỗi năm chỉ 5-6 trận như vậy quả là quá ít ỏi và đối với cổ động viên, nó không đủ thỏa mãn đam mê. Nói theo kiểu Beckenbauer thì "*đá thế làm sao mà nâng cao trình độ cho được*"!

Ý tưởng này hoàn toàn phù hợp với suy nghĩ ban đầu của Gabriel Hanot, cha đẻ của Cup châu Âu. Ngay từ khi Cup châu Âu chỉ ở trên mặt giấy, Hanot đã nhận định rằng một giải đấu giữa những đội bóng danh tiếng nhất lục địa sẽ là thỏi nam châm thu hút mọi tầng lớp khán giả. Tuy nhiên, vì nhiều lí do, trong đó chủ yếu là tài chính và sự khó khăn khi di chuyển giữa các quốc gia, ý định ấy đã bị xếp xó trong rất nhiều năm và Hanot đành hài lòng nhìn các đội bóng đá theo thể thức Cup cho đến tận cuối đời.

Để biến ý tưởng thành hiện thực, Berlusconi đã liên hệ với Chủ tịch Real Ramon Mendoza. Khác với người tiền nhiệm kiệt xuất Bernabeu, Mendoza cảm thấy không cần thiết phải thay đổi thể thức. Tại sao phải thay đổi khi Real đã có thành công liên tiếp ở thể thức cũ? Không nản lòng, ông chủ Milan quay sang thuyết phục nhóm các CLB khác và nhận được sự ủng hộ rất lớn của Alex Flynn, một chuyên gia lừng danh về bóng đá. Chính Flynn đã từng trình bày các luận điểm về "siêu giải đấu" tại một hội nghị về thể thao và khi toàn văn được đăng lên tạp chí *Times*, nó bỗng chốc trở thành tâm điểm của giới túc cầu. Ngay lập tức, Berlusconi liên hệ với Flynn và yêu cầu ông lên kế hoạch.

"*Tôi cho rằng siêu giải đấu này phải dựa trên thành tích, truyền thống và khả năng thu hút truyền hình của các đội bóng. Nó phải là một giải đấu dành cho truyền hình. Dự tính của tôi là một giải đấu có khoảng 18 CLB trong đó chắc chắn phải có 2 đội đến từ Anh, Italia và Tây Ban Nha*", Flynn nhớ lại về tình hình lúc ấy. Berlusconi hoàn toàn tán đồng và gửi kế hoạch tới UEFA. Tổ chức bóng đá khổng lồ này không hài lòng khi một gã Chủ tịch CLB lại định làm thay việc của họ. UEFA từ chối và Berlusconi dọa sẽ li khai, đồng thời lôi kéo các đội bóng khác làm theo, để tự xây dựng một "siêu giải đấu" của riêng mình.

Lúc này, đứng trước tình thế nan giải, UEFA cảm thấy rất chông chênh. Họ vừa muốn giữ cấu trúc cổ điển vốn đã kéo dài suốt hơn 30 năm, vừa muốn thỏa mãn yêu sách của các CLB lớn, nhất là khi Chủ tịch Real Mendoza cuối cùng cũng bị thuyết phục và ngả theo phe Berlusconi. Tháng 8-1991, các thành viên UEFA đã nhóm họp và thông qua nghị quyết về việc thay đổi bộ mặt và thể thức của Cup châu Âu theo đề xuất của chính Mendoza và giám đốc thể thao của Rangers Campbell Ogilvie, người là một nhà quản lí xuất chúng và về sau trở thành Chủ tịch Liên đoàn bóng đá Scotland. Thay vì tiến hành theo thể thức Cup, tức đá loại trực tiếp từ đầu đến cuối giải đấu, UEFA quyết định 8 đội lọt vào vòng tứ kết sẽ được chia làm 2 nhóm đấu vòng tròn, chọn ra 2 đội nhất mỗi nhóm để đá trận chung kết. Sự thay đổi này ngay lập tức đã làm gia tăng số trận đấu ở Cup châu Âu. Ở mùa 1990-91, với 31 đội, số trận chỉ là 59. Nhưng ở mùa sau, với 32 đội, con số này đã tăng lên tới 73 trận. UEFA cũng tiến hành hợp tác với TEAM, một đơn vị xây dựng thương hiệu danh tiếng, để chuẩn bị cho giải đấu mới.

UEFA Champions League đã chính thức hình thành.

Huy hiệu danh dự

(Nguồn: Steemit)

Để nhận diện thương hiệu, hình ảnh quả bóng với 8 ngôi sao được công ty Design Bridge thiết kế đã được lựa chọn. Cho đến nay, trải qua gần 30 năm, hình ảnh quả bóng này đã đồng nghĩa với Champions League và là biểu tượng không thể thay thế của giải đấu. 8 ngôi sao trên quả bóng tượng trưng cho 8 CLB đầu tiên thi đấu ở một vòng bảng của Champions League, đó là Marseille, Rangers, Brugge, CSKA Moscow, AC Milan, IFK Goteborg, Porto và

PSV.

Một trong những biểu tượng mới mà UEFA tiếp tục đưa ra chính là Huy hiệu danh dự của giải đấu. Đó là nỗi khát khao của rất nhiều CLB lớn trên khắp châu Âu bởi lẽ không phải đội bóng nào cũng có vinh dự được in nó lên tay áo của mình. Quy định của Huy hiệu danh dự rất đơn giản. Bất cứ CLB nào có đủ 5 lần vô địch Cup châu Âu/Champions League hoặc 3 lần vô địch liên tiếp sẽ được in biểu tượng này kèm theo số lần đoạt Cup lên tay áo bên trái của mình. Quy định bắt đầu có hiệu lực từ mùa giải 2000-01 và 4 đội bóng đầu tiên có được vinh dự là Real Madrid, Ajax Amsterdam, Bayern Munich và AC Milan. Năm 2005, Liverpool là đội bóng thứ 5 đủ điều kiện và đến năm 2015, Barcelona đã ghi tên mình vào danh sách.

Quy định khắt khe trên đã loại bỏ rất nhiều CLB lớn khác không đủ điều kiện. Và vì thế, Huy hiệu danh dự trở thành nỗi thèm khát của mọi đội bóng. Thế nhưng, trong tương lai gần, rất khó để có thêm đội bóng thứ 7 được in Huy hiệu lên tay áo. Bởi lẽ, đội có 4 Cup duy nhất là Ajax thì đã được phép in rồi. Những đội bóng khác ở phía sau chỉ có tối đa 3 lần đoạt Cup, ví dụ như Manchester United hay Inter Milan. Một số CLB khác thậm chí còn ít hơn, chỉ có 2 lần vô địch như Juventus, Porto hay Benfica. Rất khó để các CLB này đoạt thêm 2-3 chiếc Cup Champions League nữa trong vòng vài năm tới. Điều đó đồng nghĩa sẽ vẫn chỉ có 6 đội bóng có Huy hiệu danh dự ở châu Âu trong những mùa bóng tiếp theo.

Biểu tượng danh dự này đã vài lần thay đổi. Ban đầu, hình chiếc Cup được in theo góc nhìn nghiêng với một phần quả bóng được in trong đó. Số lần vô địch được đưa lên trên đỉnh hình chiếc Cup. Tuy nhiên, họa tiết có lẽ hơi rối mắt đã khiến UEFA thay đổi thiết kế và một hình chiếc Cup cách điệu đơn giản được sử dụng cho đến ngày nay, với bên trong trung tâm là số lần mà CLB vô địch.

Bên cạnh Huy hiệu danh dự, biểu tượng của nhà đương kim vô địch cũng được thông qua, theo đó, đội đang giữ Cup cũng có huy hiệu tương tự ở cánh tay áo bên phải, bên trong là số năm họ đoạt Cup. Chelsea chính là CLB vô địch đầu tiên được giữ biểu tượng mới này ở mùa giải 2012-13.

Nhưng không có biểu tượng nào thi vị và lãng mạn hơn bản nhạc của giải đấu, một bản nhạc không chỉ làm các cổ động viên cảm thấy yêu mến Champions League mà còn khiến cho những siêu sao cũng mê đắm theo, từ Zidane, Messi, cho tới Ronaldo. Không ít cầu thủ đã từng thú nhận những nốt nhạc của bài hát khi cất lên

đã làm dòng máu trong người họ thêm rạo rực để lao vào cuộc đua tranh cho danh hiệu danh giá nhất thế giới cấp CLB.

"*Ý tưởng của Champions League là làm cho bóng đá trở nên đẹp hơn và âm nhạc cần phải phản ánh chất lượng đó*", Tony Britten đã nói như vậy về tác phẩm nổi tiếng nhất trong sự nghiệp của ông. Mùa hè năm 1992, Tony đang bận sản xuất âm thanh cho các đoạn quảng cáo truyền hình thì ông nhận được đơn đặt hàng của UEFA muốn ông sáng tác một bài hát và một bản nhạc dành riêng cho giải đấu mới sẽ thành hình vào mùa thu. Lúc ấy, chủ nghĩa hooligan đang làm cho UEFA đau đầu. Mới trước đó vài năm, sự cố Heysel đã đẩy trục bóng đá xoay chuyển và khiến nước Anh bị cấm thi đấu ở châu Âu trong 5 mùa giải liên tiếp. Tham vọng của UEFA lúc này là Champions League sẽ tạo ra một thứ bóng đá đẹp như thuở ban sơ nhưng với chất lượng cao hơn. Tất nhiên, một người ngoại đạo như Tony thì đâu có hiểu mấy về bóng đá. Ông gom một đống các bài ca cổ điển của châu Âu để UEFA lựa chọn một bài có âm hưởng mà họ thích nhất. Cuối cùng, *Zadok the Priest* của nhà soạn nhạc thiên tài George Handel đã được chấm. Tony đã suy nghĩ trong vài tuần để định hình nên bài hát. Ông dự kiến bài hát sẽ gồm những từ thật đơn giản và theo lời UEFA, được hát bằng 3 thứ tiếng chính của tổ chức: tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Đức.

Nếu bạn nghĩ rằng Tony Britten cần nhiều ngày ròng rã để sáng tác thì nhầm to. Ông chỉ mất có vài ngày để viết nên những dòng nhạc và sau đó tới Islington để thu âm. Dàn hợp xướng của Học viện St Martin và Dàn nhạc giao hưởng Hoàng gia Anh là những người đầu tiên biểu diễn tác phẩm này. Ban đầu, UEFA đã giấu rất kĩ bài hát. Họ chỉ đưa ra một vài đoạn demo cho người hâm mộ quen dần. Không ngoài dự đoán, ngay từ khi tác phẩm được cất lên, các cổ động viên đã hoàn toàn bị chinh phục. Trong những năm đầu của Champions League, bản full của bài hát đã được mọi người lùng sục và điều đó càng làm cho nó trở nên nổi tiếng. Cuối cùng, khi toàn bộ bài hát được công khai, nó đã trở thành biểu tượng của giải đấu, biểu tượng nổi tiếng nhất, nổi tiếng hơn cả logo hay bất cứ thứ gì khác. Ví dụ như Gareth Bale từng tâm sự rằng anh lựa chọn đến Real chỉ vì anh khao khát được nghe bài hát trước một trận đấu chính thức, hay Steffan Effenberg nói rằng tóc gáy anh dựng đứng khi phần thu âm được cất lên.

Với tư cách là tác giả bài hát, Tony đã được mời dự khán rất nhiều trận chung kết Champions League. Nhưng không có kỉ niệm nào đẹp hơn trận chung kết năm 2001 tại Milano giữa Bayern Munich và Valencia như ông từng tâm sự. Ở nơi đó, người nhạc sĩ đã trực

tiếp chỉ huy dàn đồng ca của La Scala Milan hát bài hát do chính ông sáng tác, giữa một khung cảnh vĩ đại của hàng vạn người đang thổn thức vì xúc động và cuồng nhiệt vì trận đấu lớn nhất mùa giải sắp sửa diễn ra. Bài hát đã gắn liền với sự phát triển của Champions League như thế và chẳng gì có thể thay thế nó.

UEFA vẫn tôn trọng giữ nguyên logo và bài hát biểu tượng như những ngày đầu. Nhưng về mặt thể thức, họ đã thay đổi rất nhiều để cố gắng làm cho giải đấu hấp dẫn hơn.

Trong giai đoạn đầu, Champions League chỉ có 36 đội tham dự. Nhưng càng ngày, con số đội bóng tụ hội càng đông và phải tiến hành các vòng sơ loại để chọn những CLB mạnh nhất dự vòng bảng. Kể từ mùa 1994-95, thể thức tương tự như ngày nay đã bắt đầu hình thành. Sau những vòng đấu loại, 16 đội mạnh nhất lọt vào giai đoạn đấu bảng. Ở đó, họ được phân thành 4 bảng khác nhau và đấu vòng tròn, chọn ra 2 đội mạnh nhất mỗi bảng vào vòng tứ kết. Thể thức mới mẻ này nhanh chóng thu hút công chúng. Các đội cũng cảm thấy hài lòng khi số trận thi đấu tối thiểu được nâng từ 2 lên 6 trận, đồng nghĩa doanh thu bán vé lẫn bản quyền truyền hình đều tăng thêm.

Champions League không ngừng được mở rộng. Kể từ mùa 1997-98, 8 đội á quân các giải vô địch hàng đầu châu Âu cũng được góp mặt. Giờ đây, giải đấu này không chỉ dành cho "những nhà vô địch" nữa. Sự kiện đó có ý nghĩa vô cùng lớn lao bởi lẽ việc mở rộng cho những đội á quân tham gia, giúp Champions League có thêm những đội rất mạnh khác đua tranh, càng làm giá trị giải đấu tăng lên. Sự thật, các đội á quân ở những giải vô địch lớn như Anh, Tây Ban Nha, Đức hay Italia rõ ràng còn mạnh hơn gần như tất cả các nhà vô địch ở các quốc gia khác. Việc họ có thêm suất tham dự đồng nghĩa sức hút của giải đấu sẽ nhiều hơn và tất nhiên, UEFA lẫn các CLB sẽ kiếm được nhiều tiền hơn.

Tuy vậy, như Alex Flynn từng kết luận, "*Các đội bóng lớn chả bao giờ đủ tiền cả. Vì thế, bạn sẽ không bao giờ làm hài lòng được họ dù bạn có thay đổi thể thức kiểu gì đi chăng nữa.*" Ông đã tiên đoán đúng những gì sẽ xảy ra.

UEFA lần lượt phải chiều theo nhóm các CLB mạnh nhất châu Âu. Kể từ mùa 1999-2000, các quốc gia hùng mạnh như Tây Ban Nha, Anh hay Italia đã có tới 4 đại diện ở vòng bảng Champions League. Chưa dừng lại ở đó, các CLB còn thành lập nhóm G-14 để gây sức ép cho UEFA phải chia sẻ thêm rất nhiều doanh thu từ giải đấu. Đến mùa giải 2019-20, sự nhượng bộ lại tiếp tục khi lần này, 4 giải

đấu lớn nhất là La Liga, Bundesliga, Premier League và Serie A đều chắc chắn có 4 suất cho mỗi nước ở vòng bảng, đồng nghĩa chiếm trọn một nửa số đội bóng tham gia. Việc mở rộng cho các giải đấu lớn đã thu hẹp khả năng góp mặt của các giải đấu nhỏ. Ngay cả Hà Lan, quốc gia từng có tới 3 CLB vô địch châu Âu và là cái nôi của rất nhiều cầu thủ xuất chúng, cũng phải để tất cả các đại diện của mình đá sơ loại ở Champions League. Bù lại, như thống kê, UEFA và các đội bóng kiếm bộn tiền và khiến cuộc đua giành suất tham dự ở những giải vô địch quốc gia trở nên vô cùng khốc liệt.

Nhưng điều gì cũng có hai mặt của nó. Các trận đấu tuyệt vời giữa những CLB mạnh nhất châu Âu diễn ra liên tục với tần suất lớn đã khiến các cầu thủ giỏi nhất thế giới phải kiệt sức. Họ vừa phải căng sức ở các trận đấu quốc nội, vừa phải ra sân vào giữa tuần để đá ở Cup châu Âu. Kết quả, những siêu sao này thường hay mất tích khi World Cup và Euro diễn ra. Ví dụ kinh điển nhất là Messi và Cristiano Ronaldo nắm giữ hai vị trí đầu bảng trong danh sách ghi bàn ở Cup châu Âu, song họ chưa từng có nổi 1 bàn thắng tại vòng knock-out World Cup.

Có lẽ, khi thúc đẩy sự thành lập Champions League, các ông chủ CLB đều đã biết rõ rằng điều đó sẽ xảy đến. Nhưng đối với họ, các cầu thủ chỉ là những công cụ để kiếm tiền. Còn với khán giả, hãy luôn nhớ rằng: Mọi thứ trên đời đều là tương đối…

Những khúc cua lịch sử

Vũ Anh Tuấn (Inter club Vietnam)

"Hình thái bóng đá được kết nối qua cấp đội tuyển sẽ mờ dần, thay vào đó cấp CLB sẽ lên ngôi." Trong ngôi biệt thự ở Arcore, phía Bắc Milano, người đàn ông ấy tỏ ra hào hứng khi nói về những viễn cảnh trong tương lai của bóng đá thế giới. Thực tình, cánh báo chí lẫn giới chuyên môn không hề xem trọng những ý kiến như vậy khi cho rằng chẳng qua đấy chỉ là chút cao hứng của ông nhưng ít ai ngờ, phán xét này của Silvio Berlusconi từ thập niên 1980 đã ứng nghiệm. Sân cỏ thế giới đã thay đổi mãi mãi sau khi Cup C1 đổi thành phiên bản UEFA Champions League, giải đấu định nghĩa lại cách bóng đá được vận hành để có quy mô như cỗ máy giải trí cho đến ngày hôm nay.

Ngày 20-02-1986, trang sử của AC Milan bước vào kỷ nguyên hào hùng nhất khi Silvio Berlusconi, ông chủ của đế chế Fininvest xuất hiện để thâu tóm Rossoneri. Nhưng trước khi giúp Milan lột xác, tên tuổi của ông gắn liền với cuộc cách mạng của truyền hình Italia vào thập niên 1970 khi xây dựng hệ thống truyền hình tư nhân đầu tiên. Thành quả mà Berlusconi thu về là cực kỳ vang dội khi đáp ứng đúng thị hiếu khán giả, đó là việc bạn không cần đến rạp hát để nghe một bản nhạc hay chỉ cần ngồi trên ghế sofa để xem derby Milano thay vì chen lấn ở San Siro. Góc nhìn của Berlusconi khi mua lại AC Milan cũng thế, rằng bóng đá phải mang đến chất lượng hàng đầu để bán đi sản phẩm tốt nhất cho người xem.

Ông chủ Fininvest dần nhen nhóm ý tưởng về sân chơi giữa các ông lớn, với nhiều trận đấu diễn ra hàng tuần để trình chiếu qua truyền hình trả tiền. Ngược lại, thể thức của Cup C1 châu Âu lại quá ít các trận đấu khi một đội bóng chỉ có thể tham dự ít nhất 2 trận nếu bị loại ngay từ vòng 1. Rõ là trong đầu của Berlusconi đã hướng về một Super League cho các CLB mạnh nhất, ý định tách khỏi UEFA đã xuất hiện khi ảnh hưởng và sức mạnh tài chính của

đế chế Fininvest đủ sức thổi bay UEFA, tổ chức chủ yếu mang tính đại diện cho bóng đá châu Âu vào thời điểm đó, thay vì tiếng nói có trọng lượng trong mọi quyết sách. Cộng thêm những vết nứt của bóng đá châu Âu suốt thập niên 80 sau thảm họa Heysel khiến các nhà quản lý của UEFA bắt đầu ngẫm nghĩ đến cuộc cách mạng cho sân cỏ Lục Địa Già. Nhưng mọi thứ chỉ bắt đầu sau đại hội của UEFA vào tháng 04-1990, khi Lennart Johansson thay thế ông Jacques Georges giữ chiếc ghế chủ tịch Liên đoàn bóng đá châu Âu.

Lennart Johansson

Bây giờ, nếu ghé thăm sân vận động quốc gia Thụy Điển ở thủ đô Stockholm, bạn sẽ thấy có một căn phòng dành riêng cho ông Lennart Johansson với dòng chữ "*Cha đẻ của Champions League*". Ngay khi lên nắm quyền vào năm 1990, cùng với cánh tay phải là tổng thư ký Gerhard Aigner (người Đức), ông Johansson tiến hành thay đổi vị thế của UEFA từ một tổ chức đơn thuần về quản lý thể thao thành trung tâm của bóng đá châu Âu, trong đó mục tiêu hàng đầu là khuếch trương hình ảnh các giải đấu mà UEFA nắm trong tay. Lợi nhuận là thứ mà Johansson và Aigner muốn kiếm tìm nhằm tái đầu tư cho các nền bóng đá, nhất là thành viên nhỏ trong đại gia đình UEFA.

"*Bóng đá lúc ấy không thể kiếm tiền. Chúng tôi chỉ có 15 triệu Francs Thụy Sĩ trong ngân hàng. Thế rồi có hai người từ một công ty Marketing đến gặp tôi và Aigner. Họ từng làm việc cho ISL (một công ty marketing thể thao). Chúng tôi cảm thấy mình có thể tin tưởng. Cả hai tin là Cup C1 đã lỗi thời và trình bày ý tưởng về Champions*

League cùng với sự trợ giúp của truyền hình và các nhà tài trợ." Ông Lennart Johansson nhớ lại ý tưởng thay đổi toàn diện Cup C1 châu Âu vào năm 2010. Hai người đàn ông mà chủ tịch UEFA nhắc đến là Klaus Hempel và Juegen Lens, những người Đức từng gắn bó với đế chế Adidas của nhà Dassler. Quan điểm của họ là phải tạo ra nhiều trận đấu hơn so với thể thức cũ, vốn bị lu mờ trước Cup C3 (UEFA Cup), bởi trong khi Cup C1 chỉ có duy nhất nhà vô địch quốc gia được góp mặt thì Cup C3 có đến 4 CLB từ các nền bóng đá hùng mạnh tranh tài cao thấp.

Giải pháp mà UEFA mang đến cho Champions League là thể thức thi đấu vòng bảng với cơ số trận đấu đủ để các đội bóng khai thác được khía cạnh bản quyền truyền hình, tài trợ và thương mại. Từ 2 trận đấu tối thiểu mỗi mùa giải theo thể thức loại trực tiếp cũ, bây giờ, nếu vượt qua vòng loại, họ sẽ chắc chắn có trong tay 6 trận đấu ở vòng bảng. Đây quả là một quyết định làm hài lòng những tên tuổi lớn như AC Milan, Olympique Marseille hay Real Madrid… Tuy nhiên, dù mọi thứ có thay đổi như thế nào thì UEFA vẫn giữ quyền tối cao trong mọi quyết sách, và cụm từ UEFA được thêm vào tên gọi Champions League là động thái khẳng định vị thế này. Khác với Cup C1 châu Âu khi mà các đội bóng được tự do đàm phán bản quyền truyền hình, tài trợ, thương mại các trận đấu, ở kỷ nguyên Champions League, UEFA sẽ là đầu mối chính trong việc ký kết với các nhà đài, vận động tài trợ. Xa hơn thế, phạm vi trong và ngoài các sân bóng của các CLB tham dự giải đấu đều thuộc quyền khai thác của UEFA. Trong mùa giải Champions League đầu tiên 1992-93, 23 nhà đài cam kết phát sóng trực tiếp, thực hiện các buổi phỏng vấn, phát highlights, quảng cáo… theo chuẩn mực chung mà Ban tổ chức yêu cầu. Tuy nhiên, bước đi đột phá mà ông Lennart Johansson và các cộng sự đã làm đó là xây dựng kế hoạch marketing cực kỳ bài bản nhằm tạo ra tính nhận diện riêng cho UEFA Champions League. Từ bản nhạc hùng tráng đến biểu tượng quả bóng tròn 8 ngôi sao, tất cả âm thầm len lỏi trong suy nghĩ của người hâm mộ mỗi khi nhắc đến giải đấu vốn đại diện cho thứ bóng đá đẳng cấp hàng đầu.

"*Với Champions League, bóng đá châu Âu có dịp để tự làm mới mình, giải đấu chính là biểu tượng của sự đoàn kết và những ý tưởng cách tân.*" Tổng thư ký Gerhard Aigner nhận định vào tháng 04-1993, trước thềm trận chung kết ở Munich giữa AC Milan và Olympique Marseille, hai quyền lực thâu tóm hầu hết những tên tuổi tài danh của bóng đá thế giới khi ấy. Màn quảng bá tuyệt vời nhất cho tính toán của UEFA về sức hút của giải đấu theo thể thức mới là việc Ban tổ chức đã thu về 70 triệu Francs Thụy Sĩ tiền bản quyền truyền hình. Trong khi tại Cup C1 mùa giải cuối cùng, tổng số tiền

các đội bóng bán riêng lẻ cho các nhà đài chỉ chưa đầy 10 triệu.

Tính cho đến trước khi đại dịch COVID-19 bùng nổ, số tiền mà UEFA thu về từ bản quyền truyền hình Champions League đạt 2,4 tỷ € ở mùa giải 2018-19, qua đó chiếm đến 85% tổng doanh thu giải đấu. Chi tiết khiến giới quan sát cho rằng, UEFA quá thành công trong việc định vị sản phẩm của họ nằm ở phân khúc cao cấp, sang trọng. Như ông Aigner từng nói, việc thay đổi từ Cup C1 sang Champions League không chỉ là nâng cấp về tên gọi đơn thuần mà hơn cả, chất lượng các trận đấu tạo ra thực sự định nghĩa lại cách thưởng thức bóng đá của người hâm mộ, sự quan tâm từ các thương hiệu lớn và là hình mẫu cho phần còn lại của sân cỏ thế giới dõi theo với những phiên bản "Champions League" châu Á, châu Phi, CONCACAF... Để tạo ra thứ sản phẩm tốt nhất, UEFA biến sân chơi từng thua cả Cup C3 ngày nào trở thành sân khấu của những quyền lực bóng đá lớn nhất hành tinh. Trong đó, tầm nhìn của Lennart Johansson và những nhà tổ chức đã đi trước thời đại về cơ cấu chi thưởng. Vậy khác biệt ấy nằm ở đâu?

Kết thúc mùa giải Champions League 2019-20, tổng doanh thu mà UEFA công bố ước tính đạt 3,25 tỷ €. Trong đó, 1,95 tỷ € được phân bổ cho các CLB tham dự giải đấu với công thức như sau.

• 25% phí tham dự giải đấu (488 triệu)

• 30% thành tích trên sân (585 triệu)

• 30% bảng xếp hạng 5 năm của UEFA (585 triệu)

• 15% theo thị trường truyền hình (292 triệu)

Đây là bốn thành tố tạo nên số tiền thưởng thu về cho những Barcelona, Real Madrid, Bayern Munich, Liverpool… sau mỗi mùa giải Champions League. Như tác giả Andrea Vieli của cuốn sách *60 năm ra đời UEFA*, đây là bốn gạch nối tạo nên vòng tròn lợi ích cho UEFA và các CLB nhằm đảm bảo gìn giữ tính cạnh tranh, bản sắc lẫn khí chất khác biệt mà giải đấu mang lại. Dựa vào cơ cấu ở trên, chúng ta thấy giá trị truyền thống của một đội bóng được UEFA tôn trọng ra sao khi có tỷ lệ ngang ngửa với thành tích trong mùa giải đó, nghĩa là 2 CLB nếu cùng tiến sâu như nhau thì một đội bóng lớn luôn vượt lên về số tiền kiếm được. Thậm chí, ngay cả khi họ dừng bước sớm hơn, cũng chưa chắc thua kém đội bóng nhỏ về con số nhận được. Minh chứng nằm ở mùa giải 2019-20, Atalanta dù lọt đến tứ kết Champions League nhưng vẫn thua xa Juventus (dừng bước tại vòng 1/8) về doanh thu tại châu Âu khi

Bianconeri nhận được gần 30 triệu € tiền "vị thế" trên bảng xếp hạng 5 năm, vượt xa con số 3,3 triệu € mà thầy trò Gasperini có được.

Bước đi làm hài lòng những tên tuổi lớn vốn bị mất niềm tin nghiêm trọng sau quyết định "cào bằng" Champions League vào năm 2007 của cựu chủ tịch Michel Platini nhưng đồng thời, UEFA cũng cảnh báo Real Madrid, Barcelona, Manchester United... rằng họ phải gồng mình chiến đấu để bảo vệ vị thế mà lịch sử từng ghi nhận nếu không muốn bị lãng quên như những AC Milan, Arsenal hay Ajax. Chiến lược này khiến mùa giải nào cũng chứng kiến sự ganh đua quyết liệt giữa các đội bóng khi không một trận đấu nào ở Champions League là vô nghĩa, bởi chúng đều được quy đổi thành tiền bạc và điểm số trên bảng xếp hạng 5 năm.

Sự so kè khốc liệt ấy trực tiếp khiến yếu tố bất ngờ tại Champions League dần biến mất để nhường chỗ cho tiếng nói của các tên tuổi lớn. Bởi đã qua rồi cái thời mà những Steaua Bucarest, Sao Đỏ Belgarde, PSV Eindhoven, Nottingham Forest... thi nhau làm nên các cơn địa chấn, Champions League ngày nay là sân khấu riêng của những siêu CLB phô diễn sức mạnh. Để làm thay đổi dòng chảy lịch sử ấy, có một biến cố đã xuất hiện nhằm định vị lại bức tranh tổng thể của bóng đá châu Âu và thế giới.

Ngày 15-12-1995, Tòa án Tư pháp châu Âu ra phán quyết chiến thắng cho Jean Marc Bosman sau tranh chấp với CLB chủ quản RFC Liege (Bỉ) về quyền được tự do tìm kiếm bến đỗ mới sau khi hợp đồng giữa đôi bên đáo hạn. Sử sách gọi phán quyết này là "luật Bosman" và xem đây là cột mốc đánh dấu màn trỗi dậy về quyền lực của giới cầu thủ khi đối diện với đội bóng chủ quản. Một cách trực tiếp, họ được phép nói chuyện với bất cứ CLB nào 6 tháng trước khi mãn hạn hợp đồng nhưng xa hơn, hệ quả của "luật Bosman" âm thầm gia tăng quyền lực cho các tên tuổi lớn khi giật sập đổ bức tường "3+2", chi tiết ít được nhắc đến trong sự kiện này vốn từng là thành trì bảo vệ những đội bóng nhỏ bấy lâu, đặc điểm giữ cho bóng đá châu Âu nói chung và Cup C1 nói riêng có những khoảnh khắc bất ngờ.

Cụ thể, thì quy định "3+2" của UEFA chỉ cho phép mỗi CLB tham dự Cup châu Âu không được dùng quá 5 ngoại binh, trong đó bắt buộc 2 cầu thủ phải trải qua hệ thống đào tạo trẻ. Đây là rào cản khiến các đội bóng lớn phải tính toán thật kỹ cho suất ngoại binh trong đội hình, khi tiền bạc chưa chắc là yếu tố quyết định thành bại của một CLB. Ví như AC Milan chẳng hạn, năm 1987, họ chiêu mộ tiền vệ Claudio Borghi (Argentina) và sau đó ít lâu là Frank

Rijkaard trong khi đã có sẵn hai siêu sao Marco Van Basten và Ruud Gullit. Chính nguyên tắc "3+2" buộc ông chủ Silvio Berlusconi tiếc nuối nhìn Borghi chuyển sang Neuchatel Zamax (Thụy Sĩ) nhằm giữ lại Rijkaard, dù tài năng của tiền vệ người Argentina được ví von chỉ xếp sau Diego Maradona ở xứ Tango.

"*Bây giờ thì nhóm khoảng 25 CLB mạnh nhất chi ra những số tiền chuyển nhượng khổng lồ mà các đội bóng nhỏ không thể với tới. Họ bỏ xa phần còn lại bởi chênh lệch giữa các đội bóng là quá lớn để san lấp. Đó hoàn toàn không phải là đích đến của luật Bosman.*" Ngay bản thân nhân vật chính của sự kiện phải thừa nhận điều này trong khi Tổng thư ký UEFA Lars Christer Olsson nói hồi năm 2005 rằng, sự phân tầng trong quần thể "xã hội bóng đá" ngày càng rõ rệt khi người giàu thì ngày càng giàu hơn, còn những kẻ nghèo hèn bị đẩy xa khỏi danh vọng.

Thực tiễn đã chứng minh điều này, khi Ajax Amsterdam trở thành nạn nhân bị "xâu xé" đầu tiên bởi các ông lớn dù vị thế lúc đó của họ cũng là một thế lực ở Champions League. Nhưng sự thua kém về tiền bạc buộc người Hà Lan phải cay đắng chứng kiến sự ra đi của những tài năng được họ đào tạo như Winston Borgade, Patrick Kluivert, Edgar Davids, Michael Reziger (đến AC Milan), Clarence Seedorf (Sampdoria)… - 7 cầu thủ từng đá chính khi Ajax gặp Juventus ở Vienna tại chung kết Champions League năm 1996. Sự kiện đó như là lời cáo chung cho các thân phận bé nhỏ muốn xây dựng chỗ đứng ở châu Âu khi suốt 25 mùa giải sau đó, những hiện tượng nổi lên sau một mùa giải ngay lập tức bị những ông lớn nuốt chửng các ngôi sao. Ngoài FC Porto năm 2004, 24 nhà vô địch đều đến từ 4 giải đấu mạnh nhất Lục Địa Già, điều chưa từng xảy ra trong 40 năm lịch sử trước đó của sân chơi danh giá này.

Nguy hiểm hơn, dư chấn của "luật Bosman" gián tiếp giúp nhóm các siêu CLB ngày càng tách khỏi quỹ đạo chung của sân cỏ châu Âu, từ những kỷ lục về phí chuyển nhượng, mức lương ngoại hạng cho các siêu sao cùng sức ảnh hưởng lớn về thương mại, mạng xã hội. Sự cộng hưởng của những yếu tố đó khiến bóng đá thu hút sự chú ý của giới tài phiệt ngày càng nhiều, qua đó biến môn thể thao này trở thành ngành công nghiệp "không khói" khi tiềm năng về lợi nhuận là rất lớn. Cho đến một ngày, họ chợt nhận ra mình đủ sức bứt khỏi vòng kiểm soát của UEFA để tự tạo lập một sân chơi riêng và tham vọng bứt phá của giới đầu tư chính là tiền đề đe dọa sự tồn vong của UEFA Champions League.

Super League, tên gọi mô tả siêu giải đấu của những CLB mạnh

nhất châu Âu, có từ khi nào?

Không phải ECA (Hiệp hội các CLB châu Âu) hay nhóm G-14 (Nhóm 14 CLB hàng đầu châu Âu), thì… UEFA mới là tổ chức đầu tiên nghĩ đến việc thành lập giải đấu cho các CLB mạnh theo thể thức "League". Đó là vào tháng 11-1977, đại diện các liên đoàn bóng đá, CLB và UEFA đã gặp gỡ ở London để phác thảo ý tưởng mở rộng Cup C3 châu Âu (UEFA Cup) thành một European League, nhưng vướng mắc nằm ở chỗ, nếu giải đấu này diễn ra sẽ ảnh hưởng lớn đến vị thế các giải đấu quốc nội. Vì lẽ đó, nó mãi chỉ tồn tại như là ý tưởng đầu tiên về một siêu giải đấu. Nhưng 4 năm sau ngày luật Bosman ra đời, sự xuất hiện lần lượt của các tổ chức như G-14 (năm 2000), ECA (năm 2008) mở ra hướng đi mới cho các CLB khi họ âm thầm tích lũy đủ quyền lực để nói chuyện với UEFA.

Năm 2003, khái niệm "Super League" chính thức xuất hiện khi G-14 có phản ứng đầu tiên sau khi UEFA quyết định loại bỏ vòng bảng thứ hai ở Champions League, bước đi khiến các tên tuổi lớn mất những 4 trận đấu mà lẽ ra họ có thể nhận thêm tiền bản quyền truyền hình. Mùa giải 2006-07, một dự thảo nghiêm túc về Super League được giới thiệu như lời tuyên chiến từ các CLB với UEFA. Cho đến khi ECA ra đời vào năm 2008 để mở rộng tầm ảnh hưởng hơn nữa từ G-14, thì tiếng nói từ 232 CLB trên khắp châu Âu quả là có sức nặng đáng nể khi đại diện của họ góp mặt trong mọi ủy ban điều hành, tổ chức các giải đấu… của UEFA. Dự án thất bại của Michel Platini khi muốn ưu ái các nền bóng đá nhỏ là minh chứng sống động cho quyền lực mềm mà các CLB mạnh sở hữu. Nhưng như thế vẫn là chưa đủ, sự ập đến của đại dịch COVID khiến các đội bóng bỗng chốc lâm nguy về kinh tế khi thiệt hại được ghi nhận tại 20 CLB hàng đầu châu Âu lên đến hơn 1 tỷ euro. Sau nhiều năm im ắng, dự án "Super League" lại được tái khởi động nhưng theo cách ít ai ngờ nhất.

Chiều tối ngày 18-04-2021, khi trái bóng đang lăn ở khắp các sân cỏ châu Âu thì tờ *The Times* (Anh) hé lộ tin tức chấn động, rằng nhóm "Big Six" của Premier League đồng ý gia nhập một giải đấu ly khai với tên gọi "European Super League" (ESL). Sự nghiêm trọng của vấn đề được thể hiện khi UEFA ra thông cáo khẩn mô tả tính bất hợp pháp và tham lam của các ông chủ. Trên *SkySport* (Anh), trận đấu giữa Manchester United và Burnley bỗng trở thành nơi để cựu đội trưởng Gary Neville trút tất cả sự căm phẫn lên quyết định thành lập ESL khi gọi giải đấu này là trò hề. Không lâu sau, danh tính của 12 thành viên sáng lập ESL được phơi bày, khi họ xác nhận gia nhập giải đấu hoàn toàn mới. Hơn 66 năm sau

ngày Cup C1 ra đời, bóng đá châu Âu mới đứng trước cuộc khủng hoảng nặng nề đến thế. Vậy mô hình "European Super League" là gì và tại sao người châu Âu bác bỏ sự tồn tại của giải đấu này?

Nhóm 12 CLB sáng lập viên của ESL gồm: Manchester United, Manchester City, Liverpool, Chelsea, Arsenal, Tottenham Hotspur, Inter, AC Milan, Juventus, Real Madrid, Barcelona, Atletico Madrid - nhóm các siêu CLB sở hữu đến 99 chiếc Cup châu Âu. Như *New York Times* mô tả, ESL là giải đấu khép kín với 20 CLB thi đấu theo thể thức mô hình Franchise (nhượng quyền) nổi tiếng ở NBA (bóng rổ), NFL (bóng đá Mỹ). Sẽ không có lên xuống hạng ở sân chơi này và 12 sáng lập viên luôn có mặt bất chấp thành tích ra sao ở giải vô địch quốc gia. Hơn cả, ESL tách rời hoàn toàn khỏi quỹ đạo của UEFA lẫn FIFA. Dấu ấn rõ nét của dự án nằm ở khía cạnh tài chính khi mỗi CLB tham dự lập tức nhận được 400 triệu euro phí tham dự, nhiều hơn 3 lần số tiền thưởng của nhà vô địch Champions League Bayern Munich năm 2020. Thế lực đứng sau để hỗ trợ tài chính cho giải đấu là JP Morgan Chase, ngân hàng đầu tư lớn nhất nước Mỹ. Lý giải cho quyết định trên, Chủ tịch Real Madrid Florentino Perez cho rằng đại dịch COVID đã bào mòn sức đề kháng tài chính của họ, trong khi mô hình UEFA Champions League đã lỗi thời trong việc thu hút thế hệ trẻ quan tâm đến bóng đá. Như Perez nhấn mạnh, các CLB sẽ chết vào năm 2024 nếu không có sự thay đổi khẩn cấp. Nhưng có lẽ, liên minh 12 siêu CLB đã đánh giá thấp phản ứng của thế giới túc cầu, khi 48 giờ sau đó là cuộc phản kích mạnh mẽ từ mọi phía nhắm vào cuộc ly khai này. Vượt xa khuôn khổ bóng đá, người châu Âu bước vào cuộc chiến nhằm gìn giữ bản sắc trăm năm trước sự xâm lăng của văn hóa và người Mỹ.

"Thể thao sẽ không còn là chính mình nếu thắng hay thua cũng như nhau." Pep Guardiola bình thản đáp về mô hình của Super League, vốn không tương xứng với giá trị bấy lâu mà bóng đá châu Âu gầy dựng. Bởi nếu người Mỹ xem NBA, NFL, MLS dừng lại ở góc độ giải trí thuần túy thì ở mỗi CLB bóng đá tại Anh, Pháp, Italia, Tây Ban Nha… chứa đựng bản sắc vùng miền, niềm tự hào xứ sở. Ở đấy, 90 phút tranh tài không chỉ để giành lấy chiến thắng mà còn là cách họ bảo vệ một cộng đồng vốn được thế hệ tiền nhân gầy dựng suốt nhiều thập kỷ. Nếu Super League thâu nạp đến 6 CLB từ nước Anh, thì xứ Sương Mù cũng là tiền đồn chống lại dự án này mạnh mẽ nhất. Thông cáo của Wolverhampton có đoạn viết: "*Wolves và hệ thống Kim Tự Tháp của bóng đá Anh sẽ mãi trường tồn dù có hay không những kẻ đang hủy hoại truyền thống cả trăm năm qua.*" Bởi góc nhìn của người Anh cho rằng, chuẩn mực bóng đá chuyên nghiệp họ xây dựng cho cả thế giới có nguy cơ bị

xóa sổ để nhường chỗ cho mô hình giải trí đậm chất Mỹ, nơi bóng đá không tồn tại việc lên xuống hạng, không tính cạnh tranh. Mỗi trận đấu trở thành show truyền hình thực tế của các đội bóng hơn là cuộc tranh tài thể thao đúng nghĩa.

Với UEFA, cuộc ly khai này sẽ làm thay đổi hệ sinh thái bóng đá mà châu Âu đang thụ hưởng, khi các giải đấu như Champions League, Europa League đối diện với họa diệt vong và kéo theo hệ lụy nguy hiểm cho các nền bóng đá nhỏ. Nên nhớ, hai Cup châu Âu là nguồn thu lớn nhất để UEFA tái đầu tư cho mục tiêu phát triển bền vững ở những vùng đất xa xôi. Trong khi đó, FIFA xem đây là nguy cơ khiến trật tự bấy lâu của thế giới bóng đá trở nên hỗn độn khi các siêu CLB sẽ tước bỏ những giá trị căn bản của lịch sử túc cầu. 2 ngày sau thông báo thành lập Super League, các cổ động viên trẻ tuổi của Chelsea, những người mà Chủ tịch Perez cho rằng không còn quan tâm đến bóng đá, mở đầu cuộc phản kích, kéo theo sự sụp đổ nhanh chóng khi nhóm Big Six tuyên bố rút lui chỉ sau 48 giờ gia nhập liên minh.

Nếu người hâm mộ ăn mừng khi bảo vệ thành công những giá trị truyền thống bấy lâu thì ngược lại, UEFA phải xem đây là dịp thức tỉnh sau chuỗi ngày mà họ mắc phải những trì trệ trong mô hình quản lý. Sự phản kháng của các siêu CLB là bài học đắt giá nhất kể từ khi Lennart Johasson kiến tạo Champions League. UEFA đứng trước hai lựa chọn, thay đổi hoặc tự diệt vong giải đấu từng làm nên một huyền thoại. Thể thức mới với 36 CLB vốn được áp dụng từ mùa giải 2024-25 nằm trong lộ trình như vậy khi sẽ loại bỏ tối đa những trận đấu kém hấp dẫn, "mô hình Thụy Sĩ" mà Chủ tịch Ceferin và cộng sự lựa chọn được kỳ vọng sẽ xóa tan khoảng trống bóng đá bấy lâu vốn kéo dài từ giữa tháng 12 cho đến tháng 2. Điểm nhấn của thay đổi là UEFA tiếp tục trọng vọng các siêu CLB và cố gắng đáp ứng những đòi hỏi của họ về cơ số trận đấu và tiền thưởng phải tăng lên. Cái chết của Super League càng cho thấy giá trị mà Champions League ghi dấu ấn trong lòng người hâm mộ là lớn ra sao. Nhưng sự phản kháng của họ cũng là lời cảnh báo sâu sắc rằng, chỉ có sự thay đổi và thích ứng liên tục với thời đại mới là giải pháp để bảo tồn những giá trị bấy lâu của giải đấu huyền thoại này. Super League vẫn sẽ luôn là một câu hỏi để ngỏ trong tương lai. Nhưng Super League không có lịch sử, còn Champions League có lịch sử. Chúng ta không là gì nếu mất đi lịch sử. Nhưng chúng ta sẽ sống mòn nếu mãi mãi tin rằng những gì ta đang có là tốt nhất, đấy là con đường nhanh nhất dẫn đến sự diệt vong.

KHAI SINH

Gabriel Hanot

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

Người Anh tạo ra bóng đá nhưng người Pháp mới đưa bóng đá tiến lên thời kỳ hiện đại. Và chúng ta đang nói về một người đàn ông khiêm nhường nhưng ý tưởng và hành động của ông đã biến bóng đá trở thành một trò chơi vĩ đại…

Gabriel Hanot (Nguồn: Twitter)

Ngôi làng nhỏ được bao bọc bởi những ngọn đồi và rừng cây xanh mướt. Vào một ngày cuối thế kỷ XIX, Gabriel Hanot đã chào đời tại đây và trải qua những năm tháng ấu thơ giữa khung cảnh thanh bình ấy. 50 năm sau, ông đã sống giữa một thế giới thời hậu chiến, phát triển điên cuồng và chính bản thân tham gia vào sự thay đổi của bóng đá. Nhưng ở thời điểm Hanot xuất hiện, ngôi làng Wangenbourg-Engenthal quê ông thực sự không có gì nổi bật. Ngôi làng này chỉ có một chút tiếng tăm khi vào thập niên 1940, vị Tổng thống Pháp tương lai, Chuẩn tướng Charles De Gaulle, đã đến đây tá túc trong vài tháng trước khi đem quân ra nước ngoài để tiến hành cuộc kháng chiến chống phát xít.

Có lẽ để lo cho việc học của con cái, cha mẹ Hanot đã quyết định rời làng để tới Tourcoing sinh sống nhằm tiếp cận với một nền giáo dục ưu tú hơn. Thị trấn này nằm ở gần biên giới với nước Bỉ và đang bắt đầu thịnh hành một môn thể thao mới toanh với người Pháp: bóng đá. Hanot nhanh chóng làm quen và thích thú với bóng đá. Ở tuổi thiếu niên, ông bắt đầu luyện tập và thể hiện được năng khiếu thiên bẩm của mình. Khi còn đang học trung học, Hanot đã được đội bóng US Tourcoing để mắt đến và ký một bản hợp đồng chuyên nghiệp. Sự nghiệp của Hanot lên nhanh như diều. 17 tuổi, ông trở thành cầu thủ chính thức của đội bóng. 18 tuổi, ông được triệu tập vào đội tuyển quốc gia và chơi rất nổi bật.

Thế nhưng, sự nghiệp của Hanot đáng lý sẽ còn lên cao hơn nữa thì một mâu thuẫn nổ ra giữa Hiệp hội Thể thao Xã hội Pháp với FIFA. Do phản đối FIFA quy định mỗi quốc gia chỉ có một đại diện duy nhất, Hiệp hội này đã quyết định rời khỏi tổ chức và bị thay thế ngay lập tức bởi Ủy ban liên hiệp Pháp CFI. Vốn trước đó, Hiệp hội Thể thao Xã hội là cơ quan chủ quản của đội tuyển quốc gia Pháp nhưng giờ, họ đã bị tước đi quyền ấy. Kết quả, Hanot không thể tiếp tục khoác áo Les Bleus nữa. Năm ấy, ông mới chỉ 21 tuổi. Để tránh lãng phí thời gian, Hanot đã vạch ra cho mình một kế hoạch mới. Ông sang Đức.

Nước Đức thời kỳ này cũng đang trong quá trình phát triển bóng đá. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố chủ quan lẫn khách quan, họ chưa có một giải vô địch thống nhất mà được chia ra thành nhiều vùng khác nhau. Preussen khi ấy là một đội bóng hạng khá của Berlin và Hanot đã lựa chọn đó là điểm đến của ông. Do CLB thiếu hụt vị trí hậu vệ trái, Hanot đã lấp vào chỗ trống dù sở trường của ông là tiền đạo cánh trái. Ở vai trò mới, ông vẫn thể hiện đẳng cấp ngôi

sao và đưa Preussen giành ngôi quán quân của vùng Brandenburg. Sau 2 năm ở Đức, Hanot lại quay về quê hương bởi lúc này, mâu thuẫn giữa CFI và Hiệp hội Thể thao Xã hội Pháp đã được hòa giải. Song, một vấn đề khác đã xuất hiện để ngăn ông thăng tiến: chiến tranh.

Tháng 6-1914, Đại công tước Franz Ferdinand bị ám sát. Sự kiện ấy như giọt nước làm tràn ly, thổi bùng lên mâu thuẫn đang âm ỉ giữa các cường quốc. Cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất đã nổ ra. Hàng triệu thanh niên, bao gồm cả những cầu thủ bóng đá, bị động viên (hoặc bắt ép) ra tiền tuyến để phục vụ cho tham vọng của những ông chủ. Hanot cũng không ngoại lệ. Ở tuổi 24, ông bắt đầu sung quân và tham chiến ở các chiến trường miền Đông. Thế chiến thứ Nhất là cuộc chiến mà nhiều người Pháp bỏ mạng nhất trong lịch sử của mình. Tổng cộng có gần 1,4 triệu thanh niên đã hi sinh tại các chiến trường lớn nhỏ, gấp 6 lần Thế chiến thứ Hai. Rất nhiều cầu thủ bóng đá Pháp đã vĩnh viễn nằm lại mặt trận, trong số đó có cả Julien Verbrugghe, cầu thủ trẻ nhất lịch sử Les Bleus hay các cựu đội trưởng đội tuyển quốc gia như Marius Royet và Andre Francois.

Năm 1915, Hanot bị quân Đức bắt làm tù binh. Đó là lúc mà ông cảm thấy quãng thời gian 2 năm chơi bóng ở Đức thực sự có ích. Cùng với sự dũng cảm, thông minh và vốn tiếng Đức xuất sắc, Hanot đã vượt ngục thành công và đi qua vùng chiếm đóng của người Đức khá dễ dàng để trở về chiến tuyến. Bắt đầu từ đây, ông phục vụ trong lực lượng không quân và chơi bóng dưới màu áo của Hiệp hội Thể thao Pháp trong những ngày rảnh rỗi. Sau khi Thế chiến kết thúc, Hanot đá bóng thêm 1 năm nữa và quyết định treo giày ở tuổi 29 sau những vết thương chiến tranh để chuyển sang một lĩnh vực khác mà ông thấy mình có thể đóng góp tốt hơn, đó là báo chí.

Năm 1920, Hanot đến làm việc tại tờ báo thể thao *Miroir des Sports* và sau đó vài năm, chuyển sang tờ *L'Equipe*. Chỉ cần một thời gian ngắn ngủi, với ngòi bút sắc sảo cộng thêm kinh nghiệm của một tuyển thủ quốc gia và một người lính từng nhiều năm tham chiến, ông nhanh chóng nổi bật trên truyền thông. Một loạt phóng sự và bình luận của Hanot lúc ấy gây chấn động với giới thể thao. Ông thôi thúc và cổ vũ các nhà lãnh đạo chuyển bóng đá Pháp sang chuyên nghiệp, giống như nước Anh và nước Đức. Từ một môn thể thao từng bị kỳ thị bởi những người nông dân ở cuối thế kỷ XIX, bóng đá đã dần trở thành thú vui rồi sau đó là niềm tự hào và yêu mến của họ.

Không chỉ dùng sức mạnh của ngôn ngữ, Hanot còn trực tiếp tham gia vào việc thay đổi diện mạo bóng đá Pháp. Năm 1930, ông thành lập Hiệp hội Giáo dục Bóng đá để hướng tới công tác đào tạo cầu thủ trẻ. Chính Hiệp hội do ông làm Chủ tịch đã tổ chức một cuộc thi cho các cầu thủ trẻ trước những trận chung kết Cup quốc gia Pháp. Cuộc thi này nhờ đó đã phát hiện ra khá nhiều nhân tài xuất sắc như Michel Leblond, Jean-Michel Larqué – người đang nắm giữ kỷ lục về số lần vô địch Ligue 1 và đặc biệt nhất là Quả Bóng Vàng châu Âu 1958 Raymond Kopa.

Tháng 12-1934, Hanot đã viết một bài báo mô tả ý tưởng về một giải đấu cấp CLB tầm cỡ châu lục. Đó không phải là ý tưởng quá mới mẻ với thời bấy giờ. Thực tế thì vào năm 1927, một số quốc gia ở vùng Đông-Nam Âu đã hình thành Cup Mitropa và cử các đại diện của mình tham gia. Thế nhưng, Cup Mitropa chỉ tổ chức trong một phạm vi nhỏ hẹp còn Hanot thì muốn nâng giải đấu lên mức độ toàn châu Âu. Một trong những lý do khiến ông mạnh dạn như thế là bởi sự phát triển của ngành hàng không thương mại. Những chiếc máy bay thương mại cho phép các cầu thủ di chuyển từ nước này sang nước khác dễ dàng hơn thay vì mệt mỏi vài ngày trên những chuyến xe lửa hay tàu thủy. Cần phải hiểu rằng vào thập niên 1930, bóng đá có rất ít trận thi đấu quốc tế vì điều kiện giao thông vô cùng khó khăn. Chính vì vậy mà World Cup lần thứ nhất không được nhiều quốc gia châu Âu ủng hộ bởi họ cảm thấy ngồi tàu vượt biển để tới Nam Mỹ suốt vài tháng là rất… phiêu lưu. Tuy nhiên, những lời kêu gọi của Hanot đã không được đáp ứng. Những Liên đoàn bóng đá quốc gia lúc ấy vẫn giữ thái độ "bế quan tỏa cảng" và chỉ tiến hành thi đấu nội bộ. Phải đến 20 năm sau, tức năm 1954, khi mà Wolverhampton được báo chí Anh tôn vinh là "nhà vô địch thế giới" sau vài trận giao hữu thành công, Hanot mới biến được ý tưởng của mình thành hiện thực.

Cầm những tờ báo lá cải của người Anh trên tay, Hanot giận run người. Ông lập tức ngồi vào bàn và viết một bài bình luận, theo đó chỉ ra rằng, chừng nào Wolverhampton chưa đến các sân đối phương để thi đấu và chừng nào họ chưa đánh bại được những Real Madrid hay AC Milan (lúc ấy được coi là những CLB mạnh nhất châu Âu) thì chừng đó họ vẫn chưa thể tự vỗ ngực là "nhà vô địch thế giới" được. Hanot đã mời các đồng nghiệp Jacques Ferran và Jacques de Ryswick tới phòng làm việc để thảo luận về kế hoạch của ông. Tổng Biên tập Jacques Goddet cũng tham gia cuộc họp. Buổi thảo luận đã đưa ra quyết định rằng *L'Equipe* sẽ vận động UEFA và các CLB tổ chức một giải đấu chưa từng có, giải đấu dành cho các nhà vô địch quốc gia trên toàn châu Âu, không phân biệt đó là phía Tây hay phía Đông, một giải đấu hoàn toàn vì thể thao

và không được để chính trị xen vào.

Dưới sự nỗ lực của các nhà báo mà đứng đầu là Hanot, một loạt CLB đã nhiệt tình ủng hộ và cuối cùng, UEFA đã thông qua việc tổ chức Cup châu Âu bắt đầu từ mùa giải 1955-56. Để tôn vinh những nhà báo người Pháp đã khai sinh ra giải đấu, UEFA quyết định trận chung kết Cup châu Âu đầu tiên trong lịch sử sẽ được tổ chức tại Paris. Cup châu Âu cũng được *L'Equipe* ấn định thi đấu vào thứ Tư hàng tuần, vừa để tránh các cuộc đấu tại giải vô địch quốc gia, vừa để tăng doanh số bán báo giữa tuần của họ. Thật là nhất cử lưỡng tiện!

Hanot không bao giờ được chứng kiến bóng đá Pháp lên ngôi. Ông mất năm 1968 ở chính ngôi làng đã sinh ra mình. Kể từ đó, tên tuổi ông bắt đầu chìm vào quên lãng. Người Pháp đã không còn nhớ tới nhà báo vĩ đại, người đã tạo ra bộ mặt cho bóng đá hiện đại. Một điều hài hước đầy mỉa mai là Liên đoàn bóng đá Pháp còn ghi sai ngày sinh của ông. Họ đã ghi ông sinh ngày 13-12-1901, tức là theo họ, ông đã được gọi vào đội tuyển quốc gia Pháp ở tuổi lên… 6. Cũng chẳng có bức tượng hay tên đường phố nào để vinh danh ông cả. Tên tuổi ông đã hòa vào dòng chảy của bóng đá. Cho đến ngày UEFA chính thức công nhận ông là người cha khai sinh ra Cup châu Âu hiện đại.

Những con người vĩ đại chỉ cần di sản của họ được trường tồn là đủ để tôn vinh…

Jacques Ferran

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

Có một cái tên khiến tôi phải bất ngờ khi tìm hiểu những thông tin về hành trình của Cup châu Âu. Tên của ông là Jacques Ferran. Bạn đã bao giờ nghe thấy cái tên này chưa? Tôi cá là chưa! Ferran đã chìm vào trong bóng tối sau khi ông nghỉ hưu vào năm 1985, và khi ông qua đời đầu năm 2019 ở tuổi 99, chẳng một tờ báo thể thao Việt Nam nào đề cập đến tên ông. Nhưng ở châu Âu, ông là nhân vật được giới bóng đá tôn kính bởi những đóng góp vượt xa tầm ảnh hưởng của một nhà báo đơn thuần.

Jacques Ferran (Nguồn: UEFA)

Jacques Ferran là một người thực sự công bằng. Đối với ông, bóng đá trước tiên phải công bằng. Ông không bao giờ đặt lợi ích của đất nước mình lên trên nếu nó đi ngược lại với sự công bằng trong thể thao. Cuối năm 1977, khi "hoàng tử" Michel Platini đã trải qua một năm thi đấu tuyệt hay và được giới bóng đá Pháp vận

động hết mình trong cuộc đua Quả Bóng Vàng, Ferran vẫn bỏ phiếu bầu chọn Allan Simonsen cho vị trí số 1 và Kevin Keegan cho vị trí số 2. Lá phiếu này đã khiến cho Platini vô cùng tức tối nhưng nó lại phản ánh đúng hoàn toàn cục diện cuộc đua tranh. Năm ấy, Simonsen đã đoạt Quả Bóng Vàng, Keegan Quả Bóng Bạc và Platini chỉ về đích ở vị trí thứ 3. Kết quả thể hiện tầm nhìn chính xác của Ferran trong môn bóng đá.

Ferran không phải là một người đam mê bóng đá từ trong máu. Khi còn ấu thơ, niềm yêu thích của ông dành cho văn học và đặc biệt là kịch nói. Nền tảng gia đình khá sung túc cho phép Ferran được sống cùng đam mê. Là con trai cả của một thẩm phán, ông được tiếp xúc với nhiều tác phẩm văn học cổ điển và có thói quen suy tư từ rất sớm. Năm 18 tuổi, Ferran theo ngành Cử nhân Văn chương của Đại học Montpellier, một trong những trường đại học lâu đời nhất thế giới. Cuộc đời của ông những tưởng sẽ đi theo một con đường bằng phẳng thì Thế chiến thứ Hai nổ ra. Vào lúc ông đang theo học năm thứ 3 đại học thì nước Pháp thất thủ. Quân đội Đức Quốc xã tiến vào Paris và Chính phủ Vichy sau đó đã tuyên bố cộng tác với Hitler. Sự hợp tác này dẫn đến việc hàng trăm ngàn thanh niên Pháp bị quân phát xít lùa vào các trại lao động cưỡng bức. Gia đình Ferran nhận định nếu không kịp thời trốn khỏi Montpellier, rất có thể sẽ đến lượt họ. Bởi thế, vào một ngày mùa xuân năm 1943, Ferran mang cả gia đình ông rời khỏi quê hương, đi xuyên qua các làng mạc và thị trấn để đến bờ Tây của nước Pháp. Tại đó, họ lánh nạn giữa vùng nông thôn thơ mộng của d'Arsac cho đến khi chiến tranh kết thúc.

Năm 1945, Ferran trở lại quê nhà. Tại đây, ông bắt đầu sự nghiệp phóng viên khi gia nhập tờ *Tigre*. Ferran vẫn giữ niềm đam mê văn chương của mình. Ông đã tự thử thách nó bằng việc đi dạy học một thời gian song cuộc sống sôi động của một nhà báo đã cuốn hút ông hơn. Năm 1948, Ferran nộp đơn xin vào tòa soạn của tờ *L'Équipe*. Ông được giao ngay nhiệm vụ lớn, đó là tới Nam Mỹ để đưa tin về một giải đấu rất mới mẻ có tên dài thượt "Campeonato Sudamericano de Campeones". Đây là giải đấu do CLB Colo Colo của Chile tổ chức, quy tụ 7 nhà vô địch của 7 quốc gia Nam Mỹ lúc bấy giờ. Riêng Brazil, do chưa hình thành giải vô địch quốc gia nên Vasco Da Gama, CLB vô địch bang Rio, được phép tham dự giải. 7 đội bóng lớn đá vòng tròn 1 lượt để tính điểm nhằm chọn ra đội đoạt Cup. Mặc dù là chủ nhà nhưng Colo Colo không được đánh giá cao. Theo quan điểm của Ferran khi ấy, Vasco Da Gama, River Plate và Nacional mới là những ứng viên của danh hiệu. Bất chấp việc River đang sở hữu hàng tấn công siêu mạnh, trong đó có thiên tài Manuel Moreno cùng tiền đạo vĩ

đại Atilio Garcia, họ đã bất ngờ bị Nacional giã đến 3 bàn không gỡ và ngậm ngùi nhìn Vasco đăng quang với 1 điểm nhiều hơn.

Trong suốt gần 40 ngày ăn dầm nằm dề ở Chile, chàng thanh niên Ferran đã tận mắt chứng kiến sự thành công vang dội của giải đấu giữa những CLB chưa từng đụng độ nhau trước đó. Các nhà vô địch đã cống hiến những trận đấu đẹp mắt và thu hút gần 1 triệu lượt khán giả tới sân. Sau này, Ferran tâm sự với tờ *El Mercurio* rằng: "*Chắc chắn Cup châu Âu không thể tồn tại nếu không có giải vô địch các CLB Nam Mỹ 1948, bởi lẽ, giải đấu này đã thúc đẩy sự hình thành những ý tưởng của chúng tôi. Rõ ràng, giải đấu năm đó đã đẩy nhanh quá trình này.*" Cũng chính trong dịp tới Nam Mỹ ấy, Ferran đã lần đầu tiên được chứng kiến tài năng của một chàng trai rất trẻ có tên là Alfredo Di Stefano, người mà định mệnh sẽ trao cho thanh gươm để thống trị chiếc Cup châu Âu mà ông sẽ tạo ra trong tương lai.

Trở về châu Âu, Ferran bắt đầu một giai đoạn mới trong sự nghiệp báo chí của mình. Là một người rất giỏi văn chương, các bài báo về bóng đá của ông luôn thu hút lượng lớn công chúng bởi ngôn từ sắc sảo, cộng thêm những nhận định chính xác và sâu sắc. Nhờ những bài báo của Ferran, độc giả đã hiểu bóng đá không chỉ là một trò chơi. Nó còn là chiến lược, là tầm nhìn của những nhà lãnh đạo, thậm chí là cả các quan điểm về chính trị và xã hội nữa. Sự xung đột trong bóng đá đôi khi vượt ra khỏi ranh giới về thể thao và có thể mang ý nghĩa quốc gia. Chỉ sau một thời gian ngắn, Ferran đã trở thành nhà báo nổi tiếng khắp nước Pháp. Ông cũng nhanh chóng thân thiết với một đồng nghiệp lão làng tên là Gabriel Hanot. Cả hai chia sẻ rất nhiều quan điểm về bóng đá và báo chí với nhau.

Wolves đấu với Honved

(Nguồn: Guardian)

Năm 1954, sau khi Wolverhampton đánh bại Honved trong một trận giao hữu, cả nước Anh sôi lên sùng sục và báo chí xứ sở sương mù đã gọi bừa Wolves là "nhà vô địch của thế giới". Ferran cảm thấy nóng mặt. Đúng lúc ấy, Hanot tới gặp ông và cả hai đã bàn bạc với nhau về một giải đấu mới. "*Làm sao mà châu Âu, vốn muốn dẫn đầu thế giới bóng đá, lại không thể tổ chức một giải đấu như của Nam Mỹ? Chúng ta cần làm theo tấm gương ấy.*" Ferran và Hanot nhận định rằng cần phải tập hợp các CLB vô địch các quốc gia châu Âu để tìm ra đội bóng số 1 thực sự, thay vì những trận đấu giao hữu vô bổ và những lời tán dương vượt quá sự thực sau đó. Để hiện thực hóa giấc mơ, Ferran đã thức thâu đêm để soạn thảo bản kế hoạch Cup châu Âu.

Sau khi bản kế hoạch hoàn tất, hai nhà báo tới gặp Tổng Biên tập Jacques Goddet và nhận được sự ủng hộ nhiệt tình. *L'Équipe* đề xuất lên UEFA về ý tưởng Cup châu Âu và được thông qua vào mùa hè năm 1955. Ferran lúc này đã chuyển tới làm biên tập viên của một tờ báo khác, đó là *France Football*. Một lần nữa, ông lại là nhà tiên phong cho thế giới bóng đá. Năm 1956, tức là chỉ 1 năm sau khi Cup châu Âu ra đời, Ferran nêu lên ý tưởng tìm ra cầu thủ xuất sắc nhất châu Âu trong năm với sự bình chọn của các nhà báo khắp lục địa. Ban giám đốc của *France Football* tán thành ý tưởng của Ferran và cuối năm ấy, họ mời các nhà báo thể thao nổi tiếng nhất ở các quốc gia tới trụ sở để bầu chọn một giải thưởng có

tên là "Quả Bóng Vàng". Kể từ đó, Quả Bóng Vàng sẽ song hành cùng với Cup châu Âu và trở thành hai niềm khao khát của mọi cầu thủ trên toàn thế giới.

Mặc dù có công lao to lớn trong việc tạo dựng nên bộ mặt bóng đá thế giới hiện đại, Ferran vẫn không đi vào con đường quản lý chuyên nghiệp. Đối với ông, khát vọng lớn nhất là làm cho bóng đá trở nên hấp dẫn hơn. Bằng tình yêu thể thao và trí tuệ mẫn tiệp, những bài viết của ông luôn bảo vệ tầm vóc và sự công bằng trong môn bóng đá. Ảnh hưởng của ông còn tiếp tục kéo dài khi vào năm 1973, ông cùng với một số nhân vật lớn khác đã sáng lập nên CLB Paris Saint-Germain, một đội bóng theo xu hướng hiện đại bậc nhất của bóng đá Pháp.

Ferran quyết định từ giã làng báo vào năm 1985, ngay sau trận chung kết Cup châu Âu giữa Liverpool và Juventus. Sự kiện bi thảm ở Bỉ đã tác động rất mạnh đến ông. Những gì mà cả cuộc đời Ferran cố gắng tạo dựng đã có một vệt đen không bao giờ xóa mờ và ông cảm thấy đã đến lúc mình cần dừng lại. Những năm tháng cuối đời, Ferran còn tiếp tục chứng kiến sự xuất hiện của Champions League thay thế cho "đứa con Cup châu Âu" của mình. Sự phát triển khủng khiếp của thể thức mới cộng với cơn bão kim tiền do bản quyền truyền hình mang lại đã làm phân hóa sâu sắc các CLB. Giờ đây, chỉ có một nhóm những đội bóng tinh hoa mới đủ khả năng đua tranh ngôi vô địch. Những bất ngờ ở trận chung kết như Reims, Steaua Bucharest, Malmo, Forest hay Aston Villa sẽ không bao giờ còn nữa. Năm 2006, khi Cup châu Âu tròn 50 tuổi, Ferran đã nói về sự day dứt của ông: "*Ngày nay, các quốc gia nhỏ yếu hầu như đứng ngoài cuộc chơi bóng đá. Tất cả những gì quan trọng chỉ là tiền bạc. Chúng tôi tự hỏi rằng liệu có phải chúng tôi đã tạo nên một điều gì đó dẫn tới cái chết của thể thao hay không? Nhưng như mọi người thấy đấy, đó là cuộc sống…*"

Tháng 12-2017, Ferran được tạp chí *France Football* mời tới trao giải thưởng Quả Bóng Vàng cho siêu sao Cristiano Ronaldo. Lúc ấy, ông vừa trải qua một ca phẫu thuật và sức khỏe rất yếu nên buộc lòng phải từ chối. Mặc dù vậy, cho đến tận cuối đời, ông vẫn giữ được sự minh mẫn của mình khi luôn sẵn sàng trả lời phỏng vấn bất cứ khi nào có thể. Nhà báo thể thao vĩ đại này qua đời vào tháng 2-2019, khi đã gần 99 tuổi. Gần trọn thế kỷ của cuộc đời, Ferran đã góp phần tạo nên một thế giới bóng đá sôi động như ngày hôm nay. Trên trang chủ của mình, UEFA cũng xác nhận chính thức Ferran, cùng với Gabriel Hanot, chính là những người đã khai sinh ra Cup châu Âu.

Bằng tất cả trí tuệ, tình yêu và lòng nhiệt huyết của mình…

Đêm trước bình minh

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

"Wolverhampton Wanderers - The Champions of World"!

Thật là một cái tít mê ly và đầy say đắm! Bây giờ, Wolves đang lóp ngóp ở top dưới của giải Ngoại hạng nhưng vào thời điểm mà Cup châu Âu còn chưa chào đời, đó là cái tên người Anh lấy làm tự hào và muốn khoe với cả thế giới rằng sự thống trị của họ vẫn còn tồn tại.

Người Anh không thể nào quên cái đêm tủi nhục tại Wembley vào ngày 25-11-1953 ấy. Trước khi Hungary thần thoại của Puskas và Kocsis giã 6-3 cho đội tuyển Anh, trong suốt hơn 80 năm, tất cả các đội bóng xứ sở sương mù, từ chuyên nghiệp đến nghiệp dư, đã bảo vệ sự tôn nghiêm của nơi khai sinh ra bóng đá. Họ chống trả lại mọi cuộc tiến công của các đội bóng nước ngoài và bất bại cho đến cái đêm ở Wembley ấy. Trận thua trước Hungary là một gáo nước lạnh hắt vào cái đầu tự mãn của người Anh. Nhà báo Gabriel Hanot đã bình luận: "*Người Anh chiến đấu với dĩa và liềm còn người Hungary có vũ khí tự động.*" Sự tự tôn của quê hương bóng đá một lần nữa bị giày vò. Ở trận tái đấu tại Budapest 6 tháng sau đó, đội Anh thiếu vắng cầu thủ vĩ đại nhất của mình là Stanley Matthews, do vậy, không còn ai đủ tài năng đọ sức với các siêu sao chủ nhà; kết quả là, thầy trò Winterbottom còn chịu sự sỉ nhục lớn hơn: 1-7.

Chính vì những thất bại liên tiếp trước Hungary và trước đó là World Cup 1950 muối mặt, giới truyền thông Anh chỉ chờ đợi một dịp để "gáy" vang trời. Và cái ngày lịch sử ấy đã đến.

Cho đến thập niên 1950, việc có hệ thống đèn chiếu sáng là của hiếm trong bóng đá. Vì các trận đấu cần đủ ánh sáng nên đa phần, thời gian các cầu thủ ra sân luôn là khoảng sau giờ trưa. Mãi đến năm 1950, Southampton mới trở thành CLB tiên phong trong việc lắp đèn pha trên sân The Dell của họ. Như vậy, thay vì đá vào buổi

chiều sớm, giờ đây, đội bóng này còn đá được cả vào buổi tối nữa. Thật là một cuộc cách mạng vĩ đại!

Tất nhiên, Wolves không thể bỏ qua sự cách tân này được. Các cốp của "Bầy sói" lập tức lên kế hoạch và cuối cùng, năm 1954, đội bóng đã hoàn tất việc lắp đặt dàn đèn pha xịn sò cho Molineux. Khác với Southampton, Wolves tận dụng ngay cơ hội để quảng bá thương hiệu. Họ vừa giành ngôi vô địch Anh lần đầu tiên vào mùa hè năm ấy và đây là lúc để tạo dựng danh tiếng của mình. Ban lãnh đạo Wolves lập tức mời một số CLB nước ngoài tới Anh giao hữu tại Molineux nhưng các trận đấu thay vì diễn ra vào lúc chiều thì nó lại diễn ra vào buổi tối mịt.

Tất cả chỉ vì cái dàn đèn pha xịn sò mới cáu.

Lần lượt các ngôi sao Nam Phi, Celtic, Racing Club, Spartak Moscow và Maccabi Tel Aviv đã tới đấu với đội chủ nhà. Đây đều là những đội bóng tên tuổi lúc ấy. Celtic vừa giành chức vô địch Scotland. Racing là CLB thống trị bóng đá Argentina nhiều năm trong khi Spartak thuộc nhóm mạnh nhất của Liên bang Xô viết. Wolves đã giành được những kết quả đáng khâm phục khi họ bất bại trước các đối thủ này, trong đó có các trận thắng hủy diệt trước những đội bóng đến từ Israel và Liên Xô. Đó là tiền đề để Wolves tự tin đối mặt với đội bóng vĩ đại mang tên Honved.

Ngày nay, có lẽ nhiều người không biết đến Honved nhưng cách đây ngót 70 năm, đây là một CLB cực kỳ phi thường. Họ sở hữu một dàn sao mà chỉ nghe qua tên đã thấy chóng mặt như Puskas - một trong những cầu thủ vĩ đại nhất mọi thời đại, Kocsis - vua phá lưới World Cup 1954, Grosics - một trong những thủ môn hay nhất lịch sử và là thần tượng bóng đá trong thế kỷ XX của Hungary, hay Czibor - sau này là thành viên trụ cột của Barcelona cuối thập niên 1950. Có thể mời Honved sang đá giao hữu trong kỷ nguyên của Chiến tranh Lạnh thì rõ ràng là một thắng lợi lớn về mặt ngoại giao và đẩy danh tiếng của Wolves lên cao vút. Chính vì lý do ấy, BBC đã quyết định làm một việc hết sức đặc biệt: tường thuật trực tiếp trận đấu. Bây giờ, với truyền hình cáp và internet, việc xem trực tiếp một trận bóng đá đỉnh cao là quá sức bình thường. Nhưng vào thời mà không phải nhà nào cũng có ti vi, phát trận đấu đang diễn ra trên sóng truyền hình là một điều vô cùng mới mẻ. Trước đó 1 năm, trận chung kết Cup FA được mệnh danh là "chung kết của Matthews" mới là chương trình bóng đá đầu tiên phát sóng trực tiếp. Chính vì sự kiện đặc biệt này, trận đấu giữa Wolves và Honved đã được cả nước Anh háo hức đón xem.

Tỷ số đã thay đổi từ sớm. Honved, với sức mạnh của các siêu sao hàng đầu thế giới, đã nhanh chóng dẫn trước 2-0 chỉ sau 15 phút. Thủ thành Bert Williams, một cựu nhân viên của Không quân Hoàng gia Anh, bay nhảy như chú mèo (ông có biệt danh là "The cat") trong khung gỗ để cứu thua cho Wolves. Nếu không có Williams, cách biệt có lẽ phải lên đến 4-5 bàn. Nhờ tài nghệ của Williams, tinh thần các cầu thủ chủ nhà đã dần lấy lại và bắt đầu kiểm soát thế trận. Thế nhưng, dù cầm bóng nhiều hơn, Wolves vẫn chỉ loanh quanh ngoài khu cấm địa và thi thoảng sút cầu may về phía khung thành của Honved. Vào giờ nghỉ giải lao, huấn luyện viên Stanley Cullis nghĩ ra một kế. Ông ra lệnh cho nhân viên sân bóng mang bình nước ra tưới lên cỏ cho nó… đẹp. Trước đấy, trời đổ mưa liền mấy ngày và sân bóng vẫn còn khá ướt. Cullis nhanh chóng nhận ra sự khác biệt ở đôi giày của hai đội. Với những chiếc giày khá nhẹ, các cầu thủ Honved chắc chắn sẽ gặp khó khăn trên mặt sân lầy lội. Quả nhiên, ông đã đúng. Ron Atkinson, huấn luyện viên tiền nhiệm của Sir Alex Ferguson ở MU, lúc ấy cũng tham gia tưới nước, nhớ lại: "*Tôi luôn tin chắc chắn rằng, nếu Cullis không ra lệnh tưới nước cho chúng tôi, có lẽ Honved đã thắng tới… 10-0.*" Sau khi màn tưới nước được thực hiện, mặt sân Molineux trông như bãi chăn bò và các cầu thủ thì như móc từ dưới cống lên. Phía Honved, Puskas và đồng đội phải cố giữ thăng bằng để không bị trượt ngã trong khi các cầu thủ Wolves, với đôi giày nặng, tỏ ra rất thích hợp với "mặt ruộng" này. Phút 54, Wolves được hưởng quả penalty và rút ngắn tỷ số xuống còn 1-2. Hai mươi phút sau, Roy Swinbourne ghi bàn san bằng cách biệt rồi ấn định chiến thắng 3-2 chỉ trong vòng có 60 giây. Honved sụp đổ còn Wolves lâng lâng vì chiến thắng. Các cầu thủ chủ nhà, trong trang phục dính đầy bùn đất, lăng quăng chạy khắp sân ăn mừng. Còn khán giả xem ti vi đã được dịp vui sướng đến tột độ khi chứng kiến nhà vô địch Anh đánh bại Honved vĩ đại. Trận đấu ấy đã tạo nên niềm cảm hứng cho nhiều tên tuổi lớn của bóng đá Anh trong tương lai, trong đó có Gordon Banks và George Best.

"*Wolves, the Great!*" - *Daily Mirror* giật tít.

"*Wolves, the Champions of the world*" - *Daily Mail* bốc thơm.

"*Bóng đá Anh vẫn là hay nhất thế giới*" -*Daily Express* hít hà.

Sau trận đấu, hàng loạt tiêu đề như trên xuất hiện khắp các sạp báo đã kích động sự sùng bái Wolves lên các khán giả Anh quốc. Thế nhưng, không phải ai cũng bị mờ mắt bởi điều này. Nhà báo Gabriel Hanot đăng một bài dài trên tờ*L'Equipe*, trong đó, ông viết:

"Hãy ngừng việc tuyên bố bất khả chiến bại của Wolverhampton cho đến khi đội bóng này tới thi đấu ở Moscow và Budapest. Ngoài ra, vẫn còn có các đội bóng khác ở đẳng cấp thế giới như Real Madrid và AC Milan chẳng hạn. Giải vô địch thế giới cấp CLB hoặc ít ra là giải đấu châu Âu, một giải lớn hơn, có ý nghĩa và danh giá hơn Cup Mitropa và độc đáo hơn giải cho các đội tuyển quốc gia, nên được xuất hiện." Jacques Ferran, nhà báo hàng đầu nước Pháp, đồng tình. Ông đã từng lặn lội tới tận Nam Mỹ để đưa tin về giải Campeonato Sudamericano, tiền thân của Copa Libertadores, bởi thế đã hình dung trong đầu về cách thức thực hiện. Tổng Biên tập Jacques Goddet của*L'Equipe* cũng hoàn toàn tán đồng ý kiến của cấp dưới. "*Chúng ta dám…*" - *L'Equipe* đã giật tít như vậy vào ngày 16-12-1954, khởi đầu cho sự bùng nổ của bóng đá hiện đại. UEFA hoàn toàn không hài lòng khi tổ chức điều hành bóng đá châu Âu bị một tờ báo qua mặt. Cùng với một loạt các Liên đoàn bóng đá khác, UEFA đã ra thông báo phản đối "ý tưởng điên rồ" của người Pháp.

Không nản chí, ngày 03-02-1955, *L'Equipe* đã đăng chi tiết kế hoạch Cup châu Âu của mình. Đó là công sức sau nhiều ngày nghiền ngẫm của Jacques Ferran. Bài báo ngay lập tức gây tiếng vang rất lớn và kéo theo lời tuyên bố ủng hộ của Chủ tịch Real Santiago Bernabeu. Để hiện thực hóa giấc mơ, Tổng Biên tập Goddet đã quyết định mời lãnh đạo các CLB hàng đầu châu Âu tới họp để cùng nhau tổ chức giải đấu. *L'Equipe* lên một danh sách gồm 18 đội bóng thuộc 18 quốc gia có nền bóng đá hùng mạnh nhất thời bấy giờ, phần lớn là các nhà vô địch quốc gia hoặc nếu không cũng là những đội bóng nổi tiếng bậc nhất của quốc gia đó. Đó là tư duy cực kỳ hiện đại của các nhà báo Pháp. Họ thừa hiểu, để Cup châu Âu tồn tại thì cần phải có tiền. Mà để có tiền, những đội bóng tham dự phải là những đội có lượng cổ động viên hùng hậu. Chính vì vậy, *L'Equipe* đã đưa ra những lựa chọn thực dụng nhất có thể. Ví dụ như việc họ bỏ qua Hajduk Split, đội bóng đang dẫn đầu giải vô địch Nam Tư, để thay thế bằng FK Partizan - CLB có sự hậu thuẫn cực lớn từ quân đội. Hay như Rapid Vienna, được chỉ đích danh bởi đó là CLB nổi tiếng và được hâm mộ nhất nước Áo. Tương tự là trường hợp của Hibernian, đội bóng danh tiếng nhất Scotland lúc này với hàng tấn công gồm 5 cái tên đang cực kỳ được yêu mến có biệt danh là "Famous Five".

Ngày 02-04-1955, các đội bóng được lựa chọn tham dự mùa giải đầu tiên đã cử đại diện của mình tới khách sạn Ambassador ở Paris để thảo luận về kế hoạch thi đấu. Tuy nhiên, phía Dynamo Moscow đã không cho người tới với lý do… thời tiết và do đó, sẽ bị gạt khỏi giải đấu. Chủ tịch keo kiệt Harry Swan của Hibernian

cũng không đến dự nhưng đội bóng Scotland này vẫn được giữ lại bởi danh tiếng quá lớn lao ở thời điểm ấy. Bốn đại diện của *L'Equipe* là Tổng Biên tập Jacques Goddet và các nhà báo Robert Thominet, Jacques de Ryswick và Jacques Ferran cùng 20 nhà lãnh đạo của 15 đội bóng hàng đầu châu Âu đã bàn thảo sôi nổi trong nhiều giờ. Cuối cùng, một Ủy ban Điều hành giải đấu được thành lập do ông Ernest Bedrigans, người Pháp, làm Chủ tịch. Hai Phó Chủ tịch gồm Bernabeu - người Tây Ban Nha và Gusztav Sebes - người Hungary. Tổng Thư ký John Battersby của Chelsea cùng đại diện các CLB Saarbrücken, Servette và Rot-Weiss Essen là ủy viên. Sau cuộc họp, *L'Equipe* đã cho đăng tải toàn bộ thông tin lên trang nhất của mình. Cả châu Âu sôi lên sùng sục.

Đến lúc này, UEFA đã nhận ra họ đang mất quyền kiểm soát bóng đá lục địa. Việc *L'Equipe* thực hiện đã giáng mạnh vào lòng tự tôn của tổ chức này. Cuối cùng, UEFA tuyên bố sẽ không cản trở *L'Equipe* và các CLB nếu họ đáp ứng ba điều kiện sau: thứ nhất, các đội tham gia phải nhận được sự đồng ý của Liên đoàn bóng đá quốc gia nước sở tại; thứ hai, giải đấu sẽ do UEFA quản lý và điều hành; thứ ba, giải đấu phải có một tên khác không chứa từ "châu Âu" nhằm tránh đụng chạm tới giải đấu cấp đội tuyển quốc gia mà UEFA đang nghiên cứu và lên kế hoạch. Một tháng sau, Ủy ban Điều hành lâm thời đã đồng ý.

Ngày 17-05-1955, Ban tổ chức lâm thời đã họp tại Madrid và thông qua việc đặt tên cho giải đấu mới mẻ này là Cup Seeldrayers, theo tên của Chủ tịch FIFA lúc ấy là ông Rodolphe Seeldrayers. Tuy nhiên, sau khi tiếp nhận việc tổ chức, UEFA đã đổi tên thành "Cup các CLB vô địch châu Âu", hay gọi tắt là "Cup châu Âu". FIFA cũng đồng ý thông qua kế hoạch này và chỉ yêu cầu giải đấu không được trùng với các giải vô địch quốc gia. Ban tổ chức đã thống nhất sẽ thi đấu Cup châu Âu vào giữa tuần và nó vẫn diễn ra như vậy cho đến tận ngày nay.

Thế nhưng, không phải đội bóng nào được *L'Equipe* mời cũng tham gia giải đấu đầu tiên. Đương kim vô địch nước Anh là Chelsea khi ấy buộc phải từ chối trước áp lực khủng khiếp của Liên đoàn bóng đá Anh. FA cho rằng Cup châu Âu sẽ đe dọa giải đấu quốc nội và The Blues đành ngậm ngùi tuân theo. Chelsea phải chờ tới 44 năm sau mới được thưởng thức hương vị của giải đấu lớn nhất thế giới cấp CLB.

Để đảm bảo chất lượng và sự thu hút, UEFA cũng quyết định, các cặp đấu được phân ra dựa trên tiêu chí các đội nổi tiếng nhất sẽ tránh gặp nhau ở những vòng đầu. Như vậy, hoàn toàn không có

một lễ bốc thăm phân cặp nào ở mùa giải đầu tiên. Lúc này, luật bàn thắng trên sân đối phương chưa có và nếu tổng tỷ số của hai trận lượt đi và về hòa nhau, hai đội sẽ phải đá một trận play-off để quyết định thắng thua. Thật may! Ở mùa đầu tiên, không có bất cứ cặp đấu nào cần đến trận thứ ba để giải quyết.

SPORTING
EMPATE DE 3-3 NO JOGO SPORTING-PARTIZAN
para o torneio da taça «Campeões Europeus»
Na sua primeira actuação da época
A MINHA EQUIPA
2.ª PARTE

Trận đấu đầu tiên của Cup C1

(Nguồn: Twitter)

Khác với những trận đấu sau này, trận khai mạc của Cup châu Âu được lựa chọn diễn ra vào ngày Chủ nhật, 04-09-1955 trên sân vận động quốc gia Bồ Đào Nha, giữa đội chủ nhà Sporting với FK Partizan. Một biểu tượng cho sự đoàn kết của châu Âu, khi mà hai đội bóng một ở phía Tây và một ở phía Đông lục địa. Hôm ấy, tiền đạo huyền thoại Joao Martins đã đi vào lịch sử khi ông trở thành cầu thủ đầu tiên ghi bàn tại các Cup châu Âu.

Joao Martins là nhân vật thể thao vĩ đại nhất ở quê nhà Sines. Được mệnh danh là "cây vĩ cầm thứ 6", Martins đã ghi 258 bàn cho Sporting. Ông xuất thân không phải là một cầu thủ chuyên nghiệp

mà là một người thợ thủ công chuyên khắc nút chai. Nhưng tài năng bóng đá kiệt xuất đã khiến ông được rất nhiều đội bóng chuyên nghiệp lôi kéo. Cuối cùng, ông gia nhập Sporting bởi đây là "đội bóng của trái tim ông". Trong 13 mùa giải, Martins đã giúp Sporting vô địch Bồ Đào Nha 7 lần. Năm 1959, Martins từ giã sân cỏ ở tuổi 32. Cuộc sống vất vả của một cầu thủ hết thời đã khiến ông phải trôi dạt sang Pháp và trở thành một công nhân. Không ai có thể ngờ người thợ máy chăm chỉ mỗi ngày đã từng là một tiền đạo xuất chúng. Martins qua đời năm 1993 ở tuổi 66. Truyền thông Bồ Đào Nha khi đó tin rằng ông chính là trung phong vĩ đại nhất trong lịch sử đất nước này, nếu không tính đến "người nhập cư" Eusebio. Không chỉ ghi bàn giỏi, Martins còn được biết đến như là biểu tượng của lối chơi đẹp và tinh thần chuyên nghiệp. Ông sẵn sàng đá ở tất cả các vị trí mà huấn luyện viên giao cho, kể cả thủ môn. Trong suốt sự nghiệp của mình, Martins chưa bị trọng tài thổi phạt một lần nào.

Một cầu thủ khác cũng nối gót Joao Martins để viết tên vào lịch sử. Đó là Milos Milutinovic, một trong những tiền đạo cánh vĩ đại nhất từ trước đến nay. Ông không chỉ là người thứ 2 ghi bàn tại Cup châu Âu mà còn là người đầu tiên lập cú đúp, rồi kế đến là cú hat-trick và cú poker tại giải đấu để trở thành Vua phá lưới của mùa giải khởi đầu.

Ngày 13-06-1956, trên sân vận động Parc des Princes ở thủ đô Paris, Real Madrid đánh bại Stade de Reims 4-3 trong trận chung kết đầu tiên cực kỳ hấp dẫn. Các cầu thủ áo trắng chạy quanh sân bóng, giơ cao chiếc Cup châu Âu tuyệt đẹp trước hàng chục ngàn khán giả. Đó là tặng phẩm của tạp chí *L'Equipe* cho giải đấu, một biểu tượng của nhà vô địch. Ngày nay, chúng ta chỉ có thể ngắm nhìn chiếc Cup đầu tiên này ở Bảo tàng của Real Madrid. Đội bóng hoàng gia Tây Ban Nha đã được trao tặng vĩnh viễn chiếc Cup vào năm 1966 sau khi họ có lần thứ 6 trở thành nhà vô địch.

Phiên bản đầu tiên của Cup C1

(Nguồn: Wikipedia)

Trở lại mùa hè năm 1955, sau khi UEFA đồng ý tổ chức Cup châu Âu, *L'Equipe* đã bắt đầu tiến hành việc thiết kế chiếc Cup giành cho nhà vô địch tương lai. Họ đã lựa chọn người thợ kim hoàn nổi tiếng Leon Maeght ở Amiens để tạo nên vật phẩm. Maeght đã mất rất nhiều tháng để vẽ kiểu dáng và tạo khuôn đúc. Cuối cùng, chiếc Cup châu Âu đã được hoàn tất. Chiếc Cup phiên bản đầu tiên được mô phỏng theo những chiếc bình dùng để đựng chất lỏng trong những chuyến vận tải bằng đường biển hoặc đường bộ khi xưa. Nó cao 66 cm, được làm hoàn toàn bằng bạc và được đặt lên giá đỡ bằng đá cẩm thạch. UEFA quy định các đội vô địch khi đó được giữ một phiên bản nhỏ hơn của chiếc Cup thật và được giữ chiếc Cup thật trong khoảng thời gian diễn ra 2 trận chung kết Cup châu Âu. Tuy nhiên, vào năm 1966, UEFA đã ra quyết định rằng kể từ mùa bóng này, bất cứ CLB nào vô địch châu Âu 5 lần hoặc vô địch liên tục 3 năm sẽ được giữ phiên bản gốc của chiếc Cup. Ngay sau khi quyết định trên đưa ra, chiếc Cup châu Âu bản gốc đầu tiên đã thuộc về Real Madrid, đội bóng thỏa mãn cùng lúc cả 2 điều kiện trên.

Để thay thế cho chiếc Cup của Maeght, UEFA đã tiến hành việc thiết kế một phiên bản khác. Phiên bản mới này do thợ kim hoàn người Thụy Sĩ, Jorg Stadelmann, chế tác. Chiếc Cup này được làm to và cao hơn phiên bản đầu tiên với hình dạng gần như khác biệt hoàn toàn. Ngay tay cầm của chiếc Cup cũng được làm mảnh hơn và to hơn. Tương tự như bản đầu, chiếc Cup thứ hai cũng được làm hoàn toàn bằng bạc, cao 74 cm, tức là cao hơn chiếc Cup ban đầu 8 cm. Nó nặng khoảng 11 kg và có giá trị khoảng chừng

30.000 € ngày nay. Hình dáng độc đáo của chiếc Cup phiên bản thứ hai đã khiến rất nhiều cổ động viên thích thú và gọi bằng biệt danh "Cup tai to" (big ears Cup). Tương tự như chiếc Cup đầu tiên, các CLB vô địch cũng sẽ được giữ Cup thật trong khoảng 1 năm, đồng thời được phép làm một phiên bản nhỏ hơn. Với quy định về giữ Cup vĩnh viễn, trong những năm sau đó, lần lượt Ajax, Bayern, Milan và Liverpool đã mang về phòng truyền thống của mình các phiên bản gốc của chiếc Cup châu Âu. Từ năm 2009, UEFA đã bãi bỏ quy định trên và như vậy, sẽ chỉ có 5 CLB được giữ chiếc Cup thật. Những đội bóng vô địch được giữ phiên bản nhỏ hơn (khoảng chừng 80%) để trưng bày. Vậy là, tổng cộng có tất cả 6 chiếc Cup châu Âu thật do UEFA và *L'Equipe* đặt hàng chế tác được sử dụng trong suốt lịch sử giải đấu.

Với chiến tích ở ngay mùa giải đầu tiên, Real Madrid đã đặt nền móng cho sự tồn tại vững chắc của Cup châu Âu. Những chiến thắng của Real đã làm danh tiếng Cup châu Âu bay cao. Ở mùa giải sau đó, Manchester United bất chấp những lời đe dọa của FA, đã dũng cảm tham gia giải đấu và trở thành đội bóng Anh đầu tiên thi đấu tại châu lục. Các CLB khác cũng noi gương theo, lần lượt tham gia và khiến mùa thứ 2 được mở rộng lên thành 22 đội.

Kể từ đấy, Cup châu Âu đã biến thành khát vọng của mọi cầu thủ tại lục địa và là minh chứng cho sự vĩ đại.

Nhưng UEFA vẫn không ngừng hoàn thiện giải đấu để nó trở nên hấp dẫn hơn. Một trong những quyết định rất lớn chính là việc xuất hiện luật "bàn thắng trên sân đối phương". Ngay từ mùa giải đầu tiên, Cup châu Âu đã xác định rằng khi hai đội bóng gặp nhau, họ sẽ lần lượt thi đấu trên sân nhà của mỗi đội. Trong trường hợp tổng tỷ số của 2 lượt trận ngang nhau, hai đội sẽ thi đấu thêm một trận thứ 3 gọi là "play-off" để phân định thắng thua. Việc thi đấu 2 lượt trận đảm bảo sự công bằng cho 2 bên, tránh tình trạng giống như Wolverhampton mời thi đấu giao hữu tại sân nhà rồi "nổ" như pháo rang. Ngoài ra, đó cũng là một cách gia tăng đáng kể nguồn thu từ bán vé trong thời đại chưa có bản quyền truyền hình.

Trong khoảng 10 mùa giải đầu tiên, luật play-off bắt đầu bộc lộ những khuyết điểm của mình. Việc buộc phải đá thêm trận thứ 3 kéo theo lịch thi đấu kéo dài hơn so với dự kiến. Các cầu thủ cũng gặp nhiều vấn đề về mặt phong độ. Ngoài ra, luật play-off quy định đội đá sân nhà lượt đi sẽ được đá trận play-off trên sân nhà một lần nữa thay vì sân trung lập. Điều này dẫn tới các đội đá sân nhà lượt đi có lợi thế lớn trong các trận đấu thêm. Không ít đội đã

tận dụng điều này để đi tiếp, ví dụ như Real Madrid vượt qua Rapid Wien sau khi hòa 5-5 (mùa 1956-57), hoặc Dortmund trước các đối thủ Spora Luxembourg (mùa 1956-57) và Steaua Bucuresti (mùa 1957-58). Đặc điểm chung là trong ba loạt trận này, nếu tính theo luật bàn thắng trên sân đối phương như ngày nay, chính Real và Dortmund mới là những đội bị loại.

Theo luật bàn thắng trên sân đối phương, trong trường hợp tổng tỷ số của 2 lượt trận là ngang nhau, mỗi bàn thắng trên sân đối phương sẽ được tính gấp đôi. Có nghĩa là nếu một đội A thắng 2-1 trên sân nhà, sau đó thua 0-1 trên sân đội B thì đội B là đội đi tiếp do có 1 bàn thắng trên sân đối phương được nhân đôi, tỷ số không chính thức khi đó sẽ là 2-3 nghiêng về phía đội B. Sau những thử nghiệm mang tính nhỏ giọt ở Cup C2 và Cup Hội chợ (tiền thân của UEFA Cup, tức Europa League bây giờ), luật mới bắt đầu được áp dụng cho Cup châu Âu từ mùa giải 1967-68.

Như vậy, UEFA đã tạo ra một luật vô cùng đúng đắn ngay từ cách đây nửa thế kỷ. Có rất nhiều lý giải về việc tại sao bàn thắng sân đối phương lại được coi trọng như thế. Theo một thống kê rất chi tiết về các trận đấu ở giải Premier League trong những năm qua, các đội chủ nhà đã tận dụng lợi thế sân đấu của mình để giành chiến thắng tới 50,5% số trận trong khi các đội khách chỉ chiến thắng chưa đầy 26%. Và thực tế thì ngay từ thế kỷ XIX, các đội chủ nhà luôn có tỉ lệ thắng cao hơn rất nhiều so với các đội khách. Đó là lý do ngay từ lúc ấy, UEFA đã nhận ra lợi thế của các đội chủ nhà.

Trước tiên, đội chủ nhà luôn có nhiều thời gian để nghỉ ngơi trước trận đấu hơn đội khách. Họ không phải di chuyển xa để thi đấu, một điều đặc biệt quan trọng ở thập niên 1960 và 1970. Chúng ta đều biết rõ thời kỳ đó, đi lại giữa các quốc gia châu Âu không hề đơn giản khi mà hàng không chưa phát triển. Các đội bóng đã phải di chuyển bằng nhiều loại phương tiện khác nhau để đến được sân đối phương và sẽ đối mặt với tình trạng thể lực bị suy giảm. Yếu tố này có thể đã dần bị xóa nhòa khi các tiến bộ của công nghệ cho phép các CLB bay khắp lục địa trong một khoảng thời gian ngắn nhưng những yếu tố sau đó thì vẫn tạo ra sự khác biệt đáng kể.

Một trong những khác biệt lớn nhất của yếu tố sân nhà chính là việc quen sân. Các cầu thủ khi đá trên một mặt sân quen thuộc luôn có xu hướng thi đấu tự tin và tốt hơn hẳn các mặt sân lạ. Sân nhà là nơi các đội bóng thường đá một nửa số trận mỗi mùa, điều đó khiến họ có cảm nhận hoàn toàn khác biệt so với những đội

khách. Các nghiên cứu của Seckin và Pollard cho thấy sự quen thuộc với khí hậu, thời tiết và địa hình có ảnh hưởng tích cực với đội chủ nhà. Lợi thế này sẽ trở nên rất lớn nếu nơi thi đấu khắc nghiệt như có một mùa đông lạnh lẽo hay ở trên một vùng đất quá cao khiến không khí bị loãng. Mặt sân cũng ảnh hưởng nhiều tới lối chơi của một đội bóng. Thông thường, chiến thuật riêng của từng đội sẽ khiến việc chăm sóc cỏ cũng được biến đổi theo để phù hợp. Đó là còn chưa kể các đội chủ nhà có quyền thay đổi mặt sân theo ý đồ của họ. Ví dụ lớn nhất chính là việc Wolves đã tưới nước lên mặt cỏ ngay trong giờ nghỉ để lật ngược tình thế trước Honved.

Các lợi thế khác có thể kể tới là sự cổ vũ của khán giả. Một thống kê cho thấy trong thời kỳ dịch bệnh COVID-19, khi khán giả không được tới sân bóng, tỉ lệ thắng của các đội chủ nhà đã giảm mạnh trong khi lại có xu hướng tăng đối với đội khách. Ví dụ như Serie A mùa 2020-21, các đội khách đã thắng tới 37% số trận, nhiều hơn hẳn so với mùa trước khi có dịch (khoảng 27%), và tiệm cận với tỉ lệ thắng của đội chủ nhà lúc ấy (khoảng 40,2%). Nhà nghiên cứu Ryan Boyko đã tính toán sau khi thống kê từ hơn 5.000 trận đấu rằng cứ mỗi 10.000 khán giả trên sân sẽ mang lại lợi thế cho đội chủ nhà là 0,1 bàn. Vậy sẽ thế nào nếu đó là một biển người như Bernabeu, Camp Nou hay San Siro? Chắc chắn, lợi thế sẽ rõ rệt hơn hẳn. Không phải ngẫu nhiên khi các cầu thủ thường hay nói rằng sự cổ vũ của khán giả nhà khiến họ luôn cảm thấy hưng phấn và tự tin hơn. Ngoài ra, âm thanh của đám đông cũng khiến các cầu thủ đội khách không thể tập trung bằng các cầu thủ đội nhà, vốn đã quá quen thuộc với điều này. Sự cổ vũ của đám đông khán giả còn dẫn tới các trọng tài có xu hướng trong vô thức thiên vị đội chủ nhà hơn. Đây hoàn toàn là vấn đề cảm xúc của con người khi đứng trước sức ép từ một số lượng đủ lớn những người xung quanh mình.

Cuối cùng, lợi thế sân nhà sẽ ảnh hưởng tới những yếu tố sinh học của cầu thủ. Khoa học đã chứng minh rằng đàn ông nói riêng và giống đực nói chung luôn có xu hướng mạnh mẽ và tập trung hơn khi phải bảo vệ "lãnh thổ" của mình. Các thủ môn luôn thi đấu ở sân nhà tốt hơn chính vì có sự tập trung này trong khi các cầu thủ tuyến trên sẽ tấn công mạnh hơn nhiều so với lúc họ trở thành đội khách. Khi các đội chủ nhà mở tỷ số, họ sẽ giành tới 84,85% số điểm trong khi với đội khách, con số này rút xuống còn 76,25%. Cũng vì thế, phòng thay đồ còn luôn được thiết kế sao cho các cầu thủ chủ nhà thoải mái nhất trước mỗi trận đấu, góp phần đáng kể vào việc gia tăng khả năng chiến thắng.

Từ những lý do trên, chúng ta dễ dàng nhận ra việc ghi bàn khi làm khách khó hơn thế nào khi được đá trên sân nhà. Các đội bóng giờ đây không chỉ cần ghi bàn mà còn phải cố ghi nhiều bàn nhất có thể khi xa nhà, bởi lúc ấy, họ sẽ có thêm lợi thế rất lớn để điền tên mình vào vòng trong.

Cup châu Âu đã trở nên hấp dẫn hơn rất nhiều chính từ quy định ấy của UEFA.

DÒNG CHẢY

Real thần thánh và hành trình của Bernabeu

Dũng Phan

Khi tiếng Real Madrid được gọi, bán cầu não phải của người hâm mộ sẽ hình dung ra một thế lực vĩ đại ở đấu trường châu Âu, hoàng đế của Champions League, CLB vĩ đại nhất thế kỷ XX và vẫn không có dấu hiệu nhường ngôi khi thế giới đi đến thập kỷ thứ 2 của thế kỷ XXI. Nhưng làm gì có cái nào tự nhiên sinh ra? Lại càng không có chuyện một hoàng đế đùng đùng đứng ở đó. Tất cả đều được xây dựng từ những cái bé nhỏ nhất, và Real Madrid cũng không ngoại lệ.

Vào năm 1876, tại Tây Ban Nha có một dự án giáo dục tên là "Institución Libre de Enseñanza" (tiếng Anh: The Free Institution of Education, viết tắt là ILE) được thành lập, có trụ sở tại Đại học Complutense của Madrid. Đây là một dự án được tạo nên bởi những giáo sư đại học muốn làm cách mạng cho ngành giáo dục của đất nước Tây Ban Nha, những con người mang tham vọng thoát ly khỏi sự áp đặt của nền giáo dục cũ. Những vị giáo sư đáng kính đang mang suy nghĩ đổi mới về văn hóa, giáo dục, xã hội đã không thể ngờ quyết định ngày đó của họ, sẽ là câu chuyện đầu tiên để tạo nên đội bóng đá vĩ đại nhất thế giới sau đó hơn 100 năm.

Để đi đến những mục tiêu giáo dục mà mình theo đuổi, ILE đã tiếp thu các luồng gió mới đến từ nhiều nơi ở châu Âu, trong đó có Anh. Và định mệnh trớ trêu khi một số sinh viên tốt nghiệp Đại học Cambridge và Oxford lúc đến Madrid cũng giới thiệu cho người Madrid về một môn thể thao có tên gọi là "bóng đá". Thế là năm 1897, một CLB bóng đá thuở sơ khai đầu tiên đã ra đời tại Madrid, CLB có tên là Sky. 3 năm sau, vào năm 1900, Sky được tách ra làm 2 CLB là "New Foot-Ball de Madrid" và "Madrid Football Club". Đến ngày 06-03-1902, ngày mà sau này sẽ trở

thành ngày thành lập CLB, 2 CLB trên được sáp nhập lại dưới cái tên Madrid Football Club, đặt trong sự bảo trợ của một vị Chủ tịch tên là Juan Padrós.

Giống như những thiên thạch va đập vào nhau, rồi vỡ tan để kết hợp lại thành một tinh cầu lớn hơn, CLB Real Madrid đã được hình thành theo cách như thế. Cùng với đó là bốn danh hiệu Copa del Rey liên tiếp từ năm 1905 đến 1908 để đảm bảo cho sự tồn tại của cái tên Madrid Football Club. Năm 1920, điều đẹp đẽ nhất đã đến với Madrid Football Club, khi họ được vua Alfonso XIII bảo trợ và phong tước hiệu Real (Hoàng gia) cho câu lạc bộ. Đấy là thời khắc cái tên Real Madrid huyền thoại ra đời. Đến năm 1931, vì sự ra đời của nền Cộng hòa ở Tây Ban Nha nên đội bóng mất đi tước hiệu hoàng gia, trước khi lấy lại được chiếc vương miện màu vàng lần thứ 2 vào năm 1941 và giữ đó cho đến tận bây giờ.

Vào năm 1905, khi Real Madrid chính thức giành được chiếc Cup Nhà Vua, danh hiệu đầu tiên trong lịch sử CLB, đội bóng đã có được một nền tảng lịch sử vững chắc để yên tâm hoạt động. Đến mùa giải 1931-32, chức vô địch quốc gia đầu tiên đến sau khi họ kết thúc hành trình với một kỷ lục bất bại (thắng 10, hòa 8). Đến mùa giải 1932-33, Real Madrid bảo vệ thành công để lần thứ hai liên tiếp trở thành nhà vô địch quốc gia. Trước khi Thế chiến thứ Hai bùng nổ, Real Madrid đã đút túi 9 danh hiệu (bao gồm Cup Nhà Vua và La Liga), chỉ sau 37 năm thành lập.

Vào ngày 01-09-1939, những chiếc xe tăng của Đức Quốc Xã phá vỡ đường biên giới vào Ba Lan. Khi tiếng súng nổ tại châu Âu, Anh và Pháp tuyên chiến với Đức, mở màn cho cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ Hai. Tất cả mọi hoạt động bóng đá bị đình trệ. Tây Ban Nha giai đoạn này nằm dưới quyền Tướng quân Francisco Franco. Nhà nước do Franco lập nên theo thể chế "Nhất thể toàn trị độc tài", với Franco là Quốc trưởng. Trong Chiến tranh thế giới thứ Hai, Tây Ban Nha chọn cho mình vị trí trung lập, không tham chiến, nhưng ngầm giúp đỡ cho hai đồng minh của họ là Đức và Ý thuộc phe trục. Điều này dẫn đến sau khi chiến tranh kết thúc, quốc gia này chịu lệnh cấm vận của Liên Hiệp Quốc, bị chối bỏ bởi các quốc gia phương Tây, cho đến khi được đích thân Hoa Kỳ đứng ra bảo trợ và được Liên Hiệp Quốc chào đón lại vào năm 1955. Như đã biết, đấy cũng chính là thời điểm Real Madrid đến với chiếc Cup C1 đầu tiên trong lịch sử của mùa giải 1955-56.

Vậy còn trước đó? Xin thưa là bóng tối.

Thập niên 40 của thế kỷ trước chứng kiến sự thống trị của

Valencia, Atletico Madrid và Barcelona. Trong khi Real Madrid là con số 0 tròn trĩnh, thì Barcelona và Valencia mỗi đội có 3 chức vô địch và Atletico Madrid có 2 chức vô địch La Liga. Người Real Madrid sẽ tiếp tục chìm khuất trong bóng đêm đó nếu như không có một người đàn ông vĩ đại, người đã tiếp nhận chức Chủ tịch CLB vào ngày 11-09-1943, để từ đây, sẽ kéo đội bóng này đi qua bóng đêm và đến với bình minh rực rỡ. Ông chính là vị chủ tịch vĩ đại mà cái tên đã trở thành bất tử khi được đặt tên cho sân vận động của Real sau này: Cố Chủ tịch Santiago Bernabéu Yeste.

Santiago Bernabeu – Chủ tịch huyền thoại của Real

(Nguồn: Wikipedia)

Bernabeu có tầm ảnh hưởng lớn đặc biệt lên lịch sử của CLB bóng đá Hoàng gia Tây Ban Nha. Sân vận động mới xây cất, những ngôi sao ông đưa về, nền tảng ông tạo dựng không chỉ mang đến cho Real vinh quang và thành công, mà nó còn tạo cảm hứng cho các thế hệ hậu bối đi tiếp con đường này để cái tên Real Madrid mãi trường tồn cùng tuế nguyệt. Santiago Bernabéu Yeste là một con người Madrid "thuần chủng", một Madridistas chuẩn mực từ

trong huyết quản. Tuổi thơ của ông tại Madrid, gia nhập đội trẻ Real khi ở tuổi 14, giải nghệ ở Real năm 31 tuổi. Từng là đội trưởng, cũng từng là trợ lý huấn luyện viên, rồi huấn luyện viên, và cuối cùng là đi đến vị trí quan trọng nhất mà sứ mệnh lịch sử giao cho ông: Chủ tịch CLB.

Người đàn ông quê ở thị trấn Almansa có dáng dấp giống với cố Thủ tướng Anh Winston Churchill này không phải là một cầu thủ xuất chúng trên sân bóng, cũng chẳng phải là sao số thời còn xỏ giày ra sân, tuy nhiên, ông lại là huyền thoại của quản trị. Nắm quyền Chủ tịch Real Madrid khi ở tuổi 48, điều đầu tiên mà ông làm chính là cải tổ bộ máy rệu rã của đội bóng, tái cấu trúc lạiCâu lạc bộ, cụ thể là thay thế một loạt nhân sự cấp cao, trao nhiều quyền lực chủ động hơn cho các CLB trong khối đa thể thao Real Madrid (ví dụ bóng rổ). Sau đó, ông thực hiện một công việc có tầm nhìn rất xa mà đến hôm nay, rất nhiều CLB lớn vẫn đang đi theo cách này, đấy chính là xây sân vận động mới.

Vào ngày 22-06-1944, tức là chỉ một năm sau khi nhậm chức Chủ tịch Real, Ngài Santiago Bernabeu đã phát động một cuộc quyên góp xây dựng sân vận động mới cho CLB, thu về tới 41 triệu pesetas và thuyết phục được ngân hàng điện tử công nghiệp Banco Mercantil ký quyết định cấp tiền cho Real Madrid. Có được số vốn, Bernabeu cho mua khu đất tiếp giáp Chamartín (sân vận động cũ của đội bóng này) và đến tháng 9 năm đó thì hai vị kiến trúc sư Manuel Munoz và Luis Soler đã được thuê thiết kế sân vận động mới cho Real Madrid. Ngày 27-10-1944 được ghi nhận trong biên niên sử Real khi những chiếc máy xúc đầu tiên được đưa vào, chính thức khởi công sân vận động, mái nhà của Real Madrid. Sau 3 năm thi công, đến ngày 14-12-1947, New Chamartin Stadium được khánh thành với trận thi đấu giao hữu giữa đội chủ nhà Real Madrid và câu lạc bộ đến từ Bồ Đào Nha - Os Belenenses. Năm 1955, sân vận động được đổi tên thành Bernabeu, và kể từ đây, cái tên của vị chủ tịch Real hóa thành bất tử.

Để nói về tầm nhìn xa của Bernabeu ngay từ những năm 40 thế kỷ trước, ta phải nhìn vào tầm vóc của sân vận động Chamartin mà ông xây cất, với sức chứa ban đầu lên tới hơn 75.000 chỗ ngồi. Ông đã tạo nên một nền móng vững chắc về cả nghĩa đen và nghĩa bóng cho sự hùng mạnh của Real Madrid. Các thế hệ chủ tịch sau này, mà đặc biệt là Florentino Perez, đã liên tục cải tạo sân để biến nó thành một thánh đường bóng đá đúng nghĩa. Mái vòm bằng sợi ciment, những màn hình video khổng lồ, một mặt cỏ với 36 km đường ống đưa ra những van phun nước nóng lạnh tùy theo vùng. Chủ tịch Perez còn đầu tư 127 triệu € trong nhiệm kỳ

của ông để nâng cấp hệ thống âm thanh, ánh sáng, khu VIP, khu vực báo chí, các cổng vào, cùng hệ thống sưởi ấm, nhà hàng sang trọng.

Sân vận động được đặt tên Bernabeu, vì ông là người dẫn dắt Real ra khỏi bóng tối của thập niên 1940. Ông cũng là người tạo nên "dải thiên hà" cấp CLB đầu tiên bằng cách mang về những siêu sao lớn nhất từ khắp nơi trên thế giới như Di Stefano, Hector Rial (Argentina), Paco Gento (Tây Ban Nha), Ferenc Puskás (Hungaria)... Ngày nay, người ta nói tới khái niệm hút máu nhân tài của các cá mập, các CLB lớn hút máu các CLB nhỏ, hay như cách Bayern Munich lấy những tinh tú của bóng đá Đức, nhưng thật ra, Bernabeu đã làm điều đó từ rất xa xưa. Trong trận chung kết Cup C1 đầu tiên trong lịch sử giữa Stade Reims và Real Madrid, đội bóng Pháp thất thủ với tỷ số 3-4. Nhưng Raymond Kopa là ngôi sao sáng nhất bên phía đối thủ. Thế là Chủ tịch Bernabeu quyết định mua luôn Kopa để về đá cặp cùng Puskas. Hè năm ấy, Real Madrid đem về CLB tuyển thủ Raymond Kopa, không chỉ giúp Kopa thành ngôi sao toàn cầu, mà còn tạo nền cho Kopa giành Quả Bóng Vàng năm 1958. Kopa trở thành huyền thoại, vậy còn ai nhớ Stade de Reims không? Đội bóng ấy giờ đang ngụp lặn ở giải hạng 2 nước Pháp. Sự biến mất của á quân C1 năm 1956 Reims là phản đề chính xác nhất về sự rực rỡ mà Real Madrid có được hôm nay qua sự khác biệt của nền tảng và tầm nhìn. Vụ chuyển nhượng Kopa là sự xác nhận rõ ràng nhất về thương hiệu của Real Madrid, về giá trị cầu thủ nếu anh ta ở Real Madrid. Vào giai đoạn mà cả thế giới bóng đá còn ly loạn, Real Madrid đã đi trước cả thiên hạ, đã vĩ đại từ nơi đó qua cách "chơi" của Bernabeu.

Dải ngân hà đầu tiên của bóng đá thế giới (Nguồn: FIFA)

Hôm nay, chúng ta biết đến "Bộ ba huyền ảo" MSN (Messi - Suarez - Neymar), BBC (Bale - Benzema - C. Ronaldo), MSF (Mane - Salas - Firmino), hay "Hình vuông ma thuật" mà Pháp trình diễn ở Euro 1984 với những Platini, Tigana, Giresse và Fernandez. Nhưng ít ai biết trong lịch sử bóng đá, Real Madrid cũng có một bộ tứ đáng sợ thuở lập quốc, họ là Di Stefano, Rial, Kopa và Gento. Không chỉ tạo nên những huyền thoại vĩ đại trong đội hình mà Bernabeu còn có góc nhìn sâu sắc ở vị trí huấn luyện viên của đội bóng. Thập niên 1950 chứng kiến thành công của Real nhưng cũng chứng kiến cảnh Real thành lò xay huấn luyện viên lớn nhất châu Âu cùng thời điểm. Tin nổi không? 9 huấn luyện viên trong vòng 10 năm ở cái thuở hồng hoang. Mỗi một huấn luyện viên đến và đi cũng đều có ít nhất một danh hiệu, nhưng Bernabeu chưa bao giờ vừa ý cho đến khi tìm được Miguel Muñoz, người đã mang về cho Real 9 La Liga, 2 Copa del Rey, 2 Cup C1, và 1 Intercontinental Cup. Ông là một báu vật thật sự mà Bernabeu cất công tìm ra.

Bạn có thể thấy, cuộc chơi kiểu này, Florentino Perez hôm nay đã chơi rất chắc bài, cũng nhờ cảm hứng từ chính vị tiền bối của mình.

Mùa giải 1953-54 xác lập sự trở lại chính thức của Real Madrid bằng chức vô địch La Liga thứ 3 trong lịch sử. Đấy là thời khắc Real bắt đầu tìm lại những ngày tháng vinh quang, và như đã biết là không thể ngăn chặn nữa. Dưới thời Bernabeu, Real Madrid nhanh chóng đi qua bóng đêm và vươn lên trở thành thế lực ở Tây Ban Nha, cột trụ của nền bóng đá Tây Ban Nha. Đội bóng là một trong ba thành viên sáng lập của La Liga, cùng với Barcelona và Althetic Bilbao đại diện cho 3 vùng miền. Nhưng những chiếc Cup Nhà Vua, những danh hiệu vô địch quốc gia không phải là điều đẹp đẽ nhất đội bóng áo trắng có được. Câu chuyện về họ đến từ châu Âu, là Cup C1 huyền thoại, là Champions League sau này. Và Real Madrid, bằng 5 chức vô địch C1 tại đấu trường châu Âu trong những ngày đầu giải đấu này thành lập, không chỉ khẳng định được tầm vóc trên bản đồ thế giới cấp CLB, mà hơn thế, đã định danh nên hai từ "khổng lồ" khi nhắc đến tên CLB. 5 chức vô địch C1 đó đã tiêm vào trong huyết quản của Real Madrid một thứ DNA không trộn lẫn đi đâu được, DNA Champions League đầy khí phách và danh vọng.

Ngày 02-06-1978, khi trái bóng World Cup còn đang lăn trên sân cỏ Argentina thì một thông tin chấn động đến với bóng đá thế giới, Bernabeu qua đời ở tuổi 83. Kể cả trong hơi thở cuối cùng,

ông vẫn đang là đương kim Chủ tịch CLB Real Madrid. Để tưởng nhớ vị Chủ tịch đã đóng góp quá nhiều cho bóng đá cấp CLB, FIFA đã ra quyết định để tang ông ba ngày trong suốt giải đấu - một vinh dự không phải ai cũng có được. Trong suốt 35 năm làm Chủ tịch CLB, từ ngày đầu tiên năm 48 tuổi đến khi nhắm mắt xuôi tay ở tuổi 83, Santiago Bernabeu đem về cho đội bóng 16 chức Vô địch La Liga, 6 Cup C1, 6 Cup Nhà Vua, 1 Cup Liên lục địa, và chính thức xác lập cho Real Madrid một danh xưng huyền thoại mãi mãi.

Ông đồ gàn

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

"Trong vòng 100 năm tới, Benfica đừng có hòng đoạt thêm bất cứ chiếc Cup châu Âu nào." Người ta truyền tai nhau rằng khi Bela Guttmann bị đá đít khỏi sân Ánh Sáng, ông đã nguyền rủa đội bóng sa thải ông như vậy.

Huấn luyện viên Bela Guttmann ngồi khoan khoái trên ghế, nhắm mắt và phiêu trong lúc thợ cắt tóc đang cố gắng tạo cho ông một kiểu đầu đẹp và mốt nhất. Đúng lúc ấy, José Carlos Bauer chạy sồng sộc vào và giật giọng: "*Bớ thầy, tôi vừa biết tới một gã rất khủng, dư sức vượt qua cả José Águas ấy chứ.*" (José Águas lúc ấy là chân sút số 1 Benfica, ông ghi tổng cộng 374 bàn trong thời gian khoác áo CLB này). Guttmann nhổm dậy ngay và hỏi: "*Là thằng nhóc nào thế?*" Bauer vừa thở vừa kể về gã da đen người Mozambique, một gã có khả năng chạy như thể bị hà mã rượt phía sau lưng và to như một con gấu. Guttmann gật gù và không chút nghi ngờ Bauer, nói luôn: "*Bảo với mấy thằng quản lý là mang gã về cho tao.*"

Bela Guttmann

(Nguồn: Renascenca)

Sau cái gật đầu của Guttmann, tuyển trạch viên và đại diện của Benfica vội vã sang Mozambique để gặp "mẹ của con gấu". Một cuộc ngã giá rất nhanh đã diễn ra. Bà Elisa muốn có một khoản tiền đủ để gia đình bà thoát khỏi đói nghèo. Benfica đồng ý chi 175.000 escudo để có được Eusebio. Khi ấy, đó là một số tiền không nhỏ. Nhưng gia đình của Eusebio đã đòi gấp đôi. Ngay lập tức, Benfica chấp thuận. Cái gật đầu của Guttmann có sức nặng rất lớn và Benfica hiểu họ phải làm hài lòng lão huấn luyện viên khó tính này.

Thế nhưng, Guttmann không có được Eusebio để xài ngay trong chiến dịch chinh phục chiếc Cup châu Âu mùa giải 1960-61. Một trong những lý do tiền đạo người Mozambique chưa thể tới sân Ánh Sáng chính là việc anh đang thuộc biên chế của Sporting Lourenço Marques mà đội bóng này lại là chân rết của Sporting Lisbon, đối thủ không đội trời chung của Benfica. Vụ chuyển nhượng Eusebio đã khiến Sporting tức tối. Để bảo đảm an toàn cho "món hàng quý giá", Benfica đã đặt mật danh cho Eusebio là Ruth Molosso và đưa anh đến châu Âu một cách bí mật. Mật danh này sau đó đã trở thành niềm cảm hứng để CMTV sản xuất bộ

phim *Ruth* nói về cuộc đời của Eusebio nhân dịp 5 năm ngày mất của ông.

Ngay sau khi cập cảng Lisbon, Eusebio được đưa thẳng về Lagos, một thị trấn ở cực Nam của Bồ Đào Nha và cách Lisbon chừng 300km. Sống cô độc trong vòng vài tuần, chàng trai Mozambique bị stress rất nặng. Đây không phải là cuộc sống mà anh mơ ước hay nghĩ đến. Nó hoàn toàn khác với những lời hứa hẹn trước đó. Buồn như gián cắn, Eusebio gọi điện về nhà và khóc thút thít với mẹ. Bà Elisa đã phải nói đến khản cổ để vỗ về thằng con từ khoảng cách 12.000 km theo đường chim bay. Cuối cùng, Eusebio cũng nghe lời mẹ và tiếp tục chờ đợi. Nhưng không chỉ anh sốt ruột, Guttmann cũng như ngồi trên đống lửa. Theo lời tên học trò Bauer của ông, gã trai này là một viên ngọc cực kỳ quý hiếm và ông nóng lòng muốn được sử dụng anh. Nhưng trước mắt, cứ phải đoạt Cup châu Âu cái đã, mà cái Cup thì Real vẫn đang độc chiếm suốt 5 mùa giải đầu tiên.

Chúng ta hãy tạm quay trở lại những năm trước đó để tìm hiểu về cuộc đời của vị huấn luyện viên kỳ dị này. Ngày nay, không nhiều người nghe tới cái tên "Bela Guttmann", song đối với các nhà nghiên cứu và viết lịch sử bóng đá, ông là một nhân vật đáng kính trọng và một nhà cách mạng thực sự. Trong 40 năm cầm quân, ông đã trải qua rất nhiều CLB và ở đâu cũng để lại dấu ấn đậm nét, kể cả trong cách bị… sa thải. Ví dụ như mùa 1954-55, AC Milan đang băng băng về đích với cách biệt rất lớn so với các đối thủ thì ông bất ngờ mất việc mà không rõ lý do. Milan sau đó vẫn đăng quang ngôi vô địch nhưng khi không có Guttmann, họ đã phải trầy trật giữ lợi thế và chỉ về đích sớm 1 vòng. Còn Guttmann, trong tâm trạng của một con chim sợ cành cong, từ đó trở đi, mỗi khi ký hợp đồng, ông đều cài thêm điều khoản cấm đội bóng không được sa thải ông nếu ông đang dẫn dắt đội đứng đầu bảng xếp hạng giải vô địch quốc gia.

Guttmann được miêu tả như một người đàn ông đứng giữa các nền văn hóa. Ông đã đi và sống ở rất nhiều quốc gia, trải nghiệm những ngôn ngữ khác nhau, những con người khác nhau và cả những phong cách sống khác nhau nữa. Ông sinh ra ở Budapest, một thành phố cổ kính lúc này vẫn thuộc đế chế Áo - Hung, trong một gia đình mà cha mẹ đều là các vũ công chuyên nghiệp gốc Do Thái. Nhưng khi lớn lên, ông đã không nối nghiệp gia đình. Một phần vì ông khá… xấu trai. Một phần khác vì ông nhận thấy bóng đá có thể mang lại cho ông nhiều tiền hơn. Đấy mới là lý do để ông quyết tâm theo đuổi môn thể thao này.

Năm 1910, Guttmann bắt đầu luyện tập ở đội trẻ Törekvés tại địa phương. Sau khi trở thành cầu thủ chuyên nghiệp, năm 21 tuổi, ông chuyển tới MTK Hungaria và bắt đầu gặt hái những danh hiệu đầu tiên trong cuộc đời. Nếu xã hội Hungary lúc đó cứ yên yên ổn ổn như vậy thì đẹp biết bao! Nhưng cuộc đời đâu có dễ dàng như thế. Người Do Thái vốn là một cộng đồng khá lớn ở Hungary trong nhiều thế kỷ, họ được phép xây các giáo đường và bệnh viện của riêng mình từ thế kỷ XVIII và coi như đã hoàn toàn hòa nhập với xã hội bản địa. Mọi thứ chỉ trở nên đen tối khi vào năm 1919, Phó Đô đốc Miklos Horthy lên nắm quyền và bắt đầu chính sách bài Do Thái. Những người Do Thái ở trong chính quyền và quân đội bị cách chức. Một loạt nhà hàng, cửa hiệu của người Do Thái bị buộc đóng cửa. Đỉnh điểm của chủ nghĩa bài Do Thái đến vào năm 1922 khi 15.000 người Do Thái bị trục xuất với lý do không có quốc tịch Hungary. Những chính sách của nhà cầm quyền đã kích động người Hungary bản địa tấn công cộng đồng Do Thái. Rất nhiều người Do Thái bị giết hại trong quãng thời gian này. Tổng cộng có hơn 3.000 người đã thiệt mạng và hàng vạn người khác sống trong cảnh sợ hãi đến cùng cực. Để tránh khỏi các cuộc tấn công, Guttmann quyết định tới Vienna. Tại đây, ông gia nhập SC Hakoah Wien, một đội bóng với tôn chỉ phục quốc cho người Do Thái. 20 năm sau đó, đến lượt các đồng đội cũ của Guttmann tại CLB này chết trong cuộc tàn sát dân Do Thái của phát xít Đức. Nhưng ở thập niên 1920, các cầu thủ của Hakoah sống trong khung cảnh đầy sôi động. Họ đoạt danh hiệu vô địch Áo năm 1925 và vào năm sau, lên đường sang Mỹ du đấu để kiếm tiền. Chính tại Tân Thế giới, Guttmann đã "đánh hơi" được những thương vụ làm ăn lớn và ông lựa chọn nước Mỹ là điểm đến tiếp theo.

Mùa hè năm 1926, Hakoah trở về châu Âu mà không có Guttmann trong đội hình. Ông ở lại New Jersey vài tháng rồi chuyển tới New York náo nhiệt. Nhưng không chỉ chơi bóng vào ban ngày, Guttmann còn tranh thủ mở quán bar bất hợp pháp lẫn vũ trường để kinh doanh vào ban đêm. Guttmann nổi tiếng ở Mỹ đến mức tên tuổi của ông còn được so sánh với cả Greta Garbo hay John Barrymore (các ngôi sao điện ảnh Hollywood thời bấy giờ). Chỉ sau vài năm, ông kiếm được nhiều tiền đến mức cảm thấy đã bắt đầu nên nghỉ hưu dù mới chỉ bước vào tuổi 30. Lúc ấy, thị trường chứng khoán Mỹ đang sôi động và Guttmann quyết định đầu tư 500.000 USD để tiếp tục lên đời. Ngay cả bây giờ, tức là sau gần 100 năm, nửa triệu dollar Mỹ vẫn là một số tiền rất lớn. Song thật cay đắng, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới bất chợt ập đến. Thị trường phố Wall sụp đổ và Guttmann bỗng nhận thấy đống cổ

phiếu trong tay ông chỉ còn tác dụng nhóm lò. Năm 1932, Guttmann trở lại châu Âu với đội bóng cũ Hakoah của mình sau khi đã hoàn toàn tay trắng. Một lần nữa, ông phải làm lại cuộc đời. Nhưng lần này, ông không làm cầu thủ nữa, ông chuyển sang làm huấn luyện viên, một trong những vị huấn luyện viên chuyên nghiệp đầu tiên trong lịch sử bóng đá.

Bóng đá, trong những năm 1930, vẫn chưa hoàn toàn chuyên nghiệp. Các huấn luyện viên thường chỉ là những "người tuyển chọn" thay vì chỉ đạo các cầu thủ toàn thời gian. Về phần các cầu thủ, họ ngoài đá bóng thì vẫn có thể làm công việc khác. Một ví dụ điển hình là Ajax Amsterdam, đội bóng vĩ đại của Hà Lan, đến tận thập niên 1960 vẫn còn ở tình trạng bán chuyên với các cầu thủ chỉ tập luyện 3-4 buổi mỗi tuần. Việc chuyên nghiệp hóa, theo Guttmann, cần phải tiến hành tổng thể. Ông tự tay chỉ dẫn các cầu thủ cách luyện tập, ép họ phải ăn theo chế độ dinh dưỡng và khoa học nhất có thể và ngoài tập với bóng, còn phải rèn thể lực và tập gym. Tất cả những điều trên ngày nay là hết sức bình thường, một huấn luyện viên cấp phường cũng có thể nghĩ đến. Nhưng cách đây 90 năm, những quy định và yêu cầu của Guttmann thực sự rất mới mẻ và không phải cầu thủ nào cũng chấp nhận tuân theo.

Giữa lúc Guttmann đang ra sức làm cuộc cách mạng trong bóng đá thì một lần nữa, biến cố lớn lại xảy đến với cuộc đời ông. Năm 1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan. Chiến tranh thế giới thứ Hai bùng nổ. Dưới mệnh lệnh của Hitler, hàng triệu người Do Thái bị săn đuổi và bị đẩy vào các trại tập trung. Gia đình Guttmann cũng không trốn thoát được. Họ bị tra tấn nhục hình bởi những tên lính Quốc xã. Cha, anh trai, chị gái và bạn thân của Guttmann đã chết trong trại giam. Riêng ông, bằng một cách thần kỳ, đã vượt ngục thành công vào cuối năm 1944. Ông phải trốn chui trốn nhủi trong những tháng ngày sau đó trước sự truy lùng của lính Đức dưới một căn hầm của tiệm hớt tóc ở Budapest. Năm 1945, Hồng quân tiến vào giải phóng Hungary. Nhưng lúc này, Guttmann không còn gì trong tay nữa. Ông có một gia đình phải nuôi và việc tốt nhất mà ông có thể làm chính là huấn luyện bóng đá. Để có thể sống được, ông đưa vợ con tới Rumania và làm huấn luyện viên của Ciocanul București. Tại đây, ông đã yêu cầu đội bóng trả lương cho ông bằng... rau và bánh mì thay vì tiền, bởi những thứ đó thực tế hơn trong hoàn cảnh thiếu thốn lương thực trầm trọng thời hậu chiến.

Năm 1947, Guttmann tới Kispest để thay thế cha của huyền thoại Puskas ở vị trí huấn luyện viên. Chính vì cha mình bị mất việc,

Puskas đã không tuân phục Guttmann, thậm chí còn xúi một đồng đội chống lại yêu cầu của ông. Không chấp nhận việc các cầu thủ bất tuân mệnh lệnh, Guttmann một lần nữa lại ra đi, lần này là đến Italia. Bắt đầu từ đây, ông tiến hành những cuộc cách mạng trong lối chơi, trở thành người tiên phong của sơ đồ 4-2-4 mà Hungary vĩ đại sẽ làm mưa làm gió trong thập niên 1950. Ông nhấn mạnh tầm quan trọng của các cầu thủ chạy cánh, biến những người này trở nên mạnh mẽ và linh hoạt. Đồng thời, ông kéo một tiền vệ xuống phía dưới để đảm bảo an toàn cho hàng thủ và tiếp tục kéo một trung phong về tuyến giữa để trám chỗ. Chiến thuật này đã ảnh hưởng rất lớn đến người Brazil trong suốt quãng thời gian ông làm huấn luyện viên ở đây. Selecao đã yêu cầu Guttmann tư vấn và áp dụng sự cách tân chiến thuật của ông khi dự World Cup năm 1958. Kết quả, họ đã giành ngôi vô địch lần đầu tiên bằng sơ đồ 4-2-4 với những cầu thủ chạy cánh siêu hạng là Nilton Santos ở bên trái và Garrincha ở bên phải.

Mùa hè năm 1958, Guttmann đặt chân tới Bồ Đào Nha. Đất nước của bán đảo Iberia này sẽ trở thành nơi ông phát huy hết tinh hoa của cuộc đời. Nhận lời làm huấn luyện viên của FC Porto, Guttmann ngay lập tức đưa CLB này trở lại với ngôi vô địch quốc gia. Ngay sau ngày đăng quang, đại diện Benfica đã đến gặp ông và đưa ra mức lương cao hơn ở Porto. Với một gã Do Thái tham tiền thì làm sao có thể từ chối lời đề nghị này được. Lập tức, Guttmann "gút bai" thành phố cảng và tới Lisbon. Tại đây, ông đá đít gần hết cả đội 1, chỉ giữ lại vài người, trong đó có Mario Coluna - một người Mozambique, để đưa những cầu thủ từ đội trẻ lên. Hành động này khiến cả Ban giám đốc Benfica sững sờ và tự hỏi liệu mình có sai lầm khi chi tiền cho một gã điên như vậy không. Thế nhưng Guttmann đã chứng minh ông đúng bằng danh hiệu vô địch quốc gia ngay ở mùa đầu tiên tại sân Ánh Sáng. Đích đến tiếp theo của ông lúc này là Cup châu Âu bởi ông cho rằng, thời kỳ thống trị của Real đã đến lúc cần phải chấm dứt.

Song đội bóng chấm dứt kỷ nguyên của Real lại không phải là Benfica. Ngày 23-11-1960, Di Stefano và các đồng đội lần đầu tiên nếm trải hương vị bị loại ở Cup châu Âu khi thúc thủ 1-2 tại Camp Nou trong một trận đấu mà người Madrid đã nổi khùng vì bị trọng tài từ chối tới... 4 bàn thắng. Thế là Barcelona trở thành ứng viên sáng giá nhất cho ngôi vô địch. Họ băng băng về đích một cách dễ dàng mà không để ý ở nhánh bên kia, những chú nhóc của Guttmann cũng vượt qua các đối thủ dễ dàng không kém. Đội bóng của Guttmann lúc này được xây dựng xung quanh hai ngôi sao, Jose Aguas (chính là người được nhắc tới ở đầu bài khi Bauer nói là Eusebio còn giỏi hơn cả anh này) ở hàng tiền đạo và thiên

tài Mario Coluna ở giữa sân. Coluna lúc này 26 tuổi và đang ở đỉnh cao phong độ của mình. Mặc dù xuất thân là tiền đạo nhưng anh đã được Guttmann kéo lùi về tuyến giữa để có thể thể hiện hết trí thông minh và sự sáng tạo. Nhờ đó, Coluna đã đóng góp rất nhiều cho Benfica trên chặng đường đi tới Bern (nơi tổ chức trận chung kết 1961).

Ngày 31-05-1961, Benfica đối mặt với Barcelona ở trận chung kết. Gã khổng lồ xứ Catalan lúc này đang sở hữu hàng công mà chỉ nghe qua, đối thủ đã toát mồ hôi. Ngoài cầu thủ hay nhất châu Âu 1960 Luis Suarez (ông này là người Tây Ban Nha và không liên quan gì đến gã "ma cà rồng" Uruguay), họ còn có các siêu sao như Kubala, Czibor và cả Sandor Kocsis - Vua phá lưới World Cup 1954. Chính Kocsis là người đã đưa Barca vượt lên dẫn trước ngay từ phút 20 bằng quả đánh đầu sở trường. Nhưng Guttmann chả sợ gì cả. Quan điểm của ông xưa nay là: "*Tôi chẳng bận tâm nếu đối thủ ghi bàn trước bởi tôi tin đội bóng của mình sẽ ghi nhiều bàn hơn.*"

Eusebio và Quả Bóng Vàng 1965 (Nguồn: Knoow)

Đúng như những gì Guttmann tuyên bố, phút 30, trung phong chủ lực Aguas đã san bằng cách biệt bằng pha đệm bóng cận thành sau đường bóng khởi phát từ Coluna. Chỉ 1 phút sau, Benfica vượt lên dẫn trước từ một tình huống không thể hài hước hơn. Bóng được rót vào khu cấm địa Barcelona và trung vệ Gensana thay vì phá bóng lên trên lại khiến bóng lượn vào góc chếch khung thành. Thủ môn Ramallets lao tới cản thì bóng đập

trúng tay vào lưới. Sang hiệp 2, Barcelona dồn lên hòng san bằng tỷ số nhưng họ dính đòn "hồi mã thương" của Guttmann. Phút 55, Coluna tung ra cú volley tuyệt đẹp bằng chân phải, chân không thuận của anh, nâng tỷ số lên 3-1. Barca chỉ rút ngắn cách biệt xuống còn 2-3 sau những nỗ lực đến tuyệt vọng và cay đắng nhìn Benfica đăng quang.

Nhưng niềm vui của Guttmann hôm ấy không chỉ có mỗi chiếc Cup châu Âu. Trợ lý của ông thông báo: Benfica đã ký hợp đồng xong với Eusebio.

* *

*

CON BÁO ĐEN

Khi máy bay đáp xuống phi trường Johanesburg, bầu trời xanh một cách lạ kỳ. Không khí lúc đó se lạnh nhưng ánh nắng lại rất chói chang. Và lúc máy bay cất cánh để tới Maputo, từ trên độ cao vài ngàn mét, tôi thấy những cánh rừng xavan trải mênh mông, tít tắp. Xin chào Maputo! Xin chào quê hương của Eusebio! Nóng bức, ngột ngạt, bẩn thỉu và nghèo nàn. Đó là những gì mà tôi nhận thấy ở nơi đây. Điều đó có nghĩa là thành phố này vào thập niên 1950 chắc sẽ còn tồi tệ hơn thế. Rảo bước qua những góc phố, nơi các bức tường đổ nát còn chưa được dỡ bỏ hay dựng lại, lác đác có những đứa trẻ miệt mài chạy theo trái bóng, vừa sút, vừa hét lên những tiếng kêu khoái trá. Ồ, đó chẳng phải là hình ảnh của Eusebio cách đây 70 năm đó sao? Đúng rồi, Con Báo Đen Eusebio - một trong những tay săn bàn cự phách nhất mọi thời đại, một cầu thủ thiên tài của bóng đá thời kỳ "vị nghệ thuật" đã lớn lên từ trên những "sân bóng" nhỏ bé và tù túng ấy.

Maputo, với cái tên thời thuộc địa Lourenço Marques, là một thành phố khá nhỏ nếu so với những đô thị ở Việt Nam. Nhưng những dấu ấn của người Bồ Đào Nha rất đậm nét, từ ngôn ngữ, cách ăn mặc cho đến kiến trúc và đường phố. Ngay văn hóa bóng đá, người Maputo cũng chịu ảnh hưởng lớn từ đất nước châu Âu này. Những người tài xế xe tuk-tuk hay dán logo của CLB Sporting ở trên kính xe, trong khi cánh lái taxi thì tự nhận là fan của Benfica. Porto không được yêu thích lắm bởi họ... thắng quá nhiều danh hiệu trong thời đại truyền hình. Thật là một lý do khá buồn cười!

Người Bồ Đào Nha đã sớm phát hiện châu Phi là một "mỏ vàng"

khổng lồ từ rất lâu và họ nhanh chóng cử những đoàn tàu thiện chiến nhất tới đây để chinh phục Lục địa Đen trong thời đại Khám Phá. Chỉ trong vòng vài trăm năm, thực dân da trắng đã hoàn tất việc thuộc địa hóa một dải đất ven biển châu Phi mà ngày nay là Mozambique. Họ gọi nơi đó là "Bồ Đào Nha Đông Phi". Rất nhiều người dân bản địa đã bị biến thành nô lệ và chịu đựng cuộc sống khắc nghiệt trong hàng trăm năm. Giữa thế kỷ XX, Tiến sĩ Eduardo Mondlane đã thành lập Tổ chức Giải phóng Dân tộc FRELIMO để đấu tranh giành độc lập. Cuộc chiến tranh giữa những người Mozambique bản địa và người Bồ Đào Nha diễn ra vô cùng quyết liệt, kéo dài suốt 13 năm. Nhưng mỉa mai thay, giữa thời kỳ nóng bỏng ấy, một chàng trai gốc Maputo đã tới Bồ Đào Nha và được người dân của "mẫu quốc" tôn sùng như một vị vua. Tên chàng là Eusebio.

Chạy… Chạy… Và chạy…

Cậu bé Eusebio hào hứng đuổi theo trái bóng bằng bìa, nô đùa với đám bạn cùng trang lứa trên bãi đất trống, dọc theo khu phố Mafalala, một trong những khu phố nghèo nhất Maputo, bên cạnh là những bức tường đổ nát bởi thứ gạch vàng úa và kém phẩm chất vốn phổ biến ở đây. Nhà văn Eduardo Galeano mô tả về Eusebio lúc ấy như sau: "*Cậu ta như được định sẵn rằng lớn lên sẽ trở thành một gã đánh giày, một người bán lạc luộc hoặc tệ hơn là một kẻ móc túi. Khi còn bé, cậu ta được gọi bằng cái tên chả giống ai: Ninguem. Và cậu ta bước ra sân rồi chạy như thể đang trốn cảnh sát vậy.*" Eusebio đã lớn lên như thế, lớn lên giữa những tay móc túi, những tên trùm du đãng ở khu Black Market khét tiếng. Nếu bạn có dịp qua Maputo, xin đừng đi tới nơi này, một nơi mà rất có thể bạn sẽ bị cướp đoạt toàn bộ những thứ có giá trị trên người một cách bạo lực nhất.

Cha của Eusebio, một công nhân da trắng, mất sớm và cậu bé được mẹ mình nuôi dưỡng trong cảnh nghèo túng, đói ăn quanh năm. Nhưng tất cả không hề ảnh hưởng tới một thể chất bẩm sinh phi phàm của Eusebio. Cậu vẫn lớn nhanh như thổi, với đôi chân cứng cáp và nhanh nhẹn như một con báo gấm, cùng lá phổi khỏe mạnh và cơ bắp rắn chắc như một chú sư tử. Ngay từ thời còn niên thiếu, Eusebio đã thể hiện sự vượt trội về mặt sức mạnh với những người cùng trang lứa. Một thiên tài về thể thao!

Vào năm 15 tuổi, Eusebio nhận được sự chú ý từ Ugo Amoretti, một huấn luyện viên kỳ cựu người Italia. Vị huấn luyện viên này quá choáng váng trước sức mạnh của cậu bé, đã trở về quê hương liên hệ với một số đội bóng Serie A nhằm mài giũa viên ngọc này.

Nhưng chẳng ai lay chuyển được tâm ý của bà mẹ Eusebio. Bà Elisa lạnh lùng từ chối những bản hợp đồng… học việc trước khi gặp gỡ với đại diện của Benfica. Và chỉ đến khi 350.000 escudo được chồng trước mắt, bà mới chịu gật đầu.

Tháng 5-1961, Eusebio ra sân lần đầu trong màu áo Benfica khi mùa giải đang đi đến hồi kết. Trên băng ghế chỉ đạo, Bela Guttmann cười không khép miệng khi chứng kiến "thằng nhóc" chơi bóng. Đúng là một tài sản quý giá! "Thằng nhóc" ghi liền 2 bàn trong 2 trận liên tiếp và đến tháng sau, lập luôn hat-trick khi đối mặt với Santos của Pele trong một trận giao hữu. Ngay lập tức, hình ảnh Eusebio được đưa lên trang bìa của tờ *L'Equipe*, báo hiệu một nhân vật vĩ đại của Cup châu Âu.

Có Eusebio, con đường bảo vệ danh hiệu vô địch của Benfica trải đầy hoa hồng. Aguas, Coluna và Eusebio hợp thành bộ tam tấu kinh điển 8-9-10, trong đó Aguas đá cắm, Eusebio lùi xuống đá như một tiền đạo thứ 2 còn Coluna là người tiếp đạn. Họ liên tiếp tàn sát các đối thủ bằng những tỷ số rất đậm trên đường tới Amsterdam. Và một lần nữa, đối thủ của Guttmann và các học trò lại là đội bóng Tây Ban Nha. Real Madrid.

Trận chung kết thứ 2 của Benfica cũng theo cùng kịch bản như năm trước. Puskas ghi liền 2 bàn giúp Real gác nhà đương kim vô địch 2-0 từ rất sớm. Nhưng chỉ trong vòng 8 phút, các cầu thủ áo đỏ đã san bằng cách biệt. Tiền đạo gốc Hungary đánh dấu cú hat-trick của mình ở trong trận chung kết ngay trước giờ giải lao. Có vẻ như anh chàng vẫn chưa quên mối hận năm nào Guttmann đã "đá đít" ông Puskas bố khỏi vị trí huấn luyện viên của Kispest. Tuy nhiên, Puskas đã sớm thất vọng bởi hiệp 2 là của Benfica, hay nói đúng hơn, của người Mozambique. Phút 50, lại là Coluna tung ra cú sút xa siêu hạng san bằng cách biệt. Kế đến, Eusebio 2 lần xộc thẳng vào hàng thủ của Real và buộc các hậu vệ đối phương phải phạm lỗi. Một quả penalty và một quả đá phạt trực tiếp. Eusebio tiến lên thực hiện cả hai và nâng tỷ số lần lượt lên 4-3 rồi 5-3. Benfica đã bảo vệ thành công chiếc Cup châu Âu của mình. Các cầu thủ áo đỏ ùa tới công kênh ông thầy già trong lúc Eusebio len lén chạy tới phía Di Stefano xin đổi áo rồi sau đó, nhét vội vào người và đem đi giấu biệt trước khi có ai đó phát hiện ra.

Lúc đó, Guttmann chẳng quan tâm tới tiểu tiết của một gã fan cuồng với thần tượng của mình. Ông chỉ mơ màng về chuyện mình sẽ được tăng thêm bao nhiêu phần trăm lương sau khi trở về Lisbon. Thế rồi, các cổ động viên Benfica hôm sau bỗng thấy vị huấn luyên viên mặt đỏ như trái cà chua, lao ra khỏi khu văn

phòng của CLB và hét lên những lời thô tục nhất. "*Mẹ kiếp! Các người hãy nhớ đấy! Trong vòng 100 năm nữa, Benfica đừng có hòng đoạt thêm bất cứ chiếc Cup châu Âu nào.*" Những người chứng kiến cơn giận dữ và lời nguyền của Guttmann sau khi nhận trát sa thải vì đòi tăng lương hôm ấy chỉ cười khẩy: "*Đồ gàn!*"

Guttmann đóng hành lý ngay lập tức và bay thẳng tới Nam Mỹ. Benfica chẳng hề e sợ. Mùa hè năm đó, họ bổ nhiệm luôn Fernando Riera về dẫn dắt CLB sau khi chứng kiến vị huấn luyện viên trẻ này làm nên điều kỳ diệu cùng Chile ở World Cup. Benfica vẫn lọt vào trận chung kết Cup châu Âu ngay mùa sau. Nhưng lần này, phép lạ đã không còn nữa. Benfica vượt lên dẫn trước Milan nhờ công của Eusebio nhưng sau đó đã bị thua ngược 1-2, y hệt kịch bản mà họ đã từng làm với Barcelona và Real Madrid ở 2 năm trước đấy. Đó chính là màn khởi đầu cho một loạt các bi kịch của CLB. Họ lần lượt lọt vào 8 trận chung kết Cup châu Âu sau thời Guttmann nhưng tất cả đều thua. Lời nguyền của vị huấn luyện viên người Hungary đã ám Benfica trong suốt 60 năm qua, kể cả khi ông đã về với Chúa. Trong một nỗ lực tuyệt vọng, tháng 5-1989, Eusebio bay tới Áo, nơi đặt mộ phần của Guttmann, cầu xin người thầy cũ hãy tha thứ cho CLB. Benfica sau đó đã chơi một trận chung kết đầy nỗ lực nhưng cuối cùng, mọi thứ vẫn như cũ. Đối thủ của họ - một lần nữa lại là AC Milan - mới là nhà vô địch.

Trái ngược với sự đối xử bất công mà Benfica dành cho Guttmann, cuộc đời Eusebio với đội bóng này tràn đầy sự tôn vinh và sùng bái. Sau những năm tháng cống hiến cùng 473 bàn thắng trong 440 trận đấu cho Benfica, Eusebio được người Bồ Đào Nha kính trọng như một vị vua. Khi ông qua đời ở tuổi 72, Bồ Đào Nha đã tổ chức quốc tang trong 3 ngày để tỏ lòng thương tiếc. Nhưng đó là với Bồ Đào Nha, còn ở châu Phi, ông chỉ là một kẻ xa lạ. Ông không được những người Maputo coi trọng dù xuất thân từ những con phố nghèo nàn nơi đây. Ở Mozambique, Mario Coluna mới là người hùng. Eusebio chỉ là một kẻ mất gốc, một gã cầu thủ đã quên đi quá khứ của mình. Trong suốt những năm tháng đỉnh cao, Eusebio không đoái hoài gì đến quê hương. Ông thậm chí còn không muốn trở về Maputo, trở về khu Black Market lụp xụp để thăm lại đám bạn bè cũ, phần lớn vẫn còn rất nghèo khổ. Khi Coluna đổ tiền bạc ra sức đầu tư cho Mozambique thì Eusebio lại lạnh lùng và trốn tránh trách nhiệm. Ông đã trở thành một người Bồ Đào Nha thực sự.

Khi tôi hỏi một người dân Maputo về Eusebio, họ tỏ ra không mấy thích thú khi nhắc đến tên ông. Cầu thủ vĩ đại của lịch sử bóng đá thế giới chỉ là một vệt đen trong tâm trí những người đồng hương.

Phải chăng, khi bước đến "Ánh Sáng" (tên sân vận động của Benfica là "Estadio da Luz", tức sân Ánh Sáng), ông đã quên rằng mình lớn lên từ một góc châu Phi nghèo nàn và tăm tối?

Thầy phù thủy của Inter Milan

Vũ Anh Tuấn (Inter club Vietnam)

"Catenaccio không được sinh ra bởi Gianni Brera. Nếu bảo đó là một phần trong cá tính của người Italia thì cũng không sai. Nó giống như những khu ổ chuột ở Rome vậy, chúng không được phục dựng bởi những nhà làm phim. Đơn giản là chúng hiện hữu ở đấy." Đạo diễn lừng danh Pier Paolo Pasolini từng chiêm nghiệm như vậy khi bàn về Catenaccio, thứ bóng đá như khắc họa bao nỗi ám ảnh với các đối thủ từng nếm trải. Nếu thế giới bên ngoài Calcio xem chúng là kẻ thù của bóng đá, thì người Italia tôn thờ Catenaccio như chính linh hồn của mình. Bởi vượt xa một quan điểm bóng đá thuần túy, Catenaccio phản chiếu mọi giá trị lịch sử, cá tính của bóng đá Italia.

CATENACCIO, NƠI KHƠI NGUỒN CẢM XÚC CALCIO

Catenaccio, khái niệm khiến nhiều người rùng mình nghĩ đến thế trận "phòng ngự đổ bê tông" - thương hiệu của người Italia ở các giải đấu lớn, lại không phải là quan niệm được sinh ra ở mảnh đất hình chiếc ủng. *Calcio, A History of Italian Football* của John Foot - cuốn sách lý giải cặn kẽ về hình tượng Catenaccio - được chia thành 2 phần rõ rệt: giới thiệu lịch sử của trường phái này và nhìn nhận về tinh thần Catenaccio trên sân cỏ Italia.

Theo sử sách ghi chép, người đầu tiên đề ra ý tưởng này là Karl Rappan, một chiến lược gia người Áo, vào thập niên 1930, thời điểm mà châu Âu bị chi phối nặng nề bởi đội hình "Kim tự tháp" 2-3-5 cùng lối đá tấn công không ngừng nghỉ. Tuy vậy, Rappan lại có suy nghĩ khác khi cầm quân ở Servette, Grasshoppers và đội tuyển Thụy Sĩ. Khi ấy, ý tưởng ban đầu của ông đơn giản là không để thủng lưới thì sẽ không thua trận, khi tăng cường thêm một hậu vệ bằng cách rút bớt đi một tiền đạo. Tất cả xuất phát từ việc Rappan nhận thấy hệ thống phòng ngự của ông sẽ đối mặt với rủi ro cao, một khi hàng công ba người của đối phương đánh bại được chiến thuật phòng ngự một kèm một. Quyết định tăng cường

thêm một trung vệ "lót" phía sau hàng thủ là giải pháp nhằm hạn chế tối đa sai sót. Khi ấy, hệ thống mới của ông có tên là Verrou, "Cái then cửa", hay đơn giản là Catenaccio theo cách gọi của Gianni Brera lẫn người Italia sau này. Vị trí trung vệ thòng là bước đi tạo nên cuộc cách mạng về chiến thuật trên sân cỏ vào thuở sơ khai của bóng đá thế giới. Ngay lập tức, thành công đến với đội tuyển Thụy Sĩ, quê hương của Catenaccio, khi mà họ đã đánh bại Đức và Áo tại World Cup 1938.

Diễn biến đó thu hút sự quan tâm của nhiều chiến lược gia, trong đó một số nước Trung Âu và Pháp cũng là những nơi du nhập ý tưởng của Rappan. Như miêu tả của Helenio Herrera thì đó là vào năm 1945, một vài đội bóng xứ Lục Lăng đã thử nghiệm lối chơi này. Nhưng kỳ lạ thay, chỉ có Calcio và người Italia mới nâng tầm Calcio thành thứ nghệ thuật phòng ngự đỉnh cao khiến đối phương phải khiếp sợ. Đó là hành trình dài để quan điểm của Rappan vươn mình trở thành Catenaccio, hệ tư tưởng làm thay đổi thế giới quan bóng đá của người Italia.

Từ Salerno ở miền Nam cho đến Trieste và Padua ở miền Bắc, quan điểm của Rappan âm thầm len lỏi vào sân cỏ Italia giữa lúc triết lý tấn công vẫn còn chỗ đứng mãnh liệt ở Calcio. Năm 1944, tại một giải đấu giao hữu, huấn luyện viên Ottavio Barbieri của Spezia lần đầu giới thiệu vị trí mà người Italia gọi là "Libero", cho đến năm 1947, cảm hứng ấy giúp huấn luyện viên Alfredo Mazzioni dẫn dắt Modena đến ngôi á quân Serie A. Nhưng người đi tiên phong ở Calcio trong việc gầy dựng lối đá phòng ngự cực đoan với một trung vệ thòng phía sau hàng thủ là Gipo Viani. Đấy là sau Thế chiến thứ Hai khi ông cầm quân ở Salernitana, đội bóng nhỏ ở Campania vốn không thể cạnh tranh với những quyền lực như Juventus, AC Milan, Torino. Vì lẽ đó, họ quyết định sẽ chơi phòng ngự nhiều hơn bằng cách thay một cầu thủ tấn công bằng một trung vệ thòng. Quyết định này khiến "kẻ nhược tiểu" ở Salerno trở nên gai góc hơn nhiều trước các ông lớn, Viani tự hào gọi chiến thuật này là "Vianema" theo cảm hứng từ tên của ông. Nhưng vấn đề là họ không thể thi triển khả năng phản công tốt, thành tố quan trọng làm nên Catenaccio, thế nên trong mùa giải duy nhất của mình ở Serie A (1947-48) khi ấy, Salernitana đã không thể thắng bất cứ trận đấu nào trên sân khách. Vì lẽ đó, giới sử gia không xem Vianema là Catenaccio mà chỉ góp phần tạo ra nền tảng để lớp hậu bối sau này hoàn thiện nó. Trong đó, Nereo Rocco là huyền thoại đầu tiên thành công khi áp dụng "Cái then cửa" cho đội bóng của mình.

"*Nhìn vào Nereo Rocco, bạn sẽ thấy một nửa lịch sử của Calcio*", khái

quát ngắn gọn của hai cây bút Giovanni Arpino và Alfio Caruso đủ để bạn thấy tầm vóc vĩ đại của vị huấn luyện viên sau này là tượng đài của AC Milan, bởi nếu Helenio Herrera là sứ giả của Catenaccio thì hẳn Nereo Rocco là Đức Chúa Trời của trường phái này. Bắt đầu từ quê nhà Trieste cho đến Padova, quan điểm giữ chặt hàng thủ bằng mọi giá giúp Nereo Rocco gầy dựng tên tuổi khi giúp các đội bóng tỉnh lẻ thành công, mà ngôi á quân Serie A mùa giải 1947-48 của Triestina vẫn là chiến công hiển hách cho đến tận ngày hôm nay, trong đó hàng thủ chắc chắn thứ tư giải đấu chính là nền tảng để họ chỉ đứng sau Grande Torino. Với Padova, ông cùng họ liên tiếp góp mặt trong top 6 tính từ năm 1957 đến 1960.

Thành công này bỗng truyền cảm hứng cho các đội bóng nhỏ khi họ đã tìm ra cách để đối phó với các ông lớn. Về cơ bản, nguyên tắc nằm lòng của Catenaccio là phòng ngự chặt - phản công nhanh, hai thành tố vốn đan xen lẫn nhau mà chỉ cần thiếu một trong hai, xem như Catenaccio không hề tồn tại. Chính điều này dần biến sân cỏ Italia từ chỗ là nơi nuôi dưỡng bóng đá tấn công vào những năm 30 và 40, nay chuyển sang trạng thái phòng ngự cực đoan với câu nói nổi tiếng "Prima non prenderle" hay "*Đầu tiên là phải giữ sạch mành lưới*". Như hành trình của nhà báo Mỹ Joe McGinnis khi theo chân đội bóng nhỏ Castel Di Sangro ở Serie B, thì hầu hết các CLB chỉ dùng một trung phong cắm với lối đá co cụm và rình rập. Nếu may mắn trong tình huống phản công nào đó, họ sẽ thắng 1-0. Ngược lại, là trận hòa không bàn thắng, tỷ số được Gianni Brera miêu tả là lý tưởng cho bóng đá. Nên nhớ, nhà báo Brera là người góp phần lan tỏa sức sống Catenaccio và ý chí của ông được thể hiện rõ qua cách nhấn mạnh tầm vóc của hàng phòng ngự.

Để lý giải cho việc tại sao Calcio lại hào hứng đón nhận Catenaccio so với các nền bóng đá khác, John Foot cho hay, nhiều giả thiết đề cập đến thể trạng của người Italia thấp bé hơn so với các đối thủ từ Bắc và Trung Âu khiến họ không thể thi triển lối đá máu lửa suốt 90 phút. Thế nên, "Cái then cửa" mang đến giải pháp bù đắp lại những khiếm khuyết về thể chất. Tuy vậy, huấn luyện viên Helenio Herrera cho rằng điều này không có cơ sở, bởi nếu một hệ thống hoạt động tốt ở nơi này thì hoàn toàn có thể áp dụng ở nhiều nơi khác. Vấn đề là nền bóng đá ấy sẽ đón nhận ra sao lại là một câu chuyện hoàn toàn khác nhau. Trước khi Catenaccio du nhập vào Italia, Calcio bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi lối đá tấn công cống hiến nhưng thành công vang dội ở những năm 1960 là nhân tố khiến người Italia bắt đầu bị quan điểm này chinh phục và thực tế sau đó đã chứng minh, Catenaccio đã vươn tầm về nghệ thuật

phòng ngự cùng bóng đá Italia khi những vinh quang từ cấp CLB đến màu áo Azzurri đều có dấu ấn đậm nét của trường phái này.

Mở đầu bằng ảnh hưởng của Nereo Rocco tại AC Milan, đội bóng khi ấy buộc phải tìm kiếm một huấn luyện viên thay thế cho… Gipo Viani vào năm 1961, sau khi tiền bối của trường phái Vianema giải nghệ vì cơn đau tim. Cuộc gọi định mệnh giữa Rocco và Viani đã đưa El Paron đến Milano để viết lại lịch sử cho Rossoneri khi tạo ra chu kỳ chiến thắng cùng Catenaccio. Điểm lý thú với lối chơi của AC Milan khi ấy là dù thi triển lối đá phòng ngự cực đoan, nhưng Rocco luôn cố gắng chơi tấn công nhiều nhất khi có thể. Minh chứng là trong mùa giải 1961-62, màu áo đỏ đen đã ghi đến 83 bàn thắng, nhiều hơn 22 bàn so với các đội bóng khác. Ở Cup C1 châu Âu năm 1969, Milan cũng đè bẹp Ajax Amsterdam ở chung kết với cảm hứng từ Gianni Rivera, đôi chân thiên tài trong đội hình của Rocco khi ấy, tài năng duy nhất có sự biệt đãi khi không phải tham gia phòng ngự. Trong khi đó, phần còn lại buộc phải gồng mình với đòi hỏi của Catenaccio về kỷ luật chiến thuật và những ai không đáp ứng được đều phải bật bãi khỏi Milan, trong đó Jose Altafini và Jimmy Greaves là những trường hợp tiêu biểu nhất dù đều danh tiếng vào thời điểm đó.

Nếu AC Milan mở đầu cho chiến thắng của Catenaccio thì người anh em Inter đưa quan điểm này lên đỉnh cao bằng chuỗi ngày vinh quang cùng Helenio Herrera, chiến lược gia vốn đã gầy dựng thế hệ được xưng tụng là Grande Inter (Inter vĩ đại) cho đến ngày hôm nay. Tài thao lược và kỷ luật sắt đá của Il Mago biến tập thể của những Giacinto Facchetti, Mario Corso, Sandro Mazzolab… thành cỗ máy chiến thắng, hình mẫu cho các đội bóng mạnh Italia sau này, gồm túi tiền không đáy từ đế chế dầu lửa nhà Moratti cho đến khả năng quản lý đội bóng của Herrera. Hai danh hiệu vô địch Cup C1 của Inter ở thập niên 1960 càng được tô đậm bởi chiến thắng trước hai quyền lực hàng đầu châu Âu là Benfica và Real Madrid, vốn đại diện cho trường phái tấn công với những Eusebio hay Alfredo Di Stefano lừng danh, cũng là đỉnh cao cho Catenaccio ở giai đoạn này.

Di sản của Nereo Rocco và Helenio Herrera vượt xa những vinh quang trên sân cỏ khi định hình bản sắc cho Calcio mãi về sau. Ở đấy, tinh thần Catenaccio len lỏi ở mọi ngõ ngách của bóng đá Italia, xâm chiếm suy nghĩ các cầu thủ, huấn luyện viên cho đến người hâm mộ với quan điểm như John Foot thừa nhận rằng "*Chiến thắng là tất cả*". Bởi với người Italia, Catenaccio không chỉ tồn tại bằng chiến thuật, lối chơi trên sân cỏ, mà còn là trò tâm lý chiến hòng đánh lừa đối thủ, phao tin giả về đội hình ra sân… Tất

cả được chuẩn bị bài bản đến từng chi tiết nhằm tối ưu hóa chiến thắng của đội nhà. Người Italia cũng không quan tâm đến định kiến dành cho những Claudio Gentile, Marco Materazzi… Bởi chỉ có kẻ chiến thắng mới ghi lại dấu chân của mình với lịch sử. Cho đến tận ngày hôm nay, khi dòng chảy thời đại làm biến đổi Calcio với những "Arrigo Sacchi" xuất hiện nhiều hơn nhưng có một sự thật hiển nhiên là tinh thần Catenaccio, tinh thần chiến thắng vẫn luôn nắm giữ linh hồn mọi thế hệ của bóng đá Italia.

* *

*

IL MAGO - SỨ GIẢ CỦA CATENACCIO

"Người đàn ông ấy sinh ra ở hòn đảo trắng trên dòng Rio de la Plata hay Tigre gì đó, bởi cũng chả ai biết rõ điều này khi… thế giới mới là quê nhà của gã ấy. Hắn tự chọn cho mình kiếp sống phiêu bạt của một lữ khách."

Đó không phải câu nói của ai khác, mà chính Helenio Herrera đã tự bạch về bản thân mình như vậy, người sinh ra ở Argentina bởi cặp vợ chồng đến từ Andalusia (Tây Ban Nha). Năm lên 4 tuổi, gia đình Herrera dắt díu nhau đến Morocco khi cuộc sống của họ ở Argentina quá cơ cực. Đến sau này là Pháp, mảnh đất cho ông biết bao ký ức với bóng đá. Ngẫm nghĩ, bạn sẽ thấy sự tương đồng thế nào về số phận của ông và Catenaccio, trường phái đã chu du từ Thụy Sĩ bởi một người Áo rồi lan qua miền Nam và Trung Âu trước khi gắn chặt với lịch sử thăng trầm của Calcio, nơi ghi lại mối lương duyên định mệnh giữa Helenio Herrera và Catenaccio.

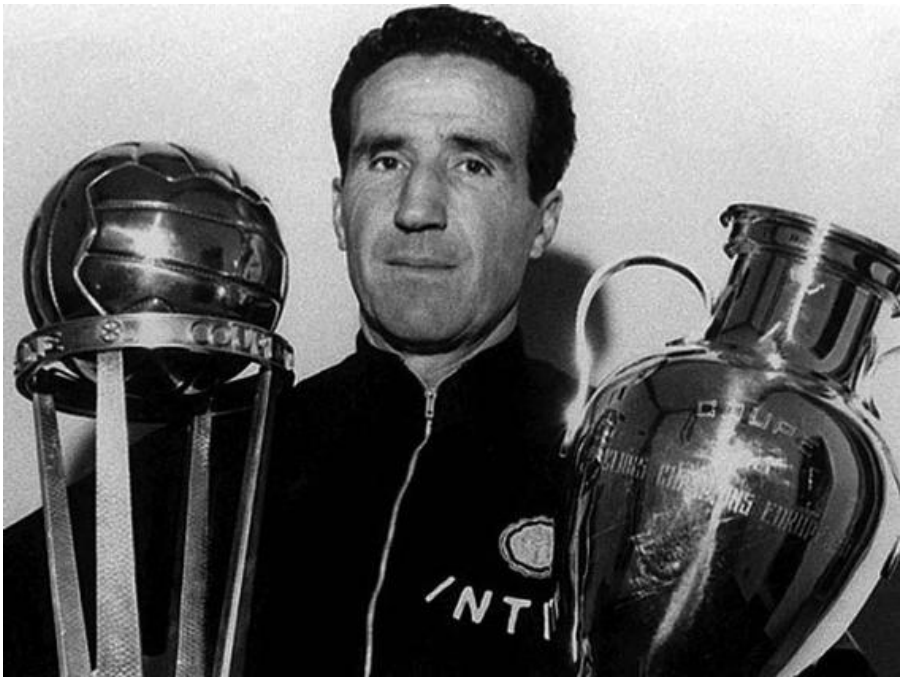

Helenio Herrera

(Nguồn: Inter)

Khi nhìn lại lịch sử bóng đá thế giới, các sử gia đều đồng tình rằng, dù không phải là người sáng tạo ra Catenaccio lẫn đi tiên phong trong việc áp dụng trường phái này, nhưng chắc chắn Helenio Herrera là huấn luyện viên giỏi nhất từng thi triển "Cái then cửa". Bởi đỉnh cao mà ông và Inter chinh phục trong thập niên 1960 không những viết lại lịch sử cho Nerazzuri, mà còn kiến tạo vị thế hùng mạnh cho Catenaccio khi nhắc đến thứ bản sắc bóng đá từng lưu danh sử sách, bên cạnh "Bóng đá tổng lực" (Hà Lan), Joga Bonito (Brazil), Kick and Run (Anh).

"*Tôi là người đầu tiên trong lịch sử chơi trung vệ thòng, đó là Pháp vào năm 1945 thì phải.*" Helenio Herrera nhớ lại khi trò chuyện cùng nhà báo Simon Kuper về duyên nợ của mình với Catenaccio đã bắt đầu thế nào. Trước đó ở Morocco, ông đầu quân cho CLB có tên Roca Negra, rồi Racing Casablanca. Herrera chơi khá ổn trong vai trò hậu vệ để sau đó xuất hiện cùng đội tuyển Morocco so tài với Algeria và Tunisia tại giải bóng đá các nước Bắc Phi. Tất cả là bàn đạp để chàng thanh niên Argentina tìm đến Pháp khi CLB Stade Francais đưa ra lời mời chính thức. Thời điểm trùng với việc thứ bóng đá của Karl Rappan bắt đầu tạo tiếng vang ở châu Âu, sau khi tuyển Áo gây ngạc nhiên lớn tại World Cup 1938 bằng việc

lọt vào đến tứ kết. Nên nhớ, đó là thời hoàng kim của chiến thuật WM cùng sự thịnh hành của trào lưu tấn công trên các sân cỏ khắp châu Âu.

Năm 1945, Herrera quyết định treo giày và dấn thân vào sự nghiệp cầm quân. Sau khởi đầu ở Pháp, ông trở lại Tây Ban Nha và ở lần phiêu lưu này, tên tuổi của Helenio Herrera bắt đầu gây chú ý lớn với thế giới bóng đá. Thành công đầu tiên đến ở Atletico Madrid với hai danh hiệu vô địch La Liga, nhưng rồi ông đột ngột ra đi khi vị Chủ tịch mới lên nắm quyền. Điều tương tự lặp lại ở Sevilla khi cá tính mạnh khiến Herrera bất đồng với ban lãnh đạo đội bóng, những chiến thắng trên sân cỏ không thể giữ chân kẻ du mục như ông. Barcelona chính là đội bóng chú ý đến những diễn biến này khi quyết định tuyển mộ huấn luyện viên có thể giúp họ cạnh tranh với kình địch Real Madrid.

Thập niên 1950 chứng kiến Barcelona trở thành quyền lực lớn của bóng đá Tây Ban Nha. Thành công đó xoay quanh tài chơi bóng của Ladislao Kubala, siêu sao lớn đầu tiên của Blaugrana khi được thừa nhận là người viết lại lịch sử cho đội bóng xứ Catalan ở kỷ nguyên của nhà độc tài Franco, bởi nếu Bernabeu có Alfredo Di Stefano, thì ánh sáng của Camp Nou được thắp lên bởi Ladislao Kubala. Năm 1958, Herrera đến Barcelona và lập tức giúp họ phá vỡ thế độc tôn của Real Madrid bằng 2 chức vô địch La Liga, 2 Cup Hội Chợ (tiền thân của Cup C3 châu Âu), 1 Cup Nhà Vua chỉ trong hai năm gắn bó. Nhưng tất cả bị xóa sạch sau mâu thuẫn với Kubala, khi Herrera quyết định để siêu sao Hungary trên ghế dự bị ở trận bán kết Cup C1 mùa giải 1959-60 với kình địch Real Madrid. Barca thua đau và Herrera quyết định từ chức sau những chỉ trích từ truyền thông và người hâm mộ. Nhưng ông không ngờ, cánh cửa đóng lại ở Catalan giúp Il Mago tìm thấy chân ái của đời mình.

Năm 1978, bộ phim hài *Ecce Bombo* của đạo diễn Nanni Moretti trình chiếu đến công chúng. Một phân cảnh đáng nhớ là các nhân vật chính thử tài kể tên các Tổng thống của Italia từ năm 1946. Người đầu tiên khởi đầu bằng "De Nicola" nhưng ba người tiếp theo lại chọn theo hướng khác hẳn. Burgnich, Facchetti, Corso… những huyền thoại trong kỷ nguyên Grande Inter, chi tiết phản chiếu sự nổi tiếng thế nào về giai đoạn mà màu áo xanh đen tạo ra sức ảnh hưởng lên nhiều thế hệ người Ý. Và kiến trúc sư trưởng cho công trình vĩ đại ấy chính là Helenio Herrera.

Mọi thứ bắt đầu vào mùa hè 1960 khi ông chủ Angelo Moratti quyết định tìm hướng đi mới cho Inter sau thời gian dài thất bại

trong việc hoạch định chỗ đứng của Nerazzuri. Thất bại 0-4 trước Barcelona ở Cup Hội chợ mùa giải 1959-60 lại là cơ duyên cho Moratti chú ý đến huấn luyện viên đối thủ bằng sự ngưỡng mộ. Vài tháng sau, ngay khi tin tức về sự ra đi của Herrera xuất hiện, Inter đã không do dự lấy một giây trong việc chiêu mộ bằng được huấn luyện viên tài năng từ Argentina.

"*Tôi không thích những nhà hàng ở Ý chút nào, một bàn ở chỗ này, một bàn ở chỗ kia. Thứ tôi muốn là một bàn lớn cho cả đội quây quần. Tôi sẽ ngồi ở hàng đầu, rồi mọi người sẽ hỏi han nhau xem vợ con dạo này thế nào, cuộc sống ra sao...*" Il Mago chỉ ra điểm đầu tiên mà ông kiến tạo chính là mối quan hệ giữa các thành viên của đội bóng, trong đó slogan mà Herrera nhắc nhở các cầu thủ luôn là "Một đội bóng, một gia đình". Giới sử gia cho rằng, ông lờ mờ xuất hiện như một "Manager" đầu tiên của thế giới bóng đá khi quan tâm đến mọi ngõ ngách trong lòng đội bóng, từ chiến thuật đến đào tạo trẻ, cơ cấu lương thưởng của các cầu thủ... Ví như Balbo (một tay chơi của Inter khi ấy) hôm nay có la cà ở quán bar hay không, các Interista phản hồi ra sao về các cầu thủ. Nhưng công trình vĩ đại Grande Inter không thể sớm đến như kỳ vọng của Chủ tịch Angelo Moratti khi lối đá tấn công của Nerazzuri thất bại trong việc chinh phục Scudetto. Tình thế buộc Helenio Herrera phải thay đổi ở mùa giải thứ 3 (1962-63), khi đưa trường phái "Cái then cửa" đến với Inter.

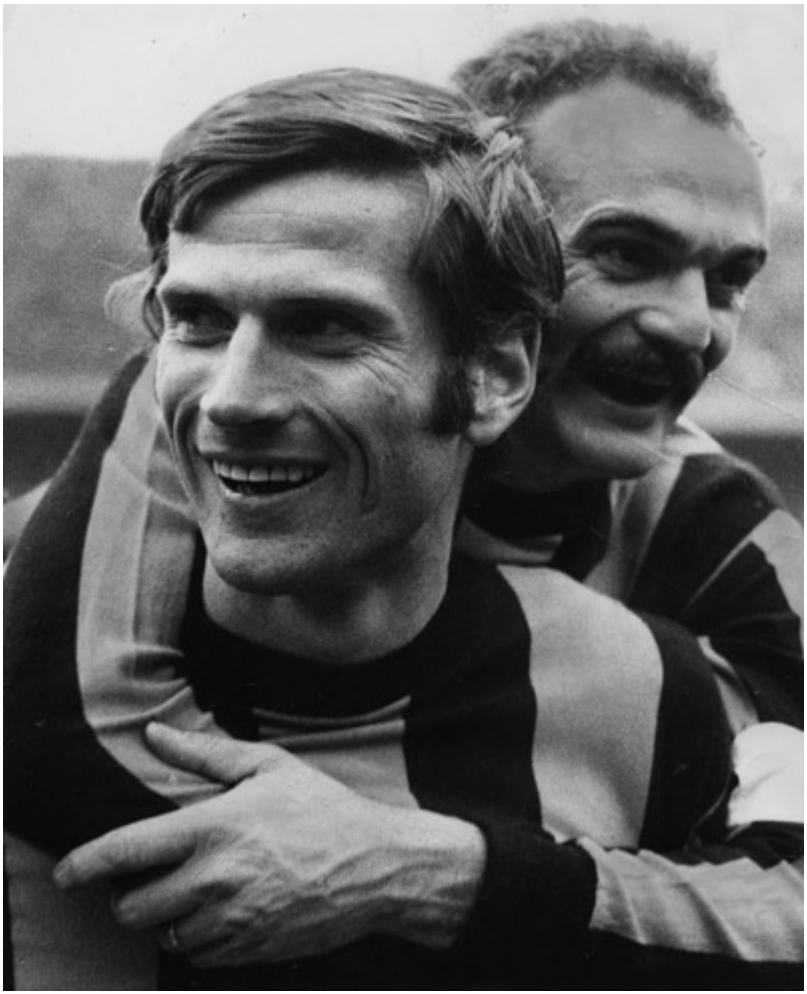

Facchetti và Mazzola (Nguồn: GiocoPulito)

Sự gia nhập của Tarcisio Burgnich và Humberto Maschio vào năm 1962 cùng hai tài năng trẻ được đôn lên đội 1 gồm Giacinto Facchetti và Sandro Mazzola, giúp Il Mago tìm ra công thức chiến thắng khi ông kết hợp họ với lứa trụ cột như Armando Picci, "Luisito" Suarez, Mario Corso. Chỉ trong vòng 4 năm, Helenio Herrera kiến tạo nên đế chế chinh phục từ Calcio đến châu Âu bằng thứ bóng đá tổ chức và trên hết là kỷ luật của Catenaccio. Nhưng vấn đề là, phiên bản "Cái then cửa" của ông khi được áp dụng ở Nerazzuri sẽ như thế nào?

"*Catenaccio bị chỉ trích nhiều bởi cách mà người ta dùng nó là hoàn toàn sai lầm.*" Trong cuốn *Soccer Against Enemy* của Simon Kuper, Herrera chỉ ra điều này bằng lập luận như sau: "*Trong hệ thống của mình, tôi có hai trung vệ dập đứng trước một trung vệ thòng, họ là*

những cầu thủ bắt người nhưng các hậu vệ biên thì phải tấn công. Facchetti mà có thể tấn công như vậy cũng bởi có tôi." Diễn giải này của ông được thừa nhận rộng rãi bởi các sử gia khi cho rằng, Inter hoàn toàn chơi tấn công thay vì phòng ngự một cách thụ động lẫn rình rập phản công. Slogan tiêu biểu cho lối chơi của Nerazzuri được gọi là "Taca la Bala" hay "Đoạt lấy bóng". Ý tưởng của Herrera là gây sức ép và tấn công vào khoảng trống ở trên sân, đặc điểm trong cách phòng ngự của các hậu vệ Inter khi ấy là thay vì chờ đợi đối thủ, họ sẽ phán đoán và đưa ra quyết định thật nhanh. Cơ sở để hình thành nên phong cách sau này của các hậu vệ "Made in Italy" trứ danh và ở đội bóng của huấn luyện viên người Argentina, Xanh Đen không hề chơi phòng ngự tiêu cực mà có chăng, họ phòng ngự xuất sắc hơn bất cứ đối thủ nào vào thời điểm đó. Với hàng công gồm "Luisito" Suarez, Sandro Mazzola, Jair, Nerazzuri sở hữu những cầu thủ tấn công hoa mỹ bậc nhất, lực lượng giúp đế chế Grande Inter lần lượt khuất phục những quyền lực ở châu Âu như Real Madrid hay Benfica. Nhưng khi bàn về chiến công thống trị Cup C1 vào những năm 1960 của đội bóng này, giới chuyên môn cho rằng tinh thần mà Herrera gửi gắm còn quan trọng hơn lối đá mà họ lựa chọn.

Lottare o giocare? Chiến đấu hay là chơi bóng? Herrera lúc nào cũng vặn hỏi các học trò của mình như trước khi bước ra sân. Và dù báo giới Italia gọi mình là Il Mago (Nhà phù thủy) nhưng bản tính của huấn luyện viên người Argentina lại mang phong thái của nhà binh hơn là chiến lược gia trên sân cỏ. Thậm chí, ký giả John Foot chả ngần ngại mô tả ông như kẻ độc tài và cách duy nhất trụ vững ở Inter khi ấy là các cầu thủ buộc phải chấp nhận kỷ luật của Herrera bất chấp vị thế ra sao. Danh sách những kẻ phải ra đi vì chống lệnh ông là khá dài, từ Juan Antonio Angelillo (kỷ lục gia ghi 33 bàn thắng trong 1958-59 trước khi bị phá bởi Gonzalo Higuain vào năm 2016), cho đến Armando Picci - thủ quân của Grande Inter người buộc lòng phải ra đi sau tranh cãi nảy lửa với Il Mago.

Sau 7 năm thấm đẫm vinh quang với 3 Scudetto, 2 Cup C1 châu Âu, 2 Cup Liên Lục Địa cho Inter, kỷ nguyên của Helenio Herrera định vị lại chỗ đứng cho Xanh Đen với Calcio khi nên nhớ, ông chính là huấn luyện viên"đính" trên chiếc logo của đội ngôi sao danh giá, biểu tượng cho lần thứ 10 giành được Scudetto. Xa hơn thế, người Italia xem ông là nhân vật tiêu biểu cho vóc dáng của bóng đá nước nhà, giai đoạn mà Calcio vươn mình ra thế giới để tạo lập chỗ đứng về bản sắc bóng đá, vốn để nhận diện nên sắc thái riêng mà Calcio có được cho đến ngày hôm nay. Chắc chắn, tinh thần Catenaccio sẽ không bao giờ huyền thoại đến thế nếu

thiếu đi kỷ nguyên chiến thắng của Grande Inter mà Il Mago đã gầy dựng.

* *

*

NHỮNG ĐỨA TRẺ CỦA HERRERA

Khi họa sĩ Giorgio Muggiani dẫn đầu nhóm người tách ra khỏi AC Milan để lập nên FC Internazionale vào năm 1908, có lẽ người đàn ông Thụy Sĩ này cũng không thể ngờ rằng, đội bóng của những kẻ ngoại quốc ấy sau này sẽ là xương sống để kiến tạo nên tinh thần của bóng đá Italia. Và dù tôn chỉ "We're Brothers of the World" ghi lại Inter là mái nhà của những ngôi sao quốc tế, thì lịch sử cho thấy màu áo xanh đen vẫn là cái nôi sản sinh ra nhiều tượng đài bóng đá cho người Italia, điều đó được khắc họa rõ nhất qua hai giai đoạn hào hùng của đội bóng này với Giuseppe Meazza ở thuở hồng hoang và thế hệ Grande Inter vĩ đại, nơi tinh thần Catenaccio đã đi vào sử sách. Ở đấy, bạn sẽ thấy Giacinto Facchetti và Sandro Mazzola hiện lên như hai biểu tượng chói sáng nhất của giai đoạn hào hùng này.

Ngày 10-06-1961, Inter để thua Juventus 1-9 ở Turin, cũng là thất bại nặng nề nhất lịch sử Nerazzuri trước kẻ thù của mình. Hệ quả tất yếu cho sự phản kháng từ ông chủ Angelo Moratti khi hạ lệnh cho huấn luyện viên Helenio Herrera đưa vào sân đội hình U19, cũng là cách Inter mỉa mai quyết định của Liên đoàn bóng đá Italia cho đá lại trận đấu mà lẽ ra Xanh Đen phải được xử thắng, sau sự cố Juventus để khán giả ngồi tràn xuống đường piste. Trong số những cậu nhóc ra sân để chiến với Bianconeri ngày hôm ấy, Herrera đã chọn Facchetti và Mazzola "nhỏ". Ít ai ngờ, cả hai đều đã sớm trưởng thành sau nỗi uất hận ở Turin.

Cho đến trước khi Catenaccio xuất hiện, tầm vóc của một cầu thủ phòng ngự ở Calcio bị lu mờ trước những ngôi sao tấn công. Thực tế này được chứng minh qua việc người hâm mộ tôn vinh những Giuseppe Meazza, Silvio Piola, Valentino Mazzola hơn là một hậu vệ nào đó, bất chấp sự xuất sắc của họ... Ngược lại, sau những năm 1960, các giai thoại về Gaetano Scirea, Franco Baresi, Paolo Maldini, Fabio Cannavaro được lưu truyền sử sách sau những cống hiến lặng lẽ của mình cho màu áo Azzurri và Calcio. Đó là sự dịch chuyển lớn về thế giới quan bóng đá mà người Italia đón nhận sau cú chuyển mình vào thập niên 1960 để bây giờ, cú tắc bóng giải nguy từ Alessandro Nesta có giá trị tương đương một

bàn thắng của Christian Vieri. Người đã góp phần làm thay đổi vị thế ấy của cầu thủ phòng ngự chính là Giacinto Facchetti.

Sinh ra tại thị trấn nhỏ Treviglio, cậu bé Facchetti khởi đầu bằng vị trí tiền đạo ở CLB Trevigliese. Đây chính là mấu chốt cho lý giải tại sao ông có thể ghi đến 75 bàn thắng trong hơn 600 trận đấu cùng Inter sau này dù chỉ đá hậu vệ trái. Như thổ lộ của Helenio Herrera, óc quan sát của ông về thằng bé ở Treviglio tại một giải đấu trẻ như mách bảo rằng, Facchetti sở hữu sẵn các tố chất mà ông cần cho một hậu biên của mình là tốc độ, khả năng phòng ngự và… tấn công. Nên nhớ, phẩm chất cuối cùng mà Il Mago nghiền ngẫm là điều tối kỵ với Calcio thuở ấy, khi hầu hết các huấn luyện viên sẽ cấm các hậu vệ dâng cao tấn công. Ngay cả với bậc thầy Nereo Rocco, thì nhiệm vụ của một hậu vệ đầu tiên và duy nhất chỉ là phòng ngự. Như cảm thán của huyền thoại Dennis Law (Scotland) trong mùa giải duy nhất của mình ở Serie A cùng Torino, các hậu vệ biên khi ấy bị cấm tiệt chuyện dâng cao quá vạch giữa sân. Nhưng Grande Inter và Helenio Herrera đã đi ngược xu thế ấy bằng việc cổ xúy khả năng tấn công cho các hậu vệ biên. Hơn cả, quan điểm này may mắn bắt gặp tài năng của Giacinto Facchetti để làm thay đổi vai trò lịch sử của một hậu vệ.

Ngay trong trận đấu thứ 2 của mình với Inter, "Gigante Bouno" đã khiến Calcio ngỡ ngàng khi sút tung lưới Napoli. Từ chiều cao 1m91 đến sức vóc, kỹ thuật và tốc độ của mình, Facchetti khiến giới quan sát vào thời điểm đó dậy sóng về quan điểm bóng đá mới mẻ mà Herrera giới thiệu. Con số 15 trận đấu ở mùa giải đầu tiên khi mới 19 tuổi là thành quả đáng kinh ngạc cho tài năng trẻ của Inter. Nhưng mọi thứ chỉ được xem là thăng hoa khi Inter đoạt lấy Scudetto vào năm 1963 bằng màn trình diễn siêu việt từ hàng thủ khi chỉ để lọt lưới 20 bàn thua qua 34 trận, chiến thắng mở ra chu kỳ thống trị từ Calcio đến châu Âu của Grande Inter. Facchetti là một thành tố tạo nên bức tường thép ấy bên cạnh những Picci, Guarneri, Burgnich. Góc nhìn về nhiệm vụ phòng ngự của một hậu vệ được ông lý giải sau này trên *La Gazzetta dello Sport* như sau: "*Một hậu vệ phải biết phòng ngự và cũng rất quan trọng khi hỗ trợ tấn công lẫn kiến tạo cơ hội. Nhưng trên hết vẫn là việc tham gia tổ chức phòng ngự thật tốt. Những người thất bại đơn giản là họ đã bỏ mất vị trí của mình.*"

Quan điểm như bày tỏ về sự cân bằng trong lý trí của Facchetti giữa tấn công và phòng ngự, nghĩa là dù công giỏi thế nào thì một hậu vệ cũng không bao giờ được phép lãng quên vai trò bảo vệ vòng 16m50 của đội nhà. Nhưng không phải ai cũng đón nhận sự mới mẻ này khi Calcio vẫn đậm đặc sự bảo thủ. Như ở đội tuyển

Italia chẳng hạn, huấn luyện viên Edmondo Fabbri bất đồng với số 3 vì không cho phép ông dâng cao như ở Inter. Hệ quả là sóng ngầm nổ ra giữa các ngôi sao của Inter và huấn luyện viên Azzurri. Cho đến khi qua đời vào tháng 9-2006, vị thế Giacinto Facchetti không chỉ vĩ đại với Inter mà còn nhận được sự kính trọng lớn từ Calcio khi bên cạnh những kỷ lục về bàn thắng, số lần ra sân thì phẩm chất quý ông trên sân cỏ cũng được "Giacinto Magno" gìn giữ tuyệt đối với chỉ duy nhất một lần nhận thẻ đỏ trong suốt sự nghiệp. Hình ảnh của ông tượng trưng cho cú chuyển mình của các hậu vệ Italia khi mở ra kỷ nguyên mà những Scirea, Baresi, Bergomi… trở thành thần tượng mới của người hâm mộ với sự ngưỡng mộ lớn lao dành cho khả năng phòng ngự của họ. Với tầm vóc mang tính lịch sử ấy, Inter quyết định treo vĩnh viễn chiếc áo số 3 của ông vào năm 2006.

Nếu Giacinto Facchetti đã cởi bỏ xiềng xích cho các hậu vệ Italia thì điều lý thú từ kỷ nguyên Catenaccio là sân cỏ Calcio vẫn được trình diễn bởi các nghệ sĩ tài hoa thay vì triết lý phòng ngự đổ bê tông như ám ảnh của bao người. Minh chứng là ở giai đoạn này, những cụm từ như Regista, Fatasisti được dùng để mô tả những nhạc trưởng, cầu thủ tấn công thượng hạng trên sân cỏ như Mario Corso - tài năng được mô tả là "Chân trái của Chúa Trời", ông chơi bóng hào hoa đến nỗi ngay cả kỷ luật của Helenio Herrera cũng phải biệt đãi. Ở Milan, Gianni Rivera khiến Nereo Rocco xem ông như báu vật khi là cầu thủ duy nhất được tự do sáng tạo trong môi trường Catenaccio khắc nghiệt. Danh hiệu Quả Bóng Vàng của "Abatino" vào năm 1969 là nét tương phản với danh tiếng mà Calcio gầy dựng bằng lối đá phòng ngự chặt chẽ. Khi ấy, đối thủ lớn nhất của Rivera đến từ phía bên kia thành phố, một truyền nhân của dòng họ Mazzola.

Cho đến khi Paolo Maldini xuất hiện và kế tục sự nghiệp của người cha Cesare ở AC Milan, thì dòng họ nổi tiếng nhất trên sân cỏ Calcio thuộc về nhà Mazzola. Câu chuyện bắt đầu từ người cha Valentino ở Torino những năm 40, kỷ nguyên mà sắc áo mận chín thống lĩnh bóng đá Italia. Chơi ở vị trí tiền vệ công, ông là ngôi sao lớn nhất của Grande Torino và được sử sách xếp vào hàng ngũ những ngôi sao tấn công hay nhất mà Calcio từng sản sinh ra. Nhưng trên chuyến bay trở về từ Bồ Đào Nha vào năm 1949, Valentino mãi mãi ra đi sau thảm họa Superga - vốn đã cướp đi sinh mạng của toàn bộ đội hình Torino. Năm ấy, ông để lại góa phụ trẻ Emilia và hai đứa con thơ dại, Feruccio và Sandro. May mắn thay, Chúa đã thương xót nhà Mazzola khi để lại cho đời một Sandro tài năng như viết tiếp câu chuyện dang dở của người cha Valentino.

Chơi ở vị trí tiền vệ công, giới sử gia mô tả ông sở hữu tố chất chơi bóng bẩm sinh, điều khác hẳn với người em trai Feruccio. Tuy vậy, áp lực cho Sandro là rất lớn khi dư luận cho rằng, ông có cơ hội hơn so với chúng bạn đồng trang lứa chẳng qua nhờ cái họ nổi tiếng của mình. Nhưng Herrera thì nằm ngoài số đó, khi chú ý đến Mazzolino ở trại tập huấn mùa hè San Pellegrino năm 1960. Với tốc độ, kỹ thuật và khả dứt điểm nhạy bén trước khung thành, trong đó những cú sút xa của Sandro Mazzola được Il Mago chấm cho những tình huống phản công của Inter. Sự xuất hiện của ông như giúp huấn luyện viên người Argentina hoàn thiện đội ngũ tấn công thực dụng bên cạnh những Luisito Suarez, Jair, Mario Corso, qua đó giúp Nerazzuri sở hữu bộ khung trong mơ để chinh phục mọi giải đấu. Năm 1964, tức chỉ 3 năm sau ngày ra mắt ở Turin, Sandro ghi liền cú đúp bàn thắng trước Real Madrid ở chung kết Cup châu Âu, màn trình diễn đủ sức đập tan mọi dị nghị về gia thế mà ông gánh vác trên vai.

Để hiểu về tầm vóc của Sandro Mazzola, không gì rõ hơn khi nói về màn so kè giữa ông và Gianni Rivera, cặp đôi xứng danh kỳ phùng địch thủ trên sân cỏ Italia vào thời điểm đó. Cùng sở hữu nhãn quan chiến thuật tinh tế, lối chơi hoa mỹ, cả hai là hình mẫu giống nhất mà Gianni Brera miêu tả về một "Abatini", cầu thủ có lối chơi sang trọng đến nỗi được biệt đãi tránh xa khỏi nhiệm vụ phòng ngự. Phong độ chói sáng của Mazzola và Rivera những năm 1960 khiến Italia sục sôi với đề tài, liệu ai mới xứng đáng dẫn dắt hàng công của Azzurri. Quá khó để làm hài lòng dư luận, thế là huấn luyện viên Ferruccio Valcareggi quyết định, ở Mexico 1970, ông sẽ luân phiên sử dụng mỗi người một hiệp đấu. Italia đi thẳng đến chung kết ở Azteca trước khi thất bại dưới tay Brazil bởi việc phá vỡ quy luật này khi chỉ cho Rivera có 6 phút trên sân.

Nổi tiếng với tên gọi FC Internazionale Milano hay Milan Quốc Tế, nhưng hồn cốt của Grande Inter lại được viết nên bởi những người con Italia ưu tú nhất thập niên 1960 qua hình tượng của Giacinto Facchetti và Sandro Mazzola. Cả hai giống nhau đến kỳ lạ khi cùng Inter vươn mình dưới xiềng xích bất công cho đến phút giây thăng hoa tột đỉnh ở châu Âu. Và chính họ chứ không ai khác, là những tiền bối mở ra trang sử hào hùng đầu tiên của sắc áo xanh đen với thời đại.

Những Beatles của bóng đá

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

Người khác mua về siêu sao, còn chúng tôi tạo ra siêu sao!

TÔI LÀ JACK REYNOLDS

Một ngày năm 1915, giữa lúc những tiếng súng vang lên trên khắp dải đất châu Âu, chàng thanh niên Jack Reynolds bắt tàu lửa đi từ Thụy Sĩ tới Hà Lan. Chàng vốn dĩ đã được mời làm huấn luyện viên của một đội bóng Đức. Nhưng chàng tự nhận thấy một người Anh làm việc cho người Đức giữa lúc hai quốc gia đang vác đại bác bắn nhau là một điều gì đó không ổn, thậm chí là hơi… bất thường. Tốt nhất là nên chọn một quốc gia trung lập. Và Hà Lan được chàng chấm. Chỉ bởi đó là một nơi an toàn và thực sự xinh đẹp. Rất xinh đẹp! Nhưng còn một lý do sâu xa hơn. Người Hà Lan và người Anh vốn đã làm ăn với nhau từ hàng trăm năm qua. Và khi bóng đá hình thành ở Anh, rất nhiều huấn luyện viên người Anh đã mang môn thể thao này tới Hà Lan để truyền bá và phát triển. Một tiền bối của Reynolds có tên là Edgar Chadwick đã từng sang Hà Lan trước đó vài năm và dẫn dắt đội tuyển quốc gia nước này 2 lần giành Huy chương Đồng Olympic 1908 và 1912.

Jack Reynolds - Người thầy vĩ đại của Ajax (Nguồn: Ajax)

Reynolds tới Amsterdam và ngay lập tức tìm tới Ajax, một đội bóng vừa bị xuống hạng ở giải vô địch quốc gia Hà Lan và chẳng có gì đặc biệt. Đứng trước bàn làm việc của các giám đốc, chàng nói ngắn gọn: "*Tôi là Jack Reynolds. Và tôi đã từng là một cầu thủ chuyên nghiệp.*" Ngay lập tức, chàng được nhận vào làm.

Nhưng lúc này, cả núi khó khăn đang chờ đón chàng ở phía trước. Ajax đã thành lập được 15 năm nhưng rõ là một đội bóng nghiệp dư, các cầu thủ chỉ chơi bóng như một hình thức giải trí ngoài công việc chính. Reynolds không chấp nhận điều đó. Cả đời chàng gắn bó với trái bóng và chàng muốn nó cũng phải được thực hiện ở Ajax. Đó là lúc chàng đưa ra những lời đề xuất hết sức táo bạo với Ban lãnh đạo và họ đã quyết định làm theo. Lịch sử bóng đá chính thức xoay vần.

Dưới sự chỉ đạo của Reynolds, cả đội Ajax bị xáo tung lên. Một loạt cầu thủ trẻ được tuyển mộ cấp kỳ. Tất cả được chia thành những nhóm tuổi và Reynolds quyết định một lối chơi cơ bản được áp dụng ở tất cả các đội, từ trẻ cho đến trưởng thành, những người xuất sắc nhất ở nhóm dưới sẽ được đẩy lên nhóm trên. Một ngày làm việc của Reynolds thường bắt đầu từ lúc 7 giờ sáng và chàng chỉ trở về ngôi nhà của mình khi đã 9 giờ tối. Xuất thân là một cầu thủ tấn công, Reynolds quan niệm: "*Tấn công là cách phòng ngự tốt nhất.*" Và đó là kim chỉ nam cho triết lý của Ajax từ đó đến nay.

Chỉ mất có 3 năm để Reynolds biến Ajax từ một đội bóng vét đĩa trở thành thế lực của bóng đá Hà Lan. Năm 1918, Ajax vô địch

quốc gia lần đầu tiên trong lịch sử khi họ chỉ để thua 4 trận sau 30 vòng đấu. Năm 1919, họ còn chiến thắng thuyết phục hơn khi bất bại, chỉ hòa 6 trận và thắng 24 trận. Từ một đội bóng hạng gà, Reynolds đã biến Ajax thành một thế lực thực sự.

Nhưng, như mọi nhà lãnh đạo thủ cựu khác, các giám đốc ở Ajax nghĩ rằng mình đã biết được hết bí kíp của Reynolds và quyết định đẩy gã người Anh đi. Họ mất tới 3 năm để hiểu rằng mình đã làm một hành động ngu ngốc. Cuối cùng, một lần nữa, Ajax lại hạ mình cầu cứu Reynolds và ông đã đồng ý quay trở lại. Bắt đầu từ đây, Ajax trở thành thế lực lớn nhất của bóng đá Hà Lan và không bao giờ tụt lại phía sau nữa.

Phương pháp mà Reynolds áp dụng cho Ajax được mô tả hết sức đơn giản: tất cả các cầu thủ đều có thể đá ở mọi vị trí trên sân và phục vụ cho tấn công. Tư tưởng này gói gọn toàn bộ triết lý của Ajax và biến họ trở thành CLB có lò đào tạo đặc biệt nhất trên thế giới. Ở Ajax, mọi cầu thủ trẻ đều có thể hoán đổi vị trí cho nhau một cách dễ dàng. Ở lứa U11, một cậu bé đá hậu vệ trái. Nhưng khi lên lứa U12, cậu bé đó có thể chơi tiền vệ tấn công. Chẳng sao cả!

Tư tưởng này vốn dĩ đã được Reynolds tìm cách áp dụng ở quê hương. Song người ta vẫn thường nói "Bụt chùa nhà không thiêng". Reynolds thậm chí còn không tìm nổi một ông chủ đội bóng Anh nào muốn tiếp chuyện mình. Và ông đã dốc hết sức cho quê hương thứ hai. Thập niên 1930 chứng kiến sự áp đảo của Ajax, họ vô địch Hà Lan tới 5 lần với phần lớn trụ cột là những cậu bé đi lên từ lò đào tạo.

Sự thống trị của Ajax chỉ đột ngột chấm dứt khi đoàn quân phát xít của Hitler kéo vào Amsterdam. Reynolds bị tống vào trại tập trung và nhiều người tin rằng ông đã chết. Năm 1945, Hà Lan được giải phóng. Reynolds đột ngột trở về. Khuôn mặt tiều tụy. Mái tóc đã bạc. Chỉ có đôi mắt của ông là vẫn sáng rực như ngày bước chân lần đầu tới Ajax. Một lần nữa, ông trở lại băng ghế huấn luyện và một lần nữa, Ajax trở lại với ngôi vị vô địch Hà Lan.

Ngày 09-06-1946, Reynolds quyết định đưa một chàng thanh niên mới 18 tuổi, vừa được bổ sung từ đội trẻ, ra sân lần đầu trong màu áo Ajax. Chàng trai ấy đã ghi một lúc 5 bàn, báo hiệu một sự nghiệp phi thường trong tương lai.

Tên của chàng là Rinus Michels.

* *

*

DE TOEKOMST

Giữa những tán cây xanh mướt, De Toekomst hiện ra với một vẻ đẹp không thể che giấu. Ở một góc của quán cà phê trong khu thể thao, các cậu bé của Ajax - những siêu sao thế giới trong tương lai - vừa ăn bánh, vừa tán gẫu về đủ thứ chuyện của đám trẻ con. Đám du khách thì nhâm nhi ly cappuccino và liếc mắt về phía sân tập. Họ không giấu nổi sự tò mò với học viện này. Phải! Johan Cruyff đã trưởng thành từ chính nơi đây.

De Toekomst được xây dựng từ rất lâu và trải qua vô vàn biến động. Khởi đầu từ ý tưởng của vị huấn luyện viên huyền thoại Jack Reynolds, những người Ajax đã không ngừng sửa chữa, nâng cấp học viện của mình ngày một hiện đại hơn. 140.000 m^2, 8 sân tập lớn gồm 4 sân cỏ tự nhiên và 4 sân cỏ nhân tạo, một loạt các cơ sở để luyện gym và thể lực, một khu nhà khoa học thể thao và tất nhiên, văn phòng dành cho các quan chức và HLV ở đủ mọi cấp độ. Bên cạnh bóng đá, De Toekomst còn có các sàn tập Judo, bóng rổ và thể dục dụng cụ. Những môn "ngoại khóa" này sẽ góp phần tạo nên một sự phát triển lạ lùng của các sản phẩm từ Ajax. Huw Jennings, một nhân vật phát triển bóng đá trẻ nổi tiếng ở Anh đã nói về Ajax và De Toekomst: "*Mọi ý tưởng hiện đại về việc đào tạo cầu thủ trẻ đều bắt nguồn từ Ajax. Họ là những người khai sáng.*"

Hệ thống đào tạo trẻ được phát triển từ thời Reynolds và tuân thủ một cách triệt để suốt hơn 100 năm qua. Hơn 50 tuyển trạch viên tỏa ra khắp nơi trên đất nước Hà Lan để tìm kiếm các cậu bé có tư chất tốt nhất trong độ tuổi từ 7 đến 8. Sau khi tìm ra thông tin về những cậu bé ấy, De Toekomst sẽ gửi tới cha mẹ của chúng một lá thư đề nghị thử việc. Những lá thư ấy gần như không bao giờ bị từ chối. À, tất nhiên là cũng từng có một ngoại lệ. Ấy là Ruud Gullit, chỉ bởi anh chàng này đã từng bị Ajax "đá đít" khỏi buổi thử việc lúc còn bé. Còn lại, hầu hết đều hào hứng và sẵn sàng đi xa hàng chục cây số để tới De Toekomst.

Trong buổi thử việc, các cậu bé sẽ được đẩy vào những trận bóng 4 chọi 4 với không gian chật hẹp. Bóng được luân chuyển liên tục và gần như không dừng lại. Những trận bóng này sẽ khiến chúng bộc lộ hết các phẩm chất cần phải có. Không phải ai ghi nhiều bàn nhất thì sẽ được chú ý. Như Ronald de Jong, một huấn luyện viên của Ajax bộc bạch, các chuyên gia tuyển chọn sẽ hướng tới những

cậu bé thể hiện sự khát khao và tất nhiên, cả cách mà cậu ta di chuyển rồi chuyền bóng trên sân. Đó mới là tiềm năng thực sự.

Quan điểm về đào tạo của Ajax là rất rõ ràng: liên tục gạt bỏ những người yếu kém ra khỏi đội ngũ. Có thể hình dung thế này, ở lứa tuổi nhỏ, sau 1 năm, vài người không đủ khả năng sẽ bị yêu cầu rời đội. Số còn lại được chuyển lên lứa tuổi cao hơn và sẽ lại tiếp tục đẩy đi những người kém nhất. Ở Ajax chỉ có hai lựa chọn: hoặc thăng tiến, hoặc bị loại bỏ. Ừ thì bạn cũng có thể la lên rằng nó là một hệ thống quá tàn nhẫn, đặc biệt với những cậu bé còn rất nhỏ. Nhưng hệ thống khắc nghiệt ấy nhờ vậy đã liên tục tạo ra những sản phẩm có chất lượng rất cao, thậm chí đôi khi... quá cao, như các trường hợp của Cruyff, Seedorf hay Sneijder chẳng hạn.

Bên cạnh việc loại bỏ các cầu thủ trẻ, Ajax còn tàn nhẫn với chính các huấn luyện viên. Bất cứ người nào không còn đủ năng lực để đào tạo, họ cũng sẽ phải khăn gói lên đường để thay thế bằng người ưu tú hơn. Đó là chính sách nhất quán của Ajax trong hơn 100 năm.

Cứ mỗi buổi sáng, những chiếc xe bus rời khỏi De Toekomst để tỏa ra khắp nơi đón các học viên của mình đến sân tập. Các cậu bé đều đặn tập bóng trong nửa ngày và học phổ thông trong nửa ngày còn lại. Không có tập thêm! Đó là quy định của Ajax. Bởi với Ajax, cầu thủ trẻ chính là "vốn làm ăn" của họ. Chẳng ai đi ném "vốn" vào những trò ngoài tầm kiểm soát cả. Tất cả các học viên nơi đây đều được ăn và tập miễn phí. Tất nhiên, số tiền duy trì hoạt động được rót từ đội 1 xuống. Hãy thử nghĩ xem, mùa hè năm 2020, Ajax đã bán Donny van de Beek cho MU với cái giá 39 triệu €. Số tiền đó đủ để De Toekomst hoạt động trong bao lâu? Là 6 năm rưỡi. Mà cứ mỗi năm, Ajax lại bán được những sản phẩm của mình với giá rất hời. Do đó, De Toekomst thoải mái hoạt động mà chẳng cần nghĩ gì đến việc thu học phí cả.

Ở De Toekomst, giờ giấc và hình thức tập luyện là rất rõ ràng và khoa học.

Với những cậu bé mới gia nhập học viện ở tuổi lên 7, các trận đấu tập diễn ra trong phạm vi 8 người mỗi bên. 8 tuổi, con số này tăng lên 9 và sẽ bắt đầu đá sân 11 ở độ tuổi lên 10. Số buổi tập cũng tăng theo độ tuổi. Dưới 12 tuổi, các cậu bé chỉ tập 3 buổi mỗi tuần. Sau 13 tuổi, con số này tăng lên 4 buổi và sẽ tăng lên 5 buổi ở độ tuổi 15. Mỗi buổi tập kéo dài 2 giờ đồng hồ với tối đa 30 phút cho tập tạ. Jan Olde Riekerink, giám đốc học viện từ 2007-2011 từng tâm sự với nhà báo Skolove về lý do De Toekomst không cho tập

với mật độ dày: "*Các cầu thủ trẻ đều có cuộc sống riêng, có gia đình riêng của mình. Chúng tôi không muốn lấy đi những điều thiêng liêng đó từ họ. Nếu họ muốn đá bóng mà không có lịch tập, họ có thể chơi trên đường phố, với những người bạn của họ. Họ có thể làm gì tùy thích với trái bóng mà không cần phải nghe lời chỉ bảo của bất cứ ai. Đôi khi, điều ấy còn quan trọng hơn là luyện tập.*" Quan điểm hết sức tiến bộ này có lẽ nằm ngoài suy nghĩ của nhiều người bởi sự hình dung De Toekomst giống như một trại tập trung, nơi các cậu bé không biết gì ngoài trái bóng và các huấn luyện viên.

Chương trình học của De Toekomst không quá phức tạp. Các cầu thủ lần lượt di chuyển, chạm bóng và sút. Hàng trăm lần như thế mỗi buổi. Và hàng vạn lần như thế mỗi năm. Ngoài ra, mỗi cầu thủ đều được huấn luyện ở mọi vị trí, không ai cố định mãi ở một vai trò. Điều này nghe ra có vẻ rất phản khoa học. Thường các lò đào tạo luôn cố gắng chuyên môn hóa một cầu thủ khi đảm bảo họ đá cùng một vị trí từ lứa này đến lứa khác. Nhưng De Toekomst không như vậy. Một tiền đạo vẫn phải tập chơi ở vị trí trung vệ. Nhờ đó, anh ta sẽ hiểu cách đối phương phòng ngự như thế nào. Hoặc một tiền vệ trung tâm vẫn phải học cách chơi ở cánh, nhờ đấy, khi di chuyển ra biên, anh ta sẽ biết mình cần làm gì với trái bóng. Bên cạnh đó, việc biết chơi nhiều vị trí cũng giúp cầu thủ hiểu cách hoạt động của đồng đội và dễ dàng tạo sự liên kết với nhau. Trong trận chung kết Champions League 1995, Ajax đã cho ra sân tới 9 cầu thủ trưởng thành từ lò đào tạo và 8 người trong số đó có khả năng đá ở bất kỳ vị trí nào trên sân.

Bắt nguồn từ Reynolds, trải qua những nhà triết gia bóng đá tấn công là Rinus Michels, Johan Cruyff rồi Louis van Gaal, Ajax luôn hướng các cầu thủ xông lên phía trước. Họ cảm thấy không ưa thích lối chơi phòng ngự của người Ý, sự chặt chẽ của người Đức và kiểu cách "kick and rush" của người Anh. Đối với Ajax, bóng đá không chỉ là bóng đá. Nó còn là một nghệ thuật giao tiếp với trái bóng tròn. Cruyff từng nói: "*Luôn cần có đủ cả chất lượng và kết quả tốt. Có kết quả tốt mà không có chất lượng thì thật tẻ nhạt, còn có chất lượng mà không có kết quả tốt thì lại rất vô nghĩa/*"

Ajax hướng tới cả hai điều ấy.

* *

*

TOTAL FOOTBALL

Rijnders chuyền bóng cho Hulshoff. Hulshoff chuyền vượt tuyến lên phía cánh trái cho Keizer. Keizer bình tĩnh lừa bóng qua Kamaras rồi lật bóng vào khu cấm địa. Van Dijk nhanh như chớp lao vào đánh đầu. 1-0 cho Ajax! Đội bóng Hà Lan đã vượt lên dẫn trước trong trận chung kết Cup châu Âu. Các khán đài sân Wembley vỡ òa. Ở băng ghế huấn luyện, Rinus Michels chỉ khẽ nhếch môi bình thản. Ajax của ông đã vượt qua một quãng đường rất, rất dài để đến được đây. Và đó chắc chắn chỉ là phát pháo đầu tiên của lối chơi "Total Football" kỳ diệu, hay còn được người Việt Nam biết tới với cái tên "Bóng đá tổng lực".

Nhà báo nổi tiếng David Winner từng nói rằng, bóng đá tổng lực chỉ có thể sống được trên mảnh đất Hà Lan bởi người Hà Lan có một cảm quan về không gian khác xa với phần còn lại của thế giới. Họ sống trong một đất nước có độ cao dưới mặt biển, diện tích chật chội với dân số đông đúc. Để nuôi được bản thân, những người Hà Lan đã không ngừng sáng tạo và những công trình phục vụ cho nông nghiệp của họ luôn mang lại một cảm giác rõ rệt về hình học. Cảm giác đó xuất hiện trong bộ não của người Hà Lan một cách thật tự nhiên và nó đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc xây dựng lối chơi dựa trên "cảm quan không gian". Một yếu tố khác được Winner phân tích rằng xã hội Hà Lan lúc ấy là nơi hội tụ của nhiều tư tưởng vô chính phủ nổi loạn. Đấy cũng là một phần rất quan trọng để tạo ra "Total Football". Nếu như không có những cuộc nổi loạn này, chưa chắc bóng đá tổng lực đã ra đời, bởi lẽ, lối chơi hiện đại đó được sinh ra để phá vỡ mọi chiến thuật truyền thống kéo dài suốt hơn 100 năm.

Tháng 1-1965, Michels quay trở lại với ngôi nhà Ajax. Lúc này là thời điểm cả thế giới phương Tây đang mê đắm và điên cuồng với bốn chàng trai của thành phố cảng Liverpool. The Beatles tạo ra vô số sóng gió trên sân khấu và thậm chí còn được Nữ hoàng Elizabeth đặc cách phong "Huân chương Đế quốc", một vinh dự vốn chỉ trao cho giới quan chức và quân nhân. Cuối năm ấy, The Beatles phát hành album "Rubber Soul" với hình bìa là 4 chàng trai cùng mái tóc lòa xòa che khuất đôi tai. Kiểu tóc kinh điển mang tên "Arthur" đã trở thành một "hot trend" trong giới thanh niên thế giới và nằm trong cái gọi là "Beatlemania". Chính kiểu tóc này đã tạo cảm hứng cho rất nhiều cầu thủ Ajax lúc ấy, trong đó tất nhiên có cả Johan Cruyff. Gần như mọi cầu thủ trong đội hình của "de Godenzonen" (biệt danh của Ajax) đều phủ tóc kín tai cho phù hợp trào lưu. Nó đi ngược với phong cách gọn gàng của giới bóng đá những thập niên trước đấy. Song, mái tóc lòa xòa của các cầu thủ Ajax chẳng hề làm họ chơi bóng tồi đi mà có khi còn đá hay hơn trước. Không chỉ có thế, họ còn làm một cuộc cách mạng

nữa khi đưa ra sân đội hình xuất phát với các số áo không theo thứ tự từ 1 đến 11. Cho đến tận năm 1996, các đội bóng vẫn chưa cố định số áo cầu thủ và cứ mỗi khi xuất phát, những cầu thủ ra sân sẽ mặc số áo lần lượt. Chỉ có một ngoại lệ duy nhất: Ajax. Cruyff trở thành cầu thủ đầu tiên trong lịch sử các trận chung kết Cup châu Âu phá vỡ quy định bất thành văn trên khi ra sân trong số áo 14 ở trận đấu với Panathinaikos năm 1971. Năm 1972, Ajax tăng số lượng cầu thủ xuất phát có số áo nằm ngoài con số 11 lên 3 người và đến năm 1973 là 5 người. Nhưng không có cuộc cách mạng nào vĩ đại hơn lối chơi của chính họ!

Người ta vẫn thường nói, Total Football của Ajax đã chia bóng đá ra làm hai giai đoạn: cổ điển và hiện đại.

Chúng ta quay trở lại mùa hè năm 1965, Michels đang 37 tuổi và đã hành nghề huấn luyện viên được 7 năm. Cho đến tận lúc ấy, ông vẫn là một người thiếu kinh nghiệm khi chỉ có vài năm dẫn dắt những đội bóng nghiệp dư. Ngoài ra, Michels còn kiêm cả nghề làm giáo viên thể dục ở một trường học khiếm thính và vẫn làm song song hai việc để có thêm thu nhập. Nửa cuối mùa giải 1964-65 chứng kiến sự chật vật của Ajax và chính ông. Nhận thức được lý do cho sự trì trệ, Michels đã quyết định chờ đến hè để thực hiện cuộc cách mạng của mình. Điều đầu tiên, Ajax vẫn chỉ là một đội bóng theo dạng bán chuyên nghiệp, các cầu thủ ngoài 2 giờ tập mỗi ngày đều có các việc riêng để kiếm sống. Họ gọi đùa mình là "những người đam mê được trả lương". Để thay đổi tận gốc rễ, Michels đã đề nghị Ban lãnh đạo chuyển thành CLB chuyên nghiệp. Hệ quả là một số cầu thủ đang có công việc kinh doanh bên ngoài đã buộc phải chấp nhận tập trung hoàn toàn vào bóng đá. Tất nhiên, vẫn có những người từ chối nhưng đa phần đều đồng ý dấn thân vào cuộc phiêu lưu. Ajax của Michels sẽ không còn đường lùi, hoặc đi tới đỉnh cao và trở nên giàu có bằng những danh hiệu, hoặc là... nợ nần chồng chất, vợ con nheo nhóc. Khả năng thuyết phục và tài "chém gió" của Michels đã tỏ ra rất có ích. Ví dụ như Klaas Nuninga, người đang là giáo viên trung học, đã đồng ý từ bỏ bục giảng để theo đuổi bóng đá. Sjaak Swart, người cả đời gắn bó với Ajax và sẽ đá tổng cộng hơn 600 trận cho CLB, cũng chuyển công việc kinh doanh cho vợ mình quản lý. Kém hơn một chút, Frits Soetekouw hay Anton Pronk cũng rút bớt khoảng thời gian làm sếp bên ngoài để tập trung vào luyện tập. Như vậy là chỉ trong vòng vài tuần, Michels đã tạo được một đội bóng "tương đối" chuyên nghiệp để chuẩn bị cho mùa giải mới.

Bước tiếp theo là vấn đề chiến thuật và tổ chức lối chơi.

Là người đã gắn bó với đội bóng áo Đỏ-Trắng cả sự nghiệp từ khi còn là một đứa trẻ đến lúc treo giày, ông thấm nhuần tư tưởng mà người thầy vĩ đại Jack Reynolds mang đến Hà Lan, rằng mỗi cầu thủ đều phải vừa biết tấn công, vừa biết phòng ngự. Tư tưởng của Total Football chỉ đơn giản đó là mọi cầu thủ đều có thể hoán đổi vị trí cho nhau ở trên sân và phải hoán đổi linh hoạt nhất có thể. Khi một cầu thủ rời khỏi vị trí của mình, ngay lập tức, đồng đội của anh ta sẽ lao tới thay thế. Trước đó, các trường phái bóng đá cổ điển đều cố định các vị trí trong những sơ đồ cứng nhắc. Sự thay đổi về mặt chiến thuật chủ yếu ở việc kéo cầu thủ tuyến này sang một tuyến khác nhằm tăng quân số cho mặt trận tấn công hoặc phòng ngự. Nhưng với Total Football, mỗi cầu thủ đều không đóng đinh vai trò của mình. Một trung vệ cũng có thể dâng lên cao chơi như một tiền vệ, hay một tiền đạo cánh cũng có khả năng lùi xuống phía dưới để đảm nhận vị trí hậu vệ. Ajax đã tận dụng triệt để lợi thế từ kỹ thuật điêu luyện và tư duy chơi bóng khoáng đạt được lò đào tạo của họ mang tới cho các cầu thủ trẻ. Ở đó, như đã nói, mỗi cầu thủ đều được huấn luyện chơi ở mọi vị trí trên sân. Triết lý ấy được mở đầu bởi Reynolds và lan sang Áo với "Wunderteam" trong thập niên 1930, kế đến là River Plate thập niên 1940 với bộ ngũ do siêu sao Manuel Moreno làm hạt nhân trước khi đến với Santos của Pele. Nhưng Total Football chỉ có thể lên đến đỉnh cao ở nơi khai sinh ra nó: Ajax. Và Michels là người mang sứ mệnh ấy.

Với phương châm "Bóng đá là một cuộc chiến tranh", vị huấn luyện viên trẻ dốc sức biến các "con gà" của Ajax thành những "chú phượng" trong mùa hè 1965. Ông thay đổi gần như toàn bộ giáo án, thuê chuyên gia điền kinh Cees Koppelaar về để huấn luyện các cầu thủ chạy như thế nào cho nhanh mà vẫn giữ được sức. Một trong những phương pháp kinh điển mà Michels áp dụng chính là "chuyên môn hóa". Rất có thể, ông chính là vị huấn luyện viên đầu tiên của bóng đá đã chủ động thuê các chuyên gia để huấn luyện các cầu thủ theo từng công đoạn: thể lực, tốc độ, phòng ngự, sút bóng… Bên cạnh đó, vai trò của bác sĩ vật lý trị liệu Salo Muller cũng được Michels nâng lên. Giờ đây, Muller không chỉ là một người chữa trị chấn thương đơn thuần mà còn là nơi để các chàng trai trẻ dốc bầu tâm sự. Để tăng thêm sức nặng cho vị bác sĩ này, Michels còn yêu cầu Muller luôn có mặt trong những buổi thảo luận chiến thuật toàn đội. Ở Ajax, Michels đóng vai "ác" còn vai "thiện", ông khoán cho Muller. Quả là một kế hoạch chu toàn đảm bảo sự cân bằng trong đội! Khoảng vài năm sau, ông tiếp tục gia tăng sức mạnh hậu cần khi chỉ định một chuyên gia dinh dưỡng, người sẽ luôn theo đội trong các chuyến

đi xa. Chính từ những thay đổi của Michels, các thuật ngữ mới trong bóng đá đã được phổ biến rộng rãi. Như vậy là, không chỉ làm cuộc cách mạng về lối chơi, Michels còn làm cuộc cách mạng trong công tác đào tạo.

Rinus Michels và Johan Cruyff

(Nguồn: Twitter)

Mùa hè năm ấy, các cầu thủ bị nhốt vào trong trại và tập luyện cật lực ba buổi tập mỗi ngày. Họ sẽ phải thực hành việc hoán đổi vị trí một cách nhuần nhuyễn nhất trước khi bước ra sân đấu, đồng thời miệt mài nâng tạ và rèn thể lực đến kiệt sức. Chỉ sau một mùa hè, các chàng trai trẻ đã tiến bộ trông thấy. Họ khởi đầu chiến dịch giành lại vinh quang bằng một loạt 5 trận thắng liên tiếp ở giải vô địch Hà Lan. Cuối tháng 12-1965, khi Ajax đang dẫn đầu giải đấu, trong một cuộc phỏng vấn, Michels nói về triết lý bóng đá của ông: "*Nếu muốn tham dự Cup châu Âu, điều mà chúng tôi vẫn còn lâu mới làm được khi trước mắt là một chặng đường dài, bạn cần phải có sự phát triển về chiến thuật. Bóng đá không giống như bóng rổ. Một huấn luyện viên có thể dạy về chiến thuật nhưng trong sân, nó phải xuất phát từ chính các cầu thủ. Các cầu thủ phải có cảm giác về nó bởi lẽ trong trận đấu, các huấn luyện viên đều không thể yêu*

cầu nghỉ để chỉ đạo được." Chính triết lý ấy đã khiến Michels tập trung xây dựng một tập thể những con người có tư duy rất cao về chiến thuật và tất nhiên, mọi tinh hoa sẽ dồn vào một cầu thủ, còn được gọi là "nhạc trưởng". Một cầu thủ rất đặc biệt. Một cầu thủ có cái tên là Johan Cruyff.

Mùa giải đầu tiên mà Michels huấn luyện là mùa thi đấu thứ 2 của Cruyff. Lúc này, anh chỉ mới 18 tuổi, vẫn còn quá trẻ nhưng đã nhanh chóng bộc lộ năng lực đặc biệt của mình. Kết thúc mùa giải 1965-66, Cruyff ghi 25 bàn sau có 23 trận, góp công lớn giúp Ajax vô địch Hà Lan. Ajax thống trị giải quốc nội trong những năm sau đó và luôn là ứng cử viên hàng đầu cho vị trí số 1. Song, huyền thoại của đội bóng vĩ đại chỉ được tạo nên nhờ chiến công bất tử ở Cup châu Âu.

Tháng 3-1969, Ajax lọt vào tứ kết Cup châu Âu. Đối thủ của đoàn quân Rinus Michels chính là Benfica, đội bóng đang sở hữu tiền đạo xuất sắc bậc nhất thế giới, Eusebio. Ở trận lượt đi, Ajax đã làm Eusebio im tiếng nhưng khổ nỗi, Benfica nào chỉ có mỗi cầu thủ này? Họ đã giã 3 bàn vào lưới của Gerrit Bals ngay tại Amsterdam. Trận thua này khiến các cổ động viên Ajax thất vọng và cả giới truyền thông cũng chán nản theo. Thế là ở trận lượt về, để tiết kiệm kinh phí, Đài NTS quyết định hủy bỏ buổi tường thuật trực tiếp vì khán giả cũng không mấy quan tâm. Trớ trêu thay, đó lại là một trận đấu mà Ajax chơi cực kỳ bùng nổ. Dưới sự thống lĩnh của Cruyff, Ajax đã bóp Benfica suýt chết khi ghi liền 3 bàn ngay trong hiệp 1. Phải đến tận gần cuối trận, Torres mới rút ngắn tỷ số xuống 1-3 và đảm bảo hai đội phải đá lại khi tổng tỷ số 2 lượt trận hòa nhau 4-4. Trận đấu play-off được UEFA quyết định diễn ra tại nước Pháp, 3 tuần sau trận lượt về ở Bồ Đào Nha. Hơn 30.000 người Hà Lan đã ùn ùn đổ sang Paris và tìm mọi cách để mua vé, kể cả vé giả. Kết quả, có tới hơn 63.000 người lọt vào sân vận động trong khi sức chứa của nó chỉ có… 60.000 chỗ ngồi. Chiều hôm ấy, cả thủ đô Amsterdam vắng như mùng một tết, gần như toàn bộ thành phố đã dán mắt vào chiếc ti vi để không bỏ sót một phút nào cảnh các chàng trai Ajax chiến đấu với gã khổng lồ Benfica trong một trận chiến một mất, một còn. Một cửa hàng làm bánh đã rất sáng tạo, dùng kem tạo thành chữ Ajax to bự ngay trên các thành phẩm của mình. Kết quả, họ đã phải căng sức ra làm suốt cả buổi sáng để bán kịp cho các "thượng đế" đang đếm từng phút chờ tiếng còi khai cuộc. Mọi sự chuẩn bị đã không uổng phí. Sau 90 phút chính thức tẻ nhạt, Ajax chơi thứ bóng đá kinh điển trong hiệp phụ. Các bàn thắng của Cruyff và Danielsson đã đè bẹp Benfica tới 3-0 và giúp họ đi tiếp vào vòng sau. Nhưng trận đấu để đời này đã giúp người Hà Lan khám phá ra một tính cách khác

bên trong họ, đó là sự hâm mộ cuồng nhiệt với bóng đá, điều mà trước đấy, họ chưa từng có dịp thể hiện ra.

Tháng 5 năm ấy, Ajax có trận chung kết đầu tiên trong lịch sử, đối mặt với một gã khổng lồ khác, AC Milan. Tuy thua nhưng Michels đã nhìn ra sự thiếu sót lớn trong lối chơi của ông, đó là vấn đề phòng thủ. Và ông cần đến mùa giải 1970-71 để hoàn thiện nó. Đó chính là "Offside trap", hay "bẫy việt vị". Bob Haarms, trợ lý của Rinus Michels nhớ lại: "*Vasovic di chuyển và bẫy việt vị đột nhiên được tạo ra. Như một phép lạ. Michels sau đó đã thốt lên: 'Ồ, đó là điều chúng ta đang cần'. Tôi không nhớ rõ đó là trận đấu nào nhưng có thể nói rằng một phút trước đó, chúng tôi còn thi đấu theo kiểu cũ thì phút tiếp theo, lối chơi mới đã ra đời.*"

Bẫy việt vị đã giúp cho Ajax có được sức mạnh trong phòng ngự. Giờ đây, các cầu thủ đã không phải di chuyển quá nhiều để lùi về cướp bóng khi mải mê lên tấn công. Quãng đường cũng được rút ngắn lại trong lúc hiệu quả tăng lên rõ rệt. Thành công đến rất nhanh. Trên con đường tiến tới trận chung kết Cup châu Âu năm 1971, Ajax chỉ bị thủng lưới 5 bàn sau 8 trận, trong đó không có một bàn thua nào trên sân nhà. Họ tiếp tục thể hiện khả năng phòng thủ siêu hạng trong trận đấu cuối cùng khi ngăn chặn thành công mọi cuộc tấn công của Panathinaikos trong khi dễ dàng chọc thủng lưới đối thủ 2 lần. Thành tích đó tiếp tục được duy trì trong những năm sau đó. Ajax đã có tới 4 trận chung kết Cup châu Âu liên tiếp giành chiến thắng mà không thủng lưới bất cứ bàn nào. Một kỷ lục khủng khiếp!

Chiến thắng vĩ đại năm 1971 đã mở đường cho sự thay đổi chưa từng có trong lịch sử bóng đá. Chiến thuật kiểu cũ đã chết. Thứ bóng đá hiện đại và tươi trẻ đã xuất hiện và lên ngôi. Sơ đồ chiến thuật không còn đóng đinh các cầu thủ ở khu vực của mình mà đã chấp nhận những người dám di chuyển vượt qua giới hạn của vị trí. Tất nhiên, những huấn luyện viên không dám thay đổi sẽ dần bị đào thải và mở đường cho một loạt các nhà cầm quân trẻ lên thay thế.

Nhưng Ajax chưa dừng lại.

Mùa hè năm ấy, sau khi đưa đội bóng của mình trở thành nhà vô địch châu Âu, Rinus Michels rời khỏi CLB để tìm kiếm thách thức mới sau khi cảm thấy quá mệt mỏi ở Ajax. Di sản của ông để lại là vô cùng lớn, đó là một đội hình giàu chất lượng với siêu sao Johan Cruyff đang ở độ chín nhất của sự nghiệp. Cuối năm đó, anh đã giành Quả Bóng Vàng châu Âu, trở thành cầu thủ Hà Lan đầu tiên

có được vinh dự này. Ở trên băng ghế huấn luyện, một con người kiệt xuất khác cũng đã tới. Stefan Kovacs.

So với Michels, Kovacs là người kín tiếng hơn rất nhiều. Ông được coi như một trong những huấn luyện viên vĩ đại nhất mọi thời đại nhưng ngày nay, không nhiều người biết tới hoặc nhớ tới ông. Đó là một bi kịch thực sự của người đàn ông gốc Hung. Một lý do để giải thích cho sự lãng quên rằng người ta đổ lỗi cho Kovacs đã quá dễ dãi và nuông chiều cầu thủ cũng như là người chứng kiến sự suy tàn của "đế chế". Tiếp quản những ngôi sao hàng đầu thế giới, ông đã thả lỏng kỷ luật và giúp họ đạt hưng phấn cao nhất khi ra sân. Trong 2 mùa liên tiếp 1971-72 và 1972-73, Ajax đã đạt một thành tích kinh hoàng mà có lẽ trong 1.000 năm nữa cũng không có một CLB nào bắt kịp. Họ đã thắng TOÀN BỘ các trận đấu trên sân nhà ở mọi mặt trận trong 2 mùa giải ấy. Tổng cộng 46 trận đấu và 46 lần giành chiến thắng.

Sở dĩ Ajax đạt được thành công vô tiền khoáng hậu này chính nhờ tính cách dễ chịu của Kovacs. Ông mang lại cho các cầu thủ sự thoải mái, khiến họ được thả lỏng tinh thần và mặc sức phô diễn những gì tinh túy nhất. Trên con đường tiến vào trận chung kết Cup châu Âu năm 1972, đội bóng của Kovacs đã lần lượt đè bẹp mọi đối thủ mạnh nhất, từ Dynamo Dresden, nhà vô địch Đông Đức, cho tới Marseille, Arsenal và cuối cùng là Benfica. Ở trận chung kết, Cruyff lập cú đúp, dễ dàng quật ngã Inter. Ajax tiếp tục thành công với nguồn cảm hứng vô tận từ Cruyff. Họ đánh bại hai gã khổng lồ Bayern Munich ở tứ kết và Real Madrid ở bán kết để lần thứ 3 liên tiếp lọt vào trận chung kết. Lần này đến lượt Johnny Rep lên tiếng và Ajax đã chính thức trở thành đội thứ 2 trong lịch sử đoạt vĩnh viễn Cup châu Âu.

Phong cách của Ajax thời kỳ này đã phủ sóng rộng khắp, không chỉ ở bóng đá mà còn lan ra cả cuộc sống đời thường. Họ được so sánh với những vũ công ballet bởi lối đá phóng khoáng và uyển chuyển. Olga de Haas, một nghệ sĩ ballet danh tiếng của Hà Lan lúc ấy đã gọi Johan Cruyff là "Rudolf Nureyev của bóng đá". Thật không có một cách ví von nào phù hợp hơn thế! Trong thời đại của mình, Nureyev là nghệ sĩ múa vĩ đại nhất của ballet thế giới và có ảnh hưởng rất lớn tới những thế hệ sau. Cruyff với bóng đá cũng y như vậy. Cùng với Neeskens và Krol, Cruyff đã trở thành biểu tượng của Ajax, của bóng đá Hà Lan và sau đó là của bóng đá trên toàn thế giới.

Nhưng cuộc vui nào rồi cũng sẽ tan, đế chế nào rồi cũng sẽ tàn. Mùa hè năm 1973, sau khi lần thứ 3 liên tiếp vô địch châu Âu,

Cruyff quyết định rời khỏi Ajax để tới Barcelona với bản hợp đồng kỷ lục thế giới. Nguyên nhân lớn nhất chính là chính sách thuế áp lên các cầu thủ quá cao. Rinus Michels từng chỉ trích về chính sách này trong thời kỳ ông đang cùng Ajax chuyển mình lên chuyên nghiệp. Cũng vì mức thuế mà các đội bóng Hà Lan không thể trả lương cao cho các cầu thủ và họ phải duy trì hệ thống bán chuyên trong một thời gian khá dài. Không chỉ có Cruyff, huấn luyện viên Kovacs cũng rời khỏi Ajax để tới Pháp, đảm nhận vị trí huấn luyện viên của đội tuyển quốc gia nước này. Ajax rơi vào thoái trào và họ phải chờ tới hơn 20 năm để có một thế hệ vô địch châu Âu lần thứ tư.

Chỉ có Total Football là vẫn còn sống mãi!

Bonus: Một trong những mặt tối của Total Football chính là doping. Vào thập niên 1970, thứ chất cấm này vẫn chưa phải là chất cấm và rất có thể, một số cầu thủ Ajax đã sử dụng nó để gia tăng thể lực. Trong cuốn sách nổi tiếng "Inverting the Pyramid", sử gia bóng đá Jonathan Wilson cho rằng doping chính là điều kiện để tạo ra thứ bóng đá tổng lực. Tất nhiên, Ajax không bao giờ thừa nhận điều này dù rằng chính bác sĩ John Rolink, người phụ trách y tế khi đó, đã đồng ý về việc "một số thuốc" đã được sử dụng vào thời điểm ấy. Bản thân Johan Cruyff cũng luôn mô tả "Total Football" là lối đá "dùng trí tuệ" chứ không phải chạy nhiều.

Đến lượt người đức lên tiếng

Hạnh Nguyễn

Sau Real Madrid và Ajax, Bayern Munich chính là đội thứ 3 trong lịch sử đạt được chiến tích vô địch Cup C1 châu Âu 3 mùa liên tiếp. Để tạo nên chiến công lưu danh sử sách ấy, cần nhắc tới rất nhiều nhân vật có dấu ấn đặc biệt với Bayern trong suốt giai đoạn dài của lịch sử. Nhưng nổi nhất, được nhiều người nhớ nhất vẫn phải kể đến 3 ngôi sao gồm thủ thành Sepp Maier, đội trưởng Franz Beckenbauer và tiền đạo Gerd Mueller. Có một sự trùng hợp thú vị, cả ba đều cập bến Bayern bởi sự tình cờ của số phận.

DÒNG ĐỜI XÔ ĐẨY

Franz Beckenbauer gia nhập lò đào tạo của Bayern khi mới 14 tuổi. Nhưng thật ra, Bayern vốn không phải điểm đến trong mơ của ông. Lựa chọn ban đầu của Beckenbauer không phải Bayern. Beckenbauer từng thú nhận: "*Ước mơ hồi nhỏ của tôi là được khoác áo 1860 Munich.*" Beckenbauer có ông anh trai tên là Walter cũng cháy bỏng ước mơ trở thành cầu thủ. Hai anh em đều bắt đầu hiện thực hóa giấc mơ ấy từ đội trẻ SC Munich 1906 gần nhà. Chỉ khác ở chỗ, Walter chọn gia nhập lò đào tạo của Bayern nhưng Beckenbauer thì luôn kiên định với "ước mơ 1860 Munich". Việc hiện thực hóa "ước mơ 1860 Munich" vô tình đến sớm hơn Beckenbauer tưởng tượng. Năm 1958, râm ran thông tin SC Munich không định duy trì đội trẻ nữa vì khó khăn về tài chính. SC Munich thậm chí còn không đủ tiền để duy trì sân cỏ cho mình mà dùng sân đất cho tiết kiệm. Beckenbauer và một vài đồng đội quyết định sẽ chuyển tới lò của 1860 Munich ngay trong hè năm ấy.

Một ngày Chủ nhật, SC Munich của Beckenbauer đối đầu 1860 Munich trong trận chung kết giải U14 của Munich. Trước đó, ở vòng bán kết, SC Munich đã đánh bại Bayern và Beckenbauer là một trong những cầu thủ ghi bàn cho đội. Còn 1860 Munich đánh

bại đội chủ nhà Neubiberg. Ở chung kết, Beckenbauer đá tiền đạo. Ông đã ghi bàn từ chấm 11 m nhưng cuối cùng SC Munich vẫn phải chịu thua 1860 Munich 1-4.

Tuy nhiên, chuyện thắng thua không phải lý do khiến trận chung kết ấy đi vào sử sách. Lý do đến từ cầu thủ bên phía đội U14 của 1860 Munich kèm Beckenbauer. Ban đầu, danh tính cầu thủ này là ẩn số. Suốt gần 1/4 thế kỷ, không ai dám dũng cảm đứng ra nhận mình là cầu thủ đã "đốn" Beckenbauer như đốn củi. Sau đó, không phải một mà ít nhất tới 3 người lên tiếng nhận trách nhiệm về mình. Gần nhất là nhân vật có tên Gerhard Konig.

Konig kể rằng hồi đó ông là thủ môn dự bị của đội U14 1860 Munich. Trong ngày đá chung kết, 1860 Munich thiếu quân. Konig được đôn lên đá hậu vệ cho đủ đội hình. Và Konig được giao nhiệm vụ theo Beckenbauer như hình với bóng. Việc Konig vốn là thủ môn nhưng được giao đá hậu vệ là lý do vì sao ông không kèm nổi Beckenbauer và phải phạm lỗi với Beckenbauer. Sau một pha phạm lỗi thô bạo của Konig, Beckenbauer phản ứng. Konig tức tối, giáng thẳng một cái bạt tai vào Beckenbauer.

Ngồi trong phòng thay đồ sau trận chung kết ở Neubiberg, Beckenbauer rất tức giận. Không phải vì thất bại. Mà vì cái bạt tai trời giáng kia. Ông tuyên bố: "*Tôi sẽ không gia nhập 1860 Munich nữa. Tôi sẽ đến Bayern, giống như anh trai tôi.*" Vì cú bạt tai trong trận chung kết giải U14 ở Neubiberg ấy, Bayern may mắn có được tài năng sáng giá về sau trở thành huyền thoại của bóng đá Đức. Còn 1860 Munich bỗng dưng hụt mất không chỉ mình ngôi sao được mệnh danh là "Hoàng đế" này.

Năm 1970, cả Uli Hoeness và Paul Breitner đều gia nhập Bayern dù trước đó đã đạt thỏa thuận khoác áo 1860 Munich. Lý do khiến Hoeness và Breitner thay đổi 180 độ quyết định của mình là sự thuyết phục từ huấn luyện viên Bayern hồi đó, Udo Lattek. Mà Lattek về Bayern nắm quân chính là nhờ sự giới thiệu của Beckenbauer. Nên mới có chuyện tác giả cuốn sách *Tor! Câu chuyện bóng đá Đức* ví von: "*Cái bạt tai năm 1958 đã khiến 1860 hụt mất 3 nhà vô địch World Cup tương lai.*" Và cũng không quá nếu nói rằng số phận của Bayern, số phận của 1860 Munich và số phận của chính Beckenbauer đã thay đổi bởi cái tát định mệnh đó.

Nhưng không chỉ có Beckenbauer, việc Mueller gia nhập Bayern và tỏa sáng rực rỡ ở Bayern cũng để lại nỗi tiếc nuối vô biên cho 1860 Munich. Thập niên 1960 của thế kỷ trước, 1860 Munich ở vị thế cao hơn Bayern. 1860 Munich, chứ không phải Bayern, mới là

đại diện của Munich góp mặt vào Bundesliga khi sân chơi này ra đời vào năm 1963. Mùa 1964-65, họ vào đến chung kết Cup C2 châu Âu. Một năm sau đó, Bayern mới bắt đầu được góp mặt vào đấu trường Bundesliga. 1860 Munich cũng chính là đội giành thế thượng phong trong cuộc đua giành chữ ký của Mueller vào năm 1964. 1860 Munich thậm chí đã đặt xong lịch với phía gia đình của Mueller để hẹn gặp và chốt hợp đồng. Vậy mà vào phút chót, Bayern vẫn kịp hớt tay trên Mueller ngay trước mũi 1860 Munich. Lần này, không có cú bạt tai nào như trường hợp thay đổi lựa chọn của Beckenbauer trước đó 6 năm.

Mueller nổi lên với phong độ ghi bàn siêu khủng tại đội bóng quê nhà TSV 1861 Nordlingen. Mùa 1962-63, Mueller ghi tới 180 bàn trong tổng số 204 bàn mà đội trẻ TSV 1861 Nordlingen ghi được. Sau mùa giải 1963-64 tiếp tục bùng nổ trong thành phần đội Một của TSV 1861 Nordlingen, ông trở thành mục tiêu săn đón của nhiều đội, trong đó có 1860 Munich và Bayern.

Hồi ấy, ở thế "cửa dưới" so với 1860 Munich, phía Bayern xác định phải lấy yếu tố tốc độ bù lại trong việc giành giật Mueller. Một sáng nọ, 2 người đại diện của Bayern tới gõ cửa căn hộ của gia đình Mueller. Bà mẹ của Mueller xin lỗi họ và bảo họ phải nhanh chóng rời đi theo lối cửa sau của tòa nhà bởi 2 người đại diện cho 1860 Munich đang chờ phía trước tòa nhà. 2 người đại diện của Bayern tất nhiên không rời đi. Họ đã xác định đến tận căn hộ nhà Mueller là để đưa Mueller về Bayern. Ban đầu, Mueller cứ tưởng thành viên ban lãnh đạo Bayern, Walter Fembeck (người dẫn đầu đoàn đại diện của Bayern tới nhà Mueller) là người đại diện cho 1860 Munich. Bởi các thành viên nhà Mueller chuẩn bị sẵn tinh thần để đàm phán với người của 1860 Munich.

Vì đâu mà phía 1860 Munich đã đặt lịch trước với gia đình Mueller nhưng lại bị phía Bayern qua mặt vào phút chót? Tất cả vì người đứng đầu đoàn đại diện của 1860 Munich, Ludwig Maierblock đã đọc nhầm lịch tàu hỏa từ Munich tới Nordlingen. Vì bị nhầm lịch nên đoàn đại diện của 1860 Munich mới tới nhà Mueller chậm hơn lịch hẹn. Họ đã vĩnh viễn không có cơ hội sửa sai bởi sự thần tốc và quyết liệt của phía Bayern.

Câu chuyện về Sepp Maier lại theo một chiều hướng khác. Không chỉ là thủ thành số một trong giai đoạn hoàng kim đầu tiên của Bayern, Maier còn được nhiều người đánh giá là thủ môn vĩ đại nhất của Đức và là một trong những thủ môn xuất sắc nhất lịch sử bóng đá thế giới. Thật khó tin nếu biết rằng Maier vốn xuất thân là một tiền đạo. Cho tới năm 1958, khi Maier 14 tuổi, ông

vẫn quen đá tiền đạo cánh phải cho đội trẻ TSV Haar. Chỉ những lúc ở nhà, khi không có ai xung quanh, Maier mới thỉnh thoảng giả vờ mình là Lev Yashin - thủ môn huyền thoại của bóng đá Liên Xô cũ. Maier rất ngưỡng mộ tài năng của Yashin sau khi theo dõi World Cup 1958. Dù vậy, Maier vẫn luôn ý thức mình là một tiền đạo. Và ông chưa bao giờ có ý định chuyển sang làm thủ môn cả.

Rồi một ngày Chủ nhật, đội U15 TSV Haar thi đấu với các sao mai trong lò Bayern tại một giải trẻ. Hôm ấy, thủ môn "xịn" của TSV Haar không thể ra sân vì bị gãy tay. TSV Haar khuyết mất vị trí trong khung thành. Huấn luyện viên của TSV Haar phải tìm người đóng thế gấp. Ông nhìn Maier và ra lệnh: "*Cậu là người giữ gôn trận này.*" Maier ra sức viện cớ thoái thác, phân bua đủ kiểu nhưng vô vọng. Thủ môn bất đắc dĩ Maier không thể giúp TSV Haar tránh khỏi cảnh bị dội mưa gôn. Về sau, người thì bảo trận ấy TSV Haar thua 9 quả, người thì quả quyết TSV Haar đã thủng lưới tới 12 bàn. Nói chung là Maier đã để lọt lưới cỡ chục lần. Dù vậy, khi Maier tức tối rời sân lúc tan trận, vị huấn luyện viên của đội trẻ Bayern vẫn tiến đến và bắt quen: "*Tôi là Rudi Weiss. Hôm nay cậu đã bắt rất tốt. Tên cậu là gì vậy*?"

Vào cuối năm đó, ông bố của Maier báo với ông rằng có một bức thư gửi đến từ Liên đoàn bóng đá Bavaria. Hơn nửa thế kỷ sau đó, Maier vẫn nhớ như in những gì viết trong bức thư. Maier kể lại: "*Đó là bức thư mời tôi tham dự trận đấu giữa đội hình trẻ tuyển chọn của Bavaria với đội trẻ tiêu biểu của Salzburg. Bức thư được gửi bởi Rudi Weiss, vị huấn luyện viên đội trẻ Bayern đồng thời cũng làm việc cho Liên đoàn bóng đá Bavaria.*" Nội dung chính của thư là mời Maier tập trung cùng cả đội trẻ tuyển chọn của Bavaria vào sáng Chủ nhật sau đó tại một quảng trường ở Munich, nơi họ sẽ bắt đầu hành trình sang thành phố Salzburg của Áo để đá giao hữu. Điều khiến Maier lăn tăn nhất là chi tiết ông sẽ là một trong hai thủ môn của đội. Không nhầm chút nào. Maier được mời giữ gôn chứ không phải đi đá tiền đạo.

Cả hiệp 1, Maier ngồi dự bị. Trong giờ nghỉ giữa 2 hiệp, huấn luyện viên Weiss thông báo với Maier rằng hiệp 2 sẽ đến lượt Maier vào giữ gôn. Maier cố phân bua rằng mình là một tiền đạo chứ không phải thủ môn. Weiss mặc kệ. Hiệp 2, Maier vẫn được Weiss tung vào để giữ gôn.

Thật đáng kinh ngạc, thủ môn bất đắc dĩ Maier đã cản được tới 2 quả phạt đền trong hiệp 2 thi đấu trước Salzburg. Về sau, Maier nhớ lại: "*Đó là lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất tôi cản được phạt đền. Tôi không bao giờ cản thêm được quả phạt đền nào sau đó nữa.*"

Có thể Maier đã nhớ nhầm chuyện sau này ông không bao giờ cản được phạt đền nữa. Song có một thực tế rằng bất chấp việc được tôn vinh là một trong những thủ môn vĩ đại nhất lịch sử, Maier vẫn là một trong những thủ môn có thành tích cản 11 m kém cỏi nhất. Lịch sử Bundesliga đến giờ vẫn ghi một kỷ lục buồn về Maier: Maier là thủ môn có chuỗi thủng lưới liên tiếp dài nhất trong những tình huống cản phá phạt đền tính từ quả 11 m đầu tiên mình phải đối mặt ở Bundesliga với 18 bàn thua liên tiếp. Thế mới thấy định mệnh đã khéo sắp đặt để tiền đạo Sepp Maier ghi điểm đặc biệt với vai trò thủ môn trong mắt huấn luyện viên đội trẻ của Bayern.

Trên chuyến xe từ Salzburg trở về Munich, Maier bắt đầu thấy phân vân. Trận ấy, đội trẻ Bavaria thắng đội trẻ Salzburg 3-1. Và các thành viên trong đội sôi nổi bàn tán rằng Maier thực sự có năng khiếu bắt gôn, thực sự có bản năng đứng trong khung gỗ. Họ cũng khuyên ông nên sớm rời cái ao nhỏ TSV Haar để chuyển sang Bayern cho có điều kiện phát triển tài năng giữ gôn của mình hơn. Tài năng giữ gôn chứ không phải ghi bàn. Và Maier sau đó đã quyết định gia nhập lò đào tạo của Bayern với vai trò một thủ môn. Phần còn lại, như mọi người vẫn hay nói, thuộc về lịch sử.

* *

*

SỰ VỮNG CHẮC THEO NGUYÊN TẮC ĐỨC

Ngày 15-05-1974, Bayern gặp Atletico Madrid trong trận chung kết Cup C1 châu Âu tại Brussels, Bỉ. Hai bên phải thi đấu tiếp hiệp phụ sau khi 2 hiệp chính kết thúc với tỷ số hòa 0-0. Phút 114, Luis Aragones (người sau này làm huấn luyện viên dẫn dắt đội tuyển Tây Ban Nha vô địch EURO 2008) đưa Atletico vượt lên dẫn trước 1-0 bằng cú sút phạt trực tiếp ở phút 114. Ít phút còn lại, Bayern không sao tạo nổi cơ hội ghi bàn nào rõ ràng hòng san bằng tỷ số. Rất nhiều người chắc mẩm Bayern không có cửa nào bật lại.

Còn 20 giây nữa là hết giờ. Trung vệ Hans-Georg Schwarzenbeck, người vốn hiếm khi dâng cao tấn công, có bóng từ giữa sân. Gerd Muller vẫy tay ra dấu xin bóng. Hậu vệ trái Paul Breitner như muốn hét lên: "*Đừng sút vội!*" Không kịp nữa rồi. Schwarzenbeck co chân sút. Bóng xuyên qua rừng chân, bay thẳng vào lưới Atletico. Có người kể rằng lúc Schwarzenbeck có bóng, thủ thành của Atletico là Miguel Reina (cha đẻ của thủ môn nổi tiếng sau này Pepe Reina, người thật trớ trêu từng thuộc biên chế Bayern trong

mùa giải 2014-15) còn mải buôn chuyện với một tay phóng viên ảnh phía sau khung thành nên không kịp trở tay. Miguel Reina, tất nhiên, trước sau một mực phủ nhận chuyện này.

Dù thế nào, tỷ số vẫn được san hòa 1-1 ngay trước hồi còi tan cuộc. Bayern trở về từ cửa tử. Trong trận đá lại sau đó 2 ngày, Bayern vượt trội hoàn toàn và thắng Atletico 4-0 với những cú đúp bàn thắng của Mueller và Uli Hoeness để lần đầu tiên trong lịch sử lên đỉnh châu Âu. "Bàn thắng từ trên trời rơi xuống" của Schwarzenbeck vì thế được đánh giá là một trong những bàn thắng quan trọng nhất của lịch sử Bayern. Và bàn thắng ấy cũng thay đổi số phận của cả Bayern lẫn Atletico. Bayern có chức vô địch Cup C1 châu Âu đầu tiên. Còn Atletico cho đến giờ vẫn chưa biết đến hương vị vô địch là gì dù đã 3 lần vào đến chung kết.

Một năm sau chiến thắng đầy kịch tính trước Atletico, Bayern bảo vệ thành công chức vô địch. Họ đánh bại Leeds United 2-0 trong trận chung kết mà đến giờ người Anh vẫn hậm hực cho rằng "Bayern ăn may". Đến giờ, các tờ báo Anh mỗi lần nhắc lại trận chung kết này vẫn không quên đổ tại "*trọng tài người Pháp Michel Kitabdjian bỏ qua 2 tình huống các cầu thủ Leeds xứng đáng được hưởng phạt đền và đã không công nhận bàn thắng xứng đáng được công nhận của Peter Lorimer*". Đó là trận đấu mà các fan của Leeds nổi điên. Họ đập ghế trên khán đài sân Parc des Princes, bắn pháo, gây gổ…

Ngoài ra, Bayern cũng có một thần tài đặc biệt. Đó là tiền vệ Franz Roth. So với các đồng đội như Beckenbauer, Mueller, Maier hay Hoeness, danh tiếng của Roth không bằng. Song "gà son" này lại đặc biệt có duyên với những bàn thắng quyết định chức vô địch cho Bayern. Roth đã ghi bàn trong 3 trận chung kết Cup châu Âu khác nhau cho Bayern. Tất cả đều là những bàn thắng vô cùng quan trọng, những bàn thắng khai thông thế bế tắc để Bayern vươn tới đỉnh vinh quang.

Bayern vô địch Cup C1 1975

(Nguồn: BayernFC)

Trận chung kết Cup C1 châu Âu mùa 1974-75 với Leeds, Roth là người mở tỷ số, góp công lớn vào chiến thắng 2-0 của Bayern. Trận chung kết Cup C1 châu Âu mùa 1975-76, Roth là tác giả của bàn thắng duy nhất, giúp Bayern hoàn tất cú hattrick vô địch giải đấu danh giá nhất cựu lục địa. Trước đó, trong trận chung kết Cup C2 châu Âu mùa 1966-67 với Rangers, Roth cũng là tác giả của bàn thắng duy nhất được ghi trong hiệp phụ, giúp Bayern lần đầu tiên trong lịch sử vô địch một chiếc Cup châu Âu. Nên Roth được một số người ví von là chuyên gia mở cánh cửa lên thiên đường cho Bayern.

Bayern đã gặp rất nhiều may mắn trên hành trình lên đỉnh châu Âu. Nhưng may mắn chỉ là điều kiện đủ mà thôi, nhất là với một đội bóng phải từ mùa 1965-66 mới được góp mặt vào Bundesliga. Để vươn lên trở thành thế lực thống trị châu Âu chỉ trong vòng một thời gian ngắn như vậy, Bayern vẫn phải có điều kiện cần là sức mạnh thực sự. Như sau này, Oliver Kahn từng đúc kết: "*May mắn không tự nhiên mà có, may mắn chỉ đến sau những nỗ lực không ngừng*".

Cái hay của Bayern là có chiến lược xây dựng và phát triển bài bản, triết lý nhất quán xuyên suốt. Bayern có được những con người thực sự tâm huyết, kiên định và tạo được một tập thể gắn kết, lâu bền.

Mùa hè 1966, lịch sử Bayern cũng như sự nghiệp cá nhân

Beckenbauer sang trang. Trong khi đối thủ không đội trời chung 1860 Munich vô địch Bundesliga mùa 1965-66 (cũng là chức vô địch Bundesliga duy nhất đến nay của 1860 Munich), Beckenbauer được ăn mừng danh hiệu đầu tiên khi Bayern vô địch Cup Quốc gia Đức. Chiến thắng 4-2 trước Duisburg (hồi đó còn mang tên Meiderich) đưa Bayern ra biển lớn. Bayern giành quyền dự Cup C2 châu Âu. Từ giờ, Bayern bắt đầu có cơ hội so tài với những đội bóng hàng đầu châu Âu, những đối thủ giàu tính chuyên nghiệp hơn hẳn các đối thủ trong phạm vi nước Đức của họ.

Chủ tịch Bayern, Wilhelm Neudecker xác định để đủ sức đem chuông đi đánh xứ người, Bayern cần phải được xây dựng quy củ và phát triển bài bản, hiệu quả hơn. Để có thể so tài với những đội bóng ở châu Âu có tính chuyên nghiệp hơn hẳn những đối thủ trong phạm vi nước Đức, bản thân Bayern cũng phải chuyên nghiệp hơn. Cũng trong hè 1966, không chỉ có đội tuyển Tây Đức gây tiếng vang khi vào đến chung kết kỳ World Cup trên đất Anh mà còn cá nhân Beckenbauer nổi lên tầm ngôi sao thế giới. Trong khi mọi người nói nhiều về Beckenbauer, về World Cup 1966, Neudecker âm thầm tiếp cận một nhân vật rất sắc sảo và đầy tham vọng có tên Robert Schwan. Schwan khi đó đã là thành viên của Bayern được 8 năm. Ông đảm nhiệm một vai trò quản lý trong CLB. Và giống như tất cả những thành viên không có kết nối trực tiếp với đội Một của Bayern khi ấy, Schwan làm việc trên vai trò danh dự. Nghĩa là không được trả lương.

Neudecker mời Schwan ký hợp đồng toàn thời gian và được trả lương tại Bayern. Một bước ngoặt với cuộc đời Schwan và một cú đột phá lịch sử với Bayern. Schwan trở thành giám đốc kỹ thuật đầu tiên của bóng đá Đức. Ông nhận mức lương 5.000 mark mỗi tháng. Mức lương ấy ngang với lương của huấn luyện viên Bayern, Zlatko Cajkovski.

Theo thời gian, chức danh cho vị trí của Schwan có những thay đổi. Về thực chất, Schwan đảm nhiệm công việc của một giám đốc kinh doanh, giám đốc điều hành. Tại Anh, các huấn luyện viên không chỉ lo nhiệm vụ chỉ đạo các cầu thủ thi đấu mà còn lo cả việc đàm phán hợp đồng và ký hợp đồng. Đó là lý do vì sao huấn luyện viên ở Anh được gọi bằng từ “manager” chứ không phải “coach”. Còn với Schwan, Bayern mở ra tiền lệ. Huấn luyện viên chỉ đơn thuần lo việc dẫn dắt đội bóng về mặt kỹ chiến thuật. Còn nhiệm vụ liên quan đến hợp đồng các loại sẽ do nhân vật chuyên trách như Schwan đảm nhiệm.

Khi Beckenbauer trở về từ World Cup 1966, Neudecker thông báo: "*Tôi vừa ký hợp đồng với Schwan để chúng ta có người sát sườn với cả đội từ sáng sớm cho đến đêm khuya*". Neudecker không hề quá lời. Schwan theo sát đội nhà tới mức ông thậm chí ngồi cả ở băng ghế kỹ thuật của Bayern trong mỗi trận đấu. Việc này cũng tạo ra tiền lệ. Để về sau, vị giám đốc điều hành vĩ đại nhất trong lịch sử Bayern, Uli Hoeness luôn ngồi cạnh các huấn luyện viên của Bayern trong mỗi trận đấu suốt hơn 30 năm, cho tới khi ông ký hợp đồng với huấn luyện viên Louis van Gaal, người không quen và cũng không thích việc có giám đốc điều hành của đội bóng ngồi cạnh mình.

Schwan không chỉ quản lý đội bóng. Ông còn nhận ra cơ hội kiếm được rất nhiều tiền từ danh tiếng của cá nhân Beckenbauer. Và người đàn ông từng tuyên bố "*Chỉ có 2 người sáng suốt mà tôi biết là Schwan vào buổi sáng và Schwan vào buổi chiều*" này trở thành người đại diện cầu thủ đầu tiên của bóng đá Đức. Trong 4 thập kỷ tiếp theo, Schwan giữ vai trò đại diện của ngôi sao vĩ đại nhất trong lịch sử Bayern. Vào giữa thập niên 60 của thế kỷ trước, rất nhiều người không thể hiểu nổi tại sao một vận động viên thể thao như Beckenbauer lại cần phải có người đại diện như Schwan. Schwan lý giải với họ: "*Trước hết, chúng tôi phải tránh việc có ai đó nói xấu hay đặt điều về Beckenbauer. Tiếp đến, chúng tôi phải tìm kiếm giá tốt. Chúng tôi không lợi dụng ai cả. Đơn giản, chúng tôi chỉ đòi hỏi những mức phí xứng đáng.*" Khi Schwan mất vào năm 2002, Beckenbauer xúc động phát biểu: "*Schwan là người bạn tuyệt vời nhất của tôi. Và ông ấy là kiến trúc sư thiết kế nên nền móng thành công cho Bayern.*"

Mùa hè 1966, Bayern sẵn sàng bước ra thế giới, chinh phục thế giới. Gần như các mảnh ghép hoàn hảo đã được ghép với nhau. Đội hình Bayern đã có những hảo thủ từ thủ thành Maier, máy quét Beckenbauer và tiền đạo Mueller. Ban lãnh đạo đã có Chủ tịch Neudecker và giám đốc kinh doanh Schwan. Mảnh ghép còn thiếu là một cầu thủ có khả năng ghi bàn khi không ai khác ghi bàn. Người đó chính là Franz Roth. Chính Schwan là người đã chiêu mộ Roth về cho Bayern vào năm 1966. Trước đó, Roth mới chỉ chơi bóng đá nghiệp dư. Schwan gọi điện thuyết phục Roth bằng được sau khi nghe các tuyển trạch viên giới thiệu về duyên ghi bàn của Roth. Nghĩa là "gà son" Roth không phải từ trên trời rơi xuống một cách ngẫu nhiên. Schwan đã chủ động săn tìm "gà son" này cho Bayern.

Ngay từ đầu, ban lãnh đạo Bayern mà cụ thể là Chủ tịch Neudecker đã xác định rất rõ ràng rằng Bayern xây dựng và phát

triển đội hình từ những tài năng tự đào tạo và những tài năng trong vùng là chính. Triết lý ấy đối lập với gã hàng xóm 1860 Munich, đội chủ trương xây dựng đội hình mạnh dựa vào thế "mạnh vì gạo, bạo vì tiền". 1860 Munich chủ trương lấy tiền đè người, chi tiêu không tiếc tay. Đơn cử là việc huấn luyện viên người Áo Max Merkel của 1860 Munich được trả mức lương cao hơn rất nhiều so với lương mà huấn luyện viên Cajkovski được nhận tại Bayern.

Một minh chứng cho triết lý dùng người của Bayern là quá trình chủ tịch Neudecker hết lòng bảo vệ Muller hồi ông mới cập bến Bayern. Muller đã có khởi đầu vô cùng khó khăn và trắc trở tại Bayern. Nếu không có sự bảo vệ quyết liệt từ Neudecker, có thể mọi mọi chuyện đã rất khác. Khi Mueller mới ra mắt trên sân tập của Bayern, huấn luyện viên Cajkovski rất ngạc nhiên. Không hẳn vì Muller không phải là người mà Cajkovski nhắm kéo về. Mà cái chính là Cajkovski không hiểu sao Bayern lại chiêu mộ một anh chàng vừa lùn vừa có vẻ nặng nề như Mueller. Mueller có hai bắp đùi quá khổ lại còn có vẻ rụt rè. Nói chung là nhìn không giống một vận động viên thể thao, ít nhất là không giống một cầu thủ bóng đá. Cajkovski lắc đầu với Neudecker: "*Tôi không cần một tay cử tạ ở đây*".

Mọi việc càng khó khăn với Mueller khi ông bị gãy tay trong một trận giao hữu vào đầu tháng 8-1964. Đó càng thành cái cớ tốt để Cajkovski ngó lơ Mueller. May cho Mueller và cũng may cho Bayern, Neudecker quyết bảo vệ tân binh 19 tuổi khi ấy đến cùng.

Tháng 10-1964, tay của Mueller đã bình phục rồi mà ông vẫn bị Cajkovski không ngó ngàng đến. Neudecker không thể nhắm mắt làm ngơ. Vị Chủ tịch tìm gặp huấn luyện viên và tuyên bố thẳng: "*Nếu ông không tạo cơ hội thi đấu cho anh chàng có bắp đùi to này, tôi sẽ không bao giờ theo dõi trận đấu nào nữa.*"

Mueller được Cajkovski tung vào sân thi đấu dưới tác động của Neudecker. Ông ghi bàn ngay trận ra mắt khi Bayern gặp Freiburg. Nhưng chừng đó chưa ấn tượng lắm. Vì gần như tất cả các cầu thủ Bayern đều ghi bàn. Bayern đại thắng Freiburg 11-2. Trận thứ 2, sau đó một tuần, Mueller tiếp tục ghi bàn. Đến trận thứ 3, Mueller ghi 4 bàn. Trận thứ 4, Mueller ghi 2 bàn. Mạch ghi bàn của ông chỉ bị cắt ở trận thứ 13. Cũng chỉ là khoảng dừng chớp nhoáng. Ngay trận kế tiếp, Mueller ghi bàn trở lại. Và kể từ đó, ông không thể ngừng ghi bàn.

Cứ thế, Bayern dần xây dựng được một tập thể các cầu thủ Đức tài

năng và rất gắn bó, thấu hiểu nhau. Ở đó, có sự kết hợp ăn ý giữa lứa những cầu thủ đàn anh giàu kinh nghiệm trận mạc như Beckenbauer, Mueller, Maier, Schwarzenbeck với những sao trẻ đầy tài năng như Hoeness và Breitner. Ở đó có sự hi sinh vì nhau và vì thành tích chung của đội. Như việc trung vệ Schwarzenbeck luôn tận tụy đóng vai trò như "máy hút bụi", chủ yếu đi "dọn dẹp" tuyến phòng ngự của Bayern để Beckenbauer thoải mái dâng cao.

Roth đúc kết: "*Không có bí kíp đặc biệt nào phía sau thành công của chúng tôi. Cái chính là chúng tôi đã chơi với một đội hình ổn định suốt 5, 6 năm liền. Điều đó giúp chúng tôi có được sự ăn ý lý tưởng. Mọi người dễ tìm được tiếng nói chung với nhau, nhất là khi phần lớn chúng tôi đều là người Munich hoặc đến từ những vùng lân cận. Chúng tôi cùng chung tình yêu lớn lao dành cho Bayern và cùng chung tinh thần quyết chiến quyết thắng quật cường. Và chúng tôi có 3 ngôi sao xuất sắc nhất thế giới ở từng vị trí tương ứng.*"

Bộ ba thần thánh của Bayern

(Nguồn: FutbolRetro)

3 ngôi sao đặc biệt mà Roth nhắc tới chính là Maier, Beckenbauer và Mueller. Sau này, vị huấn luyện viên người Đức từng dẫn dắt Bayern và từng đưa đội tuyển Hy Lạp tới chức vô địch lịch sử ở EURO 2004, Otto Rehhagel, ví von về tầm ảnh hưởng của Beckenbauer: "*Nếu như Franz Beckenbauer bảo với mọi người rằng trái bóng hình vuông, họ cũng sẽ tin.*" Còn Beckenbauer thì đúc kết về vai trò của Mueller: "*Nếu như không có Gerd Mueller và những bàn thắng của ông ấy, sẽ chẳng bao giờ có được Bayern hùng mạnh đến thế.*"

Tập thể hùng mạnh đậm chất Đức và giàu tinh thần Đức không chỉ mang trái ngọt về cho Bayern. Tập thể ấy còn giúp đội tuyển Đức hưởng lợi lớn. 6 tuyển thủ thuộc biên chế Bayern góp mặt vào thành phần Đức vô địch EURO 1972 và vô địch World Cup 1974.

Xây dựng được đội hình tài năng, gắn kết và ổn định như vậy, Bayern vẫn duy trì được sức mạnh ngay cả khi đổi tướng: huấn luyện viên Dietmar Cramer thay huấn luyện viên Udo Lattek vào đầu năm 1975. Lattek từng được thủ thành Maier đánh giá: "*Ông ấy rất tâm lý. Ông ấy như thể cầu thủ thứ 12 trong đội bóng. Với tôi, ông ấy giống một đồng đội hơn là một huấn luyện viên.*" Nhưng thành tích không như ý của Bayern ở đấu trường Bundesliga mùa 1974-75 khiến Lattek phải ra đi. Cramer là người được Beckenbauer giới thiệu với ban lãnh đạo Bayern cho vị trí thay thế Lattek.

Cũng chính Beckenbauer đã hết mình bảo vệ Cramer giai đoạn ông phải đối mặt với những ý kiến chỉ trích hồi mới thay Lattek. Cramer ban đầu không được lòng fan Bayern vì ông chủ trương xây dựng lối chơi lấy sự chắc chắn của hàng thủ làm ưu tiên. Beckenbauer hết lòng bảo vệ Cramer vì ông từng có công đặc biệt với Beckenbauer. Năm 1963, khi mới 18 tuổi, Beckenbauer vướng vào rắc rối ở hậu trường. Beckenbauer làm bạn gái mình mang bầu nhưng nhất quyết không chịu cưới. Vì scandal hậu trường, Beckenbauer bị Liên đoàn bóng đá Đức cấm góp mặt vào đội trẻ. Chính Cramer hồi đó đã đứng ra bảo lãnh, xin cho Beckenbauer thoát án kỷ luật. Cramer từng ví von: "*Khi Franz và tôi ngồi ăn cùng nhau, chúng tôi phát ra và tiếp nhận cùng một bước sóng.*"

Cramer chứng tỏ được rằng, ông được Bayern chọn mặt gửi vàng không chỉ bởi mối liên hệ đặc biệt với Beckenbauer. Roth nói về Cramer: "*Ông ấy mổ xẻ đối thủ kỹ lưỡng tới mức nắm rõ cỡ giày của từng cầu thủ đối phương.*" Còn mọi người gán cho Cramer biệt danh "Giáo sư bóng đá" sau khi ông giúp Bayern duy trì sức mạnh với chiến thuật phòng ngự phản công hiệu quả.

Bayern đã có được thế hệ vàng đầu tiên trong lịch sử của mình. Thế hệ vàng của Beckenbauer, Mueller, Maier, Hoeness trở thành thước đo để mọi người đem ra so sánh với các thế hệ sau này của Bayern. Và triết lý xây dựng sức mạnh Đức từ những cầu thủ tự đào tạo và ưu tiên chiêu mộ những tài năng trẻ nhiều triển vọng vì tương lai lâu dài hơn là ăn xổi đốt tiền mua thành công bằng những hợp đồng bom tấn cũng thành triết lý xuyên suốt quá trình phát triển của CLB.

Làn sóng đỏ

Ngầu

Năm 1968, trên sân vận động Wembley huyền thoại, nơi mà 2 năm trước đó, đội tuyển Anh trong trang phục áo đỏ đã đánh bại đội tuyển Tây Đức để lên ngôi vô địch thế giới, đến lượt Manchester United ghi tên mình vào bảng vàng của Cup châu Âu. Chiến công ấy đã mở đường cho sự thống trị của người Anh kéo dài từ mùa giải 1976-77 đến hết mùa 1984-85. Trong vòng 9 mùa giải đó, người Anh đã 7 lần đoạt Cup châu Âu và 1 lần Á quân, trong đó có 6 lần liên tục vô địch - kỷ lục mà hiếm có quốc gia nào có thể tái lập. Như một định mệnh, tất cả các CLB Anh lên ngôi trong thế kỷ XX đều có chung một màu áo. Và người ta gọi đó là Làn sóng Đỏ.

PHƯỢNG HOÀNG LỬA

Truyền thuyết kể rằng chim phượng hoàng trước khi chết đã tự thiêu mình để rồi sau đó, từ đống tro tàn, nó lại phục sinh và tiếp tục một cuộc đời mới… Mùa hè năm 1968, một đội bóng với màu áo đỏ rực như lửa đã trỗi dậy sau thảm họa kinh hoàng 10 năm trước.

Trời lạnh căm trong giá buốt thê lương

Tám con người thôi vĩnh viễn bất hồi hương

Ra đi mãi, ôi tám vì tinh tú

Những cầu thủ với tài năng thiên phú

Những bông hoa kiêu hãnh Manchester

Matt Busby khập khiễng bước vào phòng thay đồ của Old Trafford, đưa đôi mắt vô hồn nhìn xung quanh. Ông đang cố nhớ lại những khuôn mặt của các cậu học trò. Và sau đó, một giọt nước mắt lăn dài trên má. Đó là lần đầu tiên Busby quay lại sân sau

thảm họa Munich, khi vết thương của ông vẫn còn chưa lành hẳn. "*Tôi muốn chết. Tôi có cảm giác mình phải chịu trách nhiệm này*", Busby nói sau khi ông lần lượt kể tên 8 cầu thủ đã mất trong chuyến bay định mệnh. Jean, vợ ông đáp lờiL "*Những cậu bé ấy chắc chắn muốn anh phải tiếp tục, Matt à*". Busby yêu vợ và luôn tôn trọng những gì bà nói. Và ông đã quyết định xây dựng lại tất cả từ đầu. Con phượng hoàng sẽ một lần nữa tái sinh.

Nếu có thể tìm ra người phải chịu trách nhiệm trong thảm họa hàng không ở Munich 1958, FA chắc chắn có liên quan. Liên đoàn bóng đá Anh ngay từ đầu đã chỉ trích sự thành lập của Cup châu Âu và cấm Chelsea tham dự mùa đầu tiên của giải đấu. Chelsea sau đó đã chấp hành mệnh lệnh. FA cho rằng Cup châu Âu chẳng khác nào một gánh xiếc rong và việc phải tham gia thi đấu sẽ ảnh hưởng tới chất lượng của giải quốc nội. Mùa hè năm 1956, MU đăng quang ngôi vô địch nước Anh và một lần nữa, FA lại cấm đội bóng số 1 của mình tham dự Cup châu Âu. Song Matt Busby và ban lãnh đạo MU đã không tuân lệnh. Cũng chính vì thế, trong suốt mùa giải 1956-57, họ đã phải cắn răng thi đấu với một lịch trình dày đặc trong điều kiện di chuyển cực kỳ khó khăn. MU vẫn bảo vệ được chức vô địch hạng Nhất và tiến vào tận vòng bán kết Cup châu Âu, nơi họ chỉ chịu thua Real của Di Stefano.

Để bảo vệ sức khỏe của các cầu thủ, Ban lãnh đạo MU quyết định việc thi đấu ở sân đối phương tại châu Âu sẽ được di chuyển bằng máy bay. Lúc này, hàng không đã phát triển ở mức độ tương đối mạnh nhưng các vấn đề về thời tiết vẫn ảnh hưởng rất lớn tới lịch trình bay. Tháng 12-1957, trên đường trở về từ Prague, máy bay chở toàn đội MU đã phải hạ cánh khẩn cấp xuống Amsterdam. Lúc này, MU sẽ phải làm khách trước Birmingham City trong 3 ngày nữa và việc không về kịp để thi đấu có thể sẽ khiến đội bị FA trừ điểm. Chẳng có chút thông cảm nào từ Liên đoàn bóng đá Anh một khi đội bóng đã dám bất tuân mệnh lệnh để đi đá giải "tạp kỹ" này cả. Thật may, thư ký đội bóng Walter Crickmer đã tìm được một chuyến tàu đi tới Harwich vào buổi sáng thứ Bảy. Sau khi cập bến nước Anh, toàn đội đã tiếp tục di chuyển 140 dặm nữa lên phía Bắc để kịp tới Birmingham vào buổi chiều. Mệt mỏi vì chuyến hành trình, MU chỉ có được kết quả hòa 3-3 trước đội bóng bị đánh giá thấp hơn trong khi Wolverhampton giành chiến thắng và tạo ra cách biệt 9 điểm với nhà đương kim vô địch.

Chính vì lý do đó mà trước trận tứ kết lượt về Cup châu Âu ở Belgrad, ban lãnh đạo MU quyết định chơi ngông khi thuê hẳn một chiếc máy bay riêng để chở toàn đội trở về Anh sau khi kết thúc trận đấu. Chiều tối ngày 01-02-1958, Arsenal chạm trán MU

tại giải hạng Nhất trong trận đấu cực kỳ sôi động có tới 9 bàn thắng và khiến các khán giả chứng kiến phấn khích đến cực độ. Không một ai trên sân lúc ấy có thể tưởng tượng nổi đó là lần cuối cùng họ chứng kiến Busby Babes thi đấu tại nước Anh. Năm ngày sau, MU cầm hòa Red Star 3-3 tại Belgrad để lần thứ hai liên tiếp lọt vào bán kết Cup châu Âu. Cả đội hào hứng chuẩn bị trở về nước để tiếp tục chặng đường bảo vệ ngôi vương. Theo lịch trình, máy bay sẽ phải hạ cánh ở Munich để tiếp nhiên liệu, tuy nhiên, chuyến bay đã phải hoãn lại 1 giờ đồng hồ khi lão tướng Johnny Berry, một trong những người hiếm hoi trên 30 tuổi của đội hình MU, không tìm thấy hộ chiếu. Khi đáp xuống Munich, điều kiện thời tiết hết sức tồi tệ, gió thổi rất mạnh báo hiệu tuyết sắp rơi dày đặc trong vài giờ nữa. Phải mất vài lần cất cánh, hủy rồi lại cất cánh, chiếc máy bay mới bắt đầu bay được. Trước đó, các cầu thủ Eddie Colman, Duncan Edwards, Mark Jones, Tommy Taylor và nhà báo Frank Swift đã quyết định ra phía sau máy bay để có thể ngồi thoải mái hơn. Và khi máy bay gặp sự cố rồi va đập vào ngôi nhà gần đó, phần đuôi bị xé toạc. Colman, Jones, Taylor và Swift chết ngay tại chỗ. Edwards bị thương nặng và được đưa vào bệnh viện cấp cứu nhưng không qua khỏi. Ngoài ra, đội trưởng Byrne, Whelan, Pegg và Bent cũng ra đi. Berry và Blanchflower thoát chết nhưng vĩnh viễn không thể chơi bóng được nữa. Trong số những người mất mạng không phải là cầu thủ có cả thư ký đội bóng Walter Crickmer.

Cả nước Anh và châu Âu bàng hoàng. Thành Manchester thì đẫm lệ. Còn MU hoàn toàn suy sụp. Trong bệnh viện, giữa lằn ranh của sự sống và cái chết, Busby đã thì thầm nói với trợ lý Murphy của ông: "*Jim! Hãy giữ lá cờ tiếp tục bay.*" Chỉ còn 2 cầu thủ của đội chính đủ sức chơi bóng là Foulkes và Gregg, quyền huấn luyện viên Jimmy Murphy đã phải chắp vá đội hình bằng những cầu thủ từ đội trẻ và dự bị. Kết quả, trong 14 trận còn lại của giải hạng Nhất, MU thua tới 8, hòa 5 và chỉ thắng duy nhất 1. Từ đội bóng đua vô địch, họ kết thúc mùa giải ở vị trí thứ 9.

Mười năm sau…

Busby bước vào phòng thay đồ một lần nữa. Lúc này, MU đang bị Real dẫn 3-1 trên sân Bernabeu. Nếu kết quả đó được giữ nguyên, Real sẽ là đội đi tiếp với tổng tỷ số 3-2. Điều đó có nghĩa, MU cần ít nhất 1 bàn thắng để được chơi trận chung kết với Benfica. "*Hãy bước ra sân và thể hiện bản thân mình đi*", Busby nói. Các cầu thủ lắng nghe những điều ông truyền đạt rồi bước ra sân và đá một hiệp 2 để đời. Lần lượt Sadler và Foulkes ghi liền 2 bàn trong 5 phút giúp MU cân bằng tỷ số 3-3. Real sụp đổ và MU lần đầu tiên

trong lịch sử lọt vào trận đấu cuối cùng tại Cup châu Âu.

Ngày 29-05-1968, các cầu thủ Manchester tiến vào sân Wembley. Đối thủ của họ là Benfica, đội bóng do Eusebio thần thánh dẫn đầu. Đó là lần thứ 5 trong vòng 8 mùa giải, Benfica có mặt ở trận đấu cuối cùng của giải đấu. MU không có lực lượng mạnh nhất khi siêu sao Denis Law bị chấn thương và không thể tham dự. Do màu áo truyền thống của hai đội giống nhau, UEFA đã quyết định cả hai đều mặc áo dự bị. Thế là MU khoác cây xanh còn Benfica thì đóng cây trắng. Hơn 90.000 khán giả đã kéo tới sân để ủng hộ cho đội bóng của Matt Busby. Chẳng có gì đẹp hơn nếu MU hôm ấy giành danh hiệu vô địch. Định mệnh phải như vậy.

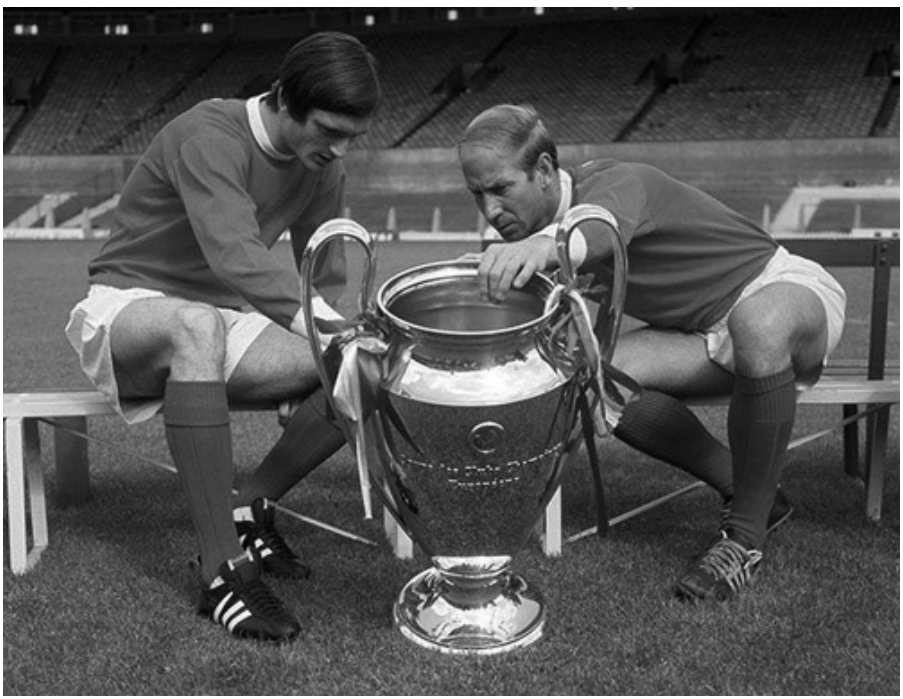

Jimmy Ryan và Bobby Charlton (fan MU)

(Nguồn: Reddit)

Hai đội nhập cuộc rất thận trọng và hiệp 1 diễn ra không có nhiều tình huống đáng chú ý. Sang hiệp 2, Sadler tung đường chuyền vào khu cấm địa. Bobby Charlton chọn vị trí chính xác, đánh đầu mở tỷ số trận đấu. Cả sân vận động như vỡ òa. Nhưng mười phút trước khi hết giờ, các cầu thủ Bồ Đào Nha đã dàn xếp và cân bằng 1-1. Những phút đá chính thức cuối cùng diễn ra cực kỳ căng thẳng. Eusebio tự mình dẫn bóng và dứt điểm, buộc thủ thành

Stepney phải trổ hết tài nghệ để cản phá. Trận chung kết buộc phải đá thêm hiệp phụ. Phút 92, Stepney bắt được bóng. Thủ môn của MU đẩy bóng cho Tony Dunne. Hậu vệ trái người Ireland đã quá mệt mỏi nên chuyền ngược lại. Stepney lại đẩy bóng cho Shay Brennan. Bóng trở lại một lần nữa với anh. Bí quá, anh quyết định chuyền thật xa lên phía trên. Brian Kidd nhận được bóng, lập tức chuyền cho George Best. Cầu thủ Bắc Ireland vượt qua các hậu vệ áo trắng rồi vượt nốt cả thủ thành Henrique để đưa bóng vào lưới trống. MU vượt lên dẫn 2-1. Sau này, Best tâm sự: "*Lúc ấy, tôi đã tính đến việc dẫn bóng tới vạch vôi, dừng ở đó, tiếp đến dẫn ngược lại rồi mới ghi bàn nhưng các hậu vệ ập vào nhanh quá, thành ra tôi chỉ kịp đưa bóng vào lưới.*" Kể từ lúc đó, trận đấu hoàn toàn thuộc về các cầu thủ của Busby. Họ liên tiếp ghi thêm 2 bàn nữa để kết thúc trận chung kết với tỷ số 4-1. MU trở thành CLB đầu tiên của nước Anh giành ngôi vô địch châu Âu. Đó là lời đáp trả xứng đáng những gì họ phải chịu đựng và đấu tranh cho quyền tham dự giải đấu từ 10 năm trước.

Sau khi tiếng còi của trọng tài Lo Bello vang lên, Bobby Charlton ôm chầm các đồng đội và huấn luyện viên Busby của anh. Jack, anh trai của Bobby, từng nói rằng cái ngày định mệnh 06-02-1958 là ngày mà em trai ông ngừng cười. Nhưng giờ đây, sau đúng 10 năm, tiền đạo của MU đã có thể tạm quên nỗi đau để nở nụ cười chiến thắng.

"*Họ đã khiến chúng tôi tự hào. Họ đã trở lại bằng cả trái tim để cho mọi người thấy Manchester United đã sinh ra như thế nào. Đây là điều tuyệt vời nhất trong cuộc đời tôi và đêm nay, tôi là người hạnh phúc nhất của nước Anh*", Matt Busby đã nói trong xúc động sau khi trận đấu kết thúc. Chặng đường 10 năm dài đằng đẵng để đi từ đống tro tàn tới sự tái sinh của ông và MU đã hoàn tất. MU sau đó sẽ trở thành tình yêu của cả một thế hệ, chinh phục những con tim của các cổ động viên bằng lối chơi luôn cống hiến hết mình. Nhưng đêm hôm ấy, có cả một thành phố, hoặc có thể cả một quốc gia, không ngủ…

Thế là hết, một đội quân ưu tú

Mạnh nhất nước Anh, sử sách từng ghi

Sống thật hùng, và cái chết thật bi

Ôi bất hạnh, ôi nghiệt thay định mệnh

Những cầu thủ với tài năng thiên phú

Những bông hoa kiêu hãnh Manchester.

Này đội trưởng Byrne, này Edwards thiên tài, này Colman, này Pegg, này Bent, này Whelan và cả Taylor, trên thiên đường, các anh đã có thể mỉm cười rồi đấy…

* *

*

YOU'LL NEVER WALK ALONE

Mùa hè năm 1974, Bob Paisley đứng trước mặt các cầu thủ và nói: "*Shanks (tức Bill Shankly, huấn luyện viên huyền thoại của Liverpool) đã ra đi và ban lãnh đạo giao lại nhiệm vụ này cho tôi dù tôi không muốn. Nhưng z*, Lữ đoàn Đỏ đã thăng tiến không ngừng. Từ hạng Hai, họ leo lên hạng Nhất và giành lại ngôi vô địch Anh chỉ sau 2 mùa giải. Shankly đã biến Liverpool thành một thế lực lớn và lúc này, họ cần sự khẳng định tại Cup châu Âu. Nhưng ông đã không chờ được đến ngày đó. Sau trận chung kết Cup FA 1974, nơi mà Liverpool giành được danh hiệu vô địch lần thứ 2, ông đã nói lời từ giã. Thực tế, sức khỏe của Shanks đã xuống rất nhiều trong những năm trước đó và vợ ông từng vài lần khuyên ông nên giải nghệ. Để thế chỗ cho Shankly, ban lãnh đạo Liverpool không tìm một huấn luyện viên mới khác mà quyết định trao cơ hội cho trợ lý Bob Paisley.

Nhưng Paisley cảm thấy không tự tin. Ông chưa từng dẫn dắt một đội bóng thực sự nào; ngoài kinh nghiệm cầm đội trẻ và ngồi ở khu Boot Room huyền thoại để lắng nghe Shankly trao đổi chiến thuật thì mọi thứ đối với ông quá mới mẻ. Thư ký đội bóng Peter Robinson sau này nhớ lại, ông đã phải cùng với Chủ tịch và Ban giám đốc thuyết phục đến khô bọt mép mới có thể khiến Paisley nhận lời. Paisley là một người hướng nội, ít thích sự nổi bật hay khoa trương. Xuất thân là một lính pháo binh Hoàng gia trong Thế chiến thứ Hai, ông đã từng tham chiến ở chiến trường Bắc Phi và Italia trước khi may mắn trở về lành lặn để tiếp tục theo đuổi sự nghiệp bóng đá. Lúc ấy, Paisley chưa có bất cứ biểu hiện gì tài năng cả nhưng Liverpool đã lựa chọn ông và sau này là cả Joe Fagan nữa, vì một lý do: lòng trung thành và tình yêu vô hạn với CLB.

Đối với Paisley, Liverpool có một ý nghĩa rất lớn lao. Mặc dù phần lớn thời gian khoác áo CLB của ông trùng với cuộc chiến tranh thế giới nhưng thái độ thi đấu tích cực của ông, dù khi thắng hay khi

thua, luôn khiến các cổ động viên tôn trọng. Trong quãng thời gian đó, Liverpool và Anfield đã trải qua những nốt trầm thực sự. Sân bóng xuống cấp trầm trọng và có lúc còn thiếu cả nước sinh hoạt. Khi phong độ bắt đầu đi xuống, Paisley đã tính đến việc giải nghệ và đi làm thợ nề để nuôi sống gia đình nhỏ của ông. Suýt nữa Liverpool đã mất đi vị huấn luyện viên vĩ đại nhất của mình trong tương lai nếu ban giám đốc hồi đó không quyết định giữ Paisley lại. Để tiếp tục cống hiến cho Liverpool, ông đi học một khóa ngắn hạn vật lý trị liệu rồi quay lại Anfield làm việc với tư cách là nhân viên chăm sóc và massage. Chính Giám đốc điều hành Thomas Williams đã bổ nhiệm Paisley làm huấn luyện viên cho đội dự bị của Liverpool, vị trí sẽ giúp cho ông rất nhiều kinh nghiệm trong tương lai, bất chấp những nghi ngờ từ các thành viên khác trong ban lãnh đạo.

Khi Paisley nắm quyền điều hành đội bóng, Liverpool có trong tay một dàn cầu thủ thuộc loại xuất sắc. Trấn giữ khung thành là Ray Clemence, một chốt chặn hết sức vững vàng và dày dạn kinh nghiệm. Phía trên thủ môn này có Smith, Hughes, Thompson, Toshack, Cormack và đặc biệt là ngôi sao Kevin Keegan, có lẽ lúc ấy là cầu thủ triển vọng và tài năng nhất của bóng đá Anh. Liverpool còn thực hiện hai bản hợp đồng đáng chú ý trong mùa hè, đó là Ray Kennedy đến từ Arsenal, người gia nhập với khoản phí kỷ lục 200.000 bảng và Phil Neal, đến từ Northampton. Cả hai sau này sẽ đóng vai trò rất quan trọng trong đội hình của Paisley.

Mặc dù gây ấn tượng với mọi người là một nhân vật khiêm tốn nhưng khi bắt tay vào công việc, Paisley ngay lập tức tạo nên dấu ấn. Ông hướng các học trò tập trung vào các phẩm chất kỹ thuật thay vì yếu tố thể lực, làm việc thực sự chăm chỉ để tập trung cho mục tiêu của CLB. Quyền lực của ông dần dần lan tỏa và khiến các cầu thủ, từ những người mới hay dự bị đến các ngôi sao, đều phải nhất nhất tuân lệnh. Liverpool từ từ đi tới đỉnh cao. Năm 1976, họ đoạt chức vô địch Anh lần đầu dưới triều đại Paisley, tiếp tục nối dài thành tích siêu tưởng tại giải hạng Nhất. Từ năm 1972 đến 1991, trong 19 mùa giải, chỉ duy nhất mùa 1980-81, Liverpool vắng mặt trong top 2. Họ thống trị hoàn toàn nước Anh trong suốt quãng thời gian đó, biến CLB trở thành đội bóng vĩ đại nhất thế kỷ của xứ sở sương mù. Nhưng tham vọng của Liverpool và Bob Paisley không dừng ở giải quốc nội. Họ bắt đầu hướng tới Cup châu Âu.

Mùa hè năm 1976, Liverpool bắt đầu chiến dịch chinh phục của mình với tư cách là đương kim vô địch Cup UEFA. Trước đó vài tháng, Lữ đoàn Đỏ đã đánh bại Brugge với tổng tỷ số 4-3 để lần

thứ 2 đăng quang tại giải đấu. Những khó khăn sau trận lượt đi khi đối mặt với Trabzonspor hay Saint-Étienne không hề làm Liverpool e ngại. Thầy trò Paisley luôn tìm ra cách để lội ngược dòng ở trận lượt về trên sân nhà, nơi những lời ca "You'll never walk alone" luôn tiếp thêm sức mạnh cho đội bóng. Tổng cộng, Liverpool đã ghi tới 11 bàn sau 4 trận tại Anfield. Ngày 25-05-1977, Liverpool lọt vào trận chung kết Cup châu Âu đầu tiên trong lịch sử của mình. Một ngày đặc biệt với bản thân huấn luyện viên Bob Paisley. 33 năm trước, ông đã theo chân những người đồng đội của mình tiến vào Rome để giải phóng nước Ý khỏi sự cai trị của lực lượng phát xít. Giờ đây, một lần nữa, ông lại tới Rome để chinh phục chiếc Cup vô địch châu Âu.

Bất chấp việc nước Anh xa Rome hơn hẳn nước Đức, các cổ động viên Liverpool đã kéo tới Olympico chứng kiến đội bóng của mình thi đấu đông vượt trội so với phía Mönchengladbach. Chính điều ấy khiến các học trò của Paisley đã đá một trận gần như hoàn hảo. Họ vượt lên dẫn trước nhờ bàn thắng của McDermott. Đội bóng Đức đã san bằng tỷ số khi ngôi sao Allan Simonsen chọc thủng lưới Liverpool vào đầu hiệp 2. Nhưng đó là tất cả những gì mà Berti Vogts và đồng đội làm được. Liverpool đã chuyển sang một lối đá đầy cảm xúc. Tommy Smith nâng tỷ số lên 2-1 chỉ sau có 12 phút. Trong cabin bình luận, Barry Davies đã có một câu nói để đời: "*Đó là Tommy Smith! Một kết thúc sự nghiệp thật tuyệt vời!*" Phút 82, Phil Neal thực hiện thành công quả penalty ấn định chiến thắng 3-1 cho Liverpool. Người Anh một lần nữa lại sôi lên sùng sục. Sau 9 năm kể từ chiến thắng của Manchester United, một đội bóng Anh khác lại trở thành nhà vô địch châu Âu.

Người ta luôn tự hỏi rằng liệu Liverpool của thập niên 1970 ấy có phải là đội bóng vĩ đại nhất trong lịch sử của Lữ đoàn Đỏ hay không. Bất chấp sự ra đi của siêu sao Kevin Keegan vào mùa hè 1977, Bob Paisley tiếp tục đưa CLB bảo vệ thành công danh hiệu vô địch của mình ở mùa bóng tiếp theo. Sự thành công của Liverpool đến phần lớn nhờ công tác chuyển nhượng đầy tinh tế. Để thay thế Keegan, Paisley đã quyết đoán dùng số tiền thu được từ cầu thủ này để đem về một chàng trai có tên Kenny Dalglish. Chàng trai ấy ngay lập tức trở thành "người Scotland thần diệu" và là biểu tượng bất tử của Liverpool. Chính Dalglish là cầu thủ ghi bàn thắng duy nhất trong trận chung kết năm 1978 trước Brugge để mang lại chiến thắng cho Liverpool trên sân Wembley huyền thoại.

Liverpool ăn mừng danh hiệu vô địch 1978

Một trong những điều khiến Paisley vượt lên trên tầm các huấn luyện viên thời kỳ ấy chính là việc ông biết đứng dậy sau những thất bại cay đắng. Mùa thu năm 1978, sau những thành công tại mọi đấu trường, Liverpool đã trở thành CLB mạnh nhất thế giới. Song một chu kỳ đã bắt đầu đi đến hồi kết. Họ bị loại ngay ở vòng 1 trước Nottingham Forest tại Cup châu Âu, chấm dứt quá sớm tham vọng bảo vệ danh hiệu để có thể đoạt vĩnh viễn chiếc Cup. Trước đó vài tháng, cũng chính gã tân binh Forest đã đánh bại Liverpool tại giải vô địch Anh. Món nợ chồng chất buộc Paisley phải thay đổi. Những sự bổ sung chất lượng sau đó khiến Liverpool tiếp tục trở lại đỉnh cao. Lần này, ông giới thiệu một gương mặt khác: Ian Rush, trung phong số 1 trong lịch sử CLB. Rush đã thi đấu cho Liverpool trong 2 thời kỳ, lần cuối kéo dài đến tận năm 1996 khi giải vô địch Anh đã trở thành Premier League. Nhưng năm 1981, Liverpool đánh bại Real Madrid trong trận chung kết thứ 3 của mình, chính thức bắt kịp thành tích của Ajax và Bayern mà không có anh. Người định đoạt trận đấu ấy là Alan Kennedy, hậu vệ cánh trái người Anh. Nhưng lúc này, sau bao thăng trầm, Paisley đã bắt đầu mệt mỏi. Cuối cùng, năm 1983, vị huấn luyện viên huyền thoại chính thức đệ đơn xin từ chức, kết thúc 44 năm gắn bó liên tục với CLB.

Một lần nữa, một huấn luyện viên bất đắc dĩ khác lại xuất hiện. Ông là Joe Fagan.

Fagan không phải là cái tên xa lạ với các cầu thủ Liverpool. Ông chính là người thành lập Boot Room huyền thoại của CLB và luôn thể hiện sự trung thành tuyệt đối với màu áo Đỏ. Khi còn trẻ, tương lai của Fagan ở Liverpool vẫn khá bấp bênh và ông nhận được lời đề nghị gia nhập Everton, kỳ phùng địch thủ của The Reds. Đó là một lời đề nghị thực sự hấp dẫn bởi lúc ấy, Everton mới là đội bóng hàng đầu nước Anh trong khi Liverpool chỉ ở top trung bình. Song Fagan đã từ chối vì không thấy có lý do gì phải ra đi. Cũng giống như Paisley, Fagan có những đức tính riêng của mình mà nổi bật nhất là sự cẩn trọng đến mức tỉ mỉ. Dáng vẻ của ông khiến người ta lầm tưởng rằng ông là một huấn luyện viên kiệm lời và không giỏi diễn đạt. Nhưng khi Fagan lên tiếng, tất cả đều hiểu họ đã sai lầm như thế nào. Không chỉ có tài ăn nói, ông còn rất hài hước và cực kỳ thông minh. Mỗi sáng thức dậy, Fagan đi bộ tới Anfield làm việc. Ông sống trên con phố gần với sân của đội bóng và chẳng thèm đi xe tới chỗ làm trong suốt 43 năm. Mỗi khi các cổ động viên Liverpool bắt gặp ông trên đường, họ lại chào to một tiếng. Chưa bao giờ Fagan không đáp lại bằng một cái gật đầu. Và mỗi ngày, ông phải gật đầu hàng chục lần như thế.

Năm 1979, Bob Paisley đã đưa Fagan làm phó của ông. Kể từ đó, hai nhân vật vĩ đại này đã sát cánh bên nhau và đưa Liverpool đoạt thêm chiếc Cup châu Âu 1981. Chính Paisley khi nghỉ việc đã tiến cử Fagan thay thế dù ông thừa biết người trợ lý của mình chưa từng có tham vọng lớn. Và giống hệt như sếp cũ của mình, Fagan cũng rất miễn cưỡng khi phải đảm nhiệm vai trò huấn luyện viên của Liverpool. Chỉ có các cầu thủ là vui mừng vì họ hiểu rõ ông giỏi như thế nào.

Trong suy nghĩ của Joe, ông không có khái niệm "trận đấu không quan trọng". Tất cả các trận đấu của Liverpool dưới thời Fagan đều là những cuộc chiến. Người ta đồn rằng có lần, ông còn xúi các cầu thủ xông vào "tẩn" đối phương một trận ra trò. Đối với Fagan, các cầu thủ một khi khoác lên màu áo Đỏ đều phải cống hiến hết mình với một ý chí chiến đấu cao độ. Nhưng khi ngoài sân, ông lại vô cùng thoải mái với các học trò. Sau trận bán kết với Dinamo București, các cầu thủ Liverpool kéo nhau vào phòng thay đồ và bắt đầu phê pha. Đúng lúc ấy, Fagan bước vào, mặt hầm hầm. Đám học trò sợ vãi cả ra quần, không hiểu ông thầy định làm gì thì ông gằn giọng: "*Tất cả chúng mày, ngậm mồm lại và ngồi xuống cho tao!*" Đám học trò líu ríu làm theo. Khi chỗ ngồi đã ổn định, Fagan nhảy lên cái bàn giữa phòng rồi hét "*Các người đẹp đâu!*" và bắt đầu nhảy nhót om sòm. Thế là bữa tiệc được tiếp tục và còn bốc lửa hơn cả lúc ban đầu. Tháng 5-1984, khi Roma chuẩn bị đối đầu với Liverpool trong trận chung kết, nhiều nhà báo Italia đã bí mật

tới quan sát động tĩnh của The Reds. Trong khi các cầu thủ của Liedholm náu mình trên núi cao để rèn luyện khắc nghiệt thì Fagan triệu tập các học trò lại và nói "*Xõa đi, các cu!*" Và đám phóng viên người Ý thấy các cầu thủ Liverpool nằm dài sưởi nắng trên bãi biển để chuẩn bị cho trận chung kết.

Chính trận chung kết tại Olimpico đã khiến cho Roma bị "dư chấn". Chứng kiến các cầu thủ áo Đỏ lên ngôi ngay tại thành phố vĩnh cửu, người Roma đã tổn thương sâu sắc đến mức phải mất hàng chục năm để hồi phục. Trong khi cổ động viên của The Reds ăn mừng điên cuồng trên khắp các đường phố, các cầu thủ thì tiệc tùng thâu đêm, Fagan lại lặng lẽ ngồi trong phòng thay đồ. Ông không bao giờ ưa thích những gì thuộc về ồn ã dù đôi lúc cũng bốc đồng cùng cầu thủ như ở Rumani. Khi đêm đã về khuya, Fagan đứng dậy, một mình rảo bước về ngôi nhà yên tĩnh trên phố Lynholme. Bỗng một người khác đi ngược chiều nhận ra ông và reo lên: "*Chào Joe! Buổi tối tốt lành nhé!*" Một lần nữa, ông lại mỉm cười gật đầu đáp lại.

Phải rồi, ở Liverpool, you'll never walk alone…

* *

*

BẢN TÌNH CA NOTTINGHAM

"Brian Clough là một nhân vật được sùng bái tại Anh, một siêu sao của các phương tiện thông tin, một lãnh đạo có thể tạo nên động lực thúc đẩy, biến kẻ thua thành người thắng trận. Danh tiếng của ông chưa bao giờ lan đến lục địa nhưng với 2 chiến thắng liên tiếp của Nottingham Forest là đủ để ghi tên tuổi của Clough vào biên niên sử Cup C1." Đó là những dòng tôi đọc được trên tờ "Bóng đá quốc tế" xuất bản cách nay đã 26 năm nhưng vẫn đủ ấn tượng để lưu vào trong trí nhớ. Brian Clough, đó là một con người thật kỳ lạ, một người đã dẫn Forest tiến tới châu Âu và đi qua như một vệt sao băng. Sáng lấp lánh.

Trước khi Clough đặt chân tới City Ground, Forest là một cái tên thực sự mờ nhạt của bóng đá Anh. CLB có tuổi đời thuộc loại sớm nhất của bóng đá thế giới này là một cái gì đó giống như màu nền cho các đội khác đua tài hơn là biến mình thành nhân vật chính. Trong gần 100 năm, Forest làng nhàng ở top dưới, có những khoảng thời gian bị đá xuống tận hạng 3. Thành công lớn nhất của Forest sau 110 năm thành lập là 2 lần đoạt Cup FA và 1 lần Á

quân quốc gia. Chấm hết. Chẳng ai nghĩ rằng người đàn ông mới 40 tuổi này sẽ tạo nên những điều kỳ diệu đáng kinh ngạc chỉ vài năm sau đó.

Tháng 1-1975, Clough ký hợp đồng để trở thành huấn luyện viên của Forest. Nhiệm vụ lúc này của ông là vực lại tinh thần cho các cầu thủ sau chuỗi trận bết bát từ đầu mùa. Sau 25 trận, Forest thắng 9, hòa 6 và thua 10, hoàn toàn hết hi vọng thăng hạng. Nhưng Clough đã có một kế hoạch tỉ mỉ cho sự hồi sinh của Forest. "Hồi sinh" ở đây là được quay trở lại hạng Nhất (tương đương giải Ngoại hạng Premier League bây giờ) chứ cũng chẳng phải là đoạt danh hiệu này nọ gì cho to tát.

Tất nhiên, ban lãnh đạo Forest hết sức hoan hỉ. Tài năng của Clough cho đến lúc ấy chẳng có gì phải bàn cãi cả. Khi còn là cầu thủ, Clough là một siêu sao thực thụ, ghi tới 267 bàn thắng trong sự nghiệp chỉ kéo dài có 9 năm của mình. Chuyển sang làm huấn luyện viên, ông lập tức nổi như cồn. Khi tới Derby County, ông đưa đội bóng này từ việc đang vật lộn ở giải hạng Hai (tương đương Championship hiện nay) lên ngôi vô địch nước Anh chỉ sau 5 mùa bóng. Derby sau đó đã có cuộc phiêu lưu hết sức thú vị ở Cup châu Âu khi tiến sát tới trận chung kết và chỉ chịu thua trước gã khổng lồ Juventus của Italia. Lúc ấy, Clough mới 38 tuổi. Một huấn luyện viên có CV khủng như vậy thì rõ ràng là rất đáng chờ đợi. À, tất nhiên là trừ mùa giải 1974-75 ra. Bởi Clough không có cái đũa phép, chạm một cái là thành công ngay. Ông cần có thời gian. Và ông cần có John McGovern.

Thật khó có thể lý giải mối quan hệ kỳ lạ giữa Clough với McGovern. Nhưng có thể nói một cách ngắn gọn thế này, đó là "Clough ở đâu thì McGovern ở đó". Như hình với bóng. Năm 1965, khi dẫn dắt Hartlepools, Clough và người trợ lý, cũng là bạn thân của ông, Peter Taylor, đã chấm McGovern, lúc đó mới 16 tuổi. Cả hai nhận thấy McGovern có một tiềm năng rất to lớn và bất chấp mong muốn làm tiền đạo của cậu bé, đã kéo anh chàng xuống hàng tiền vệ. Kể từ đấy cho đến khi xuống sức vì tuổi tác, McGovern luôn là hạt nhân trong lối chơi của Clough, từ Derby tới Forest, và cùng Clough giành tất cả mọi vinh quang. Nhưng điều lạ lùng nhất là McGovern chẳng bao giờ được đội tuyển quốc gia Scotland đoái hoài đến cả, bất chấp ông sẽ là hạt nhân của những đội bóng hay nhất nước, thậm chí hay nhất châu Âu.

Tháng 2-1975, tức là chỉ hơn 1 tháng sau khi nhậm chức ở City Ground, Clough đã kéo McGovern về đội. Lúc ấy, tiền vệ này đang chơi ở giải hạng Nhất và rõ ràng, việc chấp nhận xuống đá ở một

đội bóng trung bình của hạng Hai chỉ có thể lý giải bằng lý do duy nhất: tình cảm. Nhưng sự kiện quan trọng không kém chính là việc Clough đã thuyết phục thành công hai cầu thủ John Robertson và Martin O'Neill (nghe tên ông này chắc fan Ngoại hạng thấy rất quen) ở lại. Trước đó, hai cầu thủ đã nằng nặc đòi ra đi khi Forest chơi quá bết bát và chẳng có chút tương lai tươi sáng nào. Nhưng khi Clough đến, bằng uy tín và tài hùng biện của mình, ông đã lôi kéo thành công họ tiếp tục gắn bó với đội bóng và không ngoài dự đoán, cả hai sau đó sẽ thành những nhân tố cực kỳ quan trọng cho cuộc chinh phục Cup châu Âu của Forest.

Taylor và Clough (fan Forest)

(Nguồn: PlanetFootball)

Mùa giải thứ 2 của Clough (thực tế mới là mùa trọn vẹn đầu tiên của ông) với Forest đã kết thúc tốt hơn mong đợi. Forest leo lên thứ 8 của giải hạng Hai, một tiến bộ đáng kinh ngạc so với vị trí thứ 16 của mùa trước. Đội hình lúc này đã vận hành trơn tru hơn nhưng tất nhiên, chẳng có một ai dám đặt cược rằng 3 năm sau, với chính những cầu thủ ấy, Forest sẽ trở thành nhà vô địch Cup châu Âu. Để tăng cường sức mạnh, Clough một lần nữa đã kéo Peter Taylor về làm trợ lý cho ông. Peter Taylor từng là đồng đội thân thiết của Clough lúc cả hai còn chơi bóng. Clough khi ấy nổi tiếng vì hay… chửi đồng đội phòng ngự quá ngu, dẫn đến việc ông ghi cả núi bàn thắng mà thành tích vẫn lẹt đẹt. Chỉ có đúng Taylor là ông không chửi. Và thế là hai người thành bạn thân. Taylor có sự am hiểu rất sâu sắc về tiềm năng của từng cầu thủ. Lúc đến nhậm chức, ông quan sát rất nhanh rồi nói với Clough: "*Này Brian, cậu đưa cái đám vô dụng này xếp thứ 8 hạng Nhì là giỏi lắm rồi đấy. Tôi thấy có những thằng chỉ đáng đá ở hạng Ba.*" Dưới sự hỗ

trợ của Taylor, các cầu thủ Forest bắt đầu bước vào chế độ rèn luyện cực kỳ khắc nghiệt. Ăn kiêng. Tập thể lực. Tập kỹ thuật. Tất cả mọi thứ để biến họ trở thành những cầu thủ mạnh mẽ hơn. Chính Taylor đã rỉ tai cho Clough mua Peter Withe (lại là một cái tên quen thuộc, ai còn nhớ ông này từng dẫn Thái Lan và Indonesia đá với Việt Nam tưng bừng ở AFF Cup không) về để làm tiền đạo chủ lực. Không phụ lòng mong mỏi của hai ông thầy, Withe đã chơi cực hay và trở thành Vua phá lưới của CLB trong 2 mùa giải trước khi bị bán đi để CLB kiếm thêm ít tiền. Nhưng không có điều gì hài hước hơn việc Taylor đã "gà" cho Clough đẩy tiền đạo Kenny Burns xuống đá trung vệ. Chắc trên đời không có mấy ai dám làm điều đó. Ấy thế mà sau này, Burns còn giành được cả danh hiệu "Cầu thủ hay nhất nước Anh". Tất nhiên với tư cách một trung vệ.

Mùa giải thứ 3 của Clough, Forest đã làm cuộc thăng tiến đầy ngoạn mục khi cán đích ở vị trí thứ 3 giải hạng Nhì, qua đó giành quyền thăng lên hạng Nhất sau 5 năm ngụp lặn. Mặc dù thực hiện một vài vụ chuyển nhượng khá chất lượng vào mùa hè nhưng không ai tin Clough sẽ đưa Forest giành được thứ hạng cao. Trụ hạng đã là may. Song tất cả đã nhầm. Các cầu thủ áo đỏ chơi thứ bóng đá không tưởng. Trong 7 trận khởi đầu mùa bóng, Forest thắng 6, chỉ thua đúng 1 trận trước Arsenal. Cuộc đua vô địch lúc này đã có thêm cái tên gã tân binh của giải đấu. Tháng 11-1977, Forest thua 2 trận trước Chelsea và Leeds. Nhưng đó sẽ là những trận thua cuối cùng của các học trò Clough trong mùa giải trước khi họ lập kỳ tích 42 trận bất bại, kỷ lục chỉ bị Arsenal phá 36 năm sau đó. Forest xuất sắc cầm hòa nhà vô địch châu Âu Liverpool trong cả hai lượt đi và về, để rồi bất ngờ giành danh hiệu vô địch quốc gia Anh lần đầu trong lịch sử. Một chiến thắng thực sự huy hoàng khi Forest hơn Liverpool tới 7 điểm vào cuối mùa giải. Đó cũng là lần đầu tiên trong lịch sử của mình, Forest được tham dự Cup châu Âu. Và tất nhiên, chẳng ai ngoài bộ đôi Clough-Taylor tin rằng Forest sẽ có dấu ấn nào đấy với chiếc Cup danh giá nhất cấp CLB này.

Trận đấu đầu tiên của Forest tại Cup châu Âu không ngờ gặp chính đương kim vô địch Liverpool. Một cặp đấu nội bộ tràn đầy… hận thù. Ở mùa trước, Liverpool đã 3 lần gặp gã tân binh Forest nhưng không thắng nổi trận nào. Bob Paisley thúc các học trò dồn lên ngay từ đầu trận song Lữ đoàn Đỏ đã vấp phải một hàng thủ rắn như kim cương và… đỏ không thua gì mình. Forest đánh bại Liverpool 2-0 ở lượt đi và cầm hòa 0-0 ở lượt về để biến đội bóng của Paisley thành cựu vô địch. Con đường đi tới trận chung kết của Forest sau đó trở nên thênh thang hơn bao giờ hết. Khó khăn

chỉ đến ở vòng bán kết khi Forest phải đối mặt với Cologne. Hai đội đã có màn trình diễn đẹp mê ly ở City Ground khi trận đấu kết thúc với tỷ số 3-3 sau cuộc rượt đuổi đầy ngoạn mục. Người Đức nghĩ rằng đã hoàn thành sứ mạng và chỉ cần hòa 0-0, 1-1 hay thậm chí 2-2 ở lượt về là đủ để điền tên mình vào chung kết. Nhưng họ đã nhầm to. Dưới sự thống lĩnh của nhạc trưởng McGovern, đứa con cưng của Clough, Forest đã làm chủ hoàn toàn thế trận. Đội bóng Anh chỉ cần bàn thắng duy nhất của Ian Bowyer sau màn độc diễn đỉnh cao để bước tới trận đấu cuối cùng. Gunter Netzer, tiền vệ huyền thoại của Đức thập niên 1970, đã thốt lên: "*McGovern là gã quái nào nhỉ? Tôi còn chưa từng nghe tên hắn ta, vậy mà hắn khống chế cả trận đấu.*"

Chiếc Cup châu Âu đã ở rất gần Forest. Đối thủ của Clough và các học trò lúc này chỉ là Malmo, một cái tên... nhạt toẹt tại đấu trường châu lục. Malmo là một sự bất ngờ rất lớn, thậm chí lớn gấp nhiều lần Forest cho trận chung kết. Dẫn dắt họ là Bob Houghton (người sau này từng cầm đội tuyển quốc gia Trung Quốc và Ấn Độ), đồng hương của chính Clough. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử hai huấn luyện viên người Anh đối đầu với nhau trong trận chung kết Cup châu Âu.

Trong lúc Malmo đối mặt với một núi chấn thương khi các trụ cột Larsson, Andersson và cả đội trưởng Tapper đều vắng mặt thì Forest có đầy đủ đội hình mạnh nhất. Tin vui đến với Clough khi sau bao vất vả của thủ tục hành chính, ông đã có thể điền tên tiền đạo đắt giá Trevor Francis vào danh sách ra sân. Francis là cầu thủ Anh đầu tiên trị giá 1 triệu bảng, được Taylor ký hợp đồng cho Clough vào giữa mùa bóng từ Birmingham City. Tuy nhiên, các vấn đề giấy tờ và quy định của UEFA đã ngăn cản anh ra sân cho Forest ở những vòng trước. Anh phải đợi tới trận chung kết mới được hít thở không khí của Cup châu Âu. Và anh hít thở rất có giá trị. Trước lối chơi chặt chẽ và dũng cảm của Malmo, các cầu thủ Forest cảm thấy rất nóng ruột. Mọi đợt tấn công của họ đều bị hàng thủ của đội bóng Thụy Điển bẻ gãy. Phải đến phút cuối cùng của hiệp 1, tận dụng sơ hở của Malmo, John Robertson dẫn bóng tốc độ ở cánh trái rồi lật vào khu cấm địa. Francis có mặt đúng lúc, đánh đầu cận thành mở tỷ số trận đấu. Mọi kế hoạch kéo trận chung kết vào loạt penalty của Bob Houghton đã bị phá sản. Forest tiếp tục nắm giữ thế trận đến phút chót và trở thành đội bóng Anh thứ 3 trong lịch sử đoạt Cup châu Âu, sau Manchester United và Liverpool - một kỷ lục của giải đấu. Sau này, người Anh còn có thêm Aston Villa và Chelsea trở thành những nhà vô địch lục địa và vẫn tiếp tục giữ kỷ lục là quốc gia có nhiều CLB nhất đoạt Cup C1 - 5 đội. Nhưng không có kỷ lục nào vĩ đại bằng việc

Clough, trong vòng 3 năm đã kéo một đội bóng hạng Nhì trở thành CLB số 1 châu Âu. Kỳ tích ấy có lẽ vĩnh viễn không một ai lặp lại được, nhất là khi bóng đá đã trở thành một trò chơi mang màu sắc kim tiền như hiện nay.

Forest tiếp tục kéo dài vinh quang của mình ở lục địa khi bảo vệ thành công danh hiệu vô địch trong mùa giải tiếp theo. Vào lúc bắt đầu, dù đang giữ chiếc Cup, Forest vẫn bị đánh giá thấp hơn hẳn các đối thủ của mình. Real, Milan, Ajax, Porto, Hamburg, Celtic, Liverpool, trên lý thuyết, tất cả đều được đánh giá cao hơn Forest. Nhưng sự may rủi trong bốc thăm đã dẫn đến việc gần như toàn bộ những đội bóng này bị dồn về một nhánh. Forest chỉ còn phải đối đầu với mỗi Ajax ở nhánh đấu còn lại và thực tế trận bán kết với đội bóng Hà Lan cũng là khó khăn duy nhất mà thầy trò Clough phải đối mặt trước khi tới Bernabeu. Ajax, với tiền vệ đang vào "phom" Soren Lerby đã chơi đầy nỗ lực ở Amsterdam nhưng cũng không thể san lấp cách biệt 2 bàn ở lượt đi. Forest lọt vào trận chung kết trong nước mắt của người Ajax, đội bóng đã tàn sát các đối thủ khác trước đó khi ghi tới… 30 bàn chỉ sau có 6 trận. Đối thủ của Clough là Hamburg, nhà vô địch của Bundesliga với hạt nhân chính là Kevin Keegan, người đã 2 lần giành Quả Bóng Vàng châu Âu trong những năm trước đó. Một lần nữa, Forest cũng chỉ cần 1 bàn thắng duy nhất để định đoạt giải đấu. Lần này, John Robertson không chuyền bóng nữa, anh trực tiếp ghi bàn. Forest đứng trên đỉnh vinh quang lần thứ 2 liên tiếp, thành tích mà đến tận bây giờ, những đội bóng giàu có và danh tiếng hơn như MU, Juventus hay Barcelona cũng chưa từng làm nổi.

Trong ánh nắng chiều tà trên sân bóng City Ground, một người đàn ông tóc xoăn tít, một tay xách chai rượu, một tay khoác vai người bạn của mình, lèm bèm hỏi: "*Này Peter, mơ tưởng một đội bóng hạng Hai thành nhà vô địch châu Âu, chúng mình có phải là những gã khùng không nhỉ?*" Peter Taylor mỉm cười: "*Phải, là những gã khùng, những gã khùng vĩ đại.*"

Vĩ thanh: Clough vĩnh viễn từ giã cuộc đời vào năm 2004 ở tuổi 69. Cái chết của ông là hậu quả những năm tháng làm việc căng thẳng và cả chứng nghiện rượu rất nặng. Hàng chục ngàn người đã tới tham dự lễ tang của Clough, đa phần là các cổ động viên của Derby County và Nottingham Forest. Lần đầu tiên trong lịch sử, những người hâm mộ của hai đội bóng thù hận nhau trong quá khứ này, cùng đứng bên nhau nguyện cầu cho linh hồn của vị huấn luyện viên vĩ đại. Nhưng thực ra, Clough đã chết "một nửa con người" ông vào cái ngày Peter Taylor ra đi rồi. Đằng sau một thiên tài luôn là một thiên tài khác…

Người tạo ra phép màu

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

"Cậu phải đi với tôi. Chúng ta sẽ cùng nhau xây dựng một kênh truyền hình đánh bại RAI." Lời nói ngọt ngào qua điện thoại của Silvio Berlusconi với Adriano Galliani không chỉ làm thay đổi bộ mặt truyền hình của Italia mà còn làm thay đổi cả lịch sử bóng đá thế giới. Đúng vậy, chúng ta đang nói về một vị Chủ tịch đã giành cho mình 5 chiếc Cup châu Âu…

ĐỨC NGÀI ĐÀI PHÁT

Wembley. 1963. Khi tiếng còi của trọng tài vang lên kết thúc trận chung kết, các cầu thủ áo trắng ùa vào nhau mừng đến rơi lệ. Họ đã trở thành đội bóng đầu tiên ngoài bán đảo Iberia lên ngôi ở Cup châu Âu. Năm ấy, Rivera 20 tuổi và là một trong những cầu thủ hay nhất thế giới. Còn Milan, CLB tham dự Cup châu Âu từ những ngày đầu, cuối cùng đã giành được danh hiệu mà họ phải chờ đợi từ rất lâu. Chức vô địch năm 1963 và 1969 đã đánh dấu một "tiền lệ" dành riêng cho Milan: họ chỉ có thể đoạt Cup châu Âu nếu huấn luyện viên và đội trưởng là một người Ý. Chỉ là người Ý!

Hai mươi ba năm sau …

"*Berlusconi, hãy giải cứu Milan đi!*" Đám đông các cổ động viên đứng trước Milanello, giơ cao biểu ngữ kín cả con đường. Phía trong sân tập, các cầu thủ nhấp nhổm không tài nào tập trung nổi. Ngay cả bức tượng Nereo Rocco dường như cũng đang có cảm giác ngóng chờ một điều kỳ diệu nào đó cho đội bóng. Trong vòng 5 năm, Milan tan vỡ thành từng mảnh vụn. Hai lần xuống hạng trong 3 năm khiến những cầu thủ giỏi nhất ra đi. Các vụ chuyển nhượng thất bại thảm hại và Milan lúc này chẳng khác một mớ bòng bong. Chính những tin tức về người đàn ông ấy muốn mua lại CLB đã thổi bùng lên niềm hi vọng lớn lao. Một người đàn ông có cái tên là Silvio Berlusconi.

...

Mái tóc bóng mượt chải ngược về phía sau, nụ cười đầy vẻ ma mị để khoe hàm răng được chăm sóc kỹ lưỡng mỗi ngày, trông Berlusconi chẳng có vẻ gì giống một tay chính trị gia lão luyện hay một ông trùm truyền thông. Ông luôn cố tạo cho người khác cảm nhận rằng ông là một ngôi sao showbiz hơn là một nhà kinh doanh. Thời trẻ, Berlusconi đi hát rong ở trên mấy chiếc du thuyền để kiếm tiền học đại học. Về già, ông hát vì... đam mê với một chất giọng mà ông nghĩ là rất trữ tình, còn người khác thì cho rằng giống vịt đực hơn.

Berlusconi có một tình yêu vô hạn với âm nhạc. Mặc dù luôn là một sinh viên xuất sắc của ngành luật nhưng ông hăng hái tham gia một ban nhạc nghiệp dư với vai trò tay chơi guitar bass. Ban nhạc này thậm chí còn được lên các du thuyền hạng sang để chơi cho đám thượng lưu nghe giải sầu. Tuy vậy, tiền kiếm được chẳng bao nhiêu và Berlusconi hiểu rằng, muốn giàu thì ông phải chuyển sang một nghề tạo ra giá trị thặng dư cao hơn, đó là bất động sản. Khi ấy, ông chợt nhận ra khả năng thôi miên người khác bằng nụ cười mị dân và tài nghệ hùng biện đầy vẻ khoa trương với những câu danh ngôn do ông tự nghĩ ra rồi gán cho một nhà tỷ phú nào đó. Thời ấy chưa có Google và rất nhiều người đã tin tưởng Berlusconi và những câu nói để đời của ông.

Sau khi thành công trong lĩnh vực bất động sản, Berlusconi nhận ra tiềm năng to lớn trong lĩnh vực truyền thông. Ông nhảy sang làm truyền hình khi không có một chút kinh nghiệm nào. Chẳng sao, như người ta vẫn nói về các thiên tài vậy, Berlusconi bắt đầu thành lập một công ty truyền hình riêng, TeleMilano. Đó là kênh truyền hình tư nhân đầu tiên của nước Ý, thành lập vào năm 1973 khi Berlusconi mới có 37 tuổi. Nó sẽ nhanh chóng phát triển và biến thành Canale 5, đài truyền hình tư nhân đầu tiên của Ý với đủ mọi chương trình tạp kỹ dành cho các bà nội trợ và thanh thiếu niên. Canale 5 nhập khẩu các chương trình của Mỹ về và nhanh chóng hút khách. Nhưng các thẩm phán ở một số thành phố không hài lòng và ban hành lệnh cấm phát sóng.

Một lần nữa lại chẳng sao, như người ta vẫn nói về các thiên tài, Berlusconi lúc này đã trở thành bạn thân với Bettino Craxi, Thủ tướng đương nhiệm của Italia. Craxi sốt sắng giúp đỡ anh bạn tâm giao và thế là lệnh cấm phát sóng bị bãi bỏ. Sắc lệnh của Craxi không chỉ thỏa mãn cho Berlusconi mà còn khiến hàng triệu bà nội trợ trên khắp nước Ý hài lòng. Ở nhà nấu ăn, rửa bát thì có gì vui chứ! Nhưng giờ họ có thêm hàng đống chương trình hài hước

lẫn phim dài tập hay ho từ Canale 5 thì thời gian ở nhà bỗng biến thành như ở thiên đường. Sắc lệnh trên đã mở màn cho cuộc tổng tấn công của Berlusconi vào thế giới truyền hình và biến ông thành một nhà tài phiệt thực sự. Từ đó, người ta gọi ông bằng biệt danh "Đức Ngài đài phát".

Một ngày cuối năm 1985, Berlusconi gọi Galliani vào phòng làm việc và ra lệnh: "*Adriano, cậu chuẩn bị nhiệm vụ mới đi. Tôi sẽ mua lại Milan.*" Galliani sẵn sàng ngay lập tức. Là cổ đông của Monza từ năm 1975, ông đã có 2 năm lãnh đạo đội bóng này và thành tích là giúp Monza... xuống hạng. Nhưng ai mà chẳng có sai lầm? Berlusconi vẫn tin tưởng phó tướng của mình và quyết định đặt canh bạc bóng đá vào tay của gã này. Thông tin lập tức rò rỉ, các cổ động viên Milan sốt xình xịch. Song Berlusconi vẫn cứ dửng dưng. Ông đang chờ kết quả của việc thương lượng bản quyền truyền hình. Đúng là con buôn!

Tháng 3-1986, tức là một thời gian ngắn sau khi bản hợp đồng truyền hình Serie A được thông qua, Berlusconi xuống tay. Milan lập tức thuộc về ông. Đó là lần đầu tiên trong đời, Berlusconi quan tâm tới việc điều khiển một đội bóng đá. Ông không có một chút kinh nghiệm nào về Serie A và calcio. Nhưng chẳng sao, như người ta vẫn nói. Bởi lẽ, tầm nhìn rất xa của ông trùm đã thấy được việc kinh doanh bóng đá sẽ phát triển chóng mặt. Các trận đấu giờ đây sẽ trở thành một sản phẩm cao cấp và đội bóng sẽ thành một thương hiệu để quảng cáo và hốt bạc. Nếu những nhà tỷ phú khác lúc ấy đầu tư vào bóng đá để giành danh hiệu thì Berlusconi còn muốn hơn thế. Milan của ông phải trở thành một đội bóng toàn cầu, các cầu thủ phải giống như những ngôi sao truyền hình, phòng họp báo phải là nơi thu hút mọi ánh nhìn. Bên cạnh đó, hoạt động thương mại cũng ráo riết được triển khai. Tạp chí *Forza Milan* ra đời, một cửa hàng kinh doanh quần áo được mở bên cạnh quảng trường Duomo để sớm đáp ứng lòng mong đợi của các fan về việc có một chiếc áo đỏ-đen chính hãng. Đỉnh cao của mọi kế hoạch chính là màn ra mắt của Berlusconi do đích thân ông đạo diễn. Tháng 7 năm ấy, chiếc trực thăng mang theo ông chủ mới của Milan và đội trưởng Franco Baresi đáp xuống Civic Arena, giữa hàng ngàn cổ động viên của CLB. Berlusconi xuất hiện ở ngưỡng cửa máy bay như một đấng cứu thế. Cả nước Ý đều kinh ngạc trước sự xuất hiện có một không hai này. Trong suốt lịch sử bóng đá, không có một ông chủ đội bóng nào tạo ra hiệu ứng đê mê như Berlusconi với Milan. Không một ai!

Các kế hoạch marketing và kinh doanh lập tức có hiệu quả. Các cổ động viên Milan sau những năm tháng đau khổ, giờ bỗng nhiên

bừng lên hi vọng. Họ ùn ùn đổ xô đi mua vé mùa, lấp kín các khán đài để xem "gà nhà" thi đấu. Tạp chí *Forza Milan* bàn đủ mọi chuyện bếp núc của CLB bán đắt như tôm tươi. Nhưng chừng đó thì chưa ăn thua. Điều quan trọng nhất vẫn phải là các danh hiệu. Và Berlusconi không muốn Milan đứng ngoài lề cuộc đua Scudetto. "Vị vua của Milan" xuống chiếu: Milan phải vô địch Serie A và phải đoạt Cup châu Âu. Bằng mọi giá!

Chiếu chỉ vừa ban ra, Galliani lập tức hành động. Milan bắt đầu củng cố đội hình bằng những cầu thủ chất lượng nhất và làm từ dưới lên. Ở hàng thủ khi ấy, CLB đang có trong tay trung vệ Franco Baresi, người đang ở độ tuổi đỉnh cao của sự nghiệp và Paolo Maldini, một thiên tài trẻ tuổi cùng xuất thân từ lò đào tạo của đội bóng. Vì thế, ưu tiên của Galliani là hàng tiền vệ. Rất nhanh chóng, mùa hè năm ấy, ông đem Roberto Donadoni từ Atalanta về San Siro. Donadoni lúc này là một cầu thủ trẻ đầy triển vọng và hứa hẹn sẽ trở thành một siêu sao trong tương lai gần. Nhưng chừng đó là chưa đủ. Ông chủ Milan muốn có Ruud Gullit và Marco van Basten.

Berlusconi đã để ý đến Gullit từ rất lâu. Khi ấy, Milan của ông tham gia giải giao hữu ở Barcelona. PSV cũng tham gia cùng và cứ mỗi khi Gullit có bóng, các cules trên khán đài Camp Nou lại reo hò rất phấn khích. Sau trận, ông chủ của Milan túm cổ cầu thủ người Hà Lan (thú thật, tôi không biết gọi anh theo vị trí gì nữa) đến khách sạn Princesa Sofia để nói chuyện với Ariedo Braida, CEO của Milan. Nhưng điều hài hước là Gullit thì chả biết một tí gì về tiếng Ý ngoài câu "Ciao" cửa miệng còn Braida thì mù tịt tiếng Anh lẫn tiếng Hà Lan. Vụ thương lượng kết thúc một cách đầy bi kịch.

Tuy vậy, Berlusconi không đầu hàng. Tháng 10-1986, một số cầu thủ Serie A tổ chức thu âm album "Alleluja" ở Milano để ủng hộ các trẻ em tại El Salvador. Gullit cũng được mời tham gia và anh là người duy nhất không thi đấu tại Ý có mặt trong album này. Đoạn clip hậu trường cho thấy Gullit, với mái tóc lãng tử, trông chả khác gì ngôi sao Lionel Richie, đang say sưa hát. Đó là dấu hiệu cho thấy ngôi sao 24 tuổi đã bắt đầu bị Berlusconi quyến rũ. Cuối năm 1986, Berlusconi trực tiếp tới Amsterdam để bí mật gặp gỡ Gullit và Van Basten. Người hỗ trợ Chủ tịch Milan trong cuộc nói chuyện này là Konijnenburg, một nhân vật rất quan trọng với bóng đá hiện đại bởi ông chính là người bảo trợ cho Mino Raiola trong tương lai. Cuộc thương lượng diễn ra đúng như những gì Berlusconi dự tính. Gullit và Van Basten đều đồng ý sẽ tới Milan vào mùa hè 1987.

Tháng 1-1987, Ruud bay sang Milano và giấu tất cả sự soi mói của các phóng viên để tiến hành kiểm tra y tế. Đích thân Galliani đến tận sân bay để đón anh, bất chấp ông có một cuộc họp rất quan trọng trong ngày. Chỉ vài tuần tiếp theo, vợ Gullit cũng tới để bắt đầu tìm nhà. Dưới sự hỗ trợ của các chuyên gia Milan, việc tìm nhà diễn ra rất chóng vánh, đó là một biệt thự giản dị nằm ngay trong khu Milan Due - khu nhà do chính công ty của Berlusconi xây dựng. Milan buộc phải hành động thật gấp gáp bởi lúc này, Juventus cũng đang muốn có ngôi sao người Hà Lan.

Ngày 21-03-1987, bản hợp đồng kỷ lục thế giới của Milan với Ruud Gullit chính thức được công bố. Cầu thủ 25 tuổi trở thành cầu thủ đắt giá nhất hành tinh và là ngôi sao nước ngoài đầu tiên cập bến Milan. Nhưng ngay trong buổi họp báo, Gullit đã làm cánh phóng viên sôi lên sùng sục khi anh trả lời lạnh lùng: "*Tôi chẳng biết đây là ai*", lúc các nhà báo đưa bức ảnh Gianni Rivera ôm Quả Bóng Vàng trên tay cho anh xem. Chỉ 8 tháng sau, chính Gullit đã nâng cao Quả Bóng Vàng ấy và trở thành cầu thủ đầu tiên trong kỷ nguyên Berlusconi giành danh hiệu cao quý này. Gullit đã ở giữa những sự hâm mộ và chỉ trích, giữa yêu và ghét. Khi Sacchi triệu tập anh tới để chuẩn bị cho trận đấu với Napoli vào đầu năm 1988, mặt mày anh phờ phạc, trên tóc còn dính vài cọng rau. Anh thản nhiên: "*Tôi vừa quẩy với đám bạn xong.*" Sacchi hỏi: "*Cậu có uống rượu không?*" Gullit đáp: "*Có.*" Rồi anh lao ra sân luyện tập và 2 ngày sau, nghiền nát Napoli của Maradona.

Berlusconi có Gullit. Ông không chỉ có một thiên tài bóng đá mà còn là một ngôi sao truyền hình, là thỏi nam châm thu hút công chúng và là kẻ luôn gây ra sự tranh cãi ở bên ngoài sân cỏ. Gullit ghi bàn ở trên sân, còn ở các show, anh luôn dành cho khán giả những điều bất ngờ nhất. Tháng 10-1987, anh xuất hiện với chiếc áo phông mang dòng chữ "Stop Apartheid". Bốn tháng sau, anh tham gia phong trào quốc tế đòi ân xá cho 6 người da đen bị Tòa án Sharpeville kết án treo cổ vì cáo buộc giết một chính trị gia địa phương bất chấp không có bằng chứng rõ ràng. Phong trào đã lên đến cao điểm, lôi kéo cả những nhà lãnh đạo thế giới như cựu Tổng thống Mỹ Reagan, Thủ tướng Anh Margaret Thatcher và Thủ tướng Đức Helmut Kohl. Dưới áp lực của cộng đồng quốc tế, 6 bị cáo đã lần lượt được phóng thích sau đó vài năm.

Trái ngược hoàn toàn với Gullit ồn ã là Van Basten khiêm nhường. Bản hợp đồng của anh với Milan cũng diễn ra mà không có nhiều tiếng vang. Trong khi những tin tức về thương vụ Gullit được lấp đầy các trang báo thì Galliani bí mật tới Ajax. Thỏa thuận rất nhanh chóng được thông qua. Milan đồng ý chi 1,75 tỷ lire

(khoảng 1,3 triệu USD) và tiền đạo 22 tuổi đã gia nhập đoàn quân của Berlusconi. Mất gần 1 mùa giải vì chấn thương, Marco đã trở lại đầy hoành tráng vào cuối mùa. Và từ đó cho đến khi kết thúc sự nghiệp ở tuổi 28, anh sẽ là vị vua trên sân cỏ của Rossoneri. Cuộc chiêu mộ Bộ Ba Hà Lan hoàn tất vào mùa hè 1988. Ariedo Braida đã tới Bồ Đào Nha, nhét bản hợp đồng vào túi quần và chạy như điên khỏi văn phòng trong sự phẫn nộ của đám đông cổ động viên Sporting. Kể từ giờ phút ấy, Frank Rijkaard cũng thuộc về Milan.

Khi đội hình đã đầy đủ, đó là lúc cần một vị huấn luyện viên đủ tầm để dẫn dắt các siêu sao ấy. Người ấy có tên là Arrigo Sacchi…

* *

*

PHÁT KIẾN CỦA SACCHI

Sự cách tân không tự nhiên mà có, nó luôn được sinh ra từ đống tro tàn của thất bại.

Thị trấn Fusignano rất bé. Bé đến mức người ta có cảm giác tất cả các cư dân nơi đây đều quen biết nhau. Fusignano nằm ven con sông Senio cũng bé không kém. Con sông này trong Thế chiến thứ Hai từng là thành lũy tạm thời của phe Trục chống lại các cuộc tấn công của quân Đồng minh vào khu vực đồng bằng Padan. Vào thời Phục hưng, thị trấn thuộc Vatican về mặt hành chính nhưng lại chịu ảnh hưởng bởi hai thành phố lớn Bologna và Ferrara về mặt văn hóa và kinh tế. Chính nơi đây đã sinh ra một nhân vật vĩ đại có ảnh hưởng rất lớn tới âm nhạc cổ điển, đó là nhà soạn nhạc Arcangelo Corelli. Corelli, với không nhiều tác phẩm, đã đưa cây vĩ cầm trở thành trung tâm của nền âm nhạc Italia và châu Âu trong thời đại baroque. Gần 3 thế kỷ sau, một người con khác của Fusignano cũng tạo nên một cuộc cách mạng trong bóng đá dù cho quãng thời gian cầm quân của ông cũng không hề kéo dài. Arrigo Sacchi chỉ thực sự nổi bật trong chưa đến 10 năm. Nhưng chừng đó là đủ để ghi tên ông vào danh sách những huấn luyện viên vĩ đại nhất của mọi thời đại.

Hà Lan, thập niên 1970…

Bóng đá tổng lực mang nhãn hiệu Ajax đang tạo nên cơn cuồng phong chưa từng có. Những chàng trai của Rinus Michels khuấy đảo cả trời Âu và trở thành thần tượng của các cổ động viên trên toàn lục địa. Sacchi không nằm ngoài danh sách ấy. Ông hâm mộ sự hào sảng trong lối chơi của Ajax, thứ bóng đá không chỉ hiệu

quả mà còn rất đẹp mắt và đầy đam mê. Đó là những năm mà Sacchi lặn lội khắp các quốc gia trong Liên minh châu Âu để bán giày. Gia đình ông có một nhà máy sản xuất giày và Sacchi chính là người phụ trách tiếp thị sản phẩm.

Nếu bảo gia đình Sacchi không có gen thể thao thì cũng không đúng. Ông bố Augusto của ông từng là một cầu thủ cùi bắp, đá đâu đó ở Serie C trong những năm tháng hoàng kim nhất của sự nghiệp trước khi nhận ra bản thân có năng khiếu kinh doanh hơn là chạy theo trái bóng. Sacchi cũng quyết tâm nối nghiệp ông già. Ở tuổi 17, ông bắt đầu sự nghiệp bóng đá đỉnh cao trong đội trẻ của CLB có cái tên lạ hoắc L'Unione Sportiva Baracca Lugo. Lúc này, Baracca Lugo đang thi đấu ở giải địa phương của vùng Emilia-Romagna và tràn trề hi vọng thăng hạng Serie D. Sau 2 năm làm hậu vệ cánh ở đội trẻ, đá đâu đó chừng dăm chục trận, Sacchi nhận thấy trình độ của ông còn cùi bắp hơn cả bố mình. Ít nhất thì cụ Augusto còn ngoi lên Serie C đá vài mùa, Sacchi thì đến đội trẻ của một đội bóng địa phương cũng còn quá sức với "tài năng" của ông. Không muốn mất thời gian cho nghiệp cầu thủ bạc bẽo này, Sacchi quyết định giải nghệ ở tuổi 19 và chuyển sang học kế toán. Lúc này, xưởng đóng giày của gia đình ông đã bắt đầu ăn nên làm ra và kế thừa sản nghiệp của phụ thân sáng sủa hơn nhiều việc cứ vất vưởng ở hạng nghiệp dư môn bóng đá.

Hoàn thành khóa kế toán, Sacchi vào công ty gia đình và trở thành người phụ trách mảng tiếp thị sản phẩm. Khả năng giao tiếp, vốn liếng ngoại ngữ không tồi và sở thích xê dịch của ông hoàn toàn phù hợp với cương vị mới. Và ông kéo vali lên đường. Từ Italia sang Hà Lan, từ Bỉ sang Rumani, dấu chân của Sacchi trải khắp các quốc gia Trung và Nam Âu. Cũng bắt đầu từ đây, ông tìm ra niềm đam mê mới của mình: chiến thuật bóng đá. Cứ mỗi khi đến một thành phố nhằm vào dịp có trận đấu, Sacchi đều tìm cách mua vé để chen chân vào xem chỉ bởi ông muốn tận mắt nhìn thấy bóng đá trong một không gian rộng lớn thay vì những chiếc ti vi bé nhỏ. Những cổ động viên ở các trận đấu ấy không hề biết rằng, ngồi cùng với họ trên sân còn có một huấn luyện viên vĩ đại, cực kỳ vĩ đại, nhưng tất nhiên, ở thì tương lai.

Sau khi hai "kỳ nhân" Nereo Rocco và Helenio Herrera xuất hiện, bóng đá Italia đã được định hình theo phong cách catenaccio trong suốt những thập kỷ tiếp theo. Tất nhiên, không phải không có những người dám thay đổi. Enzo Bearzot, Giovanni Trapattoni hay Osvaldo Bagnoli đã hướng những đội bóng của mình ra khỏi phong cách phòng ngự - phản công sáo mòn. Giuseppe Marchioro, Luigi Radice hay Nils Liedholm lại gieo mầm cho sự đổi mới về

mặt tấn công. Tuy rằng những thay đổi ấy chưa đủ để tạo nên một cuộc cách mạng quy mô lớn nhưng nó đã nhen những đốm lửa nhỏ để chờ ngày một vĩ nhân xuất hiện. Thật thú vị khi nhìn về những cái tên ở trên, nó có một điểm chung: Milan. Trapattoni, Bagnoli, Liedholm, Marchioro và Radice hoặc là những cầu thủ của Milan, hoặc đã từng huấn luyện đội bóng này, hoặc cả hai. Còn với Bearzot, ông cũng có chút liên hệ khi sinh ra tại Milano và từng là cầu thủ của Inter. Có lẽ vì vậy mà lịch sử đã một lần nữa lựa chọn Milan làm nơi khởi đầu cho cuộc cách mạng mới trong bóng đá.

Những tiền đề của các bậc tiền bối đã giúp ích rất nhiều cho Sacchi trong quá trình học hỏi. Quãng thời gian làm tiếp thị, ngoài việc xem các trận bóng vào cuối mỗi tuần, khi rảnh rỗi, ông lại mon men tới các lò đào tạo trẻ để xem các phương pháp huấn luyện cầu thủ chuyên nghiệp. Tất nhiên, ông thừa hiểu những gì được dạy ở Baracca Lugo là quá cũ kỹ và lạc hậu, không đáng nhắc đến. Nói tới đào tạo trẻ, khi ấy phải là Ajax, Brugge và Anderlecht. Nhất là Ajax!

Cảm thấy tích lũy kiến thức đã đủ, năm 1973, Sacchi quay trở về Italia và nhận lời làm huấn luyện viên của đội bóng quê nhà. Fusignano lúc đó gặp vô vàn khó khăn và nhiệm vụ của Sacchi là hết sức nặng nề. Ở tuổi 27, ông phải điều khiển và ra lệnh cho những cầu thủ đáng tuổi anh trai ông. Nhưng đó là lúc tất cả nhận ra Sacchi có một thiên khiếu bẩm sinh về tài quản lý. Dưới sự dẫn dắt của ông, Fusignano đã dần thoát khỏi khủng hoảng và thăng hạng. Chỉ có điều, một vấn đề riêng tư đã nảy sinh với Sacchi. Ông phát hiện mình bị hói.

Cái đỉnh đầu của Sacchi cứ lần lượt rụng thêm nhiều tóc sau mỗi lần ông chuyển đội. Rời Fusignano, Sacchi chuyển tới Alfonsine rồi Bellaria, toàn những tên tuổi lẫy lừng ở... hạng nghiệp dư. Trong vòng 5 năm, ông đã dẫn dắt các đội bóng của mình tham chiến ở những trận cầu hạng lông tại Italia. Không phải Sacchi không muốn vươn cao hơn. Nhưng ông vấp phải một vấn đề rất lớn: bằng cấp. Không thể làm huấn luyện viên ở hạng trên mà không có một bằng cấp chính quy. Đây là luật. Sacchi buộc phải lựa chọn, hoặc ông tiếp tục làm huấn luyện viên nghiệp dư như những năm qua trong khi thi thoảng vẫn chạy đi tay bắt mặt mừng với các đối tác để bán giày, hoặc ông phải từ bỏ công việc gia đình để tiến thẳng vào thế giới bóng đá. Cuối cùng, Sacchi lựa chọn phương án 2.

Năm 1978, ông tham gia khóa học huấn luyện viên ở Trung tâm

thể thao Coverciano. Đây là ngôi trường đào tạo do nhà quản lý huyền thoại Italo Allodi sáng lập và giữ vị trí Giám đốc. Nhưng trung tâm này cũng chẳng lấy gì làm nổi tiếng và có lẽ ngoài Sacchi, không có nhiều học viên thành công trên con đường sự nghiệp. Dù sao, việc có một cái bằng chính quy cũng giúp Sacchi bước vào thế giới bóng đá chuyên nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, ông trở thành huấn luyện viên đội trẻ của một CLB Serie B là Cesena trong 4 năm.

Tích lũy đủ kinh nghiệm ở Cesena, Sacchi chuyển tới Rimini và làm huấn luyện viên ở đây trong 2 mùa. Thành tích là rất khả quan. Mùa đầu tiên, Rimini kết thúc Serie C1/A ở vị trí thứ 5. Sacchi tới Fiorentina dẫn đội U17 của La Viola rồi quay trở lại Rimini. Mùa thứ hai với ông, Rimini xếp thứ 4 tại Serie C1/A. Rất ấn tượng với khả năng của vị huấn luyện viên trẻ tuổi, Chủ tịch Parma Ernesto Ceresini và Giám đốc thể thao Riccardo Sogliano đã quyết định mời ông làm huấn luyện viên trưởng. Mùa hè năm 1985, Sacchi đặt chân tới Parma, lúc này vẫn tập ở trại huấn luyện cũ thay vì trung tâm hiện đại Collecchio như bây giờ. Chỉ trong 2 năm, Parma Sacchi làm các khán giả mê mẩn khi trình diễn thứ bóng đá đầy sôi nổi ở Serie B. Họ thi đấu cực hay ở Ennio Tardini. Trong 6 trận liên tiếp đầu mùa, Parma giữ sạch lưới trên sân nhà và chỉ để thủng lưới tổng cộng có 8 lần tại đây trong cả mùa giải. Không có gì khó hiểu khi Parma là CLB có hàng thủ mạnh nhất Serie B. Nhưng không có chiến công nào vinh quang hơn việc Sacchi đã 2 lần quật ngã gã nhà giàu Milan ngay tại San Siro với tỷ số 1-0, tất cả đều diễn ra ở Coppa Italia. Đó chính là bước ngoặt để một ngày mùa xuân năm 1987, Galliani đã hẹn gặp Sacchi và nói "*Milan cần ông*".

Ngày 03-07-1987, Sacchi đặt bút ký vào bản hợp đồng 1 năm với Milan. Ông khá dè dặt trước công việc đầy cam go này và ký ít nhất có thể để té lúc cần. Milan là đội bóng hạng A đầu tiên mà Sacchi làm việc. Đành rằng trước đó, ông từng tới Fiorentina theo lời mời của Italo Allodi nhưng đó bất quá chỉ là một chức danh ở đội U17. Còn bây giờ, trước mắt ông là các ngôi sao tầm cỡ thế giới, Ruud Gullit, Marco van Basten, Franco Baresi và Carlo Ancelotti. Chỉ nghe tên đã đủ lạnh người. Các cổ động viên Milan nhìn Sacchi với sự nghi ngờ không che giấu. Một thằng vô danh. Một gã bán giày. Một kẻ nghiệp dư. Liệu một huấn luyện viên chưa từng làm việc với đội bóng hạng A có thể khống chế nổi các cầu thủ ở Milan? Đây rõ ràng là canh bạc của Berlusconi, cũng là một "tân binh" ở vị trí Chủ tịch CLB.

Có lẽ để an tâm hơn trên cương vị mới, Sacchi đã đề xuất mang các

cậu học trò cũ là Mario Bortolazzi, Roberto Mussi và Walter Bianchi từ Parma về Milan. Nhưng cả ba đã chứng tỏ họ không thể theo kịp với trình độ của các ngôi sao ở San Siro và nhanh chóng bật bãi. Trên sân, Milan cũng gặp khó ngay giai đoạn đầu. Đội bóng bị Fiorentina hạ nhục 2-0 ngay tại San Siro dù có trong tay hàng tá hảo thủ. Sacchi bị chỉ trích rất nặng nề. Các cổ động viên đã kéo tới Milanello, giơ cao biểu ngữ yêu cầu Berlusconi sa thải gã bán giày. Đáp lại, ông chủ của Milan đã lờ tịt và tiếp tục tất tay vào canh bạc của mình.

Nhưng trận thua trước Fiorentina cũng là lần cuối cùng Milan Sacchi thất bại tại Serie A mùa giải đó. Đội bóng đã không thua từ vòng 3 cho tới lúc kết thúc mùa, nếu không tính đến trận thắng Roma 1-0 nhưng sau đó bị xử thua 0-2 vì các ultra ném pháo sáng vào cầu thủ đối phương. Sacchi đã tìm ra công thức chiến thắng cho ông và cho cả Milan. Lối chơi phòng ngự được đẩy lên tầm cao mới. Nó rất gần với cách mà Ajax của Rinus Michels vận hành, nghĩa là luôn duy trì thành một khối dù tấn công hay phòng thủ. Sơ đồ 4-4-2 được thực thi một cách nghiêm ngặt với bộ tứ vệ tài năng ở dưới cùng, hỗ trợ phía trên là hàng tiền vệ 4 người. Milan chơi tấn công rất mạnh mẽ và phòng ngự còn mạnh mẽ hơn. Trong cả mùa giải 1987-88, Milan chỉ thủng lưới có 14 bàn, đó là còn bao gồm cả 2 bàn thua "từ trên trời rơi xuống" ở trận đấu với Roma kể trên. Tổng cộng, CLB đã giữ sạch lưới 20/30 trận tại Serie A - một kỷ lục vô tiền khoáng hậu.

Cuộc cách mạng của Sacchi đã đi từng bước để tới thành công. Ông không nhận được sự tin tưởng của các cầu thủ lẫn công chúng trong thời gian đầu nhưng dần dần, những điều ông truyền đạt đã ngấm vào từng học trò.

Trước tiên, Sacchi xóa bỏ định kiến trong tư duy của các cầu thủ Ý ở Milan. Đối với ông, việc phòng thủ không chỉ gói gọn ở 30m xung quanh khung thành. Milan cần phòng ngự chủ động, thậm chí ngay từ sân đối phương. Ngay cả các tiền đạo cũng phải tham gia vào công tác này bằng cách gây sức ép lên hậu vệ đối phương. Khoảng cách giữa các tuyến cũng không được xa quá 25m, các cầu thủ luôn phải giữ vững được cự li này để tiện phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau. Bên cạnh đó, lối chơi phòng ngự theo khu vực cũng luôn đảm bảo cho Milan có ưu thế về quân số trong những cuộc tranh chấp tay đôi. Các hậu vệ cánh được phép dâng cao hỗ trợ tấn công và điều này đã tạo ra Paolo Maldini, hậu vệ cánh vĩ đại nhất trong lịch sử. Rất nhiều người nghĩ rằng Maldini chỉ mạnh về mặt phòng ngự nhưng thực chất, anh cũng vô cùng xuất sắc trong việc hỗ trợ tấn công với tốc độ, kỹ thuật và tư duy cực kỳ thông minh.

Việc triển khai bóng của Milan được bắt đầu ngay từ người đá thấp nhất - Franco Baresi. Đội trưởng Milan được phép dẫn bóng băng thẳng lên phía trước để chuyền bóng và gây áp lực cho đối phương. Ancelotti và Rijkaard sẽ là những người đầu tiên ở tuyến giữa nhận bóng để tổ chức tấn công. Cầu thủ người Hà Lan có xu hướng lùi xuống hỗ trợ phòng thủ và giải phóng Ancelotti được tự do chơi sáng tạo. Kết hợp cùng cặp cánh Donadoni và Colombo, cả hai sẽ di chuyển liên tục ở khu vực giữa sân để tận dụng sơ hở của đối phương. Hai tiền vệ cánh vừa có thể dâng cao, đến sát biên ngang đối thủ, nhưng cũng có thể chạy cắt vào trung lộ và nhường lại hành lang cho hai hậu vệ cánh siêu hạng ở phía dưới. Song trên hết, sự kết hợp hoàn hảo của chiến thuật Sacchi thể hiện ở cặp tiền đạo Hà Lan. Cả hai đều cao, khỏe, nhanh và cực khéo. Họ đủ sức giành lại bóng ngay trên phần sân đối phương và vừa có thể sút xa, vừa có thể phối hợp với nhau để ghi bàn.

Một trong những phát kiến của Sacchi chính là tận dụng luật việt vị. Với hàng thủ có chỉ số thông minh rất cao, cả bốn sẵn sàng dâng lên bẫy việt vị đối phương mỗi khi thủ lĩnh Baresi ra lệnh. Mỗi khi gặp khó khăn do áp lực từ hàng công của đối thủ, các hậu vệ sẽ lập tức lui về khu cấm địa, nhường lại phần sân rộng hơn bên ngoài và hạn chế các đường chuyền vào vòng 16m50. Kỹ năng phòng thủ được vận dụng nhuần nhuyễn qua từng năm đã biến Milan trong thời gian từ 1988-1994 là một trong những đội bóng bị thủng lưới ít nhất mọi thời đại với tổng cộng 151 bàn thua/7 mùa giải (234 trận).

"*Bóng đá sinh ra từ bộ não, không phải từ cơ thể. Michelangelo nói rằng ông ấy vẽ bằng trí óc chứ không phải đôi tay. Vì vậy, tôi cần những cầu thủ thông minh. Đó là triết lý của chúng tôi ở Milan. Tôi không cần một nghệ sĩ độc tấu, tôi cần một dàn nhạc giao hưởng. Lời khen tuyệt nhất mà tôi nhận được là khi mọi người nói bóng đá của tôi giống như âm nhạc vậy*" - Arrigo Sacchi.

Với tất cả những cách tân chiến thuật, Milan đã bắt đầu chinh phục Cup châu Âu một cách hứng khởi nhất. Nhưng sau khi đè bẹp nhà vô địch Bulgaria Vitosha Sofia ở vòng 1, Milan đã đụng Red Star ở vòng 2. Chỉ thủ hòa 1-1 ở San Siro trong trận lượt đi, đoàn quân của Sacchi mang theo sự hồi hộp ở trận lượt về. Red Star vượt lên dẫn trước 1-0 ở phút 50 và Milan đã rất cố gắng nhưng không sao đưa được bóng vào lưới đối thủ. Lời tuyên bố giành Cup châu Âu của Berlusconi sắp biến thành trò hề. Đúng lúc ấy, màn sương mù dày đặc xuất hiện và che phủ khắp sân. Trận đấu không thể tiếp tục được nữa! Trọng tài Dieter Pauly quyết định hủy bỏ kết quả khi trận đấu mới bước sang phút 57 và cho

hai đội đá lại vào ngày hôm sau. Tự nhiên nhận được "quà", các cầu thủ Milan đã thi đấu hưng phấn hơn hẳn. Marco van Basten ghi bàn mở tỷ số trước khi ngôi sao Dragan Stojkovic cân bằng 1-1. Hai đội giằng co suốt thời gian còn lại và phải đá luân lưu để phân định thắng thua. Milan thắng 4-2 penalty và vào vòng tứ kết bằng cách không thể may mắn hơn. Galliani sau này mỗi khi nhớ đến trận đấu ấy, đều phá lên cười và nói: "*Nhờ màn sương mù Belgrad mà Milan đã trở thành vĩ đại*". Con đường vào trận chung kết của Milan sau đó đã bằng phẳng hơn bao giờ hết. Họ dễ dàng vượt qua vòng tứ kết và bán kết để tiến tới trận chung kết Cup châu Âu thứ 4 trong lịch sử của mình. Tất cả đều chờ đợi ngày Milan đăng quang. Nhưng lúc này, một sự cố ngoài ý muốn đã xảy ra.

Ngày 23-05-1989, các chuyên gia kỹ thuật truyền hình Tây Ban Nha và xứ Catalan tuyên bố đình công trong 3 ngày để đòi gia hạn hợp đồng. Nguy cơ trận chung kết sẽ không được tường thuật trên sóng. Các đài truyền hình nước ngoài buộc phải gây sức ép tới công đoàn và cuối cùng, thỏa thuận được thông qua trước giờ bóng lăn. Các kỹ thuật viên sẽ nghỉ... đình công trong vài giờ để thực hiện việc phát sóng trận chung kết. Trong khi đó, từ Italia, Galliani bay sang Bucharest mang theo mật lệnh của Berlusconi. Lúc ấy, theo quy định, mỗi đội tham dự trận chung kết được phân phối 40.000 vé. Cánh tay phải của ông trùm đã nhanh chóng mua sạch toàn bộ số vé này với giá cao hơn giá bán để mang về Milano. Những người Rumani khi đó đang trong tình trạng khủng hoảng chính trị, đã nhanh chóng đồng ý bán lại. Và người ta đã chứng kiến một cuộc hành hương chưa từng có, khi hơn 70.000 người từ Milano đã dùng tất cả mọi phương tiện từ máy bay, ô tô, tàu hỏa, thậm chí xe máy và cả tàu biển, chỉ để tới Barcelona trước đêm 24-5. Lần đầu tiên trong lịch sử, Camp Nou đã trở thành San Siro. Nhiều năm sau, khi những ký ức và cảm xúc đã trôi vào dĩ vãng, vẫn còn rất nhiều cổ động viên Milan nhớ lại cái đêm Camp Nou tuyệt đẹp ấy và nói trong hạnh phúc: "*À, mình đã từng ở đó.*"

Sự đầu tư khủng khiếp của Berlusconi trong suốt 3 năm và 50 tỷ lire được các cổ động viên Milan tiêu trong có vài ngày chỉ để xem 90 phút trận chung kết đã được đền đáp xứng đáng. Milan đè bẹp Steaua với tỷ số 4-0 bằng tài nghệ ghi bàn của cặp siêu sao Hà Lan còn Sacchi, người 2 năm trước đó vẫn là một gã vô danh, đã trở thành huấn luyện viên xuất sắc nhất thế giới.

* *

*

THỜI ĐẠI CỦA CARLETTO

Cái bức tường ở Via Vallicella có lẽ đã không còn nữa. Bức tường ấy là nơi mà cách đây nửa thế kỷ, cậu bé Carlo cứ chiều chiều lại một mình vác quả bóng ra và tập sút thẳng về nó. Trái bóng đập vào tường và nảy ra xa khiến cậu bé lại toát mồ hôi đuổi theo. Những người hàng xóm chứng kiến cảnh tượng này không bao giờ có thể ngờ họ đang nhìn một "truyền kỳ của Champions League" lớn lên…

Tuổi thơ của Ancelotti không hẳn chỉ có bóng đá, ông còn là một vận động viên cừ khôi ở môn đua xe đạp. Trong một đại hội thể thao nhỏ, Carlo đã cong mông lên nhấn pê đan và giành danh hiệu vô địch. Nhưng đó chỉ là một ý thích nhất thời bởi trái bóng mới là niềm đam mê và khao khát. "*Bóng đá không chỉ là một nghề nghiệp. Tôi lớn lên ở trang trại và bóng đá là một cuộc sống tốt đẹp hơn*", Ancelotti đã nói thế về cuộc đời của mình. Sinh ra trong một gia đình nông dân chuyên làm pho mát, ngay từ khi còn bé, Carlo đã được cha mình rèn luyện tính kỷ luật một cách nghiêm khắc trong công việc. Nhưng khi ra khỏi nông trại, gia đình Ancelotti lại rộn ràng tiếng cười vui bởi sự hòa đồng và dễ gần của mọi người. Chính điều đó đã ảnh hưởng rất lớn tới Carlo khi ông trở thành một huấn luyện viên.

Năm 33 tuổi, sau 5 mùa giải gắn bó với Milan và giành được 2 chiếc Cup châu Âu, Ancelotti quyết định giải nghệ để bắt đầu cuộc phiêu lưu mới trên băng ghế chỉ đạo. Ông nhận lời trở thành trợ lý cho người thầy cũ Arrigo Sacchi tại đội tuyển quốc gia Italia trong 3 năm. Tại đây, Carlo đã được Sacchi chỉ dẫn các phương pháp quản lýđội, cách động viên cầu thủ và nghiên cứu tường tận các trường phái chiến thuật.

Trong quãng thời gian này, ông đã viết một bản luận văn tốt nghiệp có nhan đề "Tương lai của bóng đá: Cơ động hơn" (tạm dịch từ "Il Futuro del Calcio: Più Dinamicità"). Bản luận văn của Ancelotti được vẽ chi chít các biểu đồ và sơ đồ chiến thuật. Nó là một tác phẩm kế thừa từ luận văn của Cesare Prandelli trước đó vài năm. Nếu như Prandelli khẳng định: "*Chúng tôi khám phá ra rằng bóng đá là một trò chơi đồng đội*", thì Ancelotti còn đi xa hơn khi nhấn mạnh tầm quan trọng của sự "dự đoán". Một cầu thủ không những phải dự đoán lối chơi của đối thủ mà còn phải dự đoán cả lối chơi của đồng đội. Đó là cách mà Ancelotti chơi bóng và thực hiện trên sân trong suốt 13 năm của sự nghiệp đỉnh cao. Ancelotti viết tiếp: "*Mục tiêu của tương lai là sẽ chơi một thứ bóng đá cơ động và khái niệm này sẽ càng ngày càng cải thiện theo thời gian bởi tốc độ của trận đấu. Việc khó dự đoán và sự đa dạng của*

chiến thuật đều là những vũ khí quan trọng trong việc nâng cao chất lượng trận đấu." Ông đặc biệt nhấn mạnh vai trò của những tiền vệ trung tâm: "*Nếu không có sự ăn ý giữa người chuyền bóng và người nhận bóng, khái niệm cơ động sẽ thất bại.*"

Với tư duy xuất sắc, Ancelotti đã nhanh chóng đạt được những thành công bước đầu với Reggiana và Parma trước khi bị… sa thải. Quãng thời gian sau đó với Juventus cũng chẳng tốt đẹp gì. Một ngày đẹp trời, các cổ động viên Juve đã căng biểu ngữ "*Một con lợn không thể làm huấn luyện viên. Cút đi, Ancelotti!*" Cuối cùng, ông đi thật. Nhưng trong một câu chuyện chứa đầy drama. Khi Juventus đang đá trận cuối cùng của mùa giải, Ancelotti nhận quyết định đuổi việc ngay trong giờ nghỉ giải lao. Người ta gọi sau lưng ông là "vua về nhì". Nhưng có một người đã nhìn ra được khả năng siêu việt của Ancelotti. Lại một lần nữa, người đó là Berlusconi.

Berlusconi và các danh hiệu

(Nguồn: SempreMilan)

Berlusconi luôn thích làm những điều ít ai nghĩ tới. Hồi mới làm chủ Milan, ông đã thuê một gã cựu kế toán và marketing giày về làm huấn luyện viên. Bây giờ, khi mà cả nước Ý nghĩ rằng Ancelotti khó lòng với tới được các danh hiệu thì ông lại để mắt đến người đàn ông này. Một ngày hè chói chang của năm 2001, khi mà Parma đang tìm cách lôi kéo Ancelotti quay trở lại, ông bí mật tới gặp Berlusconi tại dinh thự Arcore. Một bản giao kèo được ký kết. Ancelotti đồng ý sẽ trở lại San Siro bất cứ lúc nào

Berlusconi cần. Tháng 11 năm ấy, Ancelotti chính thức trở thành huấn luyện viên của Milan, đội bóng đã cùng ông đi tới những đỉnh cao chói lọi trong quá khứ. Milan lúc này đang trong thời kỳ tái thiết sau quãng thời gian lạc lối. Kể từ năm 1996, họ chỉ có được duy nhất 1 Scudetto đầy may mắn, còn lại đều vạ vật ở cả Serie A lẫn Cup châu Âu. Thừa hưởng một đội hình rất mạnh với cậu học trò cũ Inzaghi mới đầu quân vào mùa hè, Ancelotti đã đưa Milan lọt vào top 4 ở cuối mùa giải ấy, qua đó, giành suất cuối cùng dự Champions League, tất nhiên từ vòng sơ loại.

Song suýt chút nữa Ancelotti đã không thể trở thành… chính ông. Trận đấu sơ loại của mùa 2002-03 giữa Milan với Slovan Liberec vô danh đã khiến Carlo đứng tim. Milan thắng 1-0 ở lượt đi và dẫn trước 1-0 ở lượt về. Nhưng hiệp 2 còn lại là một thảm họa. Đội bóng Czech đá hay hẳn lên và ghi liền 2 bàn thắng để cân bằng tỷ số. Những phút còn lại, Milan chống đỡ chật vật và giữ vững trận thua 1-2, qua đó lọt vào vòng đấu bảng với luật bàn thắng trên sân đối phương. Trận đấu này có lẽ gợi cho Ancelotti nhớ đến thời ông còn là cầu thủ, Milan của Sacchi cũng đã vượt qua Red Star chỉ bằng yếu tố may mắn trước khi bước tới vinh quang. Ngày 28-5-2003, Ancelotti đối đầu với đội bóng đã sa thải mình cách đó 2 năm. Milan thắng 3-2 trên chấm luân lưu và Carlo đã có chiếc Cup đầu tiên trong sự nghiệp huấn luyện viên, một chiếc Cup mà mọi nhà cầm quân đều mơ ước. Nhưng có một sự kiện còn đặc biệt hơn thế. Đó là Clarence Seedorf. Ở tuổi 27, tiền vệ người Hà Lan đã chính thức trở thành cầu thủ đầu tiên và duy nhất đến thời điểm này, đoạt Cup châu Âu với 3 đội bóng khác nhau. Anh đã bật khóc sau khi Shevchenko ghi bàn quyết định trên chấm luân lưu và chỉ có thể thốt lên: "*Thật không thể tin nổi! Thật không thể tin nổi!*"

Trong những năm tháng sau đó, Milan của Ancelotti thực sự là ngáo ộp tại Champions League. Họ luôn là ứng viên hàng đầu cho danh hiệu vô địch, giành được những trận thắng lịch sử bằng chiến thuật kỳ diệu của ông. Xuất phát từ việc có quá nhiều cầu thủ sáng tạo trong đội hình, Ancelotti đã sử dụng phương án mà chưa một huấn luyện viên nào dám làm, bố trí tất cả ra sân cùng một lúc. Thế là người ta chứng kiến Milan có tới 3 "số 10" trên sân, Seedorf, Pirlo và Rui Costa. Để đem lại sự cân bằng cho tuyến giữa, ông đã dùng một cầu thủ rất cơ bắp và đầy can trường Gattuso làm máy quét và kéo Pirlo xuống chơi ở vị trí thấp nhất của hàng tiền vệ nhưng lại đảm nhiệm vai trò phát động tấn công. Đó chính là sơ đồ 4-3-1-2 trứ danh làm nên tên tuổi của Ancelotti và cuộc cách mạng vai trò của Pirlo đã tạo nên một vị trí mới: tiền vệ kiến thiết lùi sâu. Tất nhiên, Ancelotti đã được thừa hưởng từ phát

kiến của một Carlo khác, Mazzone - huấn luyện viên của Brescia, người đầu tiên kéo Pirlo xuống thấp, thoát ly khỏi vai trò một hộ công. Song ông đã trao cho tiền vệ này nhiều quyền năng hơn. Gần như mọi đường bóng của Milan đều sẽ đi qua chân Pirlo trước khi phân phối cho các đồng đội ở tuyến trên. Với Ancelotti, Pirlo đã trở thành "bộ não của đội bóng". Sự vận hành ấy đang trơn tru thì một ngày nọ, Andriy Shevchenko thông báo anh sẽ ra đi.

Vụ scandal bóng đá Italia mùa hè 2006 khiến Ancelotti bạc tóc. Milan bị trừ 8 điểm khởi đầu mùa giải mới, cộng thêm việc mất đi "sự đảm bảo của 25 bàn thắng mỗi mùa" (ám chỉ Shevchenko), CLB buộc phải phụ thuộc vào cảm hứng của Kaka. Chính lúc này, Berlusconi đã ra tay. Tháng 1-2007, Milan bất ngờ chiêu mộ thành công Ronaldo. Tiền đạo huyền thoại của Brazil đang béo ú và mất dần phong độ tại Real. Song Milan đã tin rằng họ sẽ trở nên mạnh hơn nếu anh gia nhập đội bóng. Niềm tin ấy trở thành hiện thực khi Ronaldo đã đảm đương mặt trận Serie A, giúp Milan an toàn trong top 4 để CLB dốc toàn lực vào chiến trường châu Âu.

Nếu như ở vòng 2, Milan chỉ có thể vượt qua Celtic đầy khó nhọc bằng pha trượt tuyết kinh điển của Kaka thì trận tứ kết với Bayern Munich và bán kết với MU của họ đã đem lại cảm xúc không thể quên. Những người Đức dồn lên quyết tâm đè bẹp Milan ở trận lượt về sau những cay đắng bị dồn nén trong quá khứ, bất chấp đã cầm hòa 2-2 trước đó tại San Siro. Đó chính là lúc Ancelotti cho thấy sự cao tay của ông. Sau khi Seedorf mở tỷ số được 4 phút, đến lượt Inzaghi lên tiếng. Super Pippo rình rập và chỉ chờ đúng cơ hội có lẽ là duy nhất của anh trong trận đấu. Từ một đường chọc khe thông minh của Seedorf, tiền đạo người Italia đã băng xuống nhanh như sao đổi ngôi để dứt điểm từ cự li 17 mét, có lẽ là rất xa đối với anh rồi, để đóng đinh chiến thắng. Milan còn tiếp tục vượt qua một đối thủ cực mạnh ở bán kết, đó là MU trẻ trung của Alex Ferguson, nơi mà Kaka đã ghi một bàn thắng để đời khiến tất cả nhớ mãi.

Ancelotti 2007

Ngày 28-05-2007, Milan lần thứ 2 gặp Liverpool ở đấu trường châu Âu và một lần nữa, đó lại là trận chung kết Champions League. Nếu như Liverpool thắng trận đấu này, họ sẽ cân bằng thành tích đoạt Cup châu Âu với chính Milan. Trước trận đấu ngày hôm ấy, đội trưởng Paolo Maldini đã phải cắn răng tiêm thuốc giảm đau để có thể ra sân. Anh không thể bỏ lỡ trận đấu lớn cuối cùng trong cuộc đời của mình. Khác với đêm kinh hoàng tại Istanbul 2 năm về trước, Liverpool mới là đội bóng lấn lướt hơn. Nesta và Dida phải làm việc cật lực để chống lại những đợt tấn công như vũ bão của đội quân áo đỏ. Phút cuối của hiệp 1, Milan được hưởng quả đá phạt ngay trước vòng cấm địa. Pirlo sút. Bóng đập trúng vai Inzaghi bay vào lưới trong sự ngỡ ngàng của Reina. Bàn thắng! Bàn thắng! Các cổ động viên Milan gào lên điên cuồng. Tiếp đến, Kaka chọc khe đầy tinh tế, loại bỏ hoàn toàn hàng thủ của Liverpool. Inzaghi một lần nữa lại đóng vai kẻ dứt điểm. Anh phá bẫy việt vị, băng qua các hậu vệ đối phương trước khi lừa nốt thủ thành Reina để đưa bóng vào lưới trống. Milan đã không mắc sai lầm như 2 năm trước đó. Họ bảo vệ thành công thành quả của mình và lần thứ 7 đoạt danh hiệu vô địch Champions League.

Milan trên đỉnh châu Âu

(Nguồn: Canal)

Ngày hôm ấy, khi chứng kiến Maldini giơ cao chiếc Cup châu Âu, không ai có thể ngờ một chương đen tối của Milan đã chuẩn bị bắt đầu.

Vĩ thanh: Cha và con

Tháng 5-1989, Paolo Maldini giành được Cup châu Âu lần đầu tiên. Ở tuổi 21, chàng trai trẻ đã đuổi kịp cha mình và biến gia đình Maldini trở thành cặp cha - con đầu tiên cùng đoạt Cup C1. Nhưng anh không bao giờ dừng lại ở điểm xuất phát ấy. Paolo còn tiếp tục cùng Milan chinh phục thêm nhiều danh hiệu nữa. Đỉnh cao nhất chính là tháng 5-2003, đúng 40 năm sau ngày Cesare nâng cao chiếc Cup vô địch với tư cách đội trưởng Milan, Paolo đã thực hiện được điều tương tự. Đó là lần đầu tiên và duy nhất cho đến lúc này, thế giới chứng kiến một cặp cha - con cùng là đội trưởng vô địch Cup C1, và còn hơn thế nữa, ở cùng một đội bóng. Maldini - Di Milan. Di Milan - Maldini…

Cảm hứng của barca

Hồ Phương

PHI LỘ

Barca và sự vĩ đại muộn màng

Nói đến bóng đá Tây Ban Nha, người ta sẽ lập tức nhắc đến Barcelona và Real Madrid. Nhưng bước ra khỏi biên giới xứ sở bò tót thì ở buổi bình minh của các Cup châu Âu, tất cả chỉ biết đến CLB Hoàng gia Tây Ban Nha. Real Madrid đã lên ngôi ở 5 lần đầu Cup C1 được tổ chức và giành 6 chức vô địch trong 11 mùa đầu tiên. Dù phải chờ 32 năm tiếp theo để trở lại đỉnh cao sau trận chung kết Champions League mùa 1997-98 với Juventus, rồi giành tiếp chiếc Cup thứ 8 sau đó 2 năm, những vinh quang tột đỉnh ấy là quá đủ để họ được FIFA chọn là "CLB vĩ đại nhất thế kỷ XX" trong cuộc bầu chọn hồi tháng 12-2000.

Đội hình khủng khiếp của Barcelona

(Nguồn: FIFA)

Suốt khoảng thời gian ấy, Barca đang ở đâu?

Câu trả lời là họ đang bận chinh chiến ở Cup các đội đoạt Cup Quốc gia (tức Cup C2) và Cup Hội chợ. Đội bóng xứ Catalunya vẫn đang giữ kỷ lục về số lần đăng quang ở hai giải đấu đã bị khai tử này với lần lượt 4 và 3 lần vô địch. Còn ở Cup C1 thì tính đến trước trận chung kết lịch sử tại Wembley năm 1992, thành tích của Barca chỉ là con số 0 tròn trĩnh. Nguyên nhân thì có nhiều. Các cule có thể đổ cho... sự đen đủi, hay thể thức khốc liệt ở giai đoạn đầu của Cup C1. Nhưng lịch sử Barca vẫn ghi nhận một khoảng trắng mênh mông kéo dài suốt gần bốn thập kỷ đầu của giải đấu số 1 châu Âu.

Ở mùa giải đầu tiên của Cup C1 là 1955-56, khi những nhà sáng lập Gabriel Hanot và Jacques Ferran vẫn mở cửa chào đón các đội tham dự, Barca không góp mặt vì Tây Ban Nha đã có một đại diện là Real Madrid, đội đương kim vô địch La Liga. Đến khi giải đấu mở cửa để đội Á quân La Liga được tham dự vòng sơ loại, họ tiếp tục vắng mặt ở ba mùa tiếp theo hoặc vì không cán đích trong hai vị trí đầu, hoặc xếp thứ hai nhưng bị... Real Madrid lấy mất suất vì đang là nhà đương kim vô địch Cup C1.

Phải đến mùa 1959-60, đội bóng xứ Catalunya mới đường hoàng góp mặt tại Cup C1 với tư cách nhà vô địch La Liga. Nhưng chuyến phiêu lưu đầu tiên ấy lại là một nỗi đau, khi họ bị Real Madrid chặn lại ở bán kết sau thất bại với tổng tỷ số 2-6. Một năm sau, Barca lại có vé dự Cup C1 mùa 1960-61 nhờ vô địch La Liga, và đi một lèo đến trận đấu cuối cùng. Tuy nhiên, lần này nỗi đau còn lớn hơn khi họ để thua Benfica 2-3 ở trận chung kết. Việc giải đấu siết lại quy định khi chỉ cho phép các đội vô địch quốc gia tham dự Cup C1 kể từ mùa 1961-62 khiến tình thế của Barca càng trở nên khó khăn. Vì nó trùng khớp với giai đoạn khủng hoảng nặng nề nhất trong lịch sử sân Camp Nou với vỏn vẹn hai chức vô địch La Liga trong 30 năm.

Sự lép vế tại giải quốc nội đã lấy đi cơ hội cạnh tranh với những đội bóng hàng đầu châu Âu của Barca. Đó là lý do ở hai lần hiếm hoi góp mặt tại Cup C1 ấy, họ tiếp tục bị Leeds loại ở bán kết mùa 1974-75 và thua trận chung kết thứ 2 trong lịch sử trước Steaua Bucharest mùa 1985-86. Barca có lẽ vẫn sẽ là kẻ thất bại vĩ đại nếu không có bước ngoặt ở mùa 1991-92, khi Ronald Koeman tung cú sút như đạn pháo vào lưới Sampdoria giúp họ lần đầu đăng quang trong trận chung kết ở Wembley. Vì trước cột mốc lịch sử ấy, Cup

C1 với đội bóng xứ Catalunya hoàn toàn là khoảng trắng, khi gã khổng lồ của bóng đá Tây Ban Nha có thành tích kém cả những Celtic, Feyenoord, Nottingham Forest, Aston Villa, Hamburg, Porto hay PSV.

Như một sự bù đắp của lịch sử, Barca đã nhanh chóng lấy lại những gì thuộc về mình. Nếu như Real Madrid là ông vua của thế kỷ XX, thì Barca là kẻ thống trị trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Sau bước ngoặt lịch sử ở Wembley, đội bóng xứ Catalunya đã giành thêm 4 chiếc Cup Champions League vào các mùa 2005-06, 2008-09, 2010-11 và 2014-15. Tất cả đều gắn với những thiên tài mang tên Ronaldinho và Lionel Messi.

Cập bến Camp Nou năm 2003 như lời cam kết của Joan Laporta nếu đắc cử chủ tịch, Ronaldinho đã đem nụ cười của anh từ thành Paris đến Barcelona. Với niềm cảm hứng từ những pha nhảy múa của siêu sao người Brazil, đội bóng xứ Catalunya đã chạm cửa thiên đường vào năm 2006 sau màn ngược dòng trước Arsenal ở trận chung kết. Chiếc Cup thứ hai này đã thực sự nâng tầm Barca, đưa họ vào hàng ngũ những đội bóng hàng đầu. Ba chức vô địch tiếp theo thì in dấu ấn đậm nét của Messi, người thừa kế chiếc quyền trượng từ Ronaldinho, và cả thứ bóng đá kiểm soát tuyệt đối đã biến Barca thành "độc cô cầu bại" trong kỷ nguyên của Pep Guardiola. Đó có thể coi là sự bừng sáng muộn màng của một đội bóng vĩ đại. Nhưng nó cũng cho thấy sự khắc nghiệt của giải đấu số 1 châu Âu, nơi chỉ những người chiến thắng mới được ghi tên vào lịch sử.

* *

*

TRÊN ĐỈNH CHÂU ÂU

Lionel Messi đã không kịp bình phục để góp mặt trong trận chung kết Champions League mùa 2005-06 mà Barca đánh bại Arsenal để lên ngôi vô địch. Xavi Hernandez thì có tên trong danh sách đăng ký, nhưng không được đá phút nào. Và cầu thủ đầu tiên được huấn luyện viên Frank Rijkaard tung vào sân ở hiệp 2, khi Barca đang bị dẫn 0-1, đáng ngạc nhiên lại là Andres Iniesta. Nhưng Rijkaard có lý do khi làm thế. Vì ngoài một cú sút bị thủ thành Manuel Almunia của Arsenal cản phá, Iniesta chính là người mở ra cơ hội trong bàn gỡ hòa 1-1 của đội bóng xứ Catalunya, với đường chọc khe thông minh để Henrik Larsson nhả bóng ra cho Samuel Eto'o băng lên dứt điểm.

Nói đến Iniesta, mọi người ở La Masia thường nhớ đến hai câu chuyện. Trong lần đầu tiên được gọi lên tập cùng đội 1 của Barca, Iniesta lúc đó mới 16 tuổi đã không thể tìm được phòng thay đồ. Luis Enrique được cử đi tìm cậu nhóc bị lạc. Và khi cậu bé với đôi mắt to ngượng ngùng xuất hiện trong phòng thay đồ, Pep Guardiola đã khiến tất cả các đồng đội bất ngờ khi đứng dậy và tuyên bố một cách đầy nghiêm túc: "*Hãy nhớ ngày này, ngày các anh lần đầu chơi cùng Andres.*" Chưa hết, Pep còn lôi Xavi sang một bên và nói: "*Cậu sẽ khiến tôi treo giày. Còn gã này sẽ làm cho cả hai chúng ta giải nghệ.*"

Câu chuyện thứ hai về Iniesta cũng liên quan đến Pep Guardiola. Ngày 21-07-1999, tiền vệ trẻ khi ấy đeo băng thủ quân đội U15 Barca ở trận chung kết giải trẻ Nike Premier Cup được tổ chức tại chính thành phố Barcelona. Iniesta đã ghi bàn quyết định trong hiệp phụ, giúp đội bóng nhí của Barca đánh bại Rosario Central của Argentina với tỷ số 2-1 để lên ngôi vô địch, trong khi chính anh được bầu là "Cầu thủ xuất sắc nhất giải". Pep chính là người trao các danh hiệu và khi đưa chiếc Cup vào tay cậu bé rụt rè Iniesta, ông đã nói: "*Có lẽ chỉ vài năm nữa, tôi sẽ chứng kiến cậu làm điều tương tự từ trên khán đài.*"

Sở dĩ chúng ta nhắc đến hai cái tên này nhiều đến vậy, là vì Pep... đã sai. Tròn 10 năm sau trận chung kết Nike Premier Cup năm 1999, ông đã chứng kiến Iniesta làm điều tương tự không phải từ khán đài, mà là trên cương vị huấn luyện viên của Barca. Đó là trận bán kết lượt về Champions League mùa 2008-09 ở sân Stamford Bridge của Chelsea. Hai đội đã hòa 0-0 trong trận lượt đi tại Nou Camp và ngay phút thứ 9 của trận lượt về diễn ra ngày 06-05-2009 ở London, Michael Essien đã mở tỷ số cho đội bóng Anh với một cú sút chân trái không thể cản phá.

Barca sau đó sa vào thế trận phòng ngự phản công sắc bén mà huấn luyện viên Guus Huddink của Chelsea bày ra, nếu không nhờ may mắn và thị lực có vấn đề của trọng tài Tom Henning Ovrebo, có thể đã nhận thêm bàn thua. Nhưng mọi nỗ lực của đội chủ nhà rốt cuộc đều trở thành vô nghĩa. Vì trong cái năm 2009 tuyệt vời ấy, Chúa đã chọn Barca. Đúng phút bù giờ thứ 3 của trận đấu ở Stamford Bridge, Messi nhả bóng ra ngoài vòng cấm để Iniesta tung cú sút một chạm không cần lấy đà, đưa bóng vào góc cao khung thành của Chelsea. Tỷ số là 1-1, và Barca lọt vào trận chung kết Champions League nhờ luật bàn thắng sân khách.

Đội bóng xứ Catalunya sau đó tiếp tục đánh bại nhà đương kim vô địch Man United, đội từng loại họ ở bán kết mùa 2007-08, tại sân

Olimpico để lên ngôi vô địch. Đó là trận đấu mà Messi làm lu mờ Cristiano Ronaldo, người đã trở nên hoàn toàn vô hại, với một tình huống "dừng" trên không rồi đánh đầu hạ gục thủ thành Edwin van der Sar để ấn định chiến thắng 2-0 cho Barca. Nhưng không phải trận chung kết ở Rome hay màn vùi dập Bayern Munich với tổng tỷ số 5-1 ở tứ kết, mà trận bán kết lượt về với Chelsea mới thực sự là điểm nhấn lớn nhất trên hành trình đăng quang tại Champions League mùa 2008-09 của Barca. Cú sút của Iniesta, người mà Pep từng tán dương là "đọc trận đấu giỏi hơn cả tôi" khi anh còn là một cậu bé 14 tuổi, cũng chính là dấu son đẹp nhất trên chặng đường chinh phục đỉnh cao châu lục năm ấy của Barca.

Chiếc Cup Champions League giành được tại Rome đã giúp đội bóng xứ Catalunya hoàn tất cú ăn 3 khi trước đó, họ đã giành Cup Nhà Vua Tây Ban Nha và vô địch La Liga. Trong vài tháng kế tiếp, Barca ẵm nốt 3 danh hiệu Siêu Cup Tây Ban Nha, Siêu Cup châu Âu và FIFA Club World Cup để hoàn thành mục tiêu không tưởng là cú "El Sextete" (ăn 6) trong năm dương lịch 2009. Đó là cái kết tuyệt vời mà có lẽ, ngay cả những culé lạc quan nhất cũng không dám tưởng tượng đến ở đầu mùa 2008-09, mùa giải mở ra một chương rực rỡ nhất trong lịch sử đội bóng.

Vì Barca vừa trắng tay trong mùa giải trước đó, và thậm chí phải bắt đầu chiến dịch Champions League mùa 2008-09 từ vòng loại thứ 3 do chỉ đứng thứ 3 tại La Liga. Vì kiến trúc sư của giai đoạn thành công trước đó là Frank Rijkaard đã nói lời tạm biệt, chưa kể một loạt công thần như Ronaldinho, Deco, Gianluca Zambrotta hay Edmilson cũng ra đi. Để thay thế Rijkaard, Chủ tịch Joan Laporta đã bổ nhiệm Pep Guardiola, người trước đó mới có kinh nghiệm một mùa dẫn dắt Barca B. Còn để lấp vào những khoảng trống trong đội hình, đội bóng xứ Catalunya đã mang về Dani Alves, Seydou Keita, Martin Caceres, Alexander Hleb và đáng chú ý nhất, là Gerard Pique.

Bốn năm sau khi chia tay Barca để gia nhập Man United, trung vệ này đã trở lại sân Camp Nou vào mùa hè năm 2008 với cái giá rẻ bèo 5 triệu bảng. Chính màn tái xuất của người đồng đội cũ của Messi ở lò La Masia, cùng việc một thành viên khác của lứa 1987 là Pedro Rodriguez và một tài năng trẻ khác sinh năm 1988 là Sergio Busquets được huấn luyện viên Pep Guardiola đôn đên đội 1 đã tạo ra cú hích lớn nhất trong lịch sử đội bóng xứ Catalunya. Vì Pique đã nhanh chóng chiếm suất cứng ở vị trí trung vệ. Dù chỉ được coi như một siêu dự bị, Pedro đã trở thành cầu thủ đầu tiên ghi bàn ở 6 giải đấu khác nhau trong một năm. Busquets thậm chí

còn ấn tượng hơn, khi lấy luôn vị trí tiền vệ phòng ngự của Yaya Toure, người sau đó phải bán xới khỏi Camp Nou vì không cạnh tranh nổi với "Busi".

Chính dàn cầu thủ trẻ tài năng ấy, cộng với một Messi bắt đầu bùng nổ sau khi bước ra khỏi cái bóng của Ronaldinho, đã mở ra một thời kỳ thành công trong lịch sử Barca. Sau cú El Sextete trong năm 2009, đội bóng xứ Catalunya gần như trở thành "Độc Cô Cầu Bại" tại châu Âu, không chỉ về thành tích mà còn cả cái cách họ nắm hoàn toàn trận đấu trong tay và kết liễu đối thủ bất cứ khi nào mình muốn. Vì thế, không có gì ngạc nhiên khi ở mùa giải 2009-10 kế tiếp, Barca tiếp tục thể hiện sự áp đảo ở Champions League. Họ đã đứng đầu bảng đấu có sự góp mặt của Inter, Rubin Kazan và Dynamo Kyiv, vùi dập Stuttgart với tổng tỷ số 5-1 ở vòng 1/8, rồi tiếp tục hạ Arsenal với tổng tỷ số 6-3 tại tứ kết để tái ngộ Inter ở bán kết.

Khi ấy, ai cũng nghĩ Barca sẽ dễ dàng vượt qua Nerazzurri, đội bóng mà họ từng hòa 0-0 và thắng 2-0 trong hai cuộc đối đầu ở vòng bảng. Vì chứng kiến phong độ khủng khiếp của đội bóng xứ Catalunya, chỉ có một cơn địa chấn mới có thể ngăn họ lại. Không ai ngờ là động đất lại... xảy ra thật. Giữa tháng 4-2010, những hoạt động địa chấn đã khiến núi lửa ở sông băng Eyjafjallajökull của Iceland phun trào. Tro bụi núi lửa bao phủ khắp bầu trời, làm đình trệ hoàn toàn các hoạt động hàng không ở khu vực Bắc và Tây Âu.

Kết quả là thay vì bay đến Milan để đá trận bán kết lượt đi với Inter, thầy trò huấn luyện viên Pep Guardiola lại phải di chuyển gần 1.000 km bằng đường bộ. Hành trình mệt mỏi trên xe bus đã vắt kiệt thể lực của các cầu thủ Barca. Vì thế, dù vẫn mở được tỷ số ở Giuseppe Meazza nhờ công của Pedro, đội bóng xứ Catalunya đã thua ngược 1-3 trước một Inter hoàn toàn sung sức. Thắng lợi 1-0 trong trận lượt về diễn ra sau đó 8 ngày là không đủ để Barca lật ngược thế cờ trước đội bóng của huấn luyện viên Jose Mourinho và đành chấp nhận dừng chân ở bán kết.

Thất bại đó là nỗi đau khôn nguôi của người Catalunya. Bởi khi ấy, họ đang sở hữu một lứa cầu thủ đầy tài năng đang vào độ chín, và còn được bổ sung Zlatan Ibrahimovic hồi đầu mùa từ... chính Inter. Tuy nhiên, Barca đã không mất quá nhiều thời gian để đòi lại những gì đã mất. Chỉ một năm sau lần phải dừng bước ở bán kết Champions League mùa 2009-10 vì lý do trời ơi đất hỡi, họ đã một lần nữa đứng trên đỉnh châu Âu.

Ở Champions League mùa 2010-11, Barca tiếp tục có những bước tiến thần tốc tại vòng bảng khi chỉ phải gặp Copenhagen, Rubin Kazan và Panathinaikos. Sau đó, họ vượt qua Arsenal với tổng tỷ số 4-3 ở vòng 1/8, vùi dập Shakhtar Donetsk tới 6-1 ở tứ kết rồi đòi lại món nợ trước Jose Mourinho, người lúc này đã chuyển sang dẫn dắt Real Madrid, tại bán kết. Thắng lợi với tổng tỷ số 3-1 sau hai trận El Clasico đã đưa đội bóng xứ Catalunya gặp lại Man United, bại tướng của họ trong trận chung kết mùa 2008-09, ở trận đấu cuối cùng.

Kết quả màn tái đấu giữa hai đội ở Wembley ngày 28-05-2011 không thay đổi, khi Barca vẫn là kẻ chiến thắng. Dù đã kìm chân được cỗ máy hủy diệt Blaugrana với tỷ số hòa 1-1 sau khi hiệp 1 kết thúc, Man United lại sụp đổ ở nửa sau của trận đấu. Bất chấp bị Park Ji-sung đeo như đỉa đói cả trận, Messi vẫn thoát ra được trong một tích tắc rồi nâng tỷ số lên 2-1. David Villa sau đó ấn định chiến thắng 3-1 cho đội bóng xứ Catalunya, trong trận đấu mà máy quay đã chớp được cảnh Sir Alex Ferguson ngồi trên ghế chỉ đạo của đội bóng Anh với khuôn mặt thất thần và đôi tay nắm chặt đang run lên bần bật.

Hình ảnh ấy đã lột tả tất cả sức mạnh đáng sợ của Barca trong kỷ nguyên của Pep Guardiola, người lẽ ra đã có thể trở thành huấn luyện viên đầu tiên 3 lần liên tiếp đăng quang ở Champions League thay vì Zinedine Zidane, nếu không có vụ núi lửa phun trào ở Iceland. Nhưng đáng tiếc là chức vô địch mùa 2010-11 ấy cũng là dấu son cuối cùng của Pep cùng đội bóng xứ Catalunya ở đấu trường châu lục. Vì ở mùa kế tiếp 2011-12, Barca của ông một lần nữa dừng chân ở bán kết. Kẻ chặn họ lại là Chelsea, và thắng lợi của The Blues lúc ấy được coi như "nhân quả" cho trận hòa tức tưởi tại Stamford Bridge trước đó 3 năm, trận đấu mà Barca được lợi từ những quyết định của trọng tài Ovrebo trước khi Iniesta tỏa sáng với bàn gỡ hòa 1-1 ở phút bù giờ thứ 3.

Cuối mùa giải 2011-12 ấy, Pep cũng quyết định ra đi và người ta tưởng như Barca sẽ lại lâm vào một cuộc khủng hoảng tiếp theo. Sự xuất hiện rồi ra đi chóng vánh của hai huấn luyện viên kế tiếp là Tito Vilanova và Gerardo Martino càng khiến các culé thêm lo lắng. Nhưng may cho đội bóng xứ Catalunya là họ vẫn giữ được bộ khung chắc chắn với Xavi, Iniesta, Messi, Pique, Busquets, Dani Alves, và còn được bổ sung hai nhân tố quan trọng là Jordi Alba và Neymar ở hai mùa hè trước đó. Đến hè 2014, Barca tiếp tục làm một cuộc cách mạng nhân sự khi đưa về một lúc cả Marc-Andre ter Stegen, Claudio Bravo, Ivan Rakitic và Luis Suarez, bộ tứ sau này đều trở thành trụ cột ở Camp Nou. Nhưng huấn luyện viên

Luis Enrique mới thực sự là "tân binh" quan trọng nhất.

Mặc dù vậy, Enrique cũng từng trải qua không ít sóng gió trong những ngày đầu sắm vai thuyền trưởng của Barca. Ông thậm chí đã suýt mất ghế vì thành tích nghèo nàn của đội bóng và bất đồng với Messi. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là trận thua 0-1 trên sân Sociedad ở La Liga ngày 05-01-2015, trận đấu mà Enrique để ngôi sao người Argentina ngồi dự bị. Phải đến khi Chủ tịch Josep Maria Bartomeu vào cuộc, hai bên mới làm lành trở lại và Barca bắt đầu hồi sinh. Họ đứng dậy đầy mạnh mẽ khi toàn thắng 11 trận tiếp theo ở mọi đấu trường, và không ngoảnh lại phía sau lần nào nữa cho đến cuối mùa.

Trên sân, Messi nhanh chóng tìm thấy tiếng nói chung với Neymar và Suarez, để tạo ra bộ ba MSN trứ danh. Với sức công phá khủng khiếp của bộ ba tiền đạo Nam Mỹ, những người đã cùng nhau ghi tới... 122 bàn trên mọi mặt trận ở mùa giải 2014-15, Barca tiếp tục càn quét các danh hiệu. Họ đã vô địch La Liga, Cup Nhà Vua và đến ngày 06-06-2015, hoàn tất cú ăn 3 thứ hai trong lịch sử CLB khi đánh bại Juventus với tỷ số 3-1 trong trận chung kết Champions League diễn ra ở Berlin.

Chiến thắng ấy có thể coi là ví dụ tiêu biểu cho chính sách chuyển nhượng khôn ngoan của đội bóng xứ Catalunya vì 3 cầu thủ ghi bàn cho họ trong trận chung kết đều là những tân binh mới đến trong hai mùa hè trước đó là Rakitic, Suarez và Neymar. Chiếc Cup Champions League thứ 3 trong vòng 6 mùa giải cũng là sự tôn vinh xứng đáng dành cho đội bóng mà nhiều người vẫn cho là vĩ đại nhất lịch sử. Nhưng nhìn từ một góc độ khác, có thể coi nó là dấu chấm hết cho kỷ nguyên tiki-taka.

Đúng là Barca đã quét bay mọi chướng ngại vật trên đường đăng quang tại Champions League, từ Man City, PSG, Bayern Munich cho đến Juventus. Tuy nhiên, đội bóng của mùa giải 2014-15 ấy lại giành chiến thắng chủ yếu nhờ sự tỏa sáng của các ngôi sao tấn công hơn là nhờ thứ triết lý từng được Johan Cruyff gieo mầm ở lò La Masia, rồi lại được Pep Guardiola nâng tầm lên thành nghệ thuật. Đây cũng là điều dễ hiểu. Vì tuy cũng từng là một tượng đài của Barca như Pep, Luis Enrique lại không phải một sản phẩm của lò La Masia. Thứ bóng đá của ông, vì thế cũng trực diện hơn theo kiểu đường thẳng luôn là đường ngắn nhất.

Cuộc khủng hoảng triết lý ở Camp Nou thực tế vẫn tiếp diễn ở giai đoạn hậu kỷ nguyên Enrique, dù Barca tiếp tục vời đến những người cũ như Ernesto Valverde, Ronald Koeman hay một

“Cruyffista” (người tôn sùng trường phái bóng đá của Johan Cruyff) như Quique Setien. Còn sự phụ thuộc vào các ngôi sao thì khiến thành công của Barca không được xây trên một nền tảng vững chắc. Bằng chứng là sau cú ăn 3 ở mùa giải 2014-15 ấy, họ vẫn chưa thể trở lại đỉnh châu Âu, dù vẫn có thêm 3 chức vô địch La Liga và 3 chiếc Cup Nhà Vua trong 5 mùa kế tiếp.

Đội bóng xứ Catalunya thậm chí còn lâm vào giai đoạn thoái trào sau cuộc tháo chạy của Neymar, người từng khiến một Chủ tịch là Sandro Rosell phải vào tù và sự ra đi của Suarez, người đã đến Camp Nou với một án treo giò. Bộ ba MSN cũng suýt tan rã hoàn toàn ngay trong mùa hè 2020, khi cả Messi cũng tuyên bố muốn ra đi. Cầu thủ người Argentina rốt cuộc đã tiếp tục gắn bó với Barca trong mùa giải 2020-21. Nhưng một mình Leo trong buổi xế chiều của sự nghiệp rõ ràng không thể giúp tiki-taka hồi sinh. Đừng quên là ngay cả ở giai đoạn tỏa sáng rực rỡ nhất của mình, Messi cũng được vây quanh bởi những thiên tài khác của lò La Masia như Xavi, Iniesta và Busquets.

* *

*

LA MASIA

Lịch sử Barca đã bước sang một trang mới sau ngày 20-05-1992. Đó là ngày họ đánh bại Sampdoria trong trận chung kết Cup châu Âu để lần đầu đăng quang ở giải đấu. Trước trận đấu lịch sử ở Wembley, đội bóng xứ Catalunya luôn bị coi là một kẻ thất bại ở đấu trường châu lục. Vì trước cột mốc ấy, Barca mới giành được 3 chiếc Cup C2 dành cho các đội đoạt Cup Quốc gia và 3 lần vô địch Cup Hội chợ, giải đấu thậm chí còn không được UEFA tính vào hệ thống thi đấu của mình. Còn tại Cup C1, họ đã thất bại trong cả 2 lần góp mặt ở trận đấu cuối cùng.

Đó là trận chung kết mùa 1960-61 mà Barca với dàn hảo thủ đến từ Hungary gồm Laszlo Kubala, Sandor Kocsis, Zoltan Czibor và Luis Suarez, cầu thủ người Tây Ban Nha duy nhất từng giành Quả Bóng Vàng châu Âu nếu không kể Alfredo Di Stefano vốn mang gốc gác Argentina, để thua Benfica với tỷ số 2-3. Sau đó 25 năm, là thất bại đầy cay đắng trên chấm luân lưu trước Steaua Bucharest, khi họ cũng đang sở hữu những ngôi sao sáng trong đội hình như Bernd Schuster, Steve Archibald và Pichi Alonso.

Quá tam ba bận, Barca đã lên ngôi ở lần thứ ba lọt vào trận chung

kết. Và người ta vẫn coi chiến thắng ở Wembley ngày 20-05-1992 là chiến công của huấn luyện viên Johan Cruyff và đội hình Dream Team mà ông đã xây dựng suốt 4 năm trước đó với những cái tên như Hristo Stoichkov, Michael Laudrup và Ronald Koeman, tác giả của bàn thắng duy nhất đem về chiếc Cup C1 đầu tiên trong lịch sử đội bóng. Quan điểm ấy đúng, nhưng chưa đủ. Vì người Catalunya thực tế đã bắt đầu gieo mầm cho chiến thắng ấy từ rất lâu trước đó, với sự ra đời của lò đào tạo danh tiếng La Masia.

La Masia - Niềm tự hào của Barcelona (Nguồn: BarcelonaFC)

Chính xác thì Barca đã bắt đầu xây dựng hệ thống cầu thủ kế cận từ rất sớm. Năm 1901, tức chỉ 2 năm sau khi CLB được khai sinh, một trong những thành viên sáng lập đội bóng là Luis de Osso đã thành lập đội dự bị và giữ luôn vai trò đội trưởng. 17 năm sau, hệ thống các đội trẻ cũng chính thức ra đời trong nhiệm kỳ của Chủ tịch Joan Gamper. Năm 1961, Chủ tịch mới đắc cử Enric Llaudet từng hứa hẹn xây dựng một học viện bóng đá của riêng CLB và định bổ nhiệm Kubala, người lúc ấy vừa treo giày, làm giám đốc kỹ thuật của học viện. Tuy nhiên, dự án này rốt cuộc lại chết yểu khi cựu danh thủ gốc Hungary sau đó được điều sang làm huấn luyện viên đội 1.

Bước ngoặt chỉ đến sau khi José Luis Núñez đắc cử chủ tịch Barca vào năm 1978. Một trong những quyết định đầu tiên của vị chủ tịch huyền thoại này là bổ nhiệm Jaume Amat Curto làm giám đốc đào tạo trẻ. Chính Amat đã đề xuất xây dựng một khu phức hợp gồm ký túc xá, phòng ăn, phòng tập thể lực và sân tập để giải quyết vấn đề ăn ở của các cầu thủ trẻ, những người đang vất

vưởng trong các căn hộ cho thuê với những rủi ro từ cuộc sống về đêm của thành phố. Trong cuộc trò chuyện với tờ *Mundo Deportivo* năm 2009, người được coi là "cha đẻ của lò La Masia" nhớ lại: "*Tôi và huấn luyện viên Oriol Tort cùng đến gặp Chủ tịch Núñez để đề xuất ý tưởng về việc xây dựng học viện, và ông ấy nói cứ làm đi. Tất cả chỉ mất khoảng 1 phút.*"

Sau cuộc trò chuyện chóng vánh ấy, tất cả bắt tay vào làm việc để rồi ngày 20-10-1979, học viện bóng đá của Barca chính thức khai trương. Học viện đặt trụ sở ở La Masia de Can Planes, biệt thự cổ được xây dựng từ đầu thế kỷ XVIII và từng được dùng làm văn phòng cho các kiến trúc sư phụ trách việc xây dựng sân Camp Nou. Đây cũng chính là nguồn gốc của cái tên La Masia. Ngân sách mà CLB dành cho đào tạo trẻ lúc ấy chỉ là 20 triệu pesetas, khoản tiền xấp xỉ 120.000 € hiện tại. Nhưng cũng may mắn là chi phí của lò La Masia không phải là quá lớn. Nó chỉ tương đương với số tiền mà Barca vẫn bỏ ra để thuê phòng cho các cầu thủ trẻ trước đây. Mặc dù vậy, tất cả vẫn cố gắng tiết kiệm nhất có thể.

Giám đốc đào tạo trẻ Amat kể lại trên tờ *Mundo Deportivo*: "*Có một ngày, tôi chợt ghé qua chỗ kế toán và phát hiện ra chúng tôi đang tốn tới 500.000 pesetas để mua nước khoáng đóng chai. Vậy là tôi quyết định lắp hệ thống lọc nước và chúng tôi tiết kiệm được nửa triệu pesetas. Bếp trưởng Xavier Comenges thì ngày nào cũng đi hết khu chợ này đến khu chợ khác để tìm mua khoai tây rẻ nhất. Và chúng tôi cũng chỉ dám mua từng cân một.*" Tuy nhiên, bất chấp những khó khăn trong thuở ban đầu, La Masia đã thực sự thành hình với đầy đủ các bộ phận, từ ban giám đốc, các huấn luyện viên, các bác sĩ và những nhân viên điều hành. Ở cùng thời điểm ấy, cả châu Âu chỉ có đúng học viện Vichy của Liên đoàn bóng đá Pháp sở hữu một hệ thống đào tạo với cơ sở vật chất tương tự.

Sự ra đời của La Masia đã đánh dấu sự chuyển biến lớn trong công tác đào tạo của Barca, khi các cầu thủ trẻ giờ không phải lo ăn ở mà chỉ cần tập trung vào tập luyện. Cơ ngơi đầy đủ và cách làm bài bản cũng giúp học viện của Barca trở thành điểm đến đáng tin cậy với các bậc phụ huynh, những người không chỉ quan tâm đến sự nghiệp mà cả cuộc sống và chuyện học hành của con mình. Tất nhiên, trong một số trường hợp, đích thân Amat sẽ phải vào cuộc. Chẳng hạn như với Guillermo Amor, khi sau cuộc trò chuyện với bố mẹ anh, "hiệu trưởng" của La Masia còn phải gửi thêm một bức thư khẳng định ông hiểu rõ những lo âu và sợ hãi của họ vì từng trải qua tất cả khi đến Madrid học đại học lúc còn trẻ. Rất nhiều năm sau, chính bố của Amor thừa nhận bức thư ấy đã tác động rất lớn để ông đồng ý cho con mình gia nhập La Masia.

Nhưng về chuyên môn, Amat gần như không có gì phải lo nghĩ khi trong tay ông lúc đó có hai huấn luyện viên đào tạo trẻ kiêm tuyển trạch viên xuất sắc là Jaume Olivé và Oriol Tort. Vị giám đốc này kể lại là có một ngày, cả hai cùng hăm hở bước vào văn phòng của ông và nói: "*Chúng tôi đang có một ngôi sao tương lai tập ở dưới kia.*" "*Vậy à, thế thì ký hợp đồng với cậu ta đi*", Amat trả lời trong khi tự nhủ, "*thằng nhóc nào giỏi đến mức khiến bọn họ vui vẻ đến vậy*". Đơn giản vì trước đó, Olivé và Tort hiếm khi tỏ thái độ nhiệt tình với bất kỳ cầu thủ trẻ nào. Tort thậm chí còn nghiêm khắc đến mức từng khẳng định, ông chỉ cần nhìn cách một cầu thủ buộc dây giày là biết cậu ta đá bóng có giỏi hay không.

Hóa ra, cậu nhóc được nhắc đến trong câu chuyện của Olivé và Tort chính là Amor, một trong những thành viên thuộc lứa đầu tiên của lò La Masia. Sau này, chỉ có một người nữa từng khiến cả hai ông thầy "hắc ám" này cùng tỏ ra phấn khích khi lần đầu chứng kiến. Đó là Pep Guardiola. Nhưng đó là câu chuyện của 5 năm sau, khi Amat đã chia tay La Masia để đảm nhiệm một công việc trong chính quyền xứ Catalunya và vị trí giám đốc đào tạo trẻ của ông được Phó chủ tịch Josep Mussons kiêm nhiệm.

Trở lại với những ngày đầu của La Masia, lứa cầu thủ trẻ đầu tiên đã được CLB cho thử lửa từ rất sớm. Ngay đầu mùa 1980-81, 20 thành viên của lò đào tạo đã được đôn lên thử việc ở đội 1. Ngày 16-09-1980, hậu vệ Ángel Pedraza trở thành sản phẩm đầu tiên của lò La Masia được ra mắt đội 1, khi vào thay Tente Sánchez ở phút 72 trong trận gặp CLB Sliema Wanderers của Malta ở UEFA Cup. Chỉ 4 phút sau khi Pedraza vào sân, tiền đạo Manolo Muñoz trở thành người thứ hai được trình làng. Cũng trong mùa giải ấy, các huấn luyện viên Kubala và Helenio Herrera còn giới thiệu thêm 5 gương mặt khác của La Masia là Manuel Lobo, Esteve Fradera, Luis Torreblanca, Jordi Vinyals và Amor.

Ngọn lửa đã được thắp lên. Nhưng phải 9 năm sau khi thành lập, Johan Cruyff mới đến và tạo ra một bước ngoặt thực sự, khiến La Masia trở nên khác biệt so với những lò đào tạo khác. Năm 1988, cựu danh thủ người Hà Lan trở lại sân Camp Nou trên cương vị huấn luyện viên và một trong những yêu cầu đầu tiên của ông là bắt tất cả đội bóng của Barca, từ các đội trẻ cho đến đội 1, chơi theo một phong cách thống nhất. Triết lý ấy là sự tổng hòa giữa thứ bóng đá tổng lực của người Hà Lan và lối chơi ngắn, nhỏ, một chạm truyền thống của người Tây Ban Nha.

Bóng đá tổng lực đòi hỏi tất cả các cầu thủ phải di chuyển thành một khối và đổi vị trí nhanh chóng. Và ở La Masia, những phẩm

chất kỹ thuật vốn luôn được đặt lên hàng đầu. Sự kết hợp của hai trường phái ấy đã tạo ra một thứ bóng đá được xây dựng trên những đường chuyền và khả năng chạy chỗ để khai thác các khoảng trống. Người ta gọi lối chơi đó là "juego de posición". Nhưng sau này, nó vẫn được biết đến nhiều hơn với cái tên tiki-taka.

Chính hạt giống tiki-taka mà Cruyff đã gieo ở La Masia từ năm 1988 đã lái lịch sử của Barca theo một con đường khác. Bốn năm sau bước ngoặt ấy, đội bóng xứ Catalunya đã lần đầu vô địch Cup C1 ở mùa 1991-92, mùa giải mà đội 1 của họ có tới 9 cầu thủ xuất thân từ lò La Masia là Guillermo Amor, Pep Guardiola, Albert Ferrer, Jesus Angoy, Lluis Carreras, Cristobal Parralo, Sanchez Jara, Antonio Pinilla và Carles Busquets, thủ môn dự bị và là cha của Sergio Busquets. Ba người trong số này là Guardiola, Ferrer và "Busquets cha" đã có tên trong danh sách đăng ký cho trận chung kết với Sampdoria, và hai cái tên đầu được đá chính.

Mạch nguồn tiki-taka vẫn tiếp tục chảy ở La Masia và 2 năm sau chiến thắng ở Wembley, Barca lại giành quyền lọt vào trận chung kết mùa 1993-94, mùa giải thứ 2 của kỷ nguyên Champions League. Trong trận gặp AC Milan ngày 18-05-1994 ở Athens, huấn luyện viên Cruyff tiếp tục tung ra đội hình có 4 cựu học viên của lò La Masia là Amor, Guardiola, Ferrer và Sergi Barjuan. Nhưng lần này, họ đã thảm bại 0-4 trước Rossoneri, đội bóng đang là quyền lực số 1 của bóng đá châu Âu khi có lần thứ 4 góp mặt ở trận chung kết trong 6 năm.

Thất bại ấy đã đánh dấu sự thoái trào của đội bóng Dream Team dưới thời Johan Cruyff. Nó cũng khiến dòng chảy ở La Masia tạm thời bị ngắt quãng, và đẩy Barca rơi vào một cuộc khủng hoảng triết lý trong hơn một thập kỷ tiếp theo. Trong giai đoạn tối tăm ấy, đội bóng xứ Catalunya thực ra vẫn có những người hùng mới trên sân cỏ, như Ronaldo, Luis Figo, Patrick Kluivert hay Rivaldo. Tuy nhiên, họ hoặc không gắn bó đủ lâu hoặc không tạo ra hiệu ứng đủ mạnh để vực dậy một đội bóng đang mất phương hướng.

Tất cả chỉ bắt đầu thay đổi vào năm 2003, cùng với sự xuất hiện của vị chủ tịch trẻ tuổi Joan Laporta và một vị huấn luyện viên trẻ tuổi cũng đến từ Hà Lan là Frank Rijkaard. Barca đã mở ra một cuộc cách mạng khi đưa về một loạt cầu thủ xuất sắc như Ronaldinho, Deco, Henrik Larsson, Ludovic Giuly, Samuel Eto'o, Rafael Marquez và Edgar Davids. Đây chính là bộ khung giúp họ mở ra một thời kỳ hoàng kim tiếp theo ở Camp Nou. Nhưng giữa dàn sao ấy, các cầu thủ xuất thân từ lò La Masia vẫn có được chỗ

đứng của mình.

Đó là giai đoạn người ta chứng kiến những cái tên nổi bật của các lứa cầu thủ cách nhau 2 tuổi cùng góp mặt ở đội 1 của Barca là Carles Puyol (sinh năm 1978), Xavi Hernandez, Oleguer Presas (1980), Victor Valdes (1982) và Andres Iniesta (1984). Với đội hình pha trộn giữa những ngôi sao nước ngoài và cầu thủ tự đào tạo ấy, Barca đã dễ dàng vượt qua vòng bảng, rồi tiếp tục đánh bại Chelsea, Benfica và Milan trên đường lọt vào trận chung kết Champions League mùa 2005-06 với Arsenal.

Cho đến trận đấu với đội bóng Anh ngày 17-05-2006 ở sân Stade de France, huấn luyện viên Rijkaard đã điền tên tới 7 thành viên cũ của lò La Masia vào danh sách đăng ký thi đấu. Trong đó, ngoài 5 cái tên được nhắc đến ở trên, còn có thêm thủ môn dự bị Albert Jorquera và tiền vệ Thiago Motta. Chung cuộc, Barca thắng Arsenal 2-1 nhờ các pha lập công của Samuel Eto'o và Juliano Belletti. Chức vô địch Champions League năm ấy cũng in dấu ấn đậm nét của Eto'o và Ronaldinho, những người dẫn đầu cả về số bàn thắng lẫn số đường kiến tạo cho đội bóng ở giải đấu. Nhưng lẽ ra, giải đấu này đã có thể là cơ hội bước ra ánh sáng của một cái tên khác. Đó là Lionel Messi, cầu thủ xuất sắc nhất lịch sử trưởng thành từ lò La Masia.

Cầu thủ người Argentina ký hợp đồng chuyên nghiệp đầu tiên với Barca vào đúng sinh nhật thứ 18 của mình (24-06-2005), khi mùa giải 2005-06 chuẩn bị bắt đầu. Bản hợp đồng ấy có thời hạn đến năm 2010 kèm điều khoản phá vỡ trị giá 150 triệu €. Trước nguy cơ đánh mất Leo trước sự ve vãn của Juventus và Inter, những đội đã sớm để mắt tới "viên ngọc quý" của La Masia, Chủ tịch Laporta đã phải vội vã gia hạn với anh chỉ sau đó 3 tháng đến tận năm 2014. Và rõ ràng, đây là một quyết định vô cùng sáng suốt vì ở mùa đầu tiên chính thức lên đội 1, Messi đã nhanh chóng trưởng thành và bắt đầu tỏa sáng dưới sự dìu dắt của những người đàn anh như Ronaldinho và Deco.

Dù chỉ được huấn luyện viên Rijkaard sử dụng khá hạn chế, anh đã ghi được 8 bàn thắng và có 5 đường kiến tạo trong 25 lần ra sân ở mùa 2005-06. Tính riêng tại Champions League, Leo đã có 1 pha lập công cùng 2 đường chuyền thành bàn. Trong đó, trận Barca vùi dập Panathinaikos tới 5-0 ở vòng bảng là một màn trình diễn chói sáng của cầu thủ trẻ người Argentina với 1 bàn thắng và 1 đường chuyền để Eto'o lập công. Chỉ tiếc là một chấn thương rách cơ dính phải trong trận lượt về vòng 1/8 với Chelsea đã khiến anh phải ngồi ngoài trong cả giai đoạn còn lại của mùa giải.

Messi thực tế đã chạy đua với thời gian để kịp có mặt trong trận đấu cuối cùng ở Paris. Nhưng đúng ngày diễn ra trận chung kết, anh bị huấn luyện viên Rijkaard gạch tên khỏi danh sách đăng ký vì chưa đủ điều kiện thể lực. Thời điểm ấy, cậu nhóc người Argentina đã thất vọng tới mức không buồn ăn mừng chiến thắng cùng các đồng đội sau trận đấu với Arsenal. Mãi sau này, nhà báo nổi tiếng Graham Hunter mới tiết lộ trong cuốn sách *Barça: The Making of the Greatest Team in the World* của mình là Messi từng thừa nhận với ông rằng anh rất hối tiếc vì chuyện đó. Nhưng nếu biết trước tương lai, có lẽ Leo sẽ không phải quá tiếc nuối vì sự vắng mặt trong trận chung kết Champions League mùa 2005-06.

Vì không phải ai khác, anh chính là người mở ra một trang sử chói lọi tiếp theo của Barca ở đấu trường châu lục trong giai đoạn hậu Ronaldinho. Lần này, là với những người bạn cùng thế hệ sinh năm 1987 của mình ở học viện Barca như Gerard Pique, Pedro Rodriguez hay Sergio Busquets. Bắt đầu từ cú El Sextete (ăn 6) trong năm dương lịch 2009, với một ông thầy cũng xuất thân từ lò La Masia là Pep Guardiola.

Dải ngân hà của Perez

Lãng Ca (FC Real Madrid Vietnam)

Tháng 6-2018, Real Madrid vô địch Champions League lần thứ 3 liền tiếp và là lần thứ 13 của họ trong lịch sử. Và có một con số nữa cũng vĩ đại không kém: "lần thứ 5" Real vô địch giải đấu danh giá nhất châu Âu dưới triều đại của Chủ tịch Florentino Perez. Perez giúp Real Madrid đạt được số Cup C1 bằng cả lịch sử Bayern Munich, Barcelona và xếp trên những đại gia khác của châu Âu như Manchester United, Inter Milan, Juventus hay Ajax Amsterdam…

Từ khi còn là cậu nhóc, Florentino Perez được cha mẹ đưa đến sân vận động Bernabeu xem Real Madrid với những huyền thoại Alfredo Di Stefano, Ferenc Puskas hay Francisco Gento chơi bóng. Trong những năm tháng ấy, Bernabeu là pháo đài bất khả chiến bại, là nơi "kẻ thù" Barcelona không thể chiến thắng trong 16 năm, đặc biệt đó còn là quãng thời gian Real Madrid vô địch Cup châu Âu 5 lần liên tiếp. Cậu nhóc Perez của những năm tháng đó chính là chứng nhân lịch sử huy hoàng, là một cổ động viên đã tận hưởng sự ngất ngây và phấn khích với niềm kiêu hãnh - Real Madrid. Có lẽ mang theo những ký ức đẹp, Perez sau này khi đã trở thành ông trùm ngành xây dựng Tây Ban Nha vẫn luôn khát khao tiếp nối sự vĩ đại đó cho Los Blancos. Việc Real Madrid của những năm 1950 luôn có trong đội hình những cầu thủ xuất sắc nhất thế giới: Alfredo Di Stéfano, Francisco Gento, Ferenc Puskás, hay Raymond Kopa… đã tạo cảm hứng cho Perez, để rồi khi trở thành Chủ tịch Real Madrid, ông đã tái hiện triết lý này: Real Madrid luôn ký hợp đồng với những cầu thủ giỏi nhất.

Dải Ngân Hà của Real

24-07-2000, Luis Figo chính thức khoác áo Real Madrid từ đối thủ kình địch không đội trời chung Barcelona, khởi đầu cho Dải Ngân Hà Glacticos của tân Chủ tịch Florentino Perez. Figo là viên gạch đầu tiên Perez xây dựng lên đế chế của mình, cũng là lời hứa mà ông đã thực hiện khi tranh cử Chủ tịch Real Madrid. Khi đó, chẳng ai tin Perez trúng cử cả, bởi Chủ tịch đương nhiệm là Lorenzo Sanz - người đã có 10 năm kinh nghiệm làm giám đốc thể thao và tiếp đó là 5 năm ngồi ghế chủ tịch. Real dưới thời Sanz có 2 chức vô địch Champions League sau tận... 32 năm chờ đợi. Thật khó tin cho một cuộc lật đổ với cái tên chưa có thành tích gì đáng kể - Florentino Perez. Chiêu bài gây tiếng vang của Perez là mang về cầu thủ mà các Madridista mong muốn nhất lúc bấy giờ - Luis Figo, từ Barcelona. Cầu thủ từ Barca đến Real đã khó mà lại là Figo, đang là đội trưởng, là siêu sao sáng giá nhất, thậm chí, có thể gọi là một biểu tượng mới của của đội bóng xứ Catalunya cũng không sai. Nhưng bằng khả năng của mình, Perez đã mang đến điều kỳ diệu, y như "Bố Già" Don Corleone đã nói: "*Ta sẽ đưa ra một đề nghị mà hắn không thể từ chối.*"

Luis Figo, sau đó là Zinedine Zidane, Ronaldo, David Beckham...

hay rất nhiều siêu sao sáng giá khác đều không thể từ chối lời đề nghị của "Bố già" Perez như thế. Sự ngưỡng mộ của ông dành cho những Galacticos này cũng là huyền thoại. Phòng ngủ của ông trưng một bức hình lớn ông đứng giữa Ronaldo, Zidane, Beckham, Ronaldo "béo". Đấy là tập thể của những con người giỏi nhất, nổi tiếng nhất đứng cùng nhau trong sân cỏ 11 người. Văn phòng của Perez nhìn ra 4 tòa tháp được đặt tên cho 4 Galacticos ấy. Đấy còn hơn một sự ngưỡng mộ sâu xa, đấy là một cảm giác của sự thỏa mãn và tận hưởng.

Phi vụ chuyển nhượng Figo từ Barcelona sang Real Madrid vẫn luôn được coi là phi vụ chuyển nhượng "sốc" nhất lịch sử bóng đá. Khoác áo Barcelona 5 năm, đeo trên tay chiếc băng đội trưởng, bản thân Figo cũng kế thừa văn hóa của người Catalunya, cũng trở thành một anti Real cứng. Figo từng nhuộm tóc 2 màu xanh - đỏ theo logo Barca, ăn mừng khi Barca vô địch La Liga bằng câu hát đầy khiêu khích "*Bọn trẻ con Madrid khóc nhè, chúng ta những nhà vô địch say sưa ca hát…*". Thế rồi viên gạch đầu tiên của Dải Ngân Hà Galacticos mà Florentino Perez xây dựng vẫn chính là siêu sao Luis Figo. Còn sự trêu ngươi nào hơn thế? Cầu thủ người Bồ Đào Nha chấp nhận từ một biểu tượng thành công thành kẻ phản bội trong mắt các cule. Ngày Figo theo Real đến Nou Camp trong trận siêu kinh điển đầu tiên, anh đã chịu sự sỉ nhục của 120.000 cổ động viên Barca, một loạt vật thể được ném xuống sân cỏ để phản đối Figo, trong đó có "chiếc đầu lợn", nay đã trở thành một giai thoại kinh điển.

Rất nhiều năm sau, người trong cuộc mới phần nào tiết lộ lý do Figo quyết dứt áo Barca đến Madrid, nó gay cấn không kém một bộ phim hành động Hollywood. Ban đầu, Perez tiếp cận người đại diện của Figo, đề nghị Figo ký một bản hợp đồng có điều khoản 400 triệu Peseta. Perez đang tranh cử Chủ tịch Real Madrid, nếu ông ta thành công, Figo sẽ là bản hợp đồng đầu tiên của ông ta, Figo không sang thì bồi thường 5 tỷ Peseta, nhưng nếu Perez thất bại trong cuộc tranh cử, Figo được 400 triệu Peseta. Người đại diện của Figo cũng như mọi người bình thường khác không tin Perez có thể ngồi được vào chiếc ghế nóng ở Madrid, nên ông ta thuyết phục Figo ký vào hợp đồng ấy. Vì đảm bảo vừa có tiền lại vừa có thể tạo sức ép khiến Barcelona tăng lương cho thân chủ của mình. Nhưng xin thưa, đối diện ông ta là một con cáo già, là một vị vua không ngai sau đó 20 năm. Perez dùng luôn con bài Figo để đi tranh cử… và thắng cử. Figo hỏi: "*Giờ làm gì?*". "*Hoặc cậu qua Real, hoặc tôi vào tù.*" Phần còn lại, Perez trở thành Chủ tịch tối cao của Real Madrid, Luis Figo đến Bernabeu khoác chiếc áo trắng vĩ đại.

Người Madrid hả hê và sung sướng, người Catalunya cay đắng, thất bại. Một biểu tượng bị đánh cắp vào tay đối thủ không đội trời chung đã nói lên sự quản lý yếu kém, sức hút, tài chính hay thương hiệu đều thua xa đối phương. Nhưng đây không phải là thắng lợi đầu tiên của Perez ở cấp độ thượng tầng. Sau đó 15 năm, ông sẽ thắng Barca thêm một lần nữa, mà lần này kẻ thất bại chính là cựu Chủ tịch Barca Josep Bartomeu - tội đồ đẩy Barca vào khủng hoảng lần 2. Ở Perez có sự cáo già, có uy tín nói được làm được, thêm sự sáng tạo khi đưa ra quân bài Figo để ứng cử, sự lọc lõi đến "cáo già" khi nắm bắt hết điểm yếu trong hợp đồng của Figo với Barcelona.

Dải Ngân Hà Real Madrid bắt đầu thành hình với Quả Bóng Vàng năm 2000 của Figo, Perez tuyên bố: "*Real Madrid mỗi một năm sẽ đón về ít nhất một ngôi sao.*" Năm đầu tiên là Figo, Perez phá kỷ lục chuyển nhượng với 60 triệu €; chỉ vỏn vẹn một năm sau, ông lại thiết lập một con số mới dành cho Zinedine Zidane: 76 triệu €, một con số khủng khiếp thời bấy giờ. Zidane là Quả Bóng Vàng thứ 2 trong Dải Ngân Hà lấp lánh của ông trùm Perez. Có câu chuyện truyền thông vẫn hay đồn về cách Perez đã gặp và thuyết phục Zidane đầu quân cho Real như nào. Perez gặp Zidane trên một bàn tiệc, ông đã nhanh chóng viết vào giấy ăn một câu tiếng Pháp rồi nhờ người bên cạnh đưa cho Zidane: "*Cậu có muốn chơi cho Real không?*" Zidane chỉ đơn giản mỉm cười đồng ý. Kỷ lục chuyển nhượng này của Zidane mãi đến 8 năm sau mới bị phá vỡ bởi Cristiano Ronaldo, không ai khác, lại là một tác phẩm được đạo diễn bởi Perez.

Mùa hè 2001, Zizou chuyển từ Juventus sang Real bằng bản hợp đồng đắt giá nhất lịch sử bóng đá. Ngay mùa giải đầu tiên khoác màu áo trắng, anh đã dẫn dắt Real vô địch Cup C1 lần thứ 9. Điều ngọt ngào hơn cả là trong trận chung kết gặp Bayer Leverkusen, chính siêu sao người Pháp đã ghi bàn bằng pha volley kinh điển ấn định chiến thắng 2-1. Bàn thắng này của Zidane được coi là đẹp nhất lịch sử Champions League: ngẫu hứng, tinh tế và đầy chất nghệ thuật. Khoảnh khắc ấy, có lẽ người Madrid sẽ không biết Zidane rồi đây còn đem đến cho họ nhiều hơn thế. Đội hình Real Madrid lúc này đã lên đỉnh châu Âu nhưng đối với Perez chưa bao giờ là đủ. Ngoài cương vị Chủ tịch của đội bóng Hoàng Gia, Perez còn là một nhà kinh doanh, ông muốn Real vừa thành công trên sân cỏ, vừa mạnh mẽ ở khía cạnh tài chính. Muốn vậy, Real phải phủ sóng toàn cầu, Dải Ngân Hà Galacticos phải lấp lánh hơn nữa. Một cái tên hoàn hảo nhất không ai khác: David Beckham. Sức hút của Beckham khi đó đã vượt qua khỏi các khán đài sân cỏ, gương mặt điển trai như tài tử điện ảnh, thi đấu cho Manchester United -

CLB nổi tiếng nhất nhì thế giới, có người vợ là ca sĩ đình đám nhất xứ sương mù. Nhiều yếu tố khiến Beckham trở thành cầu thủ có giá trị thương hiệu nhất toàn cầu. Beckham như một thỏi nam châm hút fans, người yêu bóng đá si mê anh, người không yêu bóng đá cũng dõi theo anh. Cựu Tổng thống Mỹ Barack Obama từng nói đùa: "*Beckham là một người đàn ông hiếm hoi khi vừa thi đấu trên sân, vừa có được một bộ sưu tập đồ lót cho riêng mình*."

Florentino Perez thừa hiểu Beckham chính là mảnh ghép không thể thiếu trong thế hệ Galacitocs đầu tiên của ông. Dốc sức theo đuổi, Perez nhận ra mâu thuẫn giữa Sir Alex Ferguson và Beckham đã không thể hàn gắn, ít nhất là trong sự nghiệp cầu thủ của Becks. Sir Alex muốn Beckham tập trung hơn nữa trong sự nghiệp nhưng Becks không thể chỉ để một kiểu tóc, không thể bỏ qua những lịch quảng cáo, không thể phớt lờ giới truyền thông. Tất cả đều biết thời gian ở Manchester của anh đã sắp hết. Mùa hè 2003, David Beckham rời nước Anh, gia nhập Dải Ngân Hà Real Madrid, bỏ lại sau lưng những kỷ niệm đẹp với Quỷ đỏ thành Manchester, bỏ lại những bàn thắng sút phạt, những đường chuyền đã thành thương hiệu và bỏ lại hàng triệu cổ động viên MU đang chết lặng. Ngày Beckham đến Madrid, có lẽ với cá nhân Chủ tịch Perez là một ngày lịch sử. Bốn năm sau đó ở Real, Beckham chỉ có thêm một chiếc cup đáng kể là La Liga, đế chế Galacticos thất bại liên tục ở đấu trường C1 châu Âu. Nhưng theo nhiều thống kê uy tín, Real Madrid khi có Beckham đã vượt mặt MU trở thành đội bóng có tiềm lực tài chính đứng đầu thế giới; nhờ có Beckham, nhiều người, nhiều nơi biết đến Real hơn, độ phủ sóng của đội bóng Hoàng gia Tây Ban Nha vượt qua khỏi biên giới bóng đá. Còn Beckham nhờ Real mà khẳng định được mình.

Perez là một nhà lãnh đạo tài ba, ông nâng tầm thương hiệu của Real thêm một bậc. Tuy nhiên, ở ông cũng có những quyết sách sai lầm. Perez mang Beckham về nhưng lại bán đi Makelele, chốt chặn ở hàng tiền vệ, lá khiên bảo vệ những Galacticos thoải mái phô diễn. "Dát vàng chiếc Bentley làm gì khi nó đã mất đi động cơ?", Zidane đã phải bất lực thốt lên, "chiếc Benley" là Real, dát thêm "vàng" chính là Beckham, "động cơ" là Makelele. Kể từ ngày Makelele rời Madrid, Dải Ngân Hà của Perez mong manh và dễ vỡ hơn bao giờ hết. Real bán Makelele, đẩy đi Hierro, Morientes, và kết thúc hợp đồng với "ngài râu kẽm" Del Bosque, những con người cống hiến khá nhiều cho thành công trước đó, nhưng lại phải ra đi vì ngoại hình hay sức hút của họ không nổi bật. Real như một gã khổng lồ với đôi chân bằng đất sét, có thể gục ngã bất cứ lúc nào. Và quả thật họ đã gục ngã. Real trắng tay trong 3 năm liên tiếp, kể cả ở đấu trường C1 nơi được coi là ADN của họ còn tồi

tệ hơn: 6 năm liên tiếp loại ngay từ vòng 1/8. Đã có thời điểm trong đội hình của Los Glacticos có đến 4 Quả Bóng Vàng: Luis Figo, Zidane, Ronaldo và Michael Owen, 3 Quả Bóng Bạc: Roberto Carlos, David Beckham và Raul Gonzalez. Lịch sử bóng đá thế giới trước nay và có lẽ cả sau này không thể có một đội hình như vậy: quá nhiều ngôi sao sáng giá. Ngài chủ tịch mải mê mang về những ngôi sao tấn công thượng hạng nhưng lại quên mất bóng đá còn phải phòng ngự.

Trong đội hình hay nhất năm của UEFA 2005, tờ *AS* thân Real giật tít: "*Không một cầu thủ nào của Dải Ngân Hà Real có mặt*". Một đội bóng trắng tay trong năm thì không có cầu thủ vào đội hình tiêu biểu là rất bình thường, nhưng lại là bất thường với Real. Ở Madrid chỉ chấp nhận tồn tại cái tốt nhất mà thôi. Tuy thất bại trong việc giành danh hiệu trên sân cỏ nhưng sức hút của Dải Ngân Hà Real trong giai đoạn này vẫn rất lớn. Ngày đó có câu nói rằng: "*Khi Real thành công, ai cũng muốn đến Real để hưởng vinh quang. Khi Real thất bại, ai cũng muốn đến Real để cùng phục sinh.*" Đến tận thời điểm này, câu nói đó vẫn không sai. Chủ tịch Perez vẫn tiếp tục mang về những cầu thủ được đánh giá cao, hay những ngôi sao mới nổi như Cassano, Ramos, Robinho. Dẫu vậy, tại Real không có sự chờ đợi. Những huấn luyện viên, cầu thủ danh tiếng đấy, nhưng không đáp ứng, thì đến rồi đi, Dải Ngân Hà ở Madrid cháy dần rồi lụi tàn.

Ngày 27-02-2006, Real Madrid thất bại 1-2 trước đội bóng yếu Real Mallorca, chấm dứt hy vọng trong cuộc đua vô địch La Liga với Barcelona. Đây là giọt nước tràn ly, Perez chính thức từ chức Chủ tịch dưới sức ép của các cổ động viên. Dải Ngân Hà thế hệ đầu tiên của Perez xem như đặt dấu chấm dứt.

Trong 5 năm nhiệm kỳ đầu tiên của mình, Perez giúp Real có 2 chức vô địch La Liga và 1 Champions League, có lẽ đối với Los Blancos như thế là chưa đủ. Nhưng công tâm hơn, thì nhờ chính sách Glacticos, Real Madrid trở thành một thương hiệu vĩ đại hơn, nhắc đến Real thời kỳ này là nhắc đến một đội bóng có tầm vóc số một hành tinh với lối đá quyến rũ, đẹp nồng say. Một chương lịch sử đầy ngọt ngào mà cũng đầy đắng cay của đội bóng Hoàng gia Tây Ban Nha khép lại.

Sau quãng thời gian Perez từ chức, Real cũng dần đánh mất thương hiệu của mình dẫu tiềm lực tài chính của họ vẫn luôn ở trong top đầu thế giới. Cái chất vương giả, kiêu hùng của nhà vua tại đấu trường C1 châu Âu cũng theo đó mà biến mất.

6 năm liên tục không vượt qua nổi vòng 1/8, dù đối thủ là ai, đến từ đâu: từ đội bóng lớn như Juventus, Bayern Munich, Liverpool cho đến đội tầm trung AS Roma, Lyon đều có thể dễ dàng đánh bại Real Madrid. Iker Casillas còn phải bật khóc nức nở khi bất lực để Liverpool đánh bại 4 bàn không gỡ, Real theo giọt nước mắt Casillas chợt trở thành đáng thương hại và yếu đuối. Cái tên Real Madrid từng làm mưa làm gió khắp châu Âu ngày nào đã bị chôn vùi vào ký ức, y như cách một triều đại sụp đổ. Tất nhiên, người Madrid không bao giờ chấp nhận, cái tên Florentino Perez một lần nữa được đưa ra ánh sáng. Ngày 01-06-2009, Perez chính thức trở thành Chủ tịch mới của Real Madrid mà không có một ứng cử viên nào cạnh tranh. Không ai thích hợp hơn Perez lúc này, bởi chẳng ai kiêu hùng hơn ông, chẳng ai có thể mang về nhiều kiêu hãnh hơn ông. Vậy là một triều đại mới của Real lại bắt đầu. Trong đống gạch hoang tàng, Perez bắt đầu gieo trồng những hạt mầm. Chính sách "Zidanes y Pavones" - siêu sao ngoại và cầu thủ trẻ được nâng cấp thành "Cristianos, Graneros y Alonsos" - bổ sung thêm những ngôi sao quốc tịch Tây Ban Nha. Tuy nhiên, với Perez, quan trọng nhất vẫn là chính sách Galacticos tái khởi động, Real sẽ ký với những cầu thủ tốt nhất thế giới.

Ngày 06-07-2009, sân vận động Bernabeu không còn một chỗ trống với gần 90.000 cổ động viên ở Madrid chứng kiến cầu thủ đắt giá nhất thế giới Cristiano Ronaldo ra mắt Real Madrid. Số khán giả này chưa từng có trong lịch sử. Kỷ lục trước đó thuộc về sự kiện Maradona gia nhập Napoli với 75.000 người. Các khán đài như nổ tung khi Ronaldo bước ra sân; từ đây, cầu thủ xuất sắc nhất thế giới, đương kim Quả Bóng Vàng đã trở thành một Madridista. Cristiano Ronaldo cũng trở thành cầu thủ đắt giá nhất lịch sử bóng đá khi phá kỷ lục của Zidane, anh cũng là cầu thủ được trả lương cao nhất thế giới, cầu thủ có thương hiệu nổi tiếng nhất thế giới hiện nay. Rất nhiều cái nhất, lấp lánh y như một dải thiên hà trên bầu trời đêm đầy sao. Ngày anh rời đi, anh sẽ còn là cầu thủ giành nhiều Quả Bóng Vàng nhất với Real, ghi nhiều bàn thắng nhất. Có lẽ chỉ có một thứ duy nhất anh phải về nhì trong biên niên sử Real: cầu thủ vĩ đại nhất, một mệnh đề được mặc định chỉ dành cho "Mũi tên bạc" Di Stefano.

Mùa hè chuyển nhượng 2009, Real Madrid của Perez lại làm khuynh đảo cả châu Âu. Real mua cầu thủ xuất sắc nhất thế giới Ronaldo ở Manchester United, cũng mua luôn tiền vệ trung tâm hay nhất của Liverpool là Xabi Alonso. Sang nước Ý, Perez mang về một Quả Bóng Vàng nữa, cũng là một ngôi sao toàn cầu, một thương hiệu như Beckham ngày nào, đấy là Kaka của AC Milan - siêu sao mà đội bóng "đại gia mới nổi" Manchester City thất bại

trong việc theo đuổi. Chưa dừng lại, Perez lại tiếp tục thành công khi đem về tiền đạo trẻ xuất sắc nhất thế giới ở nước Pháp: Karim Benzema. Và cuối cùng, trở về giải đấu Tây Ban Nha, Real bổ sung thêm trung vệ triển vọng Raul Abiol của Valencia. Gần 300 triệu € được đương kim Chủ tịch Florentino Perez nâng cấp đội hình Real Madrid, đến đây thì đế chế Galacticos 2.0 đã hình thành. Thương hiệu Perez mãi mãi được khẳng định, ngày ông đã tạo nên một mùa hè nóng bỏng nhất, mùa hè 2009, mà có lẽ tương lai cũng khó có đội bóng nào làm nên một mùa chuyển nhượng điên rồ như vậy.

Thực tế, chưa chắc một đội bóng quá nhiều ngôi sao đã thành công, chính Real Madrid thời kỳ cuối của Galactiocs 1.0 đã chứng minh. Khi quá nhiều cái tôi ở một chỗ, đội hình quá thiếu sự cân bằng giữa công và thủ, thất bại cay đắng có lẽ ngay bên cạnh. Nhưng với Perez, ông có sự tôn sùng cái đẹp tuyệt đối. Dải Ngân Hà của ông xây dựng phải đẹp và lấp lánh để xứng đáng với mỹ danh của nó. Real có thể thất bại, Dải Ngân Hà có thể lung lay nhưng Perez thì luôn kiên trì sửa chữa và nâng cấp. Mùa giải đầu tiên, họ thất bại, dù có cả Ronaldo và Kaka trong đội hình. Mùa giải thứ hai, họ gọi về chính cái người đã đánh bại Barcelona, đã đứng cười ngạo nghễ giữa Bernabeu cách đó vài tháng khi đưa Inter Milan vô địch Champions League 2009-10, đấy chính là "Người đặc biệt" Jose Mourinho. Có được Mourinho, Real cũng chấm dứt luôn cái dớp bị loại ở vòng 1/8 Champions League mà vươn thẳng đến 3 năm liên tục có mặt tại bán kết Champions League. Nhưng cuộc hôn phối giữa Mourinho và Real Madrid là một cuộc hôn phối bí bách trong việc tìm được tiếng nói chung, dù cả hai đều có một khao khát mãnh liệt là đánh bại Barcelona. Sự đối lập về triết lý tấn công -phòng ngự, sự đối lập về phong cách quý tộc - phàn nàn, hay cả những cuộc thách thức lớn trong phòng thay đồ đã khiến Real Madrid của Jose Mourinho dù giàu cảm xúc nhưng cũng ngột ngạt, dù giành được những thành công lớn (như La Liga 2012), thì cái giấc mộng đau đáu nhất ở Champions League được gọi tên là "Giấc mơ La Decima" vẫn dang dở. Kể cả khi ông quỳ gối trên Bernabeu ở loạt penalty với Bayern Munich tại bán kết Champions League 2012. Cho đến ngày Mourinho rời đi trong bẽ bàng. Mourinho đi, Ancelotti được gọi về. Nếu Mourinho là một nồi lẩu nghi ngút khói thì Ancelotti là một ly đá bào mát lạnh. Và hơn cả, Ancelotti cho Real điều mong chờ nhất: hiện thức hóa giấc mộng Decima. Ancelotti đến cùng với bản hợp đồng kỷ lục thế giới khác: Gareth Bale. Với cái giá tròm trèm 100 triệu €, Bale vượt qua Cristiano Ronaldo để trở thành cầu thủ có giá trị cao nhất lịch sử. Anh đến trong những áp

lực và sự phẫn nộ vì đổi lại là sự ra đi của Mesut Ozil - một cầu thủ rất được yêu quý tại Real thời điểm đó. Nhưng mùa giải 2013-14 đã chứng minh cho tất cả thấy được tầm nhìn của Perez, cùng khả năng "liệu cơm gắp mắm" xuất sắc của Ancelotti. Chiến lược gia người Italia đã tạo nên bộ ba BBC (Bale – Benzema - C. Ronaldo) khuynh đảo châu Âu, và bên dưới, ông đưa Luka Modric vào thế chân nhạc trưởng của Real. Đoàn quân Real Madrid vào đến trận chung kết sau 12 năm đợi chờ.

12 năm không thể vô địch C1 là một sự chờ đợi quá lâu với các Madridista, sự chờ đợi vắt ngang qua 2 thế hệ Galacticos của Perez. Có lẽ người mong đợi chiếc Cup La Decima (lần thứ 10) tại đấu trường C1 về phòng truyền thống của Real nhất không ai hơn Chủ tịch Florentino Perez. Phút 92 giây 48, Sergio Ramos đánh đầu dũng mãnh, ghi bàn san bằng tỷ số cho Real trong trận chung kết Champions League 2014. Đấy có lẽ là bàn thắng đẹp nhất sự nghiệp Ramos, nó khiến hàng triệu con tim hâm mộ Real Madrid thay đổi nhiều cung bậc cảm xúc. 12 năm chờ đợi chiếc Cup C1 cứ ngày một xa dần khi đồng hồ đã đến phút bù giờ 93, Real vẫn đang bị Atletico dẫn trước. Lo âu, hụt hẫng rồi nghi ngại, rồi vỡ òa hạnh phúc, dù còn 30 phút hiệp phụ phía trước nhưng người hâm mộ Real hiểu rằng, chiếc Cup thứ 10 đã đến. Kết thúc trận đấu, nước mắt - nụ cười xen lẫn trong ngày đăng quang. Real Madrid đã chờ quá lâu cho ngày này, Madridistas đã chờ quá lâu cho ngày này.

Tuy nhiên, Ancelotti vẫn không phải là người huấn luyện viên quan trọng nhất trong lịch sử của Real ở thế kỷ XXI, mà người đó lại chính là vị trợ lý của ông: Zinedine Zidane. Viết về anh, đơn giản chỉ là mấy chữ "Người được lịch sử lựa chọn". Zidane đã chiến thắng không phải bằng một đấu pháp nghệ thuật kiểu tiqui-taca, pressing, hay Catenaccio, mà Zidane đã chiến thắng cùng Real theo cái cách khó lý giải hơn rất nhiều: nó vừa mông lung, khó nắm bắt, vừa "vô chiêu" mà lại vừa rất đơn giản, vừa phản công như Mourinho, lại có chất triết lý như Ancelotti (chẳng hạn bố trí 2 playmaker Toni Kroos - Luka Modric cùng một người bơm máu là Casemiro). Nhưng dù theo cách này hay cách khác, thay người có lý hay vô lý, thì kết cục vẫn chỉ có một, đó là Real chiến thắng. Có thể nói rằng, trong đế chế thành công của Perez, cái tên Zidane gắn liền với ông, như cách Di Stefano gắn liền với Bernabeu. Zidane là món quà Chúa ban cho Perez kể cả khi anh là cầu thủ cho đến lúc trở thành huấn luyện viên cho Real Madrid. Chẳng ai hiểu Real rõ hơn Zidane và Perez biết điều đó, ông trao mọi quyền hành cho huyền thoại người Pháp, điều không một nhà cầm quân nào được ưu ái trước đó. Có những khoảng lặng, có những góc khuất

với những thất bại nhưng Zidane vẫn vững vàng lèo lái con tàu Real Madrid đến vinh quang. Zidane là một ngôi sao sáng trong đế chế Galacticos 1.0, rồi anh đã cùng Perez hoàn thiện Galacticos 2.0 bằng 3 chiếc Cup C1 liên tiếp. Bây giờ, có thể nói là trong tương lai gần, Zidane vẫn sẵn sàng xây dựng một thế hệ Galacticos 3.0 tiếp theo.

Vô địch rồi lại vô địch, kỷ lục thiết lập rồi lại phá vỡ, Real Madrid dưới nhiệm kỳ này của Perez vận động không ngừng với thời đại. Perez đủ kinh nghiệm và sự già dơ để tránh theo vết xe đổ của quá khứ. Dải Ngân Hà mới của ông được xây dựng một cách hoàn hảo hơn trước đây, Real không chỉ tập trung vào hàng tấn công mà trong đội hình của họ luôn có những cầu thủ phòng ngự hàng đầu. Nếu ngày trước, Perez không coi trọng những cầu thủ không có ngoại hình bắt mắt, ít thu hút truyền thông thì nay ông sẵn sàng bổ sung vào đội hình bất cứ cầu thủ nào miễn là anh thi đấu thành công. Tất nhiên, như tính cách cố hữu của "Bố Già": có ngoại hình và hút truyền thông thì càng tốt hơn. Dàn sao Galacticos 2.0 của Real vẫn có phong thái chơi quyến rũ Hoàng gia (Modric, Kroos…), nhưng ẩn sâu trong đó là những cái khiến chắn xù xì thô kệch (Casemiro, Sergio Ramos…). Trong những năm tháng đó, Dải Ngân Hà của Perez khuynh đảo cả trời Âu. Real vô địch 4/5 năm, trước đó thì 3 năm liên tiếp là khách thường xuyên đến vòng bán kết. Cái tên Real Madrid như một "con ngáo ộp" ở châu Âu, một con quái vật được đánh thức hay một vị Vua đã quật khởi giành lại ngai vàng, nói thế nào cũng đều chứng minh một điều: Perez đã giành lại C1 cho Real.

Khi cuốn sách này đến tay các bạn, kết quả bầu cử Chủ tịch Real Madrid nhiệm kỳ mới cũng đã có, Florentino Perez tiếp tục cầm quyền tại Real thêm 5 năm nữa. Đây là lần thứ 5 ông nắm giữ vị trí quyền lực nhất của CLB Hoàng gia Tây Ban Nha sau các năm 2000, 2009, 2013 và 2017. 18 năm cầm quyền và 47 danh hiệu lớn nhỏ. Thêm 5 năm nữa để rút ngắn khoảng cách với Don Bernabeu huyền thoại. Florentino Perez đang xây chắc một vị trí trong ngồi đền thiêng của Real Madrid.

BI KỊCH

Câu chyện về những kẻ thất bại vĩ đại

Vũ Anh Tuấn (Inter club Vietnam)

Trong dòng chảy lịch sử 66 năm hào hùng ở Cup C1 châu Âu và Champions League, tầm vóc của giải đấu được dựng lên bởi những khoảnh khắc bất tử, khi tài chơi bóng ở thuở hồng hoang của những Alfredo Di Stefano, Ferenc Puskas, Eusebio… cho đến những Marco Van Basten, Lionel Messi, Cristiano Ronaldo ở kỷ nguyên hiện đại đã góp phần định vị nên thứ bóng đá đẳng cấp hàng đầu mà nhà báo Gabriel Hanot, cha đẻ của giải đấu từng ấp ủ. Nhưng bóng đá cũng chính là cuộc đời, khi đằng sau vinh quang của người chiến thắng, có góc khuất của kẻ bại trận. Bức màn bí ẩn của Champions League ẩn chứa nhiều điển tích mà giới sử gia lẫn người hâm mộ vẫn không thể lý giải cho đến tận ngày hôm nay. Ở đó, nổi lên lời nguyền dành cho Benfica, Juventus và Hector Cuper… những kẻ thất bại vĩ đại của lịch sử.

Sân Prater ngày 23-05-1990, thủ đô Vienna (Áo) chứng kiến màn thư hùng đỉnh cao giữa hai tên tuổi lớn AC Milan và Benfica, trận chung kết Cup C1 châu Âu lần thứ 35. Trước đó không lâu, một người đàn ông tách khỏi sự huyên náo ấy khi ghé thăm nghĩa trang lớn giữa lòng trung tâm thành phố. Ở đấy, ông quỳ gối và chắp tay cầu nguyện trước một nấm mồ với hi vọng linh hồn ấy sẽ cởi trói cho lời nguyền từ 28 năm trước đó. Nhưng rốt cuộc, 90 phút ở Prater càng đào sâu thêm nỗi đau của Benfica và Eusebio, người đã ghé thăm ông thầy cũ thuở nào. Bàn thắng của Frank Rijkaard đã tước đoạt cơ hội để họ giải thoát khỏi bóng ma của Bela Guttmann, người đã yên nghỉ ở Vienna nhưng lại hiện hữu trong ký ức của người Bồ Đào Nha về lời nguyền dành cho đội bóng lớn nhất thủ đô Lisbon.

"*Trong vòng 100 năm tới, các người sẽ không thể vô địch ở châu Âu*",

Bela Guttmann dõng dạc tuyên bố chỉ vài ngày sau khi giúp Benfica quật ngã Real Madrid 5-3 vào năm 1962 ở chung kết Cup châu Âu. Dĩ nhiên, chả mấy ai trong giới lãnh đạo ở Da Luz tin vào những gì mà huấn luyện viên người Hungary hù dọa, nhưng cho đến khi Sevilla đánh bại họ ở chung kết Europa League 2014, thì Benfica đã trải qua 52 năm trắng tay ở châu Âu, với 8 lần liên tiếp về nhì. Trong đó tại Cup C1 và Champions League là 5 thất bại, kỷ lục chỉ kém mỗi Juventus. Chi tiết càng phủ bóng lên sự bí ẩn đằng sau lời nguyền của huấn luyện viên cá tính người Hungary.

Juventus - Vua về nhì của Cup C1 (Nguồn: Marca)

Bây giờ, khi ghé qua cổng số 18 ở sân Da Luz, bạn sẽ thấy bức tượng Bela Guttmann ôm 2 chiếc Cup C1 trong tay, thành quả tự hào nhất trong sự nghiệp cầm quân của ông. Hình ảnh đại diện cho giai đoạn vàng son nhất lịch sử Benfica khi họ là thế lực thống trị bóng đá. Từ Bồ Đào Nha đến sân cỏ châu Âu, sức công phá của Benfica càn quét mọi đối thủ. Hai chiếc Cup C1 châu Âu liên tiếp vào các năm 1961, 1962 trở nên đặc biệt khi họ đả bại Barcelona và Real Madrid trong giai đoạn rực rỡ đầu tiên của hai gã khổng lồ. Thành công ấy ghi nhận công trạng lớn lao của Bela Guttmann trong việc phát triển đội bóng, nhưng Ban lãnh đạo Benfica lại xem nhẹ chuyện đó khi thẳng tay sa thải ông và cộng sự sau yêu cầu tăng lương trong bản hợp đồng mới. Câu nói bất hủ của Guttmann như lời nguyền dai dẳng đeo bám số phận Benfica hơn nửa thập kỷ qua, trong đó 3 thất bại ở chung kết Cup C1 thập niên 60 trước AC Milan 1963, Inter 1965, Manchester United 1968 được coi là nỗi đau lớn nhất khi đội hình vĩ đại nhất của họ lẽ ra phải giành nhiều vinh quang hơn thế.

"*Chiến thắng không chỉ quan trọng, mà là thứ duy nhất được nhắc đến.*" Đằng sau câu nói của huyền thoại Giampiero Boniperti, chính là tôn chỉ hành động xuyên suốt cả trăm năm của Juventus. Dưới góc nhìn của gia tộc Agnelli, đội bóng mà họ sở hữu cũng là một phần trong đế chế FIAT khổng lồ, và nghĩa vụ của Juventus là chiến thắng trên sân cỏ như cách FIAT thống trị thương trường. Ở Calcio, Bianconeri là đội bóng 3 sao duy nhất, xa hơn thế, những tài năng từng kinh qua màu áo Trắng Đen cũng tượng trưng cho 4 giai đoạn vinh quang của đội tuyển Italia tại World Cup. Vì thế, cố Chủ tịch Umberto Agnelli mới cho rằng, "*Chúng tôi tiếp bước sau những cú chuyển mình của dân tộc*". Nhưng vị thế ấy của Juventus chỉ gói gọn trong biên giới Italia, khi Cup châu Âu luôn khắc họa nỗi ám ảnh với lịch sử vẻ vang của đội bóng này.

Cho đến khi để thua Real Madrid tại Cardiff năm 2017, Juventus đã 7 lần thất bại ở chung kết Cup châu Âu và Champions League, một kỷ lục. Ngược lại, Lão Phu Nhân chỉ có hai lần bước lên đỉnh vinh quang. Nhưng ngoài chiến thắng trước Ajax Amsterdam năm 1996, thì chức vô địch 1985 bị hoen ố bởi thảm họa Heysel. Người Italia vì thế thường lãng quên sự kiện này khi gắn liền với nỗi đau của những nạn nhân xấu số. Khi thế hệ thứ ba của gia tộc Agnelli lên nắm quyền, khao khát phá bỏ nỗi ác mộng ở Cup châu Âu trở thành nhiệm vụ tiên quyết với Chủ tịch Andrea Agnelli. Khao khát ấy lớn đến nỗi, ông sẵn sàng xé bỏ nguyên tắc làm bóng đá mà cha và chú của mình đã từng kiến tạo cho Juventus là tính bền vững và ổn định. Thương vụ chiêu mộ Cristiano Ronaldo và Matthijs De Ligt là thứ mà không nhiều Juventini tưởng tượng sẽ đến vào thập niên 70, 80. Nhưng rốt cuộc, 3 mùa giải đã trôi qua kể từ ngày ông Vua của Champions League đặt chân xuống Turin, bóng dáng chiếc Cup danh giá nhất cấp CLB của châu Âu vẫn ở rất xa.

"*AC Milan thành công vì chúng tôi kết hợp đủ ba yếu tố: chiến thắng, bản lĩnh và tính cống hiến nhưng Juve thì chỉ có một là chiến thắng. Đó lại là điểm yếu. Ở Italia, họ có thể thâu tóm mọi danh hiệu nhưng tôi cũng có thể nói rằng, Rosenborg luôn chiến thắng ở Na Uy*." Tượng đài Arrigo Sacchi đưa ra góc nhìn về series thất bại của Juventus vốn bắt đầu vào năm 1973, đi qua những giai đoạn lịch sử thành công nhất của Bianconeri. Từ Giovanni Trapattoni, Marcelo Lippi cho đến Max Allegri, không một triều đại nào thiết lập được chỗ đứng ở châu Âu nơi nếu họ không gục ngã trước những quyền lực mạnh nhất (AC Milan 2003, Barcelona 2015, Real Madrid 2017) thì cũng luôn tự sa sút trước những đối thủ dưới cơ (Hamburg SV 1983, Borussia Dortmund 1997). Năm 2019, cây bút Carmelo Cannizzaro viết hẳn cuốn sách về đề tài này để cùng người hâm

mộ chiêm nghiệm thứ trở thành góc khuất trong lịch sử hào hùng cả trăm năm của Calcio.

Những thuyết âm mưu về thất bại của Juventus chỉ mang ý nghĩa tương đối nhằm thuyết phục người hâm mộ, vì thế bức màn bí ẩn càng vây lấy Turin. Bởi ở từng giai đoạn, bối cảnh lịch sử khác nhau thì đội bóng thành Turin phải đối diện với những vấn đề khác nhau ngăn cản họ tiến đến vinh quang. Như hai trận thua vào năm 2015 và 2017 trước Barcelona và Real Madrid. Đó là giai đoạn rực rỡ nhất của triều đại Max Allegri, nhưng đối thủ của họ lại sở hữu những ông vua Champions League trong đội hình. Khoảng trống về một vị chủ tướng trên sân đã thôi thúc Chủ tịch Andrea Agnelli phá vỡ những nguyên tắc truyền thống của Juventus khi tuyển mộ Cristiano Ronaldo. Trong khi ở giai đoạn hoàng kim của Marcelo Lippi, những tài năng chật ních đội hình như Alessandro Del Piero, Zinedine Zidane, Alen Boksic, Didier Deschamps… chưa bao giờ phô diễn hết phẩm chất ở các trận đánh lớn. Chiến thắng trước Ajax Amsterdam năm 1996 không thể xóa nhòa hai thất bại trước Borussia Dortmund 1997 và Real Madrid 1998, những đối thủ bị đánh giá thấp hơn nhiều so với Lão Phu Nhân. Đến năm 2003, linh hồn Pavel Nedved phải thụ án treo giò ở chung kết khiến không ai còn nhận ra đội bóng vừa đánh bại thuyết phục Real Madrid tại bán kết. Quá khứ đen tối ấy được thêu dệt thành những "lời nguyền" mỗi khi Juventus bước ra sân chơi danh giá nhất Châu Lục. Đến nỗi, sau thất bại trước Olympique Lyon bởi luật bàn thắng trên sân khách vào năm ngoái, ông Maurizio Sarri cho rằng, Juve sẽ chỉ có cơ hội vô địch nếu… không có thể thức loại trực tiếp tại Cup châu Âu.

Đứng bên cạnh hai "hiện tượng" Benfica và Juventus, có một nhân vật hiện hữu như sự đen đủi bậc nhất mà thế giới bóng đá từng chứng kiến. Bởi thay vì bị lãng quên do dòng chảy thời gian, tên của ông có thể đã lưu danh sử sách nếu chiến thắng phân nửa số trận chung kết mà mình từng góp mặt. Đó là Hector Cuper, người từng dựng nên đế chế Valencia cuối những năm 90 của thế kỷ trước.

Ngày 05-02-2017, Ai Cập đối đầu Cameroon ở chung kết Cup các quốc gia châu Phi (CAN). Cho đến trước thời điểm bóng lăn, các Pharaohs giữ kỳ tích thắng tất cả các trận chung kết trong lịch sử CAN mà họ từng góp mặt. Nhưng sau 90 phút ở Gabon, bàn thắng ở phút 88 của Vincent Aboubakar đã nhấn chìm Ai Cập lẫn hi vọng thanh tẩy số phận của Hector Cuper, huấn luyện viên hiếm hoi trong lịch sử bóng đá thế giới thua cả 6 trận chung kết mà mình từng tham dự, trong đó quãng thời gian làm việc ở Tây Ban

Nha của ông đáng nhớ hơn cả.

Nếu Valencia sở hữu vóc dáng hùng mạnh của bóng đá xứ bò tót, thì Real Mallorca có vị thế khiêm tốn hơn nhiều khi ngoài danh xưng là đại diện của xứ đảo Balearic, lịch sử trăm năm của họ không hề tồn tại trong ký ức người hâm mộ Tây Ban Nha nhưng Hector Cuper đã đến và viết lại lịch sử vào năm 1997. Ngay mùa giải đầu tiên, huấn luyện viên người Argentina đưa Mallorca xếp thứ 5 ở La Liga và vào chung kết Cup Nhà Vua. Một năm sau, tiếng vang ấy còn lớn hơn khi vươn lên thứ 3 sau Barcelona và Real Madrid, phong độ đỉnh cao của thầy trò Cuper được kết tinh bằng tấm vé chơi trận chung kết Cup C2 cuối cùng trong lịch sử với Lazio vào năm 1999. Hành trang đó mở ra chuyến phiêu lưu lịch sử của ông cùng Valencia.

Nói là "lịch sử" bởi trước ngày Hector Cuper đến Mestalla, Bầy Dơi đã mất đến 29 năm vắng mặt ở Cup C1 châu Âu. Thế nên, chiến tích lọt vào hai trận chung kết liên tiếp là suy nghĩ hoang đường với các cổ động viên Valencia nhưng thậm chí, họ đã làm được một cách phi thường. Nhận lại bộ khung từ người tiền nhiệm Claudio Ranieri, Cuper bổ sung thêm 4 tân binh gồm Kily Gonzalez, Mauricio Pellegrino, Juan Sanchez và Gerard Lopez, tài năng trẻ trở về từ Alaves. Chỉ trong quãng thời gian ngắn, huấn luyện viên người Argentina nhanh chóng tạo ra đội bóng đầy sức chiến đấu, đồng thời cùng Deportivo La Coruna phá vỡ thế thống trị bấy lâu của Barcelona và Real Madrid. Khi nhìn lại lịch sử, đây vẫn là thời kỳ cạnh tranh bậc nhất mà sân cỏ La Liga từng chứng kiến.

Là người con của bóng đá xứ Tango, Hector Cuper cũng không thoát khỏi vòng luẩn quẩn giữa hai phe, "Bilardista" và "Menottista", cụm từ nhằm mô tả hai trường phái đối lập giữa hai chiến thuật gia nổi tiếng nhất Argentina, Carlos Bilardo và Cesar Menotti. Nếu người đầu tiên chọn lối đá thực dụng với chiến thắng được ưu tiên hàng đầu, thì người còn lại say mê trình diễn thứ bóng đá cống hiến trên sân cỏ. Với Hector Cuper, sự nghiệp cầu thủ của ông lên đến đỉnh cao vào năm 1984 khi được triệu tập vào đội tuyển quốc gia bởi… Carlos Bilardo, người đã khơi gợi cảm hứng cho phong cách cầm quân của ông sau này.

Nền tảng thành công của Valencia ngày ấy nằm ở hàng phòng ngự với thủ thành Santiago Canizares và bộ tứ vệ Jocelyn Angloma - Miroslav Djukic (Roberto Ayala) - Mauricio Pellegrino - Amedeo Carboni. Lạ ở chỗ, họ không hề phô diễn lối đá nặng nề phòng ngự như báo chí mô tả mà có chăng, Valencia của Cuper phòng ngự kỷ

luật hơn mọi đối thủ. Ngược lại, trong hai mùa giải Champions League 1999-2000, 2000-2001, con số bàn thắng mà những Claudio Lopez, Gaizka Mendieta, Pablo Aimar… tạo ra luôn đứng hàng đầu và lịch sử cũng ghi nhận Valencia góp mặt ở các trận đấu tưng bừng nhất (thắng Lazio 5-2, Barcelona 4-1, Leeds United 3-0). Vậy nguyên nhân nào khiến họ gục ngã ở hai trận chung kết?

Năm 2000, khác biệt nằm ở kinh nghiệm chiến trường khi Stade De France là lần thứ 9 Real Madrid lọt vào chung kết Champions League, ngược lại với lần đầu tiên của Valencia. Thêm nữa, mẫu cầu thủ lớn như Fernando Redondo, Raul Gonzalez… chính là sự thua thiệt của thầy trò Cuper. Trong khi tại San Siro năm 2001, đơn giản chỉ là vận may đã ngoảnh mặt với huấn luyện viên người Argentina trên chấm luân lưu bất chấp một thế trận chặt chẽ trước Bayern Munich suốt 120 phút.

Với vỏn vẹn 1 Siêu Cup Tây Ban Nha giành được năm 1999, nhưng khi chọn ra các huấn luyện viên xuất sắc nhất lịch sử Valencia, cái tên Hector Cuper vẫn được nhắc đến như là chứng nhân của buổi giao thời. Bởi thành công ở Champions League mà ông để lại được Rafael Benitez kế thừa bằng 2 chức vô địch La Liga, 1 UEFA Cup với đa phần những con người được tôi luyện dưới bàn tay của chiến thuật gia người Argentina.

Lịch sử không chỉ ghi nhận vinh quang của người chiến thắng, mà lẩn khuất đâu đó còn là nước mắt của kẻ chiến bại. Chính "hiện tượng" của những Benfica, Juventus và La Liga Hector Cuper… càng làm dầy thêm những trang ký ức sống động về huyền thoại Champions League, về sự khắc nghiệt của giải đấu này suốt hơn 66 năm qua. Sân chơi mà muốn bước lên đỉnh cao nhất, một đội bóng phải biết kết tinh mọi yếu tố đẳng cấp, phong độ và sự may mắn đến cùng một thời điểm. Xét trong bối cảnh ấy, chưa chắc những hiện tượng mà chúng ta từng kể thua kém đối thủ về khía cạnh bóng đá thuần túy mà ngược lại, số phận là thứ bạn không thể lựa chọn.

Thảm họa Munich

Thạch Long

Nằm trong đống đổ nát, bao quanh là những tiếng kêu la thảm thiết pha lẫn mùi khói, mùi lửa, mùi tuyệt vọng, mùi tang tóc, Sir Matt Busby tay ôm ngực. Ông lặng lẽ nhìn theo cậu học trò Hary Gregg đang cố cứu lấy những người còn sống. Suy nghĩ từ bỏ loé lên trong đầu người cha của thế hệ Busby huyền thoại.

"MANCHESTER MỚI LÀ THIÊN ĐƯỜNG CỦA TÔI"

Trước khi hồi tưởng lại một trong những ký ức tang tóc nhất của lịch sử bóng đá, chúng ta cùng trở lại tháng 2-1945, thời điểm Man United bổ nhiệm một nhân vật từng phục vụ cho quân đội Hoàng gia Anh trở thành huấn luyện viên trưởng CLB. Chúng ta đang nói tới một huyền thoại bất tử: Sir Matt Busby.

Dưới sự chèo lái của Matt Busby, Man United giành chức vô địch quốc gia vào mùa 1951-52, chấm dứt quãng thời gian lên tới 41 năm không bước lên đỉnh cao bóng đá Anh một lần nào. Tình yêu mà Sir Matt Busby dành cho Man United lớn dần theo thời gian và được thể hiện một cách mộc mạc, cô đọng thông qua hai sự kiện, trước và sau thảm họa hàng không Munich 1958.

Lần đầu là vào năm 1956, khi Matt Busby được Chủ tịch Real Madrid vào thời điểm đó, ngài Santiago Bernabeu Yeste, tiếp cận và mời đảm nhiệm cương vị huấn luyện viên trưởng đội bóng Hoàng gia Tây Ban Nha. Santiago Bernabeu miêu tả công việc huấn luyện tại Real là "như làm việc tại thiên đường". Chính lời giới thiệu có phần hoa mỹ đó của Santiago Bernabeu đã tạo nên câu trả lời đi vào lịch sử Man United của Matt Busby: "*Manchester mới là thiên đường của tôi.*"

Trở lại hành trình đến với Munich của Man United: Sau khi đưa Quỷ đỏ lên ngai vàng bóng đá Anh 2 mùa liên tiếp (1955-56 và

1956-57), rốt cuộc thì Matt Busby cũng giúp Man United trở thành đội bóng Anh đầu tiên trong lịch sử góp mặt tại European Cup mùa 1956-57 (hay còn gọi là Cup C1, tên cũ của Champions League ngày hôm nay).

Ở lần đầu tiên góp mặt, Quỷ đỏ đi tới bán kết nhưng bị Real Madrid loại với tổng tỷ số 5-3 sau 2 lượt trận. Tuy không thể giành chức vô địch, nhưng Man United vẫn để lại một lời đe dọa đầy sức nặng với đấu trường châu lục, khi chân sút Dennis Viollet (một trong những thành viên thế hệ đầu của Busby Babes - Những đứa trẻ nhà Busby) giành ngôi Vua phá lưới.

Man United tiếp tục góp mặt tại Cup C1 mùa kế tiếp - mùa 1957-58, tiếp tục thi đấu rất thành công và giành quyền lọt vào bán kết sau trận hòa 3-3 trên sân của Sao Đỏ Belgrade. Trận hòa đó diễn ra vào ngày 05-02-1958, một ngày trước khi thảm họa Munich ập tới.

* *

*

THẢM HỌA ĐÃ XẢY RA NHƯ THẾ NÀO?

Đêm tháng 2 lạnh giá ở thủ đô Belgrade lại không hề lạnh lẽo với Man United. Những chàng trai của Matt Busby nhảy múa ăn mừng tấm vé lọt vào bán kết Champions League. Khí thế toàn đội lên cao. Tất cả đều thầm nói với nhau rằng, 1957-58 sẽ là một mùa bóng lịch sử của Man United. 1957-58 quả thật là một cột mốc lịch sử, nhưng lại là một dấu mốc không thể đen tối hơn.

Sáng 06-02-1958, tập thể Man United lên chuyến bay số hiệu 609 của hãng hàng không British European Airways, do hai phi công James Thain và Kenneth Rayment điều khiển, hừng hực khí thế trở về quê nhà Manchester chuẩn bị cho trận đấu với Birmingham.

Như một định mệnh, do cầu thủ Johnny Berry bỗng dưng mất hộ chiếu nên chuyến bay buộc phải lùi lại 1 tiếng so với thời gian cất cánh dự kiến. Vào thời điểm đó, sự cố mất hộ chiếu của Johnny Berry chỉ khiến tập thể Man United về nhà trễ 1 tiếng. Nhưng sau khi nhìn lại toàn cảnh thảm họa Munich, có khá nhiều người từng đặt giả thuyết cho rằng, nếu máy bay có thể đến Đức sớm hơn 1 tiếng, chưa chắc thảm họa đã xảy ra.

Bầu không khí trên chuyến bay chở tập thể Man United cùng nhiều hành khách khác vẫn vô cùng vui vẻ cho đến khi máy bay hạ cánh xuống sân bay Munich (Đức) để tiếp nhiên liệu trong 20 phút. Toàn bộ hành khách vẫn yên vị.

Vào 14 giờ 31 phút, bình nhiên liệu đã được nạp đầy, máy bay sẵn sàng cất cánh trở lại. Tuy nhiên, vào thời điểm máy bay tăng tốc thì một tiếng động lạ từ động cơ vang lên. Quyết định ngừng cất cánh lần đầu được đưa ra để tổ kỹ thuật kiểm tra động cơ. 3 phút sau, máy bay lại cố gắng cất cánh thêm một lần nữa và lại thất bại.

Hành khách chiếc Airspeed AS.57 được thông báo vào phòng chờ trong thời gian máy bay sửa chữa động cơ. Ai cũng nghĩ rằng chuyến bay không thể cất cánh trở lại. Thậm chí cầu thủ Duncan Edwards còn tranh thủ gửi một bức điện tín về cho chủ nhà trọ của anh ở Manchester. Bức điện tín viết: "All flights cancelled, flying tomorrow. Duncan." (Tất cả các chuyến bay bị hủy, mai mới bay được. Duncan.) Không ai ngờ được rằng, khi dòng tin nhắn này đến tay người nhận thì Duncan đã nằm trong bệnh viện và ra đi sau đó 15 ngày.

Sau cuộc trao đổi giữa phi công James Thain và kỹ sư Bill Black, bất chấp Bill Black khuyên nên để máy bay qua đêm để kiểm tra kỹ càng, Thain vẫn tin rằng máy bay có thể cất cánh và quyết định gọi hành khách trở lại. Con chim sắt Airspeed AS.57 chồm lên, rung lắc, hành khách bắt đầu hoảng sợ.

Và rồi bi kịch ập tới, do không đạt được tốc độ cất cánh cần thiết vì bị đám tuyết đọng ở cuối đường băng làm giảm tốc độ, chiếc máy bay trượt khỏi đường băng, đâm vào hàng rào, băng qua đường, phần cánh bị xé toạc bởi cú va chạm với một ngôi nhà (rất may là bà mẹ và 3 người con đã kịp thời chạy khỏi nhà trước khi nó bốc cháy). Một bầu không khí yên lặng tới rợn tóc gáy tồn tại trong giây lát trước khi bị phá vỡ bởi những tiếng la hét thảm thiết.

Thảm họa Munich đã cướp đi 23 sinh mạng, trong đó có 8 thành viên của thế hệ Những đứa trẻ nhà Busby, cùng 3 nhân viên trong Ban lãnh đạo Quỷ đỏ.

* *

*

GIẤC MƠ CUP CHÂU ÂU ĐÃ CỨU QUỶ ĐỎ

Ngay trong đêm hôm đó, huấn luyện viên đội trẻ Man United, Jimmy Murphy đã bay tới Munich. Ông gặp Matt Busby đầu tiên rồi ghé giường bệnh của Duncan Edwards. Ngay trong thời khắc tang thương đó, những trái tim vẫn hướng về bóng đá. Matt Busby đề nghị Jimmy Murphy tạm thời tiếp quản cương vị huấn luyện viên Man United, còn Duncan thậm chí vẫn hỏi Murphy về giờ diễn ra trận đấu với Birmingham (Duncan qua đời sau 15 ngày nằm viện).

Harry Gregg, Bill Foulkes, Roger Byrne, Eddie Colman, Mark Jones, Duncan Edwards, Kenny Morgans, Bobby Charlton, Tommy Taylor, Dennis Viollet, Albert Scanlon. Đây là những cái tên đã góp mặt trong trận hòa 3-3 với Sao Đỏ Belgrade, 1 ngày trước khi thảm họa Munich xảy ra.

Và sau đây là đội hình Man United chạm trán Sheffield Wednesday - trận đấu đầu tiên của Man United sau thảm họa Munich, diễn ra vào ngày 19-02: Harry Gregg, Bill Foulkes, Ian Greaves, Freddie Goodwin, Ronnie Cope, Stan Crowther, Colin Webster, Ernie Taylor, Alex Dawson, Mark Pearson, Shay Brennan.

Các bạn không cần mất công đối chiếu làm gì. Huấn luyện viên tạm quyền Jimmy Murphy chỉ có thể sử dụng đúng 2 cầu thủ góp mặt ở trận gặp Sao Đỏ Belgrade là Harry Gregg và Bill Foulkes cho trận đấu diễn ra 13 ngày sau thảm họa mà thôi. Matt Busby nằm viện và đã nghĩ đến chuyện từ bỏ bóng đá. Nhiều cầu thủ Man

United khác bị hoảng loạn, cần thời gian hồi phục tâm lý.

Matt Busby đã mất rất nhiều năm phát hiện và đào tạo ra thế hệ giành 2 chức vô địch quốc gia Anh, 2 lần liên tiếp lọt vào bán kết Champions League. Và rồi hơn một nửa thành quả của ông vĩnh viễn ra đi sau một tai nạn hàng không. Đối mặt với bi kịch đó, bất kỳ ai cũng có thể tự cho mình những giây phút nghĩ đến sự buông bỏ.

Tuy nhiên, chính chiến thắng 3-0 trước Sheffield Wednesday vào ngày 19-02-1958 đã cho Matt Busby một sự an ủi. Và tiếng gọi thôi thúc chú phượng hoàng bay lên từ đống tro tàn truyền đến tai Matt Busby khi ông nghĩ tới Cup C1. Vị chiến lược gia tài ba này đã đưa Man United lần đầu tiên trong lịch sử đến với Cup C1. Hơn bất kỳ ai, ông hiểu vinh dự, niềm tự hào, sự thổn thức khi trở thành đội bóng Anh đầu tiên vươn tầm ra Cup châu Âu. Ông muốn một lần được tận hưởng cảm giác đứng trên đỉnh châu Âu. Giấc mơ châu Âu đã vực Busby dậy, cùng Man United đi tiếp.

Là fan bóng đá, chắc hẳn trong các bạn ai cũng từng cảm giác như có một luồng điện chạy dọc sống lưng khi nghe nhạc hiệu Champions League vang lên. Cũng không có gì ngạc nhiên cả. Bởi nhạc hiệu của Champions League được dựa trên nguồn cảm hứng từ giai điệu trong *Zadok the Priest*, vốn được sáng tác nhân lễ đăng quang của một vị vua. Vậy nên ở một sự liên kết nhất định, cuộc chiến tại Champions League cũng như đang tìm ra vị vua của bóng đá châu Âu. Bản nhạc hiệu Champions League đến năm 1992 mới ra đời, nhưng từ thời Champions League còn có tên là Cup châu Âu, giá trị của nó, cái khí phách hào hùng của nó đã tồn tại. Nó thôi thúc những vị tướng ra trận bằng tất cả sức lực. Một trong số đó có cả Matt Busby - một người đã chết hụt, đã chán nản nhưng được tiếng gọi châu Âu đánh thức.

Còn chúng ta, những fan bóng đá của thời hiện đại, đã từng trải nghiệm cảm giác tim như muốn ngừng đập khi chứng kiến Man United đánh bại Bayern Munich một cách thần kỳ để hoàn tất cú ăn 3 năm 1999, đã từng òa lên trong hạnh phúc với thời khắc Edwin van der Sar cản phá thành công cú đá luân lưu của Nicolas Anelka, mang về ngai vàng Champions League cho Quỷ đỏ trong đêm Moscow 2008. Đó là những thời khắc vĩnh viễn không thể quên trong lịch sử Champions League nói chung và Quỷ đỏ nói riêng.

Nhưng mọi vinh quang đều sẽ trở nên kém giá trị khi một đội bóng thi đấu mà không có bản sắc. Cũng may, Man United có điều

đó. Và bản sắc của Quỷ đỏ - điều tạo nên giá trị vĩnh cửu cho thương hiệu Manchester Untied - chính do Sir Matt Busby tạo nên, mà nền móng của nó chính là ngai vàng Cup C1 1967-68, tròn 10 năm sau thảm họa Munich. Quyết định giã từ bóng đá của Matt Busby được đưa ra ở ngay mùa bóng kế tiếp sau khi Man United lần đầu tiên trong lịch sử vô địch Cup C1.

* *

*

NHỮNG NGHĨA CỬ CAO ĐẸP SAU THẢM HỌA

Lại nói tới Champions League. Giá trị vinh quang, tự hào mà chức vô địch C1/Champions League mang lại hẳn phải được các đội bóng cảm nhận một cách đặc biệt đến nhường nào thì Real Madrid - nhà vô địch C1 năm 1958 - mới bất ngờ đề nghị tặng chiếc Cup Bạc họ giành được năm đó cho Man United. Real muốn dùng vinh quang lớn lao nhất mà một đội bóng có thể giành được để xoa dịu mất mát của Quỷ đỏ.

Tuy nhiên, hành động của Man United sau đó lại càng tôn lên giá trị vĩ đại của C1: Họ từ chối. Quỷ đỏ thật sự đã từ chối hảo ý của Real. Vinh quang phải tự tay giành được bằng mồ hôi và nước mắt thì mới thật sự là vinh quang. C1 quá vĩ đại. Nó khiến cho cảm giác đón nhận nó mà chẳng đổ giọt mồ hôi nào trở nên lố bịch. Và Man United đã từ chối như một lý lẽ tất yếu. Đó là hành động vừa thể hiện tầm vóc của một đội bóng, vừa khiến chúng ta phần nào cảm nhận được giá trị vinh quang của C1/Champions League trong mắt những kẻ chinh phục.

Tuy nhiên, những nghĩa cử cao đẹp của Real chưa dừng lại ở đó. Los Blancos đã ngỏ lời tặng những cầu thủ sống sót sau tai nạn một chuyến du lịch tới Tây Ban Nha để giảm bớt nỗi ám ảnh. Họ cũng tổ chức một trận giao hữu, tung ra sân đội hình mạnh nhất để thu hút người hâm mộ, qua đó quyên góp cho Quỷ đỏ một số tiền trong giai đoạn M.U khủng hoảng tài chính nghiêm trọng.

Real thậm chí đã tạo điều kiện để Man United mua Ferenc Puskas và mượn Di Stefano một mùa bóng. Đáng tiếc, do những đạo luật rắc rối của Liên đoàn bóng đá Anh vào thời điểm đó đối với cầu thủ ngoại, Puskas đã không thể gia nhập Man United. Ngay cả việc mượn Di Sefano cũng không thành do Man United không đủ khả năng trả lương cho cầu thủ này.

Những sự giúp đỡ của Real Madrid, Liverpool và nhiều đội bóng

khác sau thảm họa Munich chính là vẻ đẹp của bóng đá. Nó tôn lên những giá trị nhân văn đằng sau những trận chiến khốc liệt trên sân cỏ. Sau này, bóng đá cũng từng được người Pháp sử dụng để xua đi nỗi đau của vụ khủng bố tại Paris và tuyên chiến với khủng bố. Bóng đá là một môn thể thao vĩ đại và Champions League chính là một trong những mảnh ghép quan trọng nhất tạo nên sự vĩ đại đó.

Heysel sụp đổ

Dũng Phan

Câu chuyện hôm nay là một câu chuyện bi kịch, về một triều đại thống trị mang tên bóng đá Anh đã sụp đổ vì một thảm họa.

Bóng đá, như đã nói, chính là ánh xạ của cuộc đời. Nước Anh cuối những năm 1970 lâm vào cuộc suy thoái nghiêm trọng về kinh tế. Khi kinh tế bị ảnh hưởng thì tâm lý của người dân sẽ nằm ở hai điểm: bùng nổ và tìm sự giải thoát. Cùng thời điểm ấy, bóng đá Anh cuối những năm 70 bắt đầu phát triển rực rỡ và trở thành một thế lực trong thập niên 1980. Người dân Anh tràn vào trong không khí lễ hội ấy để phát tiết tinh thần và cả sự bức bối trong cuộc sống. Bóng đá giờ đây còn chứa chấp cả những tâm lý bức bối của các cổ động viên Anh. Vào năm 1979, người đàn bà có biệt danh "Bà đầm thép" Magagret Thatcher đắc cử vị trí Thủ tướng Anh. Đảng Bảo Thủ của bà mở ra chính sách tự do hóa nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng trở lại ở đất nước đã bị rệu rã sau thời kỳ hậu chiến. Tuy nhiên, đúng như biệt danh của mình, Magagret Thatcher cũng là một người rất "chiến". Ngày 02-04-1982, Argentina xâm chiếm Quần đảo Falkland. Điều gì diễn ra ở nước Anh? Thatcher ra lệnh gửi ngay một lực lượng đặc nhiệm của hải quân đến tái chiếm quần đảo. Hai tháng sau, Argentina tuyên bố đầu hàng. Người dân Anh ủng hộ bà cuồng nhiệt. Tinh thần đó cũng mang vào trong bóng đá. Hooligan Anh được sinh ra từ trong cơn bão của cuộc sống này. Họ mang cái tính hiếu chiến vì những gì mà Thatcher đã làm ở đảo Falkland, tình yêu si mê với đội bóng đến độ điên cuồng vì họ mang ra cả sự bức bối của bản thân. Những hội nhóm Hooligan này bên ngoài thì cổ vũ, bên trong thì gây rối, và quan trọng hơn, họ sẵn sàng thượng cẳng chân, hạ cẳng tay, thậm chí là gây sự giết người với nhân danh là vì tình yêu bóng đá. "*Nếu đây là bóng đá, thì hãy để môn thể thao này bị xóa sổ*", nhà sử học David Goldblatt lấy tựa đề như vậy cho chương 14 trong cuốn biên niên sử bóng đá *The Ball Is Round* mà

ông chấp bút, khi chứng kiến những gì xảy ra vào thập niên 80 của thế kỷ trước. Đó là khi những ký ức đẹp của sân cỏ thế giới bị xé toạc bởi chủ nghĩa Hooligan từ Anh quốc lan tràn như một thứ dịch bệnh tồi tệ. Ngôi nhà số 10 phố Downing (London) trở thành đề tài đàm tiếu của dư luận thế giới khi Chính phủ của bà Magraret Thatcher bất lực nhìn bạo lực nghiền nát vẻ đẹp của quả bóng tròn. Từ Bradford đến Luton Town, và đỉnh điểm của "dịch bệnh" Anh quốc nằm ở Heysel (Bỉ). Chính những thảm họa này đã xóa nhòa những ký ức đẹp mà bóng đá xứ sương mù từng ghi dấu ấn tại Cup châu Âu.

Ngày hôm đó, ngày định mệnh trong lịch sử Cup C1/Champions League, trận chung kết thứ 30 của giải đấu đã diễn ra trước đương kim vô địch Liverpool của Kenny Dalglish và nhà vô địch Cup C2 - Juventus của Platini. Trận đấu được tổ chức trên sân vận động Heysel ở thủ đô Brussels, nước Bỉ. Sân vận động Heysel được xây dựng vào năm 1930 với sức chứa khoảng hơn 50.000 chỗ ngồi. Tuy nhiên, chúng chưa bao giờ được bảo dưỡng một cách đúng đắn nhất. Vào ngày tổ chức trận chung kết, sân bóng đã như một bà lão với 55 tuổi thọ công trình.

Trên Heysel, có một khu vực khán đài được gọi là khán đài Z, đấy vốn là nơi được dành cho các cổ động viên trung lập của nước Bỉ, họ được xếp vào giữa để ngăn không cho hai nhóm cổ động viên Juventus và Liverpool ở hai bên tràn vào nhau. Tuy nhiên, đã xuất hiện rất nhiều Juventini tại khán đài Z vào hôm diễn ra trận chung kết ấy. Hóa ra, vì để sở hữu tấm vé nhìn được đội bóng mình yêu thi đấu, những tifosi của Juventus ấy đã mua lại các tấm vé của cổ động viên Bỉ. Điều gì đến cũng đã đến, 90 phút trước trận đấu. Những Hooligan "khét tiếng" của nước Anh bắt đầu manh động. Họ đập phá hàng rào ở khán đài Z, họ tràn qua khu vực khán đài trung lập nhưng có rất nhiều Juventini ấy để tấn công. Một cảnh tượng hỗn loạn xảy ra, khi một bức tường của khán đài Z không chịu nổi sức nặng đã sụp đổ, đè lên rất nhiều cổ động viên Juventus. Phía bên cạnh, là những cổ động viên nhân danh tình yêu bóng đá đang cầm gậy gộc, dao găm lao vào nhau. Hậu quả, 39 người chết, 600 người bị thương, và khắc ghi vào đó một trang sử đen tối không phai mờ. Antonio Conti, một cổ động viên của Juventus đưa cô con gái Giusy tới Heysel để cổ vũ cho đội bóng yêu thích của mình. *"Lúc đó là 19 giờ 25"*, Conti kể lại. "*Tôi tỉnh dậy và thấy mình đang nằm giữa những xác chết. Tôi tìm con gái cho đến khi thấy một chiếc giày dưới chăn, và tôi hiểu là tôi đã mất nó."*

Hôm đó, Juventus vô địch bằng bàn thắng duy nhất từ chấm đá

phạt đền của Platini. Nhưng đấy là một chức vô địch nhuốm màu buồn. Heysel chính là thời khắc tồi tệ và bi thương nhất trong lịch sử 66 năm của Cup C1/Champions League. Người Turin vẫn luôn khắc ghi câu chuyện này trong tâm trí. Mùa giải 2014-15, nhân kỷ niệm tròn 30 năm thảm họa Heysel, phút 39 trận đấu giữa Juventus và Napoli trong khuôn khổ Serie A, các cổ động viên Juve ở khán đài phía nam sân Juventus Stadium đứng dậy, giơ bảng tên 39 nạn nhân Heysel. Cùng với đó là một biểu ngữ: "*Không ai thực sự chết nếu họ vẫn sống mãi trong trái tim của những người còn sống.*"

Các nhà chức trách vào cuộc để điều tra về thảm họa, một số quan chức hàng đầu, trong đó có những cảnh sát đã bị phạt, 14 cổ động viên Liverpool bị kết tội ngộ sát. UEFA cũng hứng chịu chỉ trích vì chọn một sân vận động cũ kỹ để làm nơi diễn ra trận chung kết, cũng như thiếu các vấn đề tổ chức an ninh. Nhưng nặng nề nhất chính là Liverpool với án cấm thi đấu 5 năm của UEFA. Sự vươn lên của Liverpool như tượng trưng cho vị thế được hồi sinh của Anh quốc, đồng thời truyền cảm hứng đến phần còn lại. Liverpool với Bill Shankly đã viết lại toàn bộ lịch sử bóng đá của Liverpool, di sản của ông để lại chính là nền tảng văn hóa chiến thắng kéo dài suốt hơn 10 năm. Và chỉ có Heysel cùng với án phạt cấm thi đấu suốt 5 năm của UEFA mới đủ sức chặn đứng chu kỳ vàng son này của Lữ Đoàn Đỏ.

Chủ nghĩa Hooligan và bạo lực trên các khán đài suốt những năm 80 đã xóa nhòa những vinh quang đó, khi sử sách hầu như chỉ ghi lại giai đoạn này bằng những ký ức đau thương và mất mát.

TO ENSURE THAT THE CUP FINAL
SPECTATORS ARE KINDLY REQUESTED
TO - REFRAIN FROM BRINGING
BOTTLES OF ANY KIND INTO THE
STADIUM - NOT THROW ANY OBJECTS
- NOT ENCROACH UPON THE INTERIOR
PART OF THE STADIUM UNDER ANY
CIRCUMSTANCES EITHER BEFORE,
DURING OR AFTER THE MATCH

Heysel sau thảm kịch 1985

(Nguồn: LiverpoolEcho)

Còn án phạt cấm thi đấu 5 năm sau đó của UEFA góp phần kéo lùi sân cỏ nước Anh đến gần 10 năm so với các nền bóng đá hùng mạnh khác. Nhưng cũng chính ở ngõ cụt sau Heysel ấy, ánh sáng đã được thắp lên trên quê hương bóng đá khi cuộc cách mạng mang tên Premier League bắt đầu…

Comeback

Hồng Nam

"Khi màn tra tấn kết thúc, chúng tôi ngồi như lũ ngớ ngẩn trong phòng thay đồ sân Ataturk. Các cầu thủ đều không thể nói hay bước đi. Họ đã tàn phá tâm trí chúng tôi. Sự tổn thương lan tỏa từ những phút đầu và dần khoét sâu hàng giờ sau đó. Mất ngủ, tức giận, trầm cảm và trống rỗng. Chúng tôi đã phát minh ra một căn bệnh mới với hàng loạt triệu chứng kể trên: Hội chứng Istanbul." Đó là những dòng hồi tưởng cay đắng và khủng khiếp mà Andrea Pirlo, khi đã có sự nghiệp vinh quang mà một đời cầu thủ phải mơ ước kiếm tìm, nhớ lại khi nói về đêm ác mộng ở sân Ataturk, thủ đô Istanbul của Thổ Nhĩ Kỳ.

Cuộc lội ngược dòng vĩ đại của Liverpool (Nguồn: The42)

Đêm 25-05-2005, AC Milan chạm trán Liverpool trong trận chung kết Champions League. Đội bóng của Carlo Ancelotti dẫn 3-0 sau 45 phút, bước vào phòng thay đồ với tâm trạng khoan khoái. Milan vĩ đại đã ở rất gần danh hiệu C1/Champions League thứ 7. Sau 15 phút nghỉ ngơi, Pirlo và đồng đội trở lại sân bóng mà không biết mình chuẩn bị trở thành chứng nhân của lịch sử.

Nhưng đó là trang sử của một trong những cuộc lội ngược dòng vĩ đại nhất mà nửa đỏ - đen thành Milan sắm vai nạn nhân.

Bóng đá có một thuật ngữ là "underdog", dùng để chỉ các đội chiếu dưới, bị lép vế hoặc thua cuộc trong một trận đấu. Bản chất của bóng đá là tranh đấu, nơi phần lớn các trận diễn ra giữa "kẻ yếu" và "kẻ mạnh". Tuy nhiên, bóng đá không phải cuộc chơi của toán học hay kinh tế học, khi quy luật "mạnh được, yếu thua" hay những minh định lý trí không tồn tại.

Trong bóng đá, một biến cố nhỏ nhất có thể xô đẩy chuỗi domino liên hoàn, đưa diễn biến trận đấu trôi theo chiều hướng hoàn toàn khác. 90 phút trận đấu là tập hợp của những sai số khó đoán định, đánh giá, mà một trong những nét chấm phá khiến môn thể thao này trở nên hấp dẫn nhất chính là lội ngược dòng, nơi các quy luật thông thường bị phá vỡ và phép suy luận logic trở nên tầm thường trước vẻ đẹp của môn thể thao vua. Đó là lý do người đời vẫn nói: tiếng còi mãn cuộc còn chưa vang lên, đừng bao giờ nói trước điều gì.

Solskjaer ghi bàn quyết định cho MU

(Nguồn: Sport1)

Lội ngược dòng là con đường mong manh ngăn cách đỉnh cao và vực sâu. Đội thực hiện được cú ngược dòng tiến thẳng đến đỉnh trời, còn kẻ bị ngược dòng chịu sự đả kích khủng khiếp, ngồi thất thần và gặm nhấm nỗi đau như "những kẻ ngớ ngẩn" mà Pirlo, Andriy Shevchenko hay Ricardo Kaka đã từng ở Ataturk 16 năm về trước.

Cùng là lội ngược dòng, Sir Alex Ferguson và Manchester United sẽ không quên cảm giác sung sướng tột cùng trong đêm Camp Nou huyền diệu. Bàn thắng của Mario Basler giúp Bayern Munich hùng mạnh vượt lên dẫn trước, để rồi bi kịch ập xuống với đội bóng Đức ở phút bù giờ. Lần lượt Teddy Sheringham và Ole Gunnar Solskjaer ghi bàn từ hai quả phạt góc đơn giản của David Beckham, giúp "Quỷ vương" như trở về từ địa ngục.

Ở Champions League, lội ngược dòng còn có thể xoay chuyển lịch sử, bởi thành công hay thất bại tại đấu trường vĩ đại nhất châu Âu đều có ý nghĩa khổng lồ với bất cứ đội bóng nào. Không có màn ngược dòng huyền thoại trước Bayern Munich, Manchester United có đi vào lịch sử và thiết lập kỷ nguyên thống trị nước Anh trong thập niên đầu những năm 2000?

Không có cuộc lật đổ ván cờ chỉ có trong trí tưởng tượng, Liverpool của Rafael Benitez có trở thành vua đấu Cup, duy trì vị thế đội bóng mạnh ở sân chơi châu Âu với lần thứ 5 được khắc tên lên Cup bạc?

Nếu không trải qua một trong những cơn ác mộng kinh hoàng nhất lịch sử tại Riazor trước Deportivo La Coruna, Milan có lẽ không phải chờ thêm 3 năm mới có chiếc Cup Bạc châu Âu thứ 7. Và nếu không kiên cường lật đổ Barcelona ở thế thiếu người trên sân Camp Nou năm 2012, thế hệ vàng Chelsea có thể mơ về danh hiệu Champions League đầu tiên trong sự nghiệp?

Barcelona lật ngược thế cờ trước PSG 2017

(Nguồn: TheIndependent)

Lội ngược dòng không chỉ là gạch nối, mà còn là hố sâu ngăn cách cảm xúc, chạm đến sâu thẳm trái tim và trở thành xúc tác để những người đàn ông cứng rắn nhất cũng phải bật khóc, nhưng đó là những giọt nước mắt khác nhau. Tuyến lệ của kẻ thất bại tiết ra dòng nước mặn chát, còn kẻ chiến thắng chỉ nếm hương vị ngọt ngào.

Đứng trên bến bờ ngược dòng, nơi những dự đoán, phân tích trở nên vô nghĩa và tầm thường trước sức mạnh kỳ diệu của bóng đá, cảm xúc sẽ bị đẩy lên cao nhất, hoặc hạnh phúc, hoặc cay đắng tận cùng. Đó là vẻ đẹp của môn thể thao vua nói chung và Champions League nói riêng.

"Lội ngược dòng" là một trong những dư âm đẹp nhất, biến sân chơi châu Âu trở thành bất tử. Không có những trận đấu đẩy nhịp tim của người hâm mộ vượt khỏi quy luật vận hành của tự nhiên, Champions League sẽ chỉ như món ăn trông đẹp mắt, nhưng lại thiếu dinh dưỡng và gia vị.

* *

*

ĐÊM THIÊN ĐƯỜNG Ở CAMP NOU

3 phút bù giờ hiệp 2 ở trận chung kết Champions League 1998-99 là thước phim ngưng đọng sống động và rực rỡ nhất, lý giải vì sao Manchester United là một trong những đội bóng vĩ đại nhất thế giới. "Quỷ đỏ" xứng đáng đi vào lịch sử khi thoát khỏi nanh vuốt "bầy hùm" Bayern Munich, dù bị dẫn trước trong phần lớn thời gian trận đấu và chỉ còn cách khoảnh khắc phải chứng kiến đối thủ nâng cao danh hiệu đúng 180 giây.

"*Những bàn thắng ở phút cuối đã tóm gọn lịch sử của tôi ở Manchester United*", Sir Alex Ferguson nói trong một bài phỏng vấn năm 2014. "*Tôi si mê chúng và có thể nói về chúng mọi lúc, mọi nơi.*" Kỷ nguyên huy hoàng của chiến lược gia người Scotland ở Old Trafford gắn liền với những danh hiệu lớn, được định đoạt bởi những màn lội ngược dòng kinh điển hay bàn thắng ở những phút cuối cùng, trong thời khắc Ferguson thường nhìn vào đồng hồ để báo hiệu "Fergie's Time" đã tới. Trong buổi tối quan trọng nhất sự nghiệp Ferguson ở Camp Nou năm 1999, Manchester United làm được cả hai điều này.

Không điều gì thôi thúc và khiến Ferguson khao khát hơn Champions League, với tiền thân là Cup C1 châu Âu. Từ khi dẫn dắt Aberdeen đến khi ngồi ghế nóng ở Manchester United, huấn luyện viên người Scotland đều bị ám ảnh bởi chiếc Cup "tai to". Khao khát sở hữu Champions League được nung nấu từ khi Ferguson là chàng trai 19 tuổi chen chúc vào sân Hampden Park để chứng kiến Real Madrid đè bẹp Eintracht Frankfurt 7-3 trong trận chung kết năm 1960. Vô địch châu Âu mang lại thứ hứng cảm say đắm và thanh danh cho CLB, mà 13 danh hiệu Premier League, trên khía cạnh này, không thể sánh bằng.

Chiến lược gia Scotland đã xây dựng cho Manchester United sức mạnh và sự thiện chiến để chinh phục đến cùng giấc mơ ông nuôi nấng khi còn trẻ. Những năm đầu thập niên 1990, các đội bóng Anh chưa có vị thế ở Cup C1 châu Âu như bây giờ. Manchester United thua tan nát ở mùa giải 1993-94 và 1994-95, bị loại ở bán kết mùa 1996-97 và tiếp tục dừng bước ở tứ kết một năm sau đó. "*Chúng tôi cứ như thể phải học lại bóng đá một lần nữa vậy*", David Beckham ngao ngán khi nói về trải nghiệm ở đấu trường vĩ đại.

Tuy nhiên, Ferguson đã nhìn thấy ánh sáng hy vọng ở mùa giải 1998-99, thời khắc Manchester United nhìn thấy cơ hội cạnh tranh bình đẳng danh hiệu. Ngoại trừ trận ra quân khó nhọc trước Barcelona của Louis van Gaal, nơi "Quỷ đỏ" có tỷ số hòa 3-3 tại Old

Trafford và Ferguson hoài nghi liệu đội bóng của ông có đủ mạnh để chiến thắng hay không, Manchester United đã thực sự trưởng thành.

Trận chung kết năm 1999 là lần đầu tiên sau 8 năm không xuất hiện một đại diện Italia góp mặt. Trên đường đến trận đấu cuối cùng tại Camp Nou, thầy trò Ferguson đã loại bỏ hai đội bóng của Italia là Inter Milan và Juventus. Trước đó, "Quỷ đỏ" vượt qua bảng tử thần, nơi có sự hiện diện của Barcelona và Bayern.

Những thất bại hun đúc cho thế hệ 1992 của nửa đỏ thành Manchester một tinh thần thép. Đây là yếu tố bản lề để Manchester United làm nên một trong những cuộc lội ngược dòng được khắc ghi mãi mãi vào biên niên sử bóng đá châu Âu.

Manchester United đã gặp vấn đề rất lớn trước trận chung kết với Bayern, đó là thời gian trôi đi… quá chậm. Trận đấu bắt đầu lúc 8 giờ 45 phút (giờ địa phương), và các cầu thủ phải tìm cách giết thời gian, kiểm soát nỗi lo đang tăng lên theo cấp số nhân. Jaap Stam mở cuốn sách của John Grisham, trước khi nhận ra anh không thể tập trung vào các con chữ.

Ở cùng phòng với Stam, Ole Gunnar Solskjaer thậm chí còn không ngủ được. Tiền đạo người Na Uy xem phim, nhưng cũng không thể tập trung. Solskjaer gọi điện về Na Uy để hỏi người bạn thân nhất của anh sẽ xem trận chung kết ở đâu. "*Tôi có cảm giác điều gì lớn lao sắp xảy đến với mình. Thật khó diễn tả, nhưng tôi có linh cảm mình sẽ làm được điều gì đó trong buổi tối tại Camp Nou*", Solskjaer nói.

Stam không có linh cảm như Solskjaer. Không có điềm báo nào xuất hiện trong đầu trung vệ này, ngoài sự lo lắng cùng cực khiến anh là người đầu tiên bước tới sảnh khách sạn để chuẩn bị đến sân. Stam không còn giữ được bình tĩnh. Nicky Butt và Ryan Giggs, hai "cây hài" của đội, gần như không nói được lời nào. "*Ngay cả huấn luyện viên Ferguson cũng rất căng thẳng. Cuộc so tài này không đơn thuần là một trận đấu. Mọi cầu thủ trên xe đều hiểu đây là trận đấu lớn nhất chúng tôi sẽ có trong sự nghiệp*", Roy Keane nhớ lại.

Phòng thay đồ của Manchester United căng thẳng tột đột, khi mọi cầu thủ đều thinh lặng và tập trung. Huấn luyện viên Ferguson trấn an cầu thủ rằng họ không cần lo lắng, Bayern còn không mạnh bằng Arsenal - đối thủ "Quỷ đỏ" đã vượt qua ở cả FA Cup và Premier League. Ferguson không quên nhấn mạnh: Bayern lên kế

hoạch ghi bàn sớm để định đoạt trận đấu, trong khi Manchester United thường thủng lưới rất sớm. Họ nhận bàn thua ở phút 11 trước Bayern ở vòng bảng, phút thứ 6 trước Juventus ở bán kết và chỉ sau 49 giây trước Barcelona cũng tại vòng bảng.

Lời cảnh báo của Ferguson không thừa, nhưng các cầu thủ đã không chịu tiếp thu. Trong trận chung kết tại Camp Nou, đại diện nước Anh lại để thua sớm. Beckham mất bóng ở tuyến giữa, Bayern phản công. Carsten Jancker bị Ronny Johnsen đốn ngã ngay sát mép vòng 16m50 và đội bóng Đức được hưởng quả đá phạt. Ở chấm đá chếch về phía trái theo hướng tấn công của Bayern, Mario Basler vung chân sút phạt hiểm hóc vào góc thấp, khiến Peter Schmeichel chỉ biết đứng nhìn bóng bay vào lưới. Thủ môn người Đan Mạch phàn nàn rằng tầm nhìn của anh đã bị đồng đội che chắn, nhưng không thay đổi được gì.

Manchester United bị đẩy vào thế khó từ rất sớm. Đội bóng của Ferguson không lạ lẫm gì điều này, nhưng thủng lưới sớm ở trận đấu quan trọng và phải chơi phần lớn thời gian trong thế phải tìm kiếm bàn gỡ hòa là trải nghiệm mới mẻ với Beckham cùng đồng đội. Thách thức cho "Quỷ đỏ" không chỉ đến từ bàn thắng sớm của Basler, mà Manchester United đã hoàn toàn kiệt quệ ở thời điểm đá chung kết. Trận đấu với Bayern ở Camp Nou là trận thứ 63 của Manchester United ở mùa giải 1998-99. Huấn luyện viên Ferguson cũng không có Keane - thủ lĩnh tinh thần ở tuyến giữa, người khơi mào cuộc lội ngược dòng kinh điển trước Juventus ở bán kết trước đó.

"*Chúng tôi đã ức chế. Các cầu thủ chưa từng đá chung kết*", Giggs nhớ lại. Cầu thủ Xứ Wales không phải người duy nhất cảm nhận được nỗi sợ. Jesper Blomqvist còn cảm thấy đôi chân mình "như hóa thạch". Ngoài 90 giây đầu hiệp 2, Manchester United không tạo ra mối đe dọa đáng kể nào lên cầu môn Bayern. "*Tôi không thể nghĩ tới bất cứ điều gì khác, cho đến khi 3 phút bù giờ xuất hiện*", Alex Ferguson chia sẻ.

Manchester United không hoàn toàn bị áp đảo. "Quỷ đỏ" cầm bóng, đá phạt góc và sút trúng đích nhiều hơn Bayern, nhưng các pha chạm bóng của tiền đạo áo đỏ đều nặng nề, căng cứng và thiếu chính xác. Nỗi lo lắng bao trùm khiến Manchester United đưa ra quyết định thiếu chính xác, chơi bóng với nhịp độ thấp hơn hẳn thói quen đá nhanh trước đó. Giggs thi đấu nhiệt tình nhưng không hiệu quả, Blomqvist "biến mất" trên sân, còn Dwight Yorke là nỗi thất vọng tràn trề. Không có cách lý giải nào khác.

Thứ duy nhất an ủi một Manchester United đang run lên vì lo lắng và sợ hãi, là các cầu thủ đã chơi tới cùng trước Bayern. "Quỷ đỏ" không để tâm nhiều đến cách đá của Bayern, mà chỉ tập trung vào lối chơi của mình. Trong thời gian nghỉ giữa hiệp, Ferguson yêu cầu Stam giành lại bóng nhanh hơn và Manchester United phải đá nhanh, mạnh hơn nữa.

"*Nếu thua trận, các cậu sẽ cách chiếc Cup vô địch vài bước chân, mà chẳng thể nào chạm đến được. Tôi muốn các cậu nghĩ rằng mình đang ở rất gần chức vô địch rồi. Đây là lần duy nhất các cậu được ở gần nó như thế. Có thể các cậu sẽ ghét suy nghĩ này trong phần còn lại của cuộc đời mình, nhưng hãy chắc chắn rằng chúng ta sẽ không thua. Đừng quay lại phòng thay đồ nếu không cống hiến hết khả năng*", Ferguson nắn gân học trò.

Huấn luyện viên người Scotland nói chuyện riêng với Teddy Sheringham, nói rằng tiền đạo này sẽ vào sân trong 25 phút cuối nếu tỷ số vẫn là 0-1. Điều này khiến Solskjaer cáu giận. "*Tôi đã ghi 17 bàn mùa này, chủ yếu khi vào sân từ ghế dự bị. Vậy mà ông ấy không nói chuyện với tôi ư?*", Solskjaer khẳng định. Sau cùng, cả Sheringham và Solskjaer cùng vào sân. Phần còn lại, như người ta thường nói, chính là lịch sử.

Manchester United tấn công dồn dập trong nửa đầu hiệp 2 mà không thu lại kết quả gì. Huấn luyện viên Ferguson gọi Sheringham ra dặn dò, nhưng tiền đạo này không giữ được kiên nhẫn. Anh muốn vào sân ngay lập tức. Manchester United từ bỏ sơ đồ kim cương 4-4-2 để đá 3-5-2. Thay một cầu thủ phòng ngự như Blomqvist bằng Sheringham, "Quỷ đỏ" chấp nhận nguy cơ mất cân bằng đội hình, bị Bayern phản công liên tục. Gary Neville nói rằng Manchester United không bao giờ đá với đội hình đó, nhưng "20 phút cuối với sự tuyệt vọng thì lại là câu chuyện khác".

Đại diện nước Anh phải mạo hiểm. Họ không còn lựa chọn khác. Họ không muốn đứng gần chiếc Cup, mà không thể nào chạm vào được nó.

Những phút cuối, hàng thủ Manchester United chao đảo liên tục. "*Chúng tôi sống trên bờ vực thẳm, các cầu thủ đều hiểu điều đó. Thời gian và sự kiên nhẫn đang cạn dần*", Andy Cole khẳng định. Trong khi Manchester United đang loay hoay, các cầu thủ Bayern liên tục khiêu khích. "*Khi Basler chuẩn bị đá phạt góc, anh ta tạo dáng rồi vỗ tay. Basler tin rằng anh ta là nhân vật chính, với bàn thắng định đoạt trận đấu này*", Stam viết lại trong tự truyện. Basler là biểu tượng cho sự ngạo mạn của người Đức, với liên tiếp những pha xử

lý theo kiểu "ngôi sao". Sự nhẫn nhịn của Manchester United bị thử thách cực đại.

Bayern có thể ghi 4 bàn trong khoảng thời gian từ phút 73 đến 84 nếu thủ môn Schmeichel không quá xuất sắc. Khi thủ môn Manchester United bị khuất phục, bóng lại dội cột dọc. Định mệnh đã đứng về phía "Quỷ đỏ", nhưng vấn đề của họ vẫn là bàn thắng. Không ghi bàn, Manchester United sẽ thua trận. Sau cùng, Solskjaer được tung vào sân. Tiền đạo người Na Uy buộc Oliver Kahn phải bay người cứu thua chỉ sau 22 giây hiện diện trên sân. Khoảng thời gian trước đó, thủ môn người Đức không phải hoạt động quá nhiều.

Càng về cuối trận, Bayern càng tin vào chiến thắng. "*Basler và Lothar Matthaus rời sân cứ như thể họ vừa lên lĩnh giải Oscar. Nhìn những kẻ đang tự tung hô mình là người chiến thắng, tôi càng có thêm năng lượng dù đôi chân đã bị chuột rút. Tôi muốn thắng Bayern hơn bất cứ đối thủ nào mình từng đối mặt*", Stam nói.

Với Beckham, tiền vệ này thậm chí đã tưởng tượng ra hình ảnh chiếc Cup được phủ lên bởi những dải ruy-băng của Bayern. Giggs, Butt và Neville còn tin rằng trận đấu đã kết thúc. "*Tôi nhìn lên đồng hồ. Thời gian cứ cạn dần vào cuối hiệp. Tôi chỉ nghĩ người Đức lại đánh bại mình một lần nữa*", Neville nhớ lại.

Nhưng "nghĩ mình đã thua" và "bỏ cuộc" là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Phút 90, Markus Babbel bị Solskjaer gây sức ép, khiến bóng rời sân, cầu thủ Bayern trôi ra biên. Neville bước đến, thực hiện một quả ném biên rất dài cho Beckham. Tiền vệ người Anh đánh bại Scholl và chuyền lại cho Neville. Bằng một pha nước rút, Neville đưa bóng vào tầm thấp, khiến bóng đập trúng người cầu thủ Bayern đi hết đường biên ngang.

Phút 90+1, Manchester United được hưởng quả phạt góc. Khi Beckham bước lên chấm đá, thủ môn Schmeichel cũng băng qua nửa sân để giúp "Quỷ đỏ" tăng quân số trong vòng cấm Bayern. Lần cuối cùng Schmeichel làm được điều tương tự là trận gặp Arsenal 14 tháng trước đó. Chỉ đến khi Sheringham nhìn thấy Schmeichel, anh mới nhận ra rằng thời gian còn lại rất ít. Khi Beckham nhìn Schmeichel lao về phía trước, tiền vệ này quyết định hướng cú đá về phía thủ môn của Manchester United. Ít nhất, đây sẽ là lựa chọn gây nguy hiểm tối đa cho Bayern.

Quả phạt góc của Beckham lướt qua đầu Linke, người đang chịu sức ép từ Schmeichel, và chạm đến Yorke ở phía xa cột dọc. Yorke

hướng bóng trở lại trung tâm, nhưng cầu thủ dự bị Fink đã cắt bóng thành công. Giggs đợi sẵn ở rìa vòng cấm, tung cú sút bằng chân không thuận. Cú đá có lực không tốt, nhưng lại đi hiểm hóc để vượt qua Linke và thẳng đến Sheringham. Bằng một nhịp chạm bóng bản năng, Sheringham dứt điểm khiến Bayern chết lặng.

Bản năng đầu tiên của Sheringham là nhìn về trọng tài biên xem có bị thổi việt vị không. Chẳng có lá cờ nào được giương cao, và Bayern sụp đổ. "*Khi tỷ số là 1-1, chúng tôi biết mình sẽ thua*", Babel nhớ lại.

Trong 58 giây từ khi gỡ hòa và bắt đầu lại trận đấu, "Quỷ đỏ" đã trải qua mọi cung bậc cảm xúc. Beckham "cảm thấy muốn khóc"; Butt bắt đầu chạy vòng quanh để cố gắng làm cho khối máu trở lại đôi chân của mình. Thủ môn Schmeichel cũng trở lại cầu môn, cố gắng tập trung và kiềm chế sự hưng phấn. Sheringham nhìn lên, thẩm thấu sự rộng lớn của sân Camp Nou và ngẫm lại về những gì vừa làm.

Sheringham chỉ ghi 5 bàn trong mùa giải 1998-99, thành tích kém ấn tượng nhất trong 20 năm, nhưng chất lượng hơn số lượng. Pha lập công vào lưới Bayern đã giúp Manchester United trở về từ địa ngục.

Sau bàn gỡ 1-1, Manchester United không lùi về phòng ngự, mà tiếp tục tấn công. Khi trận đấu còn 26 giây, Solskjaer mang về thêm một quả phạt góc. Beckham lại là người đá. Lần này không có Schmeichel nên anh tung cú sút chìm vào góc gần. Sheringham, người đã có một pha chạy tự do, nghĩ rằng mình sẽ ghi bàn một lần nữa. Tuy nhiên, Sheringham đã nhảy quá sớm và biết rằng không thể đánh đầu vào khung thành. Trong tích tắc, cầu thủ này thực hiện kế hoạch B: treo người trên không càng lâu càng tốt và chuyển hướng quả bóng về phía cột xa. Solskjaer xuất hiện như từ dưới đất chui lên và ấn định màn lội ngược dòng cho Manchester United bằng cú đá tung nóc lưới Kahn.

"*Thật không thể tin được. Cụm từ đó được sử dụng quá thường xuyên, quá dễ dàng, nhưng tôi vẫn phải nói điều đó thật không thể tin được*", Terry Venables không giấu được sự xúc động. Cũng giống Sheringham, Solskjaer tin rằng anh có thể việt vị, nhưng không có điều gì khác thường xảy ra. Solskjaer đã bắt chước pha trượt đầu gối mà Basler đã ăn mừng trước đó trong trận đấu. Mọi cảm xúc bị dồn nén, giờ đã bung tỏa khi Manchester United có 3 phút bù giờ huy hoàng nhất trong lịch sử.

"*Bóng đá, đó là địa ngục đẫm máu*", Ferguson nhớ lại khi nhắc đến trận đấu này. "*Đó là câu chuyện cổ tích trong ngày sinh nhật của Sir Matt Busby. Tôi sẽ không nói gì với cầu thủ. Tôi chỉ muốn ôm hôn họ thôi. Cầu thủ hiểu rõ cảm xúc của tôi, họ cũng biết tôi nghĩ gì về họ.*"

Chỉ trong 3 phút, Manchester United quật ngã Bayern hùng cường, nhưng cú ăn 3 lịch sử năm 1999 là kết tinh của mồ hôi và nước mắt. "Quỷ đỏ" băng qua 63 trận đấu với tinh thần quyết tâm và nỗ lực cao độ. Bỏ cuộc là từ không xuất hiện trong đầu cầu thủ Manchester United, dù nghịch cảnh đã đẩy họ đến bờ tuyệt vọng. "*Khi còn là đứa trẻ ở Manchester United, tôi được dạy phải tiếp tục chiến đấu, cố gắng và chạy cho đến chết*", Neville khẳng định. Tinh thần quyết tử của Manchester United là yếu tố thôi thúc cuộc lội ngược dòng kỳ vĩ bậc nhất lịch sử, chứ không phải những yếu tố vô hình như định mệnh.

Lịch sử chứng minh Manchester United xứng đáng với thành quả này. 9 năm sau, "Quỷ đỏ" lại bước lên ngôi vương châu Âu một lần nữa. Đó là chiến thắng của lòng quả cảm, chứ chẳng đến từ vận may hay bất cứ tác động ngoại cảnh nào.

* *

*

THẦN KỲ ISTANBUL

6 năm sau đêm thần kỳ ở Camp Nou, bóng đá châu Âu chứng kiến một nhiệm màu nữa. Lần này, câu chuyện cổ tích dịch chuyển 2.930 km, từ Barcelona tới Istanbul, nơi tọa lạc của sân vận động Ataturk.

Trong thể thao, được chơi trận chung kết là đỉnh cao mà mọi đội bóng hướng tới. Tại Champions League, các CLB phải vượt qua tổng cộng 12 trận đấu tại vòng bảng, tứ kết và bán kết để có mặt tại chung kết. Trong 32 đội bóng dự giải, chỉ 2 đội bóng đi đến trận đấu cuối cùng. Nhưng thua trong trận chung kết là một thảm họa. Người ta thường nói không có phần thưởng cho kẻ về nhì, điều thực ra không đúng nhưng tấm Huy chương Bạc không đủ để an ủi đội á quân.

Lịch sử thường không ghi nhớ đội thua ở trận chung kết. Tottenham đã đi vào sử sách nếu đánh bại Liverpool ở chung kết Champions League, song trận thua 0-2 khiến thầy trò Mauricio Pochettino nhanh chóng bị lãng quên khỏi dòng chảy. Cái mác "đương kim á quân" không giúp nhiều cho Tottenham ở mùa giải

kế tiếp. "Gà trống" khủng hoảng và Pochettino bị sa thải.

Tương tự, sẽ không nhiều người nhớ tới AS Monaco, á quân Champions League 2003-04, mà chỉ nhớ tới FC Porto kiêu hùng của Jose Mourinho. Borussia Dortmund của Jurgen Klopp trình diễn lối đá mê hoặc, nhưng tấm Huy chương Bạc ở Champions League mùa 2012-13 nhanh chóng mờ nhạt khi đặt cạnh vinh quang của Bayern, dù hai đội chỉ hơn thua nhau ở pha lắc hông ghi bàn trong những phút cuối của Arjen Robben.

Dù vậy, trận chung kết Champions League ở Istanbul là một ngoại lệ, nơi Liverpool và AC Milan cùng đi vào lịch sử với tư cách nhà vô địch và kẻ thất bại vĩ đại. Đội bóng của Carlo Ancelotti đã dẫn trước Liverpool 3-0, nhưng lại thua chung cuộc sau loạt đá phạt đền nghiệt ngã. "*Chúng tôi đã chơi thứ bóng đá hoàn hảo trong hiệp 1, khi ấy, thật khó tưởng tượng Milan sẽ thủng lưới 3 bàn*", thủ môn Dida nhớ lại. Người gác đền mang quốc tịch Brazil là chứng nhân lịch sử, và là một trong hàng triệu trái tim Milanista tan vỡ sau trận đấu định mệnh ở Ataturk. 16 năm sau, cuộc so tài vẫn được nhớ tới với cái tên "thần kỳ Istanbul".

Milan được đánh giá là ứng viên số một cho danh hiệu vô địch khi trái bóng Champions League 2004-05 còn chưa kịp lăn. Trong tay huấn luyện viên Carlo Ancelotti là đội hình trong mơ, giống món spaghetti được chế biến hoàn hảo bởi những nguyên liệu tốt nhất. 11 cầu thủ Milan ra sân là sự pha trộn giữa các hảo thủ Italia và ngôi sao quốc tế, cộng hưởng giữa khối phòng ngự đậm đặc của xứ mì ống cùng chất ngẫu hứng của các cầu thủ tấn công với thứ bóng đá vị nghệ thuật, vị nhân sinh.

7 trong số 11 cầu thủ thường xuyên đá chính của Milan vô địch Champions League chỉ 2 năm trước đó. Cafu, Dida và Kaka đăng quang World Cup 2002 cùng đội tuyển Brazil. Andriy Shevchenko giành Quả Bóng Vàng năm 2004. Paolo Maldini là huyền thoại vĩ đại, được công nhận là một trong những hậu vệ giỏi nhất mọi thời đại. Andrea Pirlo, Gennaro Gattuso và Alessandro Nesta là những nhân tố sẽ giúp Italia vô địch World Cup một năm sau đó.

"*Milan có đội hình quá chất lượng. Tôi tin rằng Milan sẽ thắng trận đó. Tôi rất tự tin",* Paolo Agostinelli khẳng định với báo chí. Agostinelli không phải cổ động viên Milan duy nhất tin vào điều này. Tầm vóc vĩ đại với 6 lần vô địch Champions League trước đó của Milan là bảo chứng hoàn hảo cho chức vô địch.

Liverpool từng thống trị nước Anh và có 4 lần đăng quang châu

Âu, nhưng vinh quang của thầy trò Rafael Benitez đã trở thành dĩ vãng. Mùa 2004-05, thành tích của Liverpool ở Premier League tệ đến mức Steven Gerrard cùng đồng đội không được dự Champions League mùa tiếp theo. Trên đường đến chung kết, nửa đỏ vùng Merseyside thua 2 trận vòng bảng, xếp sau đương kim á quân AS Monaco. Ở bán kết, Liverpool không vượt trội, mà chỉ vượt qua Chelsea nhờ "bàn thắng ma" của Luis Garcia.

Đó là đội bóng với đầy rẫy điểm yếu, bất ổn và đã ở rất xa đỉnh cao. Khi ấy, Liverpool đang ở cách lần gần nhất vào chung kết Champions League tới 20 năm, còn Milan 4 lần lên ngôi vô địch trong khoảng thời gian này.

Gương mặt lấm tấm mồ hôi của huấn luyện viên Benitez đã sáng lên nụ cười đầy tự tin trong phòng họp báo trước trận chung kết. Trả lời câu hỏi về sự chuẩn bị, ông thầy người Tây Ban Nha nói Liverpool cần "*chơi tốt, trình diễn thứ bóng đá chất lượng và tốt nhất là ghi bàn thắng sớm*". "*Chúng tôi muốn nâng cao danh hiệu. Milan được đánh giá cao hơn, nhưng trong trận đấu, điều gì cũng có thể xảy ra*", Xabi Alonso chia sẻ.

Đại diện nước Anh là một "underdog" - kẻ chiếu dưới đúng nghĩa trong trận chung kết, nơi mọi phân tích lý trí, logic và con số đều chống lại đội bóng này. Nhưng một lần nữa, bóng đá cho thấy vẻ đẹp khi vượt ra khỏi mọi khuôn khổ số liệu và khoa học thống kê. Liverpool đã vượt lên nghịch cảnh khi con sông niềm tin bị hút cạn đến tận mặt đáy và "điều gì cũng có thể xảy ra" mà Alonso đề cập, cuối cùng cũng xảy ra như tia sáng lóe lên cuối đường hầm.

Bàn thắng sớm mà Benitez mong đợi đã xuất hiện ở Ataturk, nhưng không phải dành cho Liverpool. Những giây đầu tiên sau tiếng còi khai cuộc, Milan tràn lên tấn công. Djimi Traore buộc phải phạm lỗi để ngăn cản pha xuống biên phải của Kaka. Milan hưởng quả phạt, và Pirlo có cú thả bóng tinh tế vào trung điểm giữa vạch 16m50 và vạch kẻ sát cầu môn để Maldini dứt điểm thành bàn. Pha phối hợp hoàn hảo của Milan, bóng nằm gọn trong lưới Jerzy Dudek ở giây thứ 50.

"*Chúng tôi đã chơi thứ bóng đá tuyệt vời. Toàn đội tự tin, mọi thứ đều ổn và sau đó Maldini ghi bàn. Đó là dấu hiệu của định mệnh. Maldini không bao giờ ghi bàn cả*", Agostinelli nhớ lại trong cuộc trả lời phỏng vấn CNN. Tiếng gầm gừ của Milan khiến Liverpool run rẩy. Phút 39, Kaka chọc khe cho Shevchenko băng xuống. Tiền đạo Ukraine chuyền như đặt để Hernan Crespo nhân đôi cách biệt cho Milan.

Bầu trời sụp đổ với Liverpool chỉ vài chục giây trước khi hiệp 1 kết thúc. Phút 44, Kaka loại bỏ Gerrard bằng một cú xoay người tinh tế, rồi tung đường chuyền xé toang hàng thủ Liverpool cho Crespo. Chân sút người Brazil dễ dàng đánh bại Dudek lần thứ hai với một cú bấm bóng. Kết thúc hiệp 1, Milan dẫn 3-0.

Khi được hỏi liệu Liverpool có gây nhiều khó khăn cho Milan trong hiệp 1, thủ môn Dida bật cười: "*Thành thật mà nói thì không đâu. Chúng tôi đã cực kỳ tập trung.*" Lịch sử Champions League chưa từng ghi nhận đội bóng nào ngược dòng thành công khi thua trước 3 bàn. So với Manchester United năm 1999, nhiệm vụ của Liverpool khó khăn gấp bội. Trước mặt họ là cách biệt 3 bàn, cùng một Milan đang sôi sục khí thế để nuốt chửng cầu trường Ataturk.

"*Tôi thấy trống rỗng, thứ cảm giác chưa từng trải qua trước đây. Tôi bước vào giờ nghỉ giữa hiệp. Liverpool phải rất cố gắng để tới được sân đấu này, đánh bại rất nhiều đội bóng mạnh và giờ vứt bỏ hết mọi thứ chỉ trong hiệp 1. Tất cả chúng tôi đều trống rỗng. Tôi không nghĩ tới những gì huấn luyện viên có thể làm hay nên làm. Tôi chỉ bước đi với sự héo mòn*", Didi Hamann khẳng định.

"*Tôi đã chuẩn bị những lời phải nói với cầu thủ sau hiệp 1, nếu tỷ số là 2-0. Vốn tiếng Anh của tôi không tốt. Bây giờ vẫn không tốt, nên hãy tưởng tượng 15 năm trước còn kém thế nào. Sau đó, Liverpool thua thêm bàn thứ ba. Thông điệp phải nói với cầu thủ vẫn giữ nguyên. Tôi phải mang lại cho họ sự tự tin và giúp họ tin tưởng*", Rafael Benitez nhớ lại khoảnh khắc căn não trong phòng thay đồ.

Khi các cầu thủ trở lại sân để bắt đầu hiệp 2, thật khó để phân biệt đội nào đang thua. Trên khán đài Ataturk, cổ động viên Liverpool đứng dậy hát vang và giơ cao khăn quàng cổ đầy thách thức. Tiếng hát từ bài thánh ca *You will never walk alone* phủ khắp sân vận động.

"*Khi bạn thua 0-3 và nhìn sang đối diện, Milan có Seedorf, Kaka, Shevchenko, Crespo. Ở mọi vị trí, Milan đều sở hữu những cầu thủ giỏi nhất thế giới. Chúng tôi là đội chiếu dưới, không giỏi bằng Milan, nhưng chúng tôi nhận được những tiếng cổ vũ. Khán giả vẫn tiếp lửa cho chúng tôi, khi hiểu rằng mọi chuyện chưa kết thúc*", thủ quân Gerrard khẳng định.

"*Điều đó đã mang lại cho chúng tôi một chút sức mạnh*", Sami Hyypia khẳng định. Mạnh mẽ và trực diện hơn, Benitez yêu cầu học trò "phải mang đến cho người hâm mộ điều gì đó để cổ vũ".

Liverpool đang rơi vào khó khăn và cổ động viên không để cầu thủ bước đi một mình. Do đó, cầu thủ phải đáp lại, không để tiếng hát của cổ động viên Liverpool trở thành bản nhạc đơn độc trong biển hò reo của những người ủng hộ Milan.

Với tinh thần ấy, Liverpool đã chơi hiệp 2 hoàn toàn khác. Nhưng khác đến mức hai hiệp đấu gần như không liên quan đến nhau như trận chung kết ở Istanbul thì bóng đá thế giới hiếm khi được chứng kiến, dù môn thể thao này đã có đầy rẫy thứ điên rồ vượt ra khỏi những khuôn khổ sáo rỗng nhất.

Sau giờ nghỉ, Liverpool đá như thế trận đang là 0-0. Không có chút do dự, hoang mang hay sợ hãi nào xuất hiện trên đôi chân của "Lữ đoàn đỏ". Liverpool tấn công dồn dập, ép mạnh vào hai hành lang cánh tương tự cách Milan tiếp cận hiệp 1. Phút 54, John Arne Riise thực hiện quả tạt hoàn hảo để Gerrard bật cao đánh đầu tung lưới Dida.

"*Một chút hy vọng, một chút niềm tin, các cổ động viên như 'phát điên'. Trên khuôn mặt của các đồng đội, tôi nhìn thấy niềm tin đã sáng bừng trở lại*", Gerrard nói về khoảnh khắc ghi bàn rút ngắn tỷ số. 2 phút sau, Vladimir Smicer, cầu thủ duy nhất được Benitez đưa vào sân trong hiệp 1 để thế chỗ Harry Kewell, lên tiếng với cú sút xa chéo góc, hạ gục Dida lần thứ hai.

15 phút sau khi hiệp 2 trở lại và 6 phút sau bàn gỡ của Gerrard, trận đấu đã trở lại vạch xuất phát. Phút 60, Dida xuất sắc cản được quả phạt đền của Alonso, nhưng không thể làm gì trước cú đá bồi của tiền vệ người Tây Ban Nha.

Cảm xúc của cổ động viên thay đổi chóng mặt chỉ sau 15 phút. Từ chỗ tự tin và hồ hởi khi chứng kiến đội nhà dẫn 3-0 sau hiệp 1, các Milanista rơi vào trạng thái lo lắng. Cục diện trận đấu đảo chiều ở mức không thể tính toán nổi. "*Tôi bị sốc theo đúng nghĩa đen. Tôi không thể đứng vững được nữa. Suy nghĩ đầu tiên của tôi là đến sân bay và về nhà càng sớm càng tốt*", một cổ động viên Milan nhớ lại.

Dida chưa đánh mất niềm tin. Theo thủ môn người Brazil, Milan có nhiều tiền đạo giỏi và có thể kết liễu trận đấu trong nửa giờ còn lại. Nhưng điều đó không xảy ra. Đội bóng áo đỏ - đen bị Liverpool giằng co từng mét vuông cỏ và kéo trận đấu vào loạt đá luân lưu may rủi. Để rồi, Shevchenko, Pirlo và Serginho trở thành tội đồ với những cú đá hỏng ăn.

Gương mặt trĩu nặng lo âu của Shevchenko trước loạt đá thứ 5 đã

báo hiệu điều không lành với Milan. Anh đánh lừa được Dudek với cú sút vào chính giữa cầu môn, nhưng thủ môn người Ba Lan vẫn kịp giơ cánh tay cản lại pha dứt điểm, cản lại hy vọng nâng cao danh hiệu danh giá nhất châu Âu lần thứ 7 của Milan.

Liverpool như trở về từ "cửa tử" và tiến một mạch lên vườn địa đàng, còn với Milan, 120 phút ở Ataturk là cơn ác mộng kinh hoàng. "Lời nguyền Istanbul", "Bi kịch" là những nghiệt từ được sử dụng khi nhắc đến những cái cúi đầu của người Milan, trong trận đấu Kaka, Pirlo hay Shevchenko vứt bỏ chức vô địch dù đã chạm một tay lên lớp bạc tráng lệ của chiếc Cup "tai to".

"*Tôi không còn cảm thấy mình giống một cầu thủ, thứ đó tàn phá mọi ngóc ngách. Nhưng còn tệ hơn, tôi không còn cảm thấy mình giống một con người. Trong khoảnh khắc, bóng đá trở thành thứ vô nghĩa nhất, có lẽ bởi nó từng là thứ quan trọng nhất. Một mâu thuẫn thật đau đớn*", Pirlo nhớ lại. Trận thua ở Istanbul mãi là vết dằm trong tim đội hình huyền thoại của Milan, dù 2 năm sau đó, đội bóng áo đỏ - đen phục thù Liverpool thành công với chiến thắng ở chung kết Champions League tại Athens. Milan từng ở rất gần đỉnh cao, nhưng 30 chưa phải là tết. Ngược lại, hào khí tại Istanbul là minh chứng cho "tinh thần Liverpool" - thứ khí chất bung tỏa dữ dội mỗi khi đội bóng áo đỏ rơi vào nghịch cảnh. Tuy chiến thắng ở Ataturk không khởi đầu cho triều đại thống trị của Liverpool ở Champions League bởi đội bóng áo đỏ vẫn thiếu sự ổn định đường dài, trận đấu này vẫn là trang sử chói lọi được đội bóng thành phố cảng nhớ mãi.

Hình ảnh Gerrard nâng cao chiếc Cup trong những hạt kim tuyến lấp lánh sắc đỏ là một trong những khoảnh khắc vĩ đại nhất Champions League, nơi ý chí và khát vọng của con người có thể kết tinh thành sức mạnh thổi bay mọi vật cản.

* *

*

"LA REMONTADA"

Dẫu bóng đá luôn tồn tại bất ngờ và rất nhiều cuộc lội ngược dòng từng xảy ra trong lịch sử, Champions League (hay tiền thân là Cup C1 châu Âu) cũng có những thách thức rất khó vượt qua. Trong hơn nửa thế kỷ tồn tại, giải đấu này chưa từng chứng kiến đội bóng nào thua với tỷ số 0-4 ở lượt đi, mà có thể đi tiếp với chiến thắng chung cuộc.

Năm 2012, Arsenal của Arsene Wenger từng ở rất gần điều này. "Pháo thủ" thảm bại 0-4 trước AC Milan ở trận lượt đi, nhưng bất ngờ chơi tốt ở lượt về để dẫn 3-0. Thêm một bàn thắng nữa, Arsenal sẽ đẩy trận đấu vào hiệp phụ, tuy nhiên, Milan của Massimiliano Allegri đã siết chặt đội hình và không để bất cứ sai lầm nào lặp lại.

Hay cuộc lội ngược dòng vĩ đại của Deportivo La Coruna trước AC Milan năm 2004 được tôn sùng như một chất men cảm tử, để mỗi khi bị đẩy vào thế thua đậm ở lượt đi, các đội bóng luôn sử dụng cụm từ "tinh thần Deportivo" để thôi thúc bản thân tin vào những điều diệu kỳ nhất của bóng đá. Dẫu vậy, "Super Depor" chỉ lật ngược thế cờ khi có 1 bàn sân khách làm vốn tại San Siro trong trận lượt đi. Thua 1-4 ít ra vẫn "dễ chịu" đôi chút so với thua 0-4. Nhận thất bại lấm lưng trắng bụng 4 bàn, các đội bóng không có cửa đảo chiều cục diện.

Vậy nhưng, một đội bóng đã làm được điều này: thảm bại 0-4 ở lượt đi, nhưng vẫn có mặt ở vòng sau nhờ chiến thắng 6-1 lượt về. Khoảnh khắc vĩ đại được dành cho một trong những đội bóng vĩ đại nhất thế giới: Barcelona.

Màn ngược dòng kỳ vĩ của Barca diễn ra 4 năm trước, bắt đầu từ ngày lễ Tình nhân ác mộng mà thầy trò huấn luyện viên Luis Enrique phải đón nhận trên sân Parc des Princes. Mùa giải 2016-17, Barca đọ tài với Paris Saint-Germain, đội bóng khi ấy đang trỗi dậy ở đấu trường châu Âu dưới sự dẫn dắt của huấn luyện viên Unai Emery, chiến lược gia giúp Sevilla có 3 năm liên tiếp vô địch Europa League.

Thành tích đối đầu ủng hộ Barca tuyệt đối. Ngoài việc thắng áp đảo đối thủ ở những lần gặp gỡ trong quá khứ, Barca thời điểm 2017 vẫn còn nguyên bộ ba nguyên tử khuynh đảo thế giới: Lionel Messi, Luis Suarez và Neymar (M-S-N). Tuy nhiên, trận đấu tối 14-2 trở thành sân đấu của riêng PSG.

Đội bóng nước Pháp trình diễn lối đá hiện đại, đặc trưng của kỷ nguyên mới: pressing mạnh, tranh chấp hiệu quả, tấn công trực diện và phản công thần tốc. Tuyến giữa Barca bị bóp nghẹt trước sự cơ động của PSG. Sergio Busquets, Andres Iniesta và Andre Gomes chậm chạp, thiếu sức sống khi đặt cạnh sự sung mãn và cơ động của Marco Verratti, Blaise Matuidi hay Marquinhos. Trên hàng công, Messi, Neymar và Suarez bị cô lập hoàn toàn.

Cú đúp của Angel di Maria, cộng với bàn thắng của Edinson

Cavani và Julian Draxler như thể đặt dấu chấm hết cho Barca. Đội bóng của Enrique rời nước Pháp với cái đầu cúi thấp. Trong lịch sử, chưa từng có đội nào thua với tỷ số này có thể ngược dòng thành công ở lượt về. PSG thời điểm ấy cũng mạnh toàn diện, sở hữu siêu sao ở mọi chiến tuyến. Đánh bại đội bóng này với tỷ số 4-0, hoặc 6-1 là chuyện không tưởng với Barca.

Các cầu thủ PSG đã nghĩ tới vòng tứ kết, và trong một đoạn clip quảng cáo trôi nổi trên mạng chỉ 1 ngày trước trận đấu, các cầu thủ PSG, trong đó có Verratti, Matuidi và Draxler còn thoải mái cười lớn khi nói về cuộc so tài. Matuidi nhắc lại về trận thua Chelsea ở tứ kết Champions League 2013-14. PSG thắng 3-1 ở trận lượt đi, nhưng chơi run rẩy trước đối thủ trong trận lượt về và bị loại cay đắng với hai bàn thua trắng, trong đó pha lập công ấn định kết quả của Demba Ba được ghi ở phút cuối. "*Chúng ta sợ hãi và không dám tấn công trước Chelsea*", Matuidi nhắc lại.

Tiền vệ người Pháp không muốn nỗi sợ ấy tái hiện khi PSG đến Camp Nou, sân đấu có sức chứa gấp đôi Stamford Bridge của Chelsea. Nhưng với cách biệt 4 bàn, ngay cả khi đá dưới phong độ, PSG cũng rất khó thua. Lịch sử đứng về phía đội bóng thủ đô Paris.

"*Chúng tôi chỉ có 1% hy vọng*", Neymar nói sau thảm bại. Tuy nhiên, Barca không từ bỏ. "*Toàn đội đều hạnh phúc. Không ai lo lắng hay thất vọng. Chúng tôi không biết mình có đi tiếp vào vòng trong không, nhưng chúng tôi tin tưởng vào chiến thắng vì các cầu thủ biết mình sẽ hoàn thành tốt vai trò.*"

Đó là khác biệt cơ bản giữa Barca của Enrique và đội bóng xứ Catalan thời điểm này. Barca của thời điểm 4 năm trước luôn tràn đầy niềm tin vào năng lượng khi bộ ba M-S-N còn ở đỉnh cao phong độ và các cầu thủ chưa trải qua giai đoạn chịu sức ì do đã no nê vinh quang.

Barca bắt đầu chuẩn bị kỹ lưỡng cho một "điều gì đó" ở trận Camp Nou lượt về. Messi cùng các đồng đội đánh bại Sporting Gijon 6-1, đè bẹp Celta Vigo 5 bàn không gỡ. Barca "tập" đánh bại đối thủ với cách biệt 5 bàn, bởi chỉ có kết quả này mới giúp họ đi tiếp vào vòng sau.

Cũng giống tâm lý của Liverpool trong đêm Istanbul huyền thoại, việc đầu tiên Barca cần làm để ngược dòng là quên trận thua 0-4 ấy đi. Barca không nghĩ đến nhiệm vụ phải trút 4 bàn vào lưới PSG, mà chia nhỏ mục tiêu ấy thành từng giai đoạn nhỏ. Trong một khoảng thời gian nhất định của trận đấu, Barca phải ghi được

1 bàn. Ví dụ, đội chủ nhà sẽ cố ghi 1 bàn trong 30 phút đầu, ghi thêm 1 bàn trước khi hiệp 1 khép lại, tương tự với hiệp 2. Khi chia nhỏ số lượng bàn thắng phải ghi (thay vì nghĩ tới cả 4 bàn một lúc) thành các mục tiêu nhỏ, các cầu thủ Barca "nhẹ đầu" và thoải mái hơn nhiều. Đó là thành tố quan trọng của tâm lý học động lực cơ bản.

Tỷ số 0-4 ở lượt đi không còn đẩy Barca vào thế rượt đuổi, mà họ phải nhẫn nại tăng cường sức ép trong từng giai đoạn. Nhiệm vụ khó khăn ấy dành cho Enrique. Ông có lòng tin, nhưng phải truyền "đức tin" ấy cho từng cầu thủ. Khi đã thua tới 4 bàn, bao nhiêu cầu thủ dám nghĩ tới kịch bản lội ngược dòng?

"*Nếu một đội có thể ghi 4 bàn vào lưới chúng tôi, chúng tôi có thể ghi 6 bàn vào lưới họ. Trong 95 phút, mọi điều đều có thể xảy ra*", huấn luyện viên Enrique quả quyết. "Vạc dầu" ở Camp Nou sục sôi sau câu nói của chiến lược gia người Tây Ban Nha. Khi vị tướng dám nói về những điều không thể, đội bóng của ông và các cổ động viên bắt đầu tin vào điều đó.

Bên kia chiến tuyến, Cavani tuyên bố sẵn sàng cho trận chiến. Chỉ cần ghi 1 bàn ở Camp Nou, Cavani sẽ đẩy Barca vào thế phải ghi 6 bàn để bù lấp. Rút kinh nghiệm từ trận thua Chelsea, PSG cũng muốn nhập cuộc chủ động hơn, thay vì chơi bóng kiểu cam chịu. Tuy nhiên, chiến thắng 4-0 là "cái bẫy" chết người. PSG không thể tập trung tuyệt đối chính bởi lợi thế quá lớn. Trong cuốn tự truyện, Cavani tiết lộ giám đốc của PSG đã thảo luận về việc đặt ra chai rượu vang nào để ăn mừng, ngay trước khi toàn đội rời khách sạn sang trọng Fairmount Rey Juan Carlos I.

Khoảnh khắc cầu thủ PSG đặt chân lên chuyến xe tới Camp Nou, mọi thứ bắt đầu thay đổi. Sự bình tĩnh của PSG bị xé nát trong không gian hỗn loạn, náo nhiệt trên đường tới sân vận động. Hàng nghìn cổ động viên Barca với pháo khói, băng rôn và cờ quạt xếp hàng dài chặn đứng xe bus để buông lời công kích, chế nhạo đội khách. Bầu không khí địa ngục được tạo ra, khiến quãng đường từ khách sạn tới sân bóng như dài đến vô tận. Sự tự tin của PSG bắt đầu sụt giảm. Nhưng PSG không biết, đấy mới là phần dạo đầu của khúc nhạc "tử thần" bị cất lên trên sân bóng huyền thoại Camp Nou.

Trong phòng thay đồ, Enrique muốn cầu thủ làm điều gì đó mới mẻ. Trong bộ comple, ông đi một vòng, hỏi cầu thủ đã từng tham gia vào cuộc "remontada" nào trong đời cầu thủ chưa. "Remontada" là phương ngữ Tây Ban Nha, ám chỉ một cuộc lội

ngược dòng, nơi những kẻ yếu thế vùng lên để giành lấy chiến thắng sau cùng. Phần lớn đội hình Barca trả lời Enrique rằng: "Chưa." Chiến lược gia Tây Ban Nha nói: "*Tốt thôi, chúng ta chuẩn bị ngược dòng ngay bây giờ.*"

Không chỉ cầu thủ Barca, cổ động viên cũng bắt đầu nghĩ về những điều kỳ diệu. Nửa tiếng trước cuộc so tài, sân Camp Nou sôi sục. Khán giả đến kín sân, mang theo niềm tin vào một phép lạ chuẩn bị diễn ra trước mắt. Camp Nou không còn một chỗ trống, bởi không ai muốn bỏ lỡ những giây phút chuẩn bị trở thành lịch sử. "*Chúng tôi cảm nhận rõ Camp Nou đang rung chuyển*", Sergi Roberto nhớ lại. Với Neymar, kết quả trận lượt đi đã trở thành thứ gì lờ mờ, nhàn nhạt trong tiềm thức Barca. "*Tôi tiến lên thách thức đối thủ và chạy nhiều hơn bất cứ trận đấu nào từng chơi trong đời*", tiền đạo người Brazil khẳng định.

Đội chủ nhà dồn lên, vây bắt PSG với một mục tiêu duy nhất: ghi càng nhiều bàn thắng càng tốt. Trước sức ép nghẹt thở của đội bóng xứ Catalan, PSG bắt đầu bối rối. Khuôn mặt Verratti, Matuidi hay Thomas Meunier không còn thoải mái như bữa ăn tối trong video quảng cáo đăng tải trước đó 1 ngày. "*Thật khó để chơi bóng hay chuyền bóng, Barca gây sức ép quá lớn*", Verratti chia sẻ về trận đấu, còn Matuidi nói PSG đã thi đấu với sự sợ hãi và không biết phải tiếp cận trận đấu thế nào.

Tỷ số 4-0 lượt đi khiến đội bóng của Emery không biết nên đôi công tìm bàn thắng hay ưu tiên phòng ngự, dù ông hiểu rõ Barca sau gần 10 năm dẫn dắt Almeria, Valencia và Sevilla đá La Liga. Còn Barca chỉ có một lựa chọn: tấn công. Nếu có lựa chọn thứ hai, đấy sẽ là "tấn công nhiều hơn nữa".

Ngay phút thứ 3, PSG đã lộ rõ sự lúng túng. Từ quả tạt vào của Rafinha, đội trưởng Thiago Silva vụng về đánh đầu thẳng lên trời. Các cầu thủ PSG lưỡng lự trong khâu đón bóng hai, tạo điều kiện cho Suarez khéo léo đánh đầu vượt tầm với của Kevin Trapp, mở tỷ số trận đấu.

Barca đạt được mục tiêu đầu tiên: ghi bàn thắng sớm.

Lúc này, PSG của huấn luyện viên Emery dồn toàn lực phòng ngự. 9 cầu thủ PSG vây quanh vòng cấm để chống chịu sức ép như nồi nước sục sôi của Barca. Đội khách chỉ cắm Cavani ở trên, để chân sút người Uruguay đơn độc giữa khối phòng ngự của đối thủ. Với số đông hậu vệ, PSG kèm chặt Messi, nhưng thực tế là siêu sao người Argentina chỉ đóng vai trò chim mồi. Nhiệm vụ ghi bàn và

gánh vác sứ mệnh lịch sử được giao cho Neymar, tiền đạo mà PSG đã bỏ quên hoàn toàn ở trận này.

Phút 41, Neymar chuyền bóng quyết đoán để mở khoảng không cho Suarez. Sau một nhịp đỡ, tiền đạo người Uruguay xoay người chọc khe bổng cho Andres Iniesta băng xuống. Marquinhos phòng ngự thiếu quyết đoán, để Iniesta vượt qua và dứt điểm điệu nghệ. Trong nỗ lực lùi về bọc lót, hậu vệ Layvin Kurzawa đã phản lưới nhà vụng về. Cả sân Camp Nou gầm lên đầy phấn khích. 2-0 cho Barca. Chủ nhà đã làm được phân nửa nhiệm vụ.

Bước vào phòng thay đồ, huấn luyện viên Enrique tái khẳng định thông điệp phải ghi bàn, nhưng lần này, ông có một câu nói đi vào lịch sử đội bóng: "*Các chàng trai, ngay cả khi chỉ còn 5 phút, các cậu vẫn có thể ghi 3 bàn.*" Enrique không cho phép cầu thủ hoảng sợ hay tuyệt vọng, cũng không được hưng phấn quá mức. Barca phải duy trì sự tập trung, bởi vé tứ kết vẫn còn ở rất xa. Enrique hiểu rõ ở bên kia phòng thay đồ, Emery cũng đang làm điều tương tự với PSG. 15 phút nghỉ giữa hiệp là đủ để PSG lấy lại tinh thần và đổi cách tiếp cận, đó là lý do Barca phải cố gắng nhiều hơn nữa. Tuy nhiên, các cầu thủ đội khách đã tranh luận gay gắt trong đường hầm dẫn vào phòng thay đồ. Ngay cả khi thua đến 2 bàn, PSG vẫn chưa biết phải chơi như thế nào.

5 phút sau khi hiệp 2 bắt đầu, PSG lại thủng lưới. Meunier ngã xuống sau pha đuổi theo truy cản Neymar, nhưng anh lại vô tình cản đường chạy của tiền đạo người Brazil. Trọng tài Deniz Aytekin ban đầu lưỡng lự, song cuối cùng vẫn chỉ tay vào chấm phạt đền sau khi tham khảo trợ lý. Messi bước lên, bóng bay như quả đạn vào "góc chết". 3-0.

Dù vậy, Barca đột ngột xuống dốc. Dường như đây là phản ứng tự nhiên trong trận đấu quá căng thẳng và hao tổn năng lượng. Barca như sợi dây bị căng suốt một giờ đồng hồ, và ở thời điểm đội bóng của Enrique chùng xuống, PSG đã vùng lên. Sau pha dứt điểm nguy hiểm dội cột dọc, Cavani điền tên lên bảng tỷ số. Phút 62, nhận đường đánh đầu trả bóng của Kurzawa, Cavani vẩy má ngoài tung lưới thủ môn Ter Stegen. Hàng thủ Barca không quen với việc chịu áp lực từ đầu trận. Khi PSG vùng lên, Barca lập tức mắc sai lầm. Khoảng lặng đáng sợ mở ra ở sân Camp Nou, khi các cổ động viên thất thần nhìn cầu thủ PSG nhảy múa ăn mừng. Để đi tiếp, Barca phải ghi thêm 3 bàn và không được thủng lưới. Ghi 3 bàn vào lưới một PSG đang phấn khích tột độ?

"*Chúng tôi sẽ không chết! Chúng tôi là Barcelona! Chúng tôi sẽ chiến*

thắng", Ter Stegen hét lên, nhưng không phải ai cũng nghĩ như thủ môn người Đức. Theo Verratti, một số cầu thủ đã nói với anh rằng trận đấu "coi như xong rồi". Neymar nhìn thấy hầu hết đồng đội đều có thái độ chấp nhận buông xuôi.

"*Khi tỷ số là 3-1, không ai có thể nghĩ đến sự thay đổi nào nữa*", Cavani chia sẻ. Barca xuống dốc tột độ sau bàn thua. Thủ môn Ter Stegen sau đó phải nhoài chân hết cỡ để cản phá tình huống đối mặt mười mươi của Cavani. Sau đó 20 phút, đến lượt Di Maria bỏ lỡ cơ hội. PSG cũng có một tình huống được hưởng phạt đền mười mươi khi Javier Mascherano ngáng chân Di Maria, song trọng tài nói không. "*Tôi đã nói với Di Maria rằng đó là một pha phạm lỗi*", Mascherano chia sẻ lại với *AS.* Ai cũng thấy đó là tình huống phạm lỗi, trừ ông Aytekin.

Nhưng PSG không tiếc nuối quá lâu, bởi 3-1 đã là đủ.

Phút 87, Barca tiếp tục đẩy cao đội hình để có thêm càng nhiều bàn thắng càng tốt. Quỹ thời gian đang dần cạn, nhưng Neymar không bỏ cuộc. Phút 87, tiền đạo người Brazil nỗ lực đột phá ở cánh trái và mang về một quả đá phạt. Ở góc sút rất khó, anh đánh bại Trapp, nâng tỷ số lên 4-1. Cú đá của Neymar đẹp tới mức thủ môn PSG chỉ kịp giơ tay lên trước khi nhận ra điều đó vô ích, và sau đó cam chịu ngã xuống cột. Đó là hình ảnh biểu tượng cho những gì chuẩn bị xảy ra với PSG.

Đội bóng nước Pháp bất ngờ hoảng sợ, và chỉ đẩy bóng ra càng xa khung thành càng tốt. "*PSG tổn hại về tinh thần sau bàn thắng này. Họ nghĩ chúng tôi đã bỏ cuộc*", Samuel Umtiti nói với RMC. Barca cầm bóng, dồn toàn bộ đội hình lên phần sân PSG và phút bù giờ đầu tiên, Suarez ngã xuống trong vòng cấm. Trọng tài Aytekin lại chỉ tay vào chấm 11m.

Messi là người thực hiện, nhưng số 10 nhường lại cho Neymar. Messi nghĩ rằng cầu thủ người Brazil có vẻ "tự tin hơn" và "cảm thấy vào thời điểm đó" mình sẽ ghi bàn. Neymar một lần nữa đánh bại Trapp. 5-1, lúc này, khuôn mặt các cầu thủ PSG không còn một giọt máu. Những tranh cãi giữa Silva và đồng đội cũng ít dần đi. Xung quanh đội khách chỉ là sự trống rỗng và vô hồn. Trong 10 phút, PSG chỉ chạm bóng 3 lần, 2 trong số đó đến từ chấm giao bóng sau khi họ thủng lưới.

"*Đúng, chúng tôi có thể.*" Những tiếng cổ động gầm dậy ở Camp Nou. Cổ động viên Barca tỉnh dậy sau 20 phút căng thẳng và bất lực, còn PSG đã ở rất sát bờ vực sụp đổ. Barca phải ghi 1 bàn nữa,

khi thời gian đang trôi chóng mặt với họ, nhưng lại dài như vô tận với PSG. Phút bù giờ thứ 4, Verratti phạm lỗi với Ter Stegen, lúc này đã băng lên phần sân PSG để gây áp lực. Barca chẳng còn gì để mất. Neymar sút phạt, bóng bật ra. Chân sút người Brazil cầm một nhịp, ngoặt sang chân trái rồi thả bóng hợp lý. Bóng vượt qua đầu Messi, rồi Gerard Pique. Lúc này, Sergi Roberto như từ dưới đất chui lên, phá bẫy việt vị và dứt điểm vượt tầm với của Trapp. 6-1.

Cả sân Camp Nou như bùng nổ. Máy dò địa chấn đặt cách sân bóng 500m ghi nhận một trận động đất nhỏ đã xảy ra ở cầu trường vĩ đại này. Màn ăn mừng của cổ động viên Barca nhòa đi trong nước mắt. "La Remontada" đã hoàn tất. Barca đúng là có thể ghi 3 bàn trong 5 phút như lời Enrique nói. Còn PSG gục xuống trong đau đớn.

Barca đã biến điều không thể thành có thể, nơi những dữ kiện và thống kê quan trọng đều bị át bởi cảm xúc và âm thanh lớn nhất mà bất cứ ai ở Camp Nou từng nghe thấy trong đời. Được có mặt ở Camp Nou trong đêm 07-03-2017 là một đặc ân, nhưng với PSG, chẳng còn gì ngoài khoảng trống trắng xóa. Đội bóng nước Pháp nằm dài xuống mặt cỏ, không tin vào những gì vừa xảy ra.

Hình ảnh ấn tượng nhất trong đêm ngược dòng của Barca là khi Messi được cầu thủ công kênh như một vị Chúa trời quyền năng. Messi không phải nhân vật chính của cuộc lội ngược dòng, nhưng anh là biểu tượng của Barca - đội bóng vượt qua nhiều trầm luân, gian khổ, dù vậy, luôn biết cách ghi danh vào lịch sử theo nhiều cách khác nhau. Sau chiến thắng trước PSG, Barca cũng dừng bước ở tứ kết trước Juventus của Allegri. Màn ngược dòng của Barca cũng trở nên không trọn vẹn khi những quyết định tranh cãi của trọng tài bị mổ xẻ (như cho Barca hưởng 2 quả phạt đền 50:50, còn từ chối PSG quả phạt đền rõ ràng), nhưng thực tế là, sự hoảng loạn của PSG mới là tác nhân khiến họ phải rời Champions League. Trong đêm hùng vĩ ở Camp Nou, PSG quá nhỏ bé so với ý chí quật cường của Barca.

NHỮNG NGƯỜI KHỔNG LỒ

Bậc thầy của các chiến công

Dũng Phan

Cup C1/Champions League sẽ không thể vĩ đại nếu thiếu đi những bộ óc cầm quân vĩ đại. Người ta thậm chí còn phát hiện ra một điều đặc biệt, đấy là chiến thuật của các đội tuyển quốc gia thường đi sau chiến thuật của các CLB. Đơn giản vì những CLB có thời gian ăn tập nhiều hơn, thi đấu nhiều hơn, có nền tảng từ đào tạo trẻ với triết lý xuyên suốt. Tổng hòa từng đó yếu tố đã giúp chiến thuật CLB đi trước một nước cờ, và có một thế đứng cao trong lịch sử bóng đá. Câu chuyện của chương này xin kể về bậc thầy của những chiến công.

Miguel Munoz - HLV vĩ đại của Real

(Nguồn: Youtube)

Cup C1 bắt đầu từ Real Madrid, và huấn luyện viên đầu tiên được đưa vào biên niên sử vàng cũng là huấn luyện viên của Real Madrid. Ông là vị cha đẻ của nghệ thuật "đắc nhân tâm" trong bóng đá: Miguel Muñoz. 15 năm cầm quyền, ông giành được 14

danh hiệu cùng Real Madrid, trong đó có 9 La Liga, 2 Copa del Rey, 2 Cup C1, và 1 Intercontinental Cup. Không có vị huấn luyện viên nào nắm quyền ở Real Madrid lâu như Miguel Muñoz với tổng thời gian là 15 năm, cùng 604 trận huấn luyện Real Madrid. Tại sao ông làm được những điều phi thường ấy ở một đội bóng đòi hỏi cao như Real? Câu trả lời chính là nghệ thuật "đắc nhân tâm" trong phòng thay đồ. Vị huấn luyện viên người Tây Ban Nha có biệt danh là "Người đàn ông với bó hoa sau lưng" đủ để nói lên chất lịch lãm, phong cách bảo ban cầu thủ mà ông thực hiện. Muñoz làm việc như một người cha cần mẫn, bằng cách khơi gợi tinh thần chiến đấu cho họ, để họ thoải mái nhất. Chứ Real ngày đó cũng như Real ngày nay. Mất công nói nhiều chiến thuật làm gì khi mà trên sân nào có ai ngăn nổi Di Stefano và Ferenc Puskás phối hợp với nhau? Ai mà chặn nổi "cơn lốc" Paco Gento bên cánh? Đã thế, Bernabeu còn mang thêm về Raymond Kopa để tạo ra "bộ tứ huyền ảo". Vì Real Madrid mạnh từ thời xa xưa nên những huấn luyện viên thành công nhất của Real Madrid là những con người biết làm chủ phòng thay đồ. Miguel Muñoz có sự lãng mạn, tinh tế, sự thấu hiểu để thành niềm cảm hứng mà Del Bosque hay Zinedine Zidane đã áp dụng và thành công. Bây giờ, khi quyền lực của các cầu thủ càng lúc càng lớn dần, đã qua rồi cái thời của những cách quản lý kiểu quân phiệt, chính các huấn luyện viên khác của bóng đá hiện đại nên quay ngược về 60 năm trước để xem cách Muñoz tặng hoa như thế nào mà quản lý phòng thay đồ cho tốt.

Người lật đổ được "Người đàn ông với bó hoa sau lưng" chính là Bela Guttmann. Ông là một huấn luyện viên huyền thoại người Hungary gốc Do Thái, cha đẻ của tactic 4-2-4. Cho đến tận bây giờ, Bela Guttmann cũng là người đem về cho Benfica 2 danh hiệu vô địch C1/Champions League đầu tiên và duy nhất. Cùng người học trò Eusebio, ông đánh bại Real Madrid của Di Stefano và Puskas với tỷ số 5-3 ở chung kết Cup C1 năm 1962. Đây vẫn được xem là một trong những trận chung kết đẹp nhất lịch sử, như chính triết lý vũ công của Bela Guttmann: "*Tôi chẳng thèm quan tâm đến cách đối thủ ghi bàn, bởi chúng tôi có thể ghi được nhiều bàn hơn họ.*" Sau trận, Guttman đã đến gặp Ban lãnh đạo Benfica để đòi tăng lương, và bị từ chối. Phẫn nộ, ông ra đi và để lại một lời nguyền ma quỷ: "*Trong vòng 100 năm nữa, sẽ không có đội bóng Bồ Đào Nha nào trở thành nhà vô địch châu Âu, và Benfica mà không có tôi sẽ không bao giờ giành được một Cup châu Âu nào nữa.*" Porto đã phá bỏ được lời nguyền thứ nhất, nhưng Benfica thì không. Kể từ năm 1962 tới nay, hơn một nửa thế kỷ đã đi qua, Benfica lọt vào chung kết 8 lần nhưng đều thất bại. Năm 1990, trước trận chung kết gặp Milan tại

Vienna. Eusebio tới kính viếng hương hồn ông, để hy vọng lời nguyền được hóa giải. Nhưng không, Benfica thua 0-1 bởi bàn thắng duy nhất của Frank Rijkaard. Đến ngày hôm nay, người ta vẫn gọi đó là "Lời nguyền Bela Guttmann".

Cup C1 châu Âu là nơi sinh ra những huấn luyện viên huyền thoại của thuở khai thiên lập địa, cũng là nơi khai sinh những trường phái bóng đá. Sau Real Madrid và Benfica chính là "kỷ nguyên vàng" của thời đại phòng ngự Catenaccio mà dẫn đầu là hai vị huấn luyện viên của thành Milan: Nereo Rocco của AC Milan và đặc biệt Helenio Herrera - người truyền giáo vĩ đại nhất của Catenaccio, huấn luyện viên của Inter Milan. Bằng viên ngọc của phòng ngự, hai vị huấn luyện viên này đem đến cho thành Milan 4 chức vô địch C1 trong thập niên 1960 (Milan 2 lần vào các năm 1963, 1969, và Inter 2 lần vào các năm 1964, 1965). Catenaccio không phải bắt nguồn từ Ý, xuất phát là từ Thụy Sĩ bởi huấn luyện viên Karl Rappan. Nhưng Catenaccio là gắn liền với Ý, với Rocco, với Herrera, và với Italia của World Cup 1982, là câu nói đến nay đã thành huyền thoại: "*Hãy kèm lấy hắn, đi theo hắn, dù hắn ta có đi vào nhà vệ sinh chăng nữa*". Nereo Rocco cùng Milan đã "kèm chết" Eusebio của Benfica, giúp Milan trở thành đội bóng Ý đầu tiên vô địch C1. Còn Helenio Herrera - vị tướng quân được nhớ tới cùng Catenaccio - sẽ làm được nhiều điều hơn nữa. Nếu Miguel Muñoz là cha đẻ của nghệ thuật "đắc nhân tâm" cho các vị huấn luyện viên, thì Herrera là "quân phiệt" trong bóng đá. Ông quản trị xuất sắc nhưng không phải bằng vỗ về mà bằng kỷ luật. Sau lưng Muñoz là cánh hoa, sau lưng Herrera là voi rọt. Ông không chỉ khắc nghiệt với cầu thủ, ông còn độc địa với đối thủ. Là người tạo nên một Grande Inter của thập niên 1960, là người đưa Catenaccio lên tầm nghệ thuật, ông còn là cha đẻ của nghệ thuật hắc ám mà Jose Mourinho hay Diego Simenone sau này cũng chỉ là hậu bối. Herrera tạo nên Catenaccio bằng cách đưa Armando Picchi về vị trí libero, vừa bọc lót cho hai trung vệ, vừa tổ chức các đường bóng lên qua những cú phất bóng dài. Người Brazil tự hào về những hậu vệ cánh ư? Herrera tự hào mang ra Giacinto Facchetti để cân đếm. Còn ở bên trên, ai hơn được Sandro Mazzola cơ chứ? Vậy là một "Grande Inter" ra đời và chinh phạt.

Sau cơn sóng của Ý là cơn sóng của Đức, vị huấn luyện viên tiên phong cho vinh quang của người Đức có tên là Udo Lattek. Ông sinh năm 1935 dưới chế độ phát xít Đức. Đến năm 35 tuổi, ông đã trở thành huấn luyện viên của những Franz Beckenbauer, Gerd Mueller, Sepp Maier... Phải chăng, để những huấn luyện viên "tuổi trẻ tài cao" nắm quyền là thói quen của người Đức? Sau này họ có Julian Nagelsmann, 33 tuổi đã đưa Leipzig vào bán kết

Champions League. Huấn luyện viên Lattek là người mở ra kỷ nguyên vĩ đại của Bayern. Ông dọn đường cho sự thống trị của Bayern ở đất Đức, bằng việc đưa Bayern trở thành đội bóng đầu tiên vô địch Bundesliga 3 lần liên tiếp từ 1972-1974. Bên ngoài lãnh thổ, Lattek chấm dứt sự thống trị của Ajax Amsterdams, và đem về cho bóng đá Đức danh hiệu Cup châu Âu đầu tiên trong lịch sử vào năm 1974. Chưa hết, ông còn mua về Uli Hoeness - người không chỉ là cầu thủ giỏi, mà còn là nhà quản lý tài ba cho thành công của Bayern đến tận hôm nay. Một lịch sử của Bayern đã được kiến tạo dưới bàn tay và khối óc của người đàn ông nay. Và xin nhắc lại, ông cầm quyền từ tuổi 35.

Khi những cơn sóng đỏ tràn vào Cup châu Âu thập niên 1970, đã nổi bật lên hai vị huấn luyện viên đặc biệt. Con người của những quái chiêu, họ chính là Bob Paisley và Brian Clough. Đã nửa thế kỷ đi qua nhưng Bob Paisley vẫn là huấn luyện viên thành công nhất lịch sử nước Anh ở đấu trường châu Âu. Cùng Liverpool, ông mang về 3 Cup C1. 55 tuổi mới cầm quyền, đơn giản vì ông là sự kế thừa của Bill Shankly - huấn luyện viên đặt nền tảng cho thành công của Liverpool. Không thể không nói tới Bill Shankly, cha đẻ của câu nói "*Phong độ chỉ là nhất thời, đẳng cấp mới là mãi mãi*". Người khai sinh ra văn hóa, tính cách và lối đá cho Liverpool trước khi đi tìm kiếm những danh hiệu mới.

Thời kỳ huy hoàng của Bob Paisley là ngọn núi mà nhiều huấn luyện viên nước Anh vẫn ước mơ. Ông qua đời vào ngày lễ Tình yêu năm 1996 ở tuổi 77, và một đài tưởng niệm Paisley đã được dựng lên ở thị trấn quê hương Hetton-le-Hole để tưởng nhớ ông. Nhưng nước Anh ngày đó điên cuồng không phải vì Paisley, mà vì một "gã điên" kỳ lạ khác. Tên hắn ta chính là Brian Clough - "người đặc biệt" đầu tiên của thế giới bóng đá, người mở đường cho vị trí ngôi sao trên băng ghế chỉ đạo. Brian Clough nổi tiếng với những phát ngôn ấn tượng, thông minh, và xin nhấn mạnh là cũng đầy quyến rũ. Không thể tin nổi vào cái thời đó mà ngôi sao truyền thông số 1 đội bóng lại là huấn luyện viên chứ không phải cầu thủ. Điển hình như việc Martin O'Neill khi còn đá cho Nottingham Forest vì sa sút phong độ nên bị đẩy xuống đội dự bị. Khi bị chất vấn về việc này, Clough đáp lại: "*Bởi vì cậu quá giỏi để đá cho đội dự bị thứ 2*". Liên quan đến vấn đề bất đồng với cầu thủ trong phòng thay đồ, ông ngạo nghễ kể lại với phóng viên: "*Chúng tôi nói về vấn đề trong 20 phút và sau đó chúng tôi quyết định rằng tôi là người đúng*". Nếu luận về sự ngạo mạn, Clough cũng chẳng thua ai khi thẳng thừng tuyên bố: "*Thành Rome không xây được trong một ngày. Nhưng chẳng qua tôi không đụng tay vào."*

Clough luôn xác định tâm thế đứng cao hơn mọi người, cách ông làm là tỉ mỉ, căn dặn để khiến cầu thủ phải thay đổi. Ông đã làm được những điều đặc biệt hơn tất cả ai cùng thế hệ. Ông dẫn dắt Derby County, một đội bóng ở dưới đáy hạng Hai đi lên hạng Nhất, và vô địch nước Anh chỉ sau 5 năm cầm quân. Sau đó, ông đến với đội bóng hạng Hai khác là Nottingham Forrest, đưa họ lên hạng Nhất. Chỉ sau 5 năm, đưa Nottingham Forrest đến với chức vô địch... Cup châu Âu, thậm chí còn bảo vệ thành công ngôi vương sau đó một năm. Cuộc đời Brian Clough là biến những CLB hạng hai thành những nhà vô địch tại những vị trí hạng nhất. Ông là người gây tranh cãi về sự xuất sắc và sự vĩ đại, vì là người có số danh hiệu vô địch châu Âu nhiều hơn vô địch quốc gia, giống như James Dean, tuy ngắn ngủi mà huy hoàng.

Còn một người nữa cũng tạo nên cách mạng trong dòng chảy chiến thuật của bóng đá thế giới nói chung và Champions League nói riêng, ông chính là Arrigo Sacchi huyền thoại. Nếu Helenio Herrera là bậc thầy của Catenaccio, thì Arrigo Sacchi là vị chúa của pressing. Nếu hôm nay Juergen Klopp khiến tất cả các đội bóng ông dẫn dắt phải chạy nhiều hơn 2km mỗi trận, thì Sacchi từ thập niên 1980 đã khiến cho Ancelotti phải thở than: "*Chỉ cần nghĩ đến cảnh leo cầu thang về phòng là tôi đã hãi hùng. Tôi và đồng đội đã kiệt sức vào mỗi cuối tuần.*" Sacchi không yêu Catenaccio như những huấn luyện viên Italia khác, ông thần tượng những người Hà Lan, thích 4-3-3 và phát triển chúng lên một tầm cao mới. Dưới tay ông, bộ ba Hà Lan bay Rijkaard, Gullit, Van Basten là những viên kim cương, dưới hàng tiền vệ là Donadoni, Ancelotti, dưới hàng hậu vệ là bộ tứ Mauro Tassotti, Costacurta, Baresi và Maldini. Lối đá ông tạo dựng như một cơn cuồng phong, nghiền nát mọi đối thủ và đó là một lối đá đi trước thời đại. Sau này, khi Fabio Capello nắm quyền, "gã mặt lạnh" kế thừa và phát triển những gì Sacchi đã làm được, tạo nên chuỗi bất bại kỷ lục cho Milan, cùng chiến thắng 4-0 thần thoại ở trận chung kết Champions League 1994 trước "Dream Team" của Johan Cruyff.

Dù Sacchi đã giải nghệ, nhưng pressing chưa bao giờ mất đi trong dòng chảy bóng đá. Vào các năm 2013, 2019, 2020, cả 3 nhà vô địch Champions League đều chơi bóng bằng cách kiểm soát từng mét vuông sân cỏ, áp sát liên tục, và di chuyển với mật độ cao khủng khiếp. Mùa giải 2012-13 là đỉnh cao của lối đá này bằng trận chung kết toàn Đức giữa Bayern Munich và Dortmund. Trên con đường đi vào trận chung kết, hai đội bóng Đức đã hủy diệt hai gã khổng lồ lớn nhất thế giới bóng đá khi ấy là Barcelona và Real Madrid ở bán kết. Jupp Heynckes trở thành huấn luyện viên tiếp theo giành 2 Champions League với 2 đội bóng khác nhau. Bại

tướng của ông hôm đó là Jurgen Klopp sẽ có thêm 6 năm để phục thù khi đưa Liverpool đến với chức vô địch năm 2019, và cũng bằng lối chơi pressing đã thành thương hiệu. Năm tiếp theo, vẫn là Bayern Munich, vẫn là kiểu chơi pressing tàn sát các đối thủ, họ vô địch Champions League 2019-20 bằng thành tích... toàn thắng. Ngày nâng cao chức vô địch, số danh hiệu mà huấn luyện viên Hans-Dieter Flick có được thậm chí còn nhiều hơn số trận thua. Nhắc thêm một chút về Flick, ông có 14 năm làm trợ lý. Như thể ở ẩn đọc binh pháp, chờ ngày xuống núi. Và khi xuống đến nơi thì giang hồ đại loạn. Rất đúng với phong cách của Tư Mã Trọng Đạt: "*Dùng kiếm một ngày, nhưng mài kiếm cần 20 năm.*"

Ernst Happel - HLV đầu tiên vô địch C1 với 2 đội khác nhau (Nguồn: FIFA)

Chúng ta cũng không thể không nhắc tới những con người đặc biệt khác, ví dụ như Ernst Happel - người đầu tiên vô địch C1 với 2 CLB khác nhau (sau này có thêm Ottmar Hitzfeld, Jupp Heynckes, José Mourinho, Carlo Ancelotti). Hay Ljupko Petrovic, người từng đến Việt Nam và cầm quân tại FLC Thanh Hóa. Ông đã vô địch Cup C1 mùa giải 1990-91 cùng Sao Đỏ Belgrade sau khi đả bại Marseille của những Jean-Pierre Papin, Jean Tigara dù khi ấy Petrovic đang dẫn dắt Sao Đỏ Belgrade giữa hoàn cảnh biến động nhất lịch sử khu vực Đông Âu, trong cảnh chiến tranh loạn lạc ở Nam Tư cũ. Dòng chảy huấn luyện viên tại đấu trường châu Âu

còn có những con người không vô địch nhưng lại tạo nên các bản trường ca, ví dụ Valery Lobanovsky, huấn luyện viên của Dinamo Kiev, cha đẻ của bóng đá Đông Âu và chiến thuật "bầy ong".

Nếu thập niên 60 là của người Ý, thập niên 70 là của người Đức, thập niên 80 là của người Anh, thì thập niên 90 là của người Hà Lan, không chỉ đơn giản là những chiến thắng, mà còn vì những triết lý bóng đá của họ. Sacchi và "Bộ ba Hà Lan bay" đưa Milan đến với giai đoạn thống trị trọn vẹn ở Cup C1 châu Âu, Johan Cruyff cùng Barcelona làm mưa làm gió, và cuối cùng là "cơn gió chướng" Luis van Gaal cùng đoàn quân trẻ trung Ajax Amsterdam 1994-95.

Mùa giải 1991-92, "Thánh" Johan là người đã đem về cho Barcelona danh hiệu vô địch châu Âu đầu tiên trong lịch sử đội bóng. Ông cũng là người đặt nền móng, xây dựng triết lý cho gã khổng lồ xứ Catalunya. Tôn chỉ của ông rất rõ ràng: "*Chiến thắng một điều quan trọng. Nhưng phải có phong cách riêng, được sao chép, được ngưỡng mộ. Đó mới là món quà quý giá nhất.*" Đời người không phải được đo vì ngắn hay dài, mà vì di sản để lại. Johan Cruyff bên cạnh thứ bóng đá tổng lực, kiểm soát bóng, ông còn truyền đến một triết lý vĩnh cửu như người giáo sư đầu ngành. Người học trò xuất sắc nhất của ông, sinh sau ông đúng 2 giáp, Pep Guardiola là một minh chứng. Pep phát dương quang đại tiqui-taca, đem về cho Barca một kỷ nguyên thống trị với 2 chức vô địch Champions League. Ảnh hưởng của Pep đến hôm nay vẫn còn đang sâu rộng, qua hình ảnh thống trị của Manchester City trên bầu trời nước Anh bằng lối chơi kiểm soát bóng.

Còn về Van Gaal - nhà vô địch Champions League 1995, thì đánh theo hướng khác. Ông là người gây dựng nên thế hệ vinh quang tiếp theo của người Hà Lan, họ bao gồm những cái tên như Van der Sar, Patrick Kluivert, anh em De Boer, Dennis Bergkamp, Marc Overmars, Michael Reiziger và Clarence Seedorf, Edgar Davids... Đội bóng Ajax 1995 mà Van Gaal đào tạo sở hữu lối đá cách tân từ chiến thuật "Bóng đá tổng lực". Họ phối hợp nhịp nhàng, ào ạt như những cơn lốc, luân chuyển đội hình bằng sự hiểu ý tối đa giữa các cá nhân. Đấy là đỉnh cao của lối chơi đồng đội trên một tập thể đồng đều và tài ba. Có một thống kê đáng sợ về Ajax giai đoạn ấy: ghi 106 bàn trong 34 trận (trung bình trên 3 bàn mỗi trận). Điều khủng khiếp nhất của thế hệ Ajax này chính là độ tuổi trung bình của các cầu thủ chỉ mới 23 tuổi, và họ còn cả tương lai dài phía trước. Nhưng định mệnh đến vào tháng 12-1995, đạo luật Bosman ra đời. Luật này cho phép các cầu thủ được ra đi tự do sau khi hết hạn hợp đồng. Những nhân tài tuyệt vời nhất của Ajax

bị các CLB lớn xâu xé, cuối cùng rã đám toàn bộ khi tiền bạc của Ajax không đủ sức níu giữ họ. Giấc mộng tan vỡ, Ajax trở thành âm hưởng.

Bóng đá tấn công trở thành trào lưu chiến thắng kéo dài 3 thập niên, cho đến một ngày đẹp trời xuất hiện gã đàn ông kiêu ngạo có tên là Jose Mourinho. Đó là một năm 2004 điên loạn. Trong mặt trận Champions League, Porto lên ngôi đầy bất ngờ; ở Euro 2004, Hy Lạp của huấn luyện viên người Đức, Otto Rehhagel, cũng vô địch bằng lối chơi thực dụng. Một năm sau, Rafael Benítez lên ngôi cùng Liverpool trong đêm Istanbul điên rồ (Andrea Pirlo tâm sự từng muốn giải nghệ chỉ vì thua trận này). Nhưng không ai tạo được ấn tượng vì lối chơi thực dụng, xây dựng nên một trào lưu, và gây ra nhiều giông gió cho bóng đá hiện đại của thế kỷ XXI lớn như Jose Mourinho cả. Với quy tắc "*2 tiền đạo là quá nhiều, 4 tiền vệ là quá ít*", với quan điểm xây dựng đội hình "*3 thủ môn và 2 cầu thủ chất lượng trong cùng một vị trí*", với sự "sùng đạo" dành cho Makelele, ông tạo nên một hệ thống triết lý phản Johan Cruyff của mình, trong đó có hai điểm quan trọng: "*ai có bóng thì dễ phạm sai lầm*", và "*đội phạm ít sai lầm hơn sẽ thắng trận*". Đội bóng của Mourinho thực dụng, ưa thắng 1-0 và hủy diệt cả giải đấu. Mourinho qua nước Anh và ngạo nghễ nói: "*Xin đừng gọi tôi là kẻ kiêu ngạo. Tôi đã giành chức vô địch châu Âu và tôi nghĩ mình là người đặc biệt.*" Sau đó, ông phá vỡ cuộc đua song mã của Arsenal - Manchester United. Nếu hai đối thủ kia như những kẻ say đòn, thì Mourinho như một con mèo vờn con chuột, tỉnh táo, trốn chạy về góc võ đài, và tung ra cú đấm knock-out lúc chẳng ai ngờ nhất. Tại Champions League, hành trình của Mourinho khởi đầu với Porto, vinh quang cùng Chelsea và đẹp tựa khúc hùng ca tại Inter Milan. Ở cái nơi ông và những cầu thủ Inter như Diego Milito, Wesley Sneijder, Javier Zanetti, Júlio César, Maicon… đã cùng nhau kết dính như tường đồng vách sắt chống lại mọi thứ, để đi qua các chướng ngại, và vô địch giữa trập trùng gian khổ. Đó là một khung trời Inter cháy bỏng, nồng nàn, khiến nhiều trái tim Interista rướm lệ khi nhìn lại. Mourinho đã đến Milano, ra đi như một cơn gió, và một phần trái tim ông đã vĩnh viễn để lại Inter Milan qua những lần rơi nước mắt vì đội bóng này. Từ sau ngày đó, Mourinho không còn tìm lại những khung hình chiến thắng nữa.

Người vinh quang nhất ở mặt trận này, cũng là người kéo dài nhất chuỗi vinh quang từ đầu thập niên thứ nhất qua thập niên thứ hai của thế kỷ XXI chính là Carlo Ancelotti. Người đàn ông đến từ Reggiolo này nổi tiếng bằng một sơ đồ có hình cây thông, qua "cửa ngõ chiến thuật" lùi sâu Andrea Pirlo. Sơ đồ mà Milan chiến thắng

ở Champions League 2002-03 chính là 4-3-1-2 với bộ tứ vệ Kaladze, Maldini, Nesta và Costarcurta. Pirlo, Gattuso và Seedorf hợp thành tuyến giữa, còn bên trên, Rui Costa đá hộ công bên dưới Pippo và Sheva. Ancelotti đã đưa vào sân đồng loạt ba cầu thủ kiến tạo gồm Pirlo, Seedorf và Rui Costa: hai người đá nhô cao và một lùi xuống thấp. Để hàng tiền vệ nghệ sĩ này hoạt động, Ancelotti cần người quan trọng thứ hai của "cây thông" - Gennaro Gattuso: một người càn quét và bơm máu cho hệ thống hoạt động tốt. Thế là một Milan vĩ đại ra đời bằng hàng tiền vệ hệt như một dây chuyền với những chiếc bánh răng khớp vào nhau một cách hoàn hảo. Còn Carletto đã tạo nên kỷ nguyên vĩ đại thứ 3 trong lịch sử AC Milan bằng 2 chức vô địch Champions League vào các năm 2003 và 2007.

La Decima

Dấu mốc tiếp theo của Ancelotti chính là kỳ công thực hiện giấc mơ "La Decima" cho Real Madrid vào năm 2014. Đấy là một chiến tích tuyệt vời mà đến hôm nay các Madridistas vẫn không quên ơn. Bằng nghệ thuật lãnh đạo tĩnh lặng, Ancelotti quản lý phòng thay đồ Real một cách chuẩn mực, giúp đội bóng nhìn về một hướng và ông cởi trói cho tâm lý của đội bóng vĩ đại nhất thế kỷ XX để đi đến chức vô địch quan trọng nhất, chức vô địch mang tên "La Decima".

Sau đó, người học trò của ông là Zinedine Zidane mang về cho Real thêm 3 danh hiệu Champions League nữa. Zidane thì thật khó để bàn về triết lý, người ta bảo rằng Zidane "dùng vô chiêu thắng hữu chiêu", hay Zidane là một con người thâm sâu khó dò, hoặc Zidane vận dụng uyển chuyển "đắc nhân tâm" trong bóng đá. Dù là câu

chuyện thế nào đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn chỉ biết một điều, luôn có những con người sinh ra đã là lịch sử. Và Zidane - Real là một chứng nhân truyền kỳ của một thời đại mà ai cũng tin chắc rằng "*Giành 3 Champions League liên tục ở thế kỷ XXI khó hơn gấp bội 5 Cup châu Âu liên tiếp ở thế kỷ XX*". Điều Zidane làm được, vì thế, là sự vĩ đại ngoài khuôn khổ câu chữ.

Zinedine Zidane - vị vua của Champions League

Câu chuyện về Zidane cũng xin khép lại chương sách về dòng chảy các huấn luyện viên của Cup C1 châu Âu. Một điều chắc chắn không thể phủ nhận, sức mạnh và trí tuệ của những con người ngoài đường pitch ở đấu trường này đã định hình nên bộ mặt của bóng đá hiện đại. Bạn có nhận ra điều đặc biệt này hay chăng? Chiến thuật bóng đá cấp CLB thường đi trước cấp đội tuyển quốc gia.

Treble - Cú ăn ba

CELTIC 1967

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

Những chiếc xe goòng được chầm chậm đẩy vào hầm mỏ. Sau vài chục phút, những người công nhân mặt dính đầy nhọ mệt mỏi đẩy xe đã được chất quặng than ra khỏi hầm. Hết một kíp, đã đến giờ nghỉ. Đám công nhân tựa người vào bất cứ chỗ nào có thể tựa để hít thở đôi chút không khí trong lành không còn dính bụi than. Lẫn trong đám ấy, cậu nhóc Jock Stein ngồi bệt xuống đất và ngẩng đầu nhìn bầu trời âm u. 15 tuổi và chẳng có ý tưởng gì cho tương lai, cậu không biết rằng trong vòng 30 năm nữa, cậu sẽ trở thành một truyền thuyết của người Scotland, một vị anh hùng vĩ đại của nền thể thao đất nước nhỏ bé này.

Jock Stein và học trò

"*Này các nhóc, ta tin các nhóc sẽ giành được mọi thứ ở mùa giải này.*" Jock Stein oai vệ nói với các cầu thủ của mình vào buổi sáng của mùa giải mới như thế. Đó là lúc tinh thần của Celtic được đẩy lên đến mức cao nhất. Không ai rõ liệu Stein có ám chỉ đến chiếc Cup châu Âu hay chỉ nói về những giải đấu quốc nội, nơi mà Celtic năm trước đã suýt có cú ăn 3. Nhưng sau lời động viên mang chất tiên tri ấy, các cầu thủ lao vào tập như điên để chuẩn bị cho cuộc phiêu lưu đầu tiên tại Cup C1.

Mười tám tháng trước đó, Stein đến gặp Bob Kelly để thỏ thẻ về việc ông được Wolverhampton mời về làm huấn luyện viên. Ông hỏi vị Chủ tịch của Celtic rằng liệu mình có nên rời Scotland để bắt đầu một cuộc sống mới hay không. Kelly ngẫm nghĩ một lúc rồi hỏi ngược lại: "*Cậu có muốn thay Sean (tức Sean Fallon, quyền huấn luyện viên của Celtic lúc ấy) không?*" Stein đáp ngay: "*Có!*" Và một thỏa thuận ngầm lập tức được ký kết, Stein sẽ quay trở lại Celtic vào cuối mùa giải. Kelly đã làm đúng những gì ông cần phải làm. Stein khi ấy là một huấn luyện viên trẻ đầy triển vọng, người đã đưa Dunfermline và Hibs giành được những thành công ngoài sức tưởng tượng trong vòng vài năm qua. Nhưng Stein cũng nổi tiếng là một gã nóng đầu và sẵn sàng chửi bới bất cứ cầu thủ nào không chịu làm theo ý ông. Đưa Stein quay trở lại Celtic Park là một con dao hai lưỡi, hay nói đúng hơn là trò đỏ đen của đội bóng áo xanh trắng.

Tháng 1-1965, Stein tuyên bố ông sẽ rời Hibs vào cuối mùa. Thông báo này khiến các cổ động viên lẫn cầu thủ của Hibernians buồn thối ruột. Họ không nghĩ vị thuyền trưởng đầy năng động này lại dễ dàng rời đi như thế. Nhưng tiếng gọi yêu thương của Celtic đã lấn át tất cả. Chỉ hơn 1 tháng sau, Stein bất ngờ tới Celtic Park thay vì đợi hết mùa giải. Bob Kelly đang cần một người thổi bùng ngọn lửa chiến đấu cho Celtic. Lúc ấy, Celtic đã thua tới 10 trận ở giải vô địch và đang lóp ngóp ở top giữa.

Các cầu thủ hồi hộp chờ đợi một màn tra tấn, "sạc", "cạo lông lợn" hoặc bất cứ thứ gì tương tự như thế trong ngày Stein ra mắt. Nhưng ô kìa, thật kỳ lạ, vị huấn luyện viên nổi tiếng nóng máu này đã hiền hòa hơn hẳn những gì họ tưởng tượng. Stein nói chuyện với đám học trò bằng thứ ngôn ngữ ngọt ngào nhất mà ông có thể nặn ra. Những anh chàng Celtic đang chờ đợi một màn khủng bố bằng lời nói của ông thầy bỗng chốc cảm thấy cuộc đời tươi sáng hẳn lên. Buổi nói chuyện kết thúc bằng không khí vui vẻ và tràn đầy lạc quan. Stein đã chinh phục hoàn toàn các cầu thủ

ngay từ lần đầu gặp mặt. Và Celtic sau đó đã thắng liền 2 trận trước khi… thua nốt 3 trận còn lại để kết thúc mùa giải ở vị trí thứ 8. Bù lại, họ đã giành được Cup Quốc gia sau khi đánh bại chính Dunfermline trong trận chung kết. Stein đã có được thành công nho nhỏ bước đầu. Mùa giải năm sau mới là lúc Celtic bùng nổ. Stein cặm cụi chỉ dẫn các học trò trong những buổi tập. Dưới sự chỉ dạy của ông, các cầu thủ đã tiến bộ khủng khiếp. Sau khi thua Rangers trong trận derby Old Firm, Celtic đã thắng 14/15 trận để leo lên vị trí số 1 và không để tuột nó vào tay đối thủ của mình cho đến cuối mùa giải. Mùa hè năm ấy, Stein quyết định cho đám học trò du hí ở Mỹ để xả xì trét trước khi bước vào mùa giải mới. Và ở ngày đầu tiên trên sân tập, ông đã tuyên bố một câu nói để đời như đề cập phía trên.

Cup châu Âu đã trải qua 11 mùa giải và tất cả đều nằm dưới sự "giày xéo" của những bàn chân Nam Âu. Các đội bóng của Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Italia đã thay nhau thống trị mà không để lọt bất cứ mùa nào cho những CLB Bắc Âu. Khi Celtic bắt đầu tham dự Cup châu Âu lần đầu tiên, Inter là đội bóng được coi như ứng cử viên mạnh nhất. Mặc dù bị Real đánh bại ở bán kết năm ngoái nhưng trong 3 năm gần nhất, đội quân của Helenio Herrera đã giành tới 2 chức vô địch. Inter là sự kết hợp nhịp nhàng giữa lối đá chặt chẽ mang nhãn hiệu Catenaccio với những mũi tấn công sắc sảo mà đứng đầu chính là thiên tài Sandro Mazzola, một trong những cầu thủ xuất sắc nhất thế giới lúc ấy.

Celtic khởi đầu với một sự hứng khởi thực sự. Họ đã đánh bại FC Zurich 2-0 tại sân nhà trong một trận đấu mà đội khách chỉ co cụm nơi hàng phòng ngự. Thủ thành Simpson đã có một trong những trận đấu nhàn hạ nhất sự nghiệp khi anh chẳng biết mình có vai trò gì ở trên sân ngoài việc quanh quẩn dạo chơi ở khung thành và tìm hiểu tấm lưới được đan bằng những bàn tay tinh tế ra sao. Ở trận lượt về, trong buổi thảo luận chiến thuật, Stein đã đề nghị kéo một cầu thủ tuyến giữa xuống chơi như một trung vệ thứ 3 để đảm bảo an toàn. Nó trái ngược hoàn toàn với phong cách trước đó của Stein và khiến các cầu thủ phản đối dữ dội. Cuối cùng, Stein chấp nhận ý kiến của đa số. Ông để các học trò… muốn làm gì thì làm. Billy McNeill cùng toàn đội đã bước ra sân Letzigrund với khí thế hừng hực như thể đấy mới là sân nhà của mình và đè bẹp Zurich một lần nữa, lần này là tỷ số đậm hơn: 3-0.

Celtic tiếp tục thi đấu tuyệt vời ở vòng 2 khi gặp nhà vô địch Pháp Nantes. Họ thắng cả 2 lượt với tỷ số 3-1 bằng một thứ bóng đá cực kỳ hấp dẫn. Lúc này, báo giới châu Âu đã bắt đầu phải để mắt đến đoàn quân của Stein. Khó khăn chỉ thực sự đến khi Celtic gặp

Vojvodina ở tứ kết. Celtic thua 0-1 ở lượt đi và cần ghi bàn thắng ở lượt về trên sân nhà. Đêm thứ Hai, các cầu thủ Tiệp Khắc bay tới Glasgow. Lúc này, tình trạng mặt sân Celtic Park không được tốt. Những cơn mưa nặng hạt của mùa xuân đã khiến sân ngập sũng nước và trận đấu vào cuối tuần trước của đội dự bị Celtic đã buộc phải bị hoãn lại. Huấn luyện viên Stein đành từ chối yêu cầu của đội khách được đá tập làm quen sân. Phải đến tận sát giờ thi đấu, hai đội mới được ra sân để khởi động trong điều kiện mặt sân vẫn còn loang lổ nước. Song nỗi lo của Stein không chỉ ở vấn đề sân bãi. Tiền đạo chủ lực Steve Chalmers vẫn chưa hoàn toàn bình phục chấn thương vai. Anh thi đấu với tuyên bố mình chỉ có 70% sức lực. Tình thế khó khăn buộc huấn luyện viên Stein phải kêu gọi sự cổ vũ từ các cổ động viên. Không phụ lòng ông, 70.000 khán giả đã có mặt trên sân để ủng hộ đội nhà. Phải mất gần 1 giờ, Chalmers mới cân bằng được tổng tỷ số. Các học trò của Stein đã vây ráp khung thành đối phương trong những phút còn lại để hi vọng không phải đá thêm một trận play-off. Khi thời gian đi vào những phút cuối cùng, từ một đợt tấn công bằng tất cả sức lực còn lại, đội trưởng McNeill bật cao đánh đầu xé toang khung thành Vojvodina. Cả sân Celtic Park như vỡ òa. Đó chắc chắn là một trong những bàn thắng được nhớ đến nhiều nhất trên sân bóng này. Celtic đã vượt qua đối thủ với tổng tỷ số 2-1 để lọt vào vòng bán kết.

Đối thủ của Celtic ở vòng bán kết là Dukla Prague, đội bóng đã đánh bại Ajax của Rinus Michels ở trận trước đấy. 15 phút đầu tiên diễn ra cực kỳ quyết liệt. Dukla tràn lên và suýt nữa đã mở tỷ số nếu không có pha bay người cứu thua trong gang tấc của Simpson. Một lần nữa, Chalmers lại là người hùng. "*Cậu chỉ việc chạy theo bóng thôi*", Stein đã nói thế với tiền đạo của mình trước trận và Chalmers đã có một đêm bùng nổ với bàn mở tỷ số khi dẫn bóng xuống sát biên ngang rồi lật ngược lại chính xác để Johnstone dứt điểm. Celtic đã vươn lên dẫn trước, trước khi Dukla gỡ hòa sau đó 17 phút. Sang hiệp 2, đến lượt Willie Walace tỏa sáng (bạn đừng nhầm cầu thủ này với William Walace, anh hùng dân tộc Scotland). Gemmel lốp bóng đầy tinh tế để Walace đối mặt với khung thành bỏ trống và dễ dàng nâng tỷ số lên 2-1. Kế đến, lại là Walace, nhận đường chuyền từ đồng đội, anh tung ra cú sút xa sấm sét, hạ gục thủ thành Viktor. Chiến thắng ở lượt đi không làm Stein và các học trò thoải mái ở trận lượt về. Các cầu thủ Dukla bí mật tập trung ở một khu vực cách Prague khoảng chừng 30km để chuẩn bị. Nhưng tất cả đều vô nghĩa trước chiến thuật của Stein. Ông xáo trộn hàng thủ và để người hùng lượt đi Walace theo kèm Josef Masopust sát sao. Tiền vệ vĩ đại của Tiệp Khắc đã

không "cựa quậy" được trong suốt 90 phút. Bên phía Celtic, thủ môn Simpson lại bay như chim trong khung thành để cứu không dưới 5 pha bóng có thể ăn bàn của đội chủ nhà. Trận đấu đã khép lại với tỷ số hòa 0-0. Lisbon đang vẫy gọi những chàng trai của Stein. Chỉ 1 phút sau đó, tin tức về việc Celtic lọt vào trận chung kết Cup châu Âu đã phủ đầy đường phố của Glasgow, nơi những người công dân của thành phố đang hồi hộp chờ đợi kết quả.

Ngày 25-05-1967, sân vận động Nacional của Lisbon tràn ngập ánh nắng của mùa hè. Stein dẫn các học trò bước ra sân cho trận đấu của cuộc đời. Lúc này, Celtic đã gần như hoàn thành mùa giải một cách mỹ mãn. Họ đã đoạt tất cả các danh hiệu quốc nội có thể có: vô địch quốc gia, Cup Quốc gia, League Cup và Glasgow Cup. Chỉ một trận thắng nữa, Celtic sẽ trở thành đội bóng đầu tiên trong lịch sử vô địch tất cả các giải đấu lớn nhất trong cùng một mùa giải. Bên kia chiến tuyến, Helenio Herrera tỏ ra rất tự tin. Inter đang có phong độ rất tốt tại Cup châu Âu. Bằng chiến thuật catenaccio chắc chắn, Inter mới chỉ thủng lưới 3 bàn sau 9 trận đã đấu. Mặc dù Celtic mới là đội bóng có cơ hội đi vào lịch sử với "cú ăn 3" thần thánh lần đầu tiên của bóng đá nhưng Inter vẫn được đánh giá cao hơn hẳn. Tiền cược chảy vào cửa của đội bóng Italia nhiều hơn so với Celtic. Lý do: trong 4 mùa giải vừa qua, Inter chỉ thua đúng 1 trận ở Cup châu Âu, mà là thua trước Real Madrid, đội sau đó cũng giành ngôi quán quân.

Để chuẩn bị cho trận chung kết, Stein đã thả lỏng cho các cầu thủ nghỉ ngơi trước đó 1 tuần. Cả đội hầu như chỉ bàn chiến thuật thế nào để đối phó với Herrera và "những gã khổng lồ của ông ta". May mắn đã tới với Celtic khi Luis Suarez bất ngờ chấn thương và không thể tham gia trận đấu. Khi tiền đạo chủ lực của đối phương không thể ra sân, Stein hiểu rằng mọi hi vọng của Inter sẽ dồn vào cảm hứng của Sandro Mazzola. Buổi sáng thứ Tư, một ngày trước trận chung kết, Stein dẫn các học trò hùng hổ tới sân tập để xem "giò cẳng" của Inter. Thế nhưng, Herrera đã khôn ngoan cho các cầu thủ của mình đến tập sớm và khi phía Celtic tới thì Inter đã tập xong rồi. Kết quả, chính Celtic mới là đội bị Inter "soi". Nhưng điều đó không làm Stein quá lo lắng. Một buổi tập dù sao cũng chỉ là một buổi tập mà thôi.

Trước khi trận đấu diễn ra, Stein và các chàng trai của ông đã vui vẻ trò chuyện với cánh phóng viên Bồ Đào Nha một cách thân thiện nhất có thể. Trái ngược với sự lạnh lùng từ phía Inter, thái độ của Celtic đã hoàn toàn chinh phục giới báo chí và người hâm mộ. Thế là trận chung kết đã bắt đầu với sự ủng hộ Celtic từ các cổ động viên nước chủ nhà. Một khởi đầu thật sự thuận lợi.

Nhưng trên sân thì không dễ dàng như vậy. Mazzola đưa Inter vượt lên rất sớm từ chấm 11m sau pha bóng mà James Craig đã khẳng định nhiều lần rằng anh chưa hề phạm lỗi. Nhưng các cầu thủ Scotland không hề nản chí. Dưới sự thúc giục của Stein, McNeill và đồng đội ào ạt tấn công và tung ra những cú sút bất cứ lúc nào có thể. Khung thành của Sarti luôn bị đặt trong tình trạng báo động bất chấp Inter đang sở hữu một trong những hậu vệ vĩ đại nhất lịch sử Giacinto Facchetti. Những nỗ lực của Celtic cuối cùng đã được đền đáp xứng đáng. Phút thứ 63, hậu vệ trái Gemmell tung cú sút trái phá san bằng cách biệt. Inter lúc này đã cảm thấy họ sắp sửa mất nốt danh hiệu cuối cùng của mùa giải. Và điều ấy đã đến khi trận đấu dần đi vào những phút cuối. Lại là Gemmell tung ra đường chuyền tuyệt đẹp để Murdoch đẩy vào vòng cấm địa. Chalmers nhanh như cắt xuất hiện ghi bàn ấn định tỷ số 2-1. Năm phút còn lại, Inter đã dồn lên tấn công trong tuyệt vọng nhưng Celtic đứng vững tới lúc trọng tài nổi hiệu còi hết giờ.

Celtic đã trở thành đội bóng Bắc Âu đầu tiên, đội bóng Vương quốc Anh đầu tiên, đội bóng ngoài khu vực Latin đầu tiên vô địch châu Âu. Chiến công này của họ đã mở đường cho sự thống trị tuyệt đối của bóng đá phương Bắc kéo dài trong suốt gần 20 năm sau đó. Còn hơn thế nữa, họ đã đoạt tất cả các danh hiệu trong mùa giải rực rỡ của mình và là CLB đầu tiên đoạt "cú ăn 3" thần thánh. Một kỷ lục khác còn phi thường hơn dành cho Stein và các học trò. Tất cả các cầu thủ Celtic ra sân trong ngày hôm ấy đều sinh trưởng ở quanh khu vực Parkhead, một kỳ tích mà có lẽ vĩnh viễn không có một CLB nào có thể lặp lại được nữa.

"*Chúng tôi không thể phàn nàn gì cả. Celtic đã chiến thắng xứng đáng. Mặc dù chúng tôi thua nhưng đây là một chiến thắng của thể thao.*" Helenio Herrera đã trả lời một cách đầy quân tử sau khi trận chung kết kết thúc. Stein và các cầu thủ Celtic ngất ngây trong men say của nhà vô địch. Họ đã trở về Glasgow trong sự đón chào cuồng nhiệt của người dân thành phố và được mệnh danh là "những chú sư tử thành Lisbon". Stein cũng đi vào lịch sử với tư cách huấn luyện viên người Liên hiệp Anh đầu tiên giành được Cup châu Âu. Chiến công ấy sẽ còn được tiếp nối bởi những vị huấn luyện viên đồng hương vĩ đại khác của ông như Matt Busby và Alex Ferguson.

Alex Ferguson và các cầu thủ MU

Cả cuộc đời Stein đã dành cho bóng đá. Ông qua đời vì bị phù phổi ngay trong trận đấu giữa Scotland với Xứ Wales tại Cadiff khi đang làm huấn luyện viên trưởng của đội tuyển quốc gia. Người trợ lý của ông hôm ấy đã xúc động đến nghẹn ngào và nói: "*Ông ấy là nhà quản lý bóng đá vĩ đại nhất của nước Anh. Những người như Jock sẽ còn sống mãi trong tâm tưởng của tất cả chúng ta.*" Người trợ lý của Stein, được sự dìu dắt của ông, sau đó đã trở thành Sir Alex Ferguson của Manchester United…

* *

*

MANCHESTER UNITED 1999

Đại Nguyễn (MUSVN)

Nếu bắt buộc phải lựa chọn ra một định nghĩa về những vẻ đẹp tuyệt vời của môn thể thao vua, có lẽ cuộc hành trình đầy cảm xúc mà thầy trò Sir Alex Ferguson từng trải qua trong mùa giải kỳ lạ 1998-99 sẽ trở thành ứng cử viên nặng ký bậc nhất. Hơn 400 năm sau khi đại văn hào William Shakespeare biên soạn vở kịch nổi tiếng có tên "Giấc mộng đêm hè" phản ánh khát khao mãnh liệt đầy chất thơ của tình yêu vượt thoát khỏi kiếp luân thường, người Anh đã được chứng kiến

thêm một giấc mơ khác trở thành sự thật, với đỉnh điểm là nốt thăng hoa giữa đêm hè lộng gió Địa Trung Hải tại xứ Catalan.

Ngày 26-05-1999, những người yêu mến Manchester United hân hoan chào đón kỷ niệm sinh nhật lần thứ 90 của huấn luyện viên huyền thoại Sir Matt Busby, vị thánh sống trong lịch sử câu lạc bộ. Ông là người đã sống sót dù ngồi trên một chiếc máy bay bị nổ tung, đã chứng kiến những đứa trẻ trong đội bóng mà mình gây dựng suốt mười mấy năm lần lượt qua đời, đã tiếp tục rời khỏi giường bệnh để chiến đấu vì người còn sống lẫn người đã khuất, mặc cho sức khỏe và mọi điều xung quanh ông không bao giờ trở lại như xưa. Theo lời Sir Alex Ferguson, "*Ông ấy là người tạo nên Manchester United ngày hôm nay; tôi luôn cảm nhận được mùi tẩu thuốc của Busby vẫn còn vương vấn tại Old Trafford khi đặt chân đến đội bóng này.*"

Nhưng trong một dịp kỷ niệm hoành tráng như vậy, sự quan tâm của người hâm mộ Man Utd và cả thế giới lại đổ dồn về một sự kiện khác. Thánh đường lộng lẫy của bóng đá, sân vận động Nou Camp sẽ là nơi diễn ra trận Chung kết Champions League giữa Manchester United kiêu hùng của nước Anh và Bayern Munich, ngọn cờ đầu của bóng đá Đức. Sự cạnh tranh giữa hai đất nước, hai dân tộc cả trong bóng đá lẫn trong lịch sử đưa cuộc đối đầu lên đến cao trào của kỳ vọng, nhất là khi 31 năm rồi Quỷ Đỏ thành Manchester chưa bao giờ tìm lại được ánh hào quang thời Sir Matt Busby, trong khi đó Hùm xám xứ Bavaria cũng phải chờ đến 23 năm cho ngày trở lại ngai vàng châu lục. Những quãng thời gian như thế là quá dài với một đời người, chứ chưa nói đến một đội bóng.

Sứ mệnh cao cả khởi nguồn từ bi kịch

Trọng trách đặt lên vai đội bóng thành Manchester ngày hôm ấy còn nặng nề hơn rất nhiều, khi họ chiến đấu không chỉ cho riêng mình mà còn cho cả nước Anh. Giống hệt như khi xưa, Sir Matt là người mở đường để United trở thành đội bóng đầu tiên của Vương quốc Anh tiến ra thi đấu tại Cup châu Âu vào mùa giải 1956-57. Đã 14 năm kể từ thảm họa Heysel dẫn đến việc tất cả các đội bóng Anh bị cấm cửa ở Cup châu Âu trong một thời gian dài, bồi tiếp thêm một đòn giáng nặng nề nữa với thảm họa Hilsborough 1989. Trên khắp thế giới, người ta coi cổ động viên Anh nói riêng và nền bóng đá Anh nói chung giống như một thứ dị hợm đến cực đoan, nhắc đến bóng đá Anh là nhắc đến vấn nạn hooligan hoành hành. Chừng ấy thời gian, giới hâm mộ túc cầu quen với việc các đội bóng đến từ Tây Ban Nha, Italy, Pháp, Đức, Hà Lan, Bồ Đào

Nha, Nam Tư, thậm chí cả Romania lên ngôi vô địch Cup C1/ Champions League. Tuyệt nhiên không thấy tăm hơi một CLB Anh nào tạo được tiếng vang ở sân chơi danh giá nhất lục địa già. Từ xuất phát điểm là quê hương của bóng đá, nước Anh trở thành một vùng trũng thực sự trong số các nền bóng đá mạnh tại châu Âu. Người Ăng-lê bị tụt hậu khủng khiếp, như chính Ferguson từng thừa nhận sau các lần đối đầu sinh tử với những đội bóng Ý: *"Họ đã dạy chúng tôi nhiều bài học lớn về bóng đá".* Nước Anh quan tâm và thèm muốn chiếc Cup Champions League này đến nỗi, theo thống kê của các nhà đài, có khoảng 20 triệu người Anh ngồi trước ti vi để xem Manchester United đá trận này, chiếm gần 50% dân số toàn quốc ở thời điểm bấy giờ. Thông thường một trận đấu của Tam Sư tại World Cup sẽ có khoảng 16 triệu người xem, và một trận chung kết Cup châu Âu tương tự của cấp CLB thì có khoảng 2 triệu người. Giờ thì những con số ấy đều trở nên vô nghĩa, khi đội bóng Quỷ Đỏ đại diện cho cả một dân tộc đầy niềm tự hào và kiêu hãnh đến mức bảo thủ. Một bước chân nữa là đến thiên đường, họ sẽ hoàn thành nốt giấc mộng bao năm qua.

Điều kỳ lạ nằm ở chỗ mới 9 tháng trước đó, khi mùa giải vừa bắt đầu, Manchester United bị tất cả căm ghét và nguyền rủa. Nguyên nhân sâu xa bắt nguồn từ chiếc thẻ đỏ tai hại của David Beckham, khiến Tam Sư bị loại cay đắng trước đại kình địch Argentina tại World Cup 1998. Một dòng tít trên tờ *Daily Mail* chào đón chàng tiền vệ hào hoa và nổi tiếng bậc nhất thế giới trở lại đất nước: "*Mười chú sư tử kiên cường, và một thằng ngu*". Trong chuyến làm khách đầu tiên của Man Utd đến Upton Park của West Ham, cả sân vận động ầm ĩ tiếng chửi rủa Becks lẫn Man Utd suốt 90 phút. Bên ngoài sân, một cơn mưa gạch đá được ném ra khi chiếc xe bus chở cả đội đi qua. Đó là cách hành xử dành cho kẻ thù dân tộc, chứ không phải đối với một tuyển thủ quốc gia hay đội bóng số 1 đất nước.

Chiến lược của Ferguson

Đối diện với khó khăn nghìn trùng, huấn luyện viên Alex Ferguson nhận ra mình cần phải có một cuộc cải tổ mạnh mẽ. Đội bóng với những chàng trai vàng thuộc Thế hệ 1992 của ông vừa bị Arsenal lật đổ ở giải trong nước, cũng chưa bao giờ đủ mạnh để mon men lại gần chiếc Cup bạc Champions League. Đã đến lúc, Man Utd cần những cú đấm thép trên thị trường chuyển nhượng để tạo ra bước nhảy lớn về chất. Gần 30 triệu bảng được Ferguson chi ra mùa hè năm ấy, một số tiền khổng lồ đủ để chiêu mộ các bản hợp đồng bom tấn cỡ Neymar hay Mbappe thời hiện tại. Dù là một huấn luyện viên chơi tấn công, Ferguson thừa biết hàng

phòng ngự mới là yếu tố mang về danh hiệu nên ngay lập tức đưa về trung vệ thép người Hà Lan Jaap Stams để trám vào vị trí trung vệ do Gary Pallister để lại. Suốt cả mùa giải đầu tiên khoác áo Quỷ Đỏ, Stamp chơi bóng đúng nghĩa như một hòn đá tảng, anh là người khổng lồ chắn trước khung thành đội nhà theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Jaap Stams chính là cái tên duy nhất mà Ferguson phải hối hận vì bán anh đi trong một cơn tức giận.

Ở phía trên, Ferguson đem về tiền đạo Dwight Yorke từ Aston Villa, một cái tên gây ra khá nhiều ngạc nhiên cho giới hâm mộ. Có lẽ người ta sẽ chờ đợi ông tìm thấy một Cantona mới, một nghệ sĩ có khả năng dẫn dắt, truyền cảm hứng cho toàn đội sau khi Cantona xịn đã giải nghệ cách đó không lâu. Đằng này, Yorke cũng là mẫu tiền đạo săn bàn tương tự ba sát thủ mà Fergie đang có trong tay là Andy Cole, Teddy Sheringham và Ole Gunnar Solskjaer. Người ta thậm chí còn không rõ Yorke có được đá chính hay không, và sẽ đá với ai trong đội hình kinh điển 4-4-2 thịnh hành của bóng đá Anh. Sau này chính Sir Alex cũng thừa nhận, ban đầu ông không hề có kế hoạch nào về việc kết hợp Cole - Yorke thành một cặp bài trùng. Ferguson chỉ suy nghĩ đơn giản, đây là một mùa giải rất dài, tham vọng của câu lạc bộ rất lớn, United sẽ cần phải có 2 cặp trung phong chất lượng để xoay vòng lực lượng. Với hàng tiền vệ cực mạnh và đồng đều từ hai biên cho đến trung lộ, chỉ cần có đủ hỏa lực nơi tuyến đầu, sẽ rất khó đội bóng nào đủ sức chống đỡ nổi sức tấn công của Quỷ Đỏ. Vụ chuyển nhượng ấy cũng là minh chứng cho triết lý của Sir Alex giai đoạn cuối thập niên 1990 - đầu 2000: nếu đối phương ghi vào lưới United một bàn, họ sẽ đòi lại gấp đôi.

Hắc phong song sát

Nỗi ám ảnh mà Ferguson tạo ra cho các đối thủ trở thành kỷ niệm ngọt ngào cho các cổ động viên đến nỗi, có lẽ suốt cuộc đời, những ai đã từng được chứng kiến trực tiếp cặp bài trùng Andy Cole - Dwight Yorke thi đấu không thể nào quên được. Bạn thấy khoái cảm khi xem Messi vờn bóng biểu diễn, xem Cristiano Ronaldo nã đại bác rồi bật nhảy vượt xà ngang khung thành, xem Zidane xoay compa, xem Ronaldinho lắc hông thế nào, thì Cole - Yorke cũng sẽ khiến bạn đê mê như vậy. Hai con người ấy, số áo gần giống nhau, với Cole số 9 và Yorke là số 19, có cùng một màu da, đi cùng một mẫu xe và màu xe, đã nắm tay nhau bước vào ngôi đền huyền thoại Old Trafford không chỉ vì 53 bàn thắng họ cùng nhau ghi ở mùa đầu tiên gặp gỡ và đưa Man Utd lên đỉnh cao châu Âu. Mỗi người đều sở hữu bộ kỹ năng hoàn hảo thường thấy ở các tiền đạo sát thủ, từ khả năng dứt điểm xuất sắc, chơi đầu hoàn hảo, kỹ

thuật cá nhân khéo léo đến nhạy cảm săn bàn thượng thừa. Nhưng nếu chỉ có vậy thôi thì huyền thoại về họ chưa đến mức lung linh như thế. Họ có một mối tương giao kỳ lạ không thể lý giải nổi trên sân bóng, đến nỗi người này nhắm mắt lại cũng biết người kia đang ở đâu, nghĩ gì. "*Chúng tôi hiểu nhau và luôn tìm thấy niềm vui khi chơi cùng nhau. Đá với Yorke giống như khi bạn bước ra đường, gặp một cô gái bốc lửa rồi dính tiếng sét ái tình. Khi ấy, mọi chuyện dù sai cũng thành đúng. Thậm chí, chúng tôi còn chẳng bao giờ cần giao tiếp bằng lời trên sân bóng cả*", Andy Cole nói về mối tình trên sân cỏ mà số phận đã mang tới cho anh.

So với Cole, Dwight Yorke có phong cách chơi bóng nghệ sĩ và ngẫu hứng hơn, thậm chí số lượng những cô bồ từng qua tay Yorke cũng hơn người đối tác rất nhiều lần, đúng như dòng máu Nam Mỹ anh mang trong người. Huấn luyện viên đương nhiệm John Gregory của Aston Villa là người hiếm hoi cho rằng giá trị của Yorke vượt khá xa số tiền 12,6 triệu bảng mà Man Utd chi ra. Khi biết tin Yorke yêu cầu được chuyển sang thi đấu cho Quỷ đỏ, Gregory tức phát điên: "*Nếu bây giờ có một khẩu súng trong tay, tôi sẽ cho hắn ta một phát đạn!*"

Bóng đá vị nghệ thuật

Thứ bóng đá tấn công mê đắm, hay như người Việt vẫn mô tả là "ban bật như Man" mà thầy trò Ferguson trình diễn bắt đầu ngay từ vòng bảng Champions League. Quỷ đỏ rơi vào bảng tử thần cùng hai gã khổng lồ Bayern Munich và Barcelona, nhưng cuối cùng họ ghi đến 20 bàn thắng chỉ trong vòng 6 trận, bằng tổng số bàn của cả hai đội trên cộng lại, và gấp đôi hầu hết số bàn của các đội dẫn đầu bảng đấu khác. Những thước phim ở hai cuộc chạm trán với Barcelona năm đó vẫn hay được phát lại trên truyền hình, là minh chứng kinh điển cho các tình huống đáng được đưa vào sách giáo khoa bóng đá. Tại Old Trafford, Quỷ đỏ thêu hoa dệt gấm, hết tấn công trung lộ, tạt cánh đánh đầu, lại đá phạt trực tiếp để vượt lên dẫn trước Gã khổng lồ xứ Catalan. Bên kia chiến tuyến, những cái tên sau có thể làm bạn lạnh gáy: anh em nhà De Boer, Guardiola, Luis Enrique, Figo, Rivaldo, Kluivert… Dĩ nhiên, Barca chẳng phải dạng vừa, họ ăn miếng trả miếng, tạo nên trận hòa nghẹt thở 3-3.

Trận lượt về, những pha xử lý bóng ma mị của cả hai bên tiếp tục khiến tỷ số mãn nhãn 3-3 lặp lại, trong đó có một bàn thắng kinh điển của cặp song sát Quỷ đỏ. Từ một đường chuyền vô hại trên mặt cỏ Nou Camp, Yorke nhấc người thả quả bóng qua hai chân. Cole ở phía sau, bật đường chuyền một chạm cho người bạn đang

băng lên. Yorke vụt chạy như mũi tên rời cây cung, đón quả bóng và gửi lại cho Cole vừa tiến sát khung thành đối thủ. Một cú dứt điểm lạnh lùng, khiến hàng phòng ngự Barcelona trở thành những gã hề, còn các khán giả túc cầu thì mắt chữ A, mồm chữ O vì điều họ vừa chứng kiến. Đó chẳng phải là thứ bóng đá được luyện tập thành thục hay lập trình kiểu tiki taka. Đó là sự giao cảm và hòa quyện của hai tâm hồn nói chung một ngôn ngữ trên sân cỏ.

Điều thú vị là mặc dù có chiều cao không quá vượt trội, Yorke sở hữu kỹ năng chơi đầu thượng thừa như một người Ăng-lê chính hiệu, khiến các trung vệ cao to lẫn thủ môn của đối phương phải khóc ròng. Sau khi Quỷ đỏ lọt qua khe cửa hẹp tại vòng bảng Champions League - là một trong hai đội xếp thứ nhì có thành tích tốt nhất, Yorke có một màn trình diễn không thể nào quên trong sự nghiệp. Đụng độ đội bóng khó chơi Inter Milan ở vòng tứ kết, với dàn hảo thủ Roberto Baggio, Ronaldo "béo", Zamorano, Djorkaeff, Simeone cùng hàng phòng ngự trứ danh nước Ý được chỉ huy bởi Pagliuca, Bergomi, Javier Zanetti…, chàng trai của đất nước Trinidad & Tobago đã làm rạng danh quê nhà với hai bàn thắng bằng đầu từ hai quả tạt như đặt của David Beckham. Người khổng lồ không cần phải quá cao, nhưng có thể khiến tất cả ngước nhìn. Đó là lần đầu tiên sau rất nhiều năm, Old Trafford mới lại bùng nổ đến thế khi đón tiếp một câu lạc bộ già rơ đến từ nước Ý. Những đường tạt bóng xé gió mang thương hiệu Beckham cũng là sự trả thù ngọt ngào của cá nhân anh đối với Simeone bên kia chiến tuyến, thủ phạm tinh quái khiến Becks nhận thẻ đỏ ở World Cup và sống trong những ngày dài khó khăn. Ở trận lượt về trên sân Giuseppe Meazza, nhiệm vụ của United nhẹ nhàng hơn rất nhiều, thậm chí Paul Scholes còn bồi thêm một cú đấm nữa khiến Inter Milan tâm phục khẩu phục.

Không bao giờ nói "không bao giờ"

Bước vào trận bán kết, United tiếp tục đón nhận một thử thách cực đại nữa khi tái ngộ Juventus, đội bóng luôn "bán hành" cho thầy trò Fergie suốt nhiều năm liền. Xét một cách toàn diện, ở lần tái ngộ này, cả hai đội vẫn giữ nguyên những đặc trưng cơ bản trong lối chơi của mình. Juventus vừa vào đến 2 trận chung kết Champions Legue liên tiếp, có một bộ khung toàn các danh thủ như Conte, Deschamps, Edgar Davids, Inzaghi, và dĩ nhiên, nhạc trưởng Zidane. Về độ già rơ, Bà Đầm Già vẫn xếp trên tầm Quỷ đỏ. Juve hoàn toàn khống chế trận lượt đi trên sân Old Trafford, phải may mắn lắm Ryan Giggs mới kiếm được bàn gỡ hòa vào phút bù giờ. Đến khi đá lượt về tại Delle Alpi, Zidane và các đồng đội

nhanh chóng đánh phủ đầu khiến Quỷ đỏ tối tăm mặt mũi. Mới đi qua 11 phút, Juve dẫn trước tới 2 bàn bằng một cú đúp của Pippo Inzaghi.

Trong đêm hè tháng 4 hôm ấy, có lẽ không ai tin rằng Man Utd đủ sức đứng vững trước Bà Đầm Già lão luyện sau những gì đã trải qua, thành Turin sẽ tiếp tục là hiểm địa với đội bóng Anh như mọi lần. Nhưng bằng một cách nào đó, tinh thần chiến đấu kiên cường của Quỷ đỏ bắt đầu phát tiết. Đúng một tuần trước khi hành quân đến nước Ý, United đã chơi trong thế 10 chống 11 trước Arsenal ở bán kết Cup F.A, đã thoát thua trên chấm phạt đền ở phút cuối cùng, rồi vùng lên từ địa ngục như cái cách Ryan Giggs solo từ giữa sân, đi qua 4 cầu thủ đối phương rồi nã đại bác xé toang mành lưới David Seaman. Bàn thắng đẹp nhất trong lịch sử Cup F.A của Giggs phải chăng là cú điểm huyệt trúng hồng tâm, khiến bầy Quỷ như được đả thông kinh mạch, kích hoạt trạng thái quật khởi mỗi khi gặp khó khăn?

Với tấm băng đội trưởng trên tay, Roy Keane băng lên rút ngắn tỷ số rồi lầm lũi thúc giục các đồng đội ôm quả bóng tiến về vòng tròn trung tâm. Như được tiếp thêm doping, Yorke khiến Delle Alpi sững sờ với bàn gỡ hòa 2-2 sau 10 phút với cú đánh đầu điệu nghệ. Và Cole làm nốt phần việc cao cả còn lại, đóng đinh lên cỗ quan tài đưa tiễn người Ý bằng bàn thắng thứ ba. Không thể tin nổi, Man Utd đã vượt qua chính mình, đánh bại đối thủ khó chịu nhất ám ảnh họ nhiều năm qua ngay tại sào huyệt của kẻ thù khi chơi thứ bóng đá không biết sợ. Đám mây đen bao phủ trên đầu thầy trò Ferguson đã tan đi, dù chông gai thì mới chỉ bắt đầu.

Manchester United bước vào trận chung kết định mệnh với Bayern Munich giữa muôn vàn khó khăn. Họ thiếu vắng cặp tiền vệ trung tâm số 1: cả Roy Keane lẫn Paul Scholes đều bị treo giò sau cuộc chiến khốc liệt trên từng mét vuông ở Turin. Vẫn là một tương quan quen thuộc khi United phải đối đầu các đội bóng lục địa già: Hùm Xám có thừa kinh nghiệm lẫn tiểu xảo để lấn lướt Quỷ đỏ suốt cả trận, có bàn dẫn trước cực kỳ sớm rồi tạo thành khối bê tông bao bọc khung thành Oliver Kahn đến tận phút 90. Bình luận viên nổi tiếng của kênh ITV, Clive Tyldesley nhớ lại: "*Không có dấu hiệu nào cho thấy United sẽ gỡ hòa cho đến tận phút cuối cùng. Matthaus rời sân. Bayern hai lần đá bóng trúng cột dọc và xà ngang. Thông thường, người ta sẽ chuẩn bị một bài ca an ủi cho thất bại của United. Chẳng có cú ăn 3 nào nữa cả.*"

Tyldesley nói không sai. Các khán giả xem truyền hình và các cầu thủ Bayern Munich cũng đều nghĩ như vậy. Chỉ còn 3 phút nữa là

hết giờ, Chủ tịch của UEFA vào thời điểm đó là Lennart Johansson bắt đầu rời hàng ghế VIP để chuẩn bị thực hiện các thủ tục trao chiếc Cup cho người chiến thắng. Bước qua hàng ghế có chỗ ngồi của huyền thoại Quỷ đỏ Sir Bobby Charlton, Johansson lịch sự dừng lại đôi chút để… nói lời chia buồn, rồi tiếp tục đi xuống sân vận động làm nhiệm vụ của mình. Có lẽ Johansson là một trong những người bất hạnh nhất thế giới, vì ông đã ở Nou Camp vào thời khắc lịch sử ấy nhưng lại không được chứng kiến những gì đã xảy ra.

Lời hiệu triệu của trái tim

Quay ngược thời gian về giờ nghỉ giữa hiệp 1 trận chung kết, phòng thay đồ của Manchester United tràn ngập bầu không khí nặng nề. Quỷ đỏ đã chạm trán Bayern hai lần ở vòng bảng mùa giải này, cả hai trận đều kết thúc với tỷ số hòa, United chưa từng lấn át được đối thủ. Giờ thì họ đang bị dẫn trước, thế trận thua kém khá nhiều và còn bị mất hai tiền vệ trung tâm hàng đầu. Ngay cả với những người lạc quan nhất, mọi chuyện đang đi theo hướng rất tệ cho thầy trò Ferguson.

Vào thời khắc sinh tử ấy, huấn luyện viên Scotland bỗng đứng dậy nói những lời hay nhất trong cuộc đời cầm quân đầy rẫy những trải nghiệm phi thường của ông. "*Hãy tin ta đi các chàng trai, các bạn đều không muốn cúi đầu đi qua chiếc Cup bạc ấy khi trận đấu kết thúc đâu. Không thể cầm lấy nó, không thể giương cao nó lên sẽ là nỗi đau lớn nhất mà các anh sẽ phải nếm trải trong sự nghiệp. Hãy cố gắng lên, đừng để khi trận đấu kết thúc, các anh chỉ được nhìn chiếc Cup đó mà không thể chạm vào. Đừng để sau này phải hối tiếc rằng mình đã có cơ hội nhưng lại để nó trôi qua.*" Tinh thần chiến đấu không ngừng nghỉ của "Máy sấy tóc" Fergie, ngọn lửa nhiệt tâm sôi sục của ông đã thôi thúc các học trò lao lên, với niềm tin mãnh liệt vào thắng lợi đến tận giây cuối cùng.

Cũng vào thời khắc lịch sử ấy, trong cabin bình luận của nhà đài ITV, Clive Tyldesley đưa ra các dự cảm để đời khiến cuộc đời bình luận viên lừng danh của ông có một dấu ấn không thể nào quên. "*Trận đấu bước vào phút bù giờ. Liệu United có thể ghi bàn được không? Họ luôn ghi được bàn vào những phút như thế này.*"

Giây bù giờ thứ 35. Peter Schmeichel bỏ khung thành lao lên chờ quả phạt góc. Cầu thủ Bayern lập bập phá ra. Ryan Giggs vung chân phải sút trượt quả bóng. Sheringham xoay người đá nối, gỡ hòa 1-1 cho Quỷ đỏ. Pháo sáng cháy trên các khán đài, 50.000 cổ động viên United ôm nhau ăn mừng vui sướng như phát điên.

Dưới sân, trợ lý Steve McClaren nói về kế hoạch thay người cho hiệp phụ, ngay lập tức Alex Ferguson gạt đi. "*Từ từ đã, mọi chuyện còn chưa kết thúc đâu.*"

Giây bù giờ thứ 138. Beckham đá quả phạt góc thứ hai. Sheringham đánh đầu đưa bóng ngang qua khung thành. Solskjaer từ dưới đất chui lên, vung chân làm tung nóc lưới Bayern lần thứ hai. Tất cả choáng váng. Cả đội Bayern đổ gục xuống, trung vệ Samuel Kuffour òa khóc nức nở ngay trên sân. Người Anh dĩ nhiên là mở tiệc, sau khi Tyldesley gào đến lạc giọng trước micro: "*And Solskjer has won it!!!*"

Với hàng triệu khán giả trung lập trên thế giới, đặc biệt là tại Việt Nam, những hình ảnh giống một thước phim quay chậm mãi mãi in vào trong tâm khảm họ. Cảm xúc cứ bùng lên dữ dội, rồi lại âm ỉ dịu êm và miên man không dứt. Rất nhiều người trong số đó đã tìm thấy tình yêu vĩnh cửu của đời mình.

Thực ra, dù kết quả của trận chung kết ấy có thế nào, thì Manchester United vẫn là đội bóng mang lại nhiều cảm xúc nhất cho các khán giả trong mùa giải 1998-99. Quỷ đỏ đã chơi bóng đúng với tinh thần Hiệp sĩ Ăng-lê, với phong cách tấn công phóng khoáng hết mình, thậm chí tận hiến trước mọi đối thủ, trong mọi hoàn cảnh. Họ khiến những người yêu bóng đá say lòng từ trận đấu đầu tiên cho đến những phút cuối cùng. Trong cuốn biên niên sử các Cup châu Âu, người ta sẽ không bao giờ thôi trầm trồ trước những giờ phút kinh điển khi thầy trò Ferguson hòa 3-3 trong cả hai lượt trận với Barcelona ở vòng bảng, hay các màn thư hùng rực lửa với Juventus ở bán kết, và đỉnh cao là ba phút bù giờ trước Bayern Munich.

Đơn giản, vì Manchester United mùa giải ấy là tiếng lòng của tuổi trẻ trong mỗi con người chúng ta. Nhiệt huyết và say mê, nồng nàn và cháy bỏng, hào sảng và khoáng đạt, vô tư và ngây thơ. Hơn hết thảy, Manchester United không bao giờ đầu hàng, không bao giờ bỏ cuộc, cho dù thử thách có lớn lao tới bao nhiêu, cho dù thực tại có nghiệt ngã đến thế nào. Họ đã chơi như tinh thần mà Steve Jobs phát biểu trước các sinh viên của đại học Stanford ngày bế giảng: "*Hãy luôn đói khát, hãy luôn dại khờ.*" Cũng giống như Steve Jobs, họ đã trở thành bất tử.

* *

*

INTER 2010

Vũ Anh Tuấn (Inter club Vietnam)

Sân Ennio Tardini ngày 18-05-2008, bất chấp cơn mưa tầm tã ở vùng Emilia Romgana, Zlatan Ibrahimovic xuất hiện để giải cứu Inter trước Parma như bao lần. Cú đệm lòng sau đường chuyền của Maicon kết liễu mọi hi vọng của Parma và… AS Roma, khi Nerazzuri một lần nữa ngự trên đỉnh cao nhất của Calcio năm thứ 3 liên tiếp. Dưới gầm trời xám xịt ở Tardini, có một người đàn ông lầm lũi bước vào phòng họp báo khi biết trước điều gì đang chờ đón mình.

Giành 3 Scudetto trong 4 năm ở Meazza biến Roberto Mancini trở thành chiến lược gia giàu thành tích nhất của Nerazzuri tính từ kỷ nguyên của Helenio Herrera. Nhưng sự thật là nó không đủ cứu rỗi chiếc ghế của ông, cuộc nói chuyện sau 25 phút với Chủ tịch Moratti chỉ mang tính hình thức khi Mancini biết mình đã mất việc từ tận tháng 2, thời điểm Inter bị Liverpool đá văng khỏi Champions League. Vốn đã trở thành thói quen cho các Interista sau những vấp ngã trước Villarreal, Valencia. Với riêng Moratti, nỗi đau ấy như vết sẹo khó lành, bởi từ Ronaldo, Seedorf, Vieri… đến Ibrahimovic, cả núi tiền được chi ra trong suốt 13 năm dài hòng đưa chiếc Cup danh giá nhất châu Âu trở lại Milano. Nhưng tất cả đều thất bại và Roberto Mancini nằm trong danh sách dài các huấn luyện viên buộc Moratti phải tiễn họ ra đi. Ngay lập tức, một kế sách mới được âm ỉ ngay khi Mancio còn tại vị.

"*Người Ý các anh chả yêu bóng đá nhiều như tôi nghĩ.*" Đấy là Jose Mourinho, tân huấn luyện viên trưởng của Inter trong ngày ra mắt CLB vào tháng 6-2008 ở Appiano Gentile. Bằng thứ tiếng Ý trôi chảy, chiến lược gia người Bồ Đào Nha lập tức xóa tan khoảng cách với vùng đất mà ông vừa đặt chân đến. Nhưng theo nhật báo *Diario de Noticias* (Bồ Đào Nha), Jose Mourinho đã dành đến 5 tháng chuẩn bị cho ngày thay thế Mancini, chi tiết khẳng định việc Moratti đã chọn "Người đặc biệt" từ tận tháng 2 là có cơ sở. Nếu cá tính của Mourinho được khắc họa như một kẻ ngạo mạn trước giới truyền thông thì ngược lại, hành động của ông lại bày tỏ sự tôn kính với màu áo mới của mình. Như việc tuyển mộ trợ lý Beppe Baresi chẳng hạn, một huyền thoại những năm 1980 của Xanh Đen, lý do đơn giản là vượt xa yếu tố chuyên môn, người đàn ông ấy muốn bản thân hòa mình vào văn hóa và lịch sử CLB.

10 tháng sau ngày bị Chelsea sa thải, Jose Mourinho quyết định dấn thân vào thử thách không hề bóng bẩy như người ta nghĩ. Đó

là giai đoạn mà Inter đặt ách thống trị sau Calciopoli, với lực lượng hùng hậu nhất lại thâu tóm thêm tinh hoa từ các đối thủ như Ibrahimovic, Vieira (Juventus), Chivu, Mancini (AS Roma), thật khó để nghĩ đến chuyện Inter sẽ chật vật ở Serie A nhưng vấn đề nằm ở thói quen chiến thắng tại châu Âu vốn đã xa rời CLB kể từ ngày Helenio Herrera ra đi. Suốt mấy thập kỷ, Inter không lọt thêm vào trận chung kết Cup C1 đến Champions League nào nữa, trong khi người anh em AC Milan kiến tạo hẳn kỷ nguyên chiến thắng của mình. Và nhiệm vụ của Mourinho, chính là thay đổi tâm lý chiến đấu của những Zanetti, Cambiasso, Julio Cesar, Stankovic... Dù ai cũng hiểu, thành Rome không bao giờ được kiến tạo chỉ sau một đêm.

Câu nói đó hẳn là đúng cho khởi đầu của "Người Đặc Biệt", vì dù chiêu mộ thành công đôi cánh Mancini - Quaresma hòng làm mới hàng công Nerazzuri, nhưng kế hoạch lại không xuôi theo ý muốn của ông ở mùa giải 2008-09. Chỉ sau vài tháng, Mourinho buộc phải vứt bỏ sơ đồ 4-3-2-1 ưa thích để trở lại 4-3-1-2, vốn là di sản của người tiền nhiệm. Nguyên nhân là khả năng thích ứng kém về kỷ luật chiến thuật của Quaresma khiến ông nhận ra Inter vẫn chỉ như công trường ngổn ngang. Hệ quả là căn bệnh "Ibracadabra" ngày càng trầm kha, mà nhìn lại từ Fc Porto đến Chelsea, chưa bao giờ mẫu huấn luyện viên đề cao tính tập thể như Mourinho phải chấp nhận để đội bóng bị che mờ bởi một cá nhân. Nghĩa là Inter 2008-09 thực tế chỉ là bản nâng cấp nửa vời của Mancini. Khi Serie A năm ấy trôi qua 17 vòng, cách biệt 6 điểm với Juventus và AC Milan đủ để Nerazzuri vô địch mùa đông. Nhưng mấu chốt của sự trưởng thành được kiểm chứng khi họ chạm trán Manchester United tại vòng 1/8 Champions League, nhà vô địch châu Âu vào thời điểm đó.

Ngày 09-03-2004, Old Trafford như chết lặng sau pha đá bồi cận thành của Costinha. Bên ngoài sân, huấn luyện viên đội khách chạy thục mạng như thể vừa vô địch thế giới, đó là Jose Mourinho và pha ăn mừng để đời cùng FC Porto khi đá bay Manchester United khỏi Champions League. Khoảnh khắc cũng chứng giám cho sự xuất hiện của gã trai trẻ Bồ Đào Nha. Gần 5 năm sau, ông quay lại sân đấu này với mục tiêu giúp Inter thanh tẩy nỗi sợ hãi bấy lâu ở Cup châu Âu. Nhưng ngay phút thứ 4, Vidic đánh đầu tung lưới Julio Cesar. Phản ứng của đội khách là run rẩy khi thời cơ đến, hãy cứ nhìn vào nét mặt nhăn nhó của Ibrahimovic khi đánh đầu trúng xà ngang để bạn hiểu tại sao Inter không thể chinh phục châu Âu. Thất bại 0-2 tại Old Trafford như vạch trần sự thật rằng, Mourinho vẫn chưa thể cải tạo đội bóng của Chủ tịch Moratti thành cỗ máy chiến thắng ở Champions League. Inter cần

điều gì đó thật mới mẻ thay vì sự cũ kỹ, tù túng bám víu lấy linh hồn đội bóng này bấy lâu. Ít ai ngờ, sự lột xác ấy lại đến từ chính biểu tượng của Nerazzuri trong giai đoạn hậu Calciopoli.

"*Tôi giận dữ chứ vì không tay huấn luyện viên nào muốn mất Ibrahimovic, nhưng cũng chả ai buồn khi đón Eto'o.*" Giữa ngày hè oi ả của năm 2009, Jose Mourinho và Inter nhận được cuộc gọi từ Catalan, nơi Chủ tịch Joan Laporta gửi đến Milano lời đề nghị đầy nghiêm túc rằng họ muốn có Ibrahimovic, mẫu siêu sao hòng đáp trả Cristiano Ronaldo và Kaka ở Madrid. Đổi lại, Inter sẽ nhận được 46 triệu € cộng với Samuel Eto'o, ngôi sao lớn trong cú ăn ba ở mùa giải 2008-09, nhưng quyết ra đi sau khi không được thừa nhận bởi Pep Guardiola. Inter hiểu rõ tầm vóc của Ibra bởi nếu không có anh, chắc gì Nerazzuri đã thống trị Calcio đến 3 năm liền, nhưng cuộc đời đôi khi khiến bạn phải có những quyết định táo bạo.

Nhận 46 triệu € kèm chân sút Cameroon nhưng trước đó, Giám đốc thể thao Marco Branca đã chốt xong Thiago Motta và Diego Milito từ Genoa. Chưa dừng lại, Inter nhanh tay thâu nạp Lucio vốn bị bật bãi khỏi Bayern Munich vì bất đồng với Louis van Gaal. Tất cả lờ mờ nhận ra việc tại sao dù không mấy vui vẻ khi mất Ibrahimovic nhưng Mourinho đầy hứng khởi khi đón dàn tân binh này bởi sau tất cả, bây giờ Inter sẽ chữa trị dứt điểm căn bệnh trầm kha "Ibracadabra". Sau hơn 1 năm đến Milano, Jose Mourinho mới có cơ hội kiến tạo đội bóng mang đậm bản sắc của mình. Trong đó, ông hẳn nhiên là ngôi sao lớn nhất mà bất cứ cầu thủ nào cũng sẵn lòng xả thân, như câu chuyện về Samuel Eto'o.

"*Không, tôi sẽ chỉ làm điều đó vì Mourinho*", Eto'o đáp lại như vậy khi huấn luyện viên Rafa Benitez hỏi anh về chuyện chơi dạt biên vào cuối năm 2010, thời điểm "Người đặc biệt" vừa ra đi. Ngôi sao Cameroon là mẫu cầu thủ tài năng nhưng tính khí thất thường và để kích hoạt hết tinh thần chơi bóng của anh, hẳn ông thầy phải rất tâm lý. "*Tôi thích kiểu làm việc như anh em bạn bè của Mourinho, dù Pep là huấn luyện viên đại tài. Và không nghĩ bạn sẽ tìm thấy huấn luyện viên nào có thể khích lệ cầu thủ hơn ông ấy.*" Ngay khi Samuel Eto'o đặt chân xuống Milano năm 2010, Jose Mourinho đã xác định anh chính là hạt nhân để kiến tạo hình hài mới của Nerazzuri với vai trò nổi bật hơn nhiều so với việc chỉ làm nền cho thành công của Lionel Messi như Pep đã từng. "*Hãy để Eto'o nói về cách làm thế nào chiến thắng ở trận này*", huấn luyện viên Bồ Đào Nha muốn đánh thức bản năng chiến thắng trong lòng đội bóng từ một nhà vô địch như Samuel Eto'o.

Mùa giải khởi đầu không như ý muốn khi bàn thắng của Vitaly Kutuzov khiến Inter để Bari cầm hòa ngay ở Meazza. Vài ngày sau, chuyến bay từ Madrid đưa một vị khách Hà Lan đặt chân xuống phi trường Malpensa. Chưa kịp thăm thú đường phố Milano, anh được Calcio chào đón bằng trận Derby della Madonnina chỉ 2 ngày sau đó. Nhưng tất cả đều không thể làm khó tài năng của số 10, Inter vùi dập AC Milan những 4-0 và hôm ấy, phong thái của Wesley Sneijder khiến tất cả phải ngạc nhiên về sự hòa hợp của anh với đội bóng mới. Dù vậy, cánh báo chí vẫn chực chờ "bắn tỉa" Nerazzuri như sau trận hòa với Atalanta ở vòng 17, chuyện huấn luyện viên Inter cà khịa tay phóng viên ảnh trên sân xuất hiện tràn ngập ngày hôm sau. Đấy là lúc Inter có dấu hiệu mệt mỏi với thất bại trước Juventus, Mourinho thì bị truất quyền chỉ đạo ở Turin. Thế nên, những ai am tường về vị huấn luyện viên Bồ Đào Nha tin rằng, vụ va chạm kia xuất hiện không hề ngẫu nhiên chút nào khi ít nhất, sẽ chả còn ai nhớ đến việc Inter vừa mất điểm 2 trận liền.

Nhưng câu chuyện ở Champions League vẫn ẩn chứa mâu thuẫn cho Nerazzuri khi xoay xở chật vật ở bảng đấu, mà lẽ ra họ phải dễ dàng song tấu cùng Barca mới phải. 3 lượt trận đầu tiên kết thúc với tỷ số hòa thất vọng, giới chuyên môn lại có dịp mổ xẻ về sơ đồ 4-3-1-2 của Mourinho và cho rằng, nó không phải phương án tối ưu nhằm khai thác hết tiềm năng của các cầu thủ. Ví như trường hợp của Maicon, anh có tốc độ, kỹ thuật và sự lanh lẹ tuyệt vời của một hậu vệ phải nhưng cầu thủ Brazil lại gặp khó để phát huy sở trường, khi khoảng trống dành cho anh trước các đối thủ ở châu Âu là ít hơn so với sự áp đặt mà Inter làm được ở Serie A. Cho đến khi Andriy Shevchenko giúp Dynamo Kyiv dẫn trước 1-0 ở lượt trận thứ 4, ít ai nghĩ Inter sẽ đảo ngược tình hình dưới tiết trời lạnh giá ở Ukraine và Xanh Đen sẽ bị loại nếu kết quả được giữ nguyên. Nhưng hai bàn thắng trong 3 phút đồng hồ của Sneijder và Milito chính là bước ngoặt lớn cho mùa giải lịch sử.

Lách qua khe cửa hẹp vòng bảng sau thắng lợi 2-0 trước Rubin Kazan ở Meazza giúp Jose Mourinho có hơn 2 tháng để nghiền ngẫm về những tinh chỉnh chiến thuật cho đội bóng. Những câu hỏi cứ vây lấy huấn luyện viên Bồ Đào Nha từ chuyện làm sao phát huy khả năng dẫn dắt thế trận của Wesley Sneijder, vị trí trung phong cắm của Eto'o liệu có ảnh hưởng đến Diego Milito… Khi mọi thứ đang lâm vào bế tắc thì họ nhận được món quà không ngờ từ đối thủ ở Serie A.

Ngày 23-12-2009, Lega Calcio ra phán quyết rằng Lazio phải chấp nhận chuyện hủy bỏ hợp đồng với Goran Pandev lẫn bồi thường

cho anh 170.000 € sau những án phạt nội bộ được cho là "vô cớ" với chân sút Macedonia. Inter lập tức nhảy vào cuộc săn đón đứa con lưu lạc thuở nào, khi Pandev chính là tài năng mà Nerazzuri từng phát hiện và tuyển mộ vào đội trẻ năm 2001. Đó là cây săn bàn chủ lực của Lazio bên cạnh Tomasso Rocchi nhưng buổi tập đầu tiên ở Appiano Gentile giúp Mourinho lóe lên điều gì đó về Pandev, thứ mà những Mancini, Quaresma, Arnautovic không thể sở hữu. Không chút đắn đo khi chỉ sau vài ngày anh đến Milano, Mourinho lập tức để tân binh người Macedonia đá chính trong chuyến hành quân đến Verona để đối đầu Chievo.

Hôm ấy, sân Bentagodi bị che phủ bởi chấn thương nứt hộp sọ của Cristian Chivu sau pha va chạm kinh hoàng với Sergio Pellissier. Thế nên, mấy ai còn chú ý đến việc Pandev chơi xuất sắc ra sao khi tung ra một keypass dẫn đến bàn thắng duy nhất của Mario Balotelli. Trận này, Mourinho dùng tân binh số 27 trong vai trò lệch cánh phải ở sơ đồ 4-2-3-1, ngạc nhiên thay khi Pandev thích ứng rất nhanh. Anh thuyết phục ông thầy bằng sức lao động bền bỉ, tích cực di chuyển trong tranh chấp, vốn giải phóng khá nhiều áp lực cho Maicon. Nhìn vào cựu cầu thủ Lazio, Mourinho như thấy lại sức chiến đấu thuở nào mà ông từng có ở những Dmitri Alenichev (Porto), Eidur Gudjohnsen (Chelsea). Sự có mặt của Pandev giúp Mourinho tự tin kéo Eto'o xuống đá ở hành lang trái và nhường lại suất trung phong cắm cho Diego Milito. Tất cả như mở toang chân trời mới cho Inter hướng về những phút giây lịch sử.

"*Tôi nghĩ trận đấu với Chelsea là nút thắt quan trọng nhất để tất cả tin vào khả năng của đội bóng.*" Lần tái ngộ ấy là đầu tiên sau ngày mà "Người đặc biệt" bị The Blues thẳng tay sa thải vào năm 2007. Thay vì Inter đối đầu Chelsea, cánh báo chí xem cuộc đọ sức này là màn đụng độ giữa hai con người kiêu ngạo Jose Mourinho - Roman Abramovich. Tại giải Ngoại hạng, Chelsea phô trương cơ bắp tấn công khi ghi đến 103 bàn thắng ở mùa giải năm ấy. Nhưng ở Stamford Bridge, đội bóng của Carlo Ancelotti không có lấy một cơ hội để hù dọa Nerazzuri. Người ta nói đến Sneijder và Eto'o ở bàn thắng duy nhất nhưng kỳ thực, hàng thủ với Maicon - Samuel - Lucio - Zanetti mới là những người hùng khi dập tắt bất cứ ý đồ đe dọa khung thành nào của Julio Cesar. Chelsea bế tắc đến nỗi, biểu tượng hàng công là Didier Drogba nhận thẻ đỏ vì pha trả đũa với Thiago Motta. Nghĩa là ngoài kỷ luật trong lối chơi, Inter chở theo cả sự mưu mẹo trước đối thủ, hình ảnh phản chiếu sự khác biệt với thất bại trước Valencia vào năm 2005 khi Nicolas Burdisso, Ivan Cordoba lao vào vụ ẩu đả sau khiêu khích của phe chủ nhà. Thời điểm mà giới chuyên môn nhận ra rằng, Inter âm

thầm trỗi dậy bằng bản năng gốc của một đội bóng Italia. "*Tôi chưa bao giờ thua trận ở Stamford Bridge cả*", Mourinho ngạo nghễ dành câu nói ấy cho Abramovich, khiến ông chủ người Nga trút nỗi căm hờn lên Carlo Ancelotti vào ngày hôm sau. Như lý giải của Carletto sau này, ông biết chắc mình đã gần kề ngày ra đường sau thất bại ở Stamford Bridge. Inter đi tiếp vào tứ kết, nhưng vượt trên tất cả là sự đồng lòng của tập thể đội bóng và cách hành xử của Mourinho giữ vai trò then chốt.

Tháng 1-2009, Inter để thua Atalanta 3-1 ở Bergamo, vấn đề là thái độ của Nerazzuri không tương xứng với vị thế CLB. Khi bước vào phòng thay đồ, Mourinho như phát khùng với các học trò. "*Tôi nổi điên và bảo rằng, chỉ có đống phân mới xứng với các anh. Nhưng sau đó, tôi chợt nhận ra mình nặng lời thế nào và xin lỗi. Xưa nay, tôi hay nghĩ cho mình trước nhưng ở Inter, mọi thứ khác xa như vậy. Khi trở thành người cha, bạn sẽ thấy có những thứ quan trọng hơn bản thân mình nhiều.*" Hãy đối diện với nhau như những người đàn ông, đó là cách mà Jose Mourinho lan tỏa tinh thần đoàn kết trong lòng đội bóng. Bởi thế, ngay cả "Ngựa chứng" Mario Balotelli cũng không dám giở trò khi cảm thấy mình sẽ lạc lõng thế nào giữa tập thể đang hừng hực khí thế chiến đấu.

Lá thăm vòng tứ kết đưa Inter gặp CSKA Moscow, đội bóng thống trị nước Nga sau kỷ nguyên Vàng của Spartak Moscow. Năm ấy, thầy trò Leonid Slutsky ghi dấu ấn khi là CLB Nga đầu tiên trong lịch sử tiến vào tứ kết Champions League. Hơn thế, họ phô diễn lối đá tấn công vũ bão dù đối thủ có là Manchester United (vòng bảng) hay Sevilla (vòng 1/8), kẻ phải chuốc lấy trái đắng từ tam tấu Keisuke Honda - Mark Gonzalez - Alan Dzagoev. Nhưng Inter đón nhận cặp đấu này với ký ức đẹp vào năm 1998 khi Ronaldo "Fenomeno" một mình chống lại Spartak Moscow và… thời tiết, pha solo qua cả thủ thành Filimonov trên "mặt ruộng" như minh chứng về tài nghệ phi thường của anh. Năm ấy, đội bóng của Luigi Simoni vô địch UEFA Cup nhờ chất siêu sao của Ronaldo nhưng chuyến trở lại Luzhniki lần này mang theo diện mạo khác hẳn.

"*Thứ bóng đá họ chơi là rất khó chịu. Bạn không tài nào nhìn thấy kẽ hở, trong khi dễ dàng bị trừng phạt bởi sai lầm nhỏ nhất.*" Tiền đạo người Brazil Vagner Love than thở khi đội bóng của anh bị Inter chế ngự sở trường tấn công, hai bàn thắng mà Diego Milito (lượt đi) và Wesley Sneijder (lượt về) ghi đều đến từ những cơ hội nhỏ nhất. "*Họ chả khác nào một cỗ máy vậy*", Wagner cay đắng thừa nhận CSKA Moscow bị mất phương hướng toàn diện trước kỷ luật chiến thuật mà Nerazzuri phô diễn. Thắng lợi trước người Nga được Inter dùng làm bàn đạp cho cuộc phản kích ở Serie A nơi AS

Roma dẫn họ 1 điểm khi bước vào tháng 4. Chuỗi 4 trận thắng liên tiếp tính từ vòng 33 khiến thầy trò Ranieri run rẩy khi cú đúp của Giampaolo Pazzini (Sampdoria) tại Olimpico giúp Inter nắm quyền tự quyết cho Scudetto. Bây giờ, khác biệt của Inter "Mourinho" so với Mancini nằm ở vận mệnh tại Cup châu Âu, nơi họ tái ngộ Barcelona lần nữa trong mùa giải.

Tháng 4-2010, châu Âu rung chuyển khi ngọn núi lửa Eyjafjallajoekull (Iceland) phun trào sau 200 năm ngủ yên làm đảo lộn mọi thứ. Trong đó, giao thông hàng không bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi những cột khói bụi bốc cao đến 11km. Đúng là "mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên", sự cố này nằm ngoài toan tính chiến thuật của Pep khi Barcelona đành lặn lội đến Milano bằng xe bus qua quãng đường hơn 1.000 km, sau 11 giờ di chuyển. Phản ứng của đội khách là chán nản khi Ibrahimovic dùng từ "thảm họa", số khác mệt mỏi trước quyết định không lùi ngày diễn ra trận đấu của UEFA.

Chiến tích vĩ đại của Inter Mourinho

Ngược lại, Jose Mourinho vùi mình vào kế sách đối phó Lionel Messi, siêu sao đã ghi cú Poker vào lưới Arsenal ở tứ kết, "*Vấn đề không phải là ngăn chặn cậu ấy, mà làm sao mang khó khăn đến trận đấu này.*" Inter để Barca mặc sức kiểm soát bóng nhưng Messi thì không bao giờ thoải mái khi di chuyển, bởi hệ thống phòng ngự mà Nerazzuri thiết lập không bó buộc một cá nhân nào theo kèm số 10. Từ Cambiasso, Zanetti, Samuel, Lucio, Maicon đến Motta

đều được trưng dụng khi Messi có bóng. Phần còn lại thuộc về những Sneijder, Eto'o, Milito. Tất cả đã phô diễn lối đá phòng ngự phản công lên đến đỉnh cao. Người Catalan đổ lỗi cho ngọn núi lửa ở Iceland nhưng kỳ thực, cho đến khi trận lượt về kết thúc, dù chơi hơn người trong 2/3 thời gian khi Thiago Motta bị đuổi, thầy trò Pep Guardiola không thể lý giải tại sao hàng thủ Inter lại chơi kín kẽ đến thế. Dưới những vòi nước mà Camp Nou cố tình chơi khăm kẻ chiến thắng tối hôm ấy, Mourinho lao một mạch về khu khán đài dành cho các Interista, bởi sau 45 năm, cũng đến lúc Inter nhận ra mình có thể làm nên những điều phi thường.

Nếu ngọn núi lửa Eyjafjallajoekull làm châu Âu tê liệt, thì màn thức giấc của Inter khiến Calcio kinh ngạc, bởi khác với mùa giải 1997-98 cho đến giai đoạn 2006-2009, thành công của Nerazzuri không được phản chiếu qua phong độ của một siêu sao. Thay vào đó, Jose Mourinho chia đều trách nhiệm lẫn niềm tin cho mọi thành viên, những con người đang bước vào buổi hoàng hôn của sự nghiệp như Lucio, Materazzi, Zanetti, Cambiasso, Stankovic... Như lịch sử đã ghi lại, họ đã bùng cháy dữ dội lần cuối cho mùa giải năm ấy. Trong đó, Diego Milito là hẳn là trường hợp kỳ lạ nhất.

Cho đến trước năm 2013, lịch sử trăm năm của túc cầu thế giới ghi nhận chỉ 3 cầu thủ từng lập Poker vào lưới Real Madrid. Đó là Jose Samitier (1926), Eulogio Martinez (1957) và... Diego Milito (2006). Khác biệt ở chỗ, hai huyền thoại kia đều chơi cho Barcelona hùng mạnh, trong khi El Principe chỉ khoác áo đội bóng tỉnh lẻ Real Zaragoza, CLB xuống hạng sau đó không lâu. Thế nên, báo giới chả buồn bình luận khi Inter tuyển mộ anh từ Genoa trước khi mùa giải 2008-09 kết thúc và càng phi lý hơn, nếu ai đó nghĩ Milito sẽ thay thế Ibrahimovic. Nhưng chỉ trong 15 ngày lịch sử, chân sút có vị thế khiêm tốn ấy đã hóa thành vị Vua Midas ở Milano, thứ mà những Altobelli, Klinsmann, Ronaldo nổi tiếng hơn anh cũng không thể nào với tới.

Từ Olimpico đến Artemio Franchi và kết thúc bằng đỉnh cao ở Bernabeu, hình ảnh chiến thắng của Inter được kết tinh qua một Diego Milito bình dị, vốn là khác biệt lớn của Inter 2010 so với những cú ăn ba khác trong lịch sử. Bởi Manchester United 1999, Barcelona 2009-2015, Bayern Munich 2013-2020 đều hội tụ hàng ngũ siêu sao trứ danh đang ở độ chín của tài năng. Ngược lại, chiến tích "Triplette" của Jose Mourinho được gầy dựng bằng việc xóa bỏ tàn dư của hình tượng siêu sao trong lòng đội bóng sau nhiều thập kỷ. Bởi nếu so giá trị của đội hình này với những kỷ lục chuyển nhượng thế giới mà cựu Chủ tịch Moratti từng thiết lập, rõ

ràng Goran Pandev, Diego Milito… không thể sánh với Ronaldo, Christian Vieri… nhưng sự khiêm nhường của họ với lịch sử Nerazzuri chính là điểm tựa cho mọi vinh quang của đội bóng.

"*Lý do tôi không trở lại Milano để ăn mừng là bởi nếu làm thế, tôi chả thể nào đến được Real Madrid nữa.*" Người đàn ông ấy muốn chạy trốn cảm xúc nhói đau nếu phải trở lại thành phố cùng sắc áo Xanh Đen, gã khổng lồ đã được ông đánh thức sau nửa thế kỷ đắm chìm trong đắng cay lẫn nước mắt. Lịch sử hào hùng của Calcio từng ghi lại nhiều khoảnh khắc vinh quang chói lòa và Triplette 2010 chắc chắn nằm trong số những tượng đài bất diệt, vì đơn giản, chiến tích ấy là riêng, là duy nhất.

* *

*

BAYERN MUNICH 2020

Nhi Hexe (Viết từ nước Đức)

Champions League 2019-20. Dịch bệnh đe dọa sự an nguy nhân loại, phá hủy cuộc sống bình yên của cả địa cầu. Bóng đá không phải ngoại lệ, đã phải đi qua những tháng ngày trầm luân hết hoãn hủy cho tới những trận đấu vắng bóng người hâm mộ, những khán đài trống không. Nhưng đúng trong cơn bĩ cực ấy, Bayern Munich đã làm nên lịch sử vô tiền khoáng hậu khi giành chức vô địch với kỷ lục 11 trận toàn thắng và 43 bàn thắng. Họ là một "Độc cô cầu bại".

Chân mệnh thiên tử

Bayern - chân mệnh thiên tử của năm 2020

Người ta nói một đội bóng vô địch luôn cần sức mạnh và sự may mắn. Khi Real Madrid vô địch 3 năm liên tiếp, phần sức mạnh lớn hơn may mắn. Khi Chelsea vô địch Champions League 2012, phần may mắn nhiều hơn sức mạnh. Nhưng khi Bayern vô địch, lần đầu tiên người ta thấy may mắn biến mất, chỉ còn lại một sức mạnh thiên binh vạn mã.

Bayern đến Champions League với sức trẻ của những ngôi sao mới và cả những trụ cột dày dạn kinh nghiệm khi còn tới 5 cái tên (Manuel Neuer, Jerome Boateng, Javi Martinez, Thomas Müller, David Alaba) đã góp mặt trong đội hình ăn 3 mùa giải 2012-13. Trong số tất cả các đội bóng châu Âu, họ là đội duy nhất đã tận dụng hiệu quả thời gian cách ly Covid để đưa các cầu thủ đến đỉnh cao sung mãn nhất về sức mạnh. Leon Göretzka là một ví dụ điển hình. Ngoại hình tiền vệ này lột xác hoàn toàn, anh tăng thêm 8kg so với hồi mới tới Bayern, luôn có thuận lợi hơn đối thủ trong các pha tranh chấp trên không, một đối một bởi sức rướn và tì đè được cải thiện. Philippe Coutinho thì tăng 10kg thuần cơ bắp khiến cho huấn luyện viên đội tuyển Brazil phải thừa nhận ông quá ngỡ ngàng trước sự thay đổi chóng mặt đó của cậu học trò. Joshua Kimmich tăng từ 70 đến 75kg, cũng thuần cơ bắp. Robert Lewandowski gặp chấn thương khá nặng nhưng nhờ giai đoạn cách ly phong tỏa đã kịp phục hồi để thể hiện phong độ tốt nhất.

Thể lực tuyệt vời nhưng kỹ thuật và chiến thuật còn xuất sắc hơn thế. Thứ bóng đá pressing đến nghẹt thở mà huấn luyện viên

Hansi Flick đã áp dụng với sơ đồ chiến thuật 4-2-3-1 được thể hiện rõ ràng nhất trong màn đại thắng Barcelona 8-2 ở tứ kết. Tỷ số điên rồ tưởng như chỉ có ở những trận cầu nội địa, giữa một ứng cử viên vô địch và một đội trụ hạng. Nhưng Bayern đã làm được điều đó dễ như trở bàn tay với đội bóng sở hữu Lionel Messi, bởi thật ra các cầu thủ Đức đã không hề đá bóng. Mà họ hủy diệt, tàn phá đối phương tàn nhẫn trong một đêm kinh hoàng mà Barca không có nổi một tia hy vọng như cách Thomas Müller từng phát biểu trước trận gặp Chelsea vòng trước đó: "*Chúng tôi muốn cho họ thấy ngay từ đầu rằng sẽ không có niềm hy vọng nào cả và trông chờ vào một phép màu sẽ chỉ là vô nghĩa mà thôi.*"

Messi đã có thể vừa ngã vừa vẫn ghi bàn khi Barca gặp Napoli ở vòng đấu trước nhưng ngay cả khi đứng vững, anh cũng đã không thể ghi bàn vào lưới Manuel Neuer, dù với Bayern năm này hay đội tuyển Đức cách đây 7 năm. Messi là lá phổi của đội bóng xứ Catalan và cũng là điểm yếu chết người của họ. Đó là một bức tranh tương phản, hàng thủ Bayern không phải làm quá nhiều để bắt chết Messi, nhưng hàng phòng ngự Barca thì tan hoang càng làm nền cho những pha đi bóng đi vào lòng người xé nát cánh hàng thủ đối phương của tài năng trẻ Alphonso Davies.

Ở đây, cũng xin nhấn mạnh một chút. Ăn 3 thì đã có nhiều đội bóng ăn 3 (Inter, Celtic, MU, Barca, Bayern), hai lần ăn 3 vẫn có Barca và Bayern. Nhưng ăn 3 mà toàn thắng, hai lần ăn 3 đều thuyết phục, đều vũ bão, đều "ăn tươi nuốt sống" đối thủ thì chỉ có Bayern Munich mà thôi.

Trước trận chung kết với PSG, người ta nói về truyền thuyết chưa có đội bóng nào thể hiện phong độ áp đảo với những trận toàn thắng giòn giã có thể lên ngôi ở Champions League, bởi nhà vô địch thường phải đi một quãng đường có ít nhiều chông gai với những trận thắng sát nút. Không nhiều người tin rằng Bayern sẽ vô địch giải đấu danh giá này với một phong độ khủng khiếp vô đối như thế. Nhưng khi đã là Chân Mệnh Thiên Tử, dớp nào cũng dễ xóa.

Hansi Flick

Thành công của Bayern có dấu ấn đậm nét của một... ông chủ tiệm đồ thể thao. Hansi Flick là cử nhân thể thao chuyên ngành bóng đá, ông đỗ thủ khoa khóa học chuyên nghiệp loại 1, từng phụ tá cho Joachim Löw trong chặng đường giành chức vô địch thế giới - World Cup 2014 cùng đội tuyển Đức. Khi Flick ra đi, đội tuyển Đức của Jogi lập tức rệu rã, còn khi ông đến Bayern, CLB lại

thăng hoa quá nhanh chóng. Chẳng thế mà người hâm mộ cho rằng ngay cả thành công năm 2014 của Die Mannschaft cũng là do công lớn của Flick ở vị trí trợ lý.

Chỉ cần 10 tháng, ông đã biến một Bayern bất ổn từ người tiền nhiệm bất lực Niko Kovac lột xác thành một hung thần trên khắp mặt trận. Từ đội bóng mà Kovac bóng gió bảo rằng "*Người ta không thể cố chạy 200 km/h trên xa lộ khi xe chỉ có khả năng đến 100*" để rồi phải gánh chịu trận thua 1-5 nhục nhã trước Frankfurt trong khuôn khổ Bundesliga, Flick biến họ thành những nhà vô địch toàn thắng ở châu Âu. Từ tập thể mà Kovac ngán ngẩm nhận xét: "*Để có thể thi đấu như ý muốn, người ta phải có những cầu thủ phù hợp...*", Flick biến họ thành một cỗ máy trơn tru hủy diệt bất kỳ đối thủ nào. Sự nhuần nhuyễn và ăn ý của các cầu thủ Bayern không chỉ tới từ 11 vị trí trên sân mà ngay cả các cầu thủ dự bị cũng là mảnh ghép hoàn hảo. Các cầu thủ bọc lót, hỗ trợ, giải nguy cho nhau với tinh thần đồng đội tối thượng. Điển hình là tình huống trong trận gặp Barcelona. Với vị trí tiền đạo cắm, Robert Lewandowski đã hoàn toàn có thể tự dứt điểm, nhưng anh lại chuyền ngược lại cho Thomas Müller khi thấy đồng đội ở vị trí thuận lợi hơn. Điều này đã khiến Müller, người như đánh mất chính mình dưới thời Kovac, xúc động chia sẻ: "*Tôi thấy trái tim mình mỉm cười khi chúng tôi đã thi đấu như vậy. Tinh thần đồng đội của chúng tôi mạnh hơn bất kỳ một ngôi sao nào.*"

Chứng kiến sự keo sơn đã đóng góp vào thành công của Bayern trong suốt mùa giải, Giám đốc điều hành của Bayern, Karl-Heinz Rummenigge nhận xét: "*Tôi hiếm khi thấy một nhóm cầu thủ gắn bó với nhau như thế này*". Còn huấn luyện viên đội tuyển Đức Joachim Löw thì chia sẻ về người đồng nghiệp cũ: "*Đội bóng thực sự đoàn kết với nhau, ngay cả những cầu thủ không được thi đấu cũng thoải mái chấp nhận điều đó vì Hansi biết cách nói chuyện với họ.*" Boateng thì bảo rằng: "*Tôi biết với Flick, chỉ cần khỏe mạnh và lấy lại nhịp điệu, tôi sẽ luôn được trao cơ hội và đó là tất cả những gì tôi cần. Tôi hạnh phúc vì cuối cùng mình cũng đáp trả được sự tin tưởng mà ông ấy dành cho tôi.*"

Vị chiến lược gia 56 tuổi này đã trở thành một hiện tượng trong làng huấn luyện viên. Còn quá mới mẻ ở Champions League nên dường như những đối thủ huấn luyện viên ngôi sao khác còn bỡ ngỡ với ông. Châu Âu bất ngờ với lối đá của Flick-Bayern. Hansi Flick được các học trò tin tưởng mà niềm tin này đã đến từ những cựu cầu thủ đội tuyển quốc gia từ lâu. Họ tin ông thầy này có thể đánh thức được tất cả tiềm năng trong mình. Ông làm họ tự tin tới mức các cầu thủ có chung suy nghĩ, chỉ cần ra sân chiến đấu

hết mình, chiến thắng cuối cùng sẽ thuộc về chúng ta.

Flick điềm đạm, trầm tĩnh, kiên định và trên hết là rất được lòng cầu thủ. Ông không cần phải cứng rắn như Louis van Gaal, cũng không ngọt ngào vỗ về cầu thủ như Jupp Heynckes, cũng chẳng cần là thiên tài nhiều ẩn số như Pep Guardiola, nhưng Flick có cũng như hiểu rõ được một thứ: Mia San Mia. Điều đó khiến cho ông hiểu cầu thủ, biết họ cần làm gì, khiến họ thấy dễ chịu.

Manuel Neuer - thủ môn quét

PSG - đối thủ ở chung kết của Bayern Munich là đội bóng duy nhất gây được chút khó khăn cho họ, tỷ số sát nút 1-0 đã phần nào chứng minh điều ấy. Đó xứng đáng là một trận chung kết căng não ngang tài ngang sức nhưng định mệnh đã không mỉm cười với gã nhà giàu nước Pháp dù họ chơi không hề lép vế. Bởi PSG đã thua Manuel Neuer.

Trong trận, chỉ tính riêng những pha cản phá thành công bằng chân của Neuer, con số đã là 3. Nổi bật nhất là tình huống khi Mbappe việt vị, mặt đối mặt với chàng thủ môn Đức, sút đùa mà cũng không thể thắng nổi cái chân của thủ thành người Đức. Nhưng những tình huống như thế xảy ra như cơm bữa suốt cả giải, từ trận hủy diệt Barcelona 8-2 hay chiến thắng thuyết phục 3-0 trước Lyon, cái bóng của Neuer luôn ở đó. Lừng lững. Đáng sợ. Các tiền đạo đối phương có rất nhiều cơ hội dứt điểm "thành công" khi đối mặt với Neuer. Họ có thể sút vào tay trái, tay phải, đầu, chân trái, chân phải anh… hoặc sút ra ngoài.

Nhìn Neuer bắt bóng, người ta có cảm giác anh ở đâu thì cái khung thành cũng tự dịch chuyển ra đó hoặc Adidas đã chế tạo một cái găng tay nam châm đặc biệt dành cho thủ thành 34 tuổi này. Những pha ra vào hợp lý, những pha khép góc "bắt chết" tiền đạo đối phương, những pha phát động tấn công hoàn hảo, những cú ném bóng xa tới tận 3/4 sân, những lần tham gia phòng ngự cùng hàng hậu vệ, những khi tham gia kiến tạo cùng hàng tiền vệ ở giữa sân…, Neuer đều làm được hết, như chính anh từng nói: "*Chúng tôi không chơi với 10 cầu thủ và 1 thủ môn, mà là 11 cầu thủ, chỉ là cầu thủ thứ 11 còn có quyền xử lý bóng bằng tay. Lối chơi của chúng tôi đã tiến tới chỗ tôi không phải là thủ môn, mà chỉ là người cuối cùng của đội bóng.*"

Manuel Neuer không chỉ là thủ môn, mà là một Sweeper, một thủ môn "quét" duy nhất của bóng đá. Huấn luyện viên Hansi Flick cũng đã không ít lần nhấn mạnh tầm quan trọng của thủ thành

đội trưởng đối với đội bóng: "*Manuel là thủ môn đẳng cấp thế giới và là số 1 tuyệt đối của chúng tôi.*" Trong 11 trận toàn thắng của Bayern ở Champions League này, có tới 6 trận Neuer giữ sạch lưới, cứu thua tổng cộng 28 lần.

Mia san Bayern

Nhưng kết tinh lại, thứ khiến Bayern khác biệt so với phần còn lại, và cũng được thể hiện rõ ràng nhất ở mùa giải này là một giá trị vô thực thể, thứ kích thích vô hình chảy trong huyết quản mỗi cầu thủ mỗi khi họ ra sân, đó là Mia san Bayern. Nhờ có nó, họ thi đấu bằng tất cả trái tim, không nản lòng khi thất bại, khát khao chiến thắng, thèm khát danh hiệu. Họ tự hào vì mình khác biệt và điều đó tạo nên những niềm tin và kiêu hãnh khổng lồ.

Ở Bayern và đội tuyển Đức, không có cá nhân nào là siêu sao mà cả tập thể ấy là một ngôi sao duy nhất. Tính đồng đội, sự kỷ luật, tôn trọng các nguyên tắc và trật tự được đề cao lên trên tất cả. Bạn không bao giờ thấy họ phụ thuộc vào cá nhân nào, nên cũng không ai sẽ phải gánh team. Các nhà tài phiệt không bao giờ có hy vọng thâu tóm được Bayern như cách họ làm ở các giải đấu Ngoại hạng khác, bởi cổ động viên cũng chính là những cổ đông lớn được tham gia các cuộc họp tài chính thường niên, ngoài ra còn có những doanh nghiệp khổng lồ hỗ trợ phía sau. Bayern có 3 nhà tài trợ chính hùng mạnh Allianz (bảo hiểm) - cũng là doanh nghiệp tài trợ cho sân vận động của đội với cái tên Allianz Arena, Adidas, Audi với tổng số 330 triệu €, chiếm 25% cổ phần đội bóng.

Đội bóng xứ Bavaria là CLB bên ngoài giàu thành tích bên trong nhiều tiền nhưng không bao giờ chi tiêu xa hoa và gây ồn ào bởi những chuyện ngoài bóng đá. Ở Đức, bóng đá đơn thuần là bóng đá, không phải showbiz nơi các cầu thủ khoe bộ sưu tập xe và bồ nhí, cũng không phải nơi để các nhà tài phiệt khoe túi tiền của họ. Bóng đá ở Đức thuộc về khán giả, dựa vào khán giả và hơn thế nữa, không bao giờ có chỗ cho những siêu sao khi tất cả thi đấu vì những ngôi sao trên áo họ và những ngôi sao trên khán đài.

Champions League là nơi làm nhiều CLB lâm vào cảnh nợ nần, phá sản. Cú ăn 3 của Inter năm 2010 vẽ lên trang sử mới nhưng nhiều năm trở lại đây, đặc biệt là trong bức tranh COVID, CLB đã liên tục thua lỗ hàng trăm triệu €. AC Milan đã có thời kỳ hoàng kim năm 2007 và giờ cũng ôm một đống nợ, lỗ lên lỗ xuống. Chức vô địch ở đây khiến một đội bóng phải vung tay quá trán để chiêu mộ ngôi sao, tăng cường nòng cốt. Mùa này không vô địch thì càng chi nặng để trông chờ vào mùa sau. Bạn có thể vô địch hôm

nay và thua lỗ ngay ngày mai vì ở thời điểm đó, CLB chưa chắc đã là một công ty tốt.

Bayern thì ngược lại. Họ duy trì và trung thành với triết lý kinh doanh, cả đội bóng là một công ty và chỉ cần vận hành đều, tốt, thành công sẽ đến. Champions League năm 2020 nói riêng và cú ăn 3, thậm chí ăn 6 của họ là một sự ghi nhận cho lý tưởng đó. 28 năm liên tiếp, Bayern làm ăn có lãi, bất chấp Covid. Họ trở thành tấm gương sáng cho các đội bóng muốn làm bóng đá thực sự, coi nó như một công ty để phục vụ khán giả và các cổ đông. Điều này tốt cho bóng đá hơn. Rất nhiều CLB đã phá vỡ các nguyên tắc kinh doanh để một lần được tiến tới mặt trời, như Lazio, Parma ngày trước, rồi Inter, hay thậm chí Barca, Real cũng là những đội bóng lỗ ròng nặng hậu vô địch. Bayern thì khác, họ hoạt động như một hệ thống kinh doanh lúc nào cũng tỉnh táo. Ưu tiên của đội bóng là tài chính, là sự hài lòng của khán giả nên quá khứ có hùng mạnh, song để nói là rực rỡ thì chưa phải. Nhưng đến giờ, cái "công ty" ấy cũng đã mang lại sự rực rỡ thật sự, với sự thống trị độc cô cầu bại.

Giống như tiếng Đức là một ngôn ngữ hiếm hoi mà động từ đặt ở cuối câu. Trong các câu đơn, sau động từ là dấu chấm, không có thêm một từ nào đứng sau nó, không một giải nghĩa nào nữa. Bởi vì khi người Đức hành động, họ tuyệt nhiên không cần giải thích. Họ lầm lũi mà làm. Chấm hết.

Champions League 2019-20 là một mùa giải đáng nhớ đối với tất cả, tiêu cực và tích cực. Nó đã đi một chặng đường kỳ lạ chưa từng có với những khán đài trống, những chiếc khẩu trang, những bộ kit xét nghiệm, và cả những cái ôm. Nhưng Bayern với 11 trận toàn thắng và thứ bóng đá chính xác đến hoàn hảo của họ đã mang đến một cái kết đẹp để chứng minh rằng dù dịch bệnh còn ở đó nhưng sức sống của bóng đá thì bất diệt, chỉ cần còn tình yêu. Và bóng đá luôn có tình yêu.

Vua và đồng đội

Cup châu Âu và Champions League đã chứng kiến vô số siêu sao xuất hiện trong suốt chiều dài lịch sử của mình. Họ đã tạo nên muôn vàn dấu ấn trong những trận cầu kinh điển còn được nhớ mãi đến ngày hôm nay. Ai có thể quên được Ferenc Puskas với cú poker thần thánh trong một trận chung kết? Ai có thể quên được 2 đường kiến tạo thiên tài của Gianni Rivera? Ai có thể quên được Eusebio và Gerd Mueller, những người coi việc ghi bàn như hơi thở của chính mình? Và rồi đó còn là hàng phòng ngự trứ danh của Milan, là cú volley ngỡ ngàng của Zidane và những đường đan bóng như ma thuật của Xavi, Busquets và Iniesta. Nhưng có những con người đã vượt lên các siêu sao ấy để trở thành những vị vua không thể chối cãi của Cup châu Âu. Những con người cực kỳ đặc biệt. Những siêu nhân của thế kỷ!

ALFREDO DI STEFANO

Dũng Phan

"Năm 1953, ông chủ của Real Madrid - Santiago Bernabeu - ký hợp đồng với Di Stefano. Bóng đá châu Âu thay đổi hoàn toàn chỉ với một nét bút" - Bách khoa toàn thư thế giới nói về sự kiện ngày đó bằng những từ như vậy. Có Di Stefano, lịch sử Real Madrid thay đổi, lịch sử Barcelona thay đổi, lịch sử bóng đá thế giới lẫn bóng đá châu Âu thay đổi. Tất cả đều trên đôi chân huyền ảo của một con người đến từ Argentina.

Di Stefano - hoàng đế của Cup C1

Bây giờ, cả thế giới đều biết Real Madrid là Di Stefano, Di Stefano là Real Madrid. Nhưng nếu bạn lên thanh tìm kiếm google và gõ dòng khóa "Di Stefano Barcelona", bạn sẽ choáng váng khi thấy hình ảnh Di Stefano đứng đó, tay chống nạnh, và đúng rồi, không thể nhầm lẫn vào đâu được: chiếc áo hai màu xanh-đỏ của Barcelona. Không thể tin được huyền thoại vĩ đại nhất lịch sử Real lại từng đá cho Barca, nghe chẳng khác gì chuyện Messi từng đá cho Real trước khi qua Barca vậy? Câu chuyện đó là như thế nào đây?

Có lẽ hãy bắt đầu bằng một chút kiến thức lịch sử, từ cái thuở xa xưa khi Cristoforo Colombo tìm ra châu Mỹ vào ngày 12-10-1492. Rồi kể từ đó, những chuyến tàu bắt đầu đưa những người châu Âu đến với châu Mỹ để khai phá lục địa này. Chủ nghĩa thực dân theo đó phát triển, Argentina trở thành thuộc địa của Tây Ban Nha, cùng hơn một nửa Nam Mỹ nói tiếng Tây Ban Nha (riêng Brazil nói tiếng Bồ Đào Nha). Ảnh hưởng của Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha đến Nam Mỹ không chỉ ở mỗi văn hóa, kinh tế, ngôn ngữ, tên gọi, lẫn màu da, chủng tộc, mà còn là bóng đá. Cũng rất nhanh chóng, những người làm bóng đá ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha luôn có những chuyên gia săn đầu người ở Argentina, Brazil. Còn những

cầu thủ đường phố tại các nước Nam Mỹ cũng luôn nhìn Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha như điểm đáp đầu tiên sau khi rời quê hương. Trong sự tìm đến nhau ấy, có một cuộc gặp định mệnh. Người ta có câu rằng "tiếng lành đồn xa", và những ngôi sao tài năng tuyệt luân khi đã trình diễn trên sân cỏ, ắt sẽ có người phát hiện và tìm thấy. Lần này, Real và Barca đều hội tụ về một chàng trai: Alfredo Di Stefano Laulhe.

Sinh ngày 04-07-1926 trong một gia đình Italia nhập cư thuộc thế hệ thứ nhất, tại miền đất có tên là Barracas, vốn là một huyện nghèo ở ngoại ô thủ đô Buenos Aires của Argentina, Di Stefano phải lao động từ nhỏ. Rất vô tình, chính chuyện này cộng với bản năng chơi bóng thiên tài đã biến Di Stefano thành cầu thủ có nền tảng thể lực dồi dào, sức mạnh vũ bão trên một đôi chân khéo léo khi bước vào con đường chuyên nghiệp. Ngày đó, các nhà báo khi xem Real của Di Stefano đã nhận xét bằng một câu nói nổi tiếng: *"Có Di Stefano trong đội hình, Real Madrid giống như có hai cầu thủ đá hai vị trí."* Ấy là nói đến thể lực khủng khiếp của Di Stefano so với mặt bằng chung. Ông đã đến châu Âu khi 27 tuổi, chia tay Real Madrid khi 38 tuổi, và giã từ sự nghiệp sân cỏ ở tuổi 40. Nghe như câu chuyện về Paolo Maldini, Zlatan Ibrahimovic hay Cristiano Ronaldo ở 60 năm sau vậy? Mà thời đó làm gì có chế độ chăm sóc sức khỏe tốt như bây giờ. Như vậy có thể thấy được, Di Stefano là một viên ngọc, và ai có được ông thì đồng nghĩa với việc sẽ thay đổi lịch sử bóng đá của chính đội bóng. Vì thế mà câu chuyện tranh giành viên ngọc này thật sự là một truyền kỳ với vô số dị bản. Tuy nhiên, chúng ta có thể tóm gọn thế này.

Di Stefano có một người cha là cựu hậu vệ của River Plate. Vào năm 1944, cha ông khi nhận thấy năng khiếu chơi bóng của con trai đã viết một lá thư giới thiệu con trai cho "Dòng sông bạc", và Di Stefano đương nhiên là được chọn. Anh trở thành con người của River Plate. Năm 1949, sau bốn mùa giải chơi cho gã khổng lồ của Argentina, trong đó có một mùa được cho mượn tại Huracan, thì Di Stefano gia nhập CLB của Colombia là Millonarios FC có trụ sở tại Bogota. Câu chuyện bắt đầu ở điểm này. Tháng 3-1952, ở châu Âu xa xôi, Real Madrid tổ chức một trận đấu giao hữu tại Madrid nhân kỷ niệm 50 năm thành lập đội bóng. Rất vô tình, đội bóng Nam Mỹ được lựa chọn là Millonarios FC. Trên khán đài, hàng ngàn khán giả tại Madrid đã "miệng chữ O, mồm chữ A" khi được chứng kiến những đường bóng không tưởng của anh chàng Di Stefano. Chủ tịch Santiago Bernabeu ở trên khán đài làm sao để yên cho được? Ông lập tức thỏa thuận với CLB chủ quản của Colombia là Millonarios FC để mang Di Stefano về với CLB Hoàng gia Real Madrid. Trước đó, xin nói thêm về thống kê của Di

Stefano ở CLB Colombia vô danh này: 267 bàn trong 294 trận chơi cho Millonarios, cùng 4 chức vô địch Colombia (1949, 1951, 1952, 1953).

Vấn đề là tài năng của Di Stefano là một mỏ vàng lộ thiên, không chỉ Real mới thấy, mà Barca cũng đâu có mù? Và thậm chí họ đã nhanh chân hơn Real một bước từ trước rồi. Nhưng vấn đề phát sinh lại ở việc Barcelona chọn River Plate để thương thuyết. Vậy là xảy ra tình huống sau: Real mua Di Stefano qua chữ ký với Millonarios, còn Barca mua Di Stefano qua chữ ký với River Plate. Thế là những âm mưu man trá, những dị bản muôn đời, những niềm tin hận thù và cả guồng quay lịch sử đã được thay đổi từ chính cái lằng nhằng đấy. Vào cái giai đoạn hồng hoang đó, luật sở hữu cầu thủ còn lỏng lẻo. Và như ta đã thấy, rõ ràng cả Real và Barca đều có những lý lẽ riêng của mình trong việc giành giật Di Stefano. Thế hệ sau cũng không có đủ mọi tài liệu để khẳng định đúng - sai trong việc này. Người Barca tin rằng họ là nạn nhân của độc tài Franco, người đã can thiệp để ép phải nhượng Di Stefano lại cho Real. Còn người Real thì trả lời rằng: "*Chúng tôi đã bỏ ra 5,5 triệu pesetas Tây Ban Nha (một con số khổng lồ thời ấy) để mua phần còn lại trong hợp đồng với Di Stefano. Chứ không phải cướp trắng.*" Và rõ ràng, những con số không hề nói dối. Real Madrid đã đặt cược cực lớn với Di Stefano, không chỉ bỏ ra 5,5 triệu pesetas cho Barca, họ còn trả thêm 1,3 triệu cho Millonarios. Cộng với đó là mức lương 16.000 cho Di Stefano, cùng với đặc ân rằng anh sẽ nhận số tiền thưởng gấp đôi các đồng đội. Tổng cộng các chi phí, người ta sửng sốt phát hiện ra Bernabeu đã đánh một canh bạc cho Di Stefano, vì để có được ông và nuôi nổi ông, họ đã dùng 40% doanh thu hàng năm của câu lạc bộ cho ông. Đọc đến đây, có lẽ bạn đã hiểu, đúng như câu nói: "*Hãy đi tìm lịch sử, vì chỉ có lịch sử mới giải thích cho bạn căn nguyên của vấn đề.*" Hôm nay, những gì Real Madrid và Chủ tịch Florentino Perez từng làm với Zidane, Ronaldo, Beckham, Bale... chính là bắt đầu từ cái ngày mà Bernabeu ký với Di Stefano. "*Những ngôi sao tự trả tiền cho chính họ*" (Florentino Perez). Hàng chục năm sau, Barca vẫn tin vào một dị bản duy nhất là Real đã cướp Di Stefano của họ. Còn người Real chỉ tin vào một thứ duy nhất: kết quả.

Kopa, Di Stefano và Chủ tịch Bernabeu

Ngày 23-09-1953 sẽ được ghi nhớ là một ngày lịch sử của bóng đá thế giới cấp CLB, vì đó là ngày Di Stefano ra mắt tại Real Madrid, trong trận đấu giao hữu với CLB Nancy của Pháp. Một tháng sau, trận siêu kinh điển đầu tiên trong mùa giải 1953-54 diễn ra trên sân nhà Real. Hôm đó, Real đã tiêu diệt Barca với tỷ số 5-0. Và có lẽ bạn đã đoán ra được điều đáng sợ nhất. Vâng, Di Stefano ghi tới 4 bàn. Barca biết rằng mình đã sai lầm nghiêm trọng, nhưng đã quá muộn. Bên kia bầu trời, vị Chủ tịch Santiago Bernabeu cười sảng khoái. Cuối mùa giải ấy, Real Madrid vô địch La Liga, chức vô địch đầu tiên kể từ năm 1933 mà tôi đã nói ở câu chuyện về Bernabeu trong trang sách này. Mùa giải đó, Di Stefano ghi được 27 bàn sau 28 trận. Mùa giải tiếp theo, với 25 bàn sau 30 trận, ông đưa Real Madrid vô địch La Liga lần thứ hai liên tiếp. Mùa giải thứ ba, với 5 bàn sau 7 trận tại đấu trường C1 mùa giải 1955-56, Di Stefano đưa Real Madrid đến với chiếc Cup vô địch châu Âu đầu tiên trong lịch sử. Tiếp theo, chính là 5 chức vô địch C1 liên tiếp mà ai yêu bóng đá cũng đều một lần được nghe. Huyền thoại Kền Kền Trắng là Emilio Butragueno vì vậy đã nói: "*Lịch sử Madrid khởi đầu với Di Stefano*", đấy là một lịch sử của vinh quang và chiến thắng, một lịch sử được cắt đôi trước Di Stefano và sau Di Stefano. Trước khi Di Stefano khoác lên người chiếc áo trắng ấy, trong hơn 50 năm - 50 năm tức nửa thế kỷ, Real Madrid chỉ vô địch vỏn vẹn 2 lần. Nhưng trong 11 năm mà Di Stefano thi đấu tại sân vận động Bernabeu, Real Madrid đã vô địch tới 8 lần. Một tờ báo Tây Ban

Nha vì quá yêu ông mà đã viết: "*Tại Madrid, mặt sân Santiago dốc nghiêng về bên trái bởi thời còn thi đấu, Alfredo Di Stefano hay chơi nhiều ở cánh này.*" Vua bóng đá Pele khi đến thăm Madrid đã nói rằng ông không bằng Di Stefano. Điều này thậm chí được cả Maradona hay bậc thầy của Catenaccio là Helenio Herrera công nhận: "*Tôi không biết mình có xuất sắc hơn Pele hay không nhưng tôi có thể nói không chút hồ nghi rằng Di Stefano xuất sắc hơn Pele. Tôi tự hào được nói về Di Stefano. Pele đã gặp khó khăn khi chơi bóng ở châu Âu trong khi Alfredo đã chơi cực hay trên khắp thế giới*" (Diego Maradona). "*Di Stefano chơi như một hậu vệ, tiền vệ và tiền đạo trong mọi trận đấu. Pele chỉ tham gia trên tiền tuyến. Di Stefano tham gia mọi tuyến, cộng thêm những gì Pele làm được. Nếu Pele là cây vĩ cầm chính, Di Stefano là cả dàn nhạc*" (Helenio Herrera).

Năm 1991, khi tạp chí *France Football* tổ chức cuộc bầu chọn Cầu thủ xuất sắc nhất châu Âu mọi thời đại thông qua việc lấy ý kiến của các nhà báo bóng đá, Di Stefano đã giành chiến thắng và được trao Siêu Quả Bóng Vàng châu Âu. Maradona, Pele có thể là các cầu thủ vĩ đại nhất cấp độ đội tuyển, nhưng Di Stefano sẽ là cầu thủ vĩ đại nhất cấp độ CLB. Tiếp cận được đẳng cấp và vị thế của ông, chỉ có thể là Messi và CR7 hôm nay. Nhưng những điều vĩ đại mà Ronaldo làm được, cũng là sự kế thừa trên nền tảng mà Di Stefano đã tạo ra. Lịch sử C1 vốn dĩ đã ở bên Real Madrid, một lịch sử vĩ đại được tạo ra theo cách riêng của nó trên đấu trường Champions League. Chủ tịch Florentino Perez nói rằng: "*Real Madrid có DNA Champions League, CLB yêu nó hơn tất cả mọi thứ trên đời.*" Trong phòng trưng bày của Real thì vị trí trung tâm phải là các danh hiệu C1, tất cả các bản hợp đồng được mua về đều đến đó, nhìn vào và nhắc nhở: "*Anh phải đem thêm một chiếc Cup nữa về đây*."

Di sản mà Di Stefano để lại cho Real Madrid là 5 Cup C1 châu Âu, 8 chức vô địch Tây Ban Nha, 1 Cup Tây Ban Nha, 1 Cup Liên lục địa, 2 lần giành Quả Bóng Vàng châu Âu, ghi 216 bàn/282 trận tại La Liga cho Real Madrid, trong đó có 5 lần đoạt Vua phá lưới. Ông còn thiết lập số bàn thắng 49 bàn/59 trận ở Cup C1, một kỷ lục mà phải mất tới nửa thế kỷ thì Raul Gonzalez mới phá giải được. Cup C1 là định hình của giải đấu dành cho những đội bóng mạnh nhất thế giới, là nơi những đội bóng số 1 đua tài để xem ai là số 1 trong tất cả các số 1. Real Madrid xuất hiện trong ngày hồng hoang, vạch lên trên bầu trời một dải thiên hạ rực rỡ, ghi dấu ấn của một vị vua tuyệt đối chính là Di Stefano, người đã ghi bàn trong 5 trận chung kết Cup châu Âu liên tiếp (tổng cộng 7 bàn), người đã cùng Santiago Bernabeu đặt vào trong dòng máu Real Madrid một gen di truyền của "Champions League/C1", và Cup C1/Champions League cũng đồng hành với Real Madrid. Ngày biết tin FIFA công

nhận Real Madrid là CLB vĩ đại nhất thế kỷ XX, Lorenzo Sanz (Cố Chủ tịch Real Madrid giai đoạn 1995-2000), người đã qua đời vì Covid-19 vào năm 2020 phát biểu: "*Một phần thành công này thuộc về Di Stefano. Chúng tôi sẽ không bao giờ có thể tạ ơn xứng đáng trước những gì ông đã làm cho Real Madrid. Di Stefano sẽ luôn ở trong trái tim của chúng tôi.*" Khí phách mà Real có được tại Champions League ngày hôm nay chính là từ những bước chạy ngày đó của Di Stefano.

Cống hiến tuyệt vời của Di Stefano đã biến ông trở thành người mang hai quốc tịch Argentina và Tây Ban Nha, tuy nhiên, cũng trở thành nỗi tiếc nuối vô bờ khi không thể vô địch World Cup trong hai màu áo quốc gia mà ông yêu quý. Thậm chí, ông còn chưa từng dự một vòng chung kết World Cup nào. Tin nổi không? Một thiên tài cỡ ấy lại chưa từng dự World Cup, chỉ vì nhiều nguyên nhân khác nhau, mà trong đó có cả những lý do chính trị. Nhắc đến chính trị, người ta vẫn nói về vụ bắt cóc Di Stefano tại Venezuela bởi một tổ chức chống chính phủ. Nguyên nhân bị bắt rất rõ ràng: để báo chí biết về sự tồn tại của họ. Vì Di Stefano quá nổi tiếng, vì Real Madrid ngày đó đã giống như một biểu tượng ngoại giao của Tây Ban Nha.

Tuy nhiên, sau hoàng hôn rực rỡ vẫn luôn là bóng đêm u sầu, kể cả một siêu nhân như Di Stefano chăng nữa cũng phải gánh chịu. Ông gặp phải hung thần tuổi trẻ của đời mình, đấy chính là "Báo đen" Eusebio của Benfica trong trận chung kết Cup C1 vào năm 1962. Ngày đó, Eusebio kể lại họ bước vào trận chung kết với cảm giác choáng ngợp, họ sợ hãi trước tầm vóc của Di Stefano, của Puskas, nhưng khi quả bóng bắt đầu lăn thì Eusebio phát hiện ra những vị thần ấy đã già cỗi. Và thế là đôi chân tốc độ của "Báo đen" đánh bại Real Madrid chậm chạp. Năm đó, Di Stefano đã 38 tuổi. Thất bại lần thứ 2 trước Eusebio vào năm 1965 đã khiến ông đi đến quyết định chia tay Real Madrid ở tuổi 38. Đến năm 40 tuổi, ông giải nghệ. Một tuổi thọ sự nghiệp mà kể cả nền y học hiện đại còn phải ghen tị.

Di Stefano trở thành huấn luyện viên, và sự nghiệp huấn luyện viên của ông cũng hoành tráng theo một cách rất riêng. Ai cũng biết về mối thù giữa Boca Juniors và River Plate, thế mà năm 1970, Di Stefano dẫn dắt Boca Juniors giành chức vô địch quốc gia Argentina, rồi 10 năm sau lại đưa đội bóng cũ River Plate đến chức vô địch quốc gia 1981. Ông đi vào lịch sử với tư cách huấn luyện viên duy nhất giành danh hiệu vô địch Argentina với cả hai CLB không đội trời chung là Boca Juniors và River Plate. Ông cũng là người đã dẫn dắt "bầy dơi" Valencia vô địch La Liga mùa giải

1970-71 sau 24 năm chờ đợi. Quả thật, càng đọc về ông, ta lại càng thấy các cầu thủ hôm nay bé nhỏ. Tuy nhiên, trời không cho không ai một cái gì. Dù có hai nhiệm kỳ với Real Madrid thì ông cũng chỉ có với Real một Siêu Cup Tây Ban Nha đầy khiêm tốn.

Giải nghệ vào tuổi 65, dấu chân ông được khắc trên đại lộ danh vọng ở Monaco. Di Stefano cũng trở thành chủ tịch danh dự của Real Madrid, và mỗi khi chủ tịch đương nhiệm công khai bản hợp đồng mới thì ông lại bước ra, đứng bên cạnh như nhắc nhở về một chứng nhân lịch sử đã tạo nên một Real Madrid vĩ đại, và các bản hợp đồng mới phải biết để chiến thắng, để vô địch, để biến sự vĩ đại này thành trường tồn.

Ngày 09-05-2006, Real Madrid đã khánh thành sân vận động Alfredo Di Stefano nằm trong khu huấn luyện liên hợp của họ ở Valdebebas, ngoại ô Madrid, để tôn vinh những đóng góp của ông. Vào thời điểm Covid-19 hoành hành và sân vận động Bernabeu tạm đóng cửa để trùng tu, sân Alfredo Di Stefano được lựa chọn làm sân nhà của đội bóng. Và như chúng ta đã biết, nơi đây chứng kiến thầy trò Zidane nâng cao chức vô địch La Liga thứ 34 trong lịch sử (mùa giải 2019-20). Nhưng ngày đó không còn thấy Di Stefano móm mém mỉm cười trên ghế khán giả nữa. Ông đã mất từ trước đó 6 năm, vào ngày 07-07-2014, ở tuổi 88. Joseph Blatter, Chủ tịch FIFA khi ấy đã viết dòng điếu văn: "*Vĩnh biệt một huyền thoại, cầu thủ tôi rất yêu thích, cầu thủ tuyệt vời nhất mà tôi từng thấy.*"

* *

*

CRISTIANO RONALDO

Dũng Phan

Nếu Champions League là đấu trường danh giá nhất cấp độ CLB, là đấu trường quan trọng nhất thế giới trong khoảng hơn một thập kỷ trở lại đây, thì hắn là ai?

Hắn có nhiều bàn thắng ở vòng loại trực tiếp nhất (65)

Hắn có nhiều bàn ở tứ kết nhất (26)

Hắn có nhiều bàn ở bán kết nhất (13)

Hắn có nhiều bàn ở chung kết nhất (4)

Hắn kiến tạo nhiều nhất (42)

Giành 5 danh hiệu vô địch với 2 đội bóng khác nhau, 7 lần giành ngôi vị vua phá lưới, 8 cú hattrick. Hắn ghi nhiều bàn nhất ở đấu trường này (132).

Có những cầu thủ kỷ lục chỉ đạt 1/3 đến 1/4 các con số trên đây cũng đủ để thành huyền thoại. Còn hắn là hoàng đế trong đấu trường này. Những cột mốc hắn vẫn miệt mài đi chinh phục, thử thách này đến thử thách khác, có khi ngã xuống, bị chế giễu, lại bò dậy, lại chinh phục. Hắn không chịu dừng lại.

Ngày hắn rời đi, lịch sử Champions League sẽ cúi đầu trước hắn.

36 tuổi, nhiều huyền thoại vẫn thi đấu. 36 tuổi, không hiếm kẻ đua tài. Nhưng 36 tuổi mà vẫn sừng sững tỏa sáng cùng tuế nguyệt, không cho thế hệ sau chen vào mâm của mình, thì thật hiếm có vô song trong lịch sử bóng đá.

Tên hắn là Cristiano Ronaldo!

Hắn là một con quái vật của bóng đá thế giới. Một hoàng đế tại Champions League. Một người khổng lồ của đấu trường này.

Turin, một ngày tháng 4-2018, Juventus gặp Real Madrid ở trận lượt đi tứ kết Champions League mùa giải 2017-18. Phút 64, từ đường tạt bóng của Dani Carvajal, Cristiano Ronaldo ngả người tung cú "lật bàn đèn" ở trên không. Thủ thành huyền thoại Gianluigi Buffon bất động nhìn bóng bay vào lưới. Bên ngoài sân, huấn luyện viên Zidane xoa mái đầu hói như đang tự hỏi điều gì vừa xảy ra. Từ trên khán đài, một trong những hình ảnh sững sờ xuất hiện: hàng loạt cổ động viên Juventus đã đứng dậy vỗ tay tán thưởng màn trình diễn của chàng tiền đạo đối thủ vừa tiêu diệt đội mình. Ronaldo cũng chân thành áp hai bàn tay vào nhau, môi mím lại, đặt tay lên ngực để bày tỏ sự biết ơn. Hành động vô tình hôm ấy chính là một trong những lý do tạo nên thương vụ chuyển nhượng trị giá 100 triệu € của Cristiano Ronaldo từ Real Madrid sang Juventus trong mùa hè đó. Bàn thắng của anh khiến gia tộc Agnelli phải thèm khát. Họ tin rằng bằng mọi giá phải đem được vị hoàng đế này về, để hiện thực hóa giấc mộng Champions League mà Juventus đã tìm kiếm suốt hơn 2 thập kỷ. Hơn một tháng sau đêm mưa Turin ấy, Ronaldo cùng Real Madrid vô địch Champions League lần thứ 3 liên tiếp, một kỷ lục vô tiền khoáng hậu trong lịch sử, và đấy cũng là danh hiệu vô địch Champions League lần thứ 5 của chàng trai người Bồ Đào Nha. Trong thành

tích cá nhân, CR7 giành luôn danh hiệu Vua phá lưới với 15 pha lập công. Và đây đã là mùa giải thứ 6 liên tiếp anh làm vua ở vùng trời vinh quang này. Kết thúc trận đấu, khi gặp phóng viên, Ronaldo nói đùa, Champions League nên đổi theo tên của anh là "CR7 Champions League"... để cho xứng tầm.

Ronaldo - lợi nhuận kếch sù của Perez

Huyền thoại bóng đá dẫu nhiều người kiêu ngạo, nhưng tại sao chỉ Ronaldo mới dám mạnh miệng như thế ở đấu trường đặc biệt ấy? Cũng tại vì sao chỉ mình Ronaldo khiến một đội bóng truyền thống kiểu như Juve bất chấp tất cả để đi ngược lề lối mà mang anh về? À, vì như đã nói từ đầu câu chuyện, Ronaldo là hoàng đế đích thực của Champions League từ khi mở cõi. Nếu Di Stefano và Gento là những người định hình nên C1 ngày đầu hồng hoang, Paolo Maldini là chứng nhân của giai đoạn lịch sử mà AC Milan vươn tầm trong thế kỷ XX, thì Ronaldo chính là người khổng lồ vĩ đại nhất Champions League của thế kỷ XXI tính đến thời điểm này. Ronaldo không chỉ là người nổi bật nhất, cũng không đơn thuần vì anh đã bỏ lại Messi trong cuộc đua ở giải đấu danh giá này, mà còn vì cách anh công phá các kỷ lục, cách anh định hình nên nó, và sự hào nhoáng của con người CR7 toát ra nét đồng điệu "Ton sur ton" - "Quân tử nhất bộ" với sự lung linh của Champions League.

Tony Britten (Nguồn: IrishMirror)

Tony Britten, nhà soạn nhạc người Anh, người đã soạn nên bản nhạc nền bất hủ "Champions League" từng miêu tả đấy là một khúc ca mang tính âm hưởng thính phòng hoành tráng, cũng như không kém phần sang trọng. Ông có rất nhiều điều tự hào vì bản ca ấy, như được thấy cảnh Cristiano Ronaldo hát và nhún nhảy theo điệu nhạc khi khúc ca đó vang lên trước trận. Vâng, được thấy Ronaldo hát bài ca của mình là một trong những điều tuyệt vời nhất của người soạn nhạc. Điều đó cũng nói lên cái "Ton sur ton" - "Quân tử nhất bộ" của hai cá thể này. Tuy nhiên, hành trình từ chàng trai bé nhỏ ở Lisbon tới vị hoàng đế Champions League không hề đơn giản. Chẳng ai quên được cảnh Ronaldo đã nằm òa xuống sân và khóc rưng rức giữa cơn mưa nặng hạt Moscow 2008. Hôm ấy, Manchester United vô địch sau khi thắng Chelsea ở loạt sút luân lưu, nhưng Ronaldo là người đã sút hỏng trong lượt đấu súng ấy. Và nếu không có cú trượt chân tai hại của John Terry thì chẳng biết điều gì xảy ra. Trước đó một năm, Ronaldo cũng bị Kaka làm cho lu mờ hoàn toàn ở mùa giải 2006-07. Phải đến mùa giải 2007-08, với 42 bàn thắng trên mọi mặt trận thì Ronaldo mới vươn tầm lên vị trí cầu thủ số 1 thế giới. Và đấy cũng là hành

trình của máu và nước mắt. Những hành động kênh kiệu, những phát ngôn coi trời bằng vung không khỏa lấp đi một tính cách yếu mềm của chàng trai thuở mới qua đôi mươi ấy. Sir Alex Ferguson hiểu điều đó, nên muốn giữ anh lại bên mình lâu nhất có thể. Nhưng không, Ronaldo là một con rồng lớn, và nó phải quẫy đạp ở vùng trời danh vọng nhất trên bình diện một CLB phải có. Manchester United tuy lớn đấy, nhưng điểm đến cuối cùng mà mọi cầu thủ trên thế gian đều mơ ước thì vẫn là Real Madrid. Vậy là Ronaldo - Real Madrid gặp nhau trong mối lương duyên trời định, để cùng với đó sinh ra thêm một trang sử mới.

Vào đúng 21 giờ 15 phút ngày 06-07-2009 (giờ địa phương), 85.000 khán giả trên Santiago Bernabeu chứng kiến màn ra mắt của cầu thủ số 1 thế giới, một người mang quốc tịch Bồ Đào Nha đến từ nước Anh, lưng mang áo số 9, bộ đồ trắng muốt và miệng cười tự tin. Chàng trai ấy mang trên mình phí chuyển nhượng kỷ lục thế giới lên tới 80 triệu bảng. Đấy là Cristiano Ronaldo, và ngày 06-07-2009 là ngày mở ra một chương mới trong lịch sử Real Madrid, ngày họ có được một Di Stefano của thế kỷ XXI. Nhưng không phải một bước lên tiên như Di Stefano đâu, chàng trai ấy lận đận hơn nhiều. Anh đã đến đúng giai đoạn mà đại kình địch Lionel Messi đang thăng hoa rực rỡ và tiqui-taca của Barca làm mưa làm gió, biến Ronaldo trở thành người chứng kiến đối thủ năm này qua tháng nọ nâng cao các Quả Bóng Vàng, và anh thì 4 lần làm người về nhì vĩ đại. Nhưng sau tất cả, có khi nào Ronaldo bỏ cuộc đâu?

Sinh ngày 05-02-1985 ở Santo António, một khu phố ở thành phố Funchal, thuộc quần đảo Madeira nằm ở bờ biển phía Tây Bồ Đào Nha, Ronaldo đã phải khổ luyện… từ trước khi sinh ra. Có một câu chuyện rất cảm động, thậm chí đau lòng. Đó là người mẹ Dolores khi biết mình mang thai Ronaldo, bà đã tìm cách phá bỏ cái thai này. Cha Ronaldo - José Dinis Aveiro nghiện ngập rượu chè và bạo hành vợ. Thời điểm bà Maria Dolores dos Santos mang thai Ronaldo, gia đình rất nghèo, cuộc sống không hạnh phúc nên bà chỉ muốn phá thai. Bà gặp bác sĩ, bà uống rượu, bà cố tình chạy nhảy, vấp ngã chỉ để phá cái thai ấy. Nhưng không, bào thai trong bụng bà muốn bước chân ra đời để viết nên trang sử đời mình, dẫu gập ghềnh thế nào cũng không sợ hãi. Cậu bé Cristiano Ronaldo dos Santos Aveiro đã phải chiến đấu từ trong bụng mẹ để được sinh ra trên đời.

Khi biết đam mê bóng đá và thể hiện được tài năng, được Sporting Lisbon lựa chọn, thì tuổi nhỏ đã phải sống xa gia đình, ngày nào cũng ôm gối khóc. Ở Sporting Lisbon, anh luôn bị chế giễu là kẻ

quê mùa. Đến khi khẳng định tài năng xong, chuyển sang Manchester United thì bị chỉ định mặc tấm áo số 7 của David Beckham - thần tượng lớn nhất Old Trafford. Sao số bình thường còn ngợp, nói gì một cầu thủ mới 18 tuổi? Ở Anh trong ba mùa đầu tiên, phong cách đá của Ronaldo vẽ vời hoa lá, trong khi thể hình, thể lực còn rất mỏng cơm nên tuy đẹp mà không hiệu quả. Dẫu thế, không giống như những cầu thủ lười biếng khác, Ronaldo lao mình vào trong phòng tập gym, nỗ lực cải thiện cơ thể hằng ngày. Carlo Tevez, đồng đội của Ronaldo kể lại, thường các buổi tập của MU sẽ bắt đầu lúc 9 giờ sáng, nhưng Tevez thường đến lúc 8 giờ sáng. Luôn luôn thấy Ronaldo ở đó. Tevez mới thử đến lúc 7 giờ 30 phút, và vẫn thấy Ronaldo ở đó. Tiền đạo người Argentina điên tiết lắm mới nghĩ cách phải cho thằng này bẽ mặt. Hôm sau, Tevez đến lúc 6 giờ sáng. Và bạn biết gì ko? Ronaldo đang ở đó. Khuôn mặt vẫn còn ngái ngủ đấy, nhưng đúng là hắn ta đã lù lù ở đó rồi. Không khó hiểu khi chỉ sau 3 năm ở nước Anh, Ronaldo vươn tầm. Tuy thế, chặng đường của Ronaldo không ít gập ghềnh và cả drama. Ít ai quên được cái nháy mắt láu cá của Ronaldo tại World Cup 2006 trong trận tứ kết giữa Anh và Bồ Đào Nha, giống như xúi trọng tài thổi đồng đội MU là Wayne Rooney thẻ đỏ. Rất may anh đã được Alex Ferguson bảo vệ, và dùng các bàn thắng để trả lời người hâm mộ xứ sương mù. Thương vụ chuyển nhượng qua Tây Ban Nha cũng nếm trải đủ lời nặng nhẹ. Có điều ta lại cảm tưởng như từng đó áp lực giống hệt các lớp áo giáp để khoác lên người CR7, để anh cứng cáp hơn, để hôm nay giữa Santiago Bernabeu hoa lệ, đứng trước đối thủ mạnh nhất lịch sử tồn tại của họ, thì chàng trai đó vẫn cương quyết không bỏ cuộc, vẫn trèo lên dòng nước ngược để ngẩng đầu nhìn trời, và vẫn có cách giành được vinh quang.

Tập luyện là bí quyết duy nhất của Ronaldo

Người ta không bao giờ quên được giọt nước mắt Zurich vào tháng 1-2014 khi anh giành Quả Bóng Vàng. Bên dưới khán đài, mẹ của anh, con trai anh, bạn gái anh là siêu mẫu Irina Shayk cũng không cầm nổi giọt lệ. Họ đã chứng kiến chàng trai đó khổ ải thế nào trong mỗi trận đấu, đã mệt mỏi thế nào trước những lời đàm tiếu, đã chịu đựng thế nào trong cảm giác của người thua trận. Nên khi anh giành được vinh quang ấy, cảm xúc vỡ òa. Có câu nói thế này: "*Trên bước đường vinh quang, không có dấu chân của kẻ lười biếng.*" So với đại kình địch Messi có phẩm chất thiên tài từ bé, thì Ronaldo không phải là cầu thủ của những bẩm sinh tài năng. Ở anh, điều quan trọng nhất để chiến đấu với Messi, để sánh ngang, để có những thành tựu nhất định vượt qua Messi, chính là sự khổ luyện. Ronaldo có một bí quyết là luôn đi bơi sau mỗi trận đấu, ngâm mình vào nước nóng rồi nước lạnh, giống như một cách để mát-xa cho cơ bắp. Mỗi ngày, Ronaldo tập 5.000 lần động tác đứng lên ngồi xuống. Ronaldo không chỉ tập các bài phát triển các nhóm cơ, mà bổ sung thêm các bài tập giúp tăng tốc, luyện sức bền, sự dẻo dai. Quan điểm của anh: "*Bạn có thể tập cơ bụng ở trên giường khi vừa thức dậy hoặc trước khi đi ngủ. Nếu cứ làm thế thường xuyên, sẽ tạo thành thói quen.*" Nhờ đó mà lượng mỡ thừa trong người Ronaldo là 5-7%, còn ít hơn các siêu mẫu (dao động 13,7%). Anh là minh chứng cho việc có khổ luyện thì mới thành tài, và những bài tập tưởng chừng đơn giản như thế này có thể tạo ra một cỗ máy săn bàn hoàn hảo như hiện tại.

Bóng đá không chỉ là bóng đá. Ronaldo dạy tất cả chúng ta bản lĩnh đi ngược giông gió. Dạy cho chúng ta cách đứng cao trên miệng đời. Dạy cho chúng ta nỗ lực và tính chuyên nghiệp. Và dạy chúng ta rằng, ai cũng có lúc thất bại, chỉ cần đừng bỏ cuộc. Bỏ cuộc có nghĩa là trận đấu đã kết thúc.

Thời khắc giành lại Quả Bóng Vàng đó, cũng chính thức mở ra một chương mới trong sự nghiệp của Ronaldo. Đó là con đường sẽ không chỉ giúp anh giành được những Quả Bóng Vàng để san bằng thành tích với đại kình địch Messi, đưa anh vượt qua Messi với danh hiệu lớn nhất trong sự nghiệp đội tuyển là chức vô địch Euro 2016, mà còn đưa anh lên thành hoàng đế ở Champions League. Chỉ bốn tháng sau danh hiệu Quả Bóng Vàng thứ 2 trong sự nghiệp, Ronaldo giành danh hiệu Champions League thứ 2 trong sự nghiệp, và là đầu tiên của Ronaldo với Real Madrid. Trận đấu cho giấc mộng La Decima mà kền kền đã trĩu cánh suốt 12 năm qua, là lý do cho việc họ mua anh về, là lúc giấc mơ chuẩn bị chạm ngưỡng hiện thực. Trên con đường đi đến trận chung kết ấy,

một mình Ronaldo ghi 16 bàn, trong đó có chiến thắng đặc biệt trước Bayern Munich của Pep Guardiola tại bán kết, đưa Real vào chung kết sau 12 năm. Thượng đế thử thách thêm chút ít cho những Madridistas, khi đến tận phút 90+4 thì Sergio Ramos mới đánh đầu ghi bàn và gỡ hòa 1-1 cho Real Madrid, bàn thắng đã đưa người Madrid, đưa thầy trò Carlo Ancelotti trở về từ cõi chết. Bàn thắng của Ronaldo không phải là bàn thắng quyết định, nhưng là nét son trong danh hiệu Vua phá lưới để đi đến Quả Bóng Vàng thứ 3 trong sự nghiệp của anh vào cuối năm ấy. 17 bàn thắng năm đó cũng là kỷ lục mọi thời đại mà một cầu thủ có thể ghi được trong một mùa giải tại Champions League. Người duy nhất tiếp cận được kỷ lục của Ronaldo cũng chính là… Ronaldo ở mùa giải 2015-16 với 16 bàn thắng. Ronaldo ở Real Madrid, Ronaldo ở Champions League sở hữu một khối lượng bàn thắng lớn đến không tưởng. Anh ghi được 105 bàn thắng chỉ sau 101 lần ra sân cho Real Madrid, đạt tỉ lệ lên đến 1,04 bàn/trận. Người ta tính ra cứ trung bình gần 86 phút, Ronaldo lại ghi 1 bàn tại Champions League trong màu áo Real. Còn xét rộng ra, 5 danh hiệu Champions League luôn đi cùng 5 lần Chiếc Giày Vàng. Giá trị bàn thắng luôn đi cùng giá trị danh hiệu.

Ngày Zinedine Zidane quay lại Real Madrid để tiếp nhận chiếc ghế huấn luyện viên trưởng, ông thầy người Pháp lập tức yêu quý ngay sự chuyên nghiệp và "DNA Champions League" của Ronaldo. Tuy nhiên, thay vì làm bòn sức Ronaldo thì Zidane lại dùng Ronaldo một cách rất cẩn trọng. Quan điểm của Zidane rất rõ ràng: "Mổ gà thì không cần dùng dao mổ trâu", việc sử dụng Ronaldo một cách có chừng mực đã đem đến cho Zidane một Ronaldo hoàn hảo ở mùa giải 2016-17. Và như chúng ta đều đã biết, đó là năm Real Madrid bảo vệ thành công chức vô địch Champions League. Đấy là một lời nguyền có từ thuở khai sinh Champions League, cụ thể: "*Kể từ khi giải đấu đổi tên, không đội bóng nào bảo vệ được chức vô địch Champions League.*" Mãi cho đến ngày Real Madrid lọt vào chung kết hai năm liên tục, thì điều này bị phá vỡ. Cũng phải thôi, có câu lạc bộ nào xứng đáng hơn Real Madrid để làm việc phá vỡ lời nguyền ấy đâu? Trong thần thoại Hy Lạp có câu chuyện về Antaeus, là con của thần biển Poseidon và đất mẹ Gaia. Mỗi khi Antaeus bị Hercules quật xuống đất, thì anh ta lại vùng lên, và càng mạnh hơn gấp bội, bởi vì có đất mẹ Gaia đã lén tiếp sức cho con. Real Madrid đến đấu trường này lại giống như Antaeus chạm đất mẹ Gaia. Cái gì người ta làm không được ở nơi chốn đó thì Real làm được. Đội bóng này sinh ra là kẻ vĩ đại nhất giải đấu này, từ cái thuở còn là hồng hoang.

Và đương nhiên như là sự se duyên trời định, người sứ giả làm nên

việc này vẫn là Cristiano Ronaldo. Mùa giải 2015-16, chứng kiến hai mốc son của Ronaldo là bước ngoặt cho chức vô địch Champions League đầu tiên của Zidane. Đầu tiên là cú hattrick không tưởng vào lưới Wolfsburg giúp Real Madrid lọt vào bán kết sau khi đã để thua 0-2 ở lượt đi trước đội bóng Đức. Và thứ hai là sút thành công quả penalty cuối cùng trong loạt sút luân lưu. Không như Roberto Baggio, cá nhân Ronaldo đã được trui rèn trong lửa đỏ đủ lâu để những cú đá penalty kiểu này không khiến anh chùn bước. Người khác sợ hãi còn Ronaldo đã nghĩ đến việc ăn mừng bằng cách cởi trần khoe các múi cơ hoàn hảo. Real Madrid vô địch Champions League lần thứ 11. Nếu 2015-16 còn ít nhiều may mắn, khi Atletico Madrid đã gần như "thầu" hết các đối thủ lớn cho Real, thì mùa giải 2016-17 là một câu chuyện khác, đây là đỉnh cao của Ronaldo, từ vòng tứ kết trước Bayern Munich đến bán kết trước Atletico Madrid và cuối cùng là chung kết với Juventus, Ronaldo đều ghi bàn và chiến thắng. Ronaldo của mùa giải đó là không thể ngăn chặn, anh ghi những bàn thắng không tưởng, anh tạo nên những cột mốc thần sầu, và anh đưa đến một cảm giác đáng sợ cho đối thủ. Có một thống kê khá thú vị, đấy là Atletico Madrid chỉ bị loại bởi đội bóng nào có Ronaldo (thống kê này vừa bị phá vào mùa giải 2019-20), và Juventus (10 bàn), Ajax cùng Bayern (9 bàn) là những đội bóng xếp đầu trong danh sách bị Ronaldo phá lưới. Thật là một hung thần đúng nghĩa.

Một quãng thời gian dài, người ta không biết rằng Ronaldo đã qua tuổi 30 vào khi nào, chỉ bởi anh luôn dẻo dai như báo gấm, bắt tốc độ như những vận động viên điền kinh thứ thiệt, bật cao đánh đầu được xác lập kỷ lục với những con số phi thường lên tới 2m93, trong khi luôn sở hữu những cú sút liệng đủ quỹ đạo đầy sấm sét, và thân hình đẹp như tuổi ngoài 20. Không thể không nói đến khả năng đánh đầu phi thường của CR7. Ronaldo - Messi, ai xuất sắc hơn ai, có thể còn là tranh cãi. Ronaldo - Messi ở đâu bên cạnh những Maradona, Pele, Cruyff, Beckenbauer..., có thể còn gây tranh cãi. Nhưng sẽ không có cái gọi là tranh cãi dành cho cầu thủ đánh đầu hay nhất lịch sử bóng đá dành cho Ronaldo. Kể cả các bậc thầy đánh đầu như "quái thú" 2m02 người Cộng hòa Czech Jan Koller, Horst Hrubesch hay Oliver Bierhoff của bóng đá Đức cũng không thể so bì với anh về sự biến hóa. Với Ronaldo, thứ dành riêng cho anh chính là biệt hiệu "Michael Jordan của bóng đá". Cựu cầu thủ Tony Cascarino đánh giá: "*Khả năng đánh đầu của Ronaldo đạt ở cái tầm khác, anh thuần thục nhiều kiểu đánh đầu mà hầu hết những người khác may mắn lắm mới giỏi một hay hai kiểu.*" Và ông ví những pha đánh đầu của Ronaldo cứ như một cú vụt gậy golf hoàn hảo. Ở đây phải nhấn mạnh điều này vì khi qua

Juventus, quanh Ronaldo không phải là những "bậc thầy chuyền bóng" như Luka Modric hay Toni Kroos nữa, anh phải "tự làm tự ăn" khi mà hàng tiền vệ của Juve không có khả năng cung cấp các đường chuyền tuyệt diệu cho anh. Thứ duy nhất anh có thể sử dụng để cứu vớt Juve là những quả đánh đầu. 14 bàn thắng mà Ronaldo mang đến cho Juve ở mặt trận Champions League đa số là bằng đầu.

Ngày Ronaldo chia tay Real Madrid, người ta biết điều này không sớm thì muộn cũng tới vì giữa Chủ tịch Perez và anh chưa bao giờ hoàn toàn tin nhau. Nhưng nỗi nhớ mà Ronaldo để lại Real Madrid là vô cùng lớn lao. Ở khán đài C của Santiago Bernabeu, nơi những "ultra Madridistas" luôn gào thét, họ chỉ giương cao hai tấm áo lớn. Một tấm áo số 4 là của đội trưởng Sergio Ramos, người mang trọn vẹn tinh thần Madridismo huyền thoại. Và tấm áo kia, chính là tấm áo số 7 của Cristiano Ronaldo, siêu sao lớn nhất của họ, người đã cho họ 450 lần được gào thét và nhảy múa trong mỗi pha ăn mừng bàn thắng đầy khí phách. Cái ngày tấm áo số 7 rời đi vào tháng 7, hơn 700 ngày trôi đi nhưng chiếc áo số 7 ở khán đài C vẫn còn đó, không ai thay thế được. Những thất bại của Real Madrid từ ngày không còn Ronaldo càng gợi đến những điều buồn bã về một ký ức tươi đẹp đã đi qua. Ngày chia tay, Marcelo viết cho Ronaldo những dòng sau: "*Chúng ta đã có gần 10 năm đồng hành cùng nhau, đó là khoảng thời gian hạnh phúc. Cùng nhau chơi bóng, những chiến thắng, những thất bại, và những khoảnh khắc tuyệt vời. Tôi học được rất nhiều từ cậu, sự cống hiến của cậu cho Real Madrid là điều kỳ lạ nhất mà tôi từng thấy ở một cầu thủ. Tôi tự hào vì được chơi bóng cùng cậu. Không phải vì cậu là người giỏi nhất, mà vì cậu luôn là chính mình. Sau này khi giải nghệ, tôi sẽ đến quán bar, rồi uống một ly bia, sau đó sẽ kể cho tất cả nghe câu chuyện giữa chúng ta, những bức ảnh chúng ta chụp cùng nhau.*"

Đấy cũng là ngày nhà vua băng hà.

Ronaldo là nhà vua, nhưng bóng đá là môn thể thao tập thể. Ronaldo dù có hay thế nào chăng nữa thì đội bóng vẫn 11 người và anh cũng phải nhận bóng. Anh là mũi kiếm quyết định, nhưng kiếm đâu đâm được nếu bộ giáp, nếu tấm khiên, nếu cơ thể không còn là cơ thể như ngày xưa nữa. Đấy không chỉ là điều duy nhất mà Juventus gặp phải khi mua Ronaldo về. Ngày không có Ronaldo, họ là một tập thể. Nhưng khi đứng trước Ronaldo, họ đâm đầu vào bế tắc trong một suy nghĩ duy nhất là chuyền hết bóng cho anh. Một cuộc hôn phối đặt cho nhau quá nhiều kỳ vọng và chết trên kỳ vọng. Hai mùa giải liên tục, Juventus đều bị loại sớm ở Champions League. Dẫu trong đó vẫn vang lên những khúc

ca của "hoàng đế" Ronaldo ở đấu trường Champions League như cách anh lập hattrick loại Atletico Madrid, và trên khán đài có giọt nước mắt hạnh phúc của người bạn gái. Ronaldo vẫn là Ronaldo, vẫn ra sân mỗi cuối tuần và chinh phạt các kỷ lục ghi bàn từ cổ chí kim. Ngày chúng ta biết về bóng đá, chúng ta đều nói "Vua bóng đá" Pele là người ghi nhiều bàn thắng nhất. Nhưng đêm mai khi bạn tỉnh giấc, bạn hãy nói lại với con trai rằng: "*Không con ạ, Cristiano Ronaldo đã phá vỡ kỷ lục 767 bàn của Pele rồi, và Ronaldo vẫn chưa dừng lại.*" Rồi cũng có thể khi cuốn sách này vừa ráo màu mực, thì bạn lại nghe thêm thông tin rằng Cristiano Ronaldo đã vượt qua kỷ lục ghi bàn mọi thời đại của cựu danh thủ Ali Daei trong màu áo đội tuyển quốc gia. Vết dằm trong tim anh, vẫn là Quả Bóng Vàng, là Champions League với Juventus, dù cho hôm nay anh đã 36 tuổi.

9 năm trước, ngày anh thất bại lần thứ 3 liên tục trước Messi, khi Real chiến đấu trong điên cuồng và trước mắt vẫn là màn đêm, khi anh gánh chịu những lời nặng nhẹ, có ai nghĩ rằng sẽ có ngày hôm nay? Vì vậy, xin hãy để đoạn cuối của chương sách này là một chương mở. Ở nơi đó có ý chí lớn, và chúng ta hãy chờ những điều "tiền vô cổ nhân, hậu vô lai giả" của Cristiano Ronaldo ở tương lai.

* *

*

LIONEL MESSI

Thuận Nguyễn (FCB | Eric)

"Here is Messi away from two, three, four,... Wonderful! Wonderful! Wonderful! How good he is!!!"

Dù bạn có biết tiếng Anh hay không, có hiểu nghĩa của câu nói trên hay không, tôi tin rằng rất nhiều culers sẽ không bao giờ quên được tiếng gào ấy. Đó là tiếng gào của bình luận viên bóng đá Peter Drury trong bàn thắng kinh điển của Lionel Messi vào lưới Real Madrid tại trận bán kết UEFA Champions League mùa giải 2010-11. Messi nhận bóng từ pha che người thả bóng của Sergio Busquets rồi một mình anh đi xuyên qua hàng thủ của đội bóng Hoàng gia như chỗ không người, trước khi kết thúc bằng một pha chạm bóng đủ tinh tế để đánh bại cả nỗ lực cản phá của Sergio Ramos lẫn Iker Casillas.

Khi bạn đọc được những dòng này, 10 năm lẻ đã trôi qua.

Tôi từng xem một chương trình phỏng vấn giữa một MC nổi tiếng và một nghệ sĩ tên tuổi, trong buổi phỏng vấn ấy có một câu mà cá nhân tôi thấy rất hợp với nhiều cầu thủ lớn của bóng đá thế giới khi họ chơi ở UEFA Champions League, đại loại thế này: "*Người nghệ sĩ, người ta thích khán giả gọi mình bằng cái tên nhân vật gắn liền với họ. Trong sự nghiệp của anh có rất nhiều vai diễn, thành công có, lớn có, nhỏ có, nhưng có bao giờ anh thấy chạnh lòng khi mà bản thân mình chưa có một vai diễn thực sự để đời để khán giả nhớ mặt, đặt tên?*"

Có những cầu thủ mà cả sự nghiệp của họ ghi rất nhiều bàn thắng đẹp, tỏa sáng rất nhiều lần, nhưng để tỏa sáng rực rỡ nhất, được người ta nhớ đến thật lâu, thật nhiều, thì một khoảnh khắc kinh điển ở UEFA Champions League lại không mấy ai làm được. Lionel Messi vì thế rất vĩ đại, vì khi nhắc đến anh, người ta có thể nhớ nhiều hơn một khoảnh khắc như thế. Đó là cú đánh đầu tung lưới Manchester United ngay trước mặt bộ đôi trung vệ Rio Ferdinand - Nemanja Vidic; đó là 5 bàn thắng vào lưới Bayer Leverkusen; đó là khoảnh khắc anh vặn gãy trụ Jerome Boateng rồi lốp bóng qua đầu Manuel Neuer; hay khoảnh khắc anh sút phạt tung lưới Liverpool từ cự ly mà những cầu thủ bình thường sẽ chọn phương án treo bóng. Người hâm mộ Barcelona định danh một tình yêu dành cho Lionel Messi nhiều hơn bất kỳ cầu thủ nào trong gần 20 năm qua. Messi mang lại cho Barcelona những khoảnh khắc hạnh phúc. Bóng đá là trò chơi của cảm xúc và những cầu thủ như Messi xứng đáng được yêu quý bởi cổ động viên của đội bóng mà anh cống hiến.

Trước Leo, không phải Barcelona chưa từng giành Champions League, cũng chưa hẳn đội bóng là một cái tên xoàng xĩnh ở châu Âu. Nhưng vẫn luôn có một cảm giác thực sự khó khăn đến với người hâm mộ Barcelona khi câu lạc bộ bước ra đấu trường danh giá này. Cho đến khi Messi xuất hiện, người ta bắt đầu cảm thấy việc Barcelona tiến đến trận bán kết, hay thậm chí góp mặt trong trận chung kết là một điều hết sức bình thường, và cũng từ khi có anh, những người hâm mộ Barca trở thành những người hạnh phúc hiếm hoi trong thế giới bóng đá bởi họ không bao giờ phải trải qua nỗi đau thua một trận chung kết Champions League. "Thất bại trong trận chung kết Champions League", mệnh đề khô khốc đó còn hơn cả một nỗi đau.

Messi thời còn trẻ

Ngược dòng thời gian về đêm ngày 07-12-2004, một đêm đã thay đổi lịch sử Champions League mãi mãi: Barcelona khi ấy đã giành quyền lọt vào vòng đấu loại trực tiếp và huấn luyện viên Frank Rijkaard quyết định tung ra một đội hình gồm nhiều cầu thủ trẻ để thử nghiệm trước Shakhtar Donetsk. Trong đó có cầu thủ nhỏ con, áo số 30, mái tóc dài. Anh được xếp đá ở vị trí cánh phải trên hàng công 3 người của đội bóng xứ Catalunya, bên cạnh Giovanni van Bronckhorst và Verdu. Cầu thủ trẻ người Argentina trước đó đã có màn ra mắt đội một tại đấu trường La Liga vào tháng 10 trước Espanyol trong trận derby Barcelona. Cầu thủ ấy chính là Messi, người về sau sẽ trở thành một huyền thoại của giải đấu này.

Ngay mùa giải tiếp theo, Messi có bàn thắng đầu tiên cho Barcelona tại đấu trường này, trong chiến thắng 5-0 trước Panathinaikos tại Camp Nou. Đấy là một pha solo từ cánh phải ở khu vực giữa sân, vượt qua sự truy cản của 3-4 cầu thủ Panathinaikos rồi bật tường với Eto'o. Tiền đạo người Cameroon ban đầu có pha xử lý thiếu cảm giác, nhưng sự lập bập của quả bóng sau đó khiến các hậu vệ của đội khách lúng túng, và Messi nhanh chân cướp lại bóng, tâng bóng một nhịp qua đầu thủ thành đối phương rồi đưa bóng vào lưới trống. Nói một cách tóm gọn, một mình anh đã làm hết trong pha bóng này, từ đi bóng, cướp bóng rồi ghi bàn. Barcelona mùa giải ấy vô địch, chức vô địch in đậm dấu giày của những Ronaldinho, Eto'o, Deco, nhưng cũng là khởi đầu cho một huyền thoại mang tên Lionel Messi.

Kỷ lục gia của Quả Bóng Vàng

17 năm trôi qua, 17 năm Lionel Messi đi từ một cầu thủ trẻ chỉ được ra sân trong một trận cầu mang tính chất thủ tục đến một người đã giành 4 Champions League cùng Barcelona, 3 trong số 6 Quả Bóng Vàng mà anh đang sở hữu chính là có được nhờ hào quang tỏa ra từ chiếc Cup tai voi. Đến thời điểm bài viết này hoàn tất, Lionel Messi đã có cho mình 92 lần ra sân ở Champions League, ghi 83 bàn và kiến tạo 20 bàn thắng khác. Một số cầu thủ mang đến những con số thống kê, một số khác mang lại những cảm xúc bất tận, Leo Messi mang lại cả hai.

Năm 2020, trong một cuộc phỏng vấn với Copa 90', trung vệ lừng danh một thời của Manchester United - Rio Ferdinand tâm sự: "*Tôi thừa nhận rằng cá nhân mình đã bị Messi 'làm nhục' ở Wembley. Cậu ấy thực sự là một sát thủ. Nếu Ronaldinho là một ảo thuật gia, thì Messi làm hết mọi thứ như vậy - không chỉ ghi bàn mà còn kiến tạo nữa.*" Wembley mà Rio Ferdinand nhắc đến trên kia là một ký ức đẹp tuyệt vời đối với culers. Đó là chức vô địch Champions League hủy diệt nhất, xứng đáng nhất trong hơn một thập kỷ trở lại đây. Không phải Manchester United không hay, họ năm ấy vẫn là một đội bóng rất mạnh, nhưng Barcelona dưới thời Pep Guardiola dường như đã đạt đến đỉnh cao của mình vào đúng thời điểm đó, một đội bóng đến từ hành tinh khác, và sở hữu một cầu thủ thiên tài: Lionel Messi. Chúng ta thậm chí có thể đặt ra một giả thuyết rằng nếu không phải là Manchester United mà là một đội bóng khác, kết quả của trận đấu có khi sẽ còn cách biệt hơn.

Barcelona ghi ba bàn thắng, hai trong số đó có dấu giày của Messi và đều đến ở những thời điểm đủ nhạy cảm để sự vùng lên của đội

bóng nước Anh trở nên vô vọng: cú ra chân trước vòng 16m50 đánh bại Edwin van Der Sar - người có không ít pha cứu thua xuất sắc trước đó. Bàn thắng thứ hai tiếp tục là một pha bóng nổi tiếng khác: động tác giả biến Luis Nani thành một khán giả bất đắc dĩ trước khi anh đưa quả bóng đến chân David Villa - một sát thủ khác mà Barcelona sở hữu khi ấy. Trận đấu được định đoạt. Bàn tay run run của Sir Alex Ferguson đã nói lên rất nhiều điều ở trong từng pha bóng của trận đấu ấy. Rio Ferdinand sau đó kết luận rằng: "*Tôi và nhiều cầu thủ khác trong đội đều đồng ý rằng, nếu họ (Barca) không có Messi, chúng tôi đã giành chiến thắng.*" Phải, cầu thủ người Argentina là cả một sự khác biệt. Pep là một bậc thầy chiến thuật, nhưng ông chỉ có thể tạo ra những điều tuyệt vời trên sa bàn, điều duy nhất ông còn thiếu cho một cuộc chinh phục đỉnh cao châu Âu thêm một lần nữa chính là Messi, Messi là cái thiếu của ông khi cầm quân Bayern Munich trước đó và Manchester City hôm nay.

Pep Guardiola ra đi và số danh hiệu Champions League ông giành được cùng Barcelona với những khoảnh khắc thiên tài của Messi dừng lại ở con số 2. Barca trải qua một quãng thời gian thực sự chật vật với giải đấu này trước khi Luis Enrique đến. Một lần nữa, Barcelona mới lại có thể đặt chân tiến vào đến trận chung kết. Ở Berlin, Messi không ghi bàn, nhưng chức vô địch năm ấy vẫn in đậm dấu ấn thiên tài của anh. 10 bàn thắng, 5 kiến tạo sau 13 lần ra sân. Đấy là một chức vô địch Champions League phi chiến thuật, nơi mọi toan tính trong thế giới bóng đá hiện đại đã phải chào thua cây đinh ba mang tên M-S-N. Kể cả đó có là Juventus của bậc thầy chiến thuật Allegri và bộ não Andrea Pirlo ở trên sân.

Nhưng đó chỉ là những điều đẹp đẽ cuối cùng mà Lionel Messi và Barcelona làm được ở Champions League cho đến ngày hôm nay. Những mùa giải UEFA Champions League từ 2016 đến nay của Barca - Messi là một hình ảnh đượm buồn, tuy đẹp nhưng nhiều sầu bi. Một cầu thủ thiên tài, trở thành nạn nhân của một CLB bị thôn tính bởi chính thế lực đen bên trong nó, gồng gánh đội bóng mà mình yêu quý đi qua những trận đấu khó khăn nhất, có những trận đấu để đời, nhưng cũng có những khoảnh khắc cô đơn và đáng thương đến tận cùng. Đó là Lionel Messi mà người ta bảo nhau rằng: đã hết thời. Tuy nhiên, ngay cả trong giai đoạn ấy, Lionel Messi vẫn để lại những khoảnh khắc tại UEFA Champions League mà đôi lúc chính những người không thích anh cũng phải tự hỏi: Liệu anh có hết thời thật không? Câu trả lời, rất tiếc với họ, là "KHÔNG!"

Khi Messi đưa bóng vào vị trí gần như là duy nhất mà thủ thành

Alisson không thể chạm tới trong khung gỗ Liverpool ở vị trí sút phạt mà không nhiều cầu thủ sẽ chọn phương án sút thẳng, một cây viết mà tôi rất thích về Barcelona, Kevin Williams, đã gọi đó là "quyền năng hắc ám". Barcelona thắng 3-0, nhưng Liverpool mới là đội bóng đã chơi hay hơn. Họ cầm bóng tốt hơn, triển khai tấn công nhịp nhàng hơn và tạo ra những cơ hội nguy hiểm rõ ràng hơn, điều duy nhất mà Liverpool thiếu chính là nhân tố con người, à không, là nhân tố ngoài hành tinh mang tên: Lionel Messi.

Cuối thời Josep Maria Bartomeu và tiền bầu cử chủ tịch mới, Barcelona thường xuyên rơi vào những bảng đấu được xem là tử thần ở Champions League, bị đánh giá là có khả năng bị loại ngay từ vòng bảng nhưng lại vượt qua một cách rất dễ dàng để rồi thất bại một cách đau đớn ở những vòng sau. Lý giải cho điều này chỉ có thể dùng đến cụm từ "quyền năng hắc ám" mà Lionel Messi mang lại, nó đủ lớn để cứu vớt Barcelona ở những vòng đấu đầu tiên, nhưng trước những đối thủ cần nhiều hơn yếu tố tinh thần để chiến thắng, 10 người còn lại của Barca đã không đủ tốt để giúp đỡ Messi đưa đội bóng vượt qua. Bóng đá, suy cho cùng vẫn là một môn thể thao tập thể. Cụ thể nhất cho nhận định này, hãy xem Mauricio Pochettino, người đã dẫn dắt Tottenham Hotspurs đối đầu với Barcelona của Messi ở vòng bảng Champions League 2018: "*Chúng tôi không thua một đội bóng mang tên Barcelona, chúng tôi thua một cầu thủ có tên là Lionel Messi. Chẳng có gì xấu hổ khi để thua một cầu thủ tuyệt vời như vậy*."

Mọi cầu thủ lớn đều khát khao chạm tay vào chiếc Cup bạc danh giá UEFA Champions League, Lionel Messi cũng không phải ngoại lệ. Thậm chí, dù đã 4 lần có được vinh dự đó, tiền đạo người Argentina vẫn luôn khát khao. Một trong những minh chứng điển hình nhất cho khát khao ấy chính là việc anh tuyên bố sẵn sàng đánh đổi một vài Quả Bóng Vàng mà mình đang sở hữu để được một lần nữa vô địch giải đấu danh giá nhất hành tinh này. Tiền mùa giải 2018-19, trong buổi lễ ra mắt đội bóng, Messi từng có một phát biểu mà sau này, nó trở thành công cụ để nhiều người công kích anh một cách vô lý: "*Tôi sẽ làm tất cả để mang chiếc Cup Champions League trở về với Camp Nou.*"

Vào thời điểm đó, không ít culers đều cảm thấy đó là một sự mong muốn viển vông hơn là một quyết tâm thực tế. Barcelona vừa trải qua cú sốc ở Olimpico trước AS Roma vẫn chưa kịp tỉnh giấc hay có một sự thay đổi to lớn nào vào mùa hè, làm sao có cơ sở để cạnh tranh Champions League? Cho đến khi, Barcelona đánh bại Liverpool 3-0 trong trận lượt đi bằng thứ được gọi là - một lần nữa

- “quyền năng hắc ám” của Messi, người ta mới giật mình nhìn lại cả một chặng đường Champions League năm đó của Barca: 10 lần ra sân, ghi 12 bàn thắng, kiến tạo 3 bàn. Những con số đó tương ứng với 50% những gì mà cả đội Barca làm được để tiến đến trận bán kết gặp Liverpool. Nhưng rồi nghiệt ngã thay, Barca tưởng chừng như đã đặt một chân vào trận chung kết, lại phải cúi đầu rời khỏi giải đấu đầy tủi nhục. Họ bị hóa đá ở Anfield, bị lội ngược dòng 4-0 tại Anfield. Lời hứa của Messi không thành hiện thực, nhiều người còn lấy đó ra làm trò đùa. Nhưng với culers mà nói, Messi đã là một người đội trưởng, một người đội trưởng có thể không nói quá nhiều - nhưng đã làm tất cả bằng hành động.

Có một câu chuyện nổi tiếng về huyền thoại bóng rổ Michael Jordan như thế này: Ngày 11-06-1997, Chicago Bulls đụng độ Utah Jazz trong trận chung kết giải bóng rổ Nhà nghề Mỹ NBA, Jordan không thể góp mặt vì anh bị ốm, dù vẫn có tên trong danh sách đăng ký. Thiếu vắng cầu thủ quan trọng nhất của mình, Chicago Bulls dễ dàng bị dẫn với 16 điểm cách biệt. Jordan đứng dậy và cố hết sức để có thể vào sân. Chicago Bulls liên tiếp gỡ hòa và khi trận đấu còn lại khoảng 1 phút, anh thực hiện một cú ném 3 điểm thành công để đưa đội bóng của mình lần đầu tiên vượt lên dẫn trước trong trận đấu. Jordan gục ngã sau cú ném ấy.

Đó là một ví dụ trong rất nhiều trường hợp của thế giới thể thao mà tài năng cộng với ý chí và nỗ lực có thể đưa người ta vượt qua những giới hạn của bản thân, để tỏa sáng trong một khoảng thời gian nhất định nào đó và tạo ra những điều phi thường. Lionel Messi trong những năm tháng này cũng thế, chỉ khác là, anh không phải chỉ gồng gánh một trận đấu cụ thể như Michael Jordan, mà là nhiều trong số những trận đấu Barcelona ra sân vô hồn, hoặc đơn giản là họ không có một ý tưởng cụ thể cho trận đấu của mình. Những thất bại trong nhiều năm qua của Barcelona ở Champions League theo cùng một kịch bản đầy bế tắc và bất lực.

Nhưng rồi, sự vượt giới hạn đó của Messi cũng chỉ có thể xảy ra và kéo dài trong “một khoảng thời gian nhất định”. Messi tuyên bố anh muốn ra đi vào mùa hè năm ngoái. Bất ngờ, nhưng không bất ngờ. Dù năm nay đã bước sang tuổi 33, nhưng tài năng của Leo vẫn chưa có nhiều dấu hiệu của sự dừng lại (dù có đôi lúc, trong nhiều tình huống bóng, thật khó có thể phủ nhận là anh đã già). Messi vẫn có thể đến một câu lạc bộ khác đủ đáp ứng tham vọng UEFA Champions League của mình, một giải đấu mà Messi đã là huyền thoại, thì thật khó chấp nhận nếu anh không thể chạm tay vào nó lần nào nữa trong đời. Thật may, Barcelona mùa này đã có

những dấu hiệu của sự hồi sinh, dù muộn màng. Chủ tịch Joan Laporta - người mà chắc chắn Messi sẽ luôn cảm thấy yêu quý, trở lại sau cuộc bầu cử tương đối dễ dàng. Những người trẻ đã đến như Pedri, Ilaix Moriba, Ronald Araujo... và mang lại một luồng sinh khí mới cho đội bóng này. Messi đã vui trở lại, đã cười nhiều hơn, hạnh phúc hơn nhưng anh cũng chưa từng quên rằng UEFA Champions League vẫn là thứ anh khát khao thêm một lần chạm tới, mà bàn thắng Messi ghi được trong trận lượt về trước Paris Saint Germain là ví dụ rõ ràng nhất cho quyết tâm ấy, dù chưa thành công.

Khi chúng ta nói đến Barcelona, chúng ta nói về đội bóng đã 5 lần vô địch giải đấu này. Có thể, chưa là gì so với Real Madrid, cũng chỉ tầm tầm những đội bóng khác như AC Milan, Bayern Munich hay Liverpool... nhưng trong giai đoạn 2008-2017, đó thực sự là một đội bóng tạo ra cho thế giới cảm giác rằng họ có thể chiến thắng và giành được danh hiệu này qua từng năm. Khi Real Madrid chưa lập cú hattrick vô địch giải đấu này dưới thời Zinedine Zidane, nhiều người sẽ đồng ý với quan điểm là Barcelona của giai đoạn đó là đội bóng duy nhất tạo ra niềm tin họ sẽ trở thành đội bóng đầu tiên bảo vệ được chức vô địch ở năm tiếp theo. Barca đó - không chỉ là Barca của riêng Pep Guardiola hay Tito Vilanova, Luis Enrique, Ernesto Valverde... Barca đó khác đi qua từng thời kỳ, thăng trầm có đủ, nhưng điều duy nhất tạo ra thứ niềm tin mơ hồ ấy cho những người yêu Barca nói riêng và rất nhiều fan trung lập nói chung là: Lionel Messi.

Những cầu thủ vĩ đại tạo ra những khoảnh khắc vĩ đại. Ngoài những bàn thắng mà sự vĩ đại của nó được ấn định bằng độ quan trọng, kỹ năng và một chút thiên tài, những cầu thủ giỏi nhất vô tình tạo ra những khoảnh khắc vĩ đại mang tính tức thời. Sự tô vẽ của truyền thông cùng sự bùng nổ của thời đại thông tin đưa những khoảnh khắc vô tình trở thành vĩ đại. Messi có một khoảnh khắc như thế: Khi Sergi Roberto đưa quả bóng vào lưới PSG trong cuộc lội ngược dòng kinh điển mà Barcelona tạo ra tại Camp Nou ở vòng tứ kết năm 2017, các cầu thủ Barcelona chạy ùa về một góc sân, nơi Sergi Roberto và Neymar - những người đã cùng tạo ra bàn thắng đó đang ăn mừng. Messi không làm thế, trong một khoảnh khắc bùng nổ của sự vui sướng, anh chạy đến đứng lên bảng quảng cáo khu khán đài phía nam nơi những cổ động viên cuồng nhiệt nhất của Barcelona đang phát điên vì sung sướng. Một nhiếp ảnh gia vô tình chụp lại được khoảnh khắc Messi giơ nắm đấm lên cao ăn mừng, giống như một vị vua đang được thần dân reo hò tán thưởng.

Khoảnh khắc đó, sau này trở thành một tranh cãi lớn. Rằng Messi thực sự không đóng góp quá nhiều vào cuộc lội ngược dòng đó mà Neymar Jr. mới là nhân vật chính, và màn chiếm "spotlight" của Messi vô tình trở thành thứ mà những người không thích anh đem ra dè bỉu. Thực tế thì sau đó, Messi đã chạy đến và ôm chầm lấy Neymar ăn mừng, cả hai khoác vai nhau xuất hiện trong một bức ảnh kém nổi tiếng hơn trong chiến thắng ấy. Nhưng điều đó không quan trọng, người ta vẫn tranh cãi rằng liệu việc Messi xuất hiện trong một bức ảnh mang tính biểu tượng như thế có công bằng với Neymar?

Thật ra thì, đó vẫn là một khoảnh khắc tức thời. Lionel Messi không hề quan tâm đến việc bức ảnh đó sẽ trở thành một bức ảnh lịch sử. Trong khoảnh khắc ấy, đơn giản là anh quá hạnh phúc khi đội bóng của cuộc đời mình hoàn tất cuộc lội ngược dòng. Messi đứng lên đầy kiêu hãnh trước những cổ động viên nhà như một lời khẳng định dõng dạc với cả thế giới về sức mạnh và ý chí của Barcelona. Truyền thông và mạng xã hội tạo ra những tranh cãi không đáng có, nhưng quanh đi quẩn lại, nó vẫn xoay quanh bản chất quan trọng nhất của tình yêu bóng đá và mọi thứ tình yêu trên đời: những người đã mang lại thứ cảm xúc hạnh phúc trong suốt một quãng thời gian dài xứng đáng được tôn vinh. Hãy đơn giản xem bức ảnh lịch sử ấy, khoảnh khắc lịch sử ấy là một sự tôn vinh xứng đáng dành cho Lionel Messi - một trong những vị vua của UEFA Champions League.

UEFA Champions League không chỉ là một giải đấu danh giá nhất của thế giới bóng đá, mà có thể là của tất cả các môn thể thao. Không có một giải đấu nào giống như thế mà tôi từng biết đến trong đời: những câu lạc bộ mạnh nhất đối đầu với nhau, những cầu thủ lớn nhất so tài cùng nhau để tìm ra những người giỏi nhất. Mỗi một cái tên được khắc lên chiếc Cup tai voi là một vì tinh tú. Giải đấu này chứng kiến những cầu thủ như Messi, đánh bại tất cả và giành lấy vinh quang, rồi lại bắt đầu một hành trình chinh phục mới vì sức hấp dẫn của nó chưa bao giờ dừng lại. Messi đã chơi ở Champions League 17 năm, tạo ra vô số khoảnh khắc mà như mình đã nói: kể hết thì khó, còn kể mà sót dễ khiến người khác phiền lòng. Đôi khi, chính những culers dù đã chứng kiến phần lớn hoặc toàn bộ chặng đường ấy của Messi cũng phải choáng ngợp khi dường như mỗi ngày, những gánh nặng về tuổi tác càng xuất hiện nhiều, và Messi lại càng có xu hướng tạo ra những điều kinh điển hơn theo một cách nhàn nhã hơn. Nếu xem UEFA Champions League là một tiêu chuẩn cho Lionel Messi, thì anh xứng đáng là một trong những người vĩ đại nhất của giải đấu này. Những cầu thủ khác xuất hiện tại Champions League như

một sự bảo chứng cho tên tuổi của mình, nhưng ở một khía cạnh nào đó, có khi chính cái tên Messi đã là một bảo chứng cho sự danh giá của Champions League. Đấy là tầm vóc của cá nhân khổng lồ tại đấu trường này.

CẢM XÚC

Những ngôi sao Đông Âu

Dương Đỗ Hoàng

Trong lịch sử 66 năm hình thành và phát triển của Cup C1 châu Âu - UEFA Champions League, chỉ có vỏn vẹn 2 CLB đến từ Đông Âu chạm tay được vào chiếc Cup bạc tai voi danh giá, đó là Steaua Bucuresti (Steaua Bucharest, Rumani) - vô địch năm 1986, và Crvena Zvezda (Red Star Belgrade, Nam Tư) - vô địch năm 1991. Tuy vậy, ít ai biết rằng, cả 2 đội bóng này lại có mối liên hệ quấn quýt lạ kỳ, từ biểu tượng ngôi sao, từng bị đội bóng kình địch ở cùng quốc gia qua mặt ngay tại đấu trường C1 châu Âu và cả 2 đội "đều xài"... trung vệ thòng cực kỳ tài năng - Miodrag Belodedici.

KHÔNG PHẢI KIEV, STEAUA MỚI CHÍNH LÀ "BIỂU TƯỢNG MỚI CỦA ĐÔNG ÂU"

Steaua - nhà vô địch châu Âu 1986

Steaua, trong tiếng Rumani nghĩa là: "Ngôi sao" (logo của Steaua nổi bật với một ngôi sao màu vàng). Và quả thật, Steaua Bucharest chính là "ngôi sao sáng nhất" trong làng bóng đá Rumani suốt từ năm 1947 cho đến tận hôm nay, kể từ khi đội bóng được thành lập bởi Bộ Quốc phòng Rumani, trở thành biểu tượng của quân đội và bóng đá của đất nước Đông Âu này.

Với 26 ngôi vô địch quốc gia, 24 Cup Quốc gia - những kỷ lục "vô tiền khoáng hậu", Steaua là đội bóng thành công nhất trong lịch sử phát triển của bóng đá Rumani. Tuy vậy, việc họ giành ngôi vô địch Cup C1 năm 1986, Siêu Cup châu Âu cũng trong năm 1986, rồi xếp ở vị trí Á quân Cup C1 năm 1989, mới khiến Steaua trở thành biểu tượng chung của cả bóng đá Đông Âu, thậm chí còn qua mặt cả "Lão đại" Dynamo Kiev…

Dynamo Kiev từng được xem là "Lão đại của bóng đá Đông Âu". Đơn giản, vì đây là đội bóng tiêu biểu của Liên Xô - "Anh cả" của hệ thống các quốc gia xã hội chủ nghĩa. Nhưng không chỉ có vậy, những hy sinh - mất mát trong quá trình thi đấu, quyết không đầu hàng Đức phát xít trong Thế chiến thứ Hai cũng khiến cho Dynamo Kiev trở thành một biểu tượng lớn lao của làng bóng đá khối xã hội chủ nghĩa. Đến năm 1975, Dynamo Kiev cùng huyền thoại Oleg Blokhin, dưới sự "lược trận" của một huyền thoại khác là Valeriy Lobanovskyi, đã giành Cup C2 (Cup các đội đoạt Cup Quốc gia, so sánh với Cup C1 - Cup các đội Vô địch quốc gia) và trở thành đội bóng Đông Âu đầu tiên đoạt một Cup châu Âu dành cho các CLB. Kiev đã luôn là lá cờ đầu, cho đến khi Steaua vươn lên thay thế!

Áp lực từ Dynamo Bucharest - Mệnh lệnh của Valentin Ceausescu

Thời điểm thập niên 1970-1980, Steaua cùng với Dynamo Bucharest là "Đại ca" và "Nhị ca" của làng bóng đá Rumani. Dù vậy, cả 2 đội bóng thuộc Quân đội và Công an Rumani cũng vẫn liên tục "minh tranh ám đấu" để tranh giành ảnh hưởng, tạo ra một cục diện cân bằng căng thẳng, rất khó có thể nói là đội nào vượt trội được đội nào.

Tuy vậy, khi Valentin Ceausescu, con trai của Cố Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Rumani - Cố Chủ tịch Nicolae Ceausescu, được bổ nhiệm làm Chủ tịch đội bóng, ông này quyết tâm tạo ra cuộc cách mạng để cho Steaua đột phá và vượt qua Dynamo, trở thành đội bóng số 1 của đất nước Rumani. Quyết tâm của Valentin càng thêm nung

nấu khi ông chứng kiến Dynamo làm nên "lịch sử" ở Cup C1 mùa giải 1983-84.

Ở mùa giải năm đó, đại biểu duy nhất của bóng đá Rumani tham dự Cup C1, với đội hình đồng đều, đã loại đương kim vô địch giải - Hamburg, ngay ở vòng 2, với chiến thắng 3-0 ở lượt đi và kết quả thua đầy hợp lý 2-3 ở lượt về. Ở tứ kết, Dynamo loại Dynamo Minsk (Liên Xô) sau 2 lượt trận với tổng tỷ số 2-1. Và ở bán kết, họ chỉ bị một Liverpool cực mạnh với những thiên tài như Ian Rush, Kenny Dalglish chặn đứng với tổng tỷ số 2-1. Liverpool sau đó đánh bại AS Roma trên loạt sút luân lưu 11 mét và đăng quang ngôi vô địch châu Âu, còn Dynamo đương nhiên đã trở thành niềm tự hào của người dân Rumani.

Áp lực từ Dynamo đã khiến cho Valentin sốt ruột. Trước mùa giải 1985-86, vị kỹ sư vật lý hạt nhân từng theo học tại Đại học Hoàng gia London đã đặt mục tiêu cho các cầu thủ Steaua: "*Ít nhất các anh phải lọt đến bán kết Cup C1*". Mệnh lệnh của Valentin, ở thời điểm đó, giống như quân lệnh từ Chủ tịch nước, vì cho dù Steaua có một vị tướng quân đội "trấn sơn" để làm kiểng, ai ai cũng biết vị thế thật sự của Valentin là gì và quyết định cuối cùng của ông mang tính tối thượng đến mức nào.

"Quân đoàn lê dương" của Rumani

Khi Valentin âm thầm đặt mục tiêu cho Steaua, đội bóng cũng sở hữu quá nhiều tài năng của đất nước Rumani, đủ làm nên chuyện bất ngờ. Những tài năng đó, không chỉ giúp Steaua thăng hoa ở Cup C1 châu Âu, mà sau này còn giúp đội bóng tạo ra một kỷ nguyên vàng, kéo dài suốt từ năm 1986 cho đến tận trận chung kết Cup C1 năm 1989 (khi Steaua để thua AC Milan của "Bộ ba Hà Lan bay" với tỷ số 0-4 thảm liệt). Nếu chỉ tính riêng ở đấu trường quốc nội, Steaua có chuỗi thành tích 104 trận "bất khả chiến bại" trong suốt 4 năm trời.

Những ngôi sao như Miodrag Belodedic, Marius Lacatus (hay mặc áo số 7, sau này trở thành "kẻ đùa cợt" tuyển Liên Xô tại kỳ World Cup 1990 với cú tâng bóng như giỡn chơi ở cột cờ phạt góc, trận Rumani thắng 2-0), Lucian Balan, Gabi Balint, sát thủ săn bàn "Quỷ Satan" Victor Piturca, và thủ môn cao 1m93 Helmuth Duckadam, đủ sức đối đầu với bất kỳ CLB Tây Âu danh tiếng nào, bất kỳ hảo thủ nào ở các đội bóng thuộc khối tư bản chủ nghĩa.

Nên nhớ, ở thời điểm đó, Steaua thậm chí vẫn chưa có được sự phục vụ của "Maradona vùng Carpathians" - Gheorghe Hagi,

người sau này tạo ra ảnh hưởng lớn lao lên Steaua nói riêng và cả đội tuyển - làng bóng Rumani nói chung, nhưng với thực lực hiện tại, họ vẫn đủ sức giành được Cup C1. Nguồn cơn sức mạnh của Steaua sẽ được giải thích cụ thể ở phần sau.

Họ còn có vị huấn luyện viên lỗi lạc Emerich Jenei, người vừa quay trở lại "nắm" Steaua lần thứ 3, dù trên danh nghĩa là "cố vấn". Jenei từng cầm Steaua trong các giai đoạn 1975-1978, rồi 1983-1984. Sau đó, ông bị sa thải vì Steaua không thể vô địch quốc gia. Valentin đã ra lệnh cho trung phong kỳ cựu Aghel Iordanescu (từng chơi 317 trận cho Steaua từ năm 1968-1984), khi đó 34 tuổi và vẫn chưa giải nghệ, quay về kiêm nhiệm chức huấn luyện viên trưởng và cầu thủ.

Dù từng ghi 155 bàn cho Steaua, nhưng trên cương vị huấn luyện viên, Iordanescu chỉ là "tay mơ". Để thua vài trận giao hữu đầu mùa, Iordanescu vội vã tìm kiếm một trợ lý giàu kinh nghiệm. Đầu tiên, Iordanescu tìm đến Florin Halagian (gốc Albania, từng làm huấn luyện viên tạm quyền cho tuyển Rumani hồi năm 1979). Thế nhưng, vị huấn luyện viên này, thậm chí không thể trụ lại quá 6 tuần. Cực chẳng đã, Iordanescu và Steaua phải mời lại Jenei. Jenei giữ vai trò "cố vấn", nhưng ai cũng biết, ông chính là vị "tướng" định đoạt chiến thuật và nhân lực của Steaua ở mùa giải đó.

Jenei, tự bản thân là người Rumani gốc Hungary, đã tập trung quanh mình "một quân đoàn lê dương nho nhỏ". Dù là Steaua ở thời điểm đó chưa được phép chuyển nhượng cầu thủ nước ngoài, nhưng những Belodecic (gốc Serbia), Belan (cũng gốc Hungary như Jenei) hay Duckadam (gốc Đức)... có ai không phải là "chiến binh ngoại quốc" dù mang trên mình quốc tịch Rumani? Và đó là "quân đoàn lê dương" vô địch châu Âu mùa giải 1985-1986...

Emerich Jenei là một huấn luyện viên khá thú vị. Ông không chỉ giỏi tiến hành huấn luyện cầu thủ, vẽ ra các sơ đồ chiến thuật trên bảng đen, mà còn yêu thích... sân khấu và hội họa. Số lần ông ghé thăm các Viện bảo tàng tính ra cũng không ít hơn những lần ông làm nhiệm vụ trong các sân vận động. Trước trận đấu bán kết Cup C1 khi Steaua đến làm khách tại Anderlecht, Jenei đã ghé thăm Bảo tàng Mỹ thuật Hoàng gia Brussels và chăm chú nghiên cứu các tác phẩm của Rubens cùng Anthony van Dyck. Ông nghiên cứu say mê đến nỗi, sau đó đã đến muộn buổi tập của Steaua những nửa tiếng đồng hồ...

Đường đến ngôi vô địch - may mắn và thực lực

Công bằng mà nói thì Steaua cũng khá may mắn ở Cup châu Âu mùa giải 1985-86, họ không phải đối mặt với những "rồng cọp" ở châu Âu thời bấy giờ như là Juventus (của Michel Platini, đương kim vô địch giải), Bayern Munich (mạnh truyền thống từ xưa đến tận ngày hôm nay), Bordauex, Ajax Amsterdam hay cả FC Porto. Họ cũng không phải đối đầu với mối hiểm nguy từ Anh, khi các đội bóng đảo quốc sương mù bị cấm cửa tham dự các Cup châu Âu vì sự cố kinh hoàng ở sân vận động Heysel (Everton là vô địch Anh ở mùa đó).

Tuy vậy, cũng không thể đánh giá quá thấp thành quả của Steaua, nhất là khi nhìn vào thực lực "quân đoàn lê dương" của họ. Nhưng, không có chiến thắng nào thật sự dễ dàng. Ngay trong trận lượt đi của vòng đấu đầu tiên, Steaua đã bị Vejle của Đan Mạch cầm chân 1-1. Họ thậm chí còn bị dẫn trước 1-0 ngay từ phút 61 và khung thành của thủ môn Duckadam liên tục bị tấn công chao đảo, Belodecic đã phải chật vật chống trả. Đến tận phút 89, Marin Radu mới ghi bàn gỡ hòa, cứu Steaua thoát khỏi một trận thua nhục nhã.

Lacatus sau này tiết lộ, Valentin đã làm ầm ĩ trong phòng thay đồ ngay sau trận đấu. Con trai của Chủ tịch Ceausescu đã bước vào phòng thay quần áo của đội nhà trong trạng thái say xỉn, ông này đe dọa giải tán đội bóng nếu các cầu thủ Steaua không vượt qua được đại diện Đan Mạch. Để rồi lại leo lên ghế ôm ấp và vỗ về các tài năng của mình. Có thể, điều đó đã ảnh hưởng đến tâm lý của các cầu thủ, khi họ hạ đối thủ 4-1 trên sân nhà Stadionul Steaua. Tiền đạo Piturca là người mở tỷ số ngay từ phút thứ 8…

Ở vòng 2, Steaua đấu với đội bóng Hungary Budapets Honved. Dù để thua 0-1 ở trận lượt đi (ngôi sao Lajos Detari là người ghi bàn thắng duy nhất, ông này từng sang Việt Nam hồi năm 2002 để làm Giám đốc kỹ thuật cho Hà Nội ACB), chiến thắng có tỷ số tương tự 4-1 ở trận lượt về (như lẽ thường, Piturca lại "điểm hỏa đầu tiên", ngay ở phút thứ nhất, Lacatus cũng góp công) khiến người dân Rumani đổ ra đường ăn mừng, chẳng ai nhớ gì đến thất bại trước đó.

Ở vòng tứ kết, Steaua đấu với đội bóng Phần Lan kém danh Kuusysi. Có thể nói, nhánh thăm may mắn đã khiến nhà vô địch Rumani đi một con đường chẳng quá gập ghềnh. Sau khi đấu với các đại biểu Đan Mạch, Hungary, giờ đây, họ đấu với Phần Lan. Hãy nhìn vào những cặp tứ kết khác: Anderlecht của Enzo Schifo phải quyết chiến Bayern Munich, Gothenburg đấu Aberdeen (Scotland) cũng rất mạnh, và 2 gã khổng lồ Barca - Juve phải đối

đầu nhau.

Nhưng chính Kuusysi cũng không phải đối thủ dễ nhằn. Trong cả 2 trận lượt đi - về, đội bóng ở vùng Lahti (hiện đá ở giải Hạng 4 của Phần Lan), thủ kín như bưng. 90 phút lượt đi, tỷ số là 0-0. Đến lượt về, tỷ số cũng là 0-0 cho đến khi Piturca lại khai thông thế bế tắc ở phút thứ 86. Bàn thắng duy nhất quyết định tấm vé vào bán kết.

Đến đây, mục tiêu của Valentin đã hoàn tất. Nhưng cách mạng là phải triệt để đến cùng. Vậy nên, Steaua oai hùng bay đến Brussels mà không có gì lo lắng. À, sau đó, họ lo lắng không ít, khi Scifo ghi bàn thắng duy nhất cho chủ nhà Andelecht, đội đã xuất sắc loại Bayern với tổng tỷ số 3-2 sau 2 lượt trận đi về. Kết quả của cặp đấu hẳn sẽ khác, nếu Anderlecht tận dụng các cơ hội ghi bàn thứ 2 và thứ 3… Tất nhiên, họ phải "hỏi ý" Duckadam và gã thủ môn to cao đã ám chỉ bằng những pha cứu thua đẳng cấp: "Không thể có chuyện đó!"

Trong trận lượt về, ở Bucharest, Steaua chơi thăng hoa như các trận lượt về vòng 1 và 2, họ hủy diệt đối thủ với 3 bàn không gỡ, khi Pirtuca lập cú đúp đầu tiên ở giải đấu, bàn còn lại thuộc về Balint (bàn thứ 2 của ông ở giải đấu năm đó). Phía trước Steaua là chuyến hành trình bay đến Sevilla để đấu với Barca hùng mạnh của Pichi Alonso, Marcos Alonso (cha của Marcos Alonso đang chơi cho Chelsea), Angel Pedrasa…

Trận chung kết diễn ra tại sân vận động Ramon Sánchez Pizjuan, cổ động viên Barcelona trên khán đài chiếm đa số. Đương nhiên là như vậy. Họ hồ hởi và hào hứng trước cơ hội giành Cup C1 đầu tiên trong lịch sử. Thật khó tin phải không? Barcelona khi đó đã lừng danh khắp 5 châu, nhưng vẫn chưa có chiếc Cup bạc tai voi trong phòng bảo tàng như là thứ trang sức đắt giá chứng tỏ đẳng cấp. Nhưng ai cũng nghĩ họ sẽ đăng quang dễ dàng, với đội hình cực khủng, với huấn luyện viên người Anh Terry Venables (cựu cầu thủ Chelsea, nhà cầm quân hàng đầu thế giới ở vào thời điểm đó).

Hiệp 1, Barca chiếm ưu thế, họ tạo ra hàng loạt cơ hội ghi bàn và dù Duckadam có giải cứu vài lần, cũng có lúc anh phải bất lực, khi mà tiền đạo người Đức Bernd Schuster (sau này là huấn luyện viên của Real Madrid) bật cao đánh đầu đầy chết chóc giữa 2 hậu vệ bất lực. Nhưng mà thế quái nào, Schuster bỏ lỡ tình huống này…

Từ đó cho đến khi kết thúc cả hiệp chính lẫn hiệp phụ, vẫn không có bàn thắng nào được ghi. Người ta chỉ nhớ vài tình tiết thế này: Francisco Carrasco trong một hình huống quá ham bóng đã lao thẳng vào bảng quảng cáo bên đường biên, xé nét bảng quảng cáo này rồi va thẳng vào... trung đội cảnh sát Tây Ban Nha đang làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh; Venables do dự khi tung Pichi vào sân và rốt cuộc siêu tiền đạo này chỉ được chơi từ phút 106; còn bên phía Steaua, trợ lý Jenei tung... huấn luyện viên trưởng Iordansecu vào sân (hay Iordanescu tự ý quyết định, người ta cũng không biết nữa) từ phút thứ 72.

Trận đấu được quyết định trên loạt sút luân lưu 11 mét. Tỷ số, cuối cùng đã hiển hiện một cách cực kỳ quái đản: Steaua - Barcelona 2-0. 8 hảo thủ hay nhất châu Âu, 8 cú ra chân tưởng chừng không thể đón đỡ từ khoảng cách 11 mét, nhưng chỉ có 2 người khiến mành lưới rung lên, đó là Lacatus và Balint, đều của Steaua. Thủ môn Duckadam đã trở thành người hùng làm nên câu chuyện chưa từng có trong lịch sử bóng đá châu Âu, khi ông phá được cả 4 cú sút 11 mét từ phía Barcelona. Cha của Marcos Alonso, chính là "nạn nhân cuối cùng".

Đánh bại Barcelona, Steaua trở thành CLB Đông Âu đầu tiên giành Cup châu Âu, phần thưởng còn trân quý gấp 10 lần chiếc Cup C2 mà Kiev giành được từ hồi năm 1975, và cũng ngay trong năm 1986 đáng nhớ đó (đây là lần thứ 2, Kiev giành Cup C2 - Đông Âu đã thật sự thống trị châu Âu trong mùa giải 1985-1986). Cả Rumani rung chuyển, và Steaua mới chính là "biểu tượng mới" của bóng đá Đông Âu.

Hậu ngôi vô địch 1986

Duckadam được sơn phết là "Vị anh hùng ở Sevilla", ông trở nên nổi tiếng trên khắp đất nước Rumani. Nhưng chỉ 2 tháng sau "đỉnh cao", Duckadam tuyên bố giải nghệ ở tuổi 27. Ban đầu, người ta tin vào một câu chuyện hoang đường rằng Duckadam đã bị nhân viên của Lực lượng an ninh mật Rumani (đứng sau lưng Dynamo) triệu tập để thẩm vấn và bị tra tấn nặng đến nỗi không đủ sức khỏe chơi chuyên nghiệp sau này (!??). Tuy nhiên, lý do thật sự dẫn đến quyết định của gã thủ môn gốc Đức, là do ông bị bệnh xơ vữa - tắc nghẽn động mạch. Bệnh được phát hiện trước trận chung kết vài tuần, nhưng Duckadam giấu kín mọi người để cố tham gia trận đấu "cuộc đời". Sau 10 phút thiên đường (khoảng thời gian 2 bên sút loạt luân lưu 11 mét), Duckadam đã phải treo găng để tập trung hoàn toàn vào việc chữa trị căn bệnh xương khớp nghiêm trọng. Dưới sự giúp đỡ của Valentin, Duckadam tìm

đến một bác sĩ giỏi. Ông được chữa trị rất tốt, và không phải cắt cụt tay của mình. Thậm chí, 4 năm sau, Duckadam còn quay lại chụp bóng và chơi cho một CLB khiêm tốn từ giải hạng Nhì - Vagonul.

Piturca, sau mùa giải thăng hoa, muốn rời khỏi Steaua, đi "thỏa chí tang bồng" ở trời Tây. Tuy vậy, ở thời điểm đó, việc xuất khẩu cầu thủ, đặc biệt là những cầu thủ giỏi, sang Tây Âu, bị cấm triệt để. Piturca buộc phải ở lại gắn bó với Steaua đến năm 1989, là chứng nhân quãng thời gian hoàng kim sau đó. Năm 1989, chính biến nổ ra ở Rumani, Chủ tịch Ceausescu bị lật đổ và bị xử tử, Valentin bị bắt giữ (sau đó được phóng thích vì không liên quan đến hoạt động chính trị của cha mình). Không còn bị cấm đoán, Piturca đạt được ước mơ sang trời Tây, ký hợp đồng với Racing Club de Lens ở giải Pháp. Tuy vậy, ông đã quá lớn tuổi, chỉ chơi thêm 28 trận, ghi 4 bàn trước khi giải nghệ.

Valentin, chưa bao giờ "quá độc tài" như cha của ông, dù vẫn dùng mệnh lệnh áp lực, ông vẫn dùng những cách nhẹ nhàng khác, như âu yếm, tặng quà cáp, để quản lý các cầu thủ Steaua. Sau ngôi vô địch Cup C1, ông tặng cho mỗi cầu thủ Steaua một chiếc xe hơi hiện đại. Các cầu thủ Steaua, nếu có rắc rối đời thường, cũng có quyền gọi điện riêng cho ông, đề nghị giúp đỡ. Với các cầu thủ Steaua, Valentin luôn là người "ấm áp lạ thường".

Hagi, sau ngôi vô địch C1 khoảng 1 năm (năm 1987), mới gia nhập Steaua, và trở thành một phần của lịch sử sau này, thành biểu tượng cá nhân của bóng đá Rumani. Tuy vậy, Hagi được "đặc cách" chơi cho Steaua khi họ đối đầu với "biểu tượng xưa cũ" là Dynamo Kiev ở trận Siêu Cup châu Âu năm 1986. Khi đó, Siêu Cup châu Âu phải đá 2 lượt trận đi - về. Nhưng do quan hệ căng thẳng của thượng tầng lãnh đạo ở 2 quốc gia Liên Xô và Rumani, bất chấp cả 2 đều thuộc khối xã hội chủ nghĩa, UEFA quyết định 2 đội chỉ đá 1 trận duy nhất.

Trận Siêu Cup châu Âu 1986 diễn ra ở sân Louis II tại Monaco. Steaua đã thắng bằng bàn thắng duy nhất do chính… Hagi ghi được. Ở thời điểm đó, Hagi vẫn đang thuộc biên chế của Sportul Studentesc, nhưng được đá cho Steaua theo bản hợp đồng cho mượn "độc nhất vô nhị": Đá 1 trận duy nhất. Giúp Steaua giành Siêu Cup châu Âu, Hagi quay trở lại đội bóng của mình và đến năm 1987 mới chính thức gia nhập Steaua, ông chơi ở đây đến năm 1990, sau đó, ông bắt đầu cuộc "Tây Du Ký", sang chơi bóng ở những CLB hàng đầu châu Âu như Real Madrid, Barcelona, Brescia rồi Galatasaray (ở đây, ông thắng thêm chiếc Siêu Cup châu Âu

năm 2000).

Ở Cup Liên lục địa trong cùng một năm, Steaua để thua River Plate - nhà vô địch của Argentina - với tỷ số tối thiểu là 0-1. Người ghi bàn thắng duy nhất cho River Plate là Antonio Alzamendi (Uruguay). Tuy thất bại, mỗi cầu thủ Steaua vẫn được về nhà với... một chiếc ti vi màu của Nhật Bản, một xa xỉ phẩm trong thập niên 1980.

Ở mùa giải 1988-89, Steaua cơ hồ bước đến đỉnh cao danh vọng lần thứ 2 khi lọt vào một trận chung kết Cup C1 tiếp theo. Họ chơi bùng nổ ở các vòng đấu loại trực tiếp khi thắng Spartak Prague với tổng tỷ số 7-3, loại Spartak Moscow với tổng tỷ số 5-1, hạ IFK Gotenborg với tổng tỷ số 5-2, và hủy diệt Galatasaray với tổng tỷ số 5-1, nhưng ở chung kết, họ chịu cảnh bị hủy diệt ngược, để thua 0-4 trước AC Milan. Ruud Gullit và Marco van Basten lập cú đúp cho Milan. Khi đó, cả 2 cầu thủ này vẫn đang là nhà đương kim vô địch châu Âu sau khi cùng tuyển Hà Lan đánh bại tuyển Liên Xô của những Igor Belanov, Rinat Dasayev ở Euro 1988...

Nguyên nhân thành công - nguồn cơn sức mạnh của Steaua

Steaua của mùa giải 1985-86 là hiện tượng phổ biến trong làng thể thao - bóng đá của các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa, nơi các vấn đề đều được giải quyết ở cấp nhà nước. Ý tưởng hoạt động chính là: "*Chúng tôi sẽ tập hợp tất cả những con người giỏi nhất - mạnh nhất vào cùng một đội ngũ.*" Steaua được tổ chức theo nguyên tắc này. Một số cầu thủ tự nguyện gia nhập Steaua vì muốn theo đuổi khát vọng danh hiệu và thành công, một số khác, như trung vệ Miodrag Belodedici, là bị "ép" phải gia nhập.

Emerich Jenei tập trung cho mình một "quân đoàn lê dương" thật sự, một đội bóng không có điểm yếu. Tất cả các cầu thủ giỏi nhất ở Rumani khi đó đều phải chơi cho Steaua, sau này, nhiều người trở thành ngôi sao "tự lập môn hộ", đơn cử như trường hợp của Hagi, hiện là một tượng đài và luôn muốn xây dựng một nền bóng đá Rumani thật sự hiện đại, công bằng. Steaua không cho các cầu thủ đi đội khác, vì thế, đội bóng càng mạnh hơn và hay hơn qua từng năm.

* *

*

MIODRAG BELODEDICI - CHIẾC CẦU NỐI GIỮA STEAUA VÀ RED STAR

Sở dĩ phải dùng một chương riêng để kể về câu chuyện siêu trung vệ thòng Miodrag Belodedici, vì ông là một người cực kỳ đặc biệt. Trong đội hình Steaua vô địch Cup C1 năm 1986, và trong đội hình Red Star Belgrade vô địch Cup C1 năm 1991, đều có sự góp mặt của Belodedici. Ông là cầu thủ đầu tiên giành ngôi vô địch châu Âu trong màu áo của 2 CLB khác nhau.

Đội hình huyền thoại của Red-Star

Belodedici sinh ngày 20-05-1964, trong một gia đình người Serbia nhưng lại đang cư trú tại làng Socol (thuộc Rumani, gần biên giới Nam Tư). Hồi còn nhỏ, Belodedici chỉ nói tiếng Serbia. Đến khi bước vào lớp 5, ông mới bắt đầu học tiếng Rumani, và rất nhanh chóng sử dụng thành thục. Đến khi được triệu tập vào đội tuyển thiếu niên của Rumani (Luceafarul Bucuresti - vốn là đội bóng tập trung tất cả các tài năng 14-15 tuổi từ khắp đất nước Rumani, được Liên đoàn bóng đá Rumani lập ra để "tập trung mọi nguồn lực"), Belodedici dần trở thành "một chuyên gia ngôn ngữ" Rumani nhờ sự hỗ trợ của các đồng đội nhỏ tuổi như Hagi, Balint...

Đến năm 18 tuổi, Belodedici trở thành một tên tuổi thực sự ở vị trí "libero", ông nhanh nhẹn, dẻo dai và phán đoán giỏi các tình huống băng lên cắt bóng tấn công của đối thủ. Nhờ tài năng đó, Belodedici lọt vào mắt xanh của Ion Alecsandrescu - vị Chủ tịch của Steaua thời đó (sau này được bầu chọn là "Người đàn ông của thế kỷ" trong lịch sử phát triển của Steaua, nhưng ai cũng biết, ông không có thực quyền như con trai của Chủ tịch Ceausescu), và được Steaua ký hợp đồng. Đó là bản hợp đồng "miễn cưỡng", vì ở

độ tuổi phải đi nghĩa vụ quân sự, Belodedici chỉ có 2 lựa chọn: 1- Thực hiện nghĩa vụ tham gia quân đội như những chàng trai đồng trang lứa khác; 2- Gia nhập đội bóng của quân đội. Belodedici phải chọn lựa điều thứ 2.

Belodedici chưa bao giờ nguôi ngoai nỗi nhớ quê hương Nam Tư, đặc biệt là Serbia. Ông luôn hướng về Socol, nơi bạn bè đồng trang lứa, người thân, họ hàng vẫn sinh sống. Người dân ở Socol đa phần đều là người Serbia, họ thậm chí cũng chỉ muốn quay về Nam Tư, muốn tắm mình trong vòng tay của những người đồng hương Serbia. Nhưng thời đó, Chủ tịch Ceausescu ra lệnh đóng cửa biên giới giữa 2 nước.

Đưa Steaua trở thành nhà vô địch Cup C1 năm 1986, Belodedici trở thành một ngôi sao. Và vì là ngôi sao, ông bị đội bóng, bị chính quyền Rumani kiểm soát chặt chẽ. Dù không còn ở độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, Belodedici vẫn phải ở lại với Steaua dù vài lần thể hiện khát khao muốn được chuyển sang chơi bóng ở CLB khác. Nhưng cuối cùng, Belodedici đưa ra một quyết định mạo hiểm, ảnh hưởng đến sự nghiệp sau này của ông.

Tháng 12-1988, một vài ngày trước đêm giao thừa, Belodedici lợi dụng việc đi nghỉ dưỡng để bỏ trốn. Ông thuyết phục Chủ tịch Valentin rằng, mình sẽ chỉ đi nghỉ dưỡng 1 tuần để về thăm họ hàng. Valentin luôn tin tưởng Belodedici, ông thậm chí còn cấp hộ chiếu tạm thời cho trung vệ này để thuận lợi trong việc đi lại.

Có cơ hội trời cho, Belodedici tận dụng ngay. Ông đào tẩu khỏi Rumani, mang theo cả mẹ và chị gái. Đến Belgrade (thủ đô của Nam Tư thời đó), ông đăng ký xin tị nạn chính trị. Đánh hơi thấy một tài năng bóng đá vừa đến với Belgrade, CLB Red Star đã dang tay hỗ trợ ông. Nhưng khi đó, mọi chuyện không quá dễ dàng và đơn giản. Red Star đang ở trong tình trạng hỗn loạn khi đội bóng vừa để thua Partizan Belgrade trong trận "Derby Vĩnh cửu".

Tin Belodedici không đến được tận tai Chủ tịch của Red Star. Ông đã phải chờ đợi một thời gian, trong khi một người bạn Serbia cố khuyên ông nên đến với "nửa kia của thành phố", đến với Partizan. Tuy nhiên, Belodedici từ chối, ông khẳng khái nói rằng ông chỉ muốn chơi cho Red Star. Cuối cùng, tin về Belodedici cũng đến tai Chủ tịch Red Star, khi vị này đang họp ban quản lý đội. Biết tin là nhà vô địch châu Âu năm 1986 đang ở đây, Chủ tịch Red Star vội vã đến gặp mặt và ký hợp đồng với Belodedici. Một chuyến hành trình mới đã bắt đầu.

Biết được tin Belodedici bỏ trốn và trở thành… cầu thủ của Red Star Belgrade, Chủ tịch Valentin nổi giận đùng đùng. Valentin gọi điện cho cha mình, Chủ tịch Ceausescu, một phiên tòa xét xử Belodedici dù vắng mặt được thiết lập. Siêu libero bị tước hết mọi quyền công dân và kết án 10 năm tù. Chưa dừng lại ở đó, các quan chức bóng đá Rumani trưng ra bằng chứng Belodedici vẫn còn hợp đồng chơi bóng chuyên nghiệp cho Steaua. UEFA, vì vậy, đã cấm ông thi đấu suốt 1 năm trời sau đó… Sau chính biến 1989, mọi cáo buộc nhắm vào Belodedici đều bị bãi bỏ, ông được phép quay trở về thăm lại Bucharest. Chẳng ai bỏ tù ông, thậm chí, ông còn được triệu tập trở lại đội hình tuyển Rumani. Ông chơi trọn vẹn World Cup 1994 trên đất Mỹ, cùng tuyển Rumani lọt đến tận trận tứ kết, trước khi dừng bước trước Thụy Điển. Ông cũng tham gia Euro 1996 (Rumani bị loại ở vòng bảng) và Euro 2000 (Rumani "hợp tác" cùng Bồ Đào Nha loại 2 ông lớn Anh - Đức ở vòng bảng, lọt đến tứ kết).

Đến với Red Star, Belodedici đối mặt những thách thức mới, nhưng cũng hưởng thụ những vinh quang mới. Một năm sau khi hết án cấm thi đấu, Belodedici nhanh chóng hòa nhập vào đội hình của "Sao đỏ", ông giành danh hiệu vô địch Nam Tư đầu tiên trong năm 1990, và sau đó đăng quang liên tiếp 2 lần khác trong các năm 1991 và 1992. Riêng ở đấu trường Cup C1 châu Âu, Belodedici trở thành mắt xích trọng yếu giúp đội bóng số 1 Nam Tư, hiện vẫn là số 1 của đất nước Serbia, giành ngôi vô địch.

Trong trận chung kết khi Red Star đấu với Olympique Marseille (Pháp), sau 120 phút thi đấu không bàn thắng, Belodedici được lựa chọn là 1/5 cầu thủ sút luân lưu quyết định. Ông sút ở lượt thứ 3 và đã thực hiện thành công. Cả 5 cầu thủ của Red Star đều sút thành công, nhưng đó là câu chuyện mà chúng ta sẽ đề cập ở phần sau…

Như vậy, Belodedici trở thành cầu thủ đầu tiên trong lịch sử, giành được 2 chiếc Cup C1 ở màu áo của 2 CLB khác nhau, nhưng đều là những đội bóng "biểu tượng" của bóng đá Đông Âu, là niềm tự hào của bóng đá Đông Âu mãi đến tận sau này!

* *

*

RED STAR VÔ ĐỊCH C1 BẰNG ĐỘI HÌNH "MỘT LẦN DUY NHẤT"

Nếu như Steaua còn có "cơ hội thứ 2" để tranh đoạt ngôi vô địch châu Âu, Red Star Belgrade (hay Crvena Zvezda) không thể có

được cơ hội thứ 2 trân quý. Đội hình toàn sao của Red Star, khi đăng quang ngôi vô địch Cup C1 mùa 1990-1991, bao gồm những "hảo thủ" như là Dejan Savicevic (sau này còn cùng AC Milan giành 3 Scudetto và ngôi vô địch Champions League - đã đổi tên, không còn là Cup C1 - ở mùa giải 1993-94), Robert Prosinecki (sau này tiếp tục cùng Real Madrid giành Cup Hoàng gia Tây Ban Nha trong mùa giải 1992-93; và cùng tuyển Croatia giành ngôi hạng 2 ở kỳ World Cup 1998)... Đó còn là Vladimir Jugovic (sau này cùng Sampdoria giành Cup Quốc gia Italia mùa giải 1993-94; cùng Juventus giành Champions League 1995-96, giành Scudetto 1996-97, rồi giành cả Siêu Cup châu Âu và Cup Liên lục địa ở trong cùng năm 1997), Sinisa Mihajlovic (sau này cùng Lazio giành Cup UEFA mùa giải 1998-99, Siêu Cup châu Âu 1999, giành Scudetto mùa giải 1999-2000, Cup Quốc gia Italia vào các năm 2000 và 2004...; cùng Inter Milan giành Scudetto trong mùa giải 2005-06), Darko Pancev, và đương nhiên là Miodrag Belodedici...

Sau này, rất nhiều người trong số họ tiếp tục làm người hùng ở các CLB hàng đầu Tây Âu - châu Âu, ở cấp độ đội tuyển quốc gia, sau khi giải nghệ, nhiều người làm quan chức hàng đầu CLB, rồi cả Liên đoàn bóng đá. Nếu không có sự cố Liên bang Nam Tư tan rã, họ hoàn toàn có khả năng gây ra những chấn động lớn lao khác nữa. Nhưng lịch sử, không phải của bóng đá, mà cả của chính trị - xã hội, đã không lựa chọn họ trở thành một tập thể "vô địch thiên hạ" thêm nhiều năm sau này.

Cái bóng của Partizan

Cũng như mâu thuẫn sâu sắc giữa Steaua Bucharest và Dynamo Bucharest, Red Star Belgrade có mối thâm thù "bất cộng đái thiên" với Partizan Belgrade, dù cả 2 đội đều sử dụng "Ngôi sao đỏ" ở trên logo biểu tượng. Trong khi tên của Red Star, là cực kỳ trực diện, khi dùng từ "Sao đỏ" trong tiếng Serbia đặt cho tên đội bóng và được xem là "Đội bóng của Nhân dân" (tương tự như Spartak Moscow ở Liên Xô và ở Nga sau này), thì tên của Partizan, lại có nghĩa là "Đảng phái", mang một hàm ý rất là chính trị và cũng rất là quân đội (Partizan cũng là đội bóng thuộc quân đội như Steaua). Trận derby giữa 2 bên còn có tên là "Derby Vĩnh cửu" và đó là lý do, cho đến tận ngày nay, cổ động viên 2 đội vẫn "choảng nhau vô tư" mỗi khi Red Star có dịp đối đầu với Partizan.

Dù luôn tự hào là đội bóng số 1 Nam Tư trước kia, số 1 Serbia & Montenegor sau này và là số 1 Serbia ngày hôm nay (Belgrade từng 19 lần giành ngôi vô địch quốc gia thời còn Nam Tư, 5 lần vô địch quốc gia thời Serbia & Montenegro và 6 lần vô địch quốc gia

thời Serbia là quốc gia độc lập duy nhất), nhưng ở đấu trường châu Âu, Red Star luôn chậm chân hơn đối thủ kình địch cùng thành phố - Partizan.

Partizan cùng với Sporting Club de Portugal của Bồ Đào Nha, chính là 2 đội bóng đá trận Cup C1 châu Âu đầu tiên, vào ngày 04-09-1955. Trận đấu lượt đi diễn ra tại sân vận động quốc gia Lisbon, chứng kiến Partizan cầm hòa Sporting 3-3. Trong trận lượt về, Partizan hủy diệt đối thủ với tỷ số 5-2, giành vé vào vòng 2 của Cup C1 châu Âu mùa giải 1955-56. Ở cả 2 lượt trận đi - về, tiền đạo Milos Milutinevic đã ghi tổng cộng 6 bàn thắng. Partizan sau đó lọt đến tứ kết và chỉ chịu dừng bước trước Real Madrid với tổng tỷ số thua 3-4 sau 2 lượt trận đi về.

Không chỉ như vậy, Partizan, chứ không phải Red Star, mới là đội bóng Nam Tư - Balkan đầu tiên lọt đến tận trận chung kết Cup C1, ở mùa giải 1965-66, 10 năm sau khi trở thành đội đá quả bóng đầu tiên ở Cup C1. Ở vòng đấu loại, Partizan loại Nantes (Pháp) 4-2. Ở vòng 1, họ thắng Werder Bremen (Đức) 3-1 (thắng 3-0 tại sân nhà). Ở tứ kết, họ thắng Slavia Prague 6-4 (thắng 5-0 trong trận lượt về). Ở bán kết, họ đánh bại cả Manchester United lừng danh của George Best với tổng chiến thắng 2-1. Trong trận chung kết diễn ra tại Heysel, họ thua Real Madrid 1-2, chấp nhận vị trí á quân, trong khi đó, với Real, đó là ngôi vô địch châu Âu lần thứ 6.

Như vậy, dù Red Star là đội bóng được thành lập trước tiên ở Nam Tư (ngày 04-03-1945, so với ngày thành lập 04-10-1945 của Partizan), nhưng ở đấu trường châu Âu suốt một thời gian cực kỳ dài, họ phải sống dưới cái bóng của Partizan. Tuy vậy, sự khủng hoảng trong cách quản lý tài chính, phát triển đội bóng, phát lương cho các cầu thủ đã khiến Partizan sụp đổ. Dù sau đó, đội bóng đã có nhiều cải tổ và quay lại trở thành một thế lực trong làng bóng đá Nam Tư, họ không thể tạo ra dấu ấn lớn lao tương tự ở Cup C1 châu Âu. Vai trò lịch sử của Partizan đã hết. Và vai trò lịch sử mới, thuộc về Red Star.

Red Star chuyển mình và kế hoạch 5 năm

Từ những năm sau của thập niên 1980, Red Star bắt đầu gặt hái những thành tích tốt ở đấu trường các Cup châu Âu. Hồi năm 1986, khi Steaua đăng quang vô địch ở C1, "Sao đỏ" cũng lọt đến tứ kết Cup C2. Họ lần lượt loại Aarau (Thụy Sĩ), Lyngby (Đan Mạch) trước khi dừng bước trước Atleticoa Madrid, thua 1-3 sau 2 lượt trận đi và về. Atletico sau đó lọt đến trận chung kết và để thua Dynamo Kiev của Blokhin, Aleksandr Zavarov 0-3. Kiev khi

đó đóng góp 9/11 cầu thủ đá chính cho đội tuyển Liên Xô ở World Cup 1986. Đội hòa tuyển Pháp của Platini với tỷ số 1-1, hủy diệt Hungary 6-0 và thắng Canada 2-0 ở vòng bảng, nhưng ở vòng 2, Liên Xô bị Bỉ loại 4-3 trong trận đấu đầy rẫy những tình huống việt vị của các cầu thủ "Quỷ đỏ", nhưng trọng tài biên hoàn toàn làm ngơ…

Năm 1987, rốt cuộc điều gì cần phải làm, đã được làm. Ban lãnh đạo của CLB Red Star đề ra kế hoạch 5 năm, nhắm đến mục tiêu duy nhất là giành Cup châu Âu. Kế hoạch được khởi động vào ngày sinh nhật CLB, ngày 04-03-1987. Cũng trong mùa giải 1987-88, Red Star chơi thăng hoa ở Cup C1. Họ loại Panathinaikos (Hy Lạp) 4-2 ở vòng 1; hủy diệt Rosenborg (Na Uy) 7-1 ở vòng 2; ở tứ kết, họ thậm chí còn đánh bại Real Madrid với tỷ số 4-2 trên sân nhà (Hugo Sanchez ghi cả 2 bàn cho đại biểu Tây Ban Nha) trước khi thua 0-2 trên sân đối phương ở lượt về (Manuel Sanchis và Emilio Butragueno ghi 2 bàn cho Real), chỉ bị loại vì luật bàn thắng sân khách.

Từ đó đến tháng 3-1992, Red Star trở thành "duy ngã độc tôn" ở giải vô địch quốc gia Nam Tư, họ thắng 4/5 ngôi vô địch quốc gia. Với ưu thế này, Red Star có thể toàn tâm toàn ý chuẩn bị cho việc chơi thăng hoa hơn, thậm chí đăng quang ở Cup châu Âu, đặc biệt là Cup C1. Năm 1987, Red Star chào đón 2 ngôi sao mới là Dragisa Binic và Prosinecki. Họ đã có một đội hình hoản hảo để chạy đua cho tham vọng ở đấu trường châu Âu, khi Savicevic, Pancev (đối tác ăn ý của Savicevic ở trên hàng tấn công), và Mihajlovic… đã có sẵn ở đó. Từ tuyến trẻ đôn lên, họ có thêm thủ môn Stevan Stojanovic và Jugovic. Cái họ cần, chỉ là thời gian chín muồi!

Nỗi luyến tiếc mang tên Stojkovic, nhưng ông đã lựa chọn như vậy

Trong số những cầu thủ Red Star sát cánh cùng nhau giành ngôi vô địch C1 hồi năm 1991, rất tiếc không có tên Dragan Stojkovic. Từng là người kết hợp rất nhuần nhuyễn cùng với Savicevic trên hàng tiền vệ, Stojkovic là một biểu tượng của Red Star khi chơi cho đội bóng này suốt từ năm 1986 đến năm 1990, ra sân 120 lần và ghi được 54 bàn. Không phải tự nhiên mà ông là 1 trong 5 cầu thủ nhận được Huân chương Ngôi sao danh dự của Red Star.

Ở kỳ World Cup 1990 tại Ý, Stojkovic tỏa sáng trong màu áo của tuyển Nam Tư. Ông giúp đội bóng ở vùng Balkan vượt qua vòng đấu bảng sau khi thua CHLB Đức 1-4, thắng Colombia 1-0 và thắng UAE 4-1. Ở vòng 16 đội, khi Nam Tư đối đầu với Tây Ban

Nha của những Julio Salinas, Butragueno, Andoni Zubizarreta và Fernando Hiero (lúc đó vẫn còn là cầu thủ dự bị)..., số 10 Stojkovic đã lập cú đúp giúp đội nhà giành chiến thắng chung cuộc 2-1 sau 120 phút tranh tài.

Phút thứ 78 của trận đấu, Stojkovic nhận một đường bóng bổng ở trong vòng cấm địa, ông bình tĩnh điều lực "hãm bóng" để đường bóng trở thành bóng sệt, rồi gạt bóng qua cự truy cản của một hậu vệ áo đỏ và sửa bóng vào góc xa, mở tỷ số trận đấu. Sau đó, Tây Ban Nha gỡ hòa nhờ công của Salinas ở phút 84. Ở hiệp phụ, Stojkovic lại thể hiện phẩm chất của một cầu thủ số 10 trong tình huống đá phạt hàng rào. Đó là tình huống sút phạt ở phút 93, ông "uốn" một đường bóng cong hoàn hảo, bay qua tầm chắn của hàng rào áo đỏ, qua cả tầm với của thủ môn Zubizarreta. Nam Tư thắng chung cuộc 2-1.

Ở vòng tứ kết, Nam Tư của Stojkovic, Savicevic, bị cầm hòa không bàn thắng trước Argentina của Diego Maradona và Claudio Caniggia (lúc đó vẫn là đương kim vô địch thế giới) sau 120 phút tranh tài. Ở loạt sút luân lưu, Stojkovic đá hỏng quả đầu tiên, sau đó Nam Tư để thua 2-3 và bị loại, Argentina tiếp tục phiêu lưu vào chung kết và thua CHLB Đức 0-1. Nhưng đó lại là một câu chuyện khác!

Trở về sau World Cup rực cháy, Stojkovic trở thành mục tiêu săn đón của nhiều CLB hàng đầu Tây Âu, Ông bầu khét tiếng nhất châu Âu thời điểm đó, Bernard Tapia, đã chồng lên bàn đàm phán 5,5 triệu Bảng, thuyết phục Stojkovic gia nhập đội ngũ toàn sao của Marseille gồm có Jean Pierre Papin, Eric Cantona, Jean Tigana, Didier Deschamps (hiện là huấn luyện viên trưởng tuyển Pháp), rồi Abedi Pele. Stojkovic gật đầu đồng ý, nhưng không biết chính bản thân mình đã bỏ lỡ một cơ hội bằng vàng để trở thành nhà vô địch đấu trường C1 châu Âu cùng Red Star.

Đến với Marseille, Stojkovic xui xẻo bị chấn thương hành hạ và không bao giờ tìm lại được phong độ cao nhất. Trong suốt 4 năm gắn bó ở đội bóng nước Pháp, ông chỉ ra sân 19 lần, ghi được 5 bàn. Khi Marseille đối mặt với Red Star ở chung kết Cup C1 năm 1991, Stojkovic chỉ được tung vào sân ở hiệp phụ để đối đầu với những đồng đội cũ. Ông thi đấu không mấy nổi bật. Khi cả 2 đội bị kéo vào loạt sút luân lưu 11 mét, dù là một chuyên gia đá phạt, Stojkovic nói với huấn luyện viên của đội bóng Pháp rằng ông không muốn đá 11 mét chống lại đồng đội cũ. Red Star sau đó thắng 5-3 và đăng quang ngôi vô địch châu Âu, còn Stojkovic bị bán sang Genoa rồi quay lại Marseille, cùng đội này thắng

Champions League năm 1993, nhưng ông vẫn không thể chơi trận chung kết vì bị chấn thương.

Với Red Star, không có Stojnkovic, họ có ngay Jugovic, dù người ta vẫn mơ mộng, luyến tiếc về trường hợp Savicevic và Stojkovic đá cặp bay bổng cùng nhau, nâng cao chiếc Cup bạc tai voi cùng với nhau. Nhưng lịch sử đã viết xong sự kiện Cup C1 mùa giải 1990-91 của mình.

Di sản bị quên lãng???

Red Star Belgrade vô địch Cup C1 châu Âu mùa giải 1990-91. Tuy vậy, họ là nhà vô địch "vô danh nhất", khi UEFA nhìn lại quá trình phát triển các Cup châu Âu của mình. Ở nhiều chủ đề, hệ thống lưu trữ, khi tìm kiếm danh mục: "Những CLB vĩ đại nhất châu Âu", hiếm khi cái tên Red Star được đề cập đến. Đó cũng là vì lịch sử phức tạp của vùng Balkan, sự tan rã vội vã của Liên bang Nam Tư ngay trước, trong và sau thời điểm Red Star đá trận chung kết Cup C1, kéo theo nội chiến sắc tộc giữa người Serbia với các dân tộc khác...

Trong các trận đấu của Red Star, kể từ vòng tứ kết trở đi (nghĩa là quãng thời gian nửa đầu của năm 1991, khi khủng hoảng chính trị ở Nam Tư phát triển hết từ đỉnh điểm này đến đỉnh điểm khác), chất chuyên môn luôn bị trộn lẫn với những vấn đề mang tính quốc gia - dân tộc. Không một bài báo nào miêu tả về các chiến tích của Red Star, lại không quên nhắc đến những rối ren ở Nam Tư, khi súng đã bắt đầu rộ lên, máu đổ và nhiều yếu tố bi kịch kéo theo sau.

Truyền thông phương Tây, ở vào thời điểm đó, bị giằng xé giữa 2 quan điểm: Chỉ trích tình hình chính trị ở Nam Tư và "thiên vị" cho những đội đối thủ của Red Star, chỉ vì họ đang đấu với đội bóng đến từ một đất nước bất ổn, đã có nổ súng đẫm máu, khủng hoảng sắc tộc, là "kẻ thù" của dân chủ và hòa bình, là "hiện thân của cái ác"; hay là, đơn giản chỉ khen ngợi màn trình diễn đậm chất chuyên môn của Red Star, của những ngôi sao cuối cùng của bóng đá Liên bang Nam Tư, và gạt qua những bất mãn cá nhân!

Ngay cả chiến thắng ở trong trận chung kết trước đội bóng "toàn sao" Marseille, cũng diễn ra không quá ồn ào, không có nhiều quốc gia được xem trận đấu này trên truyền hình, để rồi, chiến thắng của Red Star, bằng cách này hay cách khác, chủ yếu trở thành "một lịch sử buồn của OM", khi mà đội bóng nước Pháp kể lại quá trình thăng trầm của họ ở đấu trường thi đấu CLB danh giá nhất

châu Âu.

Tuy vậy, có những thứ không thể biến mất, và nhiều người không thể nào quên. Đó là màn trình diễn chói sáng của Red Star trong 2 lượt trận đi và về ở vòng đấu bán kết, chống lại một Bayern, như lẽ thường, vẫn là hùng mạnh, bất chấp thời gian trôi đi, dù là năm 1991 hay 2001, 2011 hay thậm chí cả ngày hôm nay, năm 2021. Trận đánh sập Bayern 2-1 tại thánh địa Olympic, hay trận hòa 2-2 đầy màu sắc tại sân nhà, cả 2 trận đấu đó đều chứa đựng những bàn thắng đẹp đến ngoạn mục, một phần là nét đẹp của Red Star khi đăng quang Cup C1 năm 1991.

Người huấn luyện viên cáo già

"Sao đỏ" thời đó, không chỉ có dàn hảo thủ lão luyện, mà còn được dẫn dắt bởi một huấn luyện viên "cáo già", đó là ông Ljupko Petrovic. Là một nhà cầm quân lão luyện, ông Petrovic nhanh chóng nhận ra, cần phải biến Red Star trở thành một cỗ máy phản công hoàn hảo, dù họ có ở trong tay vô vàn những đại diện của lối đá kỹ thuật, có khả năng cầm bóng và ban bật nhỏ. Chính lối chơi phản công cực nhạy, kết hợp với những cầu thủ khéo léo kỹ thuật, đã giúp Red Star vượt qua cửa ải khó nhất khi đánh bại Bayern, và ghi được những bàn thắng cực kỳ đẹp mắt.

Trong trận chung kết đấu với OM, chính ông Petrovic cũng chủ động kéo các cầu thủ Red Star đá lùi sâu phòng thủ, chực chờ phản công, nếu cần sẽ "câu" trận đấu vào loạt sút luân lưu 11 mét để quyết thắng - bại. Dù đó là sách lược đầy mạo hiểm, vì đá luân lưu 11 mét mang tính may - rủi nhiều hơn, trong khi các cầu thủ thực hiện dứt điểm phải có một thần kinh thép, một yếu tố ngẫu nhiên, một pha ngã người ngoài dự kiến của một thủ môn sẽ làm hỏng tất cả mọi toan tính. Tuy vậy, đó lại là một lựa chọn đúng đắn dành cho Red Star.

Nên nhớ, ở vào thời điểm đó, các cầu thủ Red Star nói chung và các cầu thủ chơi ở giải vô địch quốc gia Nam Tư nói riêng, đã tự trang bị cho mình thói quen sút 11 mét. Đơn giản, cũng là do thể thức thi đấu ở giải vô địch quốc gia Nam Tư thời bấy giờ - các trận đấu hòa sẽ được quyết thắng bại bằng sút luân lưu 11 mét. Trong suốt mùa giải 1990-91, ở giải đấu quốc nội, Red Star có tổng cộng 6 trận đá hòa, sau đó phải sút luân lưu 11 mét để phân thắng bại, họ đã thắng 4/6 trận sút phạt luân lưu, đó là tiền đề để họ tiếp tục đánh bại OM sau loạt sút luân lưu cân não. Mọi thứ, đều đã nằm trong "dự tính" của ông Petrovic.

HLV Petrovic - HLV vô địch C1 duy nhất làm việc tại Việt Nam (Nguồn: Vietnamnet)

Sau khi rời Red Star, ông Ljupko Petrovic đã lưu lạc đến nhiều nơi, tiếp tục làm huấn luyện viên, rồi cũng có lúc quay trở lại Red Star, trong giai đoạn 1994-1996, 2004. Ông thậm chí còn đến Việt Nam, làm huấn luyện viên trưởng của Thanh Hóa, tham gia V-League hồi năm 2017. Năm ngoái, ông cũng đã quay trở lại dải đất hình chữ S để dẫn dắt Thanh Hóa, giờ đây được gọi là Đông Á Thanh Hóa, thêm 1 lần nữa. Trong trận Đông Á Thanh Hóa ngược dòng đánh bại Hồng Lĩnh Hà Tĩnh của "Mourinho Việt Nam" - huấn luyện viên Phạm Minh Đức, với tỷ số 5-3 (từ thế bị dẫn trước 3-2) ngay tại sân vận động Hà Tĩnh hôm 31-03-2021, nếu người nào tinh ý sẽ nhận ra, ông Petrovic mặc chiếc áo đen in hình sa bàn với dòng chữ tiếng Serbia và cột mốc thời gian 24-04-1991. Đó là ngày mà Red Star cầm hòa Bayern 2-2 ngay tại sân nhà, chính thức đoạt vé vào chung kết Cup C1 châu Âu năm 1991…

Đội bóng bất bại đăng quang ngôi vô địch, đó là điều người ta sẽ không quên

Với những hảo thủ nổi tiếng, kết hợp với nhau chơi thứ bóng đá nhuần nhuyễn và lợi hại, một huấn luyện viên cáo già biết cương nhu đúng lúc, giỏi sắp đặt thế trận phản công, Red Star đã giành ngôi vô địch châu Âu mà không để thua 1 trận đấu nào. Đó là thành tích mà cho đến hôm nay, vẫn hiếm có đội nào đạt được.

Ở vòng 1, Red Star gặp khó ngay từ đầu khi bị đối thủ Thụy Sĩ Grasshopper cầm hòa 1-1. Nhà vô địch Thụy Sĩ thậm chí còn dẫn trước 1-0 do công của Peter Kozle ngay ở phút 14, trước khi Binic gỡ điểm cho Red Star ở phút 43. Tuy nhiên, trong trận lượt về trên sân khách, dù là Kozle vẫn ghi bàn cho đội khách, đại biểu của Nam Tư đã thắng đến 4-1 với pha mở tỷ số của Pacev, cú đúp của Pronescki và bàn còn lại của Radinovic.

Ở vòng 2, Red Star đối đầu với Rangers của Scotland. Họ thắng 3-0 ngay ở trận lượt đi sân nhà, Pacev và Pronecski lại ghi bàn, trong khi một cầu thủ của Rangers đá phản lưới nhà. Trận lượt về tại Ibrox, Red Star cầm hòa 1-1, Pancev ghi bàn thắng duy nhất cho đội bóng Nam Tư, và như vậy cũng là quá đủ.

Ở tứ kết, Red Star đấu với đại biểu khá yếu đến từ CHDC Đức - Dynamo Dresden. Thời điểm đó, làng thể thao của "Đông Đức", theo cách gọi dân dã, tuy rất mạnh với những môn thể thao khác, nhưng bóng đá lại không phải là mũi nhọn, trọng điểm, nếu so sánh với làng bóng đá Đông Âu nói chung. Nếu như các đội bóng từ Liên Xô, Rumani, Nam Tư, trước đó là Hungary, sau này là Bulgaria… đều có những dấu ấn đáng kể trong làng bóng đá châu Âu, thì phía CHDC Đức lại khá mờ nhạt.

Đó cũng là một phần của lý do, Red Star trải nghiệm "rào cản" ở mức độ nhẹ nhàng nhất khi đối mặt với đội bóng thành Dresden. Họ thắng với tổng tỷ số 6-0 trong cả 2 lượt trận đi - về. Nhưng kết quả ban đầu lại khác. Sau khi thắng 3-0 trong trận lượt đi, ngay trong trận lượt về, lưới của thủ thành Stojanovic đã phải rung lên. Torsten Gutschow mở tỷ số cho đội bóng CHDC Đức ngay ở phút thứ 3, từ chấm 11 mét.

Không nao núng, bước sang hiệp 2, Red Star lần lượt gỡ hòa và vượt lên dẫn trước 2-1 nhờ công của Savicevic (phút 52) và Pancev (phút 69). Để rồi sau đó, biến cố xảy ra: Ở phút 78, trọng tài Emilio Soriano Aldren buộc phải cho dừng trận đấu vì trên khán đài, các cổ động viên của đội bóng thành phố Dresden gây bạo động, đánh nhau và ném chai lọ xuống sân đấu. UEFA sau đó đã phải hủy kết quả đến phút thứ 78, trao chiến thắng 3-0 cho Red Star. Như vậy có nghĩa là, Red Star đã thắng với tổng tỷ số 6-0.

Cũng như Red Star, Marseille thắng ở trận lượt về vòng tứ kết nhờ vào "phán quyết của UEFA". Đấu với "đại kình địch" AC Milan, Marseille cầm hòa 1-1 trong trận lượt đi trên sân đối phương (Gullit mở tỷ số cho đội chủ sân San Siro, Papin gỡ hòa 1-1). Ở trận lượt về, Marseille tạm dẫn trước 1-0 khi Waddle ghi bàn cho đội chủ sân Stade

Velodrome. Đến phút bù giờ, 2/4 dàn đèn của sân vận động không thể chiếu sáng, trọng tài buộc phải cho dừng trận đấu. 15 phút sau, đèn sáng trở lại, nhưng Giám đốc của Milan, ông Adriano Galliani, từ chối cho đội mình quay lại sân đấu. Kết quả ban đầu bị hủy bỏ, UEFA trao chiến thắng 3-0 ở lượt về vào tay Marseille và họ đã thắng với tổng tỷ số chung cuộc 4-1.

Đối thủ của đội Red Star ở vòng bán kết, chính là Bayern hùng mạnh (hoặc "vẫn luôn luôn hùng mạnh theo tháng năm"). Họ có Klaus Augenthaler và Jurgen Kohler, chính là 2 thành viên trụ cột vừa mới cùng đội tuyển CHLB Đức đánh bại Argentina của Maradona và Caniggia ở trận chung kết World Cup 1990 hồi 9 tháng trước. Họ có Stefan Effenberg máu lửa hoang dã đang trong độ chín. Họ có Brian Laudrup, tài năng trẻ đầy tự hào của bóng đá Đan Mạch trên hàng công. Họ có tiền vệ kiến tạo tinh quái mặc áo số 10 Olaf Thon. Trên băng ghế huấn luyện, họ có chiến lược gia Jupp Heynckes. Họ còn có… toàn châu Âu hỗ trợ phía sau, khi Nam Tư dần trở thành "tử địch" của khối tư bản chủ nghĩa…

… Họ còn sớm có ưu thế dẫn trước trong trận lượt đi tại sân nhà Olympic, khi Roland Wohlfarth thâm nhập sâu vào vòng cấm địa sau cú đánh gót cực quái của Thon, và khéo léo gẩy bóng qua người thủ môn Stojanovic, mở tỷ số trận đấu ở phút 23. Nhưng cũng từ đó trở đi, phẩm chất tuyệt vời của Red Star dần bộc lộ: những pha ban đập nhỏ bên phần sân nhà để thoát pressing, sau khi cướp bóng từ một pha tấn công của đối thủ, kết hợp với một đường chuyền xuyên tuyến mang tính quyết định.

Ở phút 45, từ một tình huống tương tự, bóng được giải tỏa lên cho Binic đang chạy biên phải. Ông dốc bóng vào ngay rìa vòng cấm địa và căng ngang sang phía bên kia. Pancev tiếp tục thể hiện bản năng sát thủ vốn đã sống cùng ông trong suốt mùa giải, khi lao nhanh vào đệm bóng cận thành và gỡ hòa 1-1. Phút thứ 70, khi Bayern mải miết dâng cao tìm bàn nâng tỷ số tiếp theo, Red Star lại có bóng phản công, Savicevic nhấn ga vượt qua hậu vệ cuối cùng của đối thủ và dứt điểm vào góc xa. 2-1 cho Red Star.

Trong trận lượt về, Mihajlovic thể hiện kỹ năng sút phạt hàng rào siêu đẳng, thứ "vũ kỹ" sau này giúp ông "danh chấn thiên hạ" ở Serie A với 28 lần sút phạt hàng rào làm tung lưới đối phương, để mở tỷ số cho Red Star ở phút thứ 24. Bayern vùng lên dữ dội, họ ghi liền 2 bàn thắng trong các phút 61 và 66 do công của Augenthaler (cũng một phần là do thủ môn Stojanovic chủ quan để bóng lọt qua người sau pha dứt điểm khá nhẹ của Augenthaler) và của Bender. Nếu tỷ số 2-1 được giữ nguyên, cả 2 sẽ phải đá hiệp

phụ. Nhưng ở phút 90, người hùng Augenthaler hóa "tội đồ" khi đá phản lưới nhà. Red Star gỡ 2-2 và thắng chung cuộc 4-3.

Lọt vào chung kết, Red Star đứng trước cơ hội lịch sử, qua mặt Partizan, trở thành đội Nam Tư đầu tiên vô địch Cup C1. Họ phải đấu với OM "toàn sao" ở thời điểm đó, với tham vọng thống trị châu Âu của ông bầu tai tiếng Tapie. Sau 120 phút "nước chảy không lọt", khi Red Star chủ động phòng ngự kín kẽ, hiếm khi tổ chức tấn công, còn Marseille bất lực trong khả năng xuyên phá hàng thủ của đối thủ, cả 2 kéo nhau vào loạt sút luân lưu.

Ở đây, cả 5 cầu thủ Red Star đều thực hiện thành công "bài thi" của mình; trong khi đó, Manul Amoros, dù lấy đà từ rất xa, bên ngoài vòng cấm, vẫn đá quả mở màn cho Marseille không thành công, bị... thủ môn Stojanovic cản phá. Red Star thắng chung cuộc 5-3, và đó cũng là lần cuối cùng người ta trông thấy lá cờ 3 màu xanh - trắng - đỏ, có ngôi sao đỏ ở giữa (quốc kỳ của Nam Tư) được phất cao trong một sân bóng đẳng cấp hàng đầu châu Âu.

Sau ngôi vô địch Cup C1 năm 1991, gần như cả đội hình Red Star vẫn sát cánh cùng nhau trong 2 trận đấu cuối cùng, trận Siêu Cup châu Âu vào ngày 08-12-1991, thua Manchester United của ông Alex Ferguson 0-1 (Brian McClaire ghi bàn thắng duy nhất); và trận Cup Liên lục địa vào ngày 08-12-1991, thắng Colo Colo (Chile) 3-0 nhờ cú đúp của Jugovic và bàn còn lại của Pancev. Khi đó, đội hình của họ đã không còn Prosinecki, người gia nhập Real với giá 450 triệu peseta (khoảng 15 triệu € ngày nay).

Có thể nói, đội hình Red Star 1990-91 là đội hình "vô địch một lần duy nhất". Họ không bao giờ được tạo cơ hội thứ 2, nếu điều đó xảy ra, châu Âu đã rung chuyển "kinh thiên động địa" thêm lần nữa. Mùa hè năm 1992, Nam Tư bị UEFA loại khỏi cuộc chơi Euro, theo sau lệnh trừng phạt chính trị đất nước này do tình hình nội chiến, thanh lọc sắc tộc. Thế là, cơ hội cuối cùng để những Savicevic, Pancev, Mihajlovic, Jugociv... sát cánh cùng nhau tranh đoạt thêm vinh quang tan thành mây khói. Nhưng cũng vì vậy, châu Âu tìm ra được một nhà vô địch mới đầy bất ngờ - tuyển Đan Mạch của Pete Schmeichel, của anh em nhà Laudrup.

Hamburg 1983

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

World Cup 1982 chứng kiến đội bóng Thiên thanh lên ngôi vô địch thế giới lần thứ 3, cân bằng với kỷ lục của Brazil vĩ đại. Trong khung gỗ là thủ thành kỳ cựu Dino Zoff, hàng thủ gồm 2 trung vệ có lẽ là xuất sắc nhất thế giới lúc ấy, Claudio Gentile và Gaetano Scirea. Bên cánh trái là Antonio Cabrini với tốc độ siêu hạng. Tuyến tiền vệ có Marco Tardelli, còn phía trên hàng công là đương kim Quả Bóng Vàng châu Âu Paolo Rossi, người hùng của Azzurri ở Tây Ban Nha. Tất cả họ đều có mặt trong đội hình Juventus mùa giải 1982-83. Nhưng chưa hết, Juve còn có hai siêu sao khác. Zbigniew Boniek, cầu thủ số 1 của Ba Lan, đội xếp hạng tư ở World Cup năm ấy và Michel Platini, chắc chắn là cầu thủ xuất sắc nhất thế giới ở thời điểm này. Đó là còn chưa kể ngôi sao Roberto Bettega, người chỉ vắng mặt ở World Cup 1982 vì chấn thương. Với một đội hình khủng khiếp như vậy, không có gì lạ khi Juve đặt mục tiêu hoàn tất trọn bộ các Cup châu Âu. Chỉ có điều, đó lại là sự khởi đầu của một bi kịch…

Hamburger, cái tên mà khi nghe qua, chúng ta dễ liên tưởng tới món bánh mì kẹp thịt ngon tuyệt của nước Mỹ. Tôi vẫn thích cái vị ngậy ngậy ở trong nhân của chiếc bánh này. Chỉ có điều, nó hơi ít rau. Vài mẩu xà lách là không đủ với mẫu người thích ăn nhiều rau như tôi. Nhưng chờ đã! Chúng ta đang nói đến bóng đá cơ mà nhỉ? À phải rồi! Hamburger, tôi cần nhắc lại, đó không phải là món bánh mì kẹp thịt ngon tuyệt của nước Mỹ, đó là một đội bóng hẳn hoi, một đội bóng đã từng có quá khứ đầy hào quang và giờ thì đang gặm nhấm hào quang đó ở giải hạng 2 của nước Đức.

Nhưng vào thời điểm năm 1983, Hamburg (xin gọi theo tên tiếng Anh thay vì tên gốc tiếng Đức Hamburger, rất dễ làm bạn liên tưởng tới món bánh mì kẹp thịt) là một đội bóng rất mạnh. Họ liên tục góp mặt ở giải Bundesliga, chưa từng bị xuống hạng và đã vài lần giành ngôi vô địch. Năm 1980, Hamburg đánh bại một

loạt CLB hùng mạnh để lọt vào chung kết Cup châu Âu. Tiếc thay, điều đó lại vô tình tạo bệ phóng cho Nottingham Forest bảo vệ được danh hiệu. Forest chiến thắng 1-0 với lối chơi cực kỳ chặt chẽ của Brian Clough, bất chấp Hamburg có trong tay cầu thủ ưu tú nhất châu Âu Kevin Keegan.

Tuy nhiên, mùa giải 1980-81 đã chứng kiến một điều tệ hại, huấn luyện viên Branko Zebec bỗng nghiện rượu. Ông thường xuyên say túy lúy. Ở nhà. Ở quán rượu. Và thậm chí ở cả trong trận đấu. Không thể để một gã bê tha như vậy tiếp tục dẫn dắt đội bóng! Giám đốc thể thao Gunter Netzer quyết định hành động. Ông lập tức sa thải Zebec và mời huấn luyện viên huyền thoại Ernst Happel về để xây dựng một chu kỳ thành công mới vào mùa hè năm 1981.

Lúc ấy, Happel đã trải qua một cuộc sống đầy biến động và rất nổi tiếng bởi tài năng và cá tính của mình. Là một hậu vệ cực kỳ xuất sắc, Happel đã từng gây tiếng vang khi ông lập hat-trick vào lưới Real "thần thánh" và khiến đội bóng của Di Stefano phải đá lại mới có thể giành quyền đi tiếp tại Cup C1. Được mệnh danh là "Achilles", ông đã dũng cảm từ chối tham gia lực lượng Quốc xã dù sau đó vẫn bị đẩy ra chiến trường. Bị bắt giữ bởi quân Đồng minh, Happel thậm chí đã trốn thoát thành công và tìm được đường tới vùng do Hồng quân kiểm soát. Sau Thế chiến thứ Hai, Happel quay lại với nghiệp cầu thủ. Ở Vienna, ông thường xuyên lui tới các quán cà phê. Chính nơi đây, rất nhiều tư duy bóng đá được hình thành và trao đổi. Các cuộc thảo luận diễn ra giữa những "triết gia bóng đá" đã giúp Happel tăng thêm rất nhiều vốn hiểu biết của ông. Nhưng cũng chính những nơi đó đã khiến Happel dính phải thói quen xấu ảnh hưởng tới sức khỏe của ông sau này: rượu và thuốc lá.

Năm 1970, Happel đưa Feyenoord trở thành CLB Hà Lan đầu tiên giành chức vô địch châu Âu. Ông còn về nhì ở giải đấu này vào năm 1978 cùng Brugge và vài tháng sau, về nhì ở World Cup khi dẫn dắt Hà Lan tới Argentina. Ở trên sân cỏ, Happel có một hấp lực kinh khủng. Ông là trung tâm sự đoàn kết của các cầu thủ, là người biết cách thúc đẩy tiềm năng của đám học trò và gây áp lực mạnh mẽ lên đối phương. Thế nhưng, ở phòng họp báo, ông giống một gã lập dị nhiều hơn là một quý ông. Thường thì Happel chỉ trả lời 3-4 câu của các phóng viên và sau đó, ông đứng dậy nó: "*Các vị muốn viết gì thì viết. Tôi đếch quan tâm.*" Nói xong, ông bỏ đi một mạch. Mặc dù vậy, mối quan hệ của Happel với các cầu thủ là rất tốt, tuy ông cũng hay càu nhàu và quát tháo trên sân tập. Ông còn nổi tiếng bởi tính cách kỳ cục khi bắt cầu thủ ra sân tập lúc 7 giờ

sáng dù chỉ vài giờ sau, cả đội phải bay tới Italia để thi đấu. Netzer bình luận về vị huấn luyện viên người Áo này là "cỗ máy xay thịt đầu tiên mà tôi từng gặp". Không phải ngẫu nhiên khi người ta gọi lén ông là "Bạo chúa" ở sau lưng.

Hồi mới bắt đầu sự nghiệp huấn luyện viên, Happel đã thay đổi tư duy của cả đội bóng bằng sự sắt đá của mình. Ông đến ADO Den Haag để làm việc ngày đầu trong màn mưa nặng hạt. Các cầu thủ thì muốn tập ở trong nhà còn Happel thì không. Ông đặt lon nước ngọt lên xà ngang và sút trúng nó ngay ở lần đầu tiên, sau đó tuyên bố: "*Thằng nào làm được như tao thì hẵng vào nhà*". Các cầu thủ kém cỏi của Den Haag đã bất lực trong việc sút trúng lon nước ngọt như ông thầy và phải cắn răng tập khi quần áo lẫn giày ướt sũng vì nước mưa. Nhưng Happel không hẳn là mẫu huấn luyện viên khắc nghiệt kiểu chủ nô như Helenio Herrera, ông cũng biết cách gợi cho các cầu thủ đóng góp ý kiến vào cách vận hành đội bóng. Sự dung hòa giữa sắt đá và mềm dẻo đã tạo nên sự nghiệp phi thường của chiến thuật gia người Áo và đó là cái mà Netzer cần ông để thay thế Zebec.

Happel bắt tay vào việc thay đổi lối chơi của Hamburg ngay. Ông thổi vào đội bóng này sự điềm tĩnh và kỷ luật. Hamburg thường tìm cách dồn ép đối thủ, cố gắng hạn chế bàn thua và chơi rất chậm, chắc. Đội bóng này biến thành một cỗ máy vận hành trơn tru và hiệu quả, đúng với tinh thần Đức. Một tờ báo lúc đó mô tả "*Hamburg chơi càng ngày càng khó chịu*". Trong vòng hơn 1 năm, từ tháng 1-1982 đến tháng 1-1983, Hamburg trải qua 36 trận liên tiếp ở giải vô địch quốc gia mà không thua. Họ thắng 19 trận và hòa 17 trận và cho đến nay, đây vẫn là chuỗi trận bất bại dài nhất của một huấn luyện viên tại Bundesliga.

Hamburg không còn trong tay Kevin Keegan như vài năm trước nữa. Đổi lại, họ xây dựng được một đội hình mạnh với nhiều tuyển thủ quốc gia Tây Đức làm nòng cốt. Ở trong khung gỗ là Uli Stein, hàng thủ có Ditmar Jakobs, một lá chắn vững chắc và dạn dày kinh nghiệm. Thủ lĩnh hàng tiền vệ là Felix Magath, người sau này cũng rất nổi tiếng với vai trò huấn luyện viên. Đá cao nhất là Horst Hrubesch, người vừa quyết định từ giã đội tuyển quốc gia để tập trung cho Hamburg. Mặc dù vậy, Giám đốc thể thao Gunter Netzer không đầu tư quá nhiều tiền cho thị trường chuyển nhượng và Happel phải tự hài lòng với những cầu thủ mà ông có trong tay, phần lớn đều là những người đang chuẩn bị bước sang bên kia sườn dốc của sự nghiệp. Có thể nói, trước khi trận chung kết 1983 diễn ra, Hamburg thật giống một gã công nhân thô kệch khi đối đầu với đội bóng hào nhoáng và giàu có Juventus.

Tháng 5-1983, Hamburg tới Hy Lạp để chuẩn bị cho trận chung kết Cup châu Âu thứ 2 trong lịch sử của mình. Huấn luyện viên Happel lúc này rất tự tin khi đối đầu với Juventus. Ông là một người có nhiều kinh nghiệm khi gặp các đại diện nước Ý. Năm 1970, ông đã dẫn Feyenoord vượt qua AC Milan, lúc ấy là đương kim vô địch, để đoạt Cup. Brugge của ông năm 1976 cũng đánh bại AS Roma và năm 1978, tiễn chính Juventus về nước để đi tới trận chung kết. Rõ ràng, Happel có lý do để tin ông sẽ giành chiến thắng tại Athens.

Tất nhiên, Juventus 1983 là một đội bóng rất mạnh, thậm chí là quá mạnh với dàn ngôi sao rực rỡ nhất thế giới. Nhà vô địch nước Ý dồn mọi quyết tâm và nỗ lực cho chiếc Cup mà họ chờ đợi để có từ quá lâu. Cho đến năm 1983, Juve là CLB tham dự Cup C1 nhiều nhất trong lịch sử bóng đá Italia (bây giờ cũng vẫn thế) nhưng trong khi hai kỳ phùng địch thủ Milan và Inter đều đã có 2 danh hiệu thì họ vẫn chưa một lần đăng quang. Trận chung kết năm 1983 được xem như cuộc đối đầu lần 2 giữa người Ý và người Đức. Rất nhiều cầu thủ của Juventus là thành viên của nhà vô địch thế giới 1982 trong khi một vài cầu thủ Hamburg, trong đó có Hrubesch và Magath, là những người thất bại ở trận chung kết tại Tây Ban Nha.

Trước trận, Happel họp đội và nhận định việc Juventus có quá nhiều siêu sao, nếu chơi theo cách một kèm một thì rất khó khăn để giành chiến thắng. Sau khi trình bày xong cách tiếp cận trận đấu, ông hỏi ý kiến các cầu thủ rằng có nên dành ra 1 người để "bắt chết" Michel Platini hay không. Lúc ấy, Platini là cầu thủ xuất sắc nhất thế giới và đang ở đỉnh cao phong độ. Nhưng các cầu thủ Hamburg đã lắc đầu. Happel quyết định tin tưởng đám học trò và chỉ yêu cầu họ tuân thủ chiến thuật ông đề ra.

Trận đấu đã bắt đầu đúng như những gì Happel tính toán. Phút thứ 9, Magath nhận được bóng từ Wehmeyer, anh dẫn bóng đi vài nhịp trước khi quyết định dứt điểm từ khoảng cách gần 20 mét. Cú sút chân trái mạnh và hiểm đến mức độ Dino Zoff tung người hết cỡ cũng không thể cứu được bàn thua. Hamburg vượt lên từ rất sớm và bắt đầu triển khai ý đồ chiến thuật của Happel. Những đợt tấn công của Juventus tỏ ra bế tắc và vô vọng. "*Tôi đã muốn rời khỏi sân chỉ sau có 1 hiệp.*" Platini đã phải thốt lên đầy cay đắng khi anh hoàn toàn mờ nhạt trước các tiền vệ người Đức. Cầu thủ người Pháp hoàn toàn không có không gian để thể hiện kỹ năng và phẩm chất sáng tạo của mình ngoài việc chạy lăng xăng theo trái bóng. Sang hiệp 2, tình hình cũng không khá hơn. Huấn luyện viên Giovanni Trapattoni đã cố gắng tìm cách thay đổi việc

tiếp cận trận đấu nhưng mọi nỗ lực của Juve đều bị hàng thủ của Hamburg bẻ gãy. Happel đã hét lên để động viên các học trò: "*Hãy cho cả nước Đức thấy thứ bóng đá mà họ cần!*".

Magath ghi bàn cho Hamburg

Hamburg đứng vững tới lúc trọng tài nổi còi kết thúc trận đấu. Những cầu thủ "công nhân" áo đỏ tràn vào sân ăn mừng. Happel nói trong sự xúc động: "*Đây có lẽ là giây phút tuyệt vời nhất trong cuộc đời huấn luyện của tôi.*" Đội bóng Đức đã làm được một việc phi thường, đó là xen vào giữa thời đại thống trị của người Anh bằng một chức vô địch đáng nhớ. Còn Happel đi vào lịch sử khi trở thành huấn luyện viên đầu tiên vô địch Cup C1 với 2 đội bóng khác nhau.

Nhưng nhiệm vụ của Happel và Hamburg vẫn chưa kết thúc. Ở Bundesliga, họ đang bị Werder Bremen bám sát dữ dội. Trở về trong sự mệt mỏi, Hamburg tiếp tục đánh bại 2 đối thủ cực kỳ khó chịu là Borussia Dortmund và Schalke 04 ở hai trận cuối cùng để bảo vệ thành công chiếc Đĩa bạc. Happel đã đưa đội bóng của ông trở thành CLB số 1 châu Âu và số 1 nước Đức trong cùng một mùa giải.

Thành công đã đến với Hamburg sau rất nhiều năm nỗ lực. Nhưng họ đã tự phá hủy tất cả chỉ trong một mùa hè. Trong không khí lâng lâng chiến thắng, Happel và Netzer đã phạm phải sai lầm. Cả hai quyết định trẻ hóa đội hình và đẩy đi hai cầu thủ kỳ cựu Horst Hrubesch và Lars Bastrup. Để thay thế, Netzer đưa Wolfram Wuttke và Dieter Schatzschneider về nhưng họ đã làm Happel thất vọng. Hamburg nhanh chóng tụt dài bất chấp những

nỗ lực của huấn luyện viên người Áo. Phải đến tận mùa bóng 1986-87, CLB mới trở lại đường đua khi về nhì ở Bundesliga và giành Cup quốc gia. Nhưng đó là lúc Happel cảm thấy thời gian của ông với bóng đá đỉnh cao đã cạn. Mệt mỏi vì áp lực công việc, ông xin từ nhiệm và trở về quê nhà để dẫn dắt những đội bóng ít tên tuổi nhưng thảnh thơi hơn. Về phần Hamburg, đội bóng mất Happel như rắn mất đầu. Họ tụt dốc không phanh, suýt phá sản vào đầu thập niên 1990 và trở thành một CLB tầm thường trước khi bị xuống hạng lần đầu trong lịch sử vào năm 2018. Chiếc Cup Quốc gia 1987 mà Happel mang về cho Hamburg chính là danh hiệu cuối cùng cho đến lúc này của họ ở nước Đức.

Đối thủ của Hamburg, Juventus, cần thêm 2 năm nữa để có chiếc Cup mà họ thèm khát. Nhưng một lần nữa, đội bóng Italia lại trải qua một cơn bi kịch trong một trận chung kết đau thương nhất lịch sử Cup châu Âu...

Porto 2004
Ánh sao băng cuối

Dũng Phan

- Joao, tôi đang trên đường rời Benfica. Nếu muốn giữ tôi lại, hãy thảo bản hợp đồng 1 năm.

- Jose, anh điên rồi.

- Tôi chỉ muốn hoặc là 1 năm, hoặc là tôi sẽ ra đi. Nói cho ngài Chủ tịch biết đi.

Đó là cuộc điện thoại ngắn của Jose Mourinho với người đại diện của mình vào một ngày buồn của tháng 12-2000. Nhưng đấy là cuộc điện thoại sẽ dẫn đường ông đi đến CLB Leiria chỉ sau một năm, trước khi đến với CLB định mệnh sẽ làm nên tên tuổi của ông: FC Porto.

Tháng 1-2002, CLB truyền thống nhất Bồ Đào Nha là FC Porto đang ở giai đoạn tồi tệ bậc nhất trong lịch sử tồn tại của họ. Tất cả mọi mặt trận đấu cup đều bị loại sớm, trong khi ở giải vô địch quốc gia thì đứng ở vị trí thứ 5. Đội bóng lúc ấy đã ra một quyết định sau này sẽ có tính bước ngoặt trong biên niên sử CLB. Đấy là sa thải huấn luyện viên Octavio Machado và bổ nhiệm một gã huấn luyện viên mới nổi gần đây có tên là Jose Mourinho từ Leiria. Ngày 23-01-2002, Mourinho ra mắt đội bóng mới, bằng một tuyên ngôn ngạo nghễ dù chưa có thành tích nào trong tay: "*Chúng ta sẽ vô địch ngay mùa bóng sau*." Báo *Record* giật tít: "Mourinho, người được chọn." Sao chiếu mệnh đã ở bên Mourinho từ ngày đầu.

Porto không phải là không có duyên với Mourinho trước đó, và Mourinho cũng không lạ lẫm gì với Porto. Vào giai đoạn từ năm

1994-1996, khi người thầy đầu tiên của ông là Sir Bobby Robson đến dẫn dắt đội bóng này, Mourinho đã là anh thông dịch viên tại đó. Ở CLB thành phố cảng xinh đẹp này, Mourinho đã học hỏi được nhiều điều từ Robson, và cũng biết được văn hóa lẫn lịch sử của Porto. Tuy nhiên, trong lần trở lại với cương vị huấn luyện viên trưởng này, thân thì giống trạng nguyên về làng, mà hoàn cảnh thì như người cứu trợ. Chính Mourinho đã gọi đấy là "*Porto tồi nhất trong 26 năm*". Cũng chính ông sau này đã hồi tưởng lại: *"Đấy là một Porto không phải Porto của cái ngày tôi và Robson rời đi. Đấy chỉ là một tập thể yếm thế thất bại. Những gã kiêu ngạo tự cảm thấy thỏa mãn với những gì mình đang có, mà thắng thua hay danh hiệu cũng không còn quan trọng nữa. Porto không thể vô địch ngay trong mùa đầu của tôi, vì đấy không phải là đội của tôi.*"

Tuy nhiên, những gì ông làm trong cái năm 2002 ấy với Porto chỉ là cách dọn đường cho suất dự Cup UEFA mùa tới, cũng là điểm khởi đầu cho những chiến tích bất tận sau này của "Người đặc biệt". Bộ khung được hình thành vào cuối mùa bóng và trong mùa hè. Đấy sẽ là những cái tên làm nên điều kỳ diệu cho đội bóng này, với một hành trình Champions League 2004 không ai ngờ được. Chúng ta xin kể ra đây tập thể Porto ngày đó, bao gồm Victor Baia, Carlos Secretario, Rivardo Carvalho, Andrade (sau này được bán cho Deportivo), Mario Silva, Alenitchev, McCarthy, Capucho, Paredes, Costinha, Candido Costa, Clayto, Deco và Helder Postiga. Cùng với các cầu thủ đến vào mùa hè là Derlei, Maniche, Pedro Emanuel, Paulo Ferreira, Jankauskas, Cesar Peixoto và Nuno Valente.

Ông tạo nên một tập thể đoàn kết, và rất nhiều kỷ niệm. Trong đó có câu chuyện liên quan đến việc hơn 20 người đi chơi cùng nhau, cả "ma cũ" lẫn "ma mới". Còn ông cùng người trợ lý ngồi trước sảnh khách sạn và tròn mắt ngạc nhìn họ cùng về trước 23 giờ. Thời khắc ấy, ông chỉ thốt lên: "*Đấy là ngày khai sinh của đội hình vô địch mà tôi dẫn dắt.*" Nguyên tắc của Mourinho trong một tập thể không phải là Real, Barca hay Manchester United, Milan là rất đơn giản, bên cạnh tài năng thì cần tính tập thể. Trên cánh cửa dẫn vào phòng thay quần áo Porto là dòng chữ: "*Ở đây không ai được phép vào, ngoại trừ Chúng Ta*". Vâng, cho nên sau này khi Porto vô địch, bạn có thể coi đó là bất ngờ. Nhưng xin phép một sự thật như chính quy luật của cuộc đời này, bất ngờ chỉ được tạo ra từ sự chuẩn bị.

Mourinho và các học trò

Cuối cùng, điều gì đến cũng phải đến, Jose Mourinho cùng đoàn quân chiến thắng ấy đến với trận chung kết UEFA Cup 2003 với Celtic. Celtic là ai? Đấy là nhà vô địch cup C1 năm 1966-67 sau khi đánh bại Inter Milan tại Lisbon. Còn Porto? Vâng, họ là nhà vô địch sau đó tròn 20 năm, mùa giải 1986-87 khi vượt qua Bayern Munich hùng mạnh trên đất Áo. Trận đấu của họ là màn tái ngộ của hai thế lực cũ, những nhà vô địch C1 cũ, gặp nhau ở đấu trường UEFA Cup. Mourinho kể lại, ông "trang bị đến tận răng" cho đội bóng để đi đến trận chung kết có ý nghĩa lớn lao này. Ông đặt mình vào vị trí huấn luyện viên của Celtic để quan sát và nên làm gì tiếp theo. Thậm chí với tính cách cẩn thận đã thành thương hiệu, Mourinho vạch cả ra những kịch bản tồi tệ như thẻ đỏ, mất người, để đội bóng biết cách đối phó. Và ở đó, Mourinho lần đầu cho thấy một khẩu hiệu đã thành thương hiệu của ông sau này trước các trận chung kết. Vâng, đó là câu: "Chung kết là để chiến thắng, không phải để biểu diễn." Ông dặn dò liên tục các cầu thủ của mình: "*Hãy tiết chế cảm xúc, chúng ta đến đây để vô địch, không phải để về tay không.*"

Có một chi tiết rất đẹp mà chương sách này muốn kể lại với bạn qua chính lời tự thuật của Mourinho. Đấy là khi ông bước vào sân, nhìn lên khán đài và thấy gia đình mình ở đấy, ông bảo: "*Tami và bọn trẻ đang ngồi cạnh vợ con của các cầu thủ. Tôi mượn một ống*

kính tele từ phóng viên để nhìn thấy họ rõ hơn, và thấy cái mắt đang nheo lại của con mình vì ánh nắng chiếu vào. Tôi thật sự bực mình, đáng lẽ họ phải được ngồi ở vị trí tốt hơn chứ." Đấy là con người thật của Jose Mourinho, ngoài lạnh trong nóng, và dạt dào tình cảm với gia đình.

Chiến thắng đến với Porto, huấn luyện viên của họ quỵ xuống và khóc. Ông kể lại: "*Tôi cố tìm vợ con mình trong một rừng người nhưng làm sao thấy được. Gia đình đã ở cạnh tôi những lúc khó khăn, nhưng vào những phút giây hạnh phúc thế này, lại không thể cùng họ chia sẻ niềm vui.*"

Nhưng đấy không phải là điểm tới hạn của Mourinho, bằng chức vô địch Bồ Đào Nha, họ đã đến Champions League mùa giải định mệnh 2003-04. Cầu thủ Bosingwa mà ông đưa về, khi được hỏi về dự báo mùa bóng mới, đã trả lời: "*Tại sao không phải là vô địch Champions League nhỉ?*" Kết quả, anh bị dè bỉu và chê cười. Nhưng không ai có quyền đánh thuế giấc mơ, và tập thể đó có quyền mơ đến điều phi thường ấy. Tập thể của những cái tên như thủ môn Victor Baia; các hậu vệ Paulo Ferreira, Jorge Costa, Ricardo Carvalho, Nuno Valente, cùng các tiền vệ Costinha, Maniche, Deco và Alenitchev, chưa kể hai tiền đạo cực bén là Derlei và McCarthy. Và sau này, chính Bosingwa sẽ cười lại những kẻ cười anh hôm đó.

Porto bảo vệ chức vô địch Bồ Đào Nha một cách dễ dàng. "*Trong điều kiện bình thường, Porto sẽ vô địch. Trong điều kiện bất thường, Porto cũng sẽ vô địch*" (Mourinho nói về cuộc đua vô địch vào giữa mùa bóng 2003-04). Còn tại Champions League, Porto rơi vào bảng đấu có Real Madrid, Marseille và Partizan của Serbian. Họ không thể lấy được ngôi đầu bảng của Real, nhưng cũng có được vị trí nhì bảng và vào vòng 1/8 với đối thủ là Manchester United. Hai bàn thắng của McCarthy giúp Porto tạo được lợi thế 2-1 ở lượt đi. Sau trận đấu, Mourinho hài hước nói: "*Câu này không hề có ý tấn công Sir Alex (Ferguson) đâu nhé. Sau trận đấu hôm thứ Tư thì ông ấy có vào văn phòng của tôi và chúng tôi uống rượu với nhau. Chẳng may chai rượu quá tệ. Thôi thì lượt về ở Old Trafford, cũng nhân sinh nhật của tôi, tôi sẽ mời ông ấy một chai rượu Bồ Đào Nha.*"

Nhưng trận lượt về mới là thử thách cam go. Manchester United chỉ cần thắng 1-0 ở Old Trafford là đủ để vào vòng sau. Và rất nhanh chóng, thầy trò Alex Ferguson làm được điều đó ngay từ phút 32 sau bàn thắng của Paul Scholes. Tuy nhiên, Mourinho cho thấy mình là người không đơn giản. Thay vì hoảng loạn hay vội vã dồn lên tấn công, đội bóng của Mourinho lại rất biết mình biết người trước một Manchester United ở trong thời kỳ hùng mạnh.

Thầy trò Jose Mourinho tiếp tục cam mình phòng ngự, Mourinho đẩy cả Maniche và Costinha lùi hẳn xuống, họ hóa giải các đợt tấn công của đối phương, để đợi thời cơ đâm lưỡi kiếm quyết định vào khúc sau trận đấu. Đấy sẽ là thời điểm MU chắc chắn không thể gỡ nổi, và họ thì chỉ cần một trận hòa là đủ để vào vòng sau. Cuối cùng, điều gì đến cũng phải đến, phút 90, Phil Neville phạm lỗi ngoài vòng cấm. Tim Howard xuất sắc đẩy được cú đá phạt McCarthy nhưng không thể đỡ nổi cú đá bồi của Costinha. 1-1 cho Porto, và Jose Mourinho trong chiếc áo choàng đen đã chạy dọc sân Old Trafford để trượt cỏ ăn mừng, biến hình tượng ăn mừng ấy trở thành bất tử, và đưa Mourinho lên hàng sao số khiến cả thế giới phải để ý.

Năm 2004 đó là một năm điên rồ, Deportivo La Coruña khi ấy cũng lọt vào bán kết sau khi để thua Milan 1-4 ở trận lượt đi. Không thể tin nổi nhưng đó là sự thật, khi họ thắng ngược Milan 4-0 ở lượt về. Tuy nhiên, đối thủ của "Super-Depot" khi ấy là một kẻ sinh ra để hủy diệt đối thủ hưng phấn, các CLB tầm trung bằng các tỷ số 1-0. Mourinho đã khoác cho Porto một tấm áo đặc quánh phong cách của mình từ cái thời khắc vượt qua MU: vừa khôn ngoan, vừa đáng sợ, vừa toan tính, vừa lì lợm, chắc chắn. Tin nổi không? FC Porto 2004 đã vô địch bằng cách lập kỷ lục 11 trận bất bại trong lịch sử của Champions League. Từ Deportivo ở bán kết đến Monaco ở chung kết, cách Mourinho đánh bại hai đối thủ này đều có một mẫu số chung, đấy là không cho đối thủ chơi bóng, bóp nghẹt đến từng khoảng trống, và đưa đến một cảm giác nghẹt thở lẫn tẻ nhạt. C. Alberto mở tỷ số, Deco khống chế bóng kỹ thuật nâng tỷ số lên 2-0 và Alenichev đóng chiếc đinh cuối cùng cho trận chung kết.

"*Tôi ngước nhìn lên bảng điện tử, phút thứ 80 trận chung kết Champions League, 3-0. Tôi như cảm nhận được tất cả: niềm tin, sự tĩnh lặng, đoạn kết và niềm vui loan tỏa khắp đội bóng. Tôi nhìn sang hai trợ lý của mình là Andre Villas-Boas và Rui Faria rồi nói với họ: 'Xong rồi bạn ơi, chúng ta đã vô địch châu Âu.' Trong phút giây ấy, tôi để cho những suy nghĩ chạy ngang dọc trong tâm trí mình: chặng đường mà tôi đã đi qua, thời thơ ấu đầy những giấc mơ, những trở ngại, những cuộc khủng hoảng, những lời chỉ trích, gia đình, niềm tin, những cổ động viên trung thành tuyệt đối, lịch sử, sự bất tử và cả những lời đe dọa tính mạng mà tôi nhận được một ngày trước đó*" (Trích những đoạn hồi ức của Mourinho).

Sẽ hoàn toàn thiếu sót nếu nói về Porto 2004 mà không viết về cầu thủ xuất sắc nhất của họ năm ấy, cũng là người giành giải Cầu thủ xuất sắc nhất Champions League 2003-04: Deco. Trong một

tập thể coi trọng sự thực dụng và đấu pháp tính toán, Deco thật sự là một cơn gió mát (không ngẫu nhiên khi anh được Barca mua về ngay hè đó). Cầu thủ gốc Brazil vừa tài hoa, vừa nghệ sĩ, nhưng lại rất chăm chỉ trong yêu cầu của Mourinho. Một năm trước, Deco lập cú đúp kiến tạo trong trận chung kết với Celtic, và trong trận tứ kết với Lyon sau khi loại MU, Deco tiếp tục lập cú đúp kiến tạo ở lượt về. Còn lượt đi ư? Anh ghi bàn mở tỷ số, trước khi kiến tạo cho Carvalho ghi bàn thắng thứ hai. Đến bán kết, lại là Deco tạo ra quả penalty duy nhất giúp Porto vào chung kết sau hai trận lượt đi và lượt về ngột ngạt với Deportivo. Trận chung kết, Deco ghi bàn thứ hai, tay dang ra ăn mừng, hôn gió và nụ cười hiền từ. Anh thật sự là một số 10 chuẩn mực của Mourinho, mẫu cầu thủ hộ công mà Mourinho đã luôn đi tìm trong suốt cả sự nghiệp: tài hoa, đơn giản, chăm chỉ. Năm đó, Deco đoạt Quả Bóng Bạc châu Âu, chỉ xếp sau Shevchenko, và đứng trên cả Ronaldinho (người thời điểm ấy đã là đồng đội của anh tại Barca).

Kể từ cái ngày 26-05-2004 trên Gelsenkirchen ấy thì bóng đá châu Âu không còn tìm thấy những bất ngờ nữa. Mourinho bước vào cuộc phiêu lưu trên đất Anh, các cầu thủ Porto cũng rã đám và đi tìm cho mình những miền đất hứa.

"*Chúng tôi ôm nhau, hôn nhau và bật khóc. Bé Ze cứ hỏi: Tại sao mọi người lại khóc sau khi đã thắng trận chung kết? Lẽ ra phải cười thật vui chứ.*"

Vài ngày sau, trên một chiếc du thuyền có ba người đàn ông ngồi cạnh nhau, nâng ly rượu và miệng mỉm cười, họ là Chủ tịch Chelsea Roman Abramovich, kiến trúc sư của đội bóng Peter Kenyon, và người còn lại là nhà vô địch châu Âu vừa rồi - Jose Mourinho. Bóng đá châu Âu kể từ sau đó không còn yên tĩnh nữa, bình yên chỉ còn ở lại Porto, nơi trong phòng truyền thống phủ bụi, mãi mãi khắc ghi mùa hè 2004 diệu kỳ.

Chelsea 2012
Vô địch như một câu chuyện manga

Dũng Phan

Đấy là một chức vô địch Champions League kỳ lạ, chức vô địch của một đội bóng điêu tàn vì chấn thương, thẻ phạt, của một đội bóng đã thay tướng giữa dòng, của một đội bóng đã đối diện những nghi ngờ và xem thường, nhưng đội bóng ấy đã vượt qua những kẻ mạnh hơn mình nhiều lần để chiến thắng và để hạnh phúc. Chức vô địch của kẻ yếu nhưng là kẻ lì lợm, của kẻ chịu rất nhiều bất công nhưng vẫn luôn bền chí, của nhân vật chính trong bộ manga có tên là: "Chelsea - Champions League 2012".

Manga (tiếng Nhật: kanji: 漫画, hiragana: まんが, katakana: マンガ, Hán-Việt: mạn họa) là một từ trong tiếng Nhật để chỉ về truyện tranh hay tranh biếm họa. Khi phổ biến ra thế giới, manga được định nghĩa là những truyện tranh xuấtxứ từ Nhật Bản. Truyện tranh Nhật Bản thường khai thác khá nhiều về đề tài thể thao, ví dụ bóng đá có Tsubasa, Jindo, bóng rổ có Slamdunk, bóng chuyền có Haikyuu, bóng chày có Major... Những câu chuyện manga đó thường có một motip chung, đấy là kể về một tập thể bóng đá có xuất phát điểm thua kém những tập thể khác, nhưng có những cá nhân nỗ lực biết vươn mình đứng dậy. Họ dù chịu bất công vẫn nỗ lực chiến đấu, và rồi chiến thắng bằng những kịch bản chỉ có trong... truyện tranh: hấp dẫn, thi vị, không tưởng và đẹp đến rơi nước mắt. Champions League có một mùa giải tựa câu chuyện như thế, đấy là mùa giải 2011-12. Và hôm nay tôi sẽ kể cho các bạn câu chuyện bóng đá manga có thực ấy.

Chelsea, về cơ bản không phải là một đội bóng bình phàm trong bình diện nước Anh. Họ vẫn là một cái tên có tính lịch sử và

không thiếu những chức vô địch. Nhưng sự phủ sóng đến với Chelsea chưa được như Manchester United, Arsenal, Tottenham hay Liverpool. Mãi cho đến năm 2003, khi tỷ phú người Nga là Roman Abramovich mua lại Chelsea và cứu rỗi đội bóng này thoát khỏi khủng hoảng, thì câu chuyện về Chelsea mới được rẽ sang hướng khác. Tuy nhiên, xin nói thẳng, giá trị của "The Blue" rất khác so với những đội bóng trọc phú mới nổi khác. Trước khi chiến thắng, họ tạo nên phong cách trước.

Roman Abramovich đã đưa về Stamford Bridge hai người quan trọng, một người là "Khổng Minh" của thế giới bóng đá: Giám đốc điều hành Peter Kenyon, có nhiệm vụ vạch ra sách lược và nâng tầm Chelsea ở tầm quản trị vĩ mô. Và người kia đến sau đấy một năm, chính là huấn luyện viên Jose Mourinho, nhà vô địch Champions League với FC Porto, vị huấn luyện viên được thèm khát nhất thế giới, và cực kỳ tân thời trong thời điểm ấy. Mourinho mang trách nhiệm xây nên một nền móng cơ bản cho Chelsea. Kết quả sau 3 mùa giải, ông đã tạo ra đội bóng của những gã đàn ông rắn rỏi, lì lợm và rất khó bị đánh bại. Quan trọng nhất, Mourinho tạo ra một trục dọc, một "xương sống" sẽ đi theo Chelsea xuyên suốt một thập kỷ kể cả khi ông không còn ở Chelsea nữa. Họ bao gồm 4 người trải dài từ dưới lên trên, đấy là thủ môn Petr Cech, hậu vệ John Terry, tiền vệ Frank Lampard và tiền đạo Didier Drogba. 10 năm, Stamford Bridge chứng kiến bao nhiêu siêu sao đến và đi, chỉ có bộ khung này không bao giờ thay đổi. Trục dọc này là gốc rễ căn bản nhất định hình ra Chelsea, gây dựng nên một Chelsea của những gã đàn ông rắn rỏi, tạo nên những trận đấu bất hủ với Barcelona, một "sư tử xanh" được mến mộ từ khắp nơi trên thế giới.

Máu, mồ hôi và nước mắt cũng đã chảy ra rất nhiều trên khuôn mặt của những gã đàn ông ấy. Người ta không bao giờ quên được những giọt nước mắt của John Terry sau cú trượt chân trên thủ đô Moscow, Nga năm 2008. Làm sao mà quên được hình ảnh của chàng trai người Đức Michael Ballack quỵ gối trong cơn mưa tầm tã khi thấy Terry sút trượt. Làm sao quên được cái gục đầu khóc tức tưởi của William Gallas khi "bàn thắng ma" của Luis Garcia được công nhận ở bán kết Champions League 2004-05. Và làm sao quên được sự uất hận đến cực độ trong trận bán kết lượt về năm 2009 với Barcelona, còn bi kịch nào lớn hơn bi kịch hôm ấy? Còn hình ảnh nào phản chiếu sự phẫn uất cho Chelsea như cảnh Ballack chạy đuổi theo trọng tài Tom Henning Ovrebo mà bất lực, cảnh Drogba đứng trước máy quay gào thét và không cần phải giữ mồm giữ miệng nữa vì sự tức giận đã vượt lên hết thảy. 8 năm tròn từ ngày Cech - Terry - Lampard - Drogba đứng cùng nhau

trên một chiến tuyến, bất công và thất bại, nước mắt và những lần tức tưởi thay nhau giáng xuống tập thể đó. Ép những người hâm mộ Chelsea đến cực độ của sự đau đớn và mỏi mệt, như ánh nhìn lên trời đầy bàng hoàng của Ashley Cole sau cú ra chân của Iniesta.

Mùa giải 2011-12 đến khi "bộ tứ" và Ashley Cole đều đã đi qua tuổi 30, Chelsea cũng đã chia tay Ballack, Joe Cole, đã xa Makelele, Damien Duff từ rất lâu, cũng không còn Ricardo Carvalho nữa. Đội bóng lại còn chấm dứt hợp đồng với Carlo Ancelotti để đưa về André Villas-Boas, khi ấy mới 33 tuổi nhưng vừa ăn 3 với Porto và được đánh giá là "Mourinho đệ nhị". Chúng ta không cần nói nhiều về lựa chọn sai lầm này của Chelsea cho chiếc ghế của huấn luyện viên Villas-Boas, nhưng vị huấn luyện viên người Bồ Đào Nha đã ký được 3 chữ ký quan trọng. Cả ba cầu thủ được ông mang về đều có một ý nghĩa rất lớn với Chelsea. Đấy chính là tiền vệ Juan Mata - cầu thủ Chelsea hay nhất mùa giải 2011-12, linh hồn của chiến thắng kỳ vĩ ở Champions League 2012. Người thứ hai là một ánh sao băng đến và đi chỉ trong một mùa giải, nhưng ký ức về anh thì vĩnh viễn nằm lại ở Stamford Brige, đấy chính là Raul Meireles. Và người cuối cùng là một bản hợp đồng ở tương lai mà Villas-Boas không bao giờ được chứng kiến, đấy chính là Thibaut Courtois, người lập tức được mang cho Atletico Madrid mượn.

Mùa giải 2011-12 là mùa giải vứt đi của Chelsea ở đấu trường quốc nội, khi Villas-Boas không thể quản lý được phòng thay đồ, còn trên sân cỏ thì đẩy đội nhà tụt xuống thứ 5 trên bảng xếp hạng. Để rồi đến vòng 27 Ngoại hạng Anh, sau khi Chelsea để thua 0-1 trên sân của West Bromwich thì quyết định sa thải André Villas-Boas được thông qua. Trợ lý Roberto di Matteo, một cái tên về sau sẽ đi vào sử sách, nắm đội một cho đến hết mùa giải. 7 ngày sau khi nhậm chức, Di Matteo nhận nhiệm vụ gian nan đầu tiên là phải đánh bại Napoli trong trận lượt về vòng 16 đội Champions League. Trước đó, Chelsea đã để thua 1-3 ở lượt đi. Không ai tin rằng một đội bóng hoang tàn, một tập thể vừa thay một ông tướng non kinh nghiệm ấy lại có thể lội ngược dòng. Nhưng đấy chỉ là ngọn núi đầu tiên mà Chelsea 2012 phải vượt qua trong hành trình hoang đường đó.

Stamford Bridge ngày 15-03-2012, "The Blues" tiếp đón Napoli với tỷ số 1-3 sau khi bóng lăn. Roberto Di Matteo đem vào sân đầy đủ Ashley Cole, Michael Essien, Frank Lampard và Didier Drogba. Cần nhớ, thời gian chỉ trước đấy một tháng khi Villas-Boas nắm quyền, ông đã công khai từ chối những công thần này, đẩy mâu

thuần với Frank Lampard lên đến đỉnh điểm. Nhưng Di Matteo thì không làm điều rồ dại ấy, Chelsea có những người đàn ông mang đầy bản lĩnh trận mạc ở Champions League, chỉ có kẻ điên mới không sử dụng họ. Napoli cũng không phải tầm thường, họ có đầy đủ anh tài như Lavezzi, Hamsik, và đặc biệt là Edinson Cavani. Nhưng Chelsea là tập thể của những người đàn ông lì lợm. Phút 29, Ramires tạt bóng, Drogba lao người đánh đầu và 1-0 cho Chelsea. Sang hiệp 2, cũng thêm một cú lắc đầu nữa, và lần này là của John Terry từ đường chuyền của Lampard. Nếu tỷ số này được giữ nguyên, Chelsea sẽ vào vòng sau nhờ bàn thắng trên sân khách. Nhưng cái số của Chelsea 2012 là phải làm đau tim người hâm mộ, và đến phút 58 thì Napoli có bàn rút ngắn tỷ số xuống 1-2, cũng là bàn thắng để giật lại tấm vé từ đội bóng thành London. Chelsea điên cuồng lao lên tấn công, và trong một pha hãm thành của Chelsea, bóng chạm tay Lavezzi. Trọng tài không ngần ngại chỉ tay lên chấm phạt đền. Lampard, biểu tượng cho bản lĩnh kinh hoàng của Chelsea năm ấy bước lên nhận nhiệm vụ. 3-1 cho Chelsea, tỷ số 2 trận là 4-4 và hai đội đến với hiệp phụ. Hiệp phụ chứng kiến một cận vệ khác của Chelsea làm người hùng, đấy chính là Branislav Ivanović với cú sút tung nóc lưới ở phút cuối hiệp phụ thứ nhất. 4-1 cho Chelsea, Stamford Brigde chứng kiến màn lội ngược dòng vĩ đại nhất lịch sử Chelsea kể từ khi đội bóng thành London tham dự Champions League.

Lá thăm may mắn đưa họ đến với cái tên Benfica ở tứ kết, nơi "ánh sao băng" Raul Meireles tỏa sáng và đưa Chelsea đến với vòng bán kết gặp đối thủ duyên nợ, gã khổng lồ với món tiqui-taca đang làm mưa làm gió khắp hang cùng ngõ hẻm, đội bóng gợi lại cho họ niềm uất hận cách đó 3 mùa giải: Barcelona. Chẳng ai nghĩ Chelsea có thể vượt qua được gã khổng lồ đáng sợ này, đấy là xin nhấn mạnh, Barca này là đương kim vô địch Champions League, và năm dương lịch 2012 còn chứng kiến Messi thăng hoa rực rỡ với 91 bàn thắng - kỷ lục mọi thời đại. Nhưng như đã nói, đây là câu chuyện manga, và nó sẽ có những kết thúc thuộc về tấm gương của kẻ vượt khó.

Lượt đi chứng kiến một Chelsea kiểu Mourinho được sống dậy dưới bàn tay của Di Matteo: vững chãi trong thế trận, chắc chắn trong phòng ngự, sắc sảo khi tấn công, và 1-0 là đủ. Phải nhấn mạnh, nguyên cả hiệp 1 chứng kiến Chelsea chịu trận trước những pha bắn phá của đối thủ. Nhưng đến phút bù giờ thứ hai, Frank Lampard đoạt bóng từ Messi ở giữa sân, tung ra đường chuyền dài nhạy cảm cho Ramires thoát xuống, anh đẩy bóng vào cho Drogba ra chân rất nhanh, hạ gục thủ thành Víctor Valdés. Sang hiệp 2, Chelsea co cụm giữ tỷ số và họ đã được ước nguyện

dù phút chót cũng phải run rẩy khi bóng tìm đến cột dọc Cech sau cú sút của Pedro.

Nhưng sân khấu của cặp đấu kinh điển này là ở Nou Camp, vẻ đẹp của trận đấu này là ở Nou Camp, và bi tráng của câu chuyện mà Chelsea sẽ tạo nên chính là ở Nou Camp. Nou Camp huyền thoại chứng kiến thầy trò Pep Guardiola đan bóng chóng mặt để nhanh chóng khuất phục Chelsea chỉ sau 35 phút. Người ghi bàn mở tỷ số là Busquest. Khi Chelsea còn chưa kịp định thần thì đội trưởng John Terry tăng thêm độ khó cho team khi nhận lãnh thẻ đỏ vì tội đánh nguội với Alexis Sanchez. Đến phút 43, Barca cụ thể lợi thế hơn người khi Iniesta nâng tỷ số lên 2-0. Vâng, xin mời bạn tưởng tượng lại hoàn cảnh bi đát của Chelsea khi ấy: thi đấu với 10 người, bị dẫn trước 2-0 giữa Nou Camp, đội hình chắp vá, còn đối thủ đang đá tiqui-taca và "quái vật" Lionel Messi, chưa kể còn đầy đủ "cặp sen đầm" Xavi - Iniesta đập nhả bên dưới. Trừ phi là trong truyện tranh, chứ ai mà thắng được?

Vậy mà trong sát-na mong manh của chiến thắng và vỡ trận ấy, thì Chelsea đã ghi được bàn thắng thần kỳ từ cú lốp bóng không tưởng của Ramires ở tình cảnh ngàn cân treo sợi tóc. Người chuyền bóng, vẫn là Lampard (khi ấy trên tay anh đang là chiếc băng đội trưởng thay cho Terry). Tấm băng caption đó về sau sẽ là biểu trưng của một vị thần bảo hộ Chelsea. Người xốc nách toàn bộ đội bóng đứng dậy, giữa va chạm vẫn chỉ thẳng tay vào mặt từng kẻ gây sự để bảo vệ sự tôn nghiêm cho màu áo, và khiến các đồng đội xung quanh phải lao lên cùng và chiến đấu đến cùng. Những gì tiếp theo là một thước phim bi tráng. Chelsea bị thổi phạt 11m, nhưng trên chấm 11m đó, Messi đã không thắng được Cech. Cùng với đó là vô số những lần chạm cột, chạm xà và những lần Cech liều mình đẩy bóng ra. Tin nổi không? CLB xứ Catalunya đã kiểm soát bóng lên đến 72% và tung ra 24 cú dứt điểm. Nhưng cả đội Chelsea đá như để chết trong việc bảo vệ khung thành của Cech. Gary Cahill bị chấn thương phải rời sân từ phút 12, Lampard thẻ vàng, Cech thẻ vàng, Mikel thẻ vàng, Ivanovic, Raul Meireles cũng thẻ vàng. Hình ảnh Raul Meireles vừa chắp tay, vừa cười lấy lòng, vừa van xin trọng tài Cuneyt Cakir đừng rút thẻ vàng anh thật sự vừa buồn cười lại vừa đau lòng. Chiếc thẻ vàng ấy đồng nghĩa với việc chàng trai này sẽ không được chơi trận chung kết vì đã nhận đủ 3 thẻ vàng. Raul Meireles chỉ ở Chelsea một mùa giải, nhưng là động cơ chiến đấu không biết mỏi mệt cho tuyến giữa của "The Blues". Không chỉ có anh mà còn Ivanovic, Ramires, Terry, tất cả họ đều vắng mặt ở trận chung kết, chỉ vì họ liều mình bằng tất cả mọi cách để Chelsea có được tấm vé nâng cao chức vô địch một lần nữa. Và rồi, đúng phút 90+2 chứng kiến nốt nhạc

vút cao đầy cảm xúc từ đôi chân và những bước chạy của Fernando Torres. Khi Barca đang tràn cả lên thì bóng đã được phá về phía khung thành Barca, Torres như có linh tính cứ chạy về phía trước, một pha khống chế bóng mẫu mực, một đường dốc bóng bỏ lại sau lưng Puyol rượt theo đầy tội nghiệp, một cú ngoặt bóng vừa tầm để loại bỏ Valdes. Và rồi lưới rung lên, người Catalan chết lặng, người London gầm lên hạnh phúc, còn Torres chạy về cuối góc sân ăn mừng đầy cảm xúc. Bàn thắng ấy là sự trả thù của 3 năm trước, là màn báo thù cho 8 năm đằng đẵng những bất công, là tiếng gầm vút lên mây xanh của Chelsea. Bàn thắng ấy không phải là bàn thắng để quyết định cho Chelsea đi tiếp (dù thua 1-2 thì họ vẫn vào bán kết), nhưng đấy là cú đấm của sự báo thù, là tiếng nói dõng dạc của một chiến thắng xứng đáng, là màn ăn mừng đã đánh đổi bởi máu, nước mắt, mồ hôi của rất nhiều con người ở Chelsea đã đến và đã đi từ năm 2003 đến 2012, là Mourinho, là Ballack, là Makelele, là Carvalho, là Avram Grant hay Guus Hiddink, và trên tất cả là ông chủ của họ, người đã đến vì những tính toán chính trị, cho đến ngày yêu Chelsea không vụ lợi, không điều kiện: Roman Abramovich. Mãi cho đến tận hôm nay, những bước chạy, bước nhảy của Torres vẫn còn như ngày hôm qua đối với người hâm mộ bóng đá.

1 thẻ đỏ, đá với 10 người nhưng cản 1 quả penalty và ghi 2 bàn. Đấy là manga, không phải bóng đá. Nhưng đấy là Chelsea, Chelseal của năm 2012 bất tử.

Chelsea đã đánh đổi cho tấm vé vào trận chung kết bằng những cái giá rất đắt, cho cái ngày báo thù được Barca bằng tất cả những gì họ có trong tay. Họ mất người quá nhiều từ chấn thương đến thẻ phạt, nhưng họ gieo vào trong lòng những người lành lặn một niềm tin, đã khiến David Luiz sẵn sàng tiêm thuốc giảm đau và dọa giết cả bác sĩ nếu không được vào sân. Huấn luyện viên Di Matteo đã âm thầm làm một video lời chúc của những người trong gia đình cầu thủ và phát trước trận. Những cầu thủ Chelsea xem và rơm rớm nước mắt. Đây là đội ngũ sinh ra để vô địch như manga.

Allianz Arena vào ngày 20-05-2012 cũng là một bản bi hùng ca khác của một Chelsea như bước ra từ truyện tranh. Đối thủ của họ, xin thưa, chính là chủ nhà của sân bóng tổ chức trận chung kết, là "ngáo ộp nước Đức" Bayern Munich. Đội bóng nước Đức có đầy đủ binh hùng tướng mạnh, đối đầu với Chelsea mất hết cả thủ lĩnh và động cơ. Bayern Munich của chung kết cũng như Barcelona ở bán kết, tràn lên như để "ăn tươi nuốt sống" đối thủ, họ ép Chelsea tội nghiệp phải co cụm phòng ngự. Mỗi cú ra chân

của "chủ công" Mario Gómez, mỗi pha dứt điểm của Franck Ribéry hay Arjen Robben, mỗi đường câu bóng của Toni Kroos là mỗi lần trái tim fan hâm mộ Chelsea lại nẩy lên một nhịp. Giữa khung cảnh loạn lạc ấy, Petr Cech nổi lên như một thiên thần hộ mệnh. Với chiếc mũ bảo hộ màu đen và bộ đồ màu trắng, anh đẩy hết tất cả mọi đường bóng của đối thủ, tạo sự yên tâm tuyệt đối cho người hâm mộ Chelsea. Trận đấu cũng là một khúc ca của Ashley Cole, người hậu vệ cánh xuất chúng nhất trong lịch sử bóng đá Anh đã thi đấu như để chết. Người Chelsea đá lúc ấy là bằng tinh thần. Kể cả khi Thomas Mueller đánh đầu mở tỷ số vào phút 82, một khoảng thời gian coi như "hết gỡ", thì Mata vẫn động viên Drogba giữ lấy niềm tin, Lampard vẫn nghiến răng xông lên cùng tấm băng đội trưởng, và định mệnh lần thứ 2 chọn lựa Torres cho thời khắc của "chân mệnh thiên tử". Torres không hay ở Chelsea, nhưng không có Torres thì không có những thời khắc bất hủ của Chelsea ở Champions League. Tiền đạo Tây Ban Nha kiếm được quả phạt gót ở phút 88, nơi Mata thực hiện đường treo bóng để "Voi rừng" huyền thoại dũng mãnh băng cắt đánh đầu gỡ hòa 1-1. Người Chelsea lại một lần nữa chết đi sống dậy. Từ bán kết đến chung kết, Chelsea 2012 không dành cho kẻ yếu tim và huyết áp cao.

Khi hai đội kéo vào hiệp phụ, người hùng Didier Drogba lại một lần nữa gieo sầu cho cổ động viên nhà. Nếu như ở bán kết anh phạm lỗi với Fabregas dẫn đến quả 11m của Barca, thì lần này anh dùng chân đá sau Franck Ribery trong vòng cấm để cho Bayern được hưởng phạt đền. Đấy đã là hiệp phụ, đấy đã là lúc nhiều người hâm mộ Chelsea nghĩ rằng mọi thứ đã hết. Nhưng cái số mệnh của Drogba hình như không tốt với đối thủ cho lắm. Vòng trước Drogba cho penalty nhưng Messi đá hỏng, vòng này Drogba tiếp tục cho penalty thì đến lượt Robben thất bại. Là vì anh được sao chiếu mệnh sẽ là người hùng, không thể là tội đồ, hay bởi vì anh luôn tin tưởng người bạn Petr Cech của mình? Giống như cách cả đội bóng rổ Shohoku trong Slamdunk đã luôn tin tưởng Hanamichi. Các cầu thủ luôn sẵn sàng ném rổ trong mọi tình huống, vì họ có một niềm tin bất diệt vào khả năng bắt bóng bật bảng của Hanamichi. Bởi dù trong tình huống khó khăn nhất, Hanamichi cũng sẽ lấy được quả bóng và trả về cho đồng đội. Người Chelsea đã chơi với một thứ bóng đá như vậy, đã phòng ngự với niềm tin dồn cả cho Petr Cech, mọi cú dứt điểm dù khó đến đâu, mọi quả phạt đền dù có đến chăng nữa thì vẫn có Cech, anh sẽ cản được, sẽ đưa bóng lên, và Chelsea sẽ chiến thắng.

120 phút kết thúc với tỷ số hòa 1-1, đẩy hai đội vào loạt penalty, cũng là nơi Cech một lần nữa đứng ra gánh trên vai cả tập thể.

Thêm một lần nữa, bộ phim Chelsea đẩy kịch tính lên cao trào bằng việc Joan Mata - cầu thủ hay nhất mùa của Chelsea sút hỏng ngay quả đầu tiên. Vậy mà Cech đã chiến thắng hai cú sút cuối cùng của Bayern Munich, nên nhớ, đối thủ của anh là những người Đức lạnh lùng. Cú plot twist này kết thúc bằng cảnh Drogba sút quả penalty quyết định. Những gì còn lại là giọt nước mắt hạnh phúc và lời trả nợ số phận của màu áo xanh.

Chức vô địch ngọt ngào của Chelsea

Khi chữ "Chelsea" được khắc lên chiếc Cup tai to, người hâm mộ bóng đá lắng lại một nhịp, thứ duy nhất họ có thể nói vào lúc ấy có lẽ cũng chỉ là mấy chữ: bóng đá đẹp quá! Còn hành trình mà Chelsea đi của năm 2012 ấy, nếu không thể viết bằng một câu chuyện manga, thì tôi xin dành tặng bạn một chương sách này vậy.

Lời cảm ơn

Tôi đến với cuốn sách này là một sự tình cờ, khi mọi thứ vốn đã được hoạch định trước khi anh Trần Thanh Quyết đặt lời mời đến tôi. Nhưng khi nhận lời tham gia dự án, tôi đã quyết định mình phải làm một điều gì đó, vì ý tưởng cuốn sách này tuyệt vời quá. Bởi tôi muốn cuốn sách này không chỉ là một biên niên sử, mà nó cần phải vươn cao lên như khúc nhạc hiệu Champions League: nó phải có khí phách.

Tôi muốn gửi lời cảm ơn đến anh Trần Thanh Quyết, Phó Giám đốc THBooks vì một sự tin tưởng không chau mày đã luôn dành cho tôi. Tôi muốn cảm ơn đến người anh đã đồng hành với tôi trong suốt hành trình này, người chủ biên đầu tiên, ý tưởng đầu tiên: anh Vũ Hoàng.

Ngoài ra, tôi xin cảm ơn anh Vũ Anh Tuấn - admin "Inter club Vietnam", người đã cho tôi những góp ý quý báu, những lần xông pha trong những bài viết với một cái tâm đặt cao nhất cho tác phẩm chỉn chu nhất. Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn chân thành khác đến những người anh, người bạn, người em đã nhận lời đồng hành cùng chúng tôi đi trong cuốn sách này, những tác giả tuyệt vời đã gửi đến đây những bài viết tâm huyết nhất, mà đôi khi một từ cảm ơn là không đủ.

Và cuối cùng, xin cảm ơn bạn vì đã cầm trên tay cuốn sách này!

Thay mặt nhóm biên soạn

Dũng Phan